

TRẦN HƯNG ĐẠO
(Vương hủy TRẦN QUỐC TUẤN)

BINH THƯ YẾU LƯỢC



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

BINH THƯ YẾU LƯỢC

BINH THƯ YẾU LƯỢC

BINH THƯ YẾU LƯỢC
HỒ TRƯỞNG KHU CƠ
(*Tái Bản*)

Người dịch : NGUYỄN NGỌC TỈNH
ĐỖ MỘNG KHƯƠNG

Hiệu đính : GS. ĐÀO DUY ANH

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

LỜI GIỚI THIỆU

Theo *Dại Việt sử ký toàn thư*, Trần Quốc Tuấn có soạn một bộ sách quân sự là *Binh gia diệu lý yếu lược*⁽¹⁾ để giáo dục các tướng sĩ phép dùng binh. *Lịch triều hiến chương loại chí* (phần Văn tịch chí) cho biết Trần Quốc Tuấn đã soạn sách *Binh gia yếu lược* và sách *Vạn kiếp binh thư*⁽²⁾.

Nhiều người cho rằng *Binh gia diệu lý yếu lược* hay *Binh gia yếu lược* chỉ là một, cũng như *Vạn kiếp tôn bí truyền thư* hay *Vạn kiếp binh thư* chỉ là một. Nhiều người lại cho rằng *Binh gia yếu lược* và *Binh thư yếu lược* cũng chỉ là một.

Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết *Binh gia yếu lược* và *Vạn kiếp binh thư* đã thất lạc từ lâu.

Ở Thư viện Khoa Học Xã Hội hiện nay có một bộ sách chữ Hán chép tay mang ký hiệu 476 đề là *Binh*

⁽¹⁾ *Dại Việt sử ký toàn thư*, t.II, tr. 82, bản dịch của Viện Sử học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội

⁽²⁾ *Lịch triều hiến chương loại chí*, t. IV (Văn tịch chí), tr 120, Nhà xuất bản Sử học

thư yếu lược. Trang đầu bộ sách này ghi rõ rằng: “*Binh thư yếu lược* bốn quyển do Trần Hưng Đạo vương soạn, vương huý là Quốc Tuấn”.

Binh thư yếu lược mang ký hiệu 476 gồm bốn quyển. Quyển I gồm có chín chương là: 1. Thiên tượng, 2. Tuyền mộ, 3. Tuyền tướng, 4. Tướng đạo, 5. Giản luyện, 6. Quân lễ, 7. Mạo hạ, 8. Binh cụ, 9. Hiệu lệnh. Quyển II có mười một chương là: 1. Hành quân, 2. Hướng đạo, 3. Đồn trú, 4. Tuần canh, 5. Quân tư, 6. Hình thế, 7. Phòng bị, 8. Xem mưa gió, 9. Bình trướng, 10. Dụng gián, 11. Dụng trá. Quyển III có bảy chương là: 1. Liệu địch, 2. Dã chiến, 3. Quyết chiến, 4. Thiết kỳ, 5. Lâm chiến, 6. Sơn chiến, 7. Thuỷ chiến. Quyển IV cũng có bảy chương là: 1. Công thành, 2. Thủ thành, 3. Đột vây, 4. Cứu ứng, 5. Lui tránh, 6. Được thua, 7. Đầu hàng.

Trong *Binh thư yếu lược* thì quyển II, quyển III và quyển IV có nhiều đoạn rút ra từ *Hổ trướng khu cơ* của Đào Duy Từ⁽¹⁾, một nho sĩ có tài kinh bang tế thế đã giúp chúa Nguyễn Phúc Nguyên (chúa Phật) xây dựng cơ đồ hồi nửa đầu thế kỷ XVIII ở Đường trong. Những đoạn này, có đoạn ghi rõ là đã rút ra từ *Hổ trướng khu cơ*, có nhiều đoạn tuy lấy từ *Hổ trướng khu cơ*, song lại

⁽¹⁾ Có thuyết cho *Hổ trướng khu cơ* do Cao Khuê, môn đệ của Đào Duy Từ, căn cứ vào những điều Đào Duy Từ truyền thụ cho mà soạn ra

không có chú thích gì cả. Ở quyển IV (*Binh thư yếu lược*) có mục “Phép làm hỏa tiễn chứa thuốc độc”; ở *Hổ trướng khu cơ* cũng có mục “Phép làm hỏa tiễn chứa thuốc độc”. Nguyên văn chữ Hán ở *Binh thư yếu lược* cũng như *Hổ trướng khu cơ* đều là “Hoả tiễn trữ độc pháp”. Liều lượng các vị thuốc dùng để chế hỏa tiễn ở *Binh thư yếu lược* và ở *Hổ trướng khu cơ* giống hệt nhau. Mở đầu mục “Phép làm hỏa tiễn chứa thuốc độc” trong *Binh thư yếu lược*, có đoạn văn như sau: “Phàm ít không địch được nhiều, yếu không địch được mạnh, đó là lẽ thường. Nhưng *Binh pháp* có nói: Người giỏi đánh làm thế địch không thể thắng để đợi thế địch mà mình có thể thắng. Cho nên cầm quân ba nghìn chống giặc năm đường, phỏng ở đồng ruộng đường dài, giặc đem cả nước sang đánh, thì lấy cái gì mà chống được? Nên dùng phép “hỏa tiễn chứa thuốc độc”. Đoạn văn này ở *Hổ trướng khu cơ* lại nhắc lại nguyên văn như thế, không sai và không thiếu một chữ nào.

Trong *Binh thư yếu lược* có mục “Phép làm súng gỗ”, trong *Hổ trướng khu cơ* cũng có mục “Phép làm súng gỗ”. Trong *Binh thư yếu lược* có mục “Phép đốt đuốc trước gió”, trong *Hổ trướng khu cơ* cũng có mục “Phép đốt đuốc trước gió”, lời văn hai bên giống hệt nhau. Về “Bí pháp làm quả nổ”, “Bí pháp làm quả mù”, “Phép chế hỏa đồng”, “Phép chế hỏa tiễn” (tên lửa), *Binh thư yếu lược* và *Hổ trướng khu cơ* cũng rất giống

nhau. Nếu kể hết những đoạn, những mục giống nhau ở *Binh thư yếu lược* và *Hổ trướng khu cơ* thì nhiều lắm. Chúng tôi chỉ đưa ra một số điểm giống nhau giữa hai bộ sách để các bạn thấy rằng giữa hai bộ sách có nhiều vấn đề cần giải quyết.

Binh thư yếu lược là sách được soạn ra từ thế kỷ XIII, còn *Hổ trướng khu cơ* được viết ra hồi nửa đầu thế kỷ XVII. Thời gian ra đời của hai bộ sách có một khoảng cách đến bốn trăm năm. Tại sao hai bộ sách có những đoạn, những mục giống nhau như lột ? *Hổ trướng khu cơ* đã lấy nhiều đoạn, nhiều mục trong *Binh thư yếu lược* hay ngược lại? Nếu chỉ căn cứ vào yếu tố thời gian thì chúng ta còn thể suy luận rằng khi viết *Hổ trướng khu cơ*, Đào Duy Từ đã rút ra nhiều tài liệu từ *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn. Nhưng nếu căn cứ vào nội dung các đoạn, các mục vừa có ở *Binh thư yếu lược* vừa có ở *Hổ trướng khu cơ*, thì chúng ta phải kết luận rằng chính *Binh thư yếu lược* đã lấy nhiều đoạn, nhiều mục của *Hổ trướng khu cơ*. Tại sao lại như vậy? Mục “Phép chế quả nổ” trong *Binh thư yếu lược* cũng như trong *Hổ trướng khu cơ* đều nói phép làm quả nổ là của người phương Tây. Hồi thế kỷ XVI và thế kỷ XVII theo chân các thương nhân phương Tây, phép làm quả nổ được đem vào Việt Nam, cụ thể là đem vào Đường trong trước. Hồi thế kỷ XIII, trong hai lần chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ, chưa

bao giờ Trần Quốc Tuấn dùng quả nổ đánh quân xâm lược. Hồi thế kỷ XIII, chúng ta cũng chưa từng thấy quân đội nhà Trần sử dụng tên lửa (hoả tiễn) hay tên lửa chứa thuốc độc; trong các trận đánh, chúng ta chỉ thấy quân đội nhà Trần dùng tên tẩm thuốc độc bắn quân Mông Cổ mà thôi. Như vậy rõ ràng là mục “Phép chế quả nổ”, mục “Phép làm hỏa tiễn chứa thuốc độc” cũng như ở nhiều mục, nhiều đoạn khác, đã được một nhân vật nào đó sống sau Đào Duy Từ rút ra từ *Hồ trướng khu cơ* của Đào Duy Từ rồi đưa vào *Binh thư yếu lược*.

Đọc *Binh thư yếu lược*, chúng ta thấy nhiều đoạn không phải là của Trần Quốc Tuấn viết ra từ thế kỷ XIII. Quyển I chương “Tuyển mộ”, mục “Trao quyền cho tướng”, viết: “Các triều Đường, Tống, Minh bị thua cũng vì cơ đó, mà nhà Tống quá tệ, nhà Minh lại tệ hơn. Người bàn về việc nhà Tống thì cho rằng bàn bạc nhiều mà thành công ít; người bàn về việc nhà Minh thì cho rằng nhà Minh mất nước, không mất ở giặc cướp, mà mất ở ngay từ trong cổng ngõ, không mất ở bờ cõi, mà mất ngay từ lời can của đại quan”. Nếu chỉ đọc đoạn trên, chúng ta có thể nghĩ rằng bộ *Binh thư yếu lược* còn lại cho chúng ngày nay đã được một người Việt Nam nào đó hồi thế kỷ XVII hay thế kỷ XVIII sửa chữa, bổ sung hay viết lại. Chúng ta cũng nghĩ như thế khi chúng ta đọc đoạn này của *Binh thư yếu lược*: “Xưa kia

đời vua Thành tổ nhà Minh đánh Mán Miến Điện đem ba mươi vạn quân, hơn một trăm voi đến cướp Định Viễn. Vua Minh sai Mộc Thạch và Anh Mã Thành đi đánh, bắt được voi đem về”. Nhưng đến những câu sau đây, thì chúng ta lại nghĩ rằng *Binh thư yếu lược* đã được bổ sung hay viết lại hồi đầu thế kỷ XIX tức thời Nguyễn sơ: Năm Kỷ Dậu người Thanh sai Tổng đốc Lương Quảng sang nước ta đánh giặc để khôi phục thành nhà Lê. Quân Ngụy Tây bày voi xông trước. Người Thanh làm cản gỗ chống ngựa⁽¹⁾ để cản lại, đào hố để sập voi. Chúc đó rất mầu, song lại thất thủ, vì trong cái mầu có cái chưa mầu”. Những câu sau đây cũng làm cho chúng ta nghĩ như thế: “Như xưa, Tây Sơn Nguyễn Huệ chống nhau với Thạc quân công ở bến Thuý Ái, ra quân theo đường tắt mà vào kinh thành nhà Lê. Chúa Trịnh vừa về miền Tây, thì trong phủ đã dựng cờ Tây Sơn rồi. Năm Kỷ Dậu ngày mồng 5 tháng giêng, Nguyễn Huệ chia quân làm ba đạo cùng với quân Bắc tiếp chiến, mà thủy binh tiến đầu ở sông Nhị Hà, đó là mưu chệt đường về của quân Bắc”.

Những tài liệu kể trên cho phép chúng ta bước đầu kết luận rằng: *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn đến đầu thế kỷ XIX đã được một nho sĩ am hiểu

⁽¹⁾ Một thứ chuồng ngựa vật chữ Hán là mộc mã, dùng để cản đường tiến của voi, ngựa.

quân sự, yêu khoa học quân sự, sửa chữa và bổ sung nhiều. Nho sĩ ấy đã đọc nhiều binh thư của Trung Quốc, đã đọc *Hồ trướng khu cơ* của Đào Duy Từ, rồi trên cơ sở các tri thức về quân sự của mình, nho sĩ ấy đã sửa chữa và bổ sung *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn. Vì vậy *Binh thư yếu lược* là sách do Trần Quốc Tuấn làm ra từ thế kỷ XIII, mà lại có những đoạn nói về cuộc xâm lược của quân Minh đối với Miến Điện, có đoạn nói về cuộc đấu tranh võ trang chống quân Thanh xâm lược do vua Quang Trung lãnh đạo, lại có đoạn nói về những việc xảy ra ở đời Tự Đức.

Kết luận như vậy, tất có người nói: Thế thì tại sao khi soạn *Lịch triều hiến chương loại chí* hồi thế kỷ XIX, Phan Huy Chú lại nói rằng *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn không còn nữa? Chúng ta đều biết rằng thời Phan Huy Chú biên soạn *Lịch trình hiến chương loại chí* là thời nước Việt Nam mới tạm thời ổn định một phần nào⁽¹⁾, sau một thời loạn lạc kéo dài. Rất có thể ở dưới tay Phan Huy Chú, *Binh thư yếu lược* không còn nữa, nhưng ở một nơi nào đó, cụ thể là ở một tủ sách của gia đình một nho sĩ nào đó, *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn có thể vẫn còn hoặc là toàn bộ hoặc là một phần. Tình hình này có thể có được ở một số nước

⁽¹⁾ Chúng tôi nói “tạm thời ổn định một phần nào” vì suốt thời gian từ Gia Long, qua Minh Mạng, Thiệu Trị đến Tự Đức, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra.

mà đường giao thông liên lạc khó khăn như nước Việt Nam hồi đầu thế kỷ XIX. Nho sĩ yêu *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn, đã đem bộ sách này sửa chữa và bổ sung trên cơ sở những tri thức về khoa học quân sự của ông. Do đó, *Binh thư yếu lược* tuy mang tên Trần Quốc Tuấn, vị danh tướng sống vào hồi thế kỷ XIII, mà lại có cả các đoạn trong *Hổ trướng khu cơ* của Đào Duy Từ, và các cuộc chiến tranh xảy ra hồi thế kỷ XV, thế kỷ XVI, thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII.

Đến đây, một vấn đề cần được đặt ra và giải quyết: Trong bộ *Binh thư yếu lược* mà hiện nay chúng ta có, chỗ nào là của Trần Quốc Tuấn, chỗ nào không phải là của Trần Quốc Tuấn ? Đọc *Binh thư yếu lược* chúng tôi thấy có chỗ đã gọi rõ ràng đã lấy từ *Hổ trướng khu cơ*, có chỗ tuy không ghi là lấy từ *Hổ trướng khu cơ*, nhưng đọc *Hổ trướng khu cơ*, chúng ta thấy chỗ ấy có trong tác phẩm của Đào Duy Từ. Những chỗ như thế dứt khoát không phải là của Trần Quốc Tuấn. Cũng không phải là của Trần Quốc Tuấn những đoạn chép về các sự kiện xảy ra về các đời Minh, đời Thanh, hay đời Tây Sơn. Như vậy không có nghĩa là những đoạn khác trong *Binh thư yếu lược* là của Trần Quốc Tuấn cả. Chúng tôi cho rằng có thể là của Trần Quốc Tuấn trước hết những đoạn rút ra từ phép dùng binh của Tôn Vũ và Ngô Khởi. Cũng là của Trần Quốc Tuấn những đoạn mà tư tưởng phù hợp với tư tưởng của ông đã trình bày

trong *Hịch tướng sĩ* hay với lời của ông nói với vua Trần Anh Tông khi nhà vua đến thăm ông ở nhà riêng tại Vạn Kiếp hồi tháng Tám năm Kỷ Hợi (1300).

Chúng ta đều biết rằng tháng Tám năm Kỷ Hợi, Trần Quốc Tuấn bị bệnh nặng, vua Trần Anh Tông thân chinh đến nhà riêng của ông để thăm ông và hỏi ông về kế sách giữ nước. Trần Quốc Tuấn có nói với vua Anh Tông như sau: “Đại khái quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tầm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì mình phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút được quân lính như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Và phải khoan dùng sức dân để làm cái kế sâu rĩ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước không còn gì hơn”. Phải “thu hút được quân lính như cha con một nhà”, “phải khoan dùng sức dân để làm cái kế sâu rĩ bền gốc”, những tư tưởng đó hoàn toàn phù hợp với những tư tưởng sau đây của *Binh thư yếu lược*: “Dùng trí để phục thiên hạ, mà thiên hạ phải phục trí, nhưng trí vẫn không thắng; dùng pháp (luật) để chế thiên hạ, mà thiên hạ phải theo

pháp (luật), nhưng pháp (luật) cũng không thân. Vậy trí với pháp (luật) không phải là cái hay ở trong cái hay vậy. Bậc thánh vô tri đời, đánh ở chỗ không có thành, công ở chỗ không có lũy, chiến ở chỗ không có trận. Nhe nhàng như mưa rơi ở trên không, dựng nên cuộc đời vô sự". "Hoà mục có công hiệu rất lớn cho cuộc trị an. Hòa ở trong nước thì ít dụng binh; hòa ở ngoài biên thì không sợ có báo động; bất đắc dĩ mới phải phạt kẻ làm xằng. Vua tôi hòa mục thì dùng được người tài; các tướng văn tướng võ hòa mục thì làm nên công nghiệp. Tướng sĩ hòa mục khi được ban thưởng sẽ nhường nhịn nhau, nguy nan sẽ cứu nhau. Đó, hoà mục là một đạo rất hay cho việc trị nước, hành binh, không bao giờ đổi được".

Những ý kiến trên đây của Trần Quốc Tuấn biểu thị rằng ông không những là một nhà quân sự lớn, mà còn là một nhà chính trị lớn. Đó là nhà kinh bang tế thế vậy. Khi vạch ra những nguyên tắc hành động của viên tướng tổng chỉ huy, Trần Quốc Tuấn xuất phát từ tư tưởng nhân nghĩa. Nhân nghĩa là mục đích của đời người cũng tức là mục đích của viên tướng, viên tướng phải đấu tranh cho chính nghĩa, đấu tranh vì lợi ích của nhân dân: "Khí lượng của tướng lớn nhỏ khác nhau. Tướng mà che điều gian, giấu điều họa, không nghĩ đến sự quân chúng oán ghét, tướng ấy chỉ huy mười người Tướng mà sớm dậy khuya nằm, lời lẽ kín đáo, tướng ấy

chỉ huy được trăm người. Tướng thắng mà biết lo, mạnh mà giỏi đánh đó là tướng chỉ huy được nghìn người. Tướng mà ngoài mặt hăm dọa, trong lòng ân cần, biết người khó nhọc, thương kẻ đói rét, đó là tướng chỉ huy được vạn người. Tướng mà gần người hiền, tiến người tài, ngày thường cẩn thận, thành thực rộng rãi, giỏi việc dẹp loạn, đó là tướng chỉ huy được mười vạn người. Tướng mà dùng nhân ái đối với kẻ dưới, lấy tín nghĩa để phục nước láng giềng, trên biết thiên văn, dưới biết địa lý, giữa biết việc người, coi bốn biển như một nhà, đó là tướng chỉ huy được cả thiên hạ không ai địch nổi". Ở đây, tác giả *Binh thư yếu lược* đã vượt hẳn khuôn khổ một viên tướng tổng chỉ huy, mà trở thành một nhân vật có tài kinh bang tế thế, ở triều đình thì là tướng văn, ở ngoài mặt trận là tướng võ kiêu như Gia Cát Lượng vậy.

Giai cấp đại quý tộc đời Trần thường biết đoàn kết với nhau. Ở những phương diện nhất định, lợi ích của giai cấp đại quý tộc nhất trí với lợi ích của nhân dân. Vua và các vương hầu đều chú ý đến nông nghiệp, công nghiệp. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp nhờ vậy mà phát triển. Tình hình trên cũng thấy phản ánh trong *Binh thư yếu lược*: "Thương người, dốc chí làm việc thì được sự yên mến. Nghe lời nói phải, xa kẻ gièm pha, thì người xa đến với mình. Đo tính trước sau rồi mới làm, đó là để phòng khi có biến cố. Có tội phải răn,

có công phải thưởng mới có thể uốn nắn được người. Thông việc trước, suốt việc sau mới có thể giáo dục được quần chúng. Rẻ sắc đẹp, trọng con người mới được lòng dân. Bỏ lợi tư theo lợi chung mới giữ được nước”, “Thanh liêm của cải, tiết kiệm tiêu dùng, ít say về rượu, giữ mình theo lễ, thờ bề trên cho trung, có việc lo chung với quần chúng, lấy của địch mà không tích trữ (cho mình), bắt phụ nữ địch mà không lưu dùng (cho mình)”.

Trần Quốc Tuấn thương yêu tướng sĩ, luôn luôn sẵn sàng đến đời sống của tướng sĩ. Trong *Hịch tướng sĩ*, ông tuyên bố: “Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì ta thăng thưởng, lương ít thì ta tăng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ thì cùng nhau vui cười”. Tinh thần đồng cam cộng khổ này của Trần Quốc Tuấn cũng thấy biểu hiện trong *Binh gia yếu lược*: “Trong quân có người ốm, tướng phải thân hình đem thuốc đến chữa, trong quân có người chết, tướng phải thương xót, đau buồn, quân đi thú xa, thì (tướng) phải sai vợ con đến thăm hỏi. Phàm có khao thưởng thì phải chia đều có quan và quân. Khi có cất đặt chức vị gì, thì phải họp cả tướng tá lại để bàn. Mưu đã định rồi mới đánh giặc; cho nên tướng với quân có

cái ơn hòa rượu và hút máu”⁽¹⁾.

Trần Quốc Tuấn hiểu rõ rằng không tranh thủ được sự đồng tình của các tướng sĩ, thì không thể động viên các tướng sĩ đánh giặc được. Như chúng ta đều biết, Yết Kiêu, Dã Tượng là gia nô của Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão là gia khách của ông. Yết Kiêu, Dã Tượng, cũng như Phạm Ngũ Lão đều hăng hái chiến đấu chống quân Mông Cổ, và đều lập được nhiều chiến công quan trọng. Họ đã vì Trần Quốc Tuấn mà quên mình chiến đấu. Yết Kiêu, Dã Tượng và Phạm Ngũ Lão sẵn dĩ gắng sức ở nơi trận mạc, một phần là vì họ yêu nước, nhưng một phần khác cũng vì họ được Quốc Tuấn đãi ngộ như cha với con. Việc quan tâm đến đời sống của các tướng sĩ cũng thấy biểu hiện trong *Binh thư yếu lược*: “Cho nên quân sĩ có cái vui mổ trâu, nấu rượu, cái khí thế ném đá vượt rào, họ yêu mến tướng như con em yêu mến cha anh, như chân tay giữ gìn đầu mắt, không ai có thể ngăn nổi họ. Nếu đối xử khát khe làm cho họ đau khổ, bắt họ làm những công việc quá

⁽¹⁾ Sách Hoàng Thạch Công chép rằng: Có một vị tướng tài có một vò rượu ngon do một người đến biếu, ông đem vò rượu ấy đổ xuống sông hòa với nước, rồi cho tướng sĩ đến dòng nước mà uống. Ba quân đều được uống rượu, vì vậy ai nấy đều gắng sức chiến đấu. Ngô Khởi nổi tiếng là người giỏi dùng binh. Có người lính có cái nhọt đang nung mủ, Ngô Khởi ghé mồm vào nhọt mà hút máu mủ. Người lính cảm động, càng ra sức chiến đấu (*Binh thư yếu lược*)⁽¹⁾

nặng nhọc thì tiếng oán thù không sao cho hết. Tướng mà coi quân sĩ như cỏ rác, thì quân sĩ coi tướng như cừu thù. Mong cho họ sung vào hàng ngũ cũng còn khó, còn mong gì họ gắng sức đánh giặc nữa. Đó là cái chước lớn của tướng soái để vỗ về quân sĩ vậy”.

Căn cứ vào Tôn Vũ và Ngô Khởi, *Binh thư yếu lược* vạch ra cái đạo của người làm tướng, đạo này có tám điều phải tránh là: 1. Lòng tham không đáy, 2. Giết người hiền ghen người tài. 3. Tin lời gièm ưa nịnh, 4. Biết người mà không biết mình, 5. Do dự không quả quyết, 6. Hoang dâm tửu sắc, 7. Đối trá và lòng thì nhát sợ, 8. Nói bậy mà không giữ lễ độ.

Những ý kiến trên cũng có thể là của Trần Quốc Tuấn. Tại sao chúng ta có thể biết như vậy được? Trong *Hịch tướng sĩ*, Trần Quốc Tuấn viết rằng: “Nay ta đọc hết các sách binh pháp của các danh gia và soạn thành một quyển gọi là *Binh thư yếu lược*. Nếu các người chuyên tập sách này theo lời dạy bảo thì mới phải đạo thần tử. Nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo, thì tức là kẻ thù nghịch”. Các sách binh pháp của các danh gia là những sách nào? Các danh gia ấy là những ai? Đọc *Binh thư yếu lược*, chúng ta thấy những sách ấy chủ yếu là *Vũ kinh* hay *Vũ thư* của Trung Quốc trong đó có sách *Tôn Tử* hay *Tôn Tử binh pháp* hay *Binh pháp* của Tôn Vũ đời Xuân Thu. Còn các danh gia nói đây chủ yếu là Tôn Vũ và Ngô Khởi, hai nhà

quân sự đại tài thời Xuân Thu Chiến Quốc. Chúng ta có thể nói tư tưởng quân sự trong *Binh thư yếu lược* chủ yếu là tư tưởng của Tôn Vũ và Ngô Khởi mà Trần Quốc Tuấn muốn đem vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam hồi thế kỷ XIII. Xét như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng những đoạn trích dẫn và bình luận ý kiến của Tôn Vũ và Ngô Khởi trong *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn một nhà chính trị kiêm quân sự thiên tài đã sở đắc rất nhiều ở binh pháp Tôn Ngô và đã đem những điều sở đắc của mình giáo dục cho các tướng sĩ ở dưới quyền tiết chế của ông.

Giả thuyết trên sẽ có giá trị, nếu có ngày chúng ta chứng minh được rằng ý kiến của Phan Huy Chú, tác giả *Lịch triều Hiến chương loại chí* là không đúng sự thật.

Trong trường hợp *Binh thư yếu lược* cũng tức *Binh gia diệu lý yếu lược* của Trần Quốc Tuấn quả thật không còn nữa như Phan Huy Chú đã nói trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, thì quyển *Binh thư yếu lược* mang ký hiệu 476 của Thư viện khoa học xã hội sẽ là sách thế nào? Quyển *Binh thư yếu lược* này, chúng tôi nghĩ rằng có lẽ do một nho sĩ am hiểu khoa học quân sự, nắm được nhiều trí thức quân sự của Việt Nam và của Trung Quốc soạn ra. Theo cái phong thái thác cổ vẫn lưu hành ở Việt Nam và Trung Quốc xưa, nho sĩ ấy đã mượn tên sách của Trần Quốc Tuấn đặt cho tên sách

của mình nhằm tăng thêm uy tín của tác phẩm của mình đối với người đọc. Cũng có thể đầu tiên sách chỉ mang tên *Bình thư yếu lược* thôi, nhưng sau đó một người nào đó lại thêm mấy chữ “*Bình thư yếu lược* bốn quyển do Trần Hưng Đạo vương soạn, vương huý là Quốc Tuấn”. Chúng tôi sờ dĩ viết như thế là vì trong *Lịch triều hiến chương loại chí* không có sách nào của Trần Quốc Tuấn gọi là *Bình thư yếu lược*, mà chỉ có sách *Bình gia diệu lý yếu lược* hay *Bình gia yếu lược*⁽¹⁾ mà thôi. Có thể một nho sĩ nào đó đã viết một quyển sách quân sự rồi đặt cho tên sách của mình cái tên gần giống tên sách của Trần Quốc Tuấn, rồi người sau đó, sau khi đã sửa chữa và bổ sung *Bình thư yếu lược*, mới thêm mấy chữ “*Bình thư yếu lược* bốn quyển do Trần Hưng Đạo vương soạn, vương huý là Quốc Tuấn” như chúng tôi đã nói ở trên...

Tất cả đều là giả thuyết, ức thuyết. Chưa thể có kết luận khẳng định dứt khoát ai là tác giả thật sự bộ *Bình thư yếu lược* mang ký hiệu 476 của Thư viện khoa học xã hội. Nhưng dù thế nào đi nữa, bộ *Bình thư yếu lược* vẫn là bộ sách quân sự quý của chúng ta. Tác phẩm quân sự, chúng ta có rất ít. Cho đến nay, có lẽ chúng ta

⁽¹⁾ Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần Nhân và chí nói sách của Trần Quốc Tuấn là *Bình gia diệu lý yếu lược* nhưng phần Văn tịch chỉ lại nói sách của Quốc Tuấn là *Bình gia yếu lược*.

mới có hai tác phẩm là *Binh thư yếu lược* và *Hổ trướng khu cơ*. *Hổ trướng khu cơ* là tác phẩm nặng về mặt thực hành hơn là mặt lý luận quân sự. Duy có *Binh thư yếu lược* vừa chú ý đến mặt lý luận vừa chú ý đến mặt thực hành, do đó, nó có thể là bộ sách quân sự đầu tiên của dân tộc Việt Nam đã tổng kết được các kinh nghiệm quân sự của Việt Nam từ xưa cho đến thời Nguyễn sơ.

Chúng ta có nhiều truyền thống ưu tú của dân tộc, trong các truyền thống ưu tú ấy, thì truyền thống đấu tranh quân sự của dân tộc chúng ta đáng được đặc biệt chú ý. Truyền thống đấu tranh quân sự của dân tộc Việt Nam dưới thời phong kiến cụ thể như thế nào? Chúng tôi có thể nói truyền thống đó một phần quan trọng đã được đúc kết trong *Binh thư yếu lược* và *Hổ trướng khu cơ*.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc

GS: VĂN TÂN

TIỂU SỬ TRẦN QUỐC TUẤN

Trần Quốc Tuấn là con An-Sinh vương Trần Liễu và là cháu gọi vua Trần Thái Tông bằng chú ruột. Ông sinh vào khoảng năm 1226, 1227, 1228 hoặc 1229 gì đó, nguyên quán ông ở làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Khi quân Mông Cổ sang xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257), ông tham gia cuộc kháng chiến. Năm 1283 khi quân Mông Cổ sắp sửa mở cuộc xâm lược lần thứ hai vào nước Đại Việt, Trần Quốc Tuấn được cử làm Quốc công Tiết chế toàn bộ quân đội của nhà Trần. Đầu năm 1285, năm mươi vạn quân Mông Cổ do Thoát Hoan chỉ huy từ biên giới tỉnh Quảng Tây đánh vào nước Đại Việt, trong khi ấy mười vạn quân Mông Cổ khác do Toa-Đô chỉ huy từ Chiêm Thành tiến ra Bắc. Thế giặc quá mạnh, triều đình phải bỏ Thăng Long, rút vào Thanh Hóa. Ở những nơi quân giặc chiếm đóng, nhân dân làm vườn không nhà trống. Tức giận, quân giặc đi đến đâu cướp phá và giết chóc nhân dân đến đấy. Vua Trần Nhân Tông lo sợ, hỏi Trần Quốc Tuấn : “Hay ta tạm hàng để cứu muôn dân?” Quốc Tuấn khẳng

khái trả lời: “Nếu bệ hạ muốn hàng, trước hết hãy chém đầu thần đi đã”

Để giáo dục cho các tướng sĩ phép dùng binh đánh giặc giữ nước, Trần Quốc Tuấn đã căn cứ vào các sách binh pháp của Tôn Vũ và Ngô Khởi mà soạn ra sách *Binh gia diệu lý yếu lược* hay *Binh thư yếu lược*. Ông lại viết *Hịch tướng sĩ* để khích lệ lòng yêu nước và chỉ cảm thù của các tướng sĩ đối với quân xâm lược.

Do chiến lược, chiến thuật đúng đắn của Trần Quốc Tuấn, do tinh thần quyết chiến của quân đội, đầu Tháng Năm năm ất Dậu (1285), quân đội nhà Trần đánh bại quân của Toa Đô ở cửa Hàm Tử làm cho Toa Đô phải đem tàn quân chạy về cửa biển Thiên Trường. Ngay sau đó, Trần Quốc Tuấn lại nhanh chóng tập trung quân đội, bất ngờ đánh vào căn cứ giặc ở Chương-Dương, và đã tiêu diệt hầu hết các quân Mông Cổ đóng ở đấy. Thoát Hoan thấy Chương Dương bị đánh, vội cho quân từ Thăng Long đến cứu viện Chương Dương. Quân Mông Cổ vừa rời khỏi Thăng Long được một quãng, thì bị quân phục kích của Trần Quốc Tuấn đổ ra chặn đánh và tiêu diệt. Được tin Chương-Dương bị hạ, viện binh bị diệt, Thoát Hoan hoảng sợ, vội vàng với bọn A Thích mang quân Mông Cổ vượt sông Hồng chạy sang các căn cứ quân Mông Cổ ở miền đất là tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Sau khi đại thắng ở Chương Dương, và đuổi Thoát Hoan ra khỏi Thăng Long, Trần Quốc Tuấn mang quân quay lại tiêu diệt lộ quân của Toa Đô

ở Tây Kết, và đến cuối tháng Năm năm Ất Dậu (1285), quân Trần lại đại thắng ở Tây Kết, nguyên soái Toa Đô bị chém đầu ngay tại trận. Ô Mã Nhi sợ hãi phải chạy vào Thanh Hóa. Quân Trần thừa thắng truy kích, bắt sống được mấy vạn quân Mông Cổ.

Các trận thắng trên buộc Thoát Hoan và toàn bộ quân Mông Cổ phải rút lui. Nhưng trên đường rút về Trung Quốc, quân Mông Cổ bị quân đội của Trần Quốc Tuấn phục kích, và bị chết rất nhiều. Thoát Hoan phải chui vào một cái thùng đồng mới trốn được về Trung Quốc.

Năm Đinh Hợi (1287) quân Mông Cổ do Thoát Hoan chỉ huy lại xâm lược nước Đại Việt lần thứ ba. Vua Trần Nhân Tông hỏi ý kiến Trần Quốc Tuấn, Quốc Tuấn tuyên bố: “Bây giờ quân ta đã quen chiến đấu, quân giặc từ xa đến mỗi mệt, và chúng còn đang khiếp sợ về những trận thua trước, mất cả nhục khí... Năm nay đánh giặc có phần dễ hơn trước”.

Đầu năm Đinh Hợi (1287), quân Mông Cổ dưới quyền chỉ huy của Thoát Hoan, theo hai đường thủy và bộ kéo vào xâm lược nước Đại Việt. Trần Quốc Tuấn lại ra lệnh cho quân đội rút lui chiến lược. Quân Mông Cổ lại chiếm được Chi Lăng, Khả Ly, Chí Linh, Vạn Kiếp, Tam Đái Giang (Việt Trì), Thăng Long... quân đội nhà Trần lại đóng rải ra ở nhiều nơi, nhân dân lại làm vườn không nhà trống. Trần Quốc Tuấn lại cho quân du kích ngày đêm quấy rối

các vị trí của quân Mông Cổ. Quân Mông Cổ bị hãm vào cảnh thiếu lương thực. Ngày đêm chúng chỉ còn việc cố thủ ở các vị trí để chờ các đoàn thuyền lương do Trương Văn Hồ có trách nhiệm mang đến cho chúng. Nhưng đoàn thuyền lương của Trương Văn Hồ đã bị Trần Khánh Dư phá sạch ở Vân Đồn... Được tin đoàn thuyền lương bị phá, Thoát Hoan lại quyết định cho toàn bộ quân Mông Cổ theo hai đường thủy bộ rút lui về Trung Quốc. Trần Quốc Tuấn đã dự đoán nước cờ đó của Thoát Hoan, và ông đã cho quân đi bố trí phục kích tại các đường thủy, đường bộ mà quân Mông Cổ tất phải đi qua trên đường về nước. Tháng ba năm Mậu Tý (1288) trận phục kích qui mô nổi tiếng trong lịch sử đã diễn ra ở sông Bạch Đằng, kết quả 500 chiến thuyền Mông Cổ bị đánh đắm hoặc bị bắn, hơn ba vạn quân giặc bị giết, bị bắt, bị chết đuối, Ô Mã Nhi và Tịch Lệ Cơ Ngọc bị bắt sống...

Được tin toàn bộ quân Mông Cổ bị phá ở sông Bạch Đằng, Thoát Hoan sợ cuống quít, y vội ra lệnh cho toàn quân rút lui về nước. Trên đường chạy trốn, quân Mông Cổ lại bị quân đội của Trần Quốc Tuấn phục kích, và bị chết rất nhiều. Thoát Hoan phải theo đường huyện Đan Kỳ (Lạng Sơn) chạy sang Lộc Châu rồi theo thung lũng sông Lục Ngạn, qua các địa điểm Biển Động, An Châu, Đình Lạp để vượt biên giới chạy về Tư Minh (Trung Quốc).

Do có nhiều công lao đánh giặc cứu nước, Trần Quốc Tuấn được phong tước Hưng Đạo đại

vương, vì vậy người ta thường gọi ông là Trần Hưng Đạo.

Tháng Tám năm Kỷ Hợi (1300), Trần Quốc Tuấn bị bệnh nặng ở Vạn-Kiếp, và đến ngày 15 tháng Tám thì ông từ trần tại nhà riêng.

Trước khi Quốc Tuấn sắp từ trần, vua Trần Anh Tông có đến nhà riêng của ông ở Vạn Kiếp để hỏi ông về kế sách giữ nước. Nhân dịp này, Quốc Tuấn có trình bày với vua Anh Tông về chiến lược đánh giặc giữ nước khi đất nước bị xâm lăng như chúng tôi đã nói ở phần “Giới thiệu”.

Chiến lược, chiến thuật của Trần Quốc Tuấn có thể tóm tắt như sau:

Nước Đại Việt nhỏ và yếu hơn nước Đại Nguyên của Mông Cổ, vì vậy phải “lấy đoản binh mà chống trường trận” tức phải lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, khi quân giặc mới đến, thế chúng còn mạnh, thì ta rút lui để bảo toàn lực lượng, nhử cho giặc vào sâu và dần mỏng lực lượng ra nhiều nơi chờ khi nào có điều kiện thuận lợi mới phản công; khi ta rút lui, ta cũng phải chủ động khiến cho giặc, “muốn đánh mà không đánh được”. Với chiến thuật vườn không nhà trống, với chiến tranh nhân dân, giặc không thể cướp được lương thực của nhân dân, và luôn luôn bị dân quân du kích đánh phá, quấy rối, cắt đường tiếp tế. Tinh thần quân giặc do đó tất phải giảm sút. Lúc ấy quân ta mới phản công, cắt hẳn đường liên lạc, tiếp tế của giặc, phục kích, tập kích giặc, dùng vận động

chiến thần tốc đánh vào các căn cứ quan trọng của giặc, buộc giặc phải rút lui về nước, và trên đường giặc rút lui, ta phục kích tiêu diệt chúng.

Với chiến lược và chiến thuật trên, Trần Quốc Tuấn đã hai lần đánh bại quân Mông Cổ đã từng tung hoành, bách chiến bách thắng ở châu Á, châu Âu. Khi vạch cho vua Trần Anh Tông kế sách giữ nước, Trần Quốc Tuấn lại nhấn mạnh rằng, “phải khoan dùng sức dân để làm cái sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước, không còn gì hơn”.

TIỂU SỬ ĐÀO DUY TỪ

Đào Duy Từ sinh vào khoảng năm 1572 ở xã Hoa-Trai, huyện Ngọc Sơn (nay là huyện Tĩnh Gia) tỉnh Thanh Hóa, cha là Đào Tá Hán, mẹ là người họ Nguyễn. Ông thông minh, và học rộng biết nhiều. Ông đi thi hương ở Thanh Hóa, Hiến ty cho Đào Duy Từ là con nhà phường chèo, gạch bỏ tên không cho vào thi. Ông buồn bực quay về, căm giận chế độ vô lý của họ Trịnh lúc bấy giờ. Một hôm ông nói với bạn rằng: "Tôi nghe chúa Nguyễn hùng cứ đất Thuận Quảng, làm nhiều việc ân đức lại có lòng yêu kẻ sĩ, trọng người hiền... Nếu ta theo vào giúp thì chẳng khác gì Trương Lương về Hán, Ngũ Viên sang Ngô, có thể làm tỏ rạng thanh danh, ta không đến nỗi phải nát cùng cây cỏ, uống phí một đời...". Rồi mùa đông năm ất Sửu (1627), Duy Từ trốn được vào xứ Đường trong. Đầu tiên ông ở huyện Vũ Xương hơn một tháng để nghe ngóng tình hình. Sau biết khám lý Hoài Nhân là Trần Đức Hoà là người có mưu trí được chúa Nguyễn Phúc Nguyên tin dùng, Duy Từ vào Hoài Nhân. Ông đi ở chăn trâu cho một phú ông ở xã Tùng Châu. Phú ông thấy Duy Từ học rộng tài cao, biết ông không phải là người thường, liền

đem nói với Trần Đức Hoà. Đức Hoà cho gọi Duy Từ đến hỏi chuyện. Thấy Duy Từ không gì là không thông hiểu, Đức Hoà giữ ông lại rồi gả con gái cho Duy Từ. Đem bài “Ngọa long cương” của ông cho Đức Hoà xem. Đức Hoà xem xong liền nói: “Đào Duy Từ là Ngọa Long⁽¹⁾ đời này chăng?”

Một hôm, Trần Đức Hoà đem bài “Ngọa long cương” cho Nguyễn Phúc Nguyên xem, và nói: “Bài này là do thầy đồ của nhà tôi là Đào Duy Từ làm”. Đọc bài “Ngọa long cương”, Nguyễn Phúc Nguyên biết Đào Duy Từ là người có chí lớn, liền cho gọi Đào Duy Từ đến. Mấy hôm sau, Đào Duy Từ và Trần Đức Hoà cùng vào ra mắt Nguyễn Phúc Nguyên. Lúc ấy Phúc Nguyên đang mặc áo trắng, đứng ở cửa nách. Thấy thế Duy Từ dừng lại, không vào. Phúc Nguyên hiểu ý, trở vào, mặc áo đội mũ chỉnh tề rồi ra đón Duy Từ vào nói chuyện. Duy Từ cao đàm hùng luận, tỏ ra rất am hiểu việc đời. Phúc Nguyên mừng lắm, hỏi: “Sao khanh đến muộn thế?” Liền ngay đó Phúc Nguyên trao cho Duy Từ chức Nha úy nội tán, tước Lộc Khê hầu, trông coi việc quân cơ ở trong và ở ngoài, tham lý quốc chính.

Từ đấy Duy Từ nói gì chúa Nguyễn cũng nghe. Ông bày mưu vạch kế giúp chúa Nguyễn làm nên nhiều việc lớn. Chúa Nguyễn thường nói với mọi người: “Đào Duy Từ thật là Tử Phòng (Trương Lương) và Khổng Minh (Gia Cát Lượng) ngày nay”

Tháng ba năm Canh Ngọ (1630), Duy Từ khuyên

¹ Ngọa Long là biệt hiệu của Khổng Minh Gia Cát Lượng

chúa Nguyễn đắp lũy Trường-Dục từ núi Trường Dục đến phá Hạc Hải nhằm ngăn chặn quân Trịnh ngược dòng sông Nhật Lệ vào đánh xứ Đường trong. Năm Tân Mùi (1631), theo lời Đào Duy Từ, chúa Nguyễn lại cho đắp một núi Đâu Mâu qua cửa biển Nhật Lệ, rồi men theo sông Lệ Kỳ và sông Nhật Lệ tiến lên phía đông bắc đến làng Đông Hải.

Nhờ có hai cái lũy trên, chúa Nguyễn đã ngăn chặn được các cuộc tiến công của quân Trịnh trong một thời kỳ dài.

Tháng chín năm Canh Ngọ (1630), theo đề nghị của Đào Duy Từ, Nguyễn Phúc Nguyên cho mở cuộc tấn công vào châu Nam Bố Chánh, và chiếm được châu này.

Tháng mười năm Giáp Tuất (1634), Duy Từ bị bệnh nặng rồi mất, thọ 63 tuổi.

Đào Duy Từ chỉ làm quan với chúa Nguyễn có tám năm. Nhưng trong tám năm đó, ông đã xây dựng cho họ Nguyễn một cơ sở xã hội vững chắc, và một đội quân hùng mạnh. Nguyễn Hữu Tiến, một viên tướng có tài của chúa Nguyễn, là con rể Đào Duy Từ do Đào Duy Từ tiến cử lên chúa Nguyễn.

Hồ trưởng khu cơ là tác phẩm do Đào Duy Từ soạn ra để dạy các tướng sĩ của xứ Đường trong. Đó là tác phẩm quân sự duy nhất của Việt Nam còn nguyên vẹn cho đến ngày nay.

Xứ Đường trong sở dĩ có quân hùng tướng mạnh, một phần là do công lao của Đào Duy Từ. Đào Duy Từ, vì vậy, được coi là Đệ nhất khai quốc công thần của họ Nguyễn và được thờ ở nhà Thái miếu.

THUYẾT MINH VỀ BẢN DỊCH

Những binh thư của Trung Quốc mà sách này trích lục trước hết là bộ *Võ kinh* gồm bảy phần như sau:

Sách *Tôn tử* hay *Tôn tử binh pháp*, có khi gọi tắt là *Binh pháp*, do Tôn Vũ thời Xuân Thu, tướng của Ngô Hạp Lư soạn. Theo *Sử ký* thì sách này có 13 thiên. Đỗ Mục đời Đường nói rằng sách của Tôn Vũ nguyên có đến vài mươi vạn chữ, sau Tào Tháo bỏ bớt đi mà thành bản ngày nay.

Sách *Ngô tử* do Ngô Khởi tướng của nước Sở thời Chiến Quốc soạn. Lục Mỹ Thanh đời Đường chia sách ấy làm 6 thiên, tức là bản thông hành ngày nay.

Sách *Lục thao*, đầu thời Chiến Quốc đã có tên sách, bản cũ đề là của Lã Vọng nhà Chu, nhưng là sách đời sau giả thác, tác giả ở vào khoảng trước đời Đường.

Sách *Tư mã pháp*, một sách binh pháp đời xưa, đề là của Tư-Mã Nhượng Thư nước Tề soạn, nhưng không chắc đúng.

Sách *Tam lược*, người đời sau soạn giả thác là của Hoàng Thạch công trao cho Trương Lương là công thần khai quốc của nhà Hán.

Sách *Uất liệu tử*, do Uất Liệu đời Chu soạn.

Sách *Lý vệ công vấn đối*, do học trò của Lý Tĩnh ghi chép những lời vấn đáp của Đường Thái Tông với tướng là Lý Tĩnh mà thành.

Ngoài ra *Binh thư yếu lược* còn trích lục các sách:

Võ kinh tổng yếu, do bọn Tăng Công Lượng và Đinh Độ đời Tống soạn, chép những binh pháp của đời xưa và những mưu kế phương lược của nhà Tống, gồm 40 quyển.

Hồ kiểm kinh, do Hứa Động đời Tống soạn, gồm 20 quyển.

Thủy vi bắc chinh lục, do Hoa Nhạc đời Tống soạn, gồm 20 quyển.

Võ bị chí, do Mao Nguyên Nghi đời Minh soạn, gồm 19 quyển.

Võ bị chế thắng chí, do học trò của Mao Nguyên Nghi soạn, gồm 31 quyển.

Kinh thế, tức là Kinh tế bát loại toàn biên, do Trần Nhân Tích đời Minh soạn, trong ấy có phần “Binh tào” từ quyển 63 đến quyển 83.

Hồng vũ đại định, không rõ tên tác giả, hiện Thư viện khoa học trung ương chỉ có một tập sách chép tay nhỏ gồm 6 thiên đề là *Hồng vũ đại định binh thư lược biên*. Theo tên sách thì sách này thuộc đời Minh. Hồng vũ là niên hiệu của Minh Thái Tổ.

Sách *Bảo giám* thì chúng tôi không tìm thấy, trong thư mục của Tứ khố toàn thư đề yếu của Trung Quốc chỉ thấy có sách *Tướng giám* (gương làm tướng) ghi chép sự trạng của những người hành quân giỏi của

Trung Quốc từ xưa, bắt đầu từ Tôn Vũ, cuối cùng là Quách Sùng Thao đời Hậu Đường.

Còn bốn tác phẩm khác mà chúng tôi không tìm thấy ở Hà Nội là : *Bình chế, Vạn cơ chí, Yên thủy thần kinh, Hành quân tu tri*, không hiểu tác giả là ai và nội dung là thế nào.

Về tác phẩm Việt Nam, thì **Bình thư yếu lược** trích dẫn sách *Bình lược* và trích lục gần hết sách *Hổ trướng khu cơ*. Sách *Bình lược* thì chúng tôi không tìm thấy, nhưng đoán là sách Việt Nam về đời Nguyễn, là vì thấy nó dẫn những việc thuộc lịch sử Việt Nam từ cuộc xâm lược của quân Minh đến cuộc khởi nghĩa Tây Sơn. Ngoài ra còn có tài liệu của Bộ Binh triều Nguyễn.

Sách *Hổ trướng khu cơ* theo *Đại nam thực lục chính biên* là do Đào Duy Từ soạn ra hồi nửa đầu thế kỷ XVII.

Hiện nay ở Hà Nội chỉ có một bản *Bình thư yếu lược* chép tay của Thư viện Khoa Học Xã Hội, gồm 4 quyển, đề là Trần Hưng Đạo vương soạn (!), không có tựa, chữ viết xấu, lại do nhiều người chép (xem nét chữ khác nhau), nhiều chữ sai, cũng có không ít chỗ sót. Trước khi phiên dịch, chúng tôi phải làm công việc hiệu đính bản chữ Hán. Về những đoạn văn trích lục ở các binh thư Trung Quốc thì chúng tôi đối chiếu với nguyên văn theo các sách tìm thấy ở Thư viện Khoa Học Xã Hội. Nếu là những sách không tìm thấy ở Thư viện ấy thì chúng tôi đành phải theo văn pháp và văn nghĩa mà hiệu đính, cũng như đối với những đoạn do chính tác

giả biên soạn; về phần này, tương đối ít, thì có khi tác giả cũng chỉ là tóm tắt ý kiến của các sách xưa thôi.

Theo nội dung *Binh thư yếu lược* như trên thì không thể xem nó là di tác của Hưng Đạo Vương được. Đây là một bộ sách được biên soạn theo một phương pháp đặc biệt, do nhiều nhà thông hiểu binh pháp thời Trần (có thể đặc biệt là Hưng Đạo Vương), thời Lê, thời Nguyễn tiếp tục nhau mà biên soạn bằng cách trích lược những binh thư các đời của Trung Quốc và của nước ta, thỉnh thoảng những người biên soạn có thêm những đoạn có quan hệ với những sự kiện quân sự vào kinh nghiệm của nước nhà, hoặc tóm tắt ý kiến của các sách xưa một cách gọn gàng.

Sách này được hoàn thành ở thời nhà Nguyễn.

Trong khi phiên dịch chúng tôi đã bỏ những đoạn có tính chất mê tín, đặc biệt là ở chương “Thiên tượng” thuộc quyển I, ở các chương “Chiêm phong vũ” và “Binh trưng” thuộc quyển II. Phương pháp biên soạn sách này có hơi lỏng lẻo, cho nên có những đoạn hình như chép lộn, những đoạn chép trùng hay chép lộn ấy chúng tôi đều bỏ cả. Cuối cùng, tất cả những đoạn lấy ở *Hồ trướng khu cơ* chúng tôi đều bỏ đi để đem cả tập *Hồ trướng khu cơ* dịch làm phần phụ lục mà nêu riêng một tác phẩm về binh pháp của nước ta có ít nhiều màu sắc dân tộc.

Sách *Hồ trướng khu cơ* hiện ở Thư viện Khoa Học Xã Hội có năm bản chép tay A157, A565, A1783, A2117, A3003. Chúng tôi lấy bản số A157 là bản đầy đủ

nhất để dịch, nhưng trong khi dịch chúng tôi cũng đã đối chiếu với các bản kia và với những chương những mục được trích lục trong sách *Bình thư yếu lược* để đính chính những chỗ sai sót.

Những hình vẽ về trận đồ và về binh khí chiến cụ dùng trong bản dịch này là vẽ lại theo hình vẽ của sách *Võ kinh tổng yếu* trong bộ *Tứ khố toàn thư trận bản sơ tập* (Thư viện Khoa Học Xã Hội số P1121) của sách *Vũ bị chế thắng chí* (Thư viện Khoa Học Xã Hội số A157).

Bình thư yếu lược do Nguyễn Ngọc Tỉnh phiên dịch.

Hồ trướng khu cơ do Đỗ Mộng Khương phiên dịch.

Người hiệu đính

GS. ĐÀO DUY ANH

BINH THƯ YẾU LƯỢC

BINH THƯ YẾU LƯỢC

QUYỂN I

I- THIÊN TƯỢNG

(HÌNH TƯỢNG CỦA TRỜI)⁽¹⁾

Sách Vô bị chí⁽²⁾

Gặp khi trời đất mờ mịt tối tăm, gió thổi cát mù, cờ xí không cắm được, chiêm trống không nghe được, thì không nên ra quân. Nếu có quân giặc nhân khi tối tăm đem quân kỵ mạnh đến đánh, ta phải ra lệnh, nhắc đi nhắc lại, ước thúc ba quân, bên giữ dinh trận, không được rối động, chỉ lấy lá chắn để đỡ tên đạn, dùng cung khỏe nỏ cứng, cú ngòi mà bắn, chờ khi quân địch trở trảng thì đem quân nhanh mạnh, nhân lúc rối loạn không ngờ, ngấm cho hậu quân

⁽¹⁾ Chương này phần nhiều nói những điều hoang đường mê tín về thiên văn xưa, chúng tôi bỏ không dịch, chỉ dịch một mục trích ở sách **Vô bị chí** chép về thời tiết mà thôi.

⁽²⁾ **Vô bị chí**: Tác phẩm của Mao Nguyên Nghi đời Minh, 19 quyển. Xem **Vô bị chế thắng chí**, quyển 6, chương “Thẩm thời”

đón chặn con đường yếu hại địch dùng mà tới để đánh thì có thể bắt được ngay.

Gặp khi trời đất gió mưa đen tối mờ mịt bốn bề, thì không nên tiến quân, không nên hành dinh, cứ bền giữ dinh trại, phòng quân sĩ sinh biến và phòng giặc ngoài đến đánh.

Gặp khi gió to mưa lớn, rét lớn nắng lớn, không nên cho quân đi đánh; phải nên vỗ về quân sĩ mà bền giữ dinh trại. Tất nhiên giặc cũng chẳng ra quân. Nếu quân ta đi đường thình lình thấy giặc, thì nên gấp đóng dinh trại, đợi cho nó ngày chiều thế kém mà dùng kế sách khác. Sách *Tam lược* nói: Xét tính thiên thời, rình chỗ sơ hở.

Gặp khi tuyết lớn bay mù, trong khoảng trăm bước mà chẳng trông thấy người ngựa, địch hay đặt quân kỳ⁽¹⁾ quân phục ở nơi đường hiểm để đánh vào chỗ ta không ngờ. Nếu ta cho tướng nhỏ ra ứng đối thì nó giả thua chạy, mong ta đuổi đánh, để dẫn ta vào chỗ phục binh. Nếu ta thấy cơ trời như thế, thì nên sớm sai năm, bảy viên tướng nhỏ, vài mươi đội kỵ giỏi, chờ giặc từ tả hữu trước sau đem quân đến nhử ta; nếu giặc dùng quân kỵ giỏi để xung đột quân ta, thì ta cho ngay hai viên tướng ra sau quân, bàn định thăm dò, cho quân và ngựa đi quanh quất tìm xét, liệu tính đường về của giặc, rồi nhắm các nơi hiểm ải, dò thăm xem có phục binh hay không; nếu có thì nên

⁽¹⁾ Quân lẻ để đánh thình lình

chia binh ra làm hai ba nơi thay đổi nhau mà đánh; như thế thì chúng phải thua chạy, mà kẻ đến đánh ta trước kia đầu đuôi không thấy được nhau. Quân ta đã đuổi quân phục của địch, dùng binh giỏi lộn lại làm quân đón triệt, thì bọn giặc đến để đánh ta đó không biết quân phục ở chỗ kia hiện đã tan chạy. Vả quân ta đã sai kỵ binh giỏi đến, một đạo tiến một đạo lùi, thay đổi nhau đuổi đánh, chờ khi nó vào nơi có quân phục của ta thì đầu đuôi cùng ứng, có thể bắt gọn cả quân. Đây là nói đại khái, chứ hoàn toàn là phải biến thông ở lúc lâm thời, để đối phó trong lúc hoãn cấp. Còn như người Khiết Đơn thì không thế. Thấy có tuyết lớn thổi mù thì cung cứng, ngựa mạnh, người khỏe, họ coi là thường không việc gì mà cứ đi săn bắn, hướng chỉ trong lúc hai quân đánh nhau thì ta nhân đó mà thắng sao được? Họ ở phía nam Tam Quan⁽¹⁾, phía bắc Đại Hà⁽²⁾, trong khoảng Túc Kỳ⁽³⁾, đất phẳng như đá mài, quân lính tiện được đường rộng, sau khi tuyết lớn họ biết rằng quân bộ của ta khó tiến, họ bèn dùng mưu lạ, đặt nhiều kỵ giỏi ở trước sau tả hữu dinh lũy của ta, kêu nhử quân ta, hoặc dùng kỵ giỏi đi đi lại lại xông đánh quân ta, hòng quân ta ra thì chia quân tản ra bốn phía để đầu

⁽¹⁾ Ba cửa quan ở phía bắc Trung Quốc: Cửa Nhạn Môn, cửa Vũ Ninh, cửa Thiên Đầu.

⁽²⁾ Túc sông Hoàng Hà

⁽³⁾ Túc là khoảng tỉnh Hà Nam, Kỳ là khoảng tỉnh Hà Bắc của Trung Quốc.

đuôi đánh lại, một mặt đánh dinh trại ta, một mặt chặn lương thảo ta, khiến cho quân ta đầu đuôi không cứu được nhau. Như thế thì quân ta bền giữ chẳng đi, đợi cho quân họ xông lại thì ta mới dùng cung khoẻ nỏ cứng và nỏ bàn⁽¹⁾, một cái trên một cái dưới mà bắn ra. Giặc đã mất thế thì không còn chí chiến đấu nữa. Có thể bắt gọn cả quân.

Gặp cơn gió to, thổi bay bụi cát, không nên tiến binh đi đánh. Như đương ở giữa đường thì nên dừng chân mà tìm nơi thuận tiện yên nghỉ. Như đường trước gặp quân phục đón chặn, hay có trận lớn, thì đó là cái điềm trời chưa thuận vậy. Như gặp lúc đương ở dinh dã thì nên ra lệnh dẫn đi dẫn lại ba quân bền giữ dinh trại, phòng quân giặc nhân gió thuận mà đến để dò hoặc cướp, xông đánh trại ta. Như lúc trận quân vừa mới bố trí mà thấy có gió thì cũng không nên đánh, phải bền giữ.

Khi hành quân ở đường hay đương ở dinh mà gặp có gió to mưa to, tuyết lớn mù lớn, mờ tối không thể tiến quân để đánh, thì nên vỗ về quân sĩ, cố giữ là hơn.

⁽¹⁾ Nỏ bàn: nỏ lớn đặt lên bệ bắn một phát nhiều tên

II. KÉN MỘ

Đặt ba khoá để kén mộ tráng sĩ: Từ thuộc lại trở xuống, mỗi người đều cử người mình biết, tốt nhất là loại ăn cướp, sau đến loại hay đánh người và trộm cắp, rồi đến loại không nghề nghiệp. Sai thu 300 cỗ ngựa của các tướng, để cho quân cảm tử tình nguyện dùng, dù không phá được địch, cũng có thể làm nhụt được nhuệ khí của địch.

Cái đạo mạnh binh để chiến thắng cốt yếu có 5 điều:

1. Sửa sang binh khí.
2. Có đủ quân lính và xe cộ.
3. Súc tích nhiều.
4. Rèn luyện sĩ tốt.
5. Kén được tướng giỏi.

Năm điều ấy được đầy đủ thì mới có thể mạnh quân.

Kén lính : Quân cần giỏi không cần nhiều. Nên chọn người mạnh mà dùng, không lấy nhiều người nhỏ yếu để thêm số lượng. Nên kén, người nhiều anh em, người không bố mẹ, người độc thân mà đã có con kế tự, người nghèo đói mà sức vóc khỏe mạnh. Có những người không nên kén là...⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nguyên văn sót một đoạn

III- CHỌN TƯỚNG

Sách Võ kinh:

Phương pháp xem người có tám điểm:

1. Hỏi bằng lời nói xem trả lời có rõ ràng không.
2. Gạn gùng bằng lời lẽ để xem có biến hóa không.
3. Cho gián điệp thử để xem có trung thành không.
4. Hỏi rõ ràng tường tất để xem đức hạnh thế nào.
5. Lấy của mà thử để xem có thanh liêm không.
6. Lấy sắc đẹp mà thử để xem có đứng đắn không.
7. Lấy việc khó khăn mà thử để xem có dũng cảm không.
8. Cho uống rượu say để xem có giữ được thái độ không⁽¹⁾

Có tướng đồng và tướng trí, nên dùng thế nào cho phải? Rằng tướng đồng có thể giúp được việc đánh thành hãm trận; nhưng liệu tính việc dịch, chia đặt quân kỳ, lâm cơ ứng biến, nếu không có tướng trí thì không được. Mà kẻ đồng thì thường kém kẻ mưu. Cho nên đời xưa đăng đàn, đắp đài, đẩy xe⁽²⁾, phải tìm tướng mưu trí để giúp cho kẻ có sức mạnh. Người làm tướng không nên lấy giỏi cung đao cỡi bắn làm tài, mà phải lấy thông suốt cổ kim làm giỏi. Xem giỏi ở chỗ nào? Muốn biết tướng giỏi hay tồi cần phải kích thích để xem

⁽¹⁾ Xem **Võ kinh trực giải**, phần “Lục thao” chương 20

⁽²⁾ Chỉ việc phong tướng

động hay không động. Kích thích mà động đó là tướng ngu. Tướng ngu thấy lợi thì động, khinh địch thì động. Nên dùng hai phép dụ thì bắt được ngay: kẻ thấy lợi mà dụ bằng mồi là bắt được; kẻ khinh địch thì uy hiếp là bắt được. Kích thích mà không động thì là tướng hiền. Tướng hiền thì trí chu đáo nên không động, phép chu đáo nên không động. Nên dùng hai phép để nắm. Đấu trí với nhau, không ai thắng ai, phải dùng phép để nắm chỗ sơ hở của trí, nhằm một chút hở của trí mà đánh vào. Đấu phép với nhau không ai chịu ai, phải dùng trí để nắm chỗ biến hóa của phép, nhằm chỗ ngẫu nhiên sơ hở của phép mà đánh vào. Sách *Binh chí*⁽¹⁾ nói “đánh mưu” là thế đó. Hai bên giao chiến với nhau mà muốn biết tình hình hư thực ở trong quân, trước hết là mình phải biết người mà dùng để người ta biết mình. Biết được tình hình hư thực của người rồi thì đánh chỗ mềm mà không đánh chỗ cứng. Sách *Binh chí* nói đánh chỗ cứng thì chỗ mềm phải cứng, đánh chỗ mềm thì chỗ cứng phải mềm, chính là thế. Đi sâu vào đến chỗ vô hình, giấu kỳ ở chính, giấu chính ở kỳ, lấy kỳ làm chính, lấy chính làm kỳ. Sách *Binh chí* nói: Phàm đánh trận dùng chính mà hợp, dùng kỳ mà thắng, muốn chiến thắng không ngoài kỳ với chính, kỳ chính biến hoá không biết thế nào là cùng, kỳ chính cùng sinh ra nhau, như cái vòng tròn không có đầu mối. Xét được hư thực, rõ được mềm cứng, hiểu được kỳ chính, đó là ba

⁽¹⁾ Chúng tôi không tìm ra sách này.

điều báu của phép dùng binh vậy. Lại nói: biết mình biết người, trăm trận trăm thắng⁽¹⁾. Nuôi khí dân, định chí quân, thế gọi là biết mình; xét rõ tình hình địch, thế gọi là biết người. Đó là ba điều thiết yếu. Ba điều thiết yếu cũng như ba điều căn bản, tại sao? Vì đạo làm tướng coi quân, khoan và nghiêm dùng không nhất định, mà phải lấy nghiêm làm gốc, cho nên binh gia với hình gia và danh gia phối hợp nhau; động và tĩnh không có hình thế thường, mà phải lấy tĩnh làm chủ, cho nên binh gia và âm dương gia⁽²⁾ giúp đỡ nhau. Hình gia và danh gia không cần kiêm làm binh gia, mà binh gia thì phải kiêm hình gia và danh gia; âm dương gia thì không cần kiêm làm binh gia, mà binh gia thì phải kiêm âm dương gia. Bởi thế mới nói ba điều thiết yếu cũng là ba điều căn bản. Nhân được những điều hay của bốn nhà mà lợi dụng lấy thì phương lược làm tướng có thể đủ được.

Đạo dùng tướng là thế nào? Trước hết phải cho có quyền: Tướng nói dân có thể dùng thì dùng. Tướng nói dân không thể dùng thì dừng dùng. Tướng nói quân có thể động thì động. Tướng nói quân không thể động thì dừng động. Tướng nói địch có thể đánh được rồi thì đánh. Tướng nói địch không thể đánh được thì dừng đánh. Như thế thì phép không rồi, cơ không ngừng.

⁽¹⁾ Tôn Tử, thiên II nói: Biết người biết mình, trăm trận không nguy.

⁽²⁾ Binh gia, hình gia, danh gia, âm dương gia là những học phái của Trung Quốc ở thời Chiến Quốc

Nhưng người giỏi dùng tướng thì trước hết phải giỏi chọn tướng. Người giỏi chọn tướng thì trước hết phải giỏi biến tướng. Ba điều giỏi ấy, cái tinh vi của người dùng tướng dùng quân đều ở cả đó. Tuy thế, Tôn Võ và Ngô Khởi thì đã giỏi trong lãnh vực ấy rồi, nhưng theo lời của Mạnh Tử, Tuân Tử thì cho là chưa được. Vì sao mà nói thế? Vì bảo rằng kế căn bản chưa có. Vậy thì Tôn Võ, Ngô Khởi chỉ là cái rìu búa đẽo nước mà thôi, bệnh ở ngoài mà hại ở trong, mất nước có thể kiềng chân mà chờ đến.

Ngô Khởi⁽¹⁾ nói: Phàm điều cốt yếu ở trong việc chiến trận, trước nhất phải xem người tướng và xét tài của tướng, rồi nhân hình thế mà dùng quyền biến thì không khó nhọc mà thành công. Tướng ngu hay tin người thì dùng cách dối mà lừa; tướng tham khinh danh vọng thì dùng của mà đút; tướng coi thường sự biến mà không mưu thì làm cho vất vả mà phải khôn; người trên giàu mà kiêu, người dưới nghèo mà oán, thì dùng cách chia cho lìa nhau; tiến thoái đa nghi, quân sĩ không nương tựa được, tiến thoái đa nghi, quân sĩ không nương tựa được, thì làm cho hoảng sợ mà chạy; quân khinh thường tướng mà có ý muốn về nhà, thì chẹn đường dễ mở đường khó, có thể đón mà bắt được; đường tiến dễ, đường lui khó, thì nên sẵn ở phía trước; đường tiến khó đường lui dễ, thì nên đến sát mà đánh; đóng quân ở nơi thấp, nước không có

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên IV

chỗ thông, mà hay mưa dầm, thì nên tháo nước vào cho ngập; đóng quân ở nơi chằm hoang, cây cỏ um tùm, gió thổi lồng lộng, thì nên đốt mà tiêu diệt; quân đóng mãi một nơi, tướng sĩ trễ nải, quân không đề phòng, thì nên lén mà đánh úp.

*

Sách *Kinh thế*⁽¹⁾:

Có nho tướng, có đồng tướng, có cảm tướng, có xảo tướng, có nghệ tướng. Nho tướng hay mưu; đồng tướng hay đánh; cảm tướng nhiều can đảm; xảo tướng giỏi chế tác; nghệ tướng thì tài năng; gồm cả thì không gì không thần, đủ cả thì không gì không lợi.

Hoà mục có công hiệu rất lớn cho cuộc trị an. Hoà ở trong nước thì ít phải dùng binh; hoà ở ngoài biên thì không sợ báo động. Bất đắc dĩ mới phải phạt kẻ làm xằng, càng quý hoà mục. Vua tôi hoà mục thì dùng được người tài; tướng văn tướng võ hoà mục thì làm nên công nghiệp; tướng sĩ hoà mục, trong lúc thưởng sẽ nhường nhịn nhau, gặp nguy nan sẽ cứu giúp nhau. Đó, hoà mục là đạo rất hay cho việc trị nước hành binh, không thay đổi được...

*

Sách *Bảo giám*⁽²⁾

⁽¹⁾ Sách **Kinh thế bát loại toàn biên** "Binh tào, quyển 63-68,

⁽²⁾ Chúng tôi không tìm ra sách **Bảo giám**

Khí lượng của tướng, lớn nhỏ khác nhau. Tướng mà che giấu gian, giấu điều họa, không nghĩ đến điều quân chúng oán ghét, đó là tướng chỉ huy mười người. Tướng mà sớm dậy khuya nằm, lời lẽ kín đáo, đó là tướng chỉ huy được trăm người. Tướng thẳng mà biết lo, mạnh mà giỏi đánh, đó là tướng chỉ huy được nghìn người. Tướng mà ngoài mặt hăm dọa, trong lòng ân cần, biết người khó nhọc, thương kẻ đói rét, đó là tướng chỉ huy được vạn người. Tướng mà gần người hiền, tiến người tài, ngày thường cẩn thận, thành thực rộng rãi, giỏi việc dẹp loạn, đó là tướng chỉ huy được mười vạn người. Tướng mà dùng nhân ái đối với kẻ dưới, lấy tín nghĩa phục nước láng giềng, trên biết thiên văn, dưới biết địa lý, giữa biết việc người, coi bốn biển như một nhà, đó là tướng chỉ huy được cả thiên hạ, không ai địch được...

Ra trận mà đối tướng, điều đó nhà binh rất kiêng. Nên chờ ngày tháng để buộc cho thành công

*

Phép lập dàn phong tướng⁽¹⁾

Phụ: *Trao quyền cho tướng*

'Thái công⁽²⁾ nói: Nhà nước yên hay nguy, quan hệ ở một người tướng.

⁽¹⁾ Chương này trích ở sách **Hổ trưởng khu cơ**, ở đây xin bỏ, xin xem **Hổ Trưởng khu cơ** ở sau

⁽²⁾ Xem **Võ kinh trực giải** phần "Lục thao", chương 20.

Bèn sai quan thái sử ăn chay ba ngày, đem rùa bói ngày lành, ra Thái miếu để trao cho phủ việt⁽¹⁾ - Vua vào cửa miếu, đứng trông mặt về phía tây; tướng đứng trông mặt về phía bắc. Vua thân cầm cái việt, giữ lấy lưỡi mà trao chuôi cho tướng, nói: "Từ đây lên tới trời là quyền của tướng quân". Vua lại cầm cái phủ, giữ lấy chuôi mà trao lưỡi cho tướng, nói: "Từ đây xuống tới vực là quyền của tướng quân". Tướng nhận lấy, lạy mà đáp lại vua rằng: "Thần nghe: Nước không thể tự bên ngoài mà trị; quân không thể tự bên trong mà chế; kẻ hai lòng không thể thờ được vua; kẻ phân chí không thể đánh được giặc. Thần đã vâng mệnh, chuyên cầm uy phủ việt, thần không dám mong được sống mà về. Xin vua rủ bảo cho thần một lời. Vua không hứa với thần thì thần không dám làm tướng". Đó là trên không nệ thời trời, dưới không nệ thế đất, trước không biết có địch, sau không nệ mệnh vua⁽²⁾

*

Sách *Kinh thế*:

Đời sau dùng người thì không như thế. Nói bàn thì một người, làm việc thì một người, do đó người nói không biết việc của người làm là khó, mà thường đề cao thuyết của mình. Người làm thì muốn vâng theo ý của người bàn mà không hợp với cơ nghi; thậm chí làm việc

⁽¹⁾ Hai thứ búa lớn và búa nhỏ dùng để đánh chém, tiêu biểu cho uy quyền.

⁽²⁾ Võ Kinh trực giải diễn nghĩa ca, chương 20 dịch là: ở sau thì đã chịu mệnh vua rồi.

chỉ có một người, mà bàn nói thì có đến vài mươi người, trong đó hiền gian lẫn lộn, yêu ghét mỗi người một lòng. Người được yêu thì mưu kế dù kém cũng phụ hội, mà người bị ghét thì mưu kế dù hay, cũng cố tìm cách để ngăn trở. Không lường tình thế giặc mạnh yếu thế nào, mà cứ cho là đánh nhỏ thì được nhỏ, đánh lớn thì được lớn; không hỏi thời thế khó hay dễ, hễ đóng quân là bắt tội dùng dằng, bền giữ là kết tội nhút nhát. Người làm việc thì trông tả nhìn hữu, muốn đánh muốn giữ, hoặc tiến hoặc lui, đều không thể tự chủ được, đến nỗi mười cỗ xe của nguyên nhung chưa đi, mà chức quan nói đã dâng giấy đàn hặc đồn dập⁽¹⁾; chỉ huy ở trong màn trướng⁽²⁾ mới định mà quan tú y⁽³⁾ đã có lệnh thúc giục rồi; dâng quân cho địch, dâng tướng cho địch, đều là do kẻ bàn nói mà đến nỗi. Các triều Đường, Tống, Minh bị thua, đều vì cơ đó, mà nhà Tống quá tệ, nhà Minh lại càng tệ hơn. Người luận về việc nhà Tống thì cho rằng bàn bạc nhiều mà thành công ít; người luận về việc nhà Minh thì cho rằng nhà Minh mất nước, không mất ở giặc cướp mà mất ngay từ trong cổng ngõ, không mất ở bờ cõi mà mất ngay từ lời can của đài quan⁽⁴⁾, cái tệ là ở chỗ không bàn lấy người làm

⁽¹⁾ Nghĩa là tướng được sai đi đánh chưa xuất quân mà chức quan ngự sử có trách nhiệm ăn nói đã dâng sớ lên nhà vua đồn dập để vạch lỗi của tướng, chỉ cái tệ người làm thì ít, người nói thì nhiều.

⁽²⁾ Màn trướng, chữ Hán “duy ốc” là chỗ làm việc của vua.

⁽³⁾ Tú y trực là chức quan thị ngự sử đời Hán.

⁽⁴⁾ Đài quan: Tức quan sự sử, có trách nhiệm nói bàn.

được việc , mà chỉ bàn lấy người không biết làm việc, bàn bạc rồi bởi như tơ khó gỡ. Xem xét xưa nay thì chỉ có vua Tuyên đế nhà Hán dùng Triệu Sung Quốc⁽¹⁾ là đúng phép dùng tướng thôi.

IV - ĐẠO LÀM TƯỚNG

Sách *Võ kinh*:

Phàm cái nguồn để biến đổi quân kỳ quân chính là ở chỗ đến việc thì không nói, dùng binh thì bí mật, cho nên việc thì nắm trước, động thì lặng im, dùng thì người ta không ngờ, mưu thì người ta không biết.

Phàm muốn thắng thì trước tỏ cho địch biết là ta yếu rồi mới đánh; cho nên quân ít mà công nhiều.

Chưa thấy thắng mà đã đánh, quân tuy nhiều cũng thua. Người đánh giỏi thì bình tĩnh mà không rối, thấy thắng thì đánh, thấy không thắng được thì dừng.

*

Sách *Kinh thế*:

Đời xưa, người giỏi dùng binh, ý muốn như thế mà làm không như thế, khiến họ lại ngờ rằng ý muốn không như thế, là để làm đúng ý mình muốn như thế. Đó là phép tinh vi để phá quân bắt tướng, hàng thành

⁽¹⁾ Triệu Sung Quốc, Tướng Nhà Hán, đời Vũ đế đánh Hung Nô, đời Tuyên đế đánh Tây Khương, tức Tiên Ty, lập được nhiều chiến công, Hán Tuyn đế chuyên nghe kế hoạch của Sung Quốc nên thành công.

phục áp vậy. Nay thì ý muốn không như thế, cho nên làm như thế, khiến họ lại ngỡ là ý muốn không như thế, để làm ý muốn như thế. Đó là phép tinh vi để phá quân bất tướng, hàng thành phục áp. Cái làm chỉ là cái bóng; làm mà không nghĩ thế chỉ là cái bóng ở trong bóng thôi, như hai cái gương treo đối nhau, thực là huyền ảo, mà càng huyền ảo.

Cái mưu làm cho địch khốn⁽¹⁾ là tính cái lợi ở chỗ ta có thể làm hóa ra không được, thế thì trí của nó mất chỗ dùng. Một lính không cho nó ập đánh không, làm đất không cho nó tiến đánh không, xuất phát không, phô sức không, dùng vật không để dụ nhử không; hoặc lấy hư để khốn nó⁽²⁾, hoặc lấy thực để khốn nó. Chỉ có hư mà không có thể thực, thì lừa dối không thể thành công; chỉ có thực mà không có thể hư thì đến việc không biết biến hóa. Vận hành ở khoảng giữa không và có. Xoay chèo ở lúc đầu chưa làm; mịt mịt mờ mờ, địch vốn có trí mà không thể nghĩ vào đâu, địch vốn có mưu mà không thể tính vào đâu; thực là biến hóa thần kỳ ở trong chỗ hư không vậy...

Người hướng quên mình để báo ơn vua mà không làm cho lòng sĩ tốt cũng như mình thì tướng ấy chưa phải là tướng lập công giỏi. Cùng sĩ tốt

⁽¹⁾ Chữ Hán là: “Không địch chỉ mưu” chữ **không** ở đây nghĩa là làm cho khốn. Những chữ **không** ở dưới thì nghĩa là làm cho hóa ra không, hay là làm không, không có thực hiện hay không có thực sự

⁽²⁾ Chữ **không** ở đây lại nghĩa là làm cho khốn như ở trên

cùng ăn uống, thì sau sĩ tốt quên được nỗi đói khát ở trên cật ngựa; cùng sĩ tốt cùng lên đài đi giày⁽¹⁾, thì sau sĩ tốt quên được nạn chông gai ở ngoài quan ải; cùng sĩ tốt cùng dậy cùng nghỉ, thì sau sĩ tốt quên được nỗi lao khổ của chiến chinh; lo cái lo của quân lính, đau cái đau của quân lính, thì sau quân lính quên được vết thương vì gươm tên. Việc đã quen mà tình lại chu đáo, nên lấy đánh giặc làm thiết yếu, lấy đau chết làm phận sự, lấy xông pha tên đạn làm việc gốc, mà không biết mình ở vào chỗ gian nguy. Quên mình thì ở, chỗ hiểm như ở đất bằng, ăn mùi đắng như nhai đồ ngọt.

Cái oai vận dụng ở nơi thiên hạ chưa kịp biết; không chế ở nơi thiên hạ không dám động; đánh vào nơi thiên hạ không thể giữ; chệch vào nơi thiên hạ không thể xông; chạy đến những nơi thiên hạ không thể đỡ; lìa bỏ những nơi thiên hạ không thể tụ. Cái oai vận dụng, chưa dùng binh đao mà địch đã sợ trước rồi; đã dùng binh đao thì không ai địch nổi; một thời thì sợ người, nghìn năm thì sợ tinh thần.

Tiến lên hay lui giữ do ở ta thì hấn thắng; do ở ta thì ta không chế địch, do ở địch thì ta bị địch không chế. Bị không chế không những riêng ta không muốn, mà địch cũng không đành chịu bị động, tức địch cũng không muốn bị không chế. Nhưng ta có thể không chế nó thì không thể không làm thế.

⁽¹⁾ Lên đài đi giày, tức là hưởng vinh dự phú quý.

Theo tính tự nhiên, không cái gì là không thể. Bất đầu quen ở một việc mà ra, lâu rồi nhân đó mà thành tự nhiên, cho nên người khéo dùng binh, thấy gì cũng là việc binh, bàn gì cũng là chiến lược, làm gì cũng dùng cách gián tiếp biến hóa, cho nên khi có việc xảy đến, không đợi phải xếp đặt bàn tính mà không việc gì là không thích hợp với kinh điển. Trời tự nhiên cho nên xoay vần, đất tự nhiên cho nên đông lại; việc binh tự nhiên cho nên không trận nào là không thắng.

Dùng trí để phục thiên hạ, mà thiên hạ phải phục trí, nhưng trí vẫn không thắng; dùng phép để chế thiên hạ, mà thiên hạ phải theo phép, nhưng phép cũng không thần. Vậy trí với phép không phải là cái hay ở trong cái hay đâu. Bậc thánh võ trị đời, đánh ở chỗ không có thành, công ở chỗ không có lũy, chiến ở chỗ không có trận, nhẹ nhàng như mưa rơi trên không, dựng lên cuộc đời vô sự.

*

Sách *Võ kinh*⁽¹⁾

Vua Thái Tôn (nhà Đường), hỏi: Các tướng suy hiện nay duy có Lý Tích, Đạo Tông, Triết Vạn Triệt⁽²⁾. Trừ Đạo Tông là thân thuộc, ngoài ra còn ai là người có

⁽¹⁾ Xem **Võ kinh trực giải**, phần “Tam lược”

⁽²⁾ Lý Tích: Tích nguyên là họ Tư, làm quan nhà Đường, Thái Tôn cho họ là Lý. Tích người ở Tào Châu, trước tên là Thế Tích, sau kiêng húy của Thái Tôn bỏ chữ Thế đi. Đạo Tông: tức là Lý Đạo Tông, là bà con của Đường Thái Tôn. Triết Vạn Triệt: người ở Phần Âm, đời Tùy, cùng với em là Vạn Quân về với Đường Cao tổ.

thể dùng được? - Thỉnh thưa⁽¹⁾ Bệ hạ thường nói Đạo Tông dùng binh không đại thắng cũng không đại bại, Vạn Triệt nếu không đại thắng tức phải đại bại. Thần vụng nghĩ lời thánh nói: Chẳng cầu đại thắng mà cũng chẳng để đại bại, đó là quân có tiết chế; muốn thắng to có thể thua to, may mà thành công. Cho nên Tôn Võ nói rằng: Người đánh giỏi trước làm thế địch không thể thắng để đợi thế địch mà mình có thể thắng⁽²⁾. Tiết chế ở mình mà thôi.

Thái Tôn hỏi: Theo *Binh pháp*⁽³⁾, cái gì là sâu nhất? Tỉnh thưa: Thần đã từng chia làm ba bậc, để cho học giả đi dần mà tới vậy. Một là đạo, hai là trời đất, ba là tướng pháp. Kể về đạo thì rất tinh vi. *Kinh Dịch* bảo rằng: Thông minh duệ trí, thần võ mà không giết người, chính là thế. Nói về trời thì có âm dương, nói về đất thì có thế hiểm thế dễ, người khéo dùng binh thì có thể lấy âm mà đoạt dương, lấy hiểm mà đánh dễ. *Mạnh Tử* bảo thiên thời địa lợi chính là thế. Nói về tướng pháp thì cốt dùng người và dùng

⁽¹⁾ Tỉnh: Tức là Lý Tỉnh, người Tam Nguyên, giỏi binh pháp. Trước làm quan với Tùy, sau về Đường, thời Đường Thái tôn binh nước Ngô, phá Đột Quyết, có công to, phong làm Vệ Quốc công, người sau biên chép những lời bàn về binh pháp của Tỉnh làm sách *Lý Vệ công văn đối*, được xem là một trong bảy sách của *Võ kinh*.

⁽²⁾ Xem *Tôn tử*, thiên IV

⁽³⁾ *Binh pháp*: tên sách của Tôn Võ

khí. Sách *Tam lược*⁽¹⁾ bảo rằng: Được quân sĩ thì tốt. Quân Trọng bảo rằng: Đồ binh khí tất phải bền sắc, chính là thế.

Thái Tôn nói: Phải. Ta cho rằng không đánh mà khuất phục được quân người, đó là cao nhất; trăm đánh trăm thắng, đó là bậc giữa; hào sâu lũy cao để tự giữ, đó là thấp nhất. Lấy đó mà so lường thì Tôn Võ⁽²⁾ làm sách đều đủ có ba bậc. - Tĩnh nói: Xem lời văn xét việc làm, cũng có thể phân biệt được. Như Trương Lương⁽³⁾, Phạm Lãi⁽⁴⁾, Tôn Võ, vượt hẳn lên cao không biết đâu mà lường, nếu không biết đạo thì sao làm được thế? Nhạc Nghị⁽⁵⁾ Quân Trọng⁽²⁾, Gia Cát Lượng⁽³⁾, chiến thì

⁽¹⁾Sách **Tam lược**: Truyền là của Hoàng Thạch công thời Chiến Quốc, nhưng do người đời sau giả thác, được xem là một trong bảy sách của **Võ kinh**.

⁽²⁾ **Tôn Võ**: Người nước Tề (thời Xuân thu), giỏi về binh pháp, có sách **Tôn tử** 13 thiên, Ngô vương Hạp Lư dùng làm tướng, phá nước Sở, uy chế nước Tề, làm bá chủ chư hầu.

⁽³⁾ **Trương Lương**: Người nước Hàn, làm quan đại phu nước Hàn, Tần diệt Hàn, Lương báo thù cấp dùi đánh Tần Thủy Hoàng ở Bắc Lăng; sau về với Hán Cao tổ, bàn mưu kế giúp Hán Cao tổ nên nghiệp đế, rồi thì tịch cốc nói thác là đi theo Xích Tùng tử. Lương tên tự là Tử Phòng, phong Lưu hầu.

⁽⁴⁾ **Phạm Lãi**: Người nước Sở (thời Xuân Thu) làm quan giúp Việt Câu Tiễn, diệt được nước Ngô, rồi không làm quan nữa, đi chơi ngũ hồ, thay đổi họ tên, sau đến ở đất Đào, tự đặt hiệu là Đào Chu công.

⁽⁵⁾ **Nhạc Nghị**: Người nước Yên (Thời Xuân Thu), làm khanh nước Yên, đem Yên, Triệu Sở, Hàn, Ngụy năm nước đánh Tề, hạ được 30 hơn thành.

thắng, giữ thì bền, nếu không biết xét thiên thời địa lợi thì sao làm được thế? Thứ đến Vương Mãnh⁽⁴⁾ giữ Tần, Tà An⁽⁵⁾ giữ Tấn, nếu không biết dùng tướng chọn tài, cố giữ cho bền, thì sao làm được thế? Cho nên những nhà rèn tập quân lính, trước hết phải do bậc thấp rồi mới đi đến bậc giữa, do bậc giữa rồi mới đi đến bậc cao, thế thì dần dần mới sâu được, không thế thì, chỉ dễ lời nói suông mà ghi dặc, không đủ dùng vậy.

Thái tôn nói: Đạo gia kiêng ba đời làm tướng. Không nên truyền xằng mà cũng không thể không truyền được. Khanh nên cẩn thận nhé.

Tình lạy hai lạy mà ra, đem hết sách truyền cho Lý Tích.

*

Sách Võ Kinh

Phàm nơi chiến trường là chỗ dễ chứa xác; ai

⁽²⁾ **Quản Trọng:** Người nước Tề (thời Xuân Thu), tên là Di Ngô, tự là Trọng, cũng gọi là Kinh Trọng, làm tướng giúp Tề Hoàn công, nước giàu quân mạnh, làm bá chủ chư hầu.

⁽³⁾ **Gia Cát Lượng:** Người Lang Da (Thục Han), tự là Khổng Minh, giúp Lưu Bị lấy Kinh Châu, Ích Châu và Hán Trung, dựng nên nước gọi là Thục, giỏi binh pháp, có lập ra Bát trận đồ.

⁽⁴⁾ **Vương Mãnh:** Người Bắc-hải (thời Tấn), làm quan với Tần Bồ Kiên, giúp Tần được cường thịnh.

⁽⁵⁾ **Tà An:** Người Hà Dương (thời Tấn), làm tư mã cho Tấn Hoàn Ôn, khi Tần Bồ Kiên sang đánh Tấn, An cử cháu là Tà Huyền đi đánh, phá được 10 vạn quân của Bồ Kiên.

quyết chết thì sống, cầu sống thì chết. Người tướng giỏi như ngồi trong thuyền thủng, nắp dưới nhà cháy, khiến trí không kịp mưu, mạnh không kịp giận, cứ việc mà để cho đánh. Cho nên nói cái hại trong việc dùng binh thì do dự là lớn nhất, tai vạ của ba quân sinh ra bởi sự hồ nghi⁽¹⁾.

Cho nên làm tướng cần có năm điều: một là lý, hai là bị, ba là quả, bốn là giới, năm là ước.

Lý (trị lý) tức là trị nhiều quân cũng như trị ít quân; bị (phòng bị) thì ra khỏi cửa như đã thấy địch; quả (dùng cảm) là lâm địch thì không nghĩ đến sống; giới là tuy đã thắng vẫn cẩn thận như khi mới đánh; ước là pháp lệnh đơn giản mà không nhiều⁽²⁾. Vâng mệnh rồi thì chẳng từ già người nhà, đánh địch thua rồi mới trở về, đó là lễ của người làm tướng. Cho nên trong ngày ra quân thì chỉ có chết vinh mà không có sống nhục.

Phàm việc binh có bốn cơ: một là khí cơ, hai là địa cơ, ba là sự cơ, bốn là lực cơ.

Ba quân đông đúc hàng trăm vạn người, mà quyền xếp đặt nhẹ nặng là ở một người, thế gọi là khí cơ; đường sá hẹp hòi, núi cao ải lớn, mười người chống giữ, nghìn người khó qua, thế gọi là địa cơ; khéo dùng gián điệp, cho khinh binh qua lại, chia tán thế quân của địch, khiến cho vua tôi nó oán nhau, trên dưới nó đổ lỗi cho nhau, thế gọi là sự cơ; xe bên trục bánh,

^(1,2) Ngô tử, thiên III

thuyền tốt lái chèo, lính thạo chiến trường, ngựa quen rong ruổi, thế gọi là lực cơ. Biết đủ bốn điều ấy thì có thể làm tướng.

Phàm trông chiêng là để làm uy cho tai, cờ xí là để làm uy cho mắt, cấm lệnh hình phạt là để làm uy cho lòng. Tai sợ uy tiếng, tiếng không thể không trong; mắt sợ uy tiếng, tiếng không thể không thể không trong; mắt sợ uy sắc, sắc không thể không sáng; lòng sợ uy hình, hình không thể không nghiêm. Ba điều ấy không dựng lên được thì tuy có nước cũng phải thua địch. Cho nên nói rằng: Tướng phất cờ thì không ai là không theo, tướng chỉ cờ thì không ai là không liêu chết⁽¹⁾.

Người làm tướng trên không bị chế bởi trời, dưới không bị chế bởi đất, giữa không bị chế bởi người; lòng khoan thai không thể khích bằng giận, lòng trong sạch không thể khiến bằng của. Phàm lòng diên, tai điếc, mắt lòa, lấy ba điều lầm lẫn ấy mà chỉ huy người ta thì thực khó lắm.

Đại phàm quân đội cần lao, tướng phải đem mình làm trước. Khi nắng thì không giương dù, khi rét thì không mặc áo kép, gặp chỗ hiểm trở thì đi bộ; giếng quân đào xong rồi mới uống sau; cơm quân nấu chín rồi mới ăn sau; lũy quân đắp xong rồi sau mới làm nhà ở. Nhọc hay nghỉ, mình phải cùng với quân lính. Như thế thì quân dù ở lâu cũng không đến nỗi già mỏi.

⁽¹⁾ Ngô tử, thiên IV.

Kẻ ra dân không bao giờ có hai lòng, sợ ta thì khinh địch, sợ địch thì khinh ta. Bị dân khinh thì thua; dân sợ uy thì thắng. Phàm tướng giỏi thì quan phải sợ tướng, mà quan sợ tướng thì dân phải sợ quan, dân sợ quan thì địch phải sợ dân. Thế nên muốn biết được hay thua, trước hết phải biết cân nhắc xem dân khinh hay là dân sợ. Kẻ ra kẻ không đẹp lòng ta thì ta không dùng, kẻ không sợ bụng ta thì ta không cất nhắc; yêu do ở người dưới thuận theo, uy do ở người trên mà có; yêu thì không có hai lòng, uy thì không dám xúc phạm. Cho nên người tướng giỏi chỉ cần ở yêu và uy mà thôi. Uy ở chỗ không thay đổi; ơn ở chỗ biết nhân thời ứng việc thì có cơ; trị khí để mà chiến; tỏ ý để mà công; bố trí bề ngoài để mà thủ; không quá ở chỗ theo độ số; không khốn ở chỗ có dự bị; thận trọng từ cái nhỏ; mưu trí ở việc lớn; trừ hại thì quả quyết được lòng dân vì nhún nhường; bị khinh rẻ vì hay ngờ vực; ác nghiệt vì hay chém giết; thiên lệch vì nhiều lòng riêng; không tường tất vì ghét nghe lời mình; không tiết độ vì hao phí của dân; không sáng suốt vì nghe lời dèm pha; không chắc chắn vì hay nhẹ dạ; quê mùa vì bỏ người hiền; mắc vạ vì ham lợi lộc; bị hại vì gần tiểu nhân; mất nước vì không giữ gìn; nguy khốn vì không tỏ hiệu lệnh.

Phàm binh không đánh thành không lối, không giết người không tội. Kẻ ra giết cha anh người ta, cướp của cải người ta, bắt con cái người ta, đó là đều là trộm cướp. Cho nên binh là để giết bọn bạo loạn và cấm điều bất nghĩa. Binh đến đâu thì người cày không bỏ ruộng,

người buôn không bỏ hàng, sĩ đại phu không bỏ chức. Vì quyền bần bạc vế võ chỉ ở một người, cho nên mũi gươm không giáy máu mà người trong thiên hạ đều thân yêu cả.

Phàm giết người là để cho sáng tỏ oai võ vậy. Giết một người mà ba quân sợ, giết một người mà vạn người mừng, thì cứ giết. Giết cốt ở giết người có tội lớn; thưởng cốt ở thưởng người có công nhỏ. Đáng giết, thì dẫu người quý trọng cũng giết, đó là hình thì xét ngược cả lên trên; thưởng thì thưởng cho cả những trẻ chăn trâu, người giữ ngựa, đó là thưởng thì trôi xuống cả dưới vậy. Kể ra có thể hình xét ngược lên trên, thưởng trôi xuống dưới, thì đó là oai võ của người tướng. Cho nên nhà vua phải trọng tướng. Kể ra tướng trên không bị chế bởi trời, dưới không bị chế bởi đất, giữa không bị chế bởi người.

Cho nên binh là đồ hung khí, tranh nhau là việc trái đức, mà tướng là thần chết, bất đắc dĩ mới phải dùng.

Ở trên không nệ trời, ở dưới không nệ đất, ở sau không nệ mệnh vua, ở trước không biết có địch.

Binh của một người như hùm như sói, như mưa như gió, như sấm như sét, rầm rầm rộ rộ, thiên hạ đều kinh. Binh thắng giống như nước. Kể ra nước là vật rất mềm yếu, nhưng có thể làm cho gỗ núi sụt lở, không có gì lạ đâu, vì tính chuyên nhất mà cảm xúc ngay thực.

Nay lấy gương giáo sắc bén, giáp da tê bên, ba quân đông đúc, có cả kỳ chính, thì thiên hạ không thể nào địch lại được.

Cho nên nói rằng: Cát người hiền dùng người tài, không kể ngày giờ nào mà việc đều lợi; sáng pháp luật tỏ hiệu lệnh, không phải bói toán mà được tốt lành; quý người có công, nuôi người khó nhọc, chẳng cầu đảo mà được phúc. Lại nói: Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa. Thánh nhân đòi xưa, cẩn thận việc người mà thôi.

Người tướng, ngày chịu mệnh quên cả nhà; ra bày quân nằm ở đồng thì quên cả cha mẹ; vén áo bào mà đánh trống thì quên cả mình.

Ngô Khởi khi ra trận, người tả hữu dâng gương, Khởi nói: “Tướng chỉ chuyên cầm cờ trống mà thôi. Lâm nạn quyết đánh, vẫy gương chỉ giáo là việc của tướng, dùng một thanh gương không phải là việc của tướng. Cho nên người biết đạo trước hết phải dự tính đến sự thất bại vì không biết chỗ dừng. Có phải là chỉ tiến thì mới nên công đâu! Khinh tiến mà cầu đánh thì địch sẽ mưu dừng lại, nếu ta tiến đi ta sẽ bị địch đánh. Cho nên *Binh pháp* nói: Tiến mà theo, thấy thì đánh, nhà vua không dám dương mà cứ lấn vượt, như thế thì sẽ mất quyền.

Lời nói không cẩn thận thì bị lấn; lấn át không chừng mực thì bị phá. Nước tràn sét đánh, ba quân rối loạn. Nếu muốn yên được nguy, trừ được nạn, thì lấy trí

mà quyết đoán, xem lời bàn ở lang miếu⁽¹⁾ là cao, xem lời nói khi chịu mệnh là trọng. Lời bàn vượt cũi phải cho sắc bén, như thế thì có thể thắng phục nước địch.

Bình có năm điều rất quan trọng: Làm tướng quên nhà, vượt cũi quên cha mẹ, đánh giặc quên mình, quyết chết thì sống, gấp thắng thì thua. Đám chết được trăm người, có thể hãm hàng rồi trận. Đám chết được nghìn người, có thể bắt địch giết tướng. Đám chết được vạn người, có thể hoành hành trong thiên hạ. Chuyên nhất thì thắng, lìa tan thì thua; mặt trận kín thì vững bền; mũi nhọn thưa thì địch dễ đến. Quân sợ địch hơn sợ tướng thì thua. Sở dĩ biết sự được thua, là do cân nhắc tướng với địch. Dịch với tướng như cái cân vậy, yên tĩnh thì trị, gấp vội thì rối. Người xưa đuổi chạy không quá trăm bước, rút lui không quá hai xá⁽²⁾, đó là để bày tỏ điều lẽ. Không ép uống người bất năng, thương xót người đau ốm, đó là để bày tỏ điều nhân. Thành hàng rồi mới khua trống, đó là để bày tỏ điều tín. Tranh lấy nghĩa mà không tranh lấy lợi, đó là để bày tỏ điều nghĩa. Lại hay tha người quy phục, đó là để bày tỏ điều dũng. Biết sau biết trước, đó là để tỏ bày điều trí. Sáu đức ấy theo từng thời mà dạy, để làm đạo dụng kỷ cương cho dân, đó là chính trị từ xưa vậy.

Pháp luật của nước không dùng cho quân, kỷ luật của quân không dùng cho nước. Kỷ luật của quân đem dùng cho nước thì dân đức phải bỏ, pháp

⁽¹⁾ Lang miếu: Triều đình

⁽²⁾ Quân đi 30 dặm là một xá

luật của nước đem dùng cho quân thì quân đức phải yếu. Cho nên ở nước thì lời nói mềm mại ôn tồn; ở triều thì cung kính nhún nhường, sửa mình để đối đãi với người, vua không triều thì không đến, không hỏi thì không nói, khó tiến dễ lui; ở quân thì khi đứng cứng cáp, khi đi thì mau mà quả quyết, mặc giáp trụ thì không lay, ngồi xe quân thì không chào, qua cửa thành thì không rào bước, gặp việc nguy thì không nhường ai. Cho nên lễ với pháp là trong với ngoài, văn với võ là tả với hữu.

Lòng tướng lòng quân đều là lòng cả. Ngựa trâu, xe cộ, quân lính nghỉ ngơi no nê, đều là sức cả. Dạy thì làm trước, đánh thì theo tiết. Tướng quân ví như mình, quân đội ví như tay chân, hàng ngũ ví như ngón tay ngón chân.

Phàm chiến tranh phải có thiên, có tài, có mỹ. Thời giờ không thay đổi, quân đi phải bí mật, đó gọi là thiên; quân chúng cứ nẩy ra ý hay, đó gọi là tài; quân lính tập trận giỏi, mọi vật đều dự bị đầy đủ, đó gọi là mỹ.

*

Sách *Bảo giám*:

Cho nên khi chưa ra quân thì yên lặng như cô gái chưa chồng; khi địch đã đến thì như con thỏ sống, khiến địch không kịp chống cự. Mọi người cứng rắn, lời nói nóng hổi. Xe thì kín là chắc, quân thì ngồi là chắc, áo giáp nặng thì bền, binh khí nhẹ thì hơn. Thư từ tin tức

phải dứt, thế gọi là dứt sự trông ngóng. Chọn nơi tốt để đóng quân, thế gọi là thêm mạnh cho người. Bỏ gánh đội nặng mà ăn hà tiện, thế gọi là mở ý cho người. Đó là chính trị từ xưa vậy.

Nhạc Vũ Mục⁽¹⁾ nhà Tống nói: Cái thuật dùng binh, các điều nhân, tín, trí, dũng, nghiêm, thiếu một điều là không được⁽²⁾.

Đại thể hành binh có ba điều: một là trời, hai là đất, ba là người. Thế trời là mặt trời mặt trăng trong sáng, năm ngôi sao đúng độ, sao chổi sao bột không hiện, hơi gió điều hòa. Thế đất là thành cao bờ thẳm, sông to nghìn dặm, cửa đá hang sâu, đường ruột dê quanh co. Thế người là vua thánh tướng hiền, ba quân giữ lễ, sĩ tốt vâng lệnh, giáp bên lương đủ. Người tướng giỏi nhân được thời trời, dùng được thế đất, nương được lợi người, thì tới đâu cũng thắng, đánh đâu cũng được vạn toàn.

Tướng có năm tài và mười lỗi.

Năm tài là: Dũng, trí, nhân, tín, trung. Dũng thì không ai phạm được; trí thì không cái gì làm rối được; nhân thì yêu dân; tín thì không lừa dối; trung thì không hai lòng⁽³⁾.

Mười lỗi là: Có dũng mà khinh chết; có gấp mà muốn mau; có tham mà ham lợi; có nhân mà không nỡ giết; có trí mà lòng nhút nhát; có tín mà hay tin người;

⁽¹⁾ Tức là Nhạc Phi

⁽²⁾ **Võ kinh tổng yếu**, Tiền tập, quyển I, gọi là ngũ tài.

⁽³⁾ **Võ kinh tổng yếu** thay Trung bằng Nghiêm

có liêm mà không yêu người; có trí mà lòng chần chờ; có cương nghị mà tự phụ; có nhu nhược mà thích dùng người. Dũng mà khinh chết thì có thể dùng bạo lực mà đối phó; gấp mà muốn mau thì có thể dễ lâu; tham mà ham lợi thì có thể dứt của; nhân mà không nỡ giết thì có thể làm cho nhọc; trí mà lòng nhút nhát thì có thể làm cho quẫn; tin mà hay tin người thì có thể nói dối; liêm mà không yêu người thì có thể khinh nhờn; trí mà lòng chần chờ thì có thể đánh úp; cương nghị mà tự phụ thì có thể trị được; nhu nhược mà thích dùng người thì có thể lừa được.

Cách sử dụng người trí, người dũng, người tham, người ngu: Người trí thích dụng được công; người dũng ham đạt được chí; người tham chạy theo lợi; người ngu không nghĩ đến chết. Lấy chí tinh mà dùng, đó là điều màu nhiệm của nhà binh vậy.

Đạo làm tướng có tám điều tệ là:

1. Lòng tham không chán.
2. Ghen người hiền, ghét người tài.
3. Tin lời gièm, ưa lời nịnh.
4. Xét người không xét mình.
5. Do dự không quả quyết.
6. Say đắm rượu và sắc đẹp.
7. Thích xảo trá mà lòng nhút nhát.
8. Nói dối mà không theo lẽ.

Làm tướng có trách nhiệm nguy, là bởi trách nhiệm nặng thì nguy. Cho nên tướng giỏi thì không cậy mạnh, không cậy thế, được yêu cũng không mừng, bị

nhục cũng không sợ, thấy lợi không tham, rượu ngon không đắm, đem mình hy sinh cho nước, chỉ có một lòng mà thôi.

Có bốn điều muốn là:

1. Đánh thì muốn dùng kỳ binh.
2. Mưu thì muốn làm bí mật.
3. Quân chúng thì muốn yên tĩnh.
4. Lòng thì muốn chuyên nhất.

Người tướng giỏi, cứng không thể bẻ được, mềm không thể uốn được. Cho nên lấy yếu để chế mạnh; lấy mềm để chế cứng. Mềm cả yếu cả, thì thế phải kém; cứng cả mạnh cả, thì thế phải mất. Không cứng không mềm, đó là đạo thường. Tướng không nên kiêu, kiêu thì thất lễ; thất lễ thì người ta lìa bỏ; người ta lìa bỏ thì quân chúng làm phản.

Tướng không nên biếng, biếng thì không thưởng công; không thưởng công thì quân sĩ không chịu hy sinh; quân sĩ không chịu hy sinh thì quân không có công; quân không có công thì nước trống rỗng; nước trống rỗng thì giặc đến.

Khổng tử nói: Nếu có tài giỏi như Chu công mà có tính kiêu và lận, thì cái khác cũng không đủ kể nữa.

Có tiết cao có thể khuyến khích phong tục; có hiếu để có thể nêu danh về sau; có tín nghĩa có thể kết bạn; có rộng yêu có thể thu phục quân chúng; có sức mạnh có thể lập công. Đó là năm đức tốt của người làm tướng.

Có mưu mà không biết tính điều phải trái, có lễ mà không biết dùng người hiền lương, chính trị mà

không biết làm đúng hình pháp, giàu có mà không biết giúp người nghèo thiếu, trí khôn mà không biết ngừa từ việc chưa xảy ra, lo nghĩ mà không biết phòng từ việc rất nhiệm nhặt, việc xa không biết suy mà biết, khi thua không thể không có gièm chê. Đó gọi là tám điều xấu.

Kinh Thư nói: Khinh nhờn người quân tử thì không thu được lòng người. Khinh nhờn kẻ tiểu nhân thì không dùng hết được sức người. Mấu chốt việc hành binh, cốt nhất phải nắm được lòng người anh hùng, nghiêm sự thưởng phạt, tóm được đạo văn võ, gồm được thuật cứng mềm, trải những thuyết lễ nghĩa, trước trọng đức rồi sau dùng sức lực. Tĩnh thì như cá lặn; động thì như rái chạy; làm võ chỗ liến; bề gãy chỗ mạnh; dùng cờ xí làm cho hoa mắt; dùng chiêng trống làm cho núng lòng; rút lui thì như núi dời; tiến lên thì như mưa gió; cất quân thì như lên đống; hợp lại thì như cọp đánh nhau. Cưỡng ép mà rộng dung; lấy lợi mà dụ dỗ; lấy lễ mà giữ gìn; nó kém thì khiến cho kiêu; nó thân thì làm cho lìa; nó mạnh thì làm cho yếu. Có người nguy thì làm cho yên; có người sợ thì làm cho vui; có người phản thì cứu mang trở lại; có người oan thì cho họ được thân; kẻ mạnh thì nén xuống; kẻ yếu thì đỡ lên; người có mưu thì gần gũi; người gièm pha thì đánh đổ đi; được của cải thì chung nhau; không cậy sức mà khinh địch; không ngạo của mà khinh người; không vì được yêu lâu

mà làm sai. Tính trước rồi sau mới hành động; biết có thể thắng rồi sau mới chiến. Được ngọc lụa không để riêng mình dùng; được con trai con gái không để riêng mình sai khiến. Như thế mà phát chính ra lệnh thì người ta nguyện chiến đấu ngay, mũi gươm chưa giây máu mà địch tự thua vậy.

Người làm tướng phải có lòng dạ, phải có tài mắt, phải có nanh vuốt. Không có lòng dạ thì như người đi đêm không có đuốc; không có tài mắt thì như người ở trong xó tối; không có nanh vuốt thì như người đói ăn phải vật độc; không trường hợp nào là không chết. Cho nên người tướng giỏi phải có người nghe rộng biết nhiều để làm lòng dạ, người xét sâu kín đáo để làm tài mắt, người dũng cảm giỏi đánh để làm nanh vuốt. Kể ra dùng người ngu mà thắng người trí là nghịch; dùng người trí mà thắng người ngu là thuận; dùng người trí mà thắng người trí là cơ. Cơ có ba đường: 1. cơ về việc, 2. Cơ về thế, 3. Cơ về tình. Cơ về việc, khi đã xảy ra mà không có thể ứng phó thì không phải là trí. Cơ về thế, khi đã động mà không có thể khống chế thì không phải là hiền. Cơ về tình, ốm mà không gắng làm được thì không phải là dũng. Người tướng giỏi tất nhân cơ mà giữ phần thắng.

Quân đi ra phải có luật, trái luật là dữ. Luật có 15 điều:

1. Lo nghĩ, có gián điệp để sáng tỏ.
2. Nói chuyện, lời nói phải cẩn thận.
3. Đồng, địch với mọi người mà không nao.

4. Liêm, thấy lợi thì nhớ nghĩa.
5. Bình, thưởng phạt công bằng.
6. Nhẫn, khéo nhịn trong sự nhục.
7. Khoan, hay dung nạp mọi người.
8. Tín, hay xem trọng lời hứa.
9. Kính, có lễ với người hiền tài.
10. Minh, không nghe lời gièm.
11. Cẩn, không trái lẽ.
12. Nhân, khéo nuôi quân sĩ.
13. Trung, đem mình hiến cho nước.
14. Phận, biết thôi và đủ.
15. Mưu, tự liệu về mình trước rồi sau mới liệu địch.

Vả nước lấy binh làm gốc, binh lấy tướng làm gốc, quân lấy tướng làm chủ. Cho nên muốn binh mạnh để chiến thắng thì cần ở sự dùng tướng được người, rồi sau mới có thể uy phục được thiên hạ và các rợ xung quanh. Đó là gốc lớn để trị nước.

Phàm tướng hay dùng chính mà không dùng kỳ là tướng giữ gìn; hay dùng kỳ mà không dùng chính là tướng chiến đấu; kỳ chính đều dùng cả, đó là tướng giúp nước vậy. Dấy binh ra quân, bày binh phá trận, xem đáng cớ gì, hiểu tiếng chiêng trống, đo bóng định giờ để quyết lành dữ; theo sự chuyển vận của ngũ hành, ra vào ứng theo thần vị; lấy biến mà dùng binh, khiến kẻ địch không lường biết tự đâu mà đến; lấy thần mà dùng binh, khiến quân ta không biết ta làm gì; động có mục; tĩnh có phương; được thua ở trong tay; thấy trước mà sẽ được lòng

của trời đất quỷ thần để yên lòng quân chúng; đó gọi là thiên tướng vậy.

Ở trong bốn cõi, những việc của trăm họ do tướng văn chịu trách nhiệm; ở ngoài bốn cõi, những việc đối với nước địch do tướng võ chịu trách nhiệm. Tục ngữ nói: Tướng võ tướng văn sáng suốt thì nhà nước không có việc binh. Khi mềm thì cứng, khi co thì duỗi, sáng mà có dũng, hùng mà có mưu, tròn mà hay chuyển, vòng mà biết mối, trí trùm khắp muôn vật, mà đạo đức cứu cả thiên hạ, người có cả tám điều ấy thì đủ gọi là đại tướng. Cho nên bảo rằng tướng là người giúp nước; giúp được chu đáo thì nước có thể mạnh; giúp mà sơ hở thì nước hấn yếu. Dùng tướng phải xem diện mạo, xét thần thái mà biết được lòng.

Vua đối với tướng, chọn người hiền mà trao cho quyền binh, cất lên mà không ngờ vực gì, thì tướng tất trong đáp ứng bằng ngay thẳng, ngoài phục vụ bằng thuận tòng. Đáp ứng bằng ngay thẳng thì luật quân nghiêm; phục vụ bằng thuận tòng thì tiết bề tôi vững. Cử tướng như thế mà ngăn giặc thì có lo gì phải chớ xe xác về đâu.

Quân được hay thua do ở người tướng. Có phải bởi tướng làm nên đâu, chỉ là do sự dùng của tướng mà thôi. Trí địch muôn người, không dùng được muôn người thì cũng như người ngu vậy; dùng nhất ba quân, nếu không dùng được ba quân thì cũng như người nhát vậy. Người tướng giỏi đứng đắn mà hay biến hóa, cứng

cát mà hay thương người, nhân từ mà hay quyết đoán, dũng cảm mà tường tất, lấy sách lược mà chế ngự quan và quân, chưa thấy ai như thế mà không dựng được công nghiệp để dẹp yên họa loạn bao giờ.

Nhà nước hành quân trao luật, cái quyền sinh sát do đại tướng làm chủ. Làm lòng dạ của nước, nắm sinh mệnh của ba quân, có thể không thận trọng sự lựa chọn hay sao! Nếu muốn phong tướng, trước phải lấy tinh thần mà xét nên chăng về bốn điều; 1. Diện mạo; 2. Lời nói; 3. Cử động; 4. Việc làm.

Sách *Vạn cơ chí* :⁽¹⁾

Dẫu có một trăm vạn quân và một tướng có khí nuốt địch, phỏng đem hết vũ khí của cả nước trao cho, nếu không dùng được người thì làm gì được? Tướng lớn và nhỏ đều có bốn bậc, tướng nào mà không dự ở cả trong tám bậc ấy, thì không thể gọi là tướng được. Bốn bậc tướng lớn là : 1) thiên tướng, 2) địa tướng, 3) nhân tướng, 4) thần tướng. Bốn bậc tướng nhỏ là: 1) uy tướng, 2) cường tướng, 3) mãnh tướng, 4) lương tướng.

Quân đến nơi nào, cũng phải xét kỹ địa lý. Núi chằm, xa gần, rộng hẹp, hiểm dễ, rừng rú dày mỏng, khe suối sâu nông, nếu xem như ở trên bàn tay, thì khi chiến thắng, sau trước không ngăn trở, tả hữu không ngừng trệ, quân bộ quân kỵ đi lại đều tiện, giáo mác sử dụng được hợp, chỉ huy tiến thoái đều thuận tình, người ngựa

⁽¹⁾ Chúng tôi không tìm ra sách *Vạn cơ chí*

không bị bức nghẽn, đánh giữ thì được lợi về lương chứa, phát quân thì được đủ về nước cỏ, người ngựa không bị đói khát, hãm vào đất chết mà có thể sống, lâm vào chỗ mất mà có thể còn, đất nghịch mà dùng thuận được, đất thuận mà dùng nghịch được, không chọn khó dễ, đều có thể yên mà sau động, động mà quyết thắng, thế gọi là địa tướng⁽¹⁾.

Thanh liêm về của cải, tiết kiệm về tiêu dùng, lơ là về rượu, giữ mình theo lễ, thờ bề trên lấy trung, vui lo cùng quân lính, lấy của địch mà không tích trữ, bắt phụ nữ địch mà không giữ riêng, nghe mưu mà dùng người, gặp ngờ thì phán đoán, dùng mà không lấn người, nhân mà không bỏ phép, giấu tội nhỏ răn lỗi lớn, phạm lệnh không kể là thân, thưởng công không nghĩ đến thù, người già thì nâng đỡ, người trẻ thì vỗ về, người sợ thì làm cho yên dạ, người lo thì làm cho vui lòng, có kiện thì xử đoán, có lạm thì xét minh, có giặc thì đánh dẹp, kẻ mạnh thì nén xuống, kẻ nhát thì che chở, kẻ dũng thì sai khiến, kẻ ngang ngược thì giết, kẻ phục tùng thì tha, người mất thì cho được lại, người quên thì nhắc bảo cho, người quy thuận thì cho tước, người hung bạo thì trấn trị, gần người mưu trí, xa người gièm pha, lấy thành không phải đánh, lấy đất không phải giữ, địch nông cạn thì chờ sinh biến, địch dối trá thì bất tuân theo, thế trái phải chờ xem, thế thuận thì quyết đánh, thế gọi là nhân tướng.

⁽¹⁾ Thiên tướng đã nói ở trên, nên đây chỉ nói địa tướng thôi

Lấy thiên tướng làm ngoài, lấy địa tướng làm trong, lấy nhân tướng ở giữa, gồm cả sở trường của ba tướng thì gọi là thần tướng.

Trong khi hành quân, không nệ thiên thời, không nệ địa lợi, dùng người không kỳ gan hay nhất, nghe có địch thì đi ngay mà không lo ngại, kẻ nào phạm lệnh, thì không kể tội lớn hay nhỏ, buộc ngay vào hình pháp, nghe tiếng là phải sợ, chống lại là phải đánh, thế gọi là cường tướng⁽²⁾.

Quân không kỳ nhiều hay ít, địch không kỳ mạnh hay yếu; ba quân theo lệnh, như cánh tay khiến ngón tay, đi lại muôn cách thay đổi, đánh lúc địch chẳng ngờ, cử động như thần, một ngựa một gươm gạt mũi nhọn mà tiến vào trước, khiến quân địch lúng túng, sợ mà lánh xa, thế gọi là mãnh tướng.

Lấy uy tướng làm ngoài, lấy mãnh tướng làm trong, lấy cường tướng ở giữa, gồm cả sở trường của ba tướng thì gọi là lương tướng.

Nhà nước dùng tướng, được thiên tướng có thể chống được giặc trời, được địa tướng có thể chống được giặc trái đất, được nhân tướng có thể chống được giặc trái người, được thần tướng có thể chống được giặc cả thiên hạ, tính toán không sót điều gì.

Uy tướng có thể phụ với thiên tướng, cường tướng có thể phụ với địa tướng, mãnh tướng có thể phụ với nhân tướng, lương tướng có thể giữ bốn phương. Tuy

⁽²⁾ Nguyên văn chép sót đoạn giải thích về uy tướng.

nói mạnh và cường có sự lợi dụng nhanh chóng, nhưng đều không thể dùng riêng được. Đó là thể của đạo tướng vậy.

Tướng khi ra trận, không hỏi vợ con, là tỏ ra đã dâng mình cho nước. Vua khi sai tướng không dám khinh thường việc lễ, là tỏ ra tôn trọng việc dùng người. Tướng khi ở ngoài có quyền không theo mệnh vua, chỉ nhằm tiện lợi của nhà nước mà phục vụ, giữ mình trong sạch, quý trọng quân sĩ. Cho nên tướng mà cự lời can ngăn thì người anh hùng trở về nhà; không theo chức hay thì kẻ mưu sĩ cũng bỏ đi; coi thiện ác ngang nhau thì hiền ngu lẫn lộn; thưởng phạt rối loạn thì kỷ cương tan tành; mừng nhiều thì không có uy; giận nhiều thì lòng người lìa; nói năng nhiều thì cơ lộ; ham thích nhiều thì trí lằm; rộng rãi thì quân trở nải; bạo ngược thì quân oán hờn. Tướng tự chuyên thì người dưới đổ lỗi cho; tướng tự khen mình thì người dưới không chịu lập công; tướng nghe lời gièm thì người ngay bỏ đi; tướng ăn của đút thì quân lính gian tham; tướng ham việc trong buồng thì quân lính dâm dăng; không tham tài mê sắc thì giữ mình được trong sạch; biết lánh hiểm xa ngờ thì uy tín được tăng thêm tính kỹ lo xa cho nên không hỏng việc; theo thời thuận biến cho nên lập được công; thương yêu người dốc lòng làm, cho nên được yêu mến; nghe lời phải xa kẻ gièm cho nên người xa lại; tính trước rồi sau mới làm, để phòng biến cố; trước có tín rồi mới nói cho nên thu phục được người dưới; tội thì trị công thì thưởng cho nên uốn nắn được người; xem

gương việc xưa sáng suốt việc nay cho nên soi sáng được quân chúng; nhũn nhặn trọng người nên được lòng người; bỏ tư theo công nên giữ được nước. Tình thần cho ngay thẳng, hình thể cho đoan trang, động phải như gió, đứng phải như núi, chiến đấu phải như sấm sét, cơ mưu phải như quỷ thần, lo nghĩ phải thấu như ánh sáng, mệnh lệnh phải nghiêm như sương tuyết. Có được như thế mới có thể đương được mệnh lớn của nhà nước.

Trong quân có người ốm, tướng phải thân hành đem thuốc điều trị; quân có người chết, tướng phải khóc thương; quân đi thú xa thì sai vợ con đến nhà thăm hỏi; phạm có khao thưởng thì chia đều cho quan và quân; khi có hành động thì phải họp cả tướng tá để bàn, mưu đã định rồi sau mới đánh. Cho nên tướng với binh có cái ơn hoà rượu⁽¹⁾ và hút máu⁽²⁾. Cho nên quân sĩ có những cuộc thui trâu bày rượu và cái khí ném đá; yêu mến như con em theo cha anh, như chân tay đỡ đầu mắt, không ai ngăn được. Nếu hà khắc làm cho họ đau đớn, bắt làm lưng nặng nề, thì những tiếng thù oán nghe không xiết! Tướng sùỵ coi quân sĩ như cỏ rác thì quân sĩ coi tướng sùỵ như cừu thù, cầu họ làm bộ hạ thì cũng là khó, còn

⁽¹⁾ Hoà rượu: Sách **Hoàng Thạch công** nói xưa có một vị tướng giỏi gặp người biếu một vò rượu, ông đem đổ xuống sông, rồi bảo các tướng sĩ đón dòng nước mà uống, ba quân do đó mà liêu chết đánh.

⁽²⁾ Hút máu: Ngô Khởi giỏi dùng binh, một người lính có nhọt, Khởi ghé mồm mút mủ, làm cho người có nhọt ấy cảm kích mà ra sức.

mong gì họ gắng sức liều chết để đánh địch nữa. Đó là đại lược về phép tướng sủy võ về quân sĩ vậy.

Sách *Binh lược*⁽¹⁾

Tướng giỏi cầm quân không vì quân ta nhiều mà kiêu, không vì quân ta ít mà nản chí. Kể ra mạnh không gì bằng hổ dữ, nhưng bắt lợn ở chuồng bị nhân dân đuổi thì cũng phải quặp đuôi mà chạy không dám nhìn lại. Như thế mới biết lấy nghĩa thì có thể sai khiến người ta.

Tướng kiêu có thể đánh bại. Làm tướng không nên cậy trí dũng mà kiêu với người. Tống Nghĩa⁽²⁾ có thể không chế được Hạng Lương, Bạch Khởi⁽³⁾ có thể giết được Triệu Quát⁽⁴⁾ là vì thế. Khâm Phúc triều Minh đi đánh nước Bản-Nhã-Thất-Lý, vì cậy dũng mà cả quân tan vỡ; Liễu Thăng vào nước Nam ta, vì chí kiêu mà đổ quân mất mạng, là thế đó.

⁽¹⁾ Chúng tôi không tìm ra sách **Binh lược**.

⁽²⁾ Tống Nghĩa: Lệnh doãn cũ của nước Sở, theo Hạng Lương đi đánh Tần, phá được quân Tần, Lương có vẻ kiêu căng, Nghĩa can rằng đánh được giặc mà tướng kiêu căng, quân lười biếng, tất phải thua. Lương không nghe, sau bị tướng Tần đánh cho thua.

⁽³⁾ Bạch Khởi: Người Tần (thời Chiến quốc), giỏi dùng binh. Thời Tần Chiêu vương phong là Vũ an quân, phá nước Triệu, chôn quân đầu hàng của Triệu hơn 40 vạn người.

⁽⁴⁾ Triệu Quát: Người nước Triệu (thời Chiến quốc), khi còn ít tuổi học binh pháp, nói việc hành quân tự cho là thiên hạ không ai bằng; sau làm tướng thay cho Liêm Pha, đổi hết ước thúc và đổi đặt quân lại; cuối cùng bị tướng nước Tần là Bạch Khởi bắn chết.

Khích phát sĩ khí, hoặc lấy quả cảm mà khích, như Lưu Ý nhà Tống⁽¹⁾ giữ Thuận Xương, quân Kim lấn xuống Nam, Ý cho đục thuyền để bảo cho giặc biết là ý mình quyết không bỏ đi, rồi chứa củi để đốt; hoặc lấy trung nghĩa mà khích, như Trương Tuấn⁽²⁾ đặt tượng vua Đường rồi khóc lạy để trách sáu tướng, do đó sĩ khí thêm hăng; hoặc lấy lòng chí thành mà khích, như Trương Tuấn thể chết mà tướng sĩ đau lòng, đánh giặc cả võ, như vua Đường Đức Tôn biết nhận lỗi mình mà quần thần ra sức liều chết để giúp vua; hoặc lấy lợi hại mà khích, như Dương Khánh giữ Thành Đô, mộ quân sĩ cấp cho nhiều lương, dân nước Thục cầm dao phay và gậy không đến giúp quan quân, binh Man cả thua, như Lý Mục nhà Tống đóng giữ Dục Châu, có được vật gì thì cho hết quân sĩ, như Hoàng Thạch công nói: được của chia cho quân lính thì quân lính hết sức liều chết, Lý Mục làm đúng như thế.

*

Sách Võ kinh:

Thần nghe nhà vua có đạo tất thắng, cho nên có thể bao gồm rộng lớn mà thống nhất chế độ, như thế thì thiên hạ biết uy. Tất cả có 12 điều: 1) Liên hình, bắt cả đội ngũ cùng giữ và phải tội cùng nhau; 2) Địa cấm, tức là cấm chỉ đường đi để sẵn

⁽¹⁾ Lưu Ý: Thời Tống Cao Tôn, Lưu Ý đánh phá thái tử Kim. là Ngột Truật ở Thuận Xương

⁽²⁾ Trương Tuấn; Người Nam-dương, thười Đường Huyền-tôn, An Lộc Sơn làm loạn, Tuấn và Hứa Viễn giữ thành Thư-dương đánh nhau với An Lộc Sơn.

bắt kẻ gián điệp; 3) Toàn quân, các giáp thủ cùng phụ với nhau, ba người năm người đồng nhau kết liên cho chặt chẽ; 4) Khai tái, tức là chia đất có giới hạn, nơi nào thuộc người nào thì đều chết theo trách nhiệm mà bên giữ; 5) Phân hạn, tức là tả hữu giữ nhau, trước sau đọi nhau, lấy xe làm tường để đón để giữ; 6) Hiệu biệt, tức là hàng trước phải tiến để cách hàng sau, không được giành trước làm mất trật tự; 7) Ngũ chương, tức là tỏ rõ hàng lối cho trước sau khỏi rối; 8) Toàn khúc, tức là khúc đoạn theo nhau đều có phân riêng; 9) Chiêng trống, tức là phẩn khởi người có công, giúp đỡ người có đức; 10) Trận xa, tức là tiếp liền hàng dẫu, ngựa che bên mắt; 11) Tử sĩ, tức là trong quân lính có người tài trí cuồi trên chiến xa, trước sau ngang dọc, trở mưu chống địch; 12) Lực tốt, tức là nắm toàn bộ và khúc đoạn, không vầy cờ thì không động. Mười hai phép ấy dạy xong tha thì quân yếu có thể làm cho mạnh, chức thấp có thể làm cho cao, phép tồi có thể làm tốt lại, dân xa có thể làm gần lại, người đông có thể trị được, đất rộng có thể giữ được, xe nhà nước không ra khỏi thành, giải áo giáp không ra khỏi túi, mà uy phục được thiên hạ vậy⁽¹⁾.

Phàm sai quân, pháp lệnh ở mình gọi là chuyên, cùng với người dưới sợ phép gọi là pháp. Việc quân không nghe lời vật, ra trận trong cầu lợi vật thì nên.

⁽¹⁾ Xem **Võ kinh trực giải**, phần “Tứ mã giáp”, chương 22

Làm việc tinh vi là đạo.

Kể ra, tướng là chí, ba quân là khí, Khí dễ động mà khó chế. Do tướng chế mà trấn tĩnh thì sợ hãi có thể định, phản trắc có thể yên, trăm vạn quân có thể tiêu diệt được. Chí ngay thẳng mà mưu có một, khí phấn khởi mà dũng gấp đôi thì thắng. Thấy địch yếu thì mình tiến; thấy địch mạnh thì mình dừng; đừng lấy ba quân đông đúc mà khinh địch; đừng lấy chịu mệnh làm trọng mà liều chết; đừng lấy mình làm quý mà rẻ người; đừng lấy ý kiến riêng mà trái quân chúng; đừng xem lời biện thuyết là tất đúng; quân sĩ chưa ngồi thì đừng ngồi, quân sĩ chưa ăn thì đừng ăn, nắng rét cùng chịu. Như thế thì quân sĩ hẳn hết lòng liều chết.

Việc của một người, không tiết lộ cho hai người; việc làm ngày mai, không tiết lộ hôm nay; suy xét cho kỹ càng, đừng để hở sợi tóc; bí mật ở công việc sợ tiết lộ ra lời nói; bí mật ở lời nói sợ tiết lộ ra nét mặt; bí mật ở nét mặt sợ tiết lộ ở tinh thần; bí mật ở tinh thần sợ tiết lộ trong mơ mộng. Có việc làm cần giấu đầu mối, có việc dùng phải cấm không nói. Nhưng cũng có điều nên nói trước để tỏ lòng tin, giữ, thành thực.

Việc của người làm tướng, lặng lẽ cho kín, ngay ngắn cho yên, có thể làm tối tai mắt của quân sĩ, khiến họ không biết đổi việc làm; thay mưu kế, khiến người ta không biết; đổi chỗ ở, dời đường đi, khiến người ta không lo lắng. Đến kỳ dấy quân thì như lên cao mà bỏ thang đi; quân tiến sâu vào đất chư hầu mà phát động binh cơ cũng như đuổi đàn dê cho chạy đi chạy lại,

chẳng biết đi đâu, tập hợp ba quân đông đúc mà đưa vào chỗ hiểm. Đó là việc của người làm tướng.

Bàn việc thì đời xưa không bằng đời nay; việc nhiều thì phép cũng nhiều; thời đổi thì lý cũng đổi. Cho nên người biết đọc binh thư xưa thấy chỗ không nên thì biết là câu nệ, thấy lời nói bậy thì biết là sai, thấy điều chưa đủ thì biết là thiếu. Xét chỗ huyền để tìm ra thực; thấy viễn vọng phô trương thì phải gạt đi; thành bị cướp thì phải làm thế nào để thoát⁽¹⁾; thấy kiêng mà có khi cứ làm; thấy răn mà vẫn ra quân; xét chỗ hở mà tìm chỗ khít; do chỗ lệch mà đến chỗ toàn; lật chính thay kỳ, hóa cơ làm biến; người ta câu nệ ở phép mà ta thì làm ra phép; người khéo dùng phép thì lấy thần trí mà xem phép.

Xét tính mệnh để biết lẽ sâu của việc binh; xem cổ sử để tìm dấu vết của việc binh; xét tượng số để biết hết điểm triệu về binh; hiểu thời vụ để thấu suốt chính sách về binh; khảo khí cụ để sửa sang vật dụng của binh. Khi tĩnh thì đặt các việc vô hình để bày mưu trước. Khi động thì lấy những điều đã nghĩ để kinh lý thiên hạ.

Tướng mùa đông không mặc áo da, mùa hè không dùng quạt, trời mưa không che lọng, gọi là lễ tướng; không tự mình theo lễ thì không biết quân lính rét nóng thế nào. Ra cửa ải gặp chỗ bùn lầy, tướng nên

⁽¹⁾ Chũ Hán là “thành đoạt vụ thoát”, chúng tôi dịch thế này, nhưng thấy nghĩa câu này không được thông mạch lạc với văn trên dưới mấy.

xuống đi bộ, thế gọi là lực tướng; không tự mình ra sức thì không biết quân lính vất vả thế nào.

Phàm khi hành quân, quân đã định được nơi đóng thì tướng mới đến nhà ở; cơm nấu chín rồi thì tướng mới đi ăn; quân không đổ lửa thì tướng cũng không đổ lửa; thế gọi là ngăn lòng muốn. Tướng không ngăn lòng muốn thì không thể biết quân lính no đói thế nào.

V- KÉN LUYỆN

Sách *Võ kinh*:

Võ vương hỏi: Đạo luyện quân là thế nào? - Thái công thưa: Trong quân có những người rất dũng lược, liều chết, không sợ đau đớn bị thương, họp thành một toán gọi là quân mạo hiểm⁽¹⁾. Có những người vọt xa nhảy cao, nhẹ chân chạy nhanh, họp lại thành một toán gọi là quân quán binh⁽²⁾. Có những người bày tôi thất thế muốn lập lại công danh, họp làm một toán gọi là quân tử đấu⁽³⁾. Có những người là con em của tướng chết trận, muốn vì tướng mình mà trả thù, họp lại một toán gọi là quân cảm thù. Có những người nghèo đói bức dọc muốn cho thỏa chí, họp làm một toán gọi là quân tất tử⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Mạo hiểm: Xông liều vào chỗ nhọn sắc, tức quân cảm tử

⁽²⁾ Quán binh: Quân quen thạo

⁽³⁾ Tử đấu: Đánh nhau đến chết

⁽⁴⁾ Tất tử: Quyết phải chết.- So *Võ kinh* trực giải, phần "Lục thao", chương 53.

Thái tôn hỏi: Gia Cát Lượng bảo rằng quân có tiết chế mà không có tướng tài cũng không thể thua được, mà quân không có tiết chế dù có tướng tài cũng không thể thắng. Trẫm ngờ lời bàn ấy không được thực đúng. - Tỉnh nói: Lời bàn của Võ Hầu⁽²⁾ có tính chất khích động. Thần xét sách *Tôn tử* nói rằng: Dạy tập không rõ ràng, quan và quân không thường, bày binh ngang dọc, thế gọi là loạn. Từ xưa loạn quân tự thua không thể chép hết. Kể ra, dạy tập không rõ ràng, là nói sự huấn luyện không theo phép đời xưa; quan và quân không thường là nói tướng thần trao nhiệm không giữ chức lâu; loạn quân tự thua là nói tự mình tan vỡ chứ không phải bị địch đánh mà tan vỡ. Thế nên Võ hầu nói quân có tiết chế thì dù tướng tầm thường cũng chưa thua. Nếu quân tự loạn thì tuy tướng giỏi cũng nguy, còn ngờ gì nữa.

Thái tôn nói: Phép dạy tập thực là không thể bỏ qua. - Tỉnh nói: Dạy tập đúng phép, thì quân sĩ vui mừng; dạy tập không đúng phép thì dù sớm chiều dôn đốc cũng không ích gì. Thần vì thế mà chăm chăm theo phép xưa, đều đã chép thành đồ, ngõ hầu mới thành quân có tiết chế được.

Thái tôn nói: Trẫm cùng Lý Tích bàn binh pháp nhiều chỗ giống thuyết của Khanh, nhưng Tích không xét xuất xứ. Khanh chế "Lục hoa trận pháp" do đâu mà ra? - Tỉnh nói: Thần căn cứ ở phép Bát trận của Gia Cát Lượng: trận lớn bọc trận nhỏ, dinh lớn bọc dinh nhỏ,

⁽²⁾ Tức Gia Cát Lượng, phong Vũ hươg hầu

góc cạnh liền nhau, chỗ cong chỗ gãy đối nhau, phép xưa như thế, thần nhân đó mà vẽ đồ; cho nên ở ngoài thì vạch vuông, ở trong thì vòng tròn, mà thành “Lục hoa trận pháp”, tục gọi là thế. - Thái tôn nói: Trong tròn ngoài vuông là nghĩa gì? - Tinh nói: Vuông sinh ở bước, tròn sinh ở kỳ; vuông để bước được đúng, tròn để quanh được đều. Thế là số bước theo hình đất, đi quanh theo hình trời. Bước đúng, quanh đều, thì biến hóa không rồi. Bát trận là phép cũ của Võ hầu vậy. - Thái tôn nói: Vẽ vuông để xem phép bước, vẽ tròn để xem phép binh khí. Bước là phép dạy chân, binh khí là phép dạy tay, tay chân tiện lợi, thế là được quá nửa công việc. - Tinh nói: Ngô Khởi có nói: Dứt mà không lìa, lùi mà không tan, đó là phép bước vậy. Dạy quân sĩ cũng như bày con cờ trên bàn cờ, nếu không vạch đường thì con cờ dùng sao được? Tôn tử nói: Đất sinh ra đo, đo sinh ra lường, lường sinh ra số, số sinh ra cân, cân sinh ra thăng. Cho nên quân thắng như lấy dật (nén) mà cân với thù⁽¹⁾, quân bại như lấy thù mà cân với dật. Đều bắt đầu tự đo lường vuông tròn cả. - Thái tôn nói: Lời nói của Tôn tử sâu sắc lắm, không đo đất xem xa gần, xem hình rộng hẹp, thì lấy gì mà chế được tiết. - Tinh nói: Người tướng tâm thường ít biết được tiết. Người đánh giỏi thì thế hiểm mà tiết liền. Thế ví như dương nổ, tiết ví như phát nẩy nổ. Thần trình bày thuật như sau: Phàm lập đội, đều cách nhau 10 bước,

⁽¹⁾ Thù là 1 phần 24 của lượng

đội trú cách đội sư 20 bước. Cứ cách một đội thì dựng một đội chiến. Tiến thì 50 bước làm một tiết. Khi thổi một tiếng tù và thì các đội đều tan ra, đứng ở trong vòng 10 bước. Đến tiếng tù và thứ tư, thì lỏng thương mà ngồi quì xuống. Bấy giờ đánh trống, cứ 3 tiếng trống thì 3 tiếng dạ, đi từ 30 đến 50 bước, để chế thể biến của địch. Quân ngựa theo sau tiến ra, cũng đi 50 bước rồi đến lúc thì dừng lại. Quân chính dừng trước, quân kỳ dừng sau. Xem tình hình địch thế nào, lại nổi hiệu trống để đổi dùng quân kỳ trước dùng quân chính sau để đón địch đến, tìm chỗ sơ hở mà đánh. Đó là trận pháp “Lục hoa”, đại khái đều thế⁽¹⁾.

Thái tôn nói: Năm lá cờ màu ngũ phương làm chính ư? Vầy cờ phan vào đánh làm kỳ ư? Khi phân khi hợp thay đổi nhau thì số đội làm sao cho đúng được? - Tĩnh nói: Thần tham dùng phép xưa, hễ 3 đội hợp lại thì cờ dựa nhau mà không giao nhau, 5 đội hợp lại thì 2 cờ giao nhau, 10 đội hợp lại thì 5 cờ giao nhau. Khi thổi tù và và mở 5 lá cờ giao nhau ra thì một đội tản ra làm 10; mở 2 lá cờ giao nhau thì một đội tản ra làm 5; mở cờ dựa nhau không giao nhau thì một đội lại tản làm 3. Quân tản thì lấy hợp làm kỳ, quân hợp thì lấy tản làm kỳ. Ra lệnh 3 lần, trình 5 lần, tan 3 lần, hợp 5 lần thì lại trở về chính.

⁽¹⁾ Dịch theo **Võ kinh trực giải quốc ngữ ca**.

Thế thì phép bốn đầu tám đuôi⁽¹⁾ có thể dạy được. Đó là điều đội pháp nên làm.

Thái tôn khen phải.

Thái tôn nói: Sách Thái công chép rằng: Đất vuông hoặc 600 bước, hoặc 60 bước để nêu rõ 12 vị trí địa chi, phép ấy làm như thế nào? - Tĩnh nói: Vạch đất vuông 2.200 bước theo hình khai phương, mỗi bộ chiếm 20 bước vuông đất, chiều ngang cứ 5 bước đứng một người, chiều dọc cứ 4 bước đứng một người, gồm là 2.500 người, chia làm 5 phương, để bốn chỗ đất không gọi là chứa trận ở trong trận vậy. Khi Võ vương đánh Trụ, quân Hồ bí đều cầm 3.000 người, mỗi trận⁽²⁾ có 6.000 người, cộng là 30.000 quân. Đó là phép vạch đất của Thái công vậy. - Thái tôn nói: Phép “Lục hoa trận” của khanh, thì vạch đất bao nhiêu? - Tĩnh nói: Xét cả khu đất này vuông 1.300 bước, nghĩa là sáu trận, đều chiếm đất 400 bước, chia làm hai hướng đông và tây, để đất không 1200 làm nơi dạy đánh. Thần từng dạy 30.000 người, mỗi trận 5.000 người, lấy một trận làm nơi đóng dinh, còn 5 trận thì theo hình trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, mỗi trận năm lần biến, phạm 25 lần trở lên. - Thái tôn nói: Trận “Ngũ hành” là thế nào? - Tĩnh nói: Vốn nhân theo màu sắc của năm phương mà đặt tên ấy. Còn vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn là do địa hình mà

⁽¹⁾ Bốn đầu tám đuôi là phép Bát trận đồ.

⁽²⁾ Cả thấy 5 trận.

làm. Phàm quân mà không quen tập năm cái ấy thì đánh giặc làm sao được? Binh là nghề biến trá, cho nên tạm gọi tên là Ngũ hành để mượn cái nghĩa thuật số tương sinh tương khắc mà tô điểm thêm. Thực ra thì tượng của binh là nước, tùy theo địa thế mà chảy, chính là ý ấy⁽¹⁾.

*

Sách Ngô tử:

· Phàm người ta thường chết vì không hay, bị thua vì điều mình không giỏi, cho nên phép dùng binh phải lấy sự dạy dỗ làm trước. Một người học chiến⁽²⁾ dạy thành mười người, mười người học chiến dạy thành trăm người, trăm người học chiến dạy thành nghìn người, nghìn người học chiến dạy thành vạn người, vạn người học chiến dạy thành ba quân. Lấy gần đợi xa, lấy nhàn đợi nhọc, lấy no đợi đói; tròn mà chột vuông, ngồi mà chột chạy, đi mà chột dừng, tả mà chột hữu, trước mà chột sau, chia mà chột hợp, thật mà chột sau, chia mà chột hợp, thất mà chột cử, mỗi một cách biến đều phải tập rồi mới trao cho cầm binh. Đó là việc của người làm tướng⁽³⁾.

*

Sách Kinh thế:

⁽¹⁾ Trở lên, đoạn Thái tôn hỏi Lý Tĩnh đáp là chép ở sách **Võ kinh trực giải**, phần “Lý Vệ công vấn đối”,

⁽²⁾ Học chiến: Học phép đánh trận.

⁽³⁾ Ngô tử, thiên IV

Binh lính ngày thường đắm ở nơi yên ổn, không tập khó nhọc, nay nghĩ chữa tính trễ biếng ấy, rèn luyện gân cốt cho cứng rắn, thì không gì bằng dạy cho một phép đi vây. Xét ra từ trước đến nay, các đốc phủ đề trấn ở trực tỉnh đều có lệ đi vây cả: Mỗi năm ở trong buổi mùa thu mùa đông thì cử hành 2,3 lần để tập quen khó nhọc, mà cổ động sĩ khí, phép ấy hay lắm. Thần trước ở dinh Đề đốc Tứ Xuyên cũng đã từng làm, rất là có ích. Đến nay hơn 30 năm, không những chưa hề cử hành, mà nếu đem phép đi vây hỏi bọn thuộc viên thì cũng mù mịt không biết gì, thực phép chính đốn quân đội không phải như thế. Thần chịu ơn đặc biệt của Hoàng thượng giao cho việc trọng ở chốn biên cương, phạm việc có ích cho võ bị không điều gì là không hết lòng trù hoạch, mong được thực hiện. Nay thần định trong ba tháng mùa đông năm nay, việc làm ruộng đã xong, xét theo lệ trước, ở miền sát Thành Đô, chọn một nơi không gần ruộng vườn, dựa kê gò núi, rộng không quá 100 dặm, dẫn quan binh đến để đi vây sẵn. Trong mấy ngày đi về sẽ tự làm việc huấn luyện, dạy cho phương chia hợp tiến lui và phép đóng dinh đồ ngủ, để cho cưỡi ngựa rong ruổi, quen việc kỵ xạ, quân bộ thì đuổi chạy ngoài đồng nội, rèn lấy sức chân. Trước ngày thì nhắc rõ hiệu lệnh, nghiêm buộc quân lính, không cho rối động, cốt khiến binh dân cùng giữ yên. Tập rèn như thế mỗi năm ba lần, lấy làm lệ thường, thì binh lính quen việc khó nhọc, rồi hẳn ngày tinh mạnh, kỵ binh bộ binh, kỹ nghệ tự nhiên thuần thục. Lại khiến

tập biết phép phân hợp tiến lui, và phép lập dinh đồ ngũ. Binh và ngựa sẽ khỏe mà có tiết độ, hàng trận sẽ được chỉnh tề. Đối với dinh ngũ các tỉnh biên thù rất là có ích.

Giáo lệnh của quân: Chia dinh định trận, có ai tiến lui trái lệnh thì ghép vào tội phạm giáo; hàng trước thì hàng trước dạy, hàng sau thì hàng sau dạy, hàng tả thì hàng tả dạy, hàng hữu thì hàng hữu dạy, giáo cử 5 người, ai đứng đầu là có thưởng. Người nào không dạy thì cũng tội như người phạm giáo, phải đi quanh dưới đất để tự nêu tội với hàng ngũ; trong hàng ngũ người nào tự đứng ra nêu tội thì cho miễn tội.

Phạm một ngũ ra trận, nếu có một người không tiến ra liều chết với địch, thì người dạy cũng bị tội như người phạm pháp.

Phạm thập phải giữ cả thập, nếu mất một người mà 9 người không liều chết với địch, thì người dạy cũng tội như người phạm pháp. Từ thập trở lên cho đến tì tướng, có kẻ nào không theo pháp lệnh thì người dạy cũng tội như người phạm pháp.

Người ngũ trưởng dạy 4 người, lấy miếng ván làm trống, lấy mảnh sành làm chiêng, lấy gậy làm cờ; đánh trống thì tiến, phất cờ thì bước nhanh, đánh chiêng thì lùi, vẩy sang tả thì sang tả, vẩy sang hữu thì sang hữu, chiêng chống đồng đánh thì ngồi xuống. Ngũ trưởng dạy xong, hợp lên tốt trưởng; tốt trưởng dạy xong, hợp lên bá trưởng; bá trưởng dạy xong, hợp lên binh úy;

binh uý dạy xong, hợp lên tì tướng; tì tướng dạy xong, hợp lên đại tướng; đại tướng dạy xong, bày trận ở giữa nội. Đặt nêu lớn cách 300 bước một cái. Bầy trận xong thì thì bỏ nêu đi, cứ 100 bước đi thông thả, 100 bước rảo mau, 100 bước chạy bay. Tập đánh cho thành tiết, theo đó mà thưởng phạt.

*

Sách Võ kinh:

Đời xưa dạy dân, phải lập đẳng bậc sang hèn, khiến không lấn nhau; đức nghĩa không vượt qua nhau, tài nghệ không che lấp nhau, sức mạnh không xâm phạm nhau, cho nên phương hướng cùng theo mà ý hòa hợp. Đời xưa pháp luật của nước không đem dùng với quân, mà kỷ luật của quân không đem dùng với nước cho nên sức không bao giờ vượt nhau.

Phàm trống, có trống đi với trống, có trống đi với cờ, trống đi với xe, trống đi với ngựa, trống đi theo, trống đi với binh khí, trống ở đầu, trống ở chân, đó là bảy thứ trống, phải gồm cho đủ.

Phàm quân nhiều cũng như ít, quân thắng cũng như không. Binh khí không bảo là sắc, áo giáp không bảo là bền, xe không bảo là vững, ngựa không bảo là tốt, quân không tự cho là nhiều, thế cũng chưa nắm được đạo.

Phong. ở ngoài tám trận Thiên Địa Phong Vân Long Hồ Diệu Xà ra, lại lập chín quân, chia làm sức xung phong của trận:

1. Thâm quân là những người trai tráng trong làng, tòi tở trong nhà để hộ vệ đại tướng.

2. Phần quân là quân phục thù chuộc tội, nguyện đi hàng đầu.

3. Thủy quân là quân có thể xông pha sóng gió, cướp lái lật thuyền.

4. Hoả quân là quân có thể phóng hỏa cầu hỏa lôi từ xa tới trận địa.

5. Cung nỗ quân là quân có thể nấp ổ dương cung, muôn tên đều bắn, chống địch ở ngoài trăm bước.

6. Xung quân là quân sức lay núi non, khí vung cờ xí, có thể hãm trận bất giặc.

7. Kỳ quân là quân khỏe mạnh phi thường, bay chạy ở trong khoảng hai hàng trận, đuổi đánh đến nơi xa xôi.

8. Xa quân là quân sức vốc nhanh nhẹn, tiến thì không sợ tên đạn, lui thì ngăn được ngựa chạy, khiến địch không thể xông đến được.

9. Du quân là quân dò thăm tình hình cơ nghi để giúp đỡ ba quân, cử động đều rất quan hệ, thoăn thoắt như vượn leo, sói tuột, rắn bò, chuột rúc, qua chỗ hiểm vượt chỗ sâu, trèo thành khoét vách.

Trong chín quân ấy, thân quân thì hộ vệ ở trung quân, còn dư thì chia tám góc, góc nào thì ngăn giữ góc ấy, khi hợp thì đều tiến ra, lúc co lúc đuổi, khiến cho trong khoảng một trận như huyết mạch liền nhau, nhờ đó mà thông suốt được.

Kết. Ba quân đông đúc, duy hiệp theo từng người mà cố kết thôi. Người trí thì cho được phát triển; người

dùng thì cho được dùng sức; ai có lòng muốn thì cho được thỏa: ai bất khuất thì cho vươn lên, cho hă được giận, cho trả được thù. Thấy người đau ốm cũng như mình đau ốm; giết kẻ có tội thì lòng không nỡ; người có công thì dù nhỏ cũng thưởng; người đặc lực thì ban thưởng cho nhiều; được gì thì chia đều; làm vất vả thì đãi hậu; thành thực yêu quân chúng; bắt địch ít giết hại. Được như thế, chẳng những ba quân thấy vậy cò là theo, mà khắp thiên hạ cũng nghe tiếng là theo về.

Ngự. Việc binh không phải là việc lành. Tài lợi cũng dùng, tài hại cũng dùng; người võ thì hay giết, người dùng thì hay ác, người trí thì hay dối trá, người mưu thì hay tàn nhẫn, việc binh không bỏ sót người võ, người dùng, người trí, người mưu, tức là không bỏ sót người hay giết, người độc ác, người dối trá, người tàn nhẫn. Cho nên khéo chế ngự thì dùng lấy tài năng mà bỏ điều hung ác, thu điều ích mà ngăn điều tổn. Thế thì thiên hạ không ai là không tài; quân thù cũng có thể vờ được; quân giặc cũng có thể vỗ về; trộm cướp cũng có thể dùng; cho đến kẻ dám khinh nhờn pháp luật, bỏ đi theo địch, cũng đều có thể sai khiến được.

Luyện. ý phấn khởi mà sức nhút nhát, ấy là người khi suy; sức khỏe thừa mà lòng sợ sệt, ấy là người mật võ; khí suy mật võ thì trí dùng hết mà không thể dùng được. Cho nên cần phải lập thế để mà luyện khí, khinh thắng để mà luyện mật, bày lòng để mà luyện tình, thống nhất phép dạy để mà luyện trận.

Lệ. Cái phép khuyến khích quân sĩ, dùng cây ở phép lệnh. Cho danh thì kẻ cứng mạnh cũng phấn khởi; lợi thì người nhản nghị cũng phấn khởi; bị hãm vào chỗ nguy, nếu lấy thuật mà lừa thì người nhu nhược cũng phấn khởi. Tướng hay dùng cả ân uy thì ai nấy đều hiệp, chước gì cũng nên, sĩ tốt trong ba quân, ai cũng như hùm bay rồng uốn, gặp địch là đánh được. Nếu lại lập thế để giúp uy, đủ tiết để hộ khí, thì dù thua cũng chẳng nhục được khí, dù nguy cũng chẳng núng được lòng; thế thì lại không người nào và không lúc nào mà không khiến phấn khởi được.

Lặc. Kìm ngựa thì phải dùng dầm khóa, kìm binh thì phải dùng pháp lệnh. Cho nên người lấy được thiên hạ không bỏ phép. Nhưng ơn nặng cũng có thể thi hành trừng phạt; trừng phạt thì hành rồi sau mới có uy. Thế nên người giỏi dụng binh, lấy sự được mất mà làm công tội, rõ sự đánh chạy để mà cứu thương. Giết một người mà mọi người sợ; giết kẻ nhát, chém kẻ thua, mà quân sĩ càng phấn khởi; đứng thì như núi, động thì như lở, khiến quân sĩ không dám khinh pháp lệnh, cho nên chỉ có được mà không có thua.

Tuất. Trời sinh ra nhân tài rất là khó. Kẻ sĩ trí mưu, mang trách nhiệm giúp mà không thấy được dùng, muốn đi với địch thì ta chống. Kẻ làm tướng phải mở rộng lòng mà hỏi han, không để cho người ta không được tri ngộ. Đó là một điều thương kẻ sĩ. Những kẻ sĩ mang giáp trụ, phơi sương nằm nội, chịu đói chịu rét,

đau đớn thân thể mà không kêu khổ, trải bao khó khăn mà không kêu nhọc. Cho nên người giỏi dùng binh không để cho họ bị hãm với địch và không giết càn. Đó là hai điều thương kẻ sĩ.

Nhuệ. Nuôi uy quý ở ngày thường; xem biến quý ở mưu trí. Hai quân sát nhau, một tiếng hô mà phẫn khí lên, chỉ là có nhuệ khí mà thôi. Mọi người không dám ra mà mình dám ra là nhuệ. Quân địch đông xông lại, mình ít mà dám xông ra là nhuệ. Ra vào giữa quân địch, đi lại xông pha là nhuệ. Làm mạnh, làm khỏe, dũng cảm mãnh liệt là nhuệ. Như gió, như mưa, như non lay núi lở là nhuệ. Tướng vụt mà tiến lên, quân ủa mà xông vào, quân và tướng đều là nhuệ cả. Chỉ nhuệ không thì vấp ngã, không nhuệ thì suy. Có mưu trí mà chu tất, phát ra mà thu lại được, thì nhuệ hay vô cùng.

Trận. Nói về trận, thì có vài mươi nhà, ta gồm hết mà tóm lại. Hình trận đáng như chữ *nhân* λ gọi tên là *Nhân trận*. Thuận cũng là chữ *nhân*, nghịch cũng là chữ *nhân*, tiến cũng là chữ *nhân*, thoái cũng là chữ *nhân*, hợp lại cộng làm một người, tan ra cũng làm một người. Một người làm một trận, nghìn muôn người sống làm một trận, nghìn muôn người hợp động làm một người. Nhuệ binh ở trước, trọng binh ở sau, phong quân để xông mà du quân để đi quanh. Ở trong chia làm âm, dương, hư, thực, đương, thụ, xả, xung⁽¹⁾, khi

⁽¹⁾ Dương, thụ, xả, xung: Lúc chống giặc, lúc chịu giặc, lúc bỏ, lúc xông

bay, khi nắp, khi thỏ, khi nạp⁽¹⁾, khi động, khi tĩnh, khi nhóm, khi trương. Đấu mà không thể loạn, lùi thì dựa nhau, không dựa thì nguy. Người không tự loạn, loạn thì chinh ngay; người có thể tự dựa và phải dựa người, loạn làm sao được? Cao cấp thấp thấp tùy theo thế; dài ngắn rộng hẹp biến theo hình. Trận chữ *nhân* thật thần vậy.

IV- QUÂN LỄ

PHỤ: THƯỜNG PHẠT

Trị quân phải theo lễ, mà quyền bính ở mình.

Trị quân mà đối với người trẻ người lớn đều có lễ, thì biết là người đủ làm việc. Trị quân mà không theo lễ, thì tướng nhỏ có thể lấn được tướng suý, tướng suý có thể lấn được thiên tử, họa loạn do đó mà sinh ra. Quyền lớn không thể không ở mình được, nếu quyền dời xuống người dưới, trên dưới thế ngang nhau, trên không sai khiến được dưới, dưới không bầm báo lên trên, đó là quyền lớn không ở mình vậy. Thời Hậu Đường quân sĩ giết tiết độ sứ, rồi nhân lấy chức của người bị giết ấy mà trao cho. Gần đây như họ Trịnh mất quyền thống ngự, quân sĩ sinh kiêu⁽²⁾, đến nổi loạn vong, thì cũng giống thế.

⁽¹⁾ Khi thỏ, khi nạp: Khi nhả ra, khi nuốt vào

⁽²⁾ Tức là loạn Kiêu binh đời Lê Cảnh Hưng ở nước ta

Tuốt gươm đứng dậy, giết trâu khao quân để yên ủi khuyến miễn, thì sĩ khí phấn khởi lên nhiều.

Nên trọng thưởng ở nơi biên cảnh. Khi quân Di Dịch lẩn côi, bọn đại gian thì mưu can phạm đạo thường, bề tôi giỏi thì vâng mệnh đi đánh để giữ vương quốc, siêng việc vua và lập công lớn. *Binh pháp* nói: Công lao không việc nhỏ nào mà không chép để thưởng.

Ở quân thì đi đứng cứng cáp; khi đi mau thì quả quyết; mặc binh phục thì không lạy; ngồi xe binh thì không chào; qua cửa thành không rào bước; gặp việc nguy không nhường ai. Cho nên lễ với pháp là ngoài với trong, văn với võ là tả với hữu⁽¹⁾.

Khi xe vua đến, tôi con nên giết trâu lọc rượu để đãi trăm quan, há dám đem quân giặc mà biếu cho vua cha đâu?

Quân (di thú) đi sau tướng lại⁽²⁾ mà đến sau chỗ đại tướng một ngày thì cha mẹ vợ con cùng bị tội hết⁽³⁾; quân trốn về nhà một ngày mà cha mẹ vợ con không bắt hay nói ra thì cũng đồng tội. Đánh trận mà quân sĩ bỏ trốn và tướng lại bỏ sĩ tốt mà chạy một mình thì đều chém. Lại trước bỏ quân mà thua

⁽¹⁾ Đoạn này đã có chép ở trên chương “Tướng đạo”, dẫn lời **Vô kinh**.

⁽²⁾ Tướng lại: Tướng là người cầm quân, chỉ huy, lại là người giữ việc giấy má sổ sách trong quân.

⁽³⁾ Đoạn này chép ở **Vô kinh**, chương 24, “Binh lệnh hạ”. **Vô kinh trực giải quốc ngữ ca** dịch câu này là: “Đi thú giữ sau tướng viên, một ngày thì cũng tội liền vợ con”.

chạy, sau lại hay chém được mà cướp nắm lấy quân thì thưởng. Ba quân đại chiến, nếu đại tướng chết mà quan lại đi theo 500 người trở lên không hay liệu chết với địch được thì chém, những lính theo gần ở tả hữu đại tướng khi ra trận cũng đều chém hết; còn dư sĩ tốt nào có quân công thì đoạt một cấp, không có quân công thì di thú ba năm. Đánh trận mà mất người trong ngũ và người trong ngũ chết mà không lấy được xác, thì các người đồng ngũ đều bị đoạt hết công, lấy được xác thì đều tha tội... Dùng phép mà ngăn cái tệ trốn về và cấm binh bỏ trốn, đó là điều thắng thứ nhất của quân. Thập và ngũ cùng liên nhau và khi chiến đấu quan binh cùng cứu nhau, đó là điều thắng thứ hai của quân. Tướng hay lập uy, quân giữ kỷ luật, hiệu lệnh thì tin, đánh giữ đều được, đó là điều thắng thứ ba của quân.

Phép ra lệnh cấm quân sĩ⁽¹⁾

Phụ: Thưởng phạt.

Thái công nói: Tướng lấy việc giết được người lớn làm uy; thưởng cho người nhỏ thì sáng. Vì giết người quý trọng đương có quyền là hình gia lên trên hết, thưởng đến những kẻ chăn trâu, nuôi ngựa, nấu bếp là thưởng đến dưới cùng. Do đó mà uy tín của tướng có thể lập được.

Quân chưa gần gũi mà đã trừng phạt thì họ

⁽¹⁾ Chương này chép ở **Hổ trưởng khu cơ**, ở đây bỏ, xin xem **Hổ trưởng khu cơ** ở sau.

không phục, không phục thì khó dùng; quân đã gần gũi mà không thi hành trừng phạt thì không thể dùng được. Cho nên khi ra lệnh thì dùng văn, mà thi hành thì dùng võ, thế mới gọi là tất lấy được. Lệnh đó quen thi hành, đem ra dạy dân thì dân hẳn phục, đem dùng với quân thì cũng theo.

VII- TUYỂN NGƯỜI LÀM VIỆC DƯỚI TRƯỞNG

Sách Võ kinh:

Thiên văn 2 người, giữ việc xem sao và xem lịch, xem gió, chọn ngày giờ, xét tai dị; địa lợi 2 người, tra xét hình thế lợi hại, xa gần, khó dễ; binh pháp 2 người, giảng bàn binh pháp, luyện tập quân sự; thư toán 4 người, biên ghi lương thực, quân số khí giới; y sĩ 2 người, điều trị cho quan và quân; du sĩ 3 người, phòng làm gián điệp tuần thám; tử trát 4 người, để thảo giấy tờ và viết chương tấu.

*

Sách Kinh thế:

Sẵn quân mười vạn, nếu không có vài nghìn tử sĩ xông pha vào nơi hung hiểm thì không thể dùng kỳ⁽¹⁾ được. Hành quân đi nghìn dặm, nếu không có vài lữ gián điệp xuất quỷ nhập thần thì cũng không thể dùng kỳ được. Ta xem những nhà chuyên dùng kỳ, có người

⁽¹⁾ Dùng binh lẻ

mưu sẵn đã thành mà lâm trận thì thua. Há chẳng phải là tử sĩ thì chỉ giúp tướng cao sang⁽¹⁾, gián điệp chỉ là do thưởng công bằng sao! Động bằng ơn, kết bằng nghĩa, còn sợ không được, huống chi tướng không có chuyên quyền, mà lương không có để dùng lúc bất thân; trong hội đầu cơ, chớp mắt không kịp, tuy muốn dùng kỳ, nhưng không biết tự đâu mà dùng được.

Nhà vua có chân tay tai mắt; đại tướng có lông cánh tán tương, cho nên quân đội dùng nhân tài, cũng ngang với triều đình. Có trí sĩ như tham mưu, hay tán hoạch, hay mưu lược, chủ dùng ở nơi màn trướng mà quyết định việc quân cơ, động có việc gì là hỏi; có dũng sĩ, như kiêu tướng, hay kiện tướng, hay mãnh tướng, chủ việc quyết chiến để xung đột, dẫn quân tiến lên; có thân sĩ, như tướng riêng, như tướng cầm tay, như tướng nanh vuốt, chủ việc hộ vệ tả hữu, để mà tuyên lệnh và cầm nắm binh cơ; có thức sĩ, hiểu thế trận, biết biến hóa, xem khí tượng, nghiệm gió mưa, hiểu hết thế đất, rõ tình hình địch, xem xét những điều nhỏ nhặt, giữ việc tiến chỉ của cả quân; có văn sĩ, biết suốt xưa nay, hiểu thấu nguồn gốc, giữ nghi tiết, rộng bàn bạc, thảo hịch viết sớ, sửa soạn từ chương; có thuật sĩ tinh về thời nhật, xét lẽ âm dương, xem bói toán, giữ đi về, luyện mỗi thuốc độc, khiến việc quyền nghi nên chăng, lợi mình hại giặc; có số sĩ, biết vận nước, đón cơ hội,

⁽¹⁾ Tướng cao sang, có quyền lớn của nhiều để thưởng to nên người ta cam liều chết để lấy thưởng

nhằm đánh úp đặt phục, tính lương cỏ, chếp vật dùng, ghi công trạng, giữ sổ quân, biên hết tài năng, tính số nhiều ít; có kỹ sĩ như kiểm khách, đâm tử sĩ, khinh trộm cắp, úp thuyết khách, xét gián điệp, khiến ra vào đồn địch, xem cơ mà đặt mưu; có nghệ sĩ, sáng chế đồ dùng, qui hoạch ngôi hồ, sửa đồ xấu hỏng, chế vật mới lạ, đảo lớn nhỏ, rút xa gần, đổi trên dưới, lật nặng nhẹ, theo phép cổ, soạn sách mới, trang bị binh vật, để chu toàn việc đánh giữu. Ngoài ra còn có các tài khác, như kịch, như múa, như cười, như mắng, như hát, như nhảy, như vượt, như bay, như vẽ, như nấu nước uống, như nhuộm màu nhuộm bùn, như mượn đồ vật, như nhanh chân đi giỏi, tóm lại không sao kể hết tên được, nhưng đều là kỹ năng đủ dùng để làm việc và gỡ rối. Tất phải kén chọn tinh tế khiến mọi người đều giỏi việc mình phụ trách, để cho việc gì cũng có người chuyên, mà trong quân không có việc gì không làm được. Đến như hiến mưu định sách thì chẳng chọn người, thành lính mà gặp, tuy một người lính thường cũng cần nhắc lên, lời nói chỉ có tiến mà không cự tuyệt, dù chẳng hay cũng chẳng phạt, như thế thì người anh hùng đều về. Đó là hình tượng các ngôi sao trong vũ lâm vậy. Trời sinh ra người, khí trụ ở trong lòng thì trí tuệ, khí tan ra chân tay thì chất phác. Chất phác thì sức nhiều; trí tuệ thì yếu nhiều. Trí dũng đều gồm được thì đời ít có. Cho nên tài người nào có thể vượt một trăm người thì làm trưởng trăm người, vượt được một nghìn người thì làm trưởng nghìn người, vượt qua nghìn người thành một

quân thì có thể đối phó cơ sự ở một mặt, có thể đảm đương sức chống ở một mặt, đủ làm trưởng cả quân. Quân có lúc cô, thì tướng cần có thể dùng một mình, cho nên người khéo dùng tài thì những chức thiên tì⁽¹⁾ cũng đều là đại tướng cả.

VIII- ĐỒ DÙNG CỦA BINH

Cuộc xẻng để làm đất; rìu búa dao cưa để làm gỗ; thợ vàng thợ sắt để làm đồ ngũ kim; trâu ngựa để chuyên chở; gà chó để xem ngày giờ; thợ may để chế quần áo; thuốc men để chữa bệnh; chông sắt để phòng đón đường; giày da để phòng chạy xông; lương khô để phòng lúc hết ăn.

*

Phàm voi thấy đồ hỏa khí và tiếng súng thì chạy, khi chạy thì người không thể giữ nổi, khó bề rèn tập cho quen; phải đào một cái hố to có thể cho voi đủ đứng được, bề sâu chừng 5 thước, đuổi voi xuống đó, rồi sau đem đồ hỏa khí để tập, lúc đó voi dầu có sợ hãi cũng không thể chạy được.

*

Phép nhử lấy ngựa của giặc.

Xưa Sử Tư Minh nhà Đường làm phản, có ngựa tốt nghìn con, hằng ngày cho ra bến sông để tắm, rồi

⁽¹⁾ Thiên tì: tức thiên tướng và tì tướng

cho đi quanh về để tỏ là có nhiều ngựa. Lý Quang Bật⁽¹⁾ sai tìm ngựa cái ở trong quân được 500 con, cho đem buộc ở trong thành, chờ khi ngựa giặc ra hết bến sông, ngựa cái cứ hí mãi lên, ngựa giặc lợi qua sông chạy sang, bấy giờ đuổi vào trong thành hết thảy.

Phép nuôi ngựa.

Mỗi tháng cứ đến ngày dần đầu tiên, đem muối cho ngựa ăn thì ngựa không bệnh.

Hoả tiễn (tên lửa)

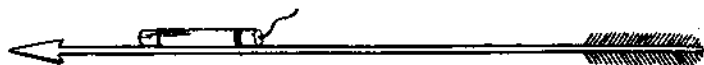
Sách *Binh lược*:

Tên lửa thế mạnh, quân địch sợ hơn cung nỏ. Người khéo chế có thể bắn xa được 6,7 trăm bước. Mỗi một cái tên lửa phải giọt ước 3 vạn dùi mới thành. Trên đầu dùng thuốc súng Hồi Hồi⁽²⁾ ước 2 phần 10. Vì tên lửa sức lớn mà chiếu buồm mỏng bắn qua không cháy lên được, như sợ nó thấu qua thì ở dưới chỗ miệng lửa cách một hai tấc, dùng mảnh tre gài chéo chữ thập để ngăn lại, ở chỗ tre và sắt tiếp nhau thì dùng dây gân buộc lại và sơn đi. Cái vè ở mũi tên cũng phải sơn cho nó chịu gió mưa và khí ẩm. Tên lửa ở phương Nam chế hay để tụ hàng mấy chục hay trăm cái vào một cái lồng,

⁽¹⁾ Lý Quang Bật: Người đời Đường, làm tiết độ sứ đời Đường Túc tôn, bình loạn An Sử

⁽²⁾ Thuốc súng Hồi Hồi: Tức là thuốc hỏa dược dùng để bắn súng, vì đầu tiên do người Hồi Hồi, tức người A Rập đem vào Trung Quốc nên gọi là thuốc súng Hồi Hồi.

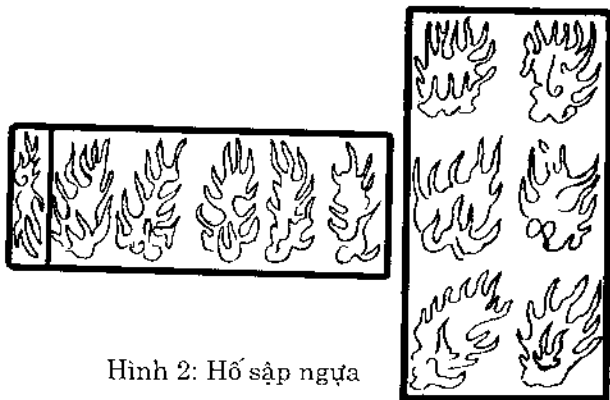
gọi là ổ tên, hay là lồng lửa. Chín cái gọi là lồng cửu long. Hạng nhỏ thì gọi là tên vọt, ngồi trên ngựa cũng có thể bắn được.



Hình 1. Hoả tiễn

Chông sắt đánh bầy ngựa

Đào một cái hố sâu rộng vuông vừa 4 thước, đem chông sắt dặt vào trong, trên gác cây nhỏ, rồi lấy cỏ và đất phủ bằng di, tự nhiên như chỗ đất hoang, nếu giặc xông vào dinh ta thì người ngựa tất sập xuống hố mà bị thương. Quân phục vùng dậy mà bắt sống.



Hình 2: Hố sập ngựa

Súng.

Binh bộ chúng tôi kính cẩn tâu về việc bàn giảm nguyên lệ dùng thuốc súng cho các hạng súng, kính đóng thành tập dâng tâu, ngửa mong nhà vua soi xét. Nay đã vâng sắc: Lần này thí nghiệm súng Chấn uy đại tướng quân, lệ cũ dùng 10 cân, nay chỉ dùng 8 cân mà tiếng bắn ra vang dội, như vậy thuốc súng mới giã này mạnh hơn trước nhiều lắm. Vậy giao cho bộ Binh thương đồng với bộ Hộ vệ cảnh sát, bàn tính bớt cân lượng cho được thỏa đáng, và thông sức cho các địa phương, hết thấy tuân theo. Nay bộ thần đã vâng mệnh hội đồng với bộ loan giá, chiếu theo lệ cũ dùng thuốc cho các hạng súng, bàn bạc chước định. Trừ các hạng súng xung tiêu diễn bắn các đạn chấn địa lôi, liên châu, lan can, thì lâm thời chiếu theo xa gần mà lượng dùng thuốc, không thể ấn định được, ngoài ra các thứ súng đồng, gang, sắt và các súng thần công, thần cơ, đều là bắn đạn chì, đạn gang, nay xin chiếu theo sức thuốc thêm bớt thế nào, hễ là thuốc cũ thử bắn chỉ 2 độ hay 3 độ thì xin y theo lệ cũ mà làm, còn súng nào dùng thuốc mới từ 4 độ thì xin nên tính giảm 2 phần 10, cho độ số được thích nghi. Bộ chúng tôi đem tình tiết tính bàn giảm bớt thuốc súng và mỗi hạng súng dùng thuốc bao nhiêu, theo khoản liệt kê ra sau. Như được ơn chuẩn cho, xin cung chép cho địa phương tuân theo mà làm. Kính tâu.

Kê khai:

Các hạng súng đồng, gang, sắt (Như bắn ở trường bắn, lấy 1 tắc đường kính lòng súng và đạn bắn đến 100 trượng làm độ, quá thì sợ sai).

Súng 5 tắc 2 phân - (Đích bắn 520 trượng). Lệ cũ thuốc đạn, mỗi phá 20 cân, nay lệ mới mỗi phát 16 cân. Độ bắn hơn 600 trượng, nhảy thêm ngoài 100 trượng.

Súng 5 tắc 1 phân - (Đích bắn 510 trượng). Lệ cũ thuốc đạn 19 cân 8 lạng, nay lệ mới 15 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn hơn 580 trượng, nhảy thêm 100 trượng.

Súng 5 tắc - (Đích bắn 500 trượng). Lệ cũ 19 cân. Lệ mới 15 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn 560 trượng, nhảy thêm 90 trượng.

Súng 4 tắc 9 phân - (Đích bắn 490 trượng). Lệ cũ 18 cân 8 lạng, lệ mới 14 cân 12 lạng 8 phân. Độ bắn 540 trượng, nhảy 80 trượng.

Súng 4 tắc 8 phân - (Đích bắn 480 trượng). Lệ cũ 18 cân, lệ mới 14 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn 520 trượng, nhảy 70 trượng.

Súng 4 tắc 7 phân - (Đích bắn 470 trượng). Lệ cũ 17 cân 8 lạng, lệ mới 14 cân. Độ bắn hơn 500 trượng, nhảy 60 trượng.

Súng 4 tắc 6 phân - (Đích bắn 460 trượng). Lệ cũ 17 cân, lệ mới 13 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn hơn 490 trượng, nhảy thêm 50 trượng.

Súng 4 tắc 5 phân - (Đích bắn 450 trượng). Lệ cũ 16 cân 87 lạng, lệ mới 13 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn hơn 480 trượng, nhảy 40 trượng.

Súng 4 tác 4 phân (Đích bắn 440 trượng). Cũ 16 cân, mới 12 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn hơn 470 trượng, nhảy 35 trượng.

Súng 4 tác 3 phân (Đích bắn 430 trượng). Cũ 15 cân 8 lạng, mới 12 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn 460 trượng, nhảy 30 trượng.

Súng 4 tác 2 phân - (Đích bắn 420 trượng). Cũ 15 cân, mới 12 cân. Độ bắn 450 trượng, nhảy 25 trượng.

Súng 4 tác 1 phân - (Đích bắn 410 trượng). Cũ 14 cân, mới 11 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn 440 trượng, nhảy 20 trượng.

Súng 4 tác - (Đích bắn 400 trượng). Cũ 13 cân, mới 10 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn hơn 435 trượng, nhảy 15 trượng.

Súng 3 tác 9 phân - (Đích bắn 390 trượng). Cũ 12 cân, mới 9 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn 430 trượng, nhảy 10 trượng.

Súng 3 tác 8 phân - (Đích bắn 380 trượng). Cũ 11 cân, mới 8 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn 425 trượng, nhảy trên dưới 10 trượng.

Súng 3 tác 7 phân - (Đích bắn 370 trượng). Cũ 10 cân, mới 8 cân. Độ bắn 420 trượng, nhảy trên dưới 9 trượng.

Súng 3 tác 6 phân - (Đích bắn 360 trượng). Cũ 9 cân, mới 7 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn hơn 415 trượng, nhảy trên dưới 7,8 trượng.

Súng 3 tác 5 phân - (Đích bắn 350 trượng). Cũ 8 cân, mới 6 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn 410 trượng, nhảy trên dưới 6,7 trượng.

Súng 3 tác 4 phân. - (Đích bắn 340 trượng). (Cũ 7 cân 8 lạng, mới 6 cân. Độ bắn 408,9 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng.

Súng 3 tác 3 phân - (Đích bắn 330 trượng). Cũ 7 cân, mới 5 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn hơn 407,8 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng.

Súng 3 tác 2 phân - (Đích bắn 320 trượng). Cũ 6 cân 8 lạng, mới 5 cân 3 lạng 5 tiền. Độ bắn 406,7 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng

Súng 3 tác 1 phân - (Đích bắn 310 trượng). Cũ 6 cân, mới 4 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn 405,6 trượng, nhảy trên dưới 5,6 trượng

Súng 3 tác - (Đích bắn 300 trượng). Cũ 5 cân 8 lạng, mới 4 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn 404, 5 trượng, nhảy trên dưới 4,5 trượng.

Súng 2 tác 9 phân - (Đích bắn 290 trượng). Cũ 5 cân, mới 4 cân. Độ bắn hơn 403,4 trượng, nhảy trên dưới 4,5 trượng.

Súng 2 tác 8 phân - (Đích bắn 280 trượng). Cũ 4, 8 lạng, mới 3 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn hơn 402,3 trượng, nhảy trên dưới 4,5 trượng.

Súng 2 tác 7 phân - (Đích bắn 270 trượng). Cũ 4 cân, mới 2 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn 400 trượng, nhảy trên dưới 3,4 trượng.

Súng 2 tấc 6 phân - (Đích bắn 260 trượng). Cũ 3 cân 8 lạng, mới 2 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn trên dưới 390 trượng, nhảy 3,4 trượng.

Súng 2 tấc 5 phân - (Đích bắn 250 trượng). Cũ 3 cân, mới 2 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 380 trượng, nhảy 3,4 trượng.

Súng 2 tấc 4 phân - (Đích bắn 240 trượng). Cũ 2 cân 12 lạng, mới 2 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 370 trượng, nhảy 3,4 trượng trở xuống.

Súng 2 tấc 3 phân - (Đích bắn 230 trượng). Cũ 2 cân 8 lạng, mới 2 cân. Độ bắn trên dưới 360 trượng.

Súng 2 tấc 2 phân - (Đích bắn 220 trượng). Cũ 2 cân 4 lạng, mới 1 cân 12 lạng 8 tiền. Độ bắn trên dưới 350 trượng.

Súng 2 tấc 1 phân - (Đích bắn 210 trượng). Cũ 2 cân, mới 1 cân 9 lạng 6 tiền. Độ bắn trên dưới 340 trượng.

Súng 2 tấc - (Đích bắn 200 trượng). Cũ 1 cân 12 lạng, mới 1 cân 6 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 330 trượng.

Súng 1 tấc 9 phân - (Đích bắn 190 trượng). Cũ 1 cân 8 lạng, mới 1 cân 3 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 320 trượng.

Súng 1 tấc 8 phân - (Đích bắn 180 trượng). Cũ 1 cân 4 lạng, mới 1 cân. Độ bắn trên dưới 310 trượng.

Súng 1 tấc 7 phân - (Đích bắn 170 trượng). Cũ 1 cân, mới 12 lạng 8 tiền. Độ bắn hơn 300 trượng.

Súng 1 tấc 6 phân - (Đích bắn 160 trượng). Cũ 14 lạng, mới 11 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 280 trượng.

Súng 1 tấc 5 phân - (Đích bắn 150 trượng). Cũ 10 lạng, mới 9 lạng 6 tiền. Độ bắn trên dưới 260 trượng.

Súng 1 tấc 4 phân - (Đích bắn 140 trượng). Cũ 10 lạng, mới 8 lạng. Độ bắn trên dưới 240 trượng.

Súng 1 tấc 3 phân - (Đích bắn 130 trượng). Cũ 8 lạng, mới 6 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 220 trượng.

Súng 1 tấc 2 phân - (Đích bắn 120 trượng). Cũ 8 lạng, mới 4 lạng 8 tiền. Độ bắn trên dưới 200 trượng.

Súng 1 tấc 1 phân - (Đích bắn 110 trượng). Cũ 4 lạng, mới 3 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 180 trượng.

Súng 1 tấc (Đích bắn 100 trượng). Cũ 3 lạng, mới 2 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 160 trượng.

Súng 9 phân - (Đích bắn 90 trượng). Cũ 2 lạng 5 tiền, mới 2 lạng. Độ bắn trên dưới 140 trượng.

Súng 8 phân - (Đích bắn 80 trượng). Cũ 2 lạng, mới 1 lạng 4 tiền. Độ bắn trên dưới 120 trượng.

Súng 7 phân - (Đích bắn 70 trượng). Cũ 1 lạng 5 tiền, mới 1 lạng 2 tiền. Độ bắn trên dưới 100 trượng.

Súng 6 phân - (Đích bắn 60 trượng). Cũ 1 lạng, mới 8 tiền. Độ bắn trên dưới 80 trượng.

Súng 5 phân - (Đích bắn 50 trượng). Cũ 8 tiền, mới 6 tiền 4 phân. Độ bắn trên dưới 70 trượng.

Súng 4 phân - (Đích bắn 40 trượng). Cũ 5 tiền, mới 4 tiền. Độ bắn trên dưới 60 trượng.

Súng 3 phân - (Đích bắn 30 trượng). Cũ 1 tiền 8 phân, mới 1 tiền 6 phân. Độ bắn trên dưới 50 trượng.

Súng Thần Công - Cũ 1 lạng, mới 8 tiền. Độ bắn hơn 80 trượng hay hơn 60 trượng.

Súng Thần Cơ - Cũ 6 tiền, mới 4 tiền 8 phân. Độ bắn hơn 50 trượng hay hơn 45 trượng.

Bài ca tập hoả pháo⁽¹⁾

Quân tự trường tập,
Nghe ba hồi kiểng.
Chính phụ bày hàng,
Treo cửa châu mai.
Cắm cò, mang bầu thuốc lại.
Tháo máy móc hậu, kéo súng vô.
Chấn hậu, đặt đòn ngang lấy nút.
Chờ giở vung ngồi, nút gió.
Giơ tay chấn lỗ ngồi, gõ ba cái,
Giở nắp bầu thuốc, vào thuốc,
ấn thuốc, nạp thuốc một lần.
Lấy đạn, nạp đạn ba lần.
Đẩy vung ngồi về nạp.
Cắt đòn ngang, tháo máy móc hậu, kéo súng ra.
Hai dây quàng đốc.
Hai đòn cầm xe.
Giở vung ngồi, lay ngồi thăm thuốc.
Lấy bầu, giở nắp bầu, dỡ thuốc ngồi.

⁽¹⁾ Bài ca này và hai bài sau đều chép bằng chữ nôm

Đậy nắp bầu, cà thuốc.
Rút bầu, bỏ sau lưng.
Đậy vung nồi, nhắm làn,
Hoặc thiên tử, hoặc thiên hữu,
Hoặc lấy cao lấy thấp, hoặc lấy làn ngay.
Lấy còi, thổi hỏa mai.
Cát đòn xeo, tháo dây.
Giữ quàng đốc.
Giở vung nồi, châm.

Diễn hải pháo, hai người.

Kiểm hồi, quân tỵ trường tập.
Chính phụ bày hàng.
Treo cửa châu mai.
Tháo máy móc hậu, kéo súng vô.
Chánh phụ đều chực mà chắn hậu.
Chánh đặt đòn ngang lại, chắn lỗ nồi.
Phụ lấy nút lên, mà chực nút gió
Chánh phụ đều về.
Chánh lấy thuốc lên, xé bao vào thuốc
Phụ cầm nắp mà ướm một chày
Chánh ra lấy đạn, vào đạn rồi
Lại chắn lỗ nồi.
Phụ nạp đạn ba chày.
Chánh đậy vung nồi, ra đòn ngang.
Phụ về nạp, tháo hậu móc máy.
Chánh phụ đều kéo súng ra,
Hai dây máy bỏ đường xà.

Chánh phụ đều về.
Chánh lấy bầu ngồi mà vào.
Phụ lấy lồng đèn mà vào.
Chánh gỡ vung, lay ngồi, thăm thuốc.
Lấy bầu, gỡ nắp bầu, đổ thuốc ngồi.
Đậy vung lên. Chánh phụ đều về.
Chánh treo bầu ngồi.
Phụ treo lồng đèn.
Chánh lấy cò vào mà chực.
Nhắm làm cao thấp.
Phụ thì gỡ vung ngồi ra.
Chánh kêu : “Tổng, bắt, cây”, truyền chấn bắn.
Thao diễn bắn súng quá sơn.
Phép truyền tập bắn quá sơn.
Hỏa liên cũng một phép nay rõ ràng.
Tua noi⁽¹⁾ hiệu lệnh cho hòa .
Lập tức nghe ba hồi trống đã vang.
Súng đặt có hàng, binh đóng chỉnh nghiêm.
Thứ nhất tiếng kiểng dống lên,
Thấy trong hàng ngũ đều yên xứ ngồi.
Thứ hai lại một tiếng bồi,
Lấy nút nút gió, chấn ngồi lại thăm.
Trước vào thuốc nạp một lần,
Sau vào đạn nạp là xong ba chày.
Tiếng thứ ba lay ngồi đổ thuốc,
Rồi lấy vung dậy lên.

⁽¹⁾ Tua nói: Tiếng xưa nghĩa là nên theo

Tiếng thứ tư cầm cò thổi lửa;
Vung liên giở ra.
Thứ năm hai tiếng liên hòa bắn đi.

Thế lệ định phân số học phương thuốc súng

Trong 100 cân cần dùng diêm tiêu 75 cân 10 lạng, lưu hoàng 11 cân 4 lạng, than 13 cân 2 lạng. Giã chày nước 5 ngày đêm, thành thuốc 94 cân 11 lạng, trừ ngoài phi hao mất 5 cân 5 lạng. Giã bộ 6 ngày, thành thuốc 94 cân 8 lạng, trừ phi hao 5 cân 8 lạng. Thí nghiệm cho đúng thức hạng lớn 3 độ; hạng vừa 4 độ; hạng nhỏ 5 độ. Năm Tự Đức thứ 12 Bình bộ tâu xin 3 độ phải được 5 độ, 4 độ phải được 6 độ, 5 độ phải được 7 độ. Giã bộ 6 ngày, đổi làm 7 ngày. Kính vâng đã được chuẩn cho tại án.

Lại tra xét đến cách chế tạo ống phun lửa. Một ống cần dùng diêm tiêu 9 lạng 3 tiền 3 phân 4 ly, lưu hoàng 2 lạng 6 tiền 6 phân 6 ly. Than một lạng. Đến như thuốc đạn và phi hao thì không có định lệ. Mỗi một ống cần dùng 3 tờ giấy định, 5 sợi mây, 1 tờ giấy đại chia làm sáu ống, để trang thuốc ngòi, 1 tờ giấy trung làm ngòi, chia làm hai ống để bọc thuốc ngòi, giấy bản nhỏ 4 tờ để bọc ngoài ống, gạo trắng một bát để nấu hồ, phất giấy bọc 130 ống. Mỗi một ống đạn 5 lạng 9 phân, thuốc bắn 1 lạng 3 tiền 7 phân, thuốc phun 6 lạng 5 tiền 4 phân.

Thuốc ngòi: Diêm tiêu 1 lạng 2 tiền 5 phân, lưu hoàng 3 tiền 5 phân, than 3 phân.

IX - HIỆU LỆNH

Nghiêm. Hiệu lệnh một khi phát ra, ba quân run sợ. Nghe trống thì tiến lên; nghe chiêng thì dừng lại; nghe súng thì đứng dậy; nghe kiểng thì đi ăn; nghe thanh la thì hăng lên; vẫy cờ thì chạy; mưa không tránh vào nhà; nóng không cởi áo giáp; nhọc không được bỏ khí giới; thấy khó không lùi; gặp lợi không lấy; hăm thành không giết càn; có công không được khoe khoang; đi nhanh không nghe tiếng; địch xung mà không động; địch chấn mà không kinh; bị úp mà không chạy; bị cắt mà không chia. Thế mới là nghiêm.

Tài miệng lưỡi. Thánh hiền lấy không có tài miệng lưỡi mà miễn lỗi. *Binh pháp* lại lấy tài miệng lưỡi làm có công. Cho nên người giỏi dùng binh lừa dối cũng làm, phải trái dùng tài, có khi phạm đến việc trời, có khi phạm đến tục cấm, có khi giả làm quỷ thần, có khi thác làm mộng寐, có khi đưa vật kỳ quái, có khi đặt lời sấm dao⁽¹⁾, cử động mỗi khi mỗi khác, tiếng nói tùy lúc trái nhau, cổ lệ lòng quân, đập tan khí giặc, khiến người không thể lường được; khi thì cấm làm càn, rồi lại dùng làm càn, bởi vì lời nói càn dối, về việc chính đáng thì không đủ cậy, mà về sự giả thác thì lại có thừa.

Con gái. Đại tướng đời xưa, đôi khi có nhờ con gái. Gái dùng về văn để cho giặc vui thích chơi đùa; gái dùng về võ để tiến đánh, ruổi xe, giải nguy, gỡ nạn dùng cơ ứng biến, đều có lợi cả.

⁽¹⁾ Lời ca dao đồng dao có điềm tốt xấu về tương lai.

Văn . Võ cố nhiên chỉ bàn về dũng. Nhưng tờ văn tờ hịch, có khi nhân một lời mà nước phục quân hàng. Sĩ tốt có hơi biết chữ thì cưỡi ngựa ngâm thơ, đi đường hát lái. Điều lệ cấm lệnh, khi rồi thì khiến học tập cho quen, hiểu rõ được nghĩa, làm nhà binh quân tử sư nhỏ⁽¹⁾ thì cũng không hại gì.

*

Người ta do lòng mà định lời nói, định lời nói để phát ra lệnh. Cho nên cần phải cổ vũ lòng hùng dũng, nói ra lời cứng rắn, mài sắc lòng sắt đá, nghiêm giữ khí phong sương, phát ra hiệu lệnh, nêu rõ phép quân.

Trước 3 ngày theo lệnh ở cửa quân⁽²⁾, sai quân chính đánh mảnh gỗ đi tuyên bố ở trong sáu quân. Ai phạm lệnh thì sai quân chính theo lệnh tập hợp quân nhân, rồi sau mới hành hình, khiến cho sáu quân đều biết cả.

Đại tướng đã chịu mệnh, nắm giữ quyền đánh dẹp, khao quân ở đồng nội, rồi mới xuống lệnh. Ai không theo lệnh thì giết. Phàm nghe trống mà không tiến, nghe chiêng mà không dừng, cờ cất mà không đứng dậy, cờ hạ mà không phục xuống, thế gọi là quân trái; như thế thì chém.

Gọi tên không thưa, vội mà không đến, đi về trái hẹn, hành động trái luật, thế gọi là quân lờn; như thế

⁽¹⁾ Nghĩa là người quân nhân mà biết chữ thông văn thì cũng không hại gì.

⁽²⁾ Treo mệnh lệnh trước 3 ngày rồi mới thi hành, để cho mọi người đều biết.

thì chém.

Đêm giữ đánh kiếng, lười mà không đánh, giờ canh không đúng, khẩu hiệu không rõ, thế gọi là quân lười, như thế thì chém.

Nói nhiều lời oán, giận không được thưởng, chủ tướng sai khiến thì ương bướng khó trị, thế gọi là quân ngang, như thế thì chém.

Oang oang cười nói như không có người, trên ngăn cấm không thôi, thế gọi là quân kiêu, phải chém.

Giữ đồ khí giới, dây cung thì đứt, tên không có vè có mũi, gươm giáo han gỉ, cờ xí rách nát, thế gọi là quân dối, phải chém.

Nói vu nói dối, bày chuyện quỷ thần, giả thác mộng mị, lừa dối quan quân, thế gọi là quân yêu, phải chém.

Hể đến nơi nào là lấn áp cư dân, thông dâm phụ nữ, thế gọi là quân gian, phải chém.

Nhanh mồm lém lưởi, tranh cãi phải trái, gây oán với quan quân, lệnh xuống không chịu theo, thế gọi là quân báng, phải chém.

Lấy trộm của người để làm của mình, cướp thủ cấp của người để làm công mình, thế gọi là quân trộm, phải chém.

Hoặc nghe bàn mưu kế và hiệu lệnh, đem nói ra ngoài, để địch nghe biết, thế gọi là quân bội, phải chém.

Khi sai làm việc, ngậm miệng không thưa, gục đầu cúi mình, nét mặt khó khăn, thế gọi là quân nhát, phải chém.

Ra vượt hàng ngũ, tranh trước rồi sau, bàn nói om sòm, không theo lệnh cấm, thế gọi là quân rối, phải chém.

Thác đầu ồm để trốn khó nhọc, thế gọi là quân trá, phải chém.

Cầm giữ tiền thưởng, trong khi ban thưởng thì thiên vị người thân, khiến cho quan quân kết oán, thế gọi là quân sai, phải chém.

Xem giặc không rõ, thám giặc không tường, đông mà nói không đông, không đông mà nói đông, nhiều mà nói ít, ít mà nói nhiều, thế gọi là quân lừa, phải chém.

Trong khoảng dinh trại, không có việc khao thưởng mà vô cớ uống rượu, thế gọi là quân cuồng, phải chém.

Lệnh này đã lập, quan quân có ai phạm, theo quân pháp mà chém ngay.

*

Không dè dặt lời nói thì mưu phải tiết lộ; không có lệnh nghiêm thì việc hãn rối; không ban thưởng thì quân sĩ hãn lười; hàng ngũ rối loạn do ở ám muội, phải xem xét rõ ràng để chữa đi; đêm hôm sợ hãi, cần phải nghiêm túc mà ngăn ngừa.

*

Quân địch vào sâu đất ta, thành quách không bền, lương cỏ thiếu thốn, giữ thì không lợi, ở ta cần hẹn cho giặc là phải đánh. Kẻ nào nhát lùì thì bảo cho là tất chết, kẻ nào đánh bắt được giặc thì bảo cho là tất thưởng. Trong lúc đem quân ra trận, kẻ nào quay lại sau thì

chém. Đánh địch mà mình không định, mất thường lăm lét, thì phải chém. Có sắc lo buồn mà xoắn xoe, nhìn nhau mà chập chùng mắt, bỏ chiêng trống mà không đánh, đều phải chém cả. Được một thủ cấp thì cũng hậu thưởng. Như thế thì có thể dùng thế tán địa⁽¹⁾ mà đánh.

*

Đại tướng dùng lễ để thi hành thưởng phạt thì quân sĩ không oán và người ta đều có lòng sợ.

Các điều quân lệnh, phải nghiêm ở trước khi xuất quân, khiến cho tai mắt thắm nhuần, tránh không dám phạm.

- Giả làm vẻ đau ốm mà trốn đi đánh và đi nửa đường mà trốn đánh thì chém.

- Cướp bóc tài vật của dân và hiếp dâm phụ nữ thì chém.

- Đào trộm mồ mả để lấy của cải thì chém.

- Nói chuyện riêng với địch để tiết lộ quân cơ thì chém.

- Tự tiện vào nhà dân ngủ trọ, lìa bỏ hàng ngũ, để mất trật tự thì chém.

- Đêm hôm vô cơ mà tiếng to âm ỹ, làm kinh động quân, thì chém.

- Đêm hôm phát cháy, vì không cẩn thận mà cháy thì chém.

⁽¹⁾ Thế tán địa là địa thế của quân đánh giặc ở trên đất của mình.

- Canh giữ và đi tuần sơ hỏ, kẻ địch thừa dịp hoạt động, thì chém.

- Tự tiện giết tướng tốt đầu hàng thì chém.

- Tướng tốt đầu hàng thì cha con, vợ chồng không được khiến họ chia lìa, làm trái thì chém.

- Đánh nhau vì tư thù mà đến chết thì chém, người cai quản cũng bị phạt.

- Làm hại tài vật của dân gian và trêu cợt vợ con của dân thì phạt trọng nặng.

- Chửi nhau riêng làm mất quân lễ thì phạt trọng.

- Trên dưới tranh giành nhau làm mất trật tự thì phạt trọng.

- Nhận riêng cơm rượu của người khác, để đến nổi ăn lằm phải thuốc độc của địch, người cai quản bị tội nặng.

- Riêng cùng bọn phù thủy cùng người xem số, xem bói làm phiến động bằng việc họa phúc để cho quân tình ngờ vực, thì phạt trọng.

- Say rượu nói xằng làm mất trật tự, sau khi tỉnh thì phạt trọng.

- Phá vỡ nhà cửa của dân và chặt cắt hoa quả, thì phạt trọng.

Phạt khẩu hiệu

Buổi chiều, các viên cai án ở trong quân đều hầu quan tham tán, biên lãnh khẩu hiệu, mỗi canh đổi một khẩu hiệu, mỗi khẩu hiệu hai chữ, hỏi một chữ, đáp

một chữ, thí dụ hỏi chữ “vũ” thì đáp chữ “cường”, hỏi chữ “dũng” thì đáp chữ “yên”.

*

Sách *Kinh thế*:

Quân đi khôn có phép chung, thì phần chia không thể hợp được, phần xa không thể ứng được, chỗ này chỗ kia làm sao hiểu được nhau, đó là đường thất bại vậy. Nhưng chung mà không kín, lại bị mưu địch thì hỏng. Cho nên không những phải dùng cờ vàng, ngựa chạy, lệnh tiến, lửa đốt, khói bốc để báo tin cần kíp mà hai quân gặp nhau nên kết ám hiệu, đi xa nghìn dặm nên dùng thư trắng viết không thành chữ, làm văn vô hình, làm thẻ không giấy để cho người đem đi không biết, người bắt được cũng không thấy gì, thực là thần vậy. Nhưng nếu cách dịch khó đi, xa mà không tới được, thì lại xem cơ mà làm.

*

Sách *Võ kinh*:

Võ vương hỏi: Ví như đem quân ta chia ra làm mấy nơi, muốn cho đúng hẹn về hợp thì làm thế nào?

Thái công nói: Phàm phép dùng binh, ba quân đông đúc tất phải biến, khi phân khi hợp, đại tướng nên định trước nơi chiến và ngày chiến, rồi sau truyền gửi hịch thư cho các tướng lại, hẹn kỳ đánh thành vây ấp, đều họp ở một nơi để bảo rõ ngày đánh và từng giờ từng khắc. Đại tướng đặt dinh bày trận, dựng cây đo bóng ở

trước trại quân, dẹp đường mà đợi. Các tướng lại tới đó, so xem ai trước ai sau, người đến trước hện thì thưởng, người đến sau hện thì chém. Như thế thì xa gần chạy hợp, ba quân đều đến góp sức hợp đánh.

Vương hỏi: Ông giở sách Cấm thư⁽¹⁾ xem ngũ âm thắng bại là thế nào? - Thưa rằng: Phàm phép dùng binh, hiệu lệnh là tai mắt, dùng binh mà không rõ hiệu lệnh, như người mù đi đêm. Tôi xét trong kinh nói việc dùng binh, chuyên lấy hiệu lệnh làm gốc⁽²⁾

⁽¹⁾ Cấm thư: Tức là binh thư, xưa là sách cấm

⁽²⁾ Xem **Vô kinh trực giải**, phần “Lục thao”

BINH THU YẾU LƯỢC

QUYỂN II

I - HÀNH QUÂN

Trộm nghe luật quân rất nghiêm, nhà binh cần phải giữ vững. Cho nên nói “Tội lớn thì giết, tội nhỏ thì răn”, vì muốn khiến lòng quân sợ tướng hơn là sợ địch. Một khi quân lệnh đã ra thì nghiêm như sương mùa thu, chẳng ai dám phạm. Do đó nên ngày xuất quân phải vơi hết những người quản suất đến để bảo cho những hiệu lệnh ước thúc, cho sao chép lại để khiến mọi người đều biết. Có bao nhiêu điều kể rõ ở sau:

- Phàm quân đi phải dùng người hướng đạo, vẽ đồ, vẽ các sông núi, nơi hiểm nơi dễ, thế thì như trông thấy giặc ở trước mắt. Trước hết kén những người am tường đường sá, làm đội du binh (hoặc 2,3,4, 50 người, có ngựa thì càng hay). Trong đội phái ra mỗi đạo 9 người, chia làm ba thứ, mỗi thứ 3 người (các ngã đường cũng vậy, đây là theo phép bát quái thám kỵ), mỗi thứ cách nhau ước một tầm trông, sai người nhìn xem, hoặc lên cao mà trông, hoặc leo cây mà trông, thấy rõ quân địch nhiều hay ít, hoặc dừng, hoặc đi, kịp xuống, chuyển về trình báo. Nếu thám báo không thực thì cứ luật nghiêm trị; thám báo được đúng thì ghi tên khen thưởng.

- Mỗi một chi binh chia làm 3 toán, trung, tiền, tả, hữu, hậu đều thế (hoặc 1 đội làm một toán, 2 đội làm một toán), có chánh toán, có phó toán, khiến nương tựa lẫn nhau.

- Định đến ngày nào ra quân thì truyền trước cho quân suất đều biết, để chuẩn bị lương thực, súng đạn, chông sắt cùng các hạng đồ sắt, mọi thứ đầy đủ (chông sắt để đặt ở đồn mà tự vệ, các hạng đồ sắt dùng để dẫn cây lấy gỗ làm đồn).

- Đến ngày, trước hết đánh ba hồi trống lớn, các quân họp cả. Phái người (hoặc thân hành thì hơn) kiểm điểm số quân, khí giới và chông sắt đồ sắt các thứ cho đủ. Đến giờ lành, trước lấy tù và thổi 3 hồi thì quân cầm khí giới; 1 tiếng chiêng thì quân đều bày hàng ngồi. Trống lớn tiên nghiêm đánh 3 tiếng (tiếng thứ nhất thì lắng nghe, tiếng thứ hai thì động tay, tiếng thứ ba thì đứng dậy), 3 tiếng la đồng thì mở cờ (đến tiếng thứ ba quân đều dựng cờ). Trống lớn 2 tiếng đánh cặp nhịp, quân đều cầm khí giới. Trống lớn 3 tiếng thì đi. Như đi thông thả thì trống lớn đánh 3 tiếng một mà thưa, đi gấp thì đánh mau. Như sắp đến nơi dừng nghỉ thì trống đánh 3 tiếng rất gấp. Đã đến nơi đỗ thì trống điểm 2 tiếng gấp, quân đi trước dừng lại. Trống đánh mau 6 tiếng thì quân đi sau đến hết. Lại đứng 3 tiếng trống gấp thì quân đều hạ khí giới, 3 tiếng la đồng thì gác khí giới, quân đều nghỉ ngơi. (Quân tuy nghỉ ngơi mà khí giới tùy thân, ngồi dẫu thì ngồi đấy, không được om sòm to tiếng và bỏ hàng vượt thứ. Trước hết du binh

thay đổi nhau dò xét cẩn thận và lên cao trông xa bốn phía).

- Phàm quân đi, trừ quân tiền du dò đường, còn phải y theo thứ tự tiến, tả, trung, hữu, hậu mà mỗi toán cách nhau ước khoảng một tầm tên, không được quá xa, cũng không được quá gần. Lính nấu bếp đều phải theo sau toán quân của mình, để chiếu cố nhau. Quân đi hàng đôi mà tiến, gươm súng xen nhau, dài ngắn cùng tiếp. Không được nói cười huyên náo và bỏ hàng mất thứ tự, ai trái thì theo quân luật trị tội.

- Phàm quân đi, đã có du binh để thăm dò, thấy giặc thì về báo, hoặc gấp quá không kịp về thì bắn súng hay đánh một hồi thanh la để chuyển báo. ở trung quân đại tướng tức thì cho đánh một hồi thanh la, truyền hiệu cho các toán biết có gặp giặc, mọi người đều chỉnh bị súng ống nạp thuốc đạn để chờ đợi. Tùy theo số giặc nhiều hay ít, giặc nhiều thì sai ba toán trước tiên lên bày trận đối địch, ít thì sai một toán trước đối địch, hai toán làm tiếp ứng. (Phép dùng cờ ngũ phương sai đi, tiền quân thì cờ đỏ, tả quân cờ xanh, hữu quân cờ trắng, trung quân cờ vàng, hậu quân cờ đen. Lệnh tiến sai các tiểu chi cũng chiếu theo năm sắc năm phương làm chuẩn, không được trái lệ). Lại sai hai toán binh tả hữu, một toán tả một toán hữu tìm đường tắt phải tiến đánh, như thế hai sừng trâu, gọi tên là trận Huyền vũ; sai một toán tả một toán hữu tìm thế ẩn để phục binh. Chánh toán tả, chánh toán hữu đều theo địa phận làm tả hữu ứng cứu. Lại sai hai chánh toán hậu với hai phó

to: n hậu làm hậu phục. Chánh toán hậu thì chỉnh binh để phòng sau, phòng quân địch đánh tập hậu. Như tiền binh đắc thắng thì không nên đuổi xa, hậu binh và tả hữu binh cũng vậy, vì vậy binh quý ở vạn toàn. Đắc thắng thì cấm các hạng quân nhân không được tham lấy tài vật của địch, sợ bị địch nhử mồi. Quân địch đã trốn xa, thì đánh 2 tiếng trống lớn hện binh, 3 hồi chỉnh binh thành hàng. Đánh 1 tiếng la đồng thì quân đều chỉ súng và khí giới về trước, quay mặt về đằng sau. Đánh 3 tiếng trống thông thả thì thu quân về nơi cũ. Quân đã thắng trận càng nên cẩn thận hơn khi chưa thắng trận, vì sợ quân thắng thì sinh kiêu, điều đó nhà binh rất kỵ.

- Phàm quân đi, đến nơi nào có sông ngòi nhỏ thì phái du binh, hoặc chặt tre làm cầu, làm bè, hoặc quăng dây thừng sang trước, đi một dặm để thăm dò, về báo không có giặc, rồi sau phái binh, một phần nghiêm binh phòng giữ, một phần dẫn tre chém cây làm cầu làm bè, giăng dây để sang, đừng nên nóng vội. Như gặp sông lớn thì sức trước cho thuyền ghe chờ đợi, phái du binh sang trước, đi xa 1,2 dặm, thăm dò xem có giặc hay không. Như có giặc thì đừng sang sông, sợ giặc nhân ta sang nửa chừng mà đánh. Như thấy nước nông và trên thượng lưu có ngăn nước thì cũng đừng sang, sợ địch phá nước ngăn, như kế Hàn Tín đánh úp Long

Thư⁽¹⁾. Nếu báo quả không có giặc thì phải cho ba toán tiền chi sang trước, cách chừng một tầm trông, bày binh sắp hàng để phòng sự không ngờ, rồi sau mới theo thứ tự tả, tiền, trung, hữu, hậu mà sang. Đường sau cũng phải du binh thám xét, sợ quân giặc nhân ta sang nửa chừng mà đánh úp hậu binh ta, không thể không cẩn thận được. Khi đã sang xong thì mới vờ du binh mặt sau sang theo sau. Binh xuống thuyền sang sông, thì y theo đơn vị, giữ súng và khí giới, hoặc gặp sóng gió cũng không kinh động, thế thì không có sự lo bất ngờ.

- Phàm quân đi, gần đến giới phận rừng núi thì trước phái du binh và người địa phương lên vào rừng rậm, hoặc lên cao, hoặc trèo cây, hoặc tìm hang sâu bụi rậm, xem có quân giặc hay không, rồi về báo. Nếu có giặc thì ta giành trước lấy nơi cao hay nấp chỗ rậm, rồi sau theo phép trận "song đầu", bày hai hàng gươm súng xen nhau, vừa bắn vừa tiến, như lăn vòng tròn, gọi là trận "Ngô công cuốn đất". Nếu không có giặc thì cũng y theo hai hàng mà chuyển qua, giữ cho không

⁽¹⁾ Kế Hàn Tín đánh Long Thư: Thời Hán Cao Tổ. Hàn Tín đem quân đánh Tề, Tề cầu cứu với Sở, Sở sai Long Thư đem 20 vạn quân đến cứu Tề. Đánh nhau ở Duy Thủy, Tín sai quân lính đem làm hơn 1 vạn cái túi chứa đầy cát đem ngăn chặn dòng nước bên trên, không cho chảy xuống, rồi đem quân sang nửa sông đánh nhau với Long Thư. Tín giả cách thua, chạy về, Long Thư đem quân lội qua sông để đuổi. Tín sai người dỡ túi cát, nước chảy xuống mạnh, quân Long Thư quá nửa không qua được sông. Tín đánh gấp, giết được Long Thư.

ngại, vì việc binh phải giữ gìn, không thể không cẩn thận được.

*

Sách *Ngô tử*:

Phàm binh nổi lên là vì năm cố:

1) Tranh danh; 2) Tranh lợi; 3) Tính ác; 4) Loạn trong; 5) Nhân đói.

Lại có năm tên là: 1) Nghĩa binh; 2) Cường binh; 3) Cương binh; 4) Bạo binh; 5) Nghịch binh. Trừ bạo cứu loạn là nghĩa binh, cậy đông mà đánh là cường binh, nhân giận mà dấy binh là cương binh, bỏ lễ tham lợi là bạo binh, nước loạn người khổ mà nổi lên là nghịch binh. Muốn phục năm hạng binh ấy đều phải có phép. Làm cho nghĩa binh phục thì dùng lễ. Làm cho cường binh phục thì dùng khiêm tốn. Làm cho cương binh phục thì dùng lời lẽ. Làm cho bạo binh phục thì dùng biến trá. Làm cho nghịch binh phục thì dùng quyền biến⁽¹⁾.

*

Đời xưa quân có thập và ngũ; xe có hàng lối; trống khuua cờ vẩy, người lên thành trước phần nhiều là những quốc sĩ giỏi cả, người chết trước cũng thường là người quốc sĩ giỏi. Tôn địch một người mà tổn ta đến hàng trăm người, đó là giúp địch và hại ta, thế tướng⁽²⁾ không hay cấm được. Đánh giặc chia quân mà trốn về hay lâm chiến mà vỡ chạy thì hại lắm, thế tướng không

⁽¹⁾ *Ngô tử*, thiên I

⁽²⁾ Thế tướng: Ông tướng tâm thường ở đời

hay cấm được. Giết người ngoài trăm bước là cung tên; giết người trong 50 bước là giáo mác. Tướng đã đánh trống mà sĩ tốt cứ ồn ào, bẻ tên bẻ mác, ôm kích, sau khi thấy có lợi mới đánh, có mấy hạng người ấy tự thua ở trong rồi, thế tướng không hay cấm được. Quân sĩ lỗi thập ngũ, mất xe, hao binh tổn tướng mà chạy, đại chúng cũng chạy, thế tướng không hay cấm được. Phàm tướng có thể cấm được bốn điều ấy thì núi cao cũng sập, nước sâu cũng lấp, trận bên cũng phá. Nếu không cấm được bốn điều ấy thì cũng như mất thuyền lái mà cách sông ngòi, không thể được vậy.

Khi lấn vào đất giặc, gặp chốn đồng bằng nội rộng, thì nên kết trận. Nếu gặp núi sông hiểm trở thì kíp sai kiêu kỵ du binh dò thăm trước sau. Hễ thấy núi cao rậm rạp, hang hốc gỗ ghê, thì tiến quân từ từ mà tiến để đợi hậu quân, rất không nên cách xa gián đoạn, đó là yếu lược để giữ hiểm phòng nguy vậy.

Khi lấn vào bờ cõi địch mạnh, dẫu rằng có đường, nhưng phải tiến trộm, cũng sai du binh lên gò cao, xem xét kỹ càng cả trước sau tả hữu, nếu thấy nơi nào có đàn chim sợ bay, chồn vượn chạy rồi, hay cỏ cây không có gió mà động và đất bụi lăm trời, thì dưới hẩn có quân phục, phải trở về báo với chủ tướng, dừng quân kết trận mà đóng lại để chờ xem cơ giặc thế nào. Đó là yếu lược để xét quân ẩn phục vậy.

Vào sâu đất địch, gần tới khoảng đường trọng yếu, chợt thấy sắc cỏ mới khô héo thì ở dưới hẩn có sự trá nguy, xem xét kỹ càng rồi hãy đi; nếu gặp cầu, trước

hãy đem vật nặng đề lên, rồi sau sẽ đi, không làm thế thì sợ có vạ sa sụp. Đó là yếu lược cẩn thận về đất và cầu vậy.

*

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép sang sông

Phàm sang sông, trước hết phải chuẩn bị cầu phao bè gỗ, dự sai du binh sang trước dò thăm những nơi trọng yếu, quả không có quân phục, thì tới nơi rộng rãi, bày mở thế trận để đợi, rồi sau mới cho đại quân sang.

Phép gặp ngòi

Phàm quân đi gặp ngòi rộng 5,3 trượng, trước kia đã có cầu nhỏ, thì bỏ ngựa lại, sai ba quân mỗi người bó một bó củi để bỏ xuống đó, ngựa và người có thể sang qua.

Phép lạc đường

Phàm quân đi gặp rừng núi, trời chiều lạc đường, thì thả một con ngựa già đi trước rồi theo sau thì có thể gặp đường, vì ngựa già có thể biết đường.

*

Sách Tôn tử:

Phàm phép dùng binh, xe ruổi⁽¹⁾ nghìn cỗ, xe da nghìn cỗ, quân mặc giáp 10 vạn. Người giỏi dùng binh thì việc phu phen binh lính không đòi gọi hai lần, chỗ lương không bắt đến ba lần. Lấy dùng ở trong nước và

⁽¹⁾ Xe nhẹ thắng bốn ngựa

nhân lương của địch, cho nên quân có đủ ăn. Nước nghèo thì lương quân phải vận tải xa, vận tải xa thì trăm họ khổ. Gần chỗ quân đóng thì bán đất, bán đất thì trăm họ hết của, của hết thì sưu dịch ở làng xóm cũng lúng túng. Sức cạn của hết, trong nước nhà của đều rỗng không; trăm họ hao phí 10 phần mất 7; nhà nước hao phí, nát xe mệt ngựa, giáp trụ, cung tên, mẩu thuẫn, sào chèo, trâu to xe lớn, 10 phần mất 6. Cho nên người trí tướng cốt tìm ăn ở địch; ăn ở địch, một chung đồ cho ta 20 chung, một thạch đồ cho ta 20 thạch. Cho nên giết địch và vì tức giận, lấy của địch là vì lợi ở của cải. Cho nên khi đánh nhau bằng xe, được 10 cỗ trở lên thì thưởng cho người được trước, rồi thay đổi cờ xí, xáo trộn xe mà ngồi, binh lính thì khôn khéo mà nuôi. Thế gọi là thắng địch để làm mạnh thêm cho ta. Cho nên việc binh quý thắng mà không quý lâu. Cho nên tướng giỏi là người giữ tính mệnh của dân, là người chủ an nguy của nhà nước vậy⁽¹⁾

*

Nghìn dặm chở lương, phí tổn trong ngoài, tiêu dùng cho tân khách, vật liệu như keo sơn, đồ đạc như xe giáp, mỗi ngày phí nghìn vàng, rồi sau mới cử vận quân được.

Sách Kinh thế:

Đi. Khi đi vào chỗ hiểm nên ngại có quân, sang sông cũng rất ngại bị xẻ nước. Đi ban ngày sợ có quân

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên II

xông đến. Nghỉ ban đêm lo có địch quấy rối. Đã chặt đứt thì nối liền; khó nhanh chóng thì đi cuốn⁽¹⁾. Một chỗ không phòng thì lỗi sơ suất. Trước vẽ địa hình để xem đại thế; lại tìm người thổ trước để dẫn đường. Dù cho một bụi rậm, một suối nước cũng phải biết hết, rồi sau mới có thể hành quân.

Đi nhanh. Quân đi quí đi thông thả, để nuôi sức. Chỉ khi nhân lúc người ta không phòng bị và lợi ở đánh gấp thì nên gấp đường đi nhanh. Ban ngày đi nhanh thì cuốn cờ nghỉ trống, ban đêm đi nhanh thì cuốn giáp ngậm tẩm. Đi nhanh một ngày thì sức mệt. Đi nhanh cả ngày và đêm thì tinh thần uể oải. Một ngày đi nhanh được một trăm mấy chục dặm đường; ngày đêm đi nhanh được hai ba trăm dặm đường. Đi đường gần thì dứt không thành hàng, quân khó đến hết, đi gồm đường xa thì bỏ đại quân mà tiến, cho nên đại quân ở xa lại sau, người không kịp ăn, ngựa không kịp nghỉ, nhọc mà ít người theo kịp. Nếu không phải cạy vào sức đánh bền giỏi, sức địch đã nhụt gãy và hình thế núi sông đã hiểu suốt, thì sao dám làm như thế? Cho nên không phải toàn lợi mà không hại. Cần thận chớ cho quân đi nhanh là giỏi vậy!

Sách Võ Kinh:

Thái Công nói⁽²⁾: Phàm phép cầm quân nên trước

⁽¹⁾ Đi cuốn: Tức đi theo phép **Ngô công cuốn đất** nói ở trên.

⁽²⁾ Bổ sung theo chương 39 "Tuyệt đạo" của sách **Võ Kinh**
trực giả quốc ngữ ca

cho quân đi thăm dò xa, cách địch 200 dặm, biết rõ chỗ quân địch đóng; nếu địa thế không tiện thì lấy xe vũ xung của ta làm lũy mà đi tới trước và đặt hai lớp án binh ở sau, lớp xa thì cách 100 dặm, lớp gần thì cách 50 dặm. Phải có quân cảnh cấp để trước báo cho nhau biết. Quân ta thường được vững bền, hẳn không thương tổn.

Núi quanh ở đường, không nên đi càn vì sợ có quân phục ở trước vậy. Núi phục ở sau thì nên đi cho chóng qua, kíp lấy binh giữ đằng sau, sợ có giặc đánh cắt đường sau vậy. Nước cạn mà có khi đầy thì dừng lại, vì sợ có mưu túi cát lấp ngăn. Nước đứng mà bờ có bùn lầy thì dừng lại, vì có nạn sa lầy. Nước ở nơi hiểm yếu của địch mà không thấy quân đội canh phòng, những chỗ hang núi gỗ ghề, vì sợ có quân phục vậy.

*

Sách *Kinh thế*:

Binh nặng thì trệ mà không nhanh, binh nhẹ thì tiện mà nhiều lợi. Nặng mà có thể chia ra thì lợi gấp bội. Đóng dinh mà chia ra, để phòng đánh úp; bày trận mà chia ra, để ngừa giặc xông vào; đi mà chia ra, sợ bị chặn cắt; đánh mà chia ra, sợ bị cướp đánh; quân lẻ thì chia ra để đón lúc sơ; quân nhiều thì có thể chia để dùng làm binh kỳ; quân ít cũng có thể chia để biến hóa. Binh không nên giao việc nặng; cũng không cho đi làm việc xa. Khi giới hiểm thì chậm phát. Hợp quân cho mạnh uy, chia quân ra để nắm thắng. Tay cầm mấy

mười vạn quân mà không bị ứ đọng là vì biết phép chia quân vậy.

Quân đi phải trương thế ra, xếp đặt cờ trống, rộng khua trống chiêng, lấy nghìn làm vạn, lấy ít làm nhiều, lấy yếu làm mạnh, lấy thắng giả mà làm ra thắng; cương tất thắng hư, thực tất thắng hư, lớn tất nuốt nhỏ. Đó là lẽ tất nhiên vậy.

Đại quân chưa tiến, uy dũng phải trương ra trước. Ở phép dùng du binh ư? Tất hai bên tả hữu phải lập đội đầu và đội thứ nhì, do tướng giỏi thống ngự, làm như trương hai cánh mà tiến lên. Một là có thể thăm dò quân địch đi đường thế nào; một là có thể xem xét quân địch có mai phục hay không; một là có thể chột gặp địch thì giúp đại quân ta mà đánh. Đội đầu thì đi trước xem xét, đội nhì thì dựa hai bên cánh tả hữu quân ta mà đi. Khi đội đầu đã đi tuần đến, thì ví như ở nghìn dặm mà lập dinh, Kịp khi quân đến dinh, thì đội nhì lại đi trước mà xem xét, đội đầu lại dựa hai bên cánh tả hữu mà đi. Đội nhì lại đi tuần đến ví như ở nghìn dặm mà lập dinh; đội đầu lại theo như phép cũ mà đi. Cứ lần lượt vòng quanh, nối nhau không dứt, thì du binh tả hữu tuy chỉ có hai đội, mà quân đi nghìn dặm, đều có cánh vậy. Vả một lần đi một lần xét, thay đổi mà tiến, càng không lo mỗi mệt.

Phép hành quân, mới ra đi cần phải nghiêm túc, chỉnh tề hàng ngũ, khiến ba quân như một người, để tới thành công vậy. Đặt dàn hai tầng, trên lễ ngũ đế ngũ

tướng⁽¹⁾, dưới lễ các danh tướng cổ kim và các sao tướng tinh. Khiến tướng quân mặc đồ nhung phục, cầm cờ kiếm, các viên biệt tướng, tham tri, đốc thị, tể chính làm lễ. Trước kén một viên mẫn cán ở trung quân cho đeo ấn tiên phong, đem một chi quân bản lĩnh tiến đi trước, gặp nước thì bắc cầu, gặp núi thì phá đá, cắt trừ gai góc, cho tiện quân đi. Phàm gặp sông to, núi lớn, miếu thiêng thì làm lễ. Quân đi một ngày 30 dặm thì nghỉ, để ngừa sự chằng ngờ. Chỉ trông quân là biết ngay được thua. Khi dừng thì vững như núi không thể chuyển, khi tiến thì nhanh như gió không thể theo. Trông như mây liên nước chảy. Như có một trăm quân đi trước, chợt đến nơi hiểm địa, bị giặc vây trước sau, tức thì ở mặt trước sai quân tinh nhuệ đặt đồn lũy để cố giữ, thay đổi nhau mà bắn để làm thế hoãn chiến, đợi đại quân đến, thấy quân giặc rối loạn thì đánh ngay.

*

Sách Võ bị chế thắng chí:

Quân sĩ chưa xuất phát, trước 3 ngày hạ lệnh cho các quân thu xếp hàng trang, lương khô, giày dép và các vật tùy thân cho đủ, nghe lệnh thì đi.

Như lúc hành quân, đem 100 quân đi tiên phong, trung quân còn ở xa, bất thành lĩnh gặp giặc

⁽¹⁾ Ngũ đế là năm vị thần chủ năm phương: Trung ương Hoàng đế, Đông phương Thanh đế, Tây phương Bạch đế, Nam phương Xích đế, Bắc phương Hắc đế, - Ngũ tướng là năm vị thần sao là Thiên-mục, Văn xương v.v...

thì chia làm 5 toán, 2 toán làm chính, 3 toán làm kỳ. Như gặp địch đem binh chính tiến vào, thì đặt quân phục, giả cách chạy; ba toán làm binh kỳ giữ vệ hai bên tả hữu; quân khinh vệ đánh đằng trước; như thấy quân địch rối loạn thì báo ngay cho trung quân tiếp chiến.

Không biết sông núi hiểm trở thì không thể hành quân. Có người hướng đạo, trước phải biết chỗ đi chỗ nghỉ, đường thẳng đường cong, thì mới có thể tiến binh; và nên đề phòng những loại hướng dẫn không thực. Đường nhỏ hẹp hiểm trở, núi cao trại lớn, mười người giữ nghìn người không qua được, nên trước sai người giả làm dân làng đi kiếm củi mà nhòm ngó, không có việc gì thì hãy đi qua cho mau.

Đi qua những nơi quan sơn hiểm ải thì sai du binh đi tiên phong trước, lên nơi cao nhất, trông khắp bốn mặt, sợ có quân giặc phục chặn. Như gần đó có rừng núi, cây cỏ um tùm, che kín người ngựa, phải xem xét, không có gì thì về báo chủ tướng ngay, sẽ theo thứ tự mà cho người ngựa qua. Trước hết cho quân bản bộ qua, sau cho đội thứ nhất qua, ở nơi rộng rãi đất bằng, sắp hàng đứng ở hai bên, rồi hậu đội theo thứ tự mà qua. Đội thứ nhất đến trước bày hàng đứng, chờ chủ tướng qua, người ngựa sang hết, bấy giờ mới cho đội thứ nhất đi lên, theo thứ tự, cứ y hàng ngũ mà đi. Tiền đội đã được nghỉ nhiều, theo thứ mà đi trước, hậu đội không đến nổi khổ sở vội vàng, nếu có giặc đến đánh thì cũng dễ đối phó.

Qua chỗ hiểm ải, không được kêu gọi ồn ào, sợ giặc nghe biết. Tuy là đi chông, nhưng đội ngũ vẫn đầu đuôi tiếp nhau, không đến nỗi đứt quãng.

Hành quân qua nơi hiểm mà tiền đội gặp ngựa giặc, tức thì sai người ngựa tiền đội đi chân mà chiếm lấy nơi cao phẳng, đứng yên đó, rồi truyền báo tin cho chủ tướng biết, lấy cờ trắng để tương ứng với hậu đội mà không sai người chạy về báo lại nữa. Nếu đang trước có việc thì cũng truyền báo ngay như thế. Trong khi vội không nên rối động. Nếu người và ngựa không rối loạn thì ứng phó với địch cũng dễ.

Quân cuối ngựa trắng đi đường, cho cầm cờ năm sắc mỗi sắc một lá, cờ thêu một lá, phải định theo sắc của mỗi phương. Việc cần truyền báo thì cứ theo từng đội mà truyền như trên kia, lần lượt mở một lá cờ để ứng, truyền đến hậu đội. Như đang trước gặp rừng lớn thì mở cờ xanh, gặp nước thì mở cờ đen, gặp binh mã thì mở cờ trắng, gặp núi hiểm thì mở cờ vàng, gặp khói lửa thì mở cờ đỏ, gặp thành ấp thì mở cờ hoa, theo từng đội, lâm thời mà mở một sắc cờ để ứng, truyền đến người sau cho đều biết để phòng bị.

Các nơi đặt cờ không cho phạm với hiệu cờ của chủ tướng...

Quân đi qua sông, trước sai thủy thủ đi trước, thăm dò nông sâu thế nào. Như nước sâu mà không có bè, thì dùng mấy sợi dây thừng to buộc vào cây rừng ở hai bờ, hoặc là đóng cọc mà buộc chắc, khiến người vịn dây mà lội sang sông. Gươm giáo thì cứ mười cái buộc

làm một bó, ở chỗ cận tiện chặt tre gỗ làm mảng, dưới xếp gươm giáo, trên trải áo giáp, rồi dùng một cái dây thừng, xoắn vòng lớn vào dây, cho người sang sông trước đứng ở trên bờ mà kéo qua sông; hoặc có thể dùng chum to, buộc lại làm cái bè chum; hoặc là dùng da dê lột cả con làm cái túi da, thổi hơi vào trong rồi thắt cái miệng túi lại, mỗi túi có thể chở 2 người; hay là dùng mấy túi buộc lại thành bè, cũng có thể chở người sang được. Đội ngũ qua sông y theo phép vượt núi vậy.

Quân đi qua chỗ bùn lầy rất sâu, người ngựa khó tiến, dùng cây cỏ rải trên mặt đường, sau dùng đất khô rải lên, rộng hẹp tùy thời, người ngựa đều có thể qua được.

Quân đi có xe vận tải, hay phải khuân vác các vật lương thảo nhẹ nặng, thì đều đi ở giữa đường, bị mưa thì dùng giáp đội yểm hộ, sợ bị hại lương thảo của ta.

Quân đi gặp nước mà lấy nước nấu cơm, nên sai người bị tội chết hay con vật sắp bỏ uống thử nước ấy trước xem, sợ có người thả thuốc độc vào, người ngựa uống có khi bị chết. Qua sông cũng thử như thế.

Đi đường bùn lầy, trước sai người thăm qua, sợ có thả chông gai và đào hố sâu ở trong bùn, hay có ngăn tháo nước ở thượng lưu. Ngày xưa người Man Di là Trí Cao⁽¹⁾ thả chông ở trong bùn và Hàn Tín đã xẻ tháo ngược ngăn mà chém Long Thu⁽²⁾

⁽¹⁾ Tức là Nùng Trí Cao

⁽²⁾ Xem chú thích (1) tr.109

Thuyền sang sông lớn, trước hết sai người dò xét, sợ quân giặc trước mũi ngầm lỗ để làm chìm đắm quân ta.

Quân đi vào nơi rừng núi rậm rạp, phải đề phòng có phục binh. Trước nên chọn quân khỏe mạnh 2,3 trăm người lên đi vào nơi hiểm trở không có phòng bị để chẹt giữ đường ra; lại chọn người mạnh dạn đi tìm tòi ở đường, hoặc từ ngọn cây hay núi cao sai người trông xa, biết rõ không có quân ẩn phục, thì chia binh trước sau để làm chiêu⁽¹⁾, rồi sau mới cho xe cộ và những người già nhỏ đi trước, quân bộ kế tiến. Qua sông cũng như thế.

Quân đi, gặp rãnh hố rộng dăm ba trượng, người ngựa không thể qua được, thì sai trong quân mỗi người cầm một cái cọc gỗ và một bó cỏ hay củi, chuyển nhau lấp đi, thế thì có thể qua được ngay.

Răn sự tiết lộ. Phàm ra quân đi đánh dẹp, chỉ sai thu nhật hành trang, không cho biết sai đi nơi nào, sợ có kẻ gian dò thám cho giặc biết trước mà phòng bị, lại đánh chặn quân ta. Như muốn đi sang phía đông-nam để đánh úp địch, thì giả nói là đi tây-bắc, khiến quân địch không thể phòng bị, để đánh bất ngờ.

Cẩn thận việc đi. Nếu giặc ở ngoài 30 dặm, phàm qua nơi hiểm trở, báo truyền lại xin cho quân qua hiểm, báo xong, trước cho gia đình và tinh binh ở trung

⁽¹⁾ Làm chiêu, tức là chia binh và cờ ở dọc đường để dùng hiệu cờ mà báo tin cho nhau

quân chạy đến chỗ hiểm để mai phục, xong thì cử hiệu pháo một tiếng, đánh trống, cho binh sĩ qua hiểm. Phàm hành binh thì trung quân uỷ riêng một viên quan biết rõ đích xác, cùng đi với quân tiền tiêu, cấp cho một số cờ ngũ phương. Có việc thì mở cờ ra, gặp rừng cây mở cờ xanh, gặp sông chằm mở cờ đen, gặp bình ngựa mở cờ trắng, gặp núi hiểm mở cờ vàng, gặp khói lửa mở cờ đỏ, qua các vật thấy đó rồi thì cuốn cờ lại. Phàm chiêu dao⁽¹⁾, như đường có thể đi một hàng một thì dựng một lá, hàng đôi thì dựng hai lá hay đi hàng ba thì dựng ba lá, đi hàng bốn thì dựng bốn lá, ở chỗ dinh đi được thì mở năm lá. Hậu đội miệng truyền dân ở trước là sắc cờ gì, chiêu gì. Trung quân nổ ngay pháo hiệu đổi dinh và chuẩn bị hiệu lệnh.

Dẹp đường trước. Quân đi qua đâu thì báo trước cho nhân dân sở tại, bốn mặt đều cách 3 dặm, cấm tuyệt người và súc vật; xe thuyền trên cạn dưới nước đều phải sửa soạn. Ngu hậu⁽²⁾ và du binh hẹn cho địa giới quân đi qua trước 20 dặm phải dẹp đường.

Dẹp hàng ngũ. Đội ngũ hành dinh lúc đi đường cần phải minh bạch nghiêm túc Nhưng có khi bày hàng không đều, thò sau thụt trước, thưa dày khác nhau đứt quãng không liên, đi rối rắm loạn, tự bỏ đội ngũ, đánh trống không đi, nghe chiêng không dừng, hạ cờ không

⁽¹⁾ Chiêu dao, nghĩa đen là gọi và vẫy, ở đây là dùng hiệu cờ để báo tin cho người đi sau

⁽²⁾ Lính đi tuần

nấp xuống, cất cờ không đứng dậy, mở cờ không tiếp, được lệnh không truyền, truyền lệnh không rõ, đường sá nghẽn tắc, nói cười ồn ào, đều phải trị bằng quân pháp, lâm địch thì chém ngay.

Thu nuôi lính ốm. Phàm quân đi, gặp có người hay ngựa bị ốm, không thể đi được, khi lên đường thì bắt chủ tướng ngay, cấp cho tín phiếu, cho sai người áp đưa đến thành quách phủ châu huyện dinh trại đồn sở ở địa phương gần đấy nhận về điều trị, đồng thời có những người quen biết của người ốm ở trong hàng ngũ thì lưu lại 2, 3 tên để chờ người ốm. Những người lưu lại đó trông coi thuốc thang, bệnh khỏi thì đưa ngay về bản dinh. Địa phương ấy phải làm tờ cam kết tra xét bệnh tình đã khỏi. Như bệnh khỏi mà không đưa về bản dinh thì sở tại bị lấy luật hậu kỳ (trễ kỳ hạn) mà xử. Nếu có người chết ở chỗ hành quân, thì bản đội ngũ đào mộ mà chôn, rồi lập tiêu chí, tướng lãnh đem các đầu mục đưa thức ăn uống đem theo đến cúng. Làm trái thì xử theo luật cố khí⁽¹⁾. Xong việc sẽ trở lại lấy đem về.

Cẩn thận đồ rơi. Phàm quân đi ở đường, có đồ khí giới, đồ vật sót mất, ai trông thấy thì thu nhặt ngay, đem về nơi đóng ngũ đưa cho quân, gọi người đến nhận lãnh, người mất của và người được của sẽ chiếu cách thưởng phạt: ai ẩn giấu không báo thì trị tội cũng không được đưa riêng cho nhau.

⁽¹⁾ Bỏ người bạn cũ

Gặp vật quái dị. Quân đi gặp thấy chim muông kỳ dị, thần quỷ quái vật vào trong dinh lũy, hay là bắt được, thì phải đợi báo cho chủ tướng. Nếu không báo mà tự quyền bày ra, họp chúng làm rầm rĩ lên, đều chiếu phép quân trong lúc lâm trận mà xử.

Hiếu rõ quân cơ. Phàm có người báo tin, hay quan và binh nghe được tin tức của giặc, đều không cho đón chặn ở giữa đường mà hỏi đáp nhau, phải ngậm miệng đi chong đến chỗ chủ tướng mà bày tỏ, khi cho được tuyên bố với quân chúng thì mới có thể nói với các quan bả tổng⁽¹⁾. Nếu trước khi gặp chủ tướng mà dám ở giữa đường nhân có người hỏi mà nói ra, dù chỉ một người biết trước chủ tướng cũng coi là tiết lậu quân cơ, người hỏi người đáp đều xử theo quân pháp. Cho đến cả đối với các tổng tiêu⁽²⁾ và bè bạn trong bản dinh cũng không cho tiết lộ trước. Lại hoặc có người biết sau chủ tướng, đã được dặn dò không cho truyền nói nữa, không cho tiết lậu nữa, mà còn dám cố hỏi, thì cho người bị hỏi bầm lại, đều phải trị tội nặng cả.

Tập rèn mang nặng. Phàm quân đi đều phải mặc áo giáp đội mũ, cầm khí giới, ngỗ hầu tới khi đánh địch thì mình nhẹ. Như đường xa trời nóng, được lệnh mới được thay đổi.

Chuẩn bị lương khô. Khi bình thường mỗi người lính đem 2 cân gạo, sao vàng 1 cân, giã nhỏ làm

⁽¹⁾ Bả tổng là chức quan võ cao cấp ở bậc cuối cùng chỉ huy một dinh hay một ti (đời Minh)

⁽²⁾ Tổng tiêu là chức quan võ chỉ huy một tiêu.

bột 1 cân, bọc riêng 5 cáp, lấy 5 cáp dùng dầu thơm làm bánh hấp chín, 5 cáp dùng rượu ngon tẩm phơi khô, khi nào tẩm không thấm nữa mới thôi, nghiền nhỏ bọc riêng, 5 cáp dùng muối hòa dấm tẩm phơi, cũng không thấy thấm nữa mới thôi, nghiền nhỏ, bọc riêng. Trong khi hành quân, không bị giặc vây rất khẩn thì không cho dùng, ra quân phải mang theo, quên đeo thì cũng bị tội như mất binh khí.

Định dặm đường. Quân đi 30 dặm vào cõi khác, càng gần với giặc, nếu chợt gặp giặc, thì quân có thể đánh không hại gì, vì gân sức chưa suy. Nếu như vượt đường xa, người ngựa mệt mỏi mà thành linh gặp giặc, mười người không địch nổi một người, thì nên bố trí nghỉ ngơi như không có việc, thì mới có thể giao phong được. Phàm từ giờ dần đến giờ tuất, mỗi ngày đi được 60 dặm, cứ 10 dặm thì lại tề chỉnh nghỉ ngơi, 30 dặm thì họp lại ăn lương khô.

Đi đường núi hiểm. Núi sâu đường hiểm, ngựa không được đi cùng hàng, người không được đi liền vai, sợ có quân phục của địch ở nơi đường hiểm, hoặc xô vào trước ta hay xông vào giữa ta, hay chặn dứt sau ta. Dù có quân đi tuần ngựa thám thính, sợ có khi tìm xét không đến, quân địch đánh lúc ta không ngờ, hay là quân tuần ngựa thám nhâm sẵn vào giữa nơi quân phục của địch, bị hãm ở đó, không kịp báo, nếu ta mạo hiểm mà tiến, muôn một gặp địch ở đường độc đạo, nó có phòng bị đợi ta không phòng bị, núi hiểm cách trở,

đầu đuôi khó ứng viện nhau, trong khoảng trăm bước trước sau chẳng cứu được nhau, nếu không phòng bị trước thì làm thế nào được! Nay dùng phép “liên châu đảo quyển”⁽¹⁾ hay thế “phi thiên ngô công”⁽²⁾

Đại ước : nay quân ở dinh có 1.000 người, chia làm mười đại tiêu, mỗi 100 người làm một tiêu, cứ trong mỗi tiêu thì dùng hai lá cờ tiêu trưởng, hai lá cờ trưởng hiệu, từ một tiêu bắt đầu đến mười tiêu thì thôi. Tiêu thứ nhất đi trước đến quãng đường thứ nhất, ngựa thám báo quãng đường thứ nhất không có sự gì, tiêu thứ nhất xem tiêu binh đến trước cầm lá cờ sắc gì, tức thì ngã xuống theo chữ định hàng ngũ là hình núi, thì chiếu hình ấy mà lập dinh, rồi lại cho ngựa tiến lên trước. Tiêu thứ hai lại lộn cuốn lên đoạn đường thứ hai ở trước, báo cũng như thế. Tiêu thứ hai lại xem tiêu binh cầm cờ sắc gì, chiếu hình mà lập dinh. Đến tiêu thứ ba, tiêu thứ tư cho đến tiêu thứ mười cũng đều như thế. Nếu có tin báo có giặc, tức thì phải đem tiêu mình hơi lui về chỗ cửa đường ở giữa khoảng hai bên lập dinh của ta, nhằm thế bọc núi liền đồng mà lập trú dinh, thu những lính tiêu và ngựa thám về yên bài để giết giặc. Như giặc ở giữa đánh ra thì hai bên núi đã có quân ta lập dinh trước, nó mở quân không được, sao dám đánh ở giữa! Như nó dám đến đánh giữa ta, thì hai bên núi

⁽¹⁾ Như khâu ngọc lộn cuốn

⁽²⁾ Như con rết bay lên trời

ta ra quân giáp đánh. Nó đánh ở dinh tả thì dinh hữu ra quân cứu viện; nó đánh ở dinh hữu thì dinh tả ra quân cứu viện. Nó lui thì ta theo ngay sau. Dinh hậu lại như phun châu mà ra; lại tiếp nhau hạ dinh; đổi phiên nhau lui và đánh. Giặc mệt ta nghỉ. Thế thì giặc không thể đến đàng trước để đánh ta được. Nếu giặc phục binh từ trung gian vụt dậy mà ra, thì quân ta hai đầu đóng ngay ở núi hiểm, các dinh trung gian của ta đều có thể liên châu, đánh tả thì hữu đến, đánh hữu thì tả đến. Quân ta ở trước chỗ đất cao để chờ địch, nó cũng không thể thi hành kế gì khéo hơn được. Quân ta trước đã lập dinh, hết thấy những địa lồi, bàn đĩnh, chông sắt, chông chà đều có thể bố trí được, mà hết thấy các súng ống đều quay ra ngoài để đợi địch đến. Lòng quân thống nhất, không dám chạy tán, tự thấy hành dinh như sao, đây đó làm viện cho nhau, tới đâu cũng là có nhà, người trông thấy đều tự hăng hái, còn sợ gì địch nữa. Quân địch muốn xông vào giữa ta cũng không thể làm gì được. Nếu địch chặn dứt sau ta, thì lấy lui làm tiến, quân tiêu sau quay làm quân tiêu trước, cuốn ngược mà quay về, địch cũng khó mà chạy được. Như gặp chốn sông lớn, đường hẹp thì ta nên trước cho quân canh giữ, há lại khinh tiến để cho không có đường về hay sao? Xét xưa nghiệm nay, trong cuộc hành quân để tránh trận hiểm, muôn điều không hơn thế được.

*

Vượt ngòi rãnh thì có cầu bay; sang sông lớn thì có đường Thiên hoàng. Nước thượng lưu chảy xuống thì có biển Bột hải.

Phàm thế lực của ta ngang với thế lực của địch, thì chia quân ra làm ba nơi: tiền quân thì ở chỗ hào sâu lũy cao, dựng cờ đánh trống, phòng thủ cho bền chắc; hậu quân thì chứa lương cỏ, không cho địch biết là mình định đánh, cho quân nhuệ sĩ của ta ngấm úp ở trong, đánh vào lúc không ngờ, tức có thể thu công vạn toàn vậy. Hoặc sai tiền quân ta ngày ra khiêu chiến, quấy cho địch phải mệt nhọc, lại sai những người già yếu đánh trống qua lại, khi ở phía tả, khi ở phía hữu, làm cho nó phải nhọc, quân nó phải sợ. Sai quân cảm tử của ta, hoặc đánh ở trong, hoặc đánh ở ngoài, quân địch tất phải thua.

Phàm phép ra quân, trước hết cho đi dò xét ở xa, cách hai trăm dặm để biết địa thế và địch tình; lại đặt quân tiếp ứng ở sau ước 50 dặm. Như có sự khẩn cấp thì trước sau báo cho nhau.

II- HƯỚNG ĐẠO

Không dùng người hướng đạo thì không biết được địa lợi. Cho nên việc binh lấy trá mà làm, lấy lợi mà động, lấy phân hợp mà làm biến hoá. Cho nên khi nhanh chóng thì như gió, khi thông thả thì như

rừng, khi lẩn cướp thì như lửa, khi không động thì như núi; khó biết được ngấm, động như sấm dậy; cướp làng chia quân, mở đất phân lợi, theo quyền biến mà hoạt động.

Biết được núi sông, suối ngọt, cỏ nước, nhà ở, đường sá cong hay thẳng, thì thưởng hậu, được người như thế thì hậu đãi, gọi là binh hướng đạo.

Ngựa già khéo biết đường.

*

Phàm dùng quân sĩ, hoặc bắt tù làm hướng đạo, nên phòng mưu giặc ngấm thì kế gian, bị nó dụ dỗ lừa phỉnh. Tất phải xem sắc mặt, xét ý tình, so sánh lời của mấy người, uốn nắn giáp nhau, rồi mới có thể tin dùng. Nên ban thưởng cho hậu, trao cho tước trật. Nên kén những người tâm phúc khôn ngoan, cho theo cùng đi. Nên đề phòng cẩn mật họ hai lòng. Nhưng không bằng lấy những người dùng được đã nuôi sẵn mà thường quen hiểu đường đi; cũng bắt tất cả phải người bản thổ. Như ở giữa đồng không, bốn phía không phân biệt được, lại gặp đêm tối, thì nên trông sao Bắc thần⁽¹⁾ và ngắm sao Trung tinh⁽²⁾ làm chính.

⁽¹⁾ Ngôi sao sáng ở đuôi sao Bắc Đẩu, tức Étoile polaire.

⁽²⁾ Chòm sao trong nhị thập bát tú ở giữa trời.

III- ĐỐN TRÚ⁽¹⁾

Dời di. Quân không nhất định đóng ở đâu, cũng không nhất định đi đâu. Nhưng phải xem cơ nghi; Mùa xuân mà cỏ cây khô cần thì dời; mùa hạ mà suối chầm mưa ngập thì dời; phục ở rừng rậm, gió quá thì dời; có tiện thì đến, có lo thì dời; có lợi thì ở, không lợi thì dời; địch yếu thì ở, địch bên thì dời; dây mạnh kia yếu, dây hoãn kia gấp thì dời; dây khó kia dễ thì dời.

Đóng. Phàm đóng quân thì phải dùng nơi sau cao trước thấp, trông ra hướng sáng, quay lưng hướng tối; nuôi sống ở đủ, nước lửa không lo, vận tải tiếp tế không trở ngại; tiến có thể đánh, lui có thể giữ, chầm cỏ suối nước, lấy củi, chăn súc đều đạt được cả. Đó là nơi có thể đóng được. Nhưng số sản vật không đầy đủ cả, mỗi phương một khác, cho nên khi tạm đỗ thì phải chọn nơi thích hợp với việc quân; ở lâu thì phải dùng địa thế.

Đẹp giữ thóc lúa. Người Tần cắt lúa mạch mà Hoàn Ôn⁽²⁾ vỡ; Triệu Thủ⁽³⁾ dời lương mà Hoàng Sào

⁽¹⁾ Tham khảo **Võ bị chế thắng chí**, quyển 3.

⁽²⁾ Hoàn Ôn : Người thời Tấn, làm chinh tây đại tướng quân. Tấn Minh đế sai đi đánh Tấn Bồ Kiện (con Bồ Hồng, bác Bồ Kiện). Ôn cậy có thóc của Tần sắp chín, Kiện sai người cắt hết lúa, quân của Ôn không có lương ăn phải lui về.

⁽³⁾ Triệu Thủ : Người đời Đường, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Khi Hoàng Sào khởi nghĩa, Thủ làm thứ sử Trần Châu, chứa lương cỏ, làm kế giữ lâu. Sau phá được quân của Hoàng Sào (dời lương ở đây, tức là dời lương nơi khác vào thành).

thua; Khấu Chuẩn⁽¹⁾ chôn thóc mà quân địch sợ; Duy Phụ⁽²⁾ đốt thóc mà quân Kim thiếu ăn; Vu Khiêm⁽³⁾ bỏ kho không mà giặc mạnh phải tiêu tụy. Nhưng khi có dụ mà không nghe, lệnh mà không theo, một vì trong cõi không nơi tích trữ, một vì nhà nước vay mượn khó khăn. Vậy phải lấy ngay những nơi đất công ở trong thành hoặc chùa quán để làm kho chứa, sai dân tự coi giữ, mà tự trao đổi bán chác, quan đi qua cũng không hỏi đến. Thuyền vận tải không hết thì sau nhà nước mới đóng vào. Thóc chỉ có vào thành mà không có ra thành. Dùng gạo đổi tiền thì dân ở thành tiện. Ta no thì địch đói, làm một việc mà tiện lợi được ba. Nếu cấp bách quá không kịp thì cho chôn hay đốt đi.

Thu dẹp súc vật. Phàm việc tiện nhất cho sự cướp bóc không gì bằng súc vật, không phiền vận tải, hễ đuổi thì đi. Chưa hề đánh nhau mà địch đã thoả mãn dục vọng rồi. Thế nên Lý Mục nghiêm lệnh giữ gìn mà rợ Hồ chẳng dám nhòm biên, Trần Tuấn⁽⁴⁾ đem quân thu cướp mà giặc tự phải tan chạy. Ở gần thành thì cho

⁽¹⁾ Khấu Chuẩn : Người Tống, đời Tống Cao tôn đánh phá được quân Khiết Đan ở Chiên Uyên.

⁽²⁾ Duy Phụ : Tức là Lưu Duy Phụ thời Tống. Khi người Kim đánh Hy Hà, Duy Phụ làm mã bộ quan phó tổng quản ở đây, sắp bỏ chạy, thấy trong thành còn chứa nhiều thóc, sợ người Kim lợi dụng được sai đốt hết đi.

⁽³⁾ Vu Khiêm : Người thời Minh, khi Dã Tiên (thái sư của Ngõa Hạng) tiến quân sát đến Kinh sư, Cảnh đế cho Khiêm làm đề đốc quân mã, đánh lui được quân của Dã tiên.

⁽⁴⁾ Trần Tuấn : Người đời Đông Hán, làm quân lại, theo Quang Vũ đi đánh Đông Mã, chém được tướng của địch.

tụ vào thành mà giữ, ở xa thành thì làm lũy vách mà thu vào. Thi hành ở nơi biên tái thì kế càng cần thiết.

Thu dẹp rơm cỏ. Dịch nhờ ngựa mà mạnh, ngựa nhờ cỏ để ăn. Tướng sĩ giữ biên, mỗi khi về tháng thu cỏ khô thì ra cửa ải xa mấy trăm dặm, phóng lửa đốt cháy. Lưu Nhân Cung⁽¹⁾ lấy đó mà chống được Khiết Đơn; Tư Ma lấy đó mà đối phó với Tiết Diên Đà. Như Nguyên Hiệu⁽²⁾ nước Tây Hạ đối với người Liêu, thì lui quân ba xá⁽³⁾, mỗi lần đều đốt đất cho trụi, do đó dụ được giặc mà thắng được; Như người Kim giữ cỏ ở gò Mâu Đà mà Biện Kinh bị vây; như Vu Khiêm bỏ không trại chăn nuôi ở cận giao mà quân kị của địch phải rút. Vậy thì rơm cỏ chứa đầy chỉ để làm quà cho địch, việc trước nên soi.

Thu dẹp suối nước. Dịch nhờ vào, không cỏ thì nước. Người Tần đánh thuốc độc ở thượng lưu sông Kinh để làm đói quân Tấn. Tướng Tuỳ đánh thuốc độc vào suối ở trong cõi làm cho giặc bị bệnh. Lưu ý đánh thuốc độc vào sông Dĩnh⁽⁴⁾ để khốn quân địch, đánh thuốc độc vào cỏ để khốn ngựa địch.

⁽¹⁾ Lưu Nhân Cung ; Người thời hậu Đường (Ngũ đại), làm tiết độ sứ ở Lư Long.

⁽²⁾ Nguyên Hiệu : Tức là Triệu Nguyên Hiệu, vua nước Tây-hạ, người Tống, phản nhà Tống.

⁽³⁾ Mỗi xá 30 dặm.

⁽⁴⁾ Lưu Ý bỏ thuốc độc vào sông Dĩnh. Đời Tống Cao tôn, Kim thái tử Ngột Truật đem quân sang đánh thành Thuận Xương. Ý sai người bỏ thuốc độc xuống dòng trên sông Dĩnh. Quân và ngựa của Kim uống phải nước sông ấy mệt mỏi, bị Lưu Ý đánh cho thua.

Thu dọn nhà ở và đồng nội ngoài thành. Phàm gần thành, trong ba trường mà có nhà thì giặc có thể hoặc phục ở trong để bắn, hoặc lấy xà cột để làm thang, hoặc thuận gió đốt cháy lan, hoặc lợi dụng nền mà tung khói. Đó đều là khiến thành không thể giữ được. Vậy nghiêm xuống lệnh dỡ đi, gấp thì đốt đi. Phàm phía ngoài hào hơn một dặm nên bỏ đồng trống, vì có thôn xóm thì địch giữ mà đóng; có đài tháp thì địch giữ mà nhòm xa; có gò đồng thì địch nhờ để lấp hào đặt súng; có đầm cỏ ngòi lạch thì giặc có thể ẩn nấp; có cây to và tre gỗ kho đạn thì đều là khí cụ để đánh thành, phải hoặc triệt đi, hoặc cấm, hoặc vận vào thành; có bè ở dưới nước ngoài trăm dặm thì tạm dời sang kênh nhỏ mà giấu đi. Ai làm trái thì dùng quân pháp mà trị. Năm điều ấy mà làm được thì ngoài nội trống hết, ta có thể hại địch mà địch không thể hại ta. Như vậy thì việc phải làm trước không thể kể xiết. Tuy thế, sự giữ thành thì có hạn mà sự không thể giữ đồng nội thôn xóm thì vô hạn. Vậy nên phải nương tựa lẫn nhau, đều cùng nhau giữ gìn, không có đồn trại nào giữ tốt hơn thế được⁽¹⁾.

Nghiêm cấm cướp đêm. Sách *Kinh thế* nói: Mỗi khi hạ dinh ban đêm, phàm có đường hẻm có thể qua có thể vượt được, đều nên đặt đồn canh. Binh lính canh đồn nên cẩn thận chằng một chiếc dây lớn, dòm xét kĩ càng. Như có giặc thì nổ súng làm hiệu. Quan binh ở

⁽¹⁾ Nghĩa là có đồn trại ở ngoài thành mà giữ cũng không bằng dùng kế “đất không nhà trống” như trên.

dinh thì không cho cởi áo ngủ say, áo giáp mở ra cùng với đồ binh khí để một bên, mỗi phòng lều giao một người thay nhau canh gác.

Một khi có tin động, không được nói to, đánh thức ngay đồng đội, mặc giáp, cầm khí giới, ngồi im chờ giặc. Khi giặc tới gần thì nổ súng bắn cung. Cần nhất là không được chạy động. Nếu chạy động tức là giặc, bắn giết ngay. Tóm lại, gặp khi đêm có báo động, nếu mọi người bình tĩnh không động, không tiếng ho hắng, thì địch dù là quân mạnh giỏi đến đâu cũng chỉ ở nơi xa mà reo không, quyết không dám tới gần dinh lũy của ta. Và khi đêm tối giặc đến cướp dinh, hoặc xâm phạm dinh lũy, phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc, thì dinh đương bị cùng với dinh khác chưa bị đều cùng yên tĩnh giới nghiêm, không được động càn, đều giữ dinh lũy, đến chết chẳng dời, thế mới vạn toàn. Nếu dinh đông không giữ mà bỏ chạy sang dinh tây, chẳng những dinh tây không động, mà dinh đông lại gặp súng tên của dinh tây bắn chết.

Dựng nêu. Mỗi dinh đã đặt ra rồi, tức thì xem hình thế đất bốn phương đông tây nam bắc đều dựng nêu cờ, mỗi nêu đặt phu bắt, nhiều thì hai chục tên, ít thì hơn mười tên, có đủ cung tên đao súng để canh giữ. Những binh lính hái củi, lấy nước, chần súc đều không được tiện tiện vượt ra ngoài chỗ nêu cờ. Ai phạm thì phải xiên tai để cảnh cáo mọi người. Lại hiểu dụ cho những binh lính tuần phòng cẩn thận giữ trông, hễ có người nào vượt qua nêu thì bắn ngay. Nếu tư tình

buông thả thì phép quân xử nặng không tha.

Cẩn thận phòng bị. Mùa đông khí rét, mỗi khi sương tuyết đầm đìa, ban ngày tối như ban đêm, giặc thường nhân lúc đó đánh ta. Quân ta gặp lúc như thế, cần phải nghiêm cấm canh phòng, ban đêm lại càng cần thiết. Binh lính lên cao canh giữ, nửa bước cũng không dời chỗ mình đứng, chính là sợ một khi trông coi không rõ ràng, ngộ bị quân địch thừa cơ đến đánh thì nguy. Thiết tha nhớ lấy.

Chòi canh. Binh lính ngồi chòi canh, mỗi ngày từ sáng sớm lên chòi, phải ngồi chờ cho đến tối có binh lính canh đêm đến, bấy giờ mới cho về dinh. Binh lính canh đêm đến sáng, phải chờ người canh ngày đến, mới được về dinh. Ai dám chậm trễ, không đợi lính này lính kia thay đổi cho nhau mà tự tiện bỏ chòi canh về dinh, phải đem tới dinh để tướng biên trị tội. Như ban đêm mưa gió, tướng biên thì yên ngủ ở trong phòng lều, không nghĩ đến nỗi khổ của người ngồi đêm ở chòi để thay đổi, thì nên lấy phép quân trị nặng. Nếu binh lính lên cao nhìn xa thấy có giặc đến, tức thì nổ súng làm hiệu, chỉ chờ về phương ấy, cho tiện việc trong quân tiếp ứng.

Nhắc rõ lệnh kiểm củi và chặn ngựa. Mỗi ngày giờ tý thối ba tiếng ốc, bắt một tên lãnh cờ, lãnh đem binh lính năm dinh 25 tên ra gác cầu để dòm trông các dinh, còn lính dư và người thuê thì đều đi kiểm củi và chặn ngựa, vụ đủ dùng trong một ngày. Giờ ngọ lại thối ba tiếng ốc, đều trở về dinh, kẻ nào trái lệnh thì

bắt xét trị nặng . Mỗi ngày bọn lính và người làm thuê đi chặn ngựa và kiểm củi lấy nước ở ngoài, hễ nghe có tiếng súng ở trong dinh và nghe tiếng báo của chiêng hiệu thì không kể xa gần, tức tốc về dinh, người nào trái lệnh thì xiên tai.

Phải đặt dinh làm cho giặc sợ. Mới đầu đặt bàn dinh, ở trong làm mấy tầng cũng không sao cả. Nếu một ngày không thấy giặc động tĩnh, đến chiều rút một tầng ở ngoài kê vách, rồi đặt một dinh; ngày thứ hai không thấy động tĩnh gì, lại rút một tầng ở ngoài, rồi lại đặt một dinh. Giặc hẳn cho rằng sức quân ta ngày càng thêm thì lòng nó càng mau nản. Đó là cách biến thực làm hư, biến hư làm thực vậy.

*

Sách *Tôn tử*:

Phàm phép dùng binh, tướng phải chịu mệnh với vua, hợp quân tụ chúng... Địch ở nơi cao chỗ ngẩng lên mà đánh; địch dựa vào gò chỗ đón mà đánh⁽¹⁾... Đất tuyệt không nên ở; đất vây thì lập mưu; đất chết thì đánh... Đường có khi không đi; quân có khi không đánh; thành có khi không phá; đất có khi không tranh; mệnh vua có khi không chịu. Cho nên làm tướng có suốt được điều lợi của chín biến⁽²⁾ mới là biết dùng binh. Nếu tướng không

⁽¹⁾ *Tôn tử*, thiên VII

⁽²⁾ Chín biến là chín việc, quyền biến nói ở trên.

biết điều lợi của chín biến thì dù có biết địa hình cũng không nắm được địa lợi. Cầm binh mà không biết cái thuật chín biến thì dù có biết được năm điều lợi cũng không thể được người mà dùng. Thế nên người khôn lo nghĩ, tất có lẫn với lợi hại, lẫn với lợi thì sự chuộng của mình đạt được, lẫn với hại thì mối lo của mình giải được. Thế cho nên lấy hại mà đề chư hầu, lấy nghiệp mà sai chư hầu, lấy lộc mà khiến chư hầu xô đến. Cho nên trong phép dùng binh đừng cậy là giặc không đến mà cậy ở ta sẵn có cái để đón chờ; đừng cậy là giặc không đánh mà cậy ở ta sẵn có cái cho nó không đánh được. Cho nên làm tướng có năm điều nguy: liều chết thì có thể bị giết; ham sống thì có thể bị bắt được; nóng giận thì có thể bị khinh nhờn; trong sạch thì có thể bị làm nhục; yêu dân thì có thể bị quấy rầy. Năm điều ấy chính là lỗi của người làm tướng, và tai vạ của việc dùng binh. Bại quân chết tướng chỉ vì năm điều đó, không thể không xét kỹ vậy⁽¹⁾.

Phàm đóng quân và xét giặc, vượt núi và dựa thung lũng, thì trông nắng mà ở chỗ cao; địch ở trận cao thì đừng lên. Đó là đóng quân ở trên núi. Vượt nước tất phải xa nước, địch vượt nước mà đến thì chờ đón ở trong nước, để nó sang nửa chừng mà đánh thì lợi. Người muốn đánh đừng dựa nước mà đón địch. Trông nắng mà ở chỗ cao, đừng đóng quân ở trên

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên VIII

nước. Vượt đất trũng thì đi gấp, dừng ở lại. Nếu đánh nhau ở nơi đất trũng thì phải nương nhờ nước cỏ mà dựa lưng vào cây cối. Đó là đóng quân ở nơi đất trũng. Nơi cạn bằng thì đóng ở chỗ dễ, bên hữu thì dựa cao, trước thấp sau cao. Đó là đóng quân ở nơi cạn bằng. Theo bốn phép đóng quân ấy, Hoàng đế có thể thắng được bốn phương.

Phàm đóng quân, ưa cao mà ghét thấp, quý dương mà ghét âm, nuôi sống mà ở chắc. Quân không ốm đau, thế là tất thắng. Gò núi dễ điều thì phải ở về phía mặt trời mà dựa về phía hữu. ấy là cái lợi của binh nhờ sự giúp của đất vậy. Phàm đất có tuyết giã, thiên tỉnh, thiên la, thiên hãm⁽¹⁾ thì cần phải bỏ đi, chớ nên gần đấy. Ta xa đi thì địch gần lại, ta đón lấy thì địch bỏ đi⁽²⁾.

*

Dò nơi xa. Đời xưa gọi là du trình, gián điệp, tế tác, lá khiêu, tên không giống nhau mà đều là quân đi dò xét ở bên địch.

*

Cẩn thận đồn canh và hiệu lửa. Mỗi một đồn canh để 5 người, mỗi trống canh 2 người, một người đi một người ở. Khi thấy quân phi lâu⁽³⁾ đánh mõ ứng tiếng, thì quân ra khiêu cầm một mỗi lửa giơ lên làm

⁽¹⁾ Xem giải về thế đất ở sau

⁽²⁾ **Tôn tử**, Thiên IX

⁽³⁾ Phi lâu: Chòi gác trên cao

hiệu; mỗi canh đổi một hiệu lửa, ví như canh một thì hiệu lửa chỉ trời, canh hai thì chỉ bên tả v.v...

*

Đặt dài chứa lương thực và rơm cỏ. Bình lấy ăn làm gốc, ăn đủ thì binh mới mạnh. Đặt quan tào vận để giữ lương thực, gạo và thóc đều phải chứa. Gạo cần thiết mà dễ mục, thóc vỏ cứng có thể để lâu, lúc hoãn lúc cấp đều chứa cả. Đời sau chỉ để gạo, cho nên lâu thì không ăn được.

*

Phép thần cơ làm lữ tạm⁽¹⁾

*

Nơi đóng quân⁽³⁾. Nước sâu trong mà chảy xiết, ăn tốt nhất. Nước hay có lẫn cát vàng, ăn tốt thứ nhì. Nước chảy mà đen, ăn được nhưng không tốt lắm. Ví có nước đứng mà không chảy, đừng ăn. Nước chảy mà trên nguồn có giặc ở, đừng ăn. Nước chảy mà trong đó có xác lợn đen chết không trôi đi thì đừng ăn, ăn thì chết. Nước lẫn nhiều cút đừng ăn, ăn thì ốm. Nước có xác chó chết đừng ăn. Như không có nước ăn được, thì đào giếng ở bên mà lấy nước. Quân sĩ đóng dinh cần có nước, nghỉ tạm cần có nước.

⁽¹⁾ Mục này trích ở sách **Hổ trưởng khu cơ**, ở đây xin bỏ, xem **Hổ trưởng khu cơ** ở sau.

⁽³⁾ Tham khảo **Võ bị chế thắng chí**, quyển 3, chương XX "Dinh địa"

Người giỏi dùng binh phải phòng loạn từ khi chưa loạn, phòng gấp từ khi chưa gấp. Khi làm dinh xong, nên cho những người mạnh dạn vây ở ngoài, những người yếu nhất thì phụ theo. Đó là phép lo lắng về đêm tối.

Sai đi coi và ngắm đo thế đất cho bằng phẳng, có sẵn cỏ nước, rồi kết dựng vách thành, đồn cây làm rào, chỗ đất làm lũy, đào đất làm hào, chế mộc mã⁽¹⁾, tạo phi lâu, làm xích hậu, chia đặt dinh trại cho bền vững, đặt đàn lễ cáo thần minh sở tại, thu canh tan canh, phát khẩu hiệu, đặt quân do thám, đó đều là việc cần kíp về đông quân. Thế núi ngất mà chặn ở gần thì đừng đóng dinh, sợ có quân phục ở bên. Núi âm u quanh quất thì đừng đóng dinh, sợ bốn bề có quân phục. Tả hữu trước sau đều có núi mà hơi xa, thì ta đóng quân ở giữa, phải xem kỹ đường lối đi lại và các đường tắt, phái quân phòng giữ.

*

Tôn tử nói: Bên chỗ quân đóng mà có ao hồ, rừng cây ngăn trở, lau sậy um tùm, thì phải cẩn thận lòng xét kỹ càng, đó là chỗ quân phục quân gian nấp náu⁽²⁾

Phàm quân đi qua đâu, không đốt kho tàng của người, không phá nhà cửa của người; cây ở đền, cây ở xã không được đẵn; kẻ đã hàng không được giết; người đã

⁽¹⁾ Mộc mã: Tức ngựa gỗ, cũng gọi là cự mã mộc, tức là cái cán gỗ chống ngựa, người ta dùng để chống ngựa và voi.

⁽²⁾ *Tôn tử*, thiên IX.

bất được không được đánh; là để tỏ rõ nhân nghĩa, thì hành ơn đức, cho thiên hạ hòa phục.

*

Vô vương hỏi: Quân ta đóng đồn ở trong khoảng rừng sâu cỏ rậm, địch nhân ở trên gió đốt cả trước sau thì ta làm thế nào? Thái công thưa: Phàm quân đóng đồn ở rừng, phải dùng thang và chòi mà trông cả tả hữu trước sau, nếu thấy lửa thì ta đốt cả chung quanh cho cháy còn tro đất đen mà cứ ở yên, thế thì địch không thể làm hại được⁽¹⁾.

Phàm đóng đồn ở rừng, thì bốn chung quanh đồn phải chặt hết cây cỏ rộng 3 hay 5 trượng. Nếu địch đến đốt, thì ta cũng đốt trước ở ngoài bốn phía của ta. Lửa nó đốt cháy vào lửa ta cháy ra, hai lửa gặp nhau, ắt là phải tắt⁽²⁾.

*

Thủ Chân họ Lê nói:...⁽³⁾

Khi chọn đất đặt dinh, không thể không cẩn thận. Cho nên người trí tướng đóng dinh, phải chọn địa lợi. Ví như trước có đường nước, vận tải lưu thông, bên

⁽¹⁾ Xem **Vô kinh trực giải**, phần “Lục thao”.

⁽²⁾ **Hổ trưởng khu cơ** cũng chỉ nói nếu giặc đốt thì ta cũng đốt ở xung quanh ta, lửa của giặc đến thì lửa của ta đã tắt, ta nhấm chỗ đất đen là chỗ đã đốt cháy mà đóng thì lửa của giặc không làm gì được, chứ không nói hai lửa gặp nhau.

⁽³⁾ Từ đây trở xuống là đoạn trích ba chương của sách **Hổ trưởng khu cơ**, đây xin bỏ, xem **Hổ trưởng khu cơ** ở sau.

tả có núi cao, bên hữu có đồng ruộng, thì có thể đóng quân. Nếu sông hồ khe suối bốn mặt quanh co thì không nên kết trại, sợ có quân giặc chặn đứt mất đường yếu lộ mà tiến lui không thông. Cho nên người trí tướng hành binh không bao giờ trông vào gò cao, trở lưng ra nước. Trước có nước thì không tiến, sau có khe thì không lại; hoặc mé nước bên hữu kề liền với gò bên tả, hay một bên là gò núi sông hồ thì đều kiêng, sợ đất ấy ba mặt chịu địch, người trí tướng không thể không cẩn thận. Đó là điều cốt yếu để chọn đất đặt dinh vậy.

Nếu lập trại vào mùa xuân mùa hạ, thì không nên gần nơi cỏ cây xanh tốt, sợ giặc tiện dùng hỏa công. Như về tiết thu không nên sát núi cao và khe suối, sợ quân giặc thừa thế tự xa lại mà bắt quân ta. Cho nên hành binh không thể không cẩn thận. Đó là điều cốt yếu trong sự cẩn thận về thiên thời vậy.

*

Phép hạ trại. Phàm khi hạ trại, phải chọn nơi đất lành, sẵn cỏ nước, tiện việc kiếm củi chăn ngựa. Trại phải có điểm canh để phòng kẻ gian tế.

*

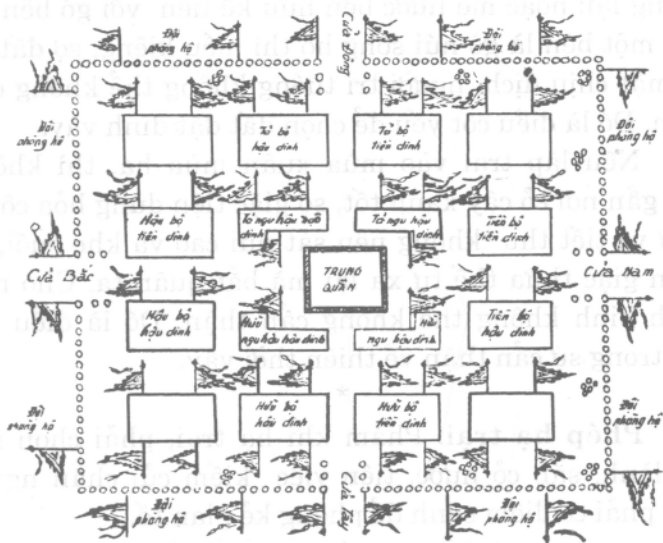
Phép cướp trại. Phàm quân địch đêm đến cướp trại, thì cho quân ra ngoài mai phục bốn mặt, trong trại hư trương lửa và trống. Quân địch xông vào thì vùng dậy mà đánh. Sẽ thắng to.

*

Sách Võ bị chế thắng chí:

Phép dinh vuông của Lý Tĩnh. Như gặp đồng bằng chằm rộng, không có thể hiểm trở, thì phải làm

đình hình vuông. Như xem có 2 vạn người thì chia ra làm 7 quân, trung quân 4.000 người, tả hữu tiền hậu bốn quân, mỗi quân đều 2.600 người, ngũ hậu 2 quân, mỗi quân 2.800 người. Quân tả hữu và quân ngũ hậu tả hữu chia làm 3 dinh, 6 quân làm 18 dinh. Trung quân làm một đại dinh⁽¹⁾.

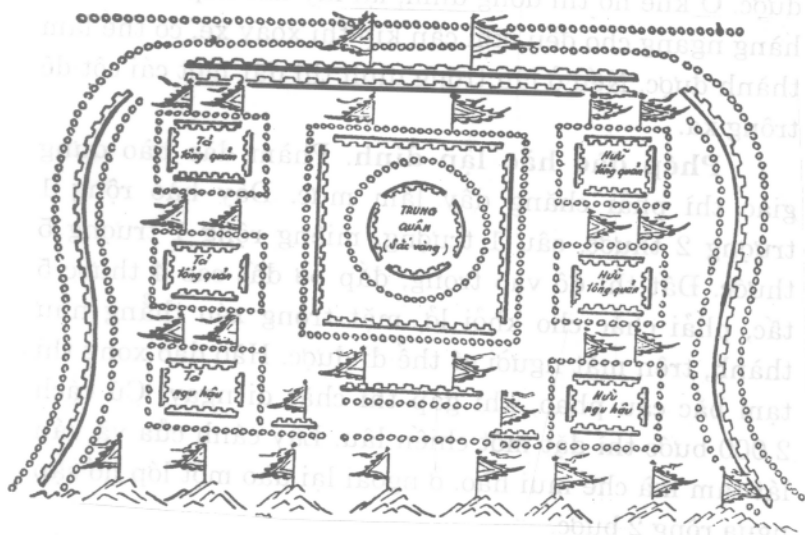


Hình 3- Đình vuông

Phép đình Yển nguyệt của Lý Tĩnh. Phàm gặp dải đất không hiểm trở lắm, nên làm đình bán nguyệt. Đình thì mặt trông ra nơi bằng, lưng quay ra chỗ hiểm mà hai cánh cũng quay về chỗ hiểm, như hình mặt trăng lưỡi liềm. Mỗi dinh cách nhau thưa dày và

⁽¹⁾ Trở xuống 9 mục đều xem thêm **Võ kinh tổng yếu**, Tiên tập, quyển 6, chương “Chế độ III”.

xếp đặt đội ngũ theo như phép trước. Còn cửa thì lâm thời sẽ tính. Đến như binh và ngựa nhiều ít cùng đặt lều rạp thì tùy nghi mà làm, đó là nói đại yếu thôi. Khi có báo động thì súc vật đều cất giấu sau dinh.



Hình 4- Dinh bán nguyệt

Phép lập dinh bằng giáo. Phàm quân đóng không lâu, có thể tạm thời dựng giáo làm dinh, giáo xen với củi cho đều. Chập tối thúc trống cho mọi người đem giáo đến, dứt hồi trống thì cắm giáo xong, quân sĩ canh giữ không được ra ngoài dây chằng, rồi dập tắt khói lửa. Ở ngoài dinh đặt pho canh⁽¹⁾; ở ngoài lại cho một người nấp nghe. Như ngoài dinh có động, người ở pho

⁽¹⁾ Pho canh là khoảng bày quân canh phòng ở quanh dinh

không được nói to; chỉ khua giáo truyền qua bốn mặt, tức thì biết là có động mà đề phòng.

Pháp lập dinh bằng củi. Phàm làm dinh bằng củi, thì củi nên xếp dày khít, không để người đi qua được. Ở khe hở thì đóng đinh, lại lấy đất đắp lên. Xe để hàng ngang cho đều, khi cần kíp thì xoay xe, có thể làm thành được. Nếu ở lâu trong dinh thì đặt một cái cột để trông xa.

Phép đào hào lập dinh. Phàm đào hào dựng giáo thì phải chằng dây làm mức. Đáy hào rộng 1 trượng 2 thước, sâu 1 trượng, miệng rộng 1 trượng 5 thước. Đất thì đổ vào trong, đắp bờ đất cao 4 thước 5 tấc, phải chắc cho khỏi lở, mặt trong xén thẳng như thành, trên mặt người có thể đi được. Hào đào xong thì tạm bắc cầu phao, khi gấp thì chặt đi ngay. Cứ cách 2.000 bước thì đặt một chiến lâu. Lấy cánh cửa và ván lát tạm mà chế mui hào. ở ngoài lại đào một lớp hố sập ngựa rộng 2 bước.

Phép xây thành lập dinh. Phàm đắp thành làm dinh, thân thành cao 5 thước, rộng 8 thước, nữ tường cao 4 thước, rộng 2 thước ; mỗi trăm bước đặt một chiến lâu; 50 bước đặt một cỗ súng toàn phong; cách 3 thước ở trong thì đặt một cái cùm, phản và giá khí giới của phò canh. Cách thành 50 bước thì dựng lầu rạp. Trong thành đặt một cây cột cao 70 thước. Ngoài thành đặt một lớp tường dê ngựa; ngoài đào một lớp hào, ngoài nữa cách chừng 3 bước dựng một lớp rào gỗ; ngoài rào

gỗ lại bày một lớp thành gai; ngoài lớp lại có một lớp hổ sập ngựa.

Phép làm rào gỗ. Phàm làm rào gỗ là vì địch ở sát gần, không kịp đắp thành lũy, hay vì núi sông thế hiểm, nhiều đá, ít đất, không tiện xây đắp, phải dựng cây làm rào. Vuông tròn cao thấp tùy tiện. Chôn sâu gốc gỗ, lớp này lớp khác, chắp vá chỗ thiếu. Trong thì trồng cọc ngắn làm đường gác, ngoài trồng một lớp cột, nhô lên 4 thước để làm nữ tường. Đều phải trát bùn cả. Ngoài rào đào một lớp hào, rộng 2 trượng sâu 1 trượng. Trong rào mỗi một trăm bước thì làm một chiến lâu, ở trong đó đặt vọng lâu để trông xa.

*

Chọn đất đóng dinh.

- Không đóng quân ở nơi cửa thung lũng bốn mặt bị địch, người ngựa dễ bị xung đột, đó gọi là đất hang trời (thiên kháo).

- Không đóng quân ở núi cao, phòng có người ngựa đi quanh núi mà lại phá dinh trại của ta. Trước mặt là thế hiểm, bị giặc bên giữ, thì ta không có lối ra vào, đó gọi là đất đầu rồng.

- Không đóng đất chết, nghĩa là lập dinh không ở vào nơi nhiều mồ mả, người ngựa ban đêm hay sợ hãi; ở lâu quân lính hẳn bị đau ốm.

- Không đóng ở đất như hình trụ, nghĩa là dưới thấp giữa cao, đất ấy trên mặt rộng phẳng, khoảng

giữa có gò như hình cái chậu úp, nếu lập dinh ở trên thì tám mặt lộng gió, chung quanh bị địch.

- Không đóng ở đất ngực, tức là ở dưới cao nguyên, đất rộng rãi bằng phẳng trong đó có đất hình như cái chậu ngửa, nếu đặt dinh ở đấy thì bốn mặt bị địch ở trên cao đánh xuống, ta ở giữa tất phải thua.

- Không đóng ở nơi núi rừng cây cối um tùm, mùa xuân mùa hạ cành lá rậm tốt, không trông thấy người ngựa, sợ giặc xuyên qua đường lạ mà lại đánh dinh trại ta; mùa thu mùa đông cỏ cây khô héo, sợ địch ở đầu gió phóng lửa mà nhân đánh cướp trại ta, khó bề tránh mà đối phó.

- Không đóng ở nơi hồ sông khe suối quanh quất, sợ địch giữ vững nơi yếu hại thì ta không có đường tiến thoái, và ngoài không giao tiếp được, khó bề cứu nhau.

- Không đóng ở trong sông to hiểm hóc, bị địch đóng chặn ở nơi đường nhỏ, nếu quân cứu viện không đến thì ta không có đường tiến lui để đối phó.

- Không đóng ở bờ sông hồ và bên núi lớn, ba mặt bị địch, sau không có đường lui tới. Nhưng nếu trong đó lại có thuyền ghe bè mảng, bên bờ có đường vận lương, thượng lưu có quân ứng cứu, thì có thể đóng dinh được.

- Nếu ở bờ sông ngòi, đóng dinh ở trên mặt nước, thì nên đề phòng hỏa thuyền ở thượng lưu buông xuống mà đánh hỏa công và giặc lặn ở dưới nước đục thuyền cho đắm.

- Không đóng ở chỗ bốn mặt có sông dài quanh quất, bốn mặt địch lại đánh ta, ngoài không có quân cứu viện, thì bị khốn.

- Nên ở nơi lưng cao mặt thấp, trước có sông chảy, sau có đường vận lương, bốn mặt không có núi cao lũng lớn, dù ở xa cũng không có hại.

- Quân dinh đóng ở núi mà trên núi có nước, thì nạn tháo nước làm ngập, không thể yên dinh được.

- Tên đất xấu cũng không thể đóng dinh, ví như loại đất dầu chó, mồm trâu vv...

- Không uống nước tù, nước tù là nước không chảy, như đóng dinh ở đấy mà ăn uống nước thì không được.

*

Dinh qui.

- Quân lính khi đóng dinh rồi, trước hết sai hai đội đào chung một hố xí.

- Khi dinh lũy đã định rồi, thì những người hàng thịt, buôn bán, nhất thiết cấm chỉ; trong dinh giao dịch với nhau thì không cấm.

- Cửa dinh có chia cho các tướng hiệu ở gần coi giữ, các chức tạp sắc cũng được chia riêng một cửa ra vào, không được lẫn lộn, phải ghi nhận rõ ràng để phòng kẻ gian tế.

- Những người bị thua đến xin theo về thì nên cho làm các công việc khác, đừng cho theo việc quân, sợ họ mượn dịp, nên phải đề phòng.

- Vào cối khác mà đặt dinh nấu cơm, đi kiếm củi không nên đi xa; nên dùng ngựa tuần trông xa bốn mặt, thấy giặc thì trở về gấp.

- Như ở bên dinh không có nước, thì xét nơi nào mọc lau sậy hay cỏ nước và có mỗi đùn thì dưới đó hẳn có suối ngầm, có thể đào giếng được. Lại tìm đường lối dã thú đi lại, gần đấy tất có nước. Như quân đi đánh, nên có nước đem theo, có thể đựng ở trong túi da dê, hay bầu lớn, ống tre đều được.

- Hái củi, cứ 3 ngày một lần, chính giữa giờ tị, sau bữa cơm sáng, cho một người chuồng hiệu ở trung quân cầm lá cờ chữ “tiểu” cùng ra, một tên đội trưởng lãnh đi, hạn 2 giờ thì về ngoài dinh để chờ. Bắu với 2 người chuồng hiệu ở trung quân, các quân lại tới bên thành gỗ, súng ống như cũ, rồi mới mở hai cửa đông tây cho đi, còn cửa khác thì không được.

- Những người đi nhà xí, theo các hố xí, do các cửa dinh, đem thẻ bài của mình treo ở trước cửa thì mới cho mở cửa mà ra hố xí. Xong việc rồi về ngay, tự nhận lấy thẻ bài mà về dinh. Như ban đêm không cho ra ngoài dinh thì tùy tiện đi ở bên rạp, sáng dậy quét dọn cho sạch đổ ra hố xí. Ai làm trái thì chiếu theo phép lấy nước mà xử.

- Ở trung quân mỗi khi buổi chiều thúc ba hồi trống xong, các dinh tức thì dập lửa, cấm làm ồn, không cho người đi lại. Làm trái thì đội trưởng cũng bị trị như

binh lính. Đội trưởng mà phạm luật đi tuần, nhất luật phạt 30 côn.

- Sai người phục ở bên đường, mỗi một ngày đêm đổi ban một lần, cứ xong bữa cơm sáng thì sai đi, khi người kia đến thay cho người này về thì người về phải tới ngay trung quân mà báo cáo.

- Ban đêm có người đến phục sự, đến cách ngoài cửa chừng 20 bước thì bắt đứng lại. Người giữ cửa nhận tiếng nói, nếu là người nha khác sai đến, phải hỏi lai lịch của nha ấy, như có thư thiếp giấy tờ thì bảo đem thư thiếp giấy tờ ấy ném xuống đất, cho người truyền giữ ở ngoài dinh nhật lấy, để do thành gỗ mà đưa vào trung quân. Trung quân có lệnh tiến cho vào mới được mở cửa cho vào. Không có lệnh tiến thì không cho. Nếu có kẻ dùng dằng không đi, cùng là không tuân điều cấm mà cứ sấn tới dưới thành gỗ, thì cho bắn, chết cũng không tội.

- Gặp có báo động, phải nghiêm tĩnh giữ các phần đất, đóng cửa thành gỗ, nghe lệnh ra quân; như ai có nói to chạy bậy thì theo phép quân trị nặng.

*

Dịch đêm.

Mao tử⁽¹⁾ nói: Ban đêm thì khó đề phòng, cần phải thám phục ở xa, canh phòng rõ ràng để biện kẻ gian dối. Phép của các nha sẽ bày ở sau:

⁽¹⁾ Tức là Mao Nguyên Nghi, tác giả sách **Võ bị chí**.

- Phàm quân dinh đóng xong, thường phải phòng ngự ở trước dinh... Ngày đêm nghiêm phòng, dù có mưa gió cũng không rút quân ở đội; quan cũng không được lìa đội. Mỗi dinh để ngựa 5 con đóng sẵn yên cương thả cho ăn để phòng có báo động gấp thì chạy đi báo ngay.

- Ngoài việc canh bị của quân dinh, mỗi quân phải đặt riêng xích hậu. Một quân dinh rút chiến sĩ 30 hay 50 người, ở những đường yếu hại cách 3,5 dặm ở ngoài bốn mặt, ban đêm đặt phô ra ngoài, mỗi phô cấp ba cái trống đem theo. Như trong đêm có giặc phạm đại dinh, phô ngoài thấy giặc giao chiến với đại dinh thì ở sau phải nổi trống và hò hét để đánh ở sau giặc, nhân được cơ tiện lợi thì hẳn có thể thắng được.

- Phàm quân dinh đóng xong, ban đêm thì đặt riêng quân thám ở ngoài, mỗi dinh dùng quân xung đột và quân dũng cảm lần lượt thay phiên, mỗi mặt 4 người, mỗi người lãnh 5 lính cưỡi ngựa đi tuần ở bốn mặt dinh, cách dinh ngoài 10 dặm, để phòng sự bất thường. Như có báo động thì chạy về báo trung quân. Hay sai quân cưỡi ngựa cứ đến trống canh thì giờ lửa để hưởng ứng. Giặc trông thấy hiệu lửa không dám cướp dinh nữa.

- Phàm quân dinh, ban đêm lại nhằm con đường trọng yếu giặc có thể đến mà lấy quân thám kỵ để đặt phô ngầm⁽¹⁾, mọi người đều cầm bó đuốc mà giấu sẵn

⁽¹⁾ Phô ngầm, tức là phô canh bí mật

lửa⁽¹⁾ lần lượt ứng tiếp với nhau. Lại phục người ở trong cỏ hai bên đường, hay cho lên cây cao mà trông xa, biết là có giặc thì chạy báo cho ngựa phô giờ lửa, phô trước ứng theo rồi thì chạy tới đại quân. Đại quân cũng đặt người trông hiệu lửa.

- Phàm mỗi đêm lúc đặt phô, mỗi phô sai chứa 5 cây đuốc và một bó cỏ khô, lại sai giữ lửa. Nếu có báo động thì mỗi phô đều cứu nhau, không được đi cách. Lại phải giờ đuốc lên để soi. Trung quân tức thì đánh trống, khiến các dinh đều biết. Tướng sĩ đều mặc áo giáp, cầm cung tên, thấy ai chạy thì bắn, tự nhiên phải đứng lại. Quân giặc nếu hơi nhiều thì trung quân kịp ra cứu viện. Nghe dinh bị cướp có tiếng quân kêu nhiều thì nên xét để phân biệt.

*

Phàm ban ngày có giặc phạm dinh thì dinh bị phạm phải đánh trống gấp. Các dinh thúc trống để hưởng ứng rồi dinh không có giặc thôi trống, duy dinh bị giặc đến phạm, nếu giặc không tan, thì cứ thúc trống mãi. Các quân đều mặc áo giáp, cầm binh khí, nhìn cờ hiệu ngũ phương của đại tướng chỉ về đâu, tức là đường ấy giặc đến, chỉnh đốn binh giáp, ra trước bày hàng, chưa nên hoạt động, đều chờ quân đến cứu, theo lệnh đại tổng quân mà tiến hay

⁽¹⁾ Đuốc chưa đốt, nhưng giấu sẵn lửa để địch khỏi thấy và khi cần thì đốt đuốc ngay được

dừng.

Phạm quân dinh do bị giặc phạm thì ở ngoài dinh phải thường đặt một đội riêng để phòng hộ, rút ở chiến đội thường của dinh mà sung vào; cách lều tướng 30 bước⁽¹⁾ bày đội phục sẵn. Nếu giặc đến, đội phòng hộ mà không địch được thì trong dinh mới ra quân giúp, không được để giặc phạm vào đại dinh.

Phạm quân dinh bị giặc đến phạm thì đại tổng quản phải tự đem quân ra cứu, thường trước đã cùng với các tướng ngầm hẹn rằng binh sĩ đeo lục lạc ở mình làm hiệu, dinh bị giặc xâm phạm nghe thấy tiếng lục lạc tức biết là quân đại tổng quản đến, hoặc lục lạc hoặc đặc đều không thể định trước, vì sợ quân giặc ăn cắp mật hiệu.

Phạm quân dinh đóng lâu thì ở chốn thung lũng trên đường giặc đi nên đào hào cắt đứt rộng 3 trượng sâu 2 thước, rồi lấy cát nhỏ và đất rời lấp bằng đi, mỗi ngày kiểm xét và quét cho sạch sẽ, hễ quân gian ra vào và quân ngựa qua lại đều có thể thấy hết.

Phạm chỗ quân đóng, ở trong binh kỳ⁽²⁾ nên kén những người cứng rắn quả quyết, am hiểu đường sá sông núi, và ở lâu trong quân, cùng với linh phô đã làm việc với nhau lâu ngày, cho nấp chờ ở ngoài nơi kín đáo,

⁽¹⁾ **Vô bị tổng yếu.** Tiền tập, quyển 5, mục “Cảnh bị” chép là 20 bước.

⁽²⁾ Binh lẻ, đối với binh chính.

dùng phép bắt sống mà bắt những người lấy củi chăn ngựa do thám cho giặc, điều về để tra hỏi công việc trong; giặc khi làm thì dừng cho binh du dịch⁽¹⁾ biết.

Phàm trong quân ban đêm cứ khoảng một trăm bước thì để hai người nghe, mỗi canh đổi nhau một lần, để làm việc nghe rình vặc. Như ban đêm ở dinh địch có tiếng ngựa hí thì biết mưu nó chuẩn bị đi đánh cướp đêm, lấy đó mà suy, để đề phòng sự không ngờ. Còn lo dò thăm không được xa, cho nên sai người thính tai ít ngủ, nằm gối vào cái hồ lô không để nghe, hồ lô thì dùng da lợn rừng mà chế, phàm người ngựa đi ngoài 30 dặm, đông tây nam bắc đều có thể nghe được tiếng vang. Mỗi dinh thì đặt 1, 2, sổ, nơi quan trọng thì đặt 3, 4 sổ. Các phô lễ và nơi rào phen trấn giữ cũng đều đặt một sổ để nghe, nghe rồi đổi đi nơi khác, không nhất định để một chỗ.

Phàm đánh ban đêm, phân nhiều do quân địch đến đánh úp lũy quân ta, bất đắc dĩ mà phải đánh. Phép đánh là ở chỗ lập dinh. Phép lập dinh cũng như phép lập trận, cho nên *Binh chí* nói: Quân đồn thì làm dinh, quân đi thì làm trận. Vì là trận lớn bọc trận nhỏ, dinh lớn bọc dinh nhỏ, các quân trước sau tả hữu đều tự có dinh. Dinh đại tướng ở giữa, các dinh bao chung quanh, gốc cạnh liền nhau, chỗ gãy đối nhau, xa không quá 100 bước, gần không quá 50 bước, đường sá thông

⁽¹⁾ Túc binh đi tuần

suốt, để ra vào, đôi bên vách lũy cùng trông nhau, đủ để dùng cung nỏ mà cứu nhau được.

Phàm cửa đường qua lại, phải lập bảo nhỏ, trên chất củi đào lỗ làm đường ngầm; dùng thang Hồ ⁽¹⁾ bắc lên khiến người đứng trông. Hễ đêm nghe tiếng trống thì dậy ngay, tức thì đốt đuốc lên, quân giặc đêm vào cửa dinh, nhìn quanh bốn phía đều thấy có dinh nhỏ giữ vững cả, không biết đánh vào chỗ nào. Lúc đó trong dinh đại tướng hoặc các dinh nhỏ biết trước là quân giặc đến, cứ nên đóng quân không động, để cho quân giặc vào hết rồi sau mới đánh trống, các dinh đồng thời ứng phó, các bảo đều đốt lửa soi vào, quân sỹ các dinh đều đóng cửa lên thành mà la hét xuống quân địch, nỏ cứng cung khoẻ bốn mặt đều bắn. Nếu địch đi lên vào một dinh thì dinh bị đánh đốt lửa, cho quân ra đứng vây quanh và ra hiệu lệnh trong dinh không được rối động. Trong khoảng chốc lát, thiện ác tự sẽ chia ngay. Nếu kẻ nào chạy ra thì đều vương lưới cả. Ngày nay lập dinh rộng rãi thông suốt, nếu ban đêm có giặc đến đánh, thì trong quân của dinh bị đánh không ai là không rối sợ. Dù có đặt nhiều thám thính, nghiêm việc phòng bị, trong khi đêm tối cũng chẳng phân biệt được ai, dù có tổn nhiều công cũng chẳng được gì.

Phàm đánh vỡ giặc rồi, thì phát thẻ cho binh đi tuần đêm để biết rõ sự canh phòng. Mỗi đội phải treo một chiếc đèn trên cờ hiệu, mỗi tiêu phải treo hai đèn ở

⁽¹⁾ Thang của người Hồ không rõ hình chế thế nào.

trên cờ hiệu, mỗi ti phải treo ba đèn ở trên cờ hiệu, nhưng cờ chính thì dùng một đèn; cần phải treo cao thấp cho đúng cách thức. Ban đêm các dinh đều chiếu theo số đèn đã định, các dinh thì trông đèn ở trung dinh, các bả tổng⁽¹⁾ thì trông đèn của dinh mình, các tiêu thì trông đèn của đại ti, các cơ thì trông đèn của tiêu mình, các đội thì trông đèn của cơ mình, các binh thì trông đèn của đội mình; đêm trông đèn cũng như trông cờ ban ngày. Đèn thì chuẩn bị trước, trông theo hiệu lệnh ở trung quân, treo lên đèn lồng, đều có ám hiệu ở trên, không cho trùng. Lại cứ cách bản dinh ngoài 30 bước thì phải đốt một đồng củi, để ta có thể trông thấy giặc, giặc không thể trông thấy ta được. Người đốt lửa và mỗi người đứng canh gác ở cột cờ đều phải xin ám hiệu mà đi.

Phàm mỗi ngày, đến giờ dậu ngu hậu phải tới mặc phủ đại tướng quân xin hiệu. Sổ viết hiệu đóng giấy 24 tờ, mỗi tờ chia làm 15 dòng, ở trực đầu dòng thì viết 6 hiệu quân và năm tháng ngày nào; sau giờ tị là giờ ra hiệu ở sổ, đại tướng quân tùy ý mình, theo một dòng mà viết chữ, chữ trên là chữ nét hỏi, chữ dưới là chữ đáp lại, mỗi đêm viết một dòng. Quyển sổ có 24 tờ cộng là 360 dòng, hết một năm thì hết sổ, phải đổi sổ khác; như gặp năm nhuận thì đóng thêm 2 tờ. Chữ hiệu không được phạm chữ huý của nhà nước và chữ huý của đại tướng quân, nguyên suý, đô thống... Những ngu hậu đi

⁽¹⁾ Chức quan võ chỉ huy một dinh, xem chú giải ở trên

tuần và các ngu hậu của chư tướng, khi đại tướng quân ra hiệu phải phân minh biên rõ lấy. Phàm những chữ hét hỏi và đáp lại đều là các hiệu đại cương thôi, đến khi có báo động, hoặc sợ địch ăn cắp, hoặc sợ có nội ứng thì không chuyên theo một hiệu đã định, nên gặp việc thì thay đổi, hoặc qua một giờ thì đổi, hoặc đến sáng thì đổi. Ban ngày lấy tấm giấy ngũ sắc làm hiệu, giấy cũng nên thay đổi hàng ngày. Như khi chia đi đánh úp hay đặt quân phục, ban ngày hoặc lấy cờ dựng ở cửa làm nêu, lấy màu làm hiệu, chiều tối và ban đêm thì thổi còi hay đánh trống nhỏ, đánh chấu đồng, gõ tấm gỗ v.v..., những tiếng ấy có thể đi xa hơn một dặm, hay sai người kêu to làm ứng nghiệm, việc đó tùy theo đại tướng quân lâm thời xếp đặt.

Phàm đặt phô, mỗi ngày giờ tuất (8,9 giờ tối), giờ thìn (8,9 giờ sáng), phải đánh trống nghiêm, ngu hậu lãnh các đội giáp sĩ, dựng cờ xí lập khẩu hiệu, đi tuần ở trong quân và trên thành, ngoài dinh thì đi tuần ở đồng, đặt phô bí mật: Kẻ ngồi canh hét hỏi: “Ai?”, người đi trả lời: “Ngu hậu tổng quản Mỗ”. Người ngồi hét: “Làm gì?”, người đi trả lời: “Đặt phô”, như thế ba lần hét ba lần trả lời, rồi người ngồi nói: “Ngu hậu tổng quản đi”.

Phàm dinh canh đêm, mỗi phô 10 người, mỗi canh 1 người, theo khắc lậu mà đánh hiệu. Một người chuyên nghe vật, dù việc người nằm mê khiến người ta kinh hoảng cũng nên cảnh giác. Lâm thời hoặc thêm trống hiệu, hay dùng cung tên để ứng. Như thế thì quân gian

không thể làm gì được. Sách *Miếu chú* (?) chép rằng chỗ đặt pháo canh, nên đặt cả pháo chó nữa, vì khi đóng quân ở cối giặc, tướng sĩ đi xa mỗi một, nhờ chó để báo động cho.

Phàm các dinh ban đêm phải chiếu theo lệ định đèn đuốc làm hiệu. Đầu trông xem đèn lồng mà theo, các tiêu thì trông đèn trung quân, các đội thì trông đèn của tiêu mình, các binh sĩ thì trông đèn của đội mình, nếu lầm thì xử theo quân pháp, so với ban ngày nặng hơn một bậc. Nếu gặp mưa to gió lớn thì trông bó đuốc.

Phàm ở cạnh nơi đặt dinh, hoặc chôn địa lôi, hoặc dùng mộc pháo, treo máy ở đường, khi địch đến, máy động lửa rơi, pháo tức thì nổ, chẳng những làm cho quân địch sợ mà cũng có thể báo động cho quân ta phòng bị.

Phàm ở ngoài tám mặt nơi đặt dinh cách dinh 1, 2 dặm thì đốt lửa sáng, có quân giặc máy chực đấy, để địch ở chỗ sáng mà mình ở chỗ tối. Một khi trông thấy bóng giặc thì ngầm phát cung tên và đại pháo mà giết. Nếu đối lũy với quân địch thì mỗi đội đốt một đống lửa.

Phàm ban đêm có giặc phạm vào đại dinh, thì quân kỳ và quân phục đặt ở xa thấy giặc giao chiến với đại dinh phải trích dùng vài chục hảo hán cho hò hét đằng sau để làm cho giặc ngờ, thừa cơ cũng có thể đánh thắng được, mà nơi đóng thì đã ở trong khoảng rừng cây núi đá, nên buộc thuốc súng và củ cỏ, hoặc chủ tướng sai người đặt máy móc để lâm thời đốt lên, như

thế có thể khiến đại dinh biết là có địch, và làm cho quân địch hoảng sợ, ngỡ là quân mai phục của ta nhiều lắm.

*

Dinh ngấm.

Mao tử nói: Việc quân có hư thực, không khó ở thực, mà khó ở hư. Việc trong thiên hạ đều thế cả. Nếu không có phép để làm thì muốn khiến cho nghìn muôn người không tiếng không hình, có thể được không? Cho nên phải đón nghe lời của Thích tướng quân⁽¹⁾ như sau:

Phạm chỗ đóng quân kín, đến lúc thì mới truyền cho biết, phải nổi ám hiệu để truyền lệnh ước thúc, không được dùng lệnh phiếu mà dùng đi tuần để xem. Khi mới bốc đi hay khi mới đóng thì trong quân không động xe, động cờ, không khua trống, không phóng pháo, không thổi đánh gi, tức phải dùng ám hiệu.

Muốn hạ dinh ngấm thì các dinh đem đèn lồng châm lên; dùng chén đèn có chụp để hết ở đất, không thể không chuẩn bị, khi cần đến thì đốt lên, nếu để một lúc mà làm thì không thể kịp.

Trung quân trước hết dùng hai cái lệnh tiễn truyền cho tướng các dinh được biết, rồi thông truyền cho các đội trưởng một lượt, rồi lại chuyển cho tiền tiêu. Người đội trưởng thứ nhất cúi lấy một cái, giao cho bả

⁽¹⁾ Tức là Thích Kế Quang, người đời Minh, giỏi binh pháp, có sách *Kỷ hiệu tân thư*, *Võ bị tân thư*.

tổng ti thứ nhất⁽¹⁾ thu xét, và truyền trả một cái trở về. Lệnh truyền hạ ám dinh thế là mọi người đều biết. Chờ truyền một cái tên nhỏ ngắn để giao cho tiêu⁽²⁾ làm bí mật. Trước đã có sai quan ở đó, hỏi ám hiệu đúng thì cho họ điều độ mà bí mật hạ dinh. Nếu nói để sửa đổi, không cho nhiều người kêu to. Làm trái thì xử theo quân pháp.

*

Quân ta mỗi ngày đi đường bao nhiêu, địch có thể dự tính được cả, nhưng chỗ quân ta đặt dinh thời giặc không thể dự biết được. Chỗ đặt dinh có núi hiểm để phục binh và chỗ kiếm củi lấy nước phải đến, giặc đều có thể biết được. Vả quân ta tất phải theo đường quanh núi, nếu thuận tiện theo cây xanh rậm rạp, thì núi không có đường cũng có thể theo tắt vượt hiểm mà đi. Ở những nơi dinh ta gần kề núi hiểm thì địch có thể tốp 3 tốp 5, ngày nấp đêm dậy, nổ súng reo hò, dụ quân ta ra khỏi dinh, để chúng bắt kéo vào nơi cỏ rậm, trộm bắt người và súc vật như thế để làm kế quấy phá, khiến ta ngỡ sợ không dám ở lâu. Ta thì trong lúc chưa dời quân, hãy trước đem người hướng đạo tìm lấy nơi đặt dinh rồi sau mới dời. Khi đến nơi ấy thì xem thế hiểm để củi nước, tìm chỗ có thể đặt phục được thì giữ lấy trước

⁽¹⁾ Ti ở dưới dinh.

⁽²⁾ Tiêu ở dưới dinh và ti, ở trên cơ và đội.

mà đặt phục để chờ giặc đến, như thế thì tay trên đã thuộc về ta. Còn phép dời dinh và đặt quân phục ở đường thì nhần nha mà làm, không nên làm cho quân chán phiền mệt nhọc.

*

Phân biệt gian kế.

Phàm binh lính các xứ lui về đều có phiếu văn của nha môn văn võ chấp chiếu, khi họ tản về dân gian không thu lại được. Lúc bình thời hành quân ở nơi dinh dã, nếu có bọn gian cầm được phiếu văn ấy nói là xin đầu quân để mưu điều biến trá, thì không hỏi là thực hay giả, đều xem là gian tế, bắt chuyển ngay giao về cho người có trách nhiệm trong quân để tra xét định đoạt.

Phàm quân đi đến thôn xã nên dừng lại, thì phải đóng quân ở ngoài, dừng vào vội, trước gọi phụ lão trong thôn và lý dịch văn thân mấy người đến, vui vẻ hỏi han võ về như thường, xét thấy tình dân hướng thuận, bấy giờ mới có thể đóng quân. Súc cho lý dịch trong làng đem đình tráng canh phòng các ngã đường, lưu các phụ lão văn thân ở lại nói chuyện, rồi sau chia binh ra bốn mặt phòng giữ; đều bày rào tre và chông tre để tự vệ. Ngoài thì đặt quân tuần và quân canh. Đêm thì chứa củi đốt lửa để soi quân gia. Những binh phòng thủ và binh sách ứng, cũng theo như phép đóng đồn. *Binh pháp* nói: “Nhiều thì chia ít thì nhóm”, thế cho nên quân chia làm nhiều toán để đóng đồn, cùng

nương tựa nhau, cùng cứu ứng nhau, có phòng bị thì không phải lo vậy.

Phàm đóng quân ở nơi rừng núi đầm bãi, nên chia chiếm đóng các gò đồng cao, cùng các chỗ khe suối đầm bãi; lại chia ra các ngã đường đi lại, nên lấy gỗ đá chặn lấp làm cửa lũy. Cũng phái nhiều quân tuần quân canh để phòng ở ngoài. Quân canh thì đốt lửa cháy to, ngồi ở trong tối nhìn ra. *Binh pháp* nói “Giữ được nơi cao trước thì thắng”, vì rằng núi cao nên khe suối nên giữ. Đến như gặp địch, thì hiệu lệnh cũng y như phép đóng đồn, không phiền nói nữa.

Phàm đóng đồn ở nơi đồng rộng, thì y theo các thức đồn như bát quái, lục hoa, ngũ phương, thất bình, tùy nơi mà phân bố, liệu thế gần xa rộng hẹp mà nương tựa nhau, hoặc như thế trường xà, đầu đuôi nhìn nhau, tả hữu giúp nhau. Duy đại tướng ở trung quân thì thiết lập đài cao hay lầu thang, ngày đêm phái người trông xa. Đồn lũy ở ngoài nên làm khuất khúc, trong ngoài đào hào, cổng ngõ che lấp. Quân tuần quân canh cũng y như trước, duy mật phái nhiều người cẩn tín ngầm đi dò xét, sợ bọn gian nhân sơ hở lén vào. Gần đấy có rừng rậm thì phải đặt quân ngày đêm thay đổi canh phòng cẩn thận, không nên trễ trãng, như thế thì địch không dám phạm.

Phàm quân đi tới nơi nào nên dừng lại ngủ đêm, phải đến giờ thân⁽¹⁾ thì dừng, không nên đi đến tối.

⁽¹⁾ Giờ thân: Bốn năm giờ chiều.

Trước hết phái lính cuỡi ngựa mật truyền cho quân các toán biết, để sức cho du binh đi trước tìm tòi, và phái người hiểu biết công việc cuỡi ngựa đi trước mà xem xét địa thế hiểm dễ và các đường đi lại khuất khúc thế nào, vẽ tạm một bản đồ dâng trình. Toán nào nên ở chỗ nào, đều truyền báo trước. Trung quân thì đại tướng ở giữa; y theo tiền hậu tả hữu các toán phân bố bốn bên. Giao cho binh các toán đóng ở ngoài để hộ vệ trung quân; tuy địa thế mà ở, đều theo đội ngũ, không được lấn vượt nhau. Ở ngoài thì phái du binh đi tuần các phía để dò xét. Các ngã lại đặt binh xích hậu để giữ các đường yếu lộ. Chặt củi khô ở xa trước xích hậu cách 4, 5 trượng đốt sáng để soi phía trước, khiến quân gian không thể náu hình. Lính canh thì ở trong chỗ tối mà nhìn, ở tối nhìn ra sáng rất dễ. Lính trú thì cần phải im hơi lặng tiếng, để nghiêm việc tuần xét. Nhân khẩu của dân thì cử lý dịch sở tại khai nhận số người, bất thành lính xét hỏi để phòng bọn gian lén vào dòm nghe. Năm canh đều phái người đi tuần phòng và cho khẩu hiệu. Cấm binh và dân không được giao tiếp chuyện trò, sợ tiết lộ binh cơ.

IV. TUẦN CANH.

Phàm quân đi, ngủ đêm và đóng đồn ngủ đêm, cần phải năm canh tuần phòng canh giữ cho đến sáng rõ (dịch thường nhân lúc buổi tối và khoảng trống canh tư trống canh năm mà đánh úp, nên phải giữ cẩn thận). Phép canh thì mỗi đội nguyên có 4 thập, 1 viên suất đội, 4 đội viên trưởng, mỗi canh mỗi thập 2

tên, cộng là 8 tên. Canh một thì suất đội đốc coi, canh 2, 3, 4, 5, mỗi canh một người đội trưởng đốc coi. Mỗi thập hai người canh thì một người cầm giáo, một người cầm súng, một người đứng, một người ngồi, luân phiên thay đổi, một người trông ngoài để phòng kẻ gian, một người xem trong để xét ở trong. Hoặc có người lính nằm mơ sợ hãi, thì người lính canh một mặt bưng giữ lấy miệng một mặt đánh thức người nằm mơ ấy tỉnh dậy, dùng để kêu to. Nếu lính canh không giữ miệng và thức tỉnh người mơ để đến nói bậy làm kinh động thì người lính canh phải xử chém, người lính nằm mơ thì giảm một bậc mà trị. Trong năm canh phái nhiều quân đi tuần (theo binh pháp có 1000 người thì lấy 500 người làm sách ứng, 500 người chia đóng giữ, đóng đồn, canh giữ, đi tuần, để phòng có báo động ban đêm và phái quân tiếp ứng).

Dại tướng ban đêm lấy còi gọi quân đi tuần (ở mặt trận, mỗi canh một lần đi tuần, lúc bình thường thì vào khoảng canh ba, canh tư, thổi còi đi tuần cho nghiêm việc phòng bị). Khi nghe trung quân thổi còi thì người lính canh gọi người lính nằm tỉnh dậy, đều cầm gươm súng, y theo chỗ của mình mà chờ đợi, sẵn sàng chiến đấu. Nghe một hồi còi rồi thì lặng ngồi mà nghe. Như có việc chiến đấu thì đợi được lệnh truyền, như không có việc, lại nghe có 3 tiếng còi nữa là thôi, người canh đổi canh, người nằm vẫn nằm. Phép khẩu hiệu, như ở mặt trận thì mỗi canh một lần đổi, như bình thường thì năm canh đổi một khẩu hiệu, sợ

khẩu hiệu tiết lộ ra ngoài. Như hỏi: *chiến*, trả lời: *thắng*, hỏi: *yên*, trả lời *không*, ba lần như thế. ám hiệu bằng hoả mai thì một cây chỉ về trước, hoặc về bên tả, hay 2, 3 cây không nhất định. Việc binh thuộc về âm, nên chủ im lặng. Ban đêm, kẻ nào nói to làm kinh động, thì chém không tha.

Phàm đồn quân ra vào, nên đi quanh mà không nên đi thẳng. Ngoài đặt bình phong che cửa (hoặc bằng đất, hoặc bằng gỗ, tùy dụng) để phòng súng đạn và xung phong. Hai bên tả hữu thì chứa nhiều gạch đá để phòng ném xuống. Hoặc có vôi bột hay tro nóng thì rất tốt, để phả vào mắt người. Hai bên cửa lại trồng cột cao để treo bó đuốc, khi có việc đốt lên cho sáng. Thân lũy dài thì cách 2, 3 trượng treo một cây đuốc để phòng soi đêm. Hai bên cửa đều đặt súng lớn, bắn xa nạp đạn chiến, bắn gần nạp đạn rìa, đạn hột đậu. Lính canh giữ cửa thì phái một đội quân, 1 suất đội, 4 đội trưởng, 40 tinh binh (trừ hỏa binh ra), súng chim 20 khẩu; bên tả cửa thì đội trưởng 1 người, lính 10 người (súng chim 5 cây, giáo nhọn 5 cây), bên hữu cửa cũng thế, để hộ vệ súng lớn và hai bên cửa; suất đội 1 người, đội trưởng 2 người, lính 20 người (súng chim 10 cây, giáo nhọn 10 cây) canh giữ cửa chính. Ngoài lũy thì trồng tre nhọn 3 trượng để phòng sự xung phong của địch. Khi có việc thì không kỳ ngày đêm, đều theo bốn phận của mình mà phòng giữ, tùy theo trường hợp nhẹ nặng, phái quân sách ứng, tiếp đến phụ chiến. Ở trong đồn lũy thì

lập dài thang để trông xa. Quân canh giữ không được
lìa chỗ, người ngoài không được lên vào, trái thì chém.

Thu và tan canh.

Phàm cuối giờ dậu thì thu canh, đầu giờ dần thì
tan canh. Đến giờ thu canh, tướng hiệu ở trong đồn bày
đặt chiêng, thanh la, trống, ba khẩu súng. Thổi còi một
lượt để cho ba quân nghiêm sự nhìn nghe. Quân sĩ đều
nghiêm túc ở trại mình. Trống chiêng, la đều đánh một
tiếng, mõ ứng theo 3 tiếng, đều ba lượt như thế với 3
tiếng lẻ, rồi bắn 3 tiếng súng lệnh. Khi tan canh cũng y
như thế, mà miễn đánh mõ. Lúc thu thì tiếng hơi thưa,
lúc tan thì tiếng hơi dày.

V- QUÂN TƯ (đồ ăn uống)

Lương. Phép trừ lương, đại ước tính hằng năm thì nên lập đồn, tính hằng tháng thì nên vận chỗ, tính hằng ngày thì nên lưu cấp. Đường đi nghìn dặm thì việc vận chỗ và lưu cấp phải cùng làm, mà khi dời đổi không thường thì việc chuyển dời và lưu cấp cũng phải cùng làm. Nhưng khi cấp bách quá, không kịp dùng chảo nấu thì dùng lương khô. Bằng lấy được lương của địch, cùng là không mà làm ra vẻ có, rộng mà làm ra vẻ đầy, đường vận tải đứt mà bị vây lâu, phải tìm trăm thức để nuôi sống, thì đó chỉ là cách cứu nhất thời, chứ không thể làm thường xuyên được. Việc ăn là việc gốc của dân, là việc tính mệnh của binh, tất phải mưu sao cho không hết, chỗ sao cho có luôn, hộ vệ sao cho chu đáo, tiêu dùng sao cho có chừng.

*

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép dùng khi không có nước. Phàm gặp chỗ đóng dinh không có nước, thì tìm nơi nào có nhiều lau sậy mọc và có lỗ mối dùn, ở dưới tất có suối ngầm; hay tìm đường có dấu chân thú đi, theo đó không xa hẳn là có nước.

Phép cướp lương. Phàm quân địch xông lại cướp lương thì mũi nhọn tất hăng, quân lương của ta ít, nên lánh mũi nhọn ấy đã, đợi khi chúng trở về, vai mang

hẳn nặng, trong bụng tất sợ ta, ta sai quân phục ở đường trọng yếu, vùng dậy đánh là lấy được lương.

*

Phép nấu cơm trên cật ngựa⁽¹⁾

*

Sách *Võ bị chế thắng chí*⁽²⁾:

Dem lương. Phàm nghìn dặm dem lương, quân có sắc đói, kiếm củi hái rau sau mỗi nấu cơm, thì quân không được ngủ no. Huống chi đi sâu vào đất địch, xe chở lương không thông được, phải đánh úp địch để lấy lương. Tuy nói lấy lương ở địch, nhưng cũng lo nó làm phép vườn không nhà trống để chờ mình. Vậy nên mỗi người phải đem vài đấu lương khô có thể dùng được vài tuần. Nếu rút quân ở đường, cách cõi còn xa, lương chứa thiếu thốn, tức phải chọn những trâu ngựa gây còm để cho quân ăn, ngô hầu giữ được sức người, không bị giặc làm khốn. Dùng gạo một thạch, đem chưng chín lên, rồi bỏ vào nước tương mà ngâm, dùng lửa sấy khô, lại chưng lại sấy, làm thế mười lần, có thể được độ 2 đấu. Mỗi lần lấy ăn chỉ một lễ to, trước lấy nước nóng mà ngâm, đợi cho trương lên, rồi sau đem nấu ăn. Mỗi người có thể ăn được 50 ngày.

⁽¹⁾ Ở đây trích hai chương của **Hổ trưởng khu cơ**, đây xin bỏ, xem **Hổ trưởng khu cơ** ở phần sau

⁽²⁾ **Võ bị chế thắng chí**, quyển 5, chương “Quân ta”.

Muối 3 đấu, đem trộn với gạo, bỏ vào trong nồi, dùng than lửa rang, làm cho sần lại không tan, mỗi người có thể ăn được 50 ngày, đem đi tháng hè thì hợp.

Vải to một thước, lấy một thừng giấm chua tẩm đem phơi khô, hễ giấm hết thì thôi, mỗi khi ăn, cắt lấy một tấc mà nấu, có thể ăn được 50 ngày.

Lấy bột tiểu mạch gói một tấm bánh chưng, tẩm vào một đấu giấm, đem phơi khô, hao giờ hết thì thôi, mỗi lần ăn, lấy bằng hai quả vông mà nấu, một người có thể ăn được 50 ngày.

Lấy 3 đấu đậu, giã ra như cao, thêm vào 5 đấu muối, nắm làm bánh, phơi khô để ăn, to bằng hột táo, để thay tương, mỗi người có thể ăn được 50 ngày.

Như lúc gay go lắm thì các đồ quân trang bằng da cũng có thể nấu ăn để cứu đói được.

Trên đường hành quân thì tước lấy vỏ cây thông, mỗi 10 đấu vỏ thông thì cho vào 5 lạng gạo để nấu, sai nấu chín nhừ ra, nửa đấu một người có thể ăn được một ngày.

Mỗi người đem đi nửa cân vừng, gặp lúc khát thì nhấm 30 hột là khỏi khát ngay; cũng có thể đem ô mai hay tương quả; mỗi người mang theo một quả bầu hay ống tre, túi da, có thể chứa độ 2 cân, liệu nước ở đường trước mà đựng nước đem theo. Quân ngựa thì mỗi người đem tương khô cho ngựa, sợ ngựa khát.

Đồi gần đây lính biên phòng đi xa có các thứ bánh bột, cơm nắm, túi miến. Bánh bột dùng bột gạo làm miến, hoà vào nước sôi làm thành bánh, dày một phân,

dội nguội cất vuông như con cờ, phơi khô cất đi, như ở dinh trại thì dùng nước nóng ngâm mà ăn, như đi đường và trong chiến trường thì ăn khô, vị ngon mà khỏi khát, hơn các thứ bánh tạp. Còn cơm nắm túi miến thì đều làm theo phép thường, duy phải phơi cho rất khô, để có thể đem đi và để lâu.

Tim nước. Trong khi hành quân, nên trước chọn suối nước. Theo phép cũ thì quân đi trước và quân đi sau phải trông coi việc cỏ nước, giữa đường gặp nước thì nên kéo cờ đen để báo cho mọi người.

Phàm quân đến đâu thiếu nước, thì xem chung quanh đấy thấy có dấu đường ngựa bò đi, thì tìm xem dấu đến đâu, hẳn là có nước.

Phàm ngoài đồng thấy nơi nào chim muông tụ họp hay nơi có loài chim nước họp thì đấy phải có nước.

Phàm chỗ đất mọc lau sậy cói lác và có đồng môi dùn thì ở dưới hẳn có suối ngầm.

Có thuyết nói lạc đà hay biết chỗ có nước, khi đi đường bị khát, thì nó quỳ xuống trên cát, đào dưới đấy thì có mạch nước.

Dại phàm quân đi về tháng mùa đông, mỗi người đều mang một cục nước đá, trời lạnh không tan được, cũng có thể phòng khát.

Phàm suối nước ở cách dốc núi thì lấy ống trúc lớn, chọc thủng mắt đi, để ngọn ống này dút vào gốc ống kia, rồi lấy dâu và vôi hay sáp ong gắn liền cho khỏi chảy nước, đẩy đầu ống trúc cắm vào trong nước tới 5 thước, rồi ở cuối ống đốt củi thông hay cỏ khô,

khiến cho hơi nước ở trong ống trúc ngấm thông vào nước, thì nước từ trong chảy ngược lên.

VI- HÌNH THẾ

Sách *Kinh thế*:

Xem nơi đóng quân.

Phàm tiến quân đánh địch, trước hết phải xem hình thế đất địch: mười dặm thì có hình thế mười dặm, trăm dặm thì có hình thế trăm dặm, nghìn dặm hay mấy nghìn dặm đều có hình thế cả; tức trong khoảng mấy nghìn dặm, một dinh một trận cũng đều có hình thế. Một hình thế tốt có hòng, có lưng, có hông hữu, hông tả, có chỗ căn cơ yếu hại, mà có thể cậy được là cậy ở núi, cậy ở sông, cậy ở thành vách, cậy ở quan ải hiểm trở, cỏ cây rậm rạp, đường sá lẫn lộn. Đánh địch thì phải biết đường nào nên tiến, chỗ nào nên lợi dụng, núi nào nên đặt phục, đường lối nào nên qua, chỗ hiểm nào nên giữ, để tiện cho quân kỵ, quân bộ, tiện cho đoàn binh trường binh, tiện cho trận ngang trận dọc; đã tính toán rồi thì sau mới có thể chệt hòng hay vỗ lưng, hoặc xuyên hông, hoặc nắm nơi căn cơ yếu hại. Cậy núi thì tìm phép để vượt qua núi; cậy sông thì tìm phép để sang qua sông; cậy thành vách, quan ải, đường sá, cỏ cây, thì tìm cách bạt thành, phá vách, vượt qua quan ải, đốt cây trừ cỏ, khảo xét những đường to ngõ tắt. Thế ở ngoài thì dùng khinh suất mà vào sẽ như cá trong nôi, khó mà thoát khỏi. Thế ở trong thì dùng đi quanh lượn sẽ như hổ tìm dê trong chuồng, không thể ăn được.

Cho nên thành mà không có quân phục thì khó đánh; quân mà không có hướng đạo thì khó tiến; núi sông nhờ người ngựa mà giữ bền, nếu người có thể chống cự được thì núi sông có hiểm gì đâu?

Đất có hình thế ở nước Thục không đâu bằng núi Diệu Ngư. Xin kết với chư hầu, nếu dùng được người và chứa thóc mà giữ thì có thể giỏi hơn 10 vạn quân nhiều lắm. Ba Thục không đủ giữ được.

*

Trước có người bạn hỏi ta rằng: Địa lý thế nào?⁽¹⁾

*

Sách *Tôn tử*:

Hình đất có nhiều thứ, có thông, có quảĩ, có chi, có ải, có hiểm, có viễn. Ta có thể di, địch có thể lại, thì gọi là *thông*. Hình đất thông ta chiếm trước, lấy được chỗ cao sáng, lợi đường vận lương, đánh thì có lợi. Có thể đến dễ mà trở về khó, thì gọi là *quảĩ* (vướng). Hình đất quảĩ hễ địch không phòng thì ra đánh thắng được, bằng địch có phòng thì ra đánh không thắng được, khó trở về, không lợi. Ta ra mà không lợi, nó ra cũng không lợi, thì gọi là *chi* (cầm). Hình đất chi, địch tuy lấy lợi nhủ ta, ta không ra, đem quân bỏ đi, để địch ra nửa chừng mang đánh thì lợi. Hình đất *ải* (hẹp) mà ta đến ở trước

⁽¹⁾ Đoạn này trích ở **Hổ trưởng khu cơ**, đây xin bỏ, xem **Hổ trưởng khu cơ** ở phần sau.

rồi thì phải đóng chặn cửa ải mà chờ địch. Như địch đến ở trước, nếu nó đóng chặn cửa ải thì ta không theo vào, không đóng chặn thì ta theo vào. Hình đất *hiểm* mà ta ở trước thì phải đóng trên cao để chờ địch. Như địch ở trước thì ta bỏ đi không theo vào. Hình đất *viễn* (xa) thì thế đều nhau, khó mà khiêu chiến, chiến thì không lợi. Phàm sáu hình đất ấy là đạo lý về đất, người làm tướng gánh vác không thể không xét kỹ⁽¹⁾.

*

Trong phép dùng binh, có đất tán, có đất khinh, có đất tranh, có đất giao, có đất cù, có đất trọng, có đất dĩ, có đất vi, có đất tử. Nước chư hầu tự đánh ở đất mình, gọi là đất *tán* (tan). Lấn vào đất người mà không được sâu, gọi là đất *khinh* (nhẹ). Ta được thì lợi, họ được cũng lợi, gọi là đất *tranh* (giành). Ta có thể đi, họ có thể đến, đó gọi là đất *giao* (xen nhau). Đất chư hầu kề liền ba nước, đến trước mà được quân của thiên hạ giúp thì gọi là đất *cù* (đường thông). Vào sâu đất người, quay lưng lại nhiều thành ấp, thì gọi là đất *trọng* (nặng). Rừng núi hiểm trở lầy lội, đường sá khó đi, thì gọi là đất *dĩ* (lún). Lối đi đến thì hẹp, lối về thì cong, họ ít có thể đánh ta nhiều, thế gọi là đất *vi* (vây). Đánh gấp thì còn, không đánh gấp thì mất, thế gọi là đất *tử* (chết). Cho nên đất tán thì không nên chiến đấu; đất khinh thì không nên dùng quân; đất tranh thì không

⁽¹⁾ **Tôn Tử**, thiên X.

nên đánh; đất giao thì không nên bỏ dứt; đất cù thì giao kết; đất trọng thì cướp lấy; đất dĩ thì đi tới; đất vi thì lập mưu; đất tử thì đánh. Gọi là người giỏi dùng binh đời xưa biết làm cho địch trước sau không tiếp kịp nhau, nhiều ít không cạy nhau, sang hèn không cứu nhau, trên dưới không giúp nhau; binh tan mà không hợp, binh hợp mà không đều; hợp với lợi thì động, không hợp với lợi thì dừng⁽¹⁾.

*

Cái biến của chín đất, cái lợi của sự co duỗi, cái lẽ của tình người, không thể không xét. Phàm đem quân vào đất người, ở chỗ sâu thì phải chuyên, ở chỗ cạn thì phải tán. Bỏ nước vượt bờ cõi mà mang quân đi, đó là ở đất tuyết; bốn mặt đều có đường thông, đó là đất cù; đi vào sâu là đất trọng; đi vào cạn là đất khinh; trở lưng ra nơi vững, trước mặt thì chật hẹp, đó là đất vi; ở vào nơi không thể tiến được, đó là đất tử. Thế cho nên ở vào nơi đất tán thì ta phải một lòng; ở vào nơi đất khinh thì quân phải tiến liên tiếp; ở vào đất tranh thì ta ruổi đi sau; ở vào đất giao thì ta giữ cẩn thận; ở vào đất cù thì ta giao kết cho chặt; đất trọng thì ta phải tiếp lương thực; đất dĩ thì ta phải tiến lên (cho mau); đất vi thì ta đóng chặn chỗ hở; đất tử thì ta tỏ là không cần sống. Cho nên tình của binh, địch vậy thì chống, không được thì đánh, nó qua thì theo⁽²⁾.

⁽¹⁾ Tôn Tử, thiên XI

⁽²⁾ Tôn Tử, thiên XI.

*

Quân đi, thích chỗ cao mà ghét chỗ thấp, quý chỗ sáng mà rẻ chỗ tối⁽¹⁾. Phàm hình đất các nơi đều có khác nhau, gọi là tuyết giản, thiên tỉnh, thiên lao, thiên la, thiên hãm, thiên khích⁽²⁾. Quân đi gặp những hình đất ấy thì kíp xa ngay mà đừng có tới gần. Ta lánh xa cho địch tới gần. Ta hướng vào đấy cho địch dựa vào đấy⁽³⁾. Thế cho nên hành quân nên xa sáu chỗ hại đó.

*

Người đánh giỏi vì có đất mà mạnh, vì có thế mà thắng, như chuyển nghìn hòn đá ở trên núi nghìn nhẵn⁽⁴⁾, chỉ nhờ có địa thế. Binh vì có đất mà mạnh; đất vì có binh mà hay. Người giỏi dùng binh thì (dịch ở) núi cao chỗ ngẩn (lên mà đánh địch) dựa vào gò chỗ đón (mà đánh)⁽⁵⁾, quý chỗ sáng mà rẻ chỗ tối, nuôi lấy sống mà ở chỗ chắc⁽⁶⁾, thế thì không có hại gì hết.

⁽¹⁾ **Tôn Tử**, thiên IX.

⁽²⁾ Mai Nghiêu Thần, một nhà chú giải sách **Tôn Tử** (**Tôn Tử thập gia chú**) chú rằng: Trước sau hiểm dốc, nước chảy ngang ở giữa là tuyết giản (suối ngăn); bốn mặt đều có suối khe chảy về là thiên tỉnh (giếng trời); ba mặt cách tuyết, dễ vào khó ra là thiên lao (cũi trời); cỏ cây chẳng chặt, gươm mác khó trở là thiên la (lưới trời); thấp lội trơn bắn, xe ngựa chẳng thông là thiên hãm (bẫy trời); hai núi chạm nhau, đường hang chật hẹp là thiên khích (khe trời).

⁽³⁾ Xem **Tôn Tử**, chương IX.

⁽⁴⁾ Nhấn: Đơn vị để đo chiều cao đồi xưa.

⁽⁵⁾ Xem **Tôn tử**, chương VII

⁽⁶⁾ Xem **Tôn tử**, chương IX

*

Xưa Cao tổ giữ đất Quan Trung, Quang Vũ giữ đất Hà Nội đều là nơi rễ sâu gốc bền để chế thiên hạ, tiến có thể thắng địch, lui có thể đủ giữ bền, cho nên dù có khi khốn bại mà sau cùng thành được nghiệp lớn. Tướng quân vốn lấy Duyệt Châu làm đầu..., và Hà Tế⁽¹⁾ là đất trọng yếu của thiên hạ..., đó cũng là Quan Trung, Hà Nội của tướng quân, không thể không dẹp trước...⁽²⁾ Nay địa thế không có lợi, chưa thấy có nơi nào dùng được. Nên chọn gò cao để giữ, khiến địch không thắng được. Địch giữ chỗ hiểm lấy làm bền, trước mặt là núi cao, sau lưng là thành dài, quân ta ở trên núi đánh xuống hẳn phải võ.

*

Sách Hồng vũ đại định:

Phép địa lợi ở trên núi cao đánh xuống thấp: Địa thế ở trên núi cao lợi, xông đánh xuống thấp thì thắng; lợi dùng cán thương, không lợi dùng lá chắn. Ta tới trận địa, trước phải nhằm nơi gò cao mà giữ, khiến địch ở dưới thấp; hay ở nơi gò cao chằm lấy, thì ta nên đến trước gò cao khiến địch ở dưới thấp.

⁽¹⁾ Duyệt châu là miền tây nam tỉnh Hà Bắc và miền đông bắc tỉnh Sơn Đông.

Hà Tế là sông Hoàng Hà về tỉnh Hà Bắc và sông Tế Giang về tỉnh Sơn Đông.

⁽²⁾ Trích **Tam quốc chí**, Ngụy Dư, "Tuân Húc truyện". Đây là Tuân Húc nói với Tào Tháo.

Lời quân sấm nói:

Đất nổi gò cao, đến chiếm ào ào;

Núi không cỏ cây, nước không sông dài,

Lợi cao đánh thấp, không lợi ẩn nấp.

Từ cao đánh hăng, giặc không dám đương.

Đó là nói lợi cao đánh thấp. Nếu giặc đã chiếm giữ làm kế lâu dài thì ta không đánh.

*

Sách *Võ kinh*:

Thái tôn nói: Thái công nói lấy bộ binh và quân xa kỵ để đánh tất phải dựa vào gò mả hiểm trở, mà Tôn tử lại nói rằng chỗ đất thiên kích và nơi gò mả thành cũ, quân không nên ở là thế nào?

Tình nói: Việc dùng binh là ở một lòng; một lòng là cấm giới rõ ràng, bỏ sự ngờ vực. Nếu chủ tướng có chỗ nghi kỵ thì quân tình lay động; quân tình lay động, thì địch thừa hấn mà đến. Đóng dinh giữ đất chỉ tiện cho quân sự mà thôi. Đến như những nơi giản, tĩnh, hãm, kích⁽¹⁾ và các chỗ lao, la⁽²⁾ thì nhân sự không tiện, cho nên nhà binh phải bỏ mà lánh đi, để phòng địch thừa thế đánh ta. Gò mả thành cũ không phải là nơi hiểm tuyệt, ta được nơi đó mà lợi thì sao lại bỏ đi? Lời Thái công nói là điều chí quan yếu cho nhà binh vậy⁽³⁾.

*

Sách *kinh thế*:

⁽¹⁾ ⁽²⁾ Thiên giản, thiên tĩnh, thiên hãm, thiên kích, thiên lao, thiên la: Xem chú giải ở trên.

⁽³⁾ **Võ kinh** trực giải, phần “**Lý Vệ công vấn đối**”

Người giỏi dùng binh cần phải lường thế, ở vào một góc, mà thiên hạ lung lay, không ai ở yên được, là vì nắm được chỗ tay trên vậy. Lấy ít chọi nhiều mà bên sắc phải tránh phải võ, không ai dám tranh, là vì chệt được nơi trọng yếu vậy. Phá một dinh mà mọi dinh đều tan, được một xứ mà các xứ đều theo, là vì triệt được chỗ họ nhờ vậy. Trận chẳng đợi phải giao hợp, ngựa chưa phải dùng roi cương, địch trông bóng cờ mà đã vội vàng thua chạy, là vì làm nhụt khí nó vậy. Biết xem thế đất, biết lập thế quân, khéo dùng kỹ thuật, đánh không đâu là không lợi.

Chế người ta ở lúc nguy nan, chệt người ta ở chỗ sâu hãm, nhử người ta vào chỗ phục binh, trương máy đặt cạm, tất tính là địch không thể thoát thì mới phát, vì phát sớm thì địch trốn, mà phát chậm thì lỗi thời. Cho nên người giỏi dùng binh đưa người ta vào chỗ không biết. Cái đạo hành binh, quý nhất là biết địa lợi, địa lợi không rõ thì rất khó ra quân kỳ đặt quân phục. Đến chỗ nào thì tướng và quân coi dinh trước hết phải đem hình thế hiểm dễ của sông núi vẽ thành đồ bản, non non, nước nước, không thể lẫn lộn, mà không cần tô điểm trang hoàng cho đẹp mắt, nhưng phải chú thích rõ ràng quân ta nên do đường nào mà tiến, nơi nào nên giữ, nơi nào nên đặt phục, nơi có hay không dấu chia đường, nơi nào có thể hợp quân, nơi nào có thể quyết chiến, quân giặc tất do nơi nào mà đến, nơi nào nó có thể mai phục, nơi nào nó có thể chặn sau lưng ta, bằng đối địch thì quân ta nên đóng nơi nào để có địa lợi, nơi

nào núi hiểm hang sâu, có rừng rú hay không, trong ấy rộng hay hẹp, nơi nào có thể phục binh được bao nhiêu tên, nhất thiết ghi rõ, dâng lên cho đại tướng, lại thêm ý kiến của mình châm chước kỹ càng.

VII- PHÒNG BỊ⁽¹⁾

Phàm việc chưa nghĩ đến được thì lòng hân sợ, lòng sợ thì thẳng thốt không tính toán được, đó là điềm thua. Cho nên phải tính địch đánh úp thì lấy gì mà ứng, địch xông lại thì lấy gì mà chống, địch cắt đôi thì phân làm sao, bốn mặt địch lại thì đánh làm sao. Phàm những việc khó khăn gian hiểm thì dự trù mà phân bố, cần có phép nhất định và tính cả phép không nhất định, rồi sau lòng mới yên khí mới định, xảy gặp thì không sợ, trong bước lụy mà không nguy. Người xưa làm việc quân, qua sự hiểm vượt sự khó, làm yên không lo, nếu không có mưu trí kỳ dị, lo nghĩ trong chỗ không ngờ, đặt phép trong chỗ không phòng, địch lớn không sợ, địch nhỏ không khinh, kế hoạch chu đáo không dám cậy mà phải làm chu đáo hơn thì làm thế nào được!

Cẩn. Người dùng binh không lúc nào là không nguy, cho nên không lúc nào là không cẩn thận. Vào trong quân thì như người có trinh sát; ra ngoài cõi thì nghiêm sợ như lúc giao trận; khi được lấy thì nghiệm cái gì không hại; gặp sự hiểm thì phải tìm kẻ gian; địch

⁽¹⁾ Chương này, tham khảo **Võ kinh trực giải** phần “Uất Liệu tử”.

đến thì lo có mưu; ta ra quân thì có kế trước; cẩn thận mà làm việc quân, đó là đạo hay nhất.

Biết. Một là thông; hai là điệp; ba là trinh; bốn là hướng. Thông là thông biết mưu kế của địch. Điệp là biết sự thực hư của địch. Trinh là biết sự động tĩnh ẩn hiện của địch. Hướng là biết được núi sông rậm rạp, đường sá quanh co, thế đất hiểm dễ. Biết được mưu kế thì biết được cách phá; biết được hư thực thì biết được cách đánh; biết được động tĩnh ẩn hiện thì biết thừa cơ; biết được sông núi đường sá thì biết được lối đi lại.

Trời. Gió giật ào ào, cần phòng ngọn gió; các sao đều động, hẳn có mưa sa; mây mù bốn phía, sợ có quân nấp đánh úp; gió dữ mưa to, sấm sét dồn dập, thì gấp chuẩn bị nổ khoả. Người khéo nhân thì không dịp nào là không thừa cơ; người giỏi phòng thì không dịp nào là không ứng dụng. Trời chưa từng không do ở người, duy người là có thể nhân mà lấy dùng vậy. Cần gì phải cầu nghiệm ở đâu!

Nhân. Phàm giặc đánh ta là có bảy điều nhân: ngày đêm mỗi một thì nhân ta nhọc; cầm cự lâu ngày thì nhân ta lười; gió mây mù tối thì nhân ta lơ; tên hết súng thưa thì nhân ta thiếu; ụ đơn bờ yên thì nhân ta sơ hở; lửa cháy rồi ren thì nhân ta nguy cấp; thanh đông kích tây để nhân ta không ngờ. Đó là bảy điều nhân. Thành còn hay mất, không thể không phòng bị vậy.

Lương Huệ vương⁽¹⁾ hỏi Uất Liệu tử⁽²⁾ rằng: Hoàng đế dùng cả hình và đức cho nên trăm đánh trăm thắng, có thể không? Uất Liệu tử thưa: Hình dễ đánh kẻ có tội, đức dễ giữ nước, không phải là chỉ thời giờ âm dương thuận trái của trời đất. Hoàng đế làm đó chỉ là nhân sự mà thôi. Sao thế? Ví nay có một cái thành, đông tây đánh cũng không lấy lại được. Vậy cả bốn phía cũng không có thời nào thuận để nhân đó mà đánh được ư? Nhưng không đánh lấy được là vì thành cao hào sâu, binh khí đầy đủ, tiền thóc chứa nhiều, tướng sĩ cùng một lòng vậy. Nếu dưới thành hào nông giữ yếu thì đánh lấy được ngay. Do đó mà xem thì thời giờ của Thiên quan không bằng việc người vậy.

Xét thiên “Thiên quan” nói: Trở lưng ra nước mà bày trận là tuyệt địa; quay mặt vào chằm là bệnh quân. Võ vương đánh Trụ, trở lưng ra sông Tế Thủy, quay mặt vào chằm núi mà bày trận, lấy 22500 người đánh hàng ức vạn quân của Trụ mà diệt được nhà Thương, phải đâu Trụ đánh trận không được thời giờ của Thiên quan? Tướng nước Sở là Công tử Tâm đánh nhau với người Tề. Bấy giờ có sao chổi mọc chuôi ở về địa phận

⁽¹⁾ Lương Huệ vương: Người thời Chiến Quốc, họ Tất tên là Oánh, con Ngụy Vũ hầu, tự xưng là Lương Huệ vương, đóng đô ở Đại Lương.

⁽²⁾ Uất Liệu tử: Họ Uất tên Liệu, người thời Lương Huệ vương, làm sách **Uất Liệu tử** 25 thiên. Sách này được xem là một sách trong bảy bộ của **Võ kinh**, hiện nay thất truyền.

nước Tề. Chuôi ở nơi nào thì nơi ấy thắng, điều ấy tỏ là không nên đánh. Công ty Tâm nói: Sao chối biết gì, cứ đánh nhau với sao chối mà đảo ngược nó lại thì thắng⁽¹⁾. Rồi đánh nước Tề, cả thắng.

Hoàng đế nói: Trước phải thờ thần quỷ, trước phải tìm xét và dùng trí khôn, gọi là thiên quân chỉ là nhân sự mà thôi. Việc binh có khi thắng ở triều đình, có khi thắng ở đồng nội, có khi thắng ở nơi chợ búa. Đấu thì được, nằm thì may mà không thua, đó là không ngờ địch sợ hãi mà chết vậy. Chết mà thắng, không phải là toàn thắng; không toàn thắng thì không có quyền đánh. Cho nên mình chúa trong khi đánh giặc, họp trống họp còi, dè dặt đồ binh khí, không cầu mà thắng vậy. Việc binh có khi bỏ phòng bị, triệt uy lực mà thắng được, vì có có phương pháp, có đồ dùng đã định sớm rồi. Đối phó với địch đã chu tất, thống suất cũng chắc chắn, năm người đã làm ngũ, mười người làm thập, trăm người làm tốt, nghìn người làm suất, vạn người làm tướng, đã chu tất, đến nơi đến chốn, hễ người nào sớm chết thì sớm thay, chiều chết thì chiều thay, cân nhắc được địch, hiểu biết được tướng, mà sau mới cử binh.

*

Cho nên phạm khi họp quân, đường xa nghìn dặm thì định một tuần, trăm dặm thì định một

⁽¹⁾ Ý nói đảo ngược sao chối lại cho chuôi chỉ về Sở, tức là cứ quyết đánh là thắng.

ngày phải họp ở đất địch. Quân đến họp trước vào sâu đất địch. Nếu nhằm đứt mất đường thì nên đóng ở thành to ấp lớn, khiến quân lên thành mà bức nguy mấy lớp, thế gọi là bức địa hình để đánh yếu tái⁽¹⁾. Giữ một thành ấp mà mấy đường bị chặn, rồi theo đó mà đánh ngay. Tướng suy địch không tin nhau, quân quan địch không hoà nhau, hình phạt có thể không theo, ta đánh là thua ngay. Quân cứu của địch chưa đến mà một thành đã đầu hàng. Bến cầu chưa mở, yếu tái chưa sửa, chỗ hiểm chưa đặt, cừ đập chưa bày, như thế thì tuy có thành cũng không giữ được. Đồn xa chưa vào, quân thú chưa về, như thế thì tuy có người cũng như không người vậy. Lục súc chưa họp, ngũ cốc chưa thu, của cải không góp, như thế thì tuy có lương cũng như không lương vậy. Phàm thành ấp rộng không mà của hết, thì ta thừa lúc mà đánh. Binh pháp nói rằng “một mình ra một mình vào, quân địch không thể tiếp mũi nhọn mà phải hàng”, ấy chính là thế.

*

Trong khi vội vã thì đại tướng dùng thuật gì mới có thể liên được hàng trận và nghiêm được hiệu lệnh, khiến quân không tự rối loạn? Thưa rằng: Người giỏi dùng binh hễ có động thì phòng bị, chọn 24 người quân kỳ nhanh nhẹn mạnh khoẻ chia ra tám phương, mỗi

⁽¹⁾ Thành lũy trọng yếu.

phương 3 người, cách nhau 1 dặm, ngày dùng cờ, đêm dùng trống làm hiệu; kỵ thứ nhất thấy giặc, ban ngày thì dựng cờ, kỵ thứ hai cũng thế, kỵ thứ ba thì ruổi chạy để báo cáo; ban đêm thì dùng trống. Như ban ngày sương mù che phủ, gió sấm dữ dội, cờ phất không thấy, trống đánh không nghe, thì phải chạy gấp để báo. Đây gọi là phép bát quái thám kỵ, ở lúc vội vã có thể phòng bị được. Ví trời đất có biến thì đem khinh binh mà xông đánh. Đại trận không thể động càn được, xem dịch động tĩnh thế nào rồi sau mới đánh. Cho nên phải thường chỉnh túc. Đó đều là tùy theo sự biến chuyển của trời.

Ta có thể lấy đó mà chế người thì nghĩ ngay rằng người có thể lấy đó mà chế ta để đặt ngay một kế mà phòng bị. Ta có thể lấy đó mà phòng trí khôn của người thì người cũng có thể lấy đó mà phòng bị sự khống chế của ta, ta lại nghĩ ngay một kế để phá sự phòng bị của người. Ta phá sự phòng bị của người thì người phá sự phòng bị của ta, mà ta lại đặt ra một kế để phá cái phá của người. Người đã bị ta phá, lại có thể đặt một cái phá để phá cái phá; cái phá của cái phá đã đặt, thì lại có thể làm cho bền thêm cái phá của ta, để lấp cái phá của người mà thi hành cái phá của ta, cuối cùng rồi không bị người phá. Hết phép này ra phép khác, sự việc nối nhau mà tiến, thực là sâu lắm, sâu lắm.

VIII- ĐIỂM VỀ VIỆC BINH⁽¹⁾

Thái công nói: Điểm được thua tinh vi mà có thể thấy trước được. Như ba quân vui vẻ, sĩ tốt sợ phép, biết kính mệnh lệnh của tướng, đều mừng được đánh giặc, bảo nhau cùng mạnh bạo lên, khen nhau về oai võ, đó là cái điểm mạnh. Bằng ba quân sợ sệt, hàng ngũ không đều, cùng sợ là giặc mạnh, bảo nhau là đánh không lợi, lấy tai mắt ra hiệu cho nhau, nói sự quái gở không thôi, mọi miệng lừa nhau, không sợ pháp lệnh, không trọng tướng mệnh, đó là cái điểm yếu.

Ba quân tề chỉnh, trận thế vững bền, ngồi sâu thành cao, lại có lợi về mưa to gió lớn, ngọn cờ chỉ trước, ba quân không có việc gì, tiếng chiêng trống trong mà cao, uyển chuyển vang lên, đó là điểm thắng to. Nếu như hàng trận không vững, cờ bay rối ren, mưa gió trái tiết, sĩ tốt sợ hãi, quân mệt ít hơi, ngựa trận sợ chạy, xe binh gãy trục, tiếng chiêng trống thấp mà đục, đó là điểm thua to vậy.

⁽¹⁾ Thiển này phần nhiều là những điều mê tín, chúng tôi không dịch, chỉ dịch đoạn đầu có ý nghĩa hợp lý ít nhiều

IX- PHÉP DỪNG GIÁN ĐIỆP

Ta nói đạo dừng gián có ba điều, ba điều ấy là gì? Ta thuộc quen người ấy, ta biết được tâm tình, lại biết được tài đủ làm việc được, rồi ta mới dừng. Đó là điều thứ nhất. Ta có ơn lớn với người, người mong vì ta mà chết thì ta dừng, đó là điều thứ hai. Ta biết được tài của người mà ta không biết được lòng của người, nhưng ta có thể nắm được tính mệnh của cha mẹ vợ con người, thế thì người ấy có thể dừng được, đó là điều thứ ba. Cho nên nói đạo dừng người có ba điều, không phải là ba điều ấy thì không thể dừng được. Nhưng thực ba điều ấy rút lại chỉ có một điều mà thôi. Một điều ấy là gì? Là phải thử. Thử có hai cách. Ta biết được tài của người nhưng không biết rõ lòng của người, ta phải thử. Để họ vào nơi tiền của và sắc đẹp xem có động lòng không; để vào nơi dao cưa, xem có đổi nét mặt không. Ta biết được lòng người, nhưng không biết rõ tài của người, ta phải thử. Nhân việc không chuẩn bị để xem họ ứng biến thế nào; khiến họ ngật không thể ra tay vào đâu để xem họ xử trí thế nào. Cho nên nói có hai cách thử, không dùng hai cách ấy thì không thử được. Tuy nhiên, phép thử cũng chỉ có một mà thôi. Một là thế nào? Giấu kín mà thôi vậy. Ta giấu kín mà thử, khiến cho người kia không biết là ta sắp muốn dừng. Như thế rồi sau mới dừng làm gián điệp được.

Tôn tử nói: Gián điệp có năm loại: Hương gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián. Năm loại gián

đều dùng, không ai biết được đường lối, thế gọi là kỹ cương của thần, là vật báu của vua vậy.

Hương gián là nhân người quê của địch mà dùng. Nội gián là nhân người làm quan của địch mà dùng. Phản gián là nhân gián điệp của địch mà dùng. Tử gián là do sự nói dối ở ngoài khiến cho gián điệp của ta biết mà truyền cho gián điệp của địch. Sinh gián là do gián điệp trở về báo cho biết. Cho nên trong việc ba quân, thần không ai thần bằng gián điệp, thường không gì thưởng hậu bằng gián điệp, việc không gì kín bằng việc gián điệp. Không phải thánh trí thì không thể dùng được gián điệp; không phải nhân nghĩa thì không sai được gián điệp; không phải tinh vi thì không thể nắm được thực của gián điệp. Tinh vi thay! Tinh vi thay! Không nơi nào là không dùng gián được. Việc của gián chưa phát mà đã nghe trước thì người nghe với người bảo đều phải chết. Phàm muốn cất quân, muốn đánh thành, muốn giết được thì phải biết trước tên họ của những người yết giả, môn giả, xá nhân ở tả hữu của người chủ tướng, gián của ta phải tìm mà biết. Phải tìm gián của địch lại thám ta để nhân mà cho họ lợi, dẫn họ về nhà. Cho nên có thể sai khiến phản gián được, nhân đó mà biết được. Cho nên hương gián, nội gián có thể sai khiến được, nhân đó mà biết được. Cho nên dùng tử gián mà việc dối trá có thể khiến báo cho địch, nhân đó mà biết được. Cho nên sinh gián có thể khiến đúng kỳ được. Công việc của năm loại gián, chủ tướng tất phải biết. Biết được phải do phản gián, cho nên người phản

gián không thể không hậu đãi. Ngày xưa nhà Ân dấy lên thì Y Chí⁽¹⁾ ở nhà Hạ; nhà Chu dấy lên thì Lã Nha⁽²⁾ ở nhà Thương Duy bậc minh quân hiền tướng mới biết dùng bậc thượng trí làm gián, cho nên tất thành công lớn. Đó là điều quan yếu của nhà binh, ba quân nhờ đó mà hoạt động vậy⁽³⁾.

Diệp là tai của quân, có khi vì diệp mà thắng, có khi vì diệp mà thua. Dịch có tướng ngu, có thể chuyên dùng diệp; dịch có tướng trí, không nên chuyên dùng diệp. Ta có diệp khéo thì dịch bèn cố nêu ra hình tích, cố bày tỏ mệnh lệnh, cố tiết lộ bí ẩn để nhử ta. Ta nghe rằng nếu khéo dùng diệp thì dùng diệp của địch, điều ấy không thể không xét vậy. Gián là làm khiếp sợ lòng dạ địch, giết người yêu của địch mà làm rối mưu kế của địch. Việc của gián thì có sinh có tử, có thư có văn, có nói có vẽ, dùng hát, dùng cửa, dùng vật, dùng tước, dùng người địch, dùng người làng, dùng bạn, dùng gái, dùng ơn, dùng uy.

Nhân người của địch tìm xem sơ hở của ta, ta đem của đút cho, khiến nó đảo ngược hết công việc.

Sách *Chu lễ* nói: Đi tuần trong nước để truyền tin, đó cũng là chức phận gián vậy. Cách dùng gián,

⁽¹⁾ Y Chí: Tức Y Doãn, có tên là Chí, đi cày ở đất Sần, vua Thang nhà Thương đón về, giúp vua Thang đánh Hạ Kiệt.

⁽²⁾ Lã Nha: Tức là Lã Thương, tên là Tử Nha, cũng gọi là Lã Vọng, nguyên là họ Khương, cũng gọi là Khương Tử Nha hay Khương Nha.

⁽³⁾ **Tôn tử**. thiên XIII

thánh nhân vẫn cũng có làm. Phàm dùng binh muốn quyết thắng, không thể không dùng gián. Dùng gián không thể không giữ bí mật. Nếu không phải là bậc đại trí, ai có thể như thế được. Cho nên công việc của gián lắm, xem việc mà cử ra thì thấy có tám thuật.

1. Hai nước đương chống nhau, giả làm mỗi một, sợ tiết lậu ra lời nói, đem của đút cho kẻ được yêu chuộng, nhân sở cầu mà trúng vào, sau sai sứ giả đến đem ngọc lụa và xe ngựa để cầu hòa, lặng xem nó kiêu mạn, rồi ngầm kén tinh binh, chia đường sớm hôm tiến gấp để nhân nó không phòng bị mà đánh. Đó là lấy sứ giả làm gián.

2. Bắt được người địch, đem điều nó muốn thám tiết lộ ra, khiến cho nó được nghe, ngầm sai thả ra cho nó trốn đi, khiến địch cho đó là điều thám được mà tin, nhưng ta thì không thế. Đó là lấy người địch làm gián.

3. Địch đến làm gián, ta giả làm không biết, đảo ngược công việc mà cho thấy. Địch biết được việc giả mà ta thì xuất kỳ bất ý mà cử sự. Đó là cách nói ngược lại mà làm gián.

4. Địch đưa phản gián đến, ta đem nhiều của đút cho khiến nó đảo ngược lời nói để phản lại địch. Đó là dùng ngược người của địch làm gián.

5. Đánh nhau với địch, giả làm thua nhỏ, tức dẫn nó vào vách sâu, tỏ ra vẻ sợ, bèn khiến nói những lời quê mùa ngớ ngẩn, mà trương hoàng thế mạnh của quân ta, khiến cho địch biết đó là ta dùng gián, nó hẳn

dem lòng sợ mà lấy lời nói cưỡng để gián lại. Khi nó đã đi, tức thì dùng kỳ binh theo đánh úp ngay. Đó là dùng gián rõ làm gián.

6. Dịch có người yêu ở trong, sai kẻ tâm phúc đem đồ rất quý đến nhà biểu, khiến ngầm mua được dịch tình. Đó là dùng của báu làm gián.

7. Dịch có kẻ mưu thần thì ngầm đem vàng bạc đút cho, khiến cho kẻ thân thân tín của dịch gây chuyện gièm pha ở trong, ngoài thì đem việc để ứng với sự gièm pha ấy, khiến cho vua tôi ngờ nhau mà cùng hại nhau. Đó là lấy người nói gièm làm gián.

8. Tìm những người tin cậy của dịch, khiến cho thỏa lòng sở dục, ngầm kiếm tìm động tĩnh và ngôn ngữ của họ. Đó là dùng người làng để làm gián điệp.

Thế cho nên biết dùng gián là điều mâu nhiệm của nhà binh. Nhưng không phải là bậc hiền tri thì không thể dùng được. Cho nên phép dùng gián là cốt ở sự nhỏ kín ngầm ngầm. Người chúa giỏi cần phải chú ý.

*

Phàm dùng binh trước hết phải dùng gián để thăm dò mà tùy cơ ứng biến; hoặc thăm dò biết bên dịch có việc tranh trường, có sự không hòa, có kẻ bất đắc dĩ mà theo, có khi cầm vàng mà sai làm, có khi bị bắt sống mà thả ra, có khi đến thám mà giả làm không biết, có khi nói phao mà truyền thuyết, có khi tha tội mà bảo lập công, có khi bỏ sót giấy tờ giả làm thất lạc, có khi sai người đem giấy tờ để cho dịch bắt được. Sự vận dụng tài tình cốt ở một lòng, có thể lấy ý mà liệu,

khó mà nói trước, vận dụng cho linh hoạt, cơ mưu không thể lường.

X- DÙNG CÁCH LỪA DỐI

Lừa. Điều cốt yếu để đánh được địch không phải chỉ dùng sức mạnh để chống, còn phải dùng thuật để lừa. Hoặc dùng cách lừa của ta mà lừa nó; hoặc nhân cách lừa của nó mà lừa nó; lừa bằng tình, lừa bằng lợi, lừa bằng vụng, lừa bằng khôn, cũng lừa bằng sự lẫn lộn hư thực, lấy sự lừa của nó để làm cho nó bị lừa, nó lừa mà ta thì biết. Cho nên người giỏi việc binh lừa người mà không bị người lừa.

Vụng. Khi gặp giặc mạnh, ta đóng chặt cửa thành hay lui quân để giữ, thì nên chịu là kém vụng vậy. Địch có thắng, nếu không tổn hại cho chiến cuộc, thì dù có nói khinh nhờn ta cũng phải nhin, có đánh ta cũng phải lánh, có kế gì ta cũng phải nhận. Phàm những điều ấy là vì khi nên kém vụng thì làm kém vụng vậy. Thậm chí, địch không có mưu gì lạ mà ta lo thực thà, địch vốn nằm yên mà ta chờ nó hoạt động, phàm những điều ấy không hẳn là vụng, mà vụng cũng không mất gì. Thà khiến ta có phòng không mà đừng khiến nó có thực. Từng xem lại chuyện xưa, có khi lấy một cái vụng mà làm thua được danh tướng, nên công hoàn toàn, là vì khéo dùng được phép vụng vậy.

Thuận. Đại phàm chống lại thì càng làm cho thêm bền ra, chỉ bằng cứ thuận chiều để đưa đến chỗ

hông. Khi địch muốn tiến, thì ta mềm mại tỏ là yếu để cho nó tiến. Khi địch muốn lui thì ta tản ra mở đường sống cho nó lui. Khi địch cậy mạnh thì ta đóng quân xa để bên giữ mà xem vẻ kiêu của nó. Khi địch nấp úy thì ta giả vờ cung kính để chờ xem thực tình, nhân mà đánh úp, kể mà bắt lấy, nó kiêu thì ta thừa, theo đó mà thu lấy thắng lợi.

Kế. Kế có khi có thể chế được người ngu mà không chế được người trí, có khi chế được người trí mà không chế được người ngu. Một là dùng kế để làm kế, một là dùng không phải kế mà làm kế. Chỉ một cách dùng kế mà trí ngu đều chế được cả. Giả như người trí kia làm ngu thì dùng kế ngu mà đối phó, người ngu kia làm trí thì dùng kế trí mà gieo vào. Nên vượt qua cái tầm sở kiến của địch và chống lại cái nghi của địch thì không kế nào là không thành công. Cho nên kế phải nhân người mà đặt.

Trắc. Hai tướng mới gặp nhau, hẳn có thử nhau. Hai tướng cùng giữ nhau, hẳn có sự tính lường. Lường về địch để lánh thực mà đánh vào sơ hở; lường về chỗ địch lường ta mà bày tỏ sự kém để đi đến chỗ hơn; lường tính ở chỗ hư để mà đối địch. Thế là một sự lường tính mà lợi được cả hai mặt. Lo ở chỗ không lo, đó là thuật hay, là đạo thắng vậy.

Xảo. Việc đời nếu không lấy đạo thường mà làm nên thì phải lấy xảo, hướng chỉ việc quân. Nắm được một cái sở đoản của địch thì phá được trăm cái sở trường của nó. Nhân một cái sở trường của ta thì cứu

được trăm cái sở đoản của ta. Thế gọi là khéo nhân và khéo chế. Ta giả yếu khiến cho giặc lơ là; ta giao nộp khiến cho giặc ngạo; ta quen ở yên khiến cho giặc yên; ta hay thử cho giặc coi thường; ta quấy luôn cho giặc hao tổn; ta khua động cho giặc đề phòng; ta trêu mắng cho giặc tức giận. Đó gọi là cái xảo khinh kẻ ngu. Bỏ chỗ thắng đến chỗ bại; bỏ chỗ mềm đến chỗ rắn; lấy cùn làm sắc; lấy lui làm tiến. Đó gọi là cái xảo lấy cong mà vào. Mạnh mà tỏ là yếu, sống mà cho là chết, được mà không cho là được, thua mà không cho là thua. Đó gọi là cái xảo làm trái.

Dùng dương mà người ta không lường được là dương, thì dương mà hóa âm vậy. Dùng âm mà người ta không lường được là âm thì âm mà hóa dương vậy. Cho nên hoặc giả dương để làm âm, hoặc âm vận âm để chế dương. Tóm lại không ngoài cách dùng kỳ nắm cơ, đánh úp và đặt phục mà thôi.

Người giỏi dùng binh, không đủ thì tỏ là có thừa, có thừa thì tỏ là không đủ. Có thừa mà tỏ là không đủ, địch không biết thế nào mà lường cho đúng được. Như Tôn tử⁽¹⁾ nước Tề cứu Hàn đánh Ngụy. Bàng Quyên⁽²⁾ vốn khinh nước Tề là nhát. Tôn tử nhân thế mà làm theo, bèn khiến người tại đất Ngụy làm 10 vạn cái bếp, sáng ngày mai giảm là 5 vạn bếp,

⁽¹⁾ Tôn tử đây là Tôn Tẫn, cháu xa đời của Tôn tử trước là Tôn Võ

⁽²⁾ Bàng Quyên: Tướng nước Ngụy (thời Chiến quốc), bị Tôn Tẫn đánh cho bị thua, tự tử ở đất Mã Lăng

rồi lại giảm làm 2 vạn bấp. Bàng Quyên ngờ là quân sĩ Tề trốn mất, bèn bỏ quân bộ đi, cùng với quân khinh nhuệ gấp đường đuổi theo, đến Mã Lăng, gặp phục binh vùng dậy, muốn nỏ bắn ra, quân Ngụy rối loạn.

Xin hỏi khi bắn hết tên thì làm thế nào? Bỏ rơm khô làm người, dậm dứng trong thành, quân địch tranh nhau mà bắn, thì tên bay vào đầy hố. Hay ở trong thành, giương lọng đi lại, địch ngờ là chủ tướng bèn bắn tên như lông dím bay vào, ta nhờ được tên của địch. Cách xảo ấy còn gì bằng.

Bỏ vật để cho loạn, bỏ người để cho động, bỏ lũy trại đất đai để cho kiêu, có cái nên bỏ thì bỏ, nếu tiếc thì khó thành. Không sợ không thành công.

BINH THU YẾU LƯỢC

QUYỂN III

1- LIỆU THỂ GIẶC

Sách *Vô kinh*:

Vô vương hỏi: Làm thế nào mà biết được thực hư ở trong lũy địch?⁽¹⁾

Thái công nói: Lên cao trông xuống để biết sự biến động; nghe trống không kêu, mõ không tiếng, xem ở trên lũy thấy nhiều chim bay mà không sợ, thấy xem ở trên lũy thấy không có khói, biết đó hẳn là địch trá để lừa ta.

Thái công nói: Quân địch mới họp có thể đánh; người ngựa đến ăn có thể đánh; thời trời không thuận có thể đánh; địch đương bồn tẩu có thể đánh; không đề phòng có thể đánh; mỗi mặt có thể đánh; tướng lìa quân sĩ có thể đánh; không rồi có thể đánh; bị ngăn trở ở đường hẹp có thể đánh; quân đi loạn hàng có thể đánh; lòng sợ hãi có thể đánh.

Nghe chiêng trống, xem hàng ngũ mà biết được tài; lấy thua mà dụ, lấy lợi mà nhử để biết được tình;

⁽¹⁾ Xem *Vô kinh* trực tải, phần “Lục thao”

làm động lòng cho sợ, quấy rối cho lúng túng để biết được thái độ; đó là xét ở việc. Niềm nghi dấy lên thì ta phải biết; mưu kế đặt ra thì ta phải rõ: trí mà có thể che được, xảo mà có thể giấu được, lòng ta phải xét; đó là xét ở ý. Nếu như ý chưa dấy mà điều nghi trước đối cả, ta biết lòng địch để biết địch, địch nghi sau lòng ta mà suy ra, thì mưu có thể gieo vào được.

Tranh chiến tức là tranh việc; quân tranh giao chiến, tướng tranh mưu kế, tướng tướng tranh cơ với nhau. Phàm người ta mà biết, không tranh sức mà phải tranh lòng, không tranh ở người mà tranh ở mình. Phàm người ta mà biết, không tranh ở việc làm mà tranh ở đạo, không tranh công mà tranh ở chỗ không công. Công ở chỗ không công mới là công lớn, tranh ở chỗ không tranh mới là giỏi tranh.

Thế có lúc không thể đánh ngay được, thì nên kéo dài; thế địch rất sắc, tạm phải chờ nó lơ là; địch đến rất nhiều, tạm phải chờ nó trễ nải; gọi quân chưa đến phải chờ tập hợp được; người mới phụ chưa hiệp phải chờ cho họ tin; mưu kế chưa nên phải chờ cho nó lớn mạnh lên; thời chưa đánh được thì tạm dừng đánh, vì kẻ vụng quý ở giữa. Kéo dài là thế phải đánh mà cứ chần chừ... Động phải là không thua; quân ra phải là vạn toàn; việc binh không có làm thối.

*

Thế đã nên, cơ đã đến, người đã tập hợp mà lại dùng dằng kéo dài, đó là làm biếng quân vậy. Quân tướng lười, thời sắp không lợi, nước sắp khốn, cầm quân

trên côi mà không quyết chiến, đó là làm mê quân vậy.

Ta có chí mà chậm thì người sẽ tính trước ta; thấy mà không quyết định thì người sẽ phát trước ta. Ta phát mà không nhanh thì người sẽ thắng trước ta. Khó được ấy là thời, dễ mất ấy là cơ, nên phải làm nhanh vậy.

Quá nữa, địch không thể đánh chớp nhoáng mà thắng được, thì ta phải dùng cách giăng co; giăng co ở phía trước thì địch không thể vượt được; giăng co ở phía sau thì không ai dám chống, dám ra. Địch mạnh mà cô thế, thì giăng co cả đầu và đuôi, khiến nó chạy vạy mỗi mệt; địch giỏi mà tiến trước, thì ta phải gieo vào đoạn giữa, khiến cho đầu đuôi không thể ứng nhau, thế lớn mà rộng, quân nhiều mà tản, lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ kia, làm cho nó hợp thì khó mà tụ được, chia thì khó mà giữ được. Ta bèn gồm quân lại, nhắm thẳng một hướng mà có thể thắng vậy.

Hoạt động gấp sức thì không việc gì là không tốt.

Người tất thắng, có khi do dũng mà thắng; có khi do trí mà thắng, có khi do đức mà thắng; có khi nhiều lần thắng; có khi một lần thắng. Thắng được người dũng là do trí. Thắng được người trí là do vụng. Thắng được đức thì cần phải sửa mình. Người giỏi thắng không cần thắng nhiều lần mà cần toàn thắng, cần bảo đảm thắng. Nếu nhòem lợi nhỏ thì chỉ khêu giận cho địch, làm bền chí địch, làm kiêu khí của quân ta mà khinh tiến, làm nhụt chí của quân ta mà sơ hở. Thế là bất thắng.

*

Sách *Kinh thế*:

Khó khăn về sức thì mượn sức của địch; không thể giết được thì mượn gươm của địch; không có của thì mượn của của địch; không có sản vật thì mượn sản vật của địch; ít quân tướng thì mượn quân tướng của địch; không đủ mưu trí thì mượn mưu trí của địch. Ta muốn làm mà dụ địch để sai khiến, đó là ta mượn sức của địch vậy. Ta muốn giết mà lừa cho địch giết, đó là ta mượn gươm của địch vậy. Yên giữ được cái sở hữu, thì làm tan được tài sản của địch. Khiến nó tự đánh nhau, đó là ta mượn quân của địch. Đảo việc làm của nó làm việc làm của ta, nhân kế nó để thành kế của ta, đó là ta mượn mưu trí của địch. Không phải tự ta làm, cứ ngồi mà được việc. Ta không ra tay được, thì mượn tay người khác. Thậm chí có khi lấy địch mà mượn địch, Mượn địch của địch, khiến địch không biết mà cuối cùng để cho ta mượn; phỏng khiến địch đã biết mà không thể không để cho ta mượn, thì đó là cách mượn khéo vậy.

*

Tri (Cầm).

Theo đạo trời thì nổi lên sau là thắng. Việc binh nên đánh vào chỗ dễ mà không đánh vào chỗ khó. Uy dữ thì tan, sắc nhọn thì gãy. Cho nên địch đem quân đến, thế không thể ở lâu được thì ta cầm. Thế bách, kíp muốn thắng ngay, thì ta cầm. Địch đánh có lợi, ta đánh

không lợi, thì ta cầm. Thời nên giữ yên, động trước thì nguy, thì ta cầm. Hai kẻ địch đánh nhau, hẳn có người thương bại, thì ta cầm. Địch tuy có trí năng, nhưng trong có kẻ cản trở, thì ta cầm. Nó ở thế hiểm, ta ở thế yên, thì ta cầm. Nó đói mà ta no, thì ta cầm. Nó nhọc mà ta rồi, thì ta cầm. Thiên thời sắp hại, địa nạn sắp hãm, nhuệ khí sắp nhạt, thì ta cầm. Cầm cho nó đã mệt, bấy giờ ta nổi dậy mà đánh, thì sức vẹn mà công nhiều. Đáng gấp thì thừa cơ, lợi hoãn thì cầm lại. Kéo dài để bền sức mình, cầm lâu để làm khốn địch. Dùng sau làm trước, đó là điều bí của phép binh.

Hỗn (Lộn sòng)

Lộn sòng vào chỗ hư, thì địch không biết đâu mà đánh. Lộn sòng vào chỗ thực, thì địch không biết đâu mà lánh. Lộn sòng kỳ với chính, thì địch không biết biến hóa làm sao. Lộn sòng với quân, lộn sòng với tướng, thì địch không biết đâu mà nhận cho đúng. Lộn sòng tướng địch để lừa quân. Lộn sòng quân địch để lừa tướng. Lộn sòng quân và tướng địch để lừa thành dinh. Cùng một cờ xí với nó; cùng một áo giáp với nó; cùng một trang phục với nó; giả làm tướng mạo như nó, thừa cơ chui vào, phát tự lòng bụng nó, đánh ở bên trong nó, là tự phân biệt mà nó không thể phân biệt được, đó là giỏi lộn sòng vậy.

*

Địch nhàn thì làm cho nó nhọc, có hai thuật: Đêm đánh trống nghiêm quân như là sắp ra trận, đến sáng thì nghỉ, chờ nó trễ nải thì chọt ra; chuẩn bị tối

để đánh ban ngày, chuẩn bị ban ngày để đánh tối, đổi thay mà xung đột, không cho nó nghỉ ngơi. Thế gọi là quấy rối rõ⁽¹⁾. Hoặc mộ quân mặc giả hiệu áo địch, nhân lúc nó trễ mà cướp dinh, thừa gió mà nổ súng, chợt nổi mà chém giết, chợt dừng mà im lặng, làm cho hô thì tan, gọi thì hợp, muôn người như một, tối đi sớm về, ra phương đông vào phương tây, ngờ thần ngờ quỷ, không tiếng tăm, không dấu vết. Thế gọi là quấy rối ngầm.

Địch no thì làm cho đói, có hai thuật: Địch có thuyền lương, mộ người dúi cho chìm. Địch giữ kho chứa, dùng gian mà lấy. Xe lương thì bắt, dùng thuốc súng đốt đi. Thế gọi là hại rõ. Đánh thuốc độc vào nước suối để cho người bị khát; đánh thuốc độc vào rơm cỏ để cho ngựa bị đói, đổ đất vào bao và đóng cát để giả tiếng⁽²⁾. Thế gọi là hại ngầm. Tuy thế, không thể không giữ tinh vậy. Giữ trận ngồi yên, Từ Thành⁽³⁾ không sao

⁽¹⁾ Quấy rối rõ: Tức là quấy rối một cách rõ ràng, trái với quấy rối ngầm là quấy rối một cách ngầm kín

⁽²⁾ Bao đất: Tổ Địch, thứ sử Đại Châu của nhà Tấn, sai tướng trấn Đông Đài rồi lấy đất đựng vào bao giả làm gạo, sai một nghìn quân chở lên đài để cho địch tưởng rằng quân mình no nê lắm.

- Đóng cát: Đàn Đạo Tế là tướng nhà Tống, đời Nam Bắc triều đánh với quân Ngụy, thiếu lương, đem sai quân đóng cát, rồi lấy ít gạo còn lại đổ lên trên. Sáng ngày địch thám thấy, tưởng quân Đạo Tế còn nhiều lương, nên không truy bức nữa.

⁽³⁾ Từ Thành: Tổ Đĩnh người Bắc Tề, làm thứ sử Từ Châu, khi ấy người nước Trần đến đánh, nhân dân nhiều người làm phản. Đĩnh sai không đóng cửa thành, người coi

lường được. Gà chó không tiếng, quân Kim thua chạy ở Thuận Xương⁽¹⁾. Ngõ đêm không đi, kẻo canh không điểm. ồn ào thì dễ sợ, yên lặng thì chẳng khi nào là không thắng. Tuy thế, không thể không nhàn rồi vậy. Tới quân địch mà vội vàng nóng nảy thì nó thừa được. Rửa cửa quét nhà thì địch mạnh phải sợ.

Uống rượu đánh bạc ở Chiên Uyên⁽²⁾, cởi áo ở Tân Đình⁽³⁾ ở ngoài có dư, cơ hội nào cũng là ứng được. Tuy

thành đều xuống cả dưới thành ngồi im lặng, đường thì cấm người đi lại. Địch không hiểu thế nào, tưởng là người chạy đi hết bỏ thành không, không phòng bị. Thốt nhiên Đinh đem quân xông ra hò hét, quân địch kinh hãi chạy tan.

⁽¹⁾ Thuận Xương: Tên đất, thuộc tỉnh An Huy, Trung Quốc, Lưu ý đời Tống Cao Tôn đánh phá Kim thái tử là Ngột Truật ở đấy. Khi hai quân cầm cự nhau ở thành Thuận Xương, Ngột Truật đem vài người đến gần thành nghe ngóng, thấy trong thành im lặng không có tiếng gà chó.

⁽²⁾ Chiên Uyên: Tên châu, thuộc tỉnh Trục Lệ, Trung Quốc. Tống Chân Tôn năm Cảnh Đức thứ 1, Khiết Đơn đem quân sang xâm lấn, Khấu Chuẩn yêu cầu vua thân đi đánh và ra Chiên Uyên. Quân lính thấy vua đến, đều hoan hô vang mấy dặm đường, đánh giết quân Khiết Đơn quá nửa. Vua về hành cung, giao cho Khấu Chuẩn ở đấy đánh dẹp. Nhưng sai người dò xem Khấu Chuẩn làm gì, thì chỉ thấy Chuẩn và Dương Úc hàng ngày uống rượu đánh bạc mà thôi. Hai quân cầm cự nhau hơn 10 ngày, quân của Chuẩn bắn chết thống tướng của Khiết Đơn là Khát Lãm. Khiết Đơn xin hòa.

⁽³⁾ Tân Đình: Cũng có tên là Lao Lao Đình, thời Ngô làm ở trên núi Lao Lao, nay thuộc tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Thời Nam Tống, Lưu Dự, Vương Hư phạm phản, Tiêu Đạo Thành (sau là Nam Tề Cao đế) đem quân đi đánh. Khi đến Tân Đình,

thể, không thể nghỉ ngơi vậy. Không mất tiết độ ăn uống, không tuyệt sức người và ngựa, không liêu rút nóng quá mức. Xin nói về điều cốt yếu. Cần để cho thân thể nghỉ ngơi, dịch thiếu mà ta thừa, thể cách nhau kể gấp trăm. Tuy vậy, không thể cứ ngồi chờ. Hán vì giữ được Hưng Thế⁽¹⁾ nên Tào Sảng không thể tiến. Đường chệch được Hồ Lao⁽²⁾ nên quân Hạ phải lùi. Ngô Giới giữ được đồn Đại Tấn⁽³⁾ nên Ba Hán được toàn. Thục vì mất Âm Bình⁽⁴⁾ nên Thành Đô bị đổ. Yên mất Đại Nghiễn⁽⁵⁾

thành lũy chưa đắp xong mà quân của Hưu Phạm đã đến Tân Lâm. Đạo Thành cởi áo nằm khênh ở Tân Đình để yên lòng quân.

⁽¹⁾ Hưng Thế: Tên núi, thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Ngụy Phế đế năm Chính Thủy thứ 5, Tào Sảng đem 6, 7 vạn quân sang đánh Thục. Thục đóng quân ở núi Hưng Thế, quân Sảng không tiến được, phải đem quân về. (**Tam quốc chí, Ngụy thư, Truyện Tào Sảng**).

⁽²⁾ Hồ lao: Tên đất, tức là Thành Cao sau này, thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

⁽³⁾ Đại Tấn: Tên một quan ải, tức là Đại Tấn quan, thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, ở chỗ đường quan yếu của Tần Thục qua lại. Đời Tống Cao Tôn, người Kim đến xâm lấn đất Hán Dương. Ngô Giới đem quân đến đóng giữ ở Đại Tấn quan, bảo toàn được đất Ba Thục (**Tống sử, Truyện Ngô Giới**).

⁽⁴⁾ Âm Bình: Hán đặt làm huyện, Ngụy đổi làm quận, thuộc đất Chi (Tây Nhung), thành cũ thuộc thuộc tỉnh Cam Túc. Khi Ngụy đánh Thục, Đặng Ngải do đường Âm Bình tiến quân, Thục Hậu chúa phải hàng.

⁽⁵⁾ Đại Nghiễn: Tên núi, thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Nam Yên Mộ Dung Đức đóng đô ở Quảng Cố. Thời Đông Tấn, Lưu Dụ đem quân đánh Nam Yên, khi đi qua núi Đại Nghiễn rồi, về mừng hiện ra mặt, quả nhiên diệt được Nam Yên.

nên Quảng Cố mất. U bỏ Du Quan⁽¹⁾ nên ngựa Hồ vào chấn. Vì thả cho địch qua sông Hoàng Hà mà giặc Kim vô bụng cười, ăn năm không kịp. Không quên việc kiến đắp thành, bỏ chỗ dễ mà làm chỗ khó, xe trước đã bị đổ nhiều rồi. Tuy vậy, không thể không cầm giữ vậy.

*

Sách *Võ kinh*:

Võ hầu⁽²⁾ hỏi về phép có thể đánh địch.

Khởi⁽³⁾ thưa: Dùng binh phải biết rõ tình hình của địch hư thực thế nào, rồi nhằm vào chỗ nguy mà đánh. Địch mới ở xa, đến, hàng ngũ chưa ổn, có thể đánh; ăn mà chưa phòng bị, có thể đánh; đương rối ren, có thể đánh; nhọc mệt, có thể đánh; chưa được địa lợi, có thể đánh; lỗi thời không theo, có thể đánh; lộn lộn đường dài, quân sau chưa nghỉ, có thể đánh; qua sông nửa chừng, có thể đánh; đường hiểm, đường hẹp, có thể đánh; cờ xí loạn động, có thể đánh; số trận đời đời, có thể đánh; tướng lìa quân sĩ, có thể đánh; lòng sợ, có thể đánh; phạm gặp các trường hợp đó, nên kén quân tinh nhuệ để xung đột trước, rồi sau chia quân mới đến, cứ việc đánh gấp, không phải ngờ gì nữa⁽⁴⁾:

Võ Hầu hỏi: Hai quân đối nhau, không biết rõ người tướng. Ta muốn dò xem, thì nên dùng thuật gì?

⁽¹⁾ Du Quan: Tên cửa ải, tức là Sơn Hải quan ngày nay, tại tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

⁽²⁾ Võ Hầu: Tức là Vệ Võ Hầu thời Chiến quốc.

⁽³⁾ Tức là Ngô Khởi

⁽⁴⁾ Xem **Ngô tử**, thiên II

Khởi thừa: Sai người hèn mà dũng, đem quân tính nhuệ để đánh, cốt thua chạy mà không cốt được. Xem địch đuổi đến, một ngồi một đứng, có thể biết được họ hay dở thế nào. Nếu đuổi theo mà giả cách không đuổi kịp, thấy lợi mà giả cách không biết, tướng như thế gọi là tri tướng, đừng nên đánh nữa. Nếu thấy chúng om xòm, cờ xí rối rít, quân tự đi đứng, binh hoặc dọc ngang, đuổi theo còn sợ không kịp, thấy lợi còn sợ không được, đó là ngu tướng, dù nhiều quân cũng có thể bắt được⁽¹⁾.

*

Phàm dấy quân phải xét rõ quyền biến trong ngoài, để tính xem quân đủ hay thiếu, lương thừa hay không đủ, so sánh đường lối ra vào, rồi sau mới dấy quân dẹp loạn, thì tất có thể vào được. Đường lớn mà thành nhỏ, trước hết phải thu lấy đất. Thành lớn mà đất hẹp, trước hết phải đánh thành đã. Đất rộng mà người ít thì chặn chỗ ách. Đất hẹp mà người nhiều, thì đắp bờ lớn để đi tới. Đừng làm mất địa lợi của dân, đừng cướp mất thời làm ruộng của dân. Chính trị thì rộng rãi, nghề nghiệp cứ bình thường, cứu chữa những thói tệ, như thế thì đủ ra chính lệnh cho thiên hạ được. Nay các nước Chiến quốc đánh nhau, nước lớn đi đánh nước có đức, quân từ một ngũ đến một lượng⁽²⁾, một lượng đến một sư, mệnh lệnh bất nhất, làm cho lòng dân

⁽¹⁾ Xem **Ngô tử**, thiên IV.

⁽²⁾ Quân chế xưa, 25 người là một lượng

không ổn định, chỉ chuộng kiêu ngạo xâm lấn, chỉ mưu lo xử kiện, quan lại chỉ lo xét việc, như thế thì thường hỏng cả. Ngày chiều đường xa, lại có khí nản, quân mỗi tướng tham, chỉ tranh cướp nhau, như thế thì dễ thua lắm.

Phàm tướng khinh, lũy thấp, quân chúng náo động, thì có thể đánh được; tướng trọng, lũy cao, quân sợ thì có thể vây được; phàm vây thì mở cho có lợi nhỏ, khiến dần mòn yếu đi thì sên tiếc mà không dám ăn. Quân đánh đêm là vì sợ. Quân tránh việc là vì lia lòng. Đợi người đến cứu, hẹn đánh mà khao khát, đều là lòng nóng mà khí nản; khí nản thì bại quân, hỏng mưu thì hại nước.

*

Sách Tôn tử:

Bình là đạo đối trá, cho nên giỏi mà tỏ là không giỏi, dùng mà tỏ là không dùng, gần mà tỏ là xa, xa mà tỏ là gần, đem lợi để nhử người, gây loạn để đánh người; thấy chắc thì phải phòng, thấy mạnh thì phải tránh; trêu cho nó tức; nhún cho nó kiêu; nó nhàn thì khiến cho nhọc; nó thân thì khiến cho lia; đánh ở chỗ không phòng, ra ở chỗ không ngờ. Đó là chỗ giỏi của nhà binh, mà không thể truyền trước vậy⁽¹⁾.

Phàm chưa đánh mà miếu toán⁽²⁾ đã được, là tính được nhiều; chưa đánh mà miếu toán không được, là tính được ít. Tính được nhiều thì thắng, tính được ít thì

⁽¹⁾ **Tôn tử**, thiên I

⁽²⁾ Sự tính toán của triều đình. - Miếu toán đã được nghĩa là mưu kế của triều đình đã dự tính sự thắng trận

không thắng, huống chi là không tính ư? Ta xem đó thì thấy rõ sự được thua vậy.

*

Cho nên phép dùng binh, gấp mười thì vây, gấp năm thì đánh, gấp đôi khi chia, ngang nhau thì chiến, ít hơn thì biết trốn, không bằng thì biết lánh. Cho nên nhỏ mà chỉ biết liều thì bị địch lớn bắt.

*

Phàm tướng là người giúp nước; giúp chu đáo thì nước hẳn mạnh; giúp sơ hở thì nước hẳn yếu. Cho nên nhà vua có ba điều lo: không biết rằng quân không nên tiến mà cứ bảo tiến; không biết rằng quân không nên thoái mà cứ bảo thoái, thế gọi là buộc quân. Không biết công việc ba quân mà trị ba quân như trị nước thì quân sĩ sinh hoặc; không biết quyền biến của ba quân mà cùng gánh vác trách nhiệm về ba quân, thì quân sĩ sinh ngờ; ba quân đã hoặc và ngờ thì các nước chư hầu sẽ đến đánh, thế gọi là loạn quân, dẫn đường cho địch thắng mình... Cho nên nói: Biết người biết mình, trăm đánh không nguy; không biết người mà biết mình, thì một được một thua; không biết người mà không biết mình thì hễ đánh là nguy⁽²⁾.

*

Bụi cao mà nhọn là có xe lại; thấp mà rộng, là có quân bộ lại; tán mà vắt vẻo là có người hái củi; ít mà bay đi bay lại là dinh quân. Lời nhũn mà thêm phòng

⁽²⁾ Tôn tử, thiên III

bị, ấy là tiến vậy. Lối mạnh mà quân tiến nhanh, ấy là lùi vậy. Xe nhẹ cho ra trước, ở vào một bên đường, ấy là bày trận. Không ước mà xin hòa, ấy là có mưu. Bôn tẩu mà bày quân, ấy là hẹn. Nửa tiến nửa lùi, ấy là nhử. Dựa vào binh khí mà đứng, ấy là đối. Vực nước mà uống, ấy là khát. Thấy lợi mà không biết tiến, ấy là nhọc. Chim hợp, ấy là không người. Đêm la hò, ấy là sợ hãi. Quân rộn, ấy là tướng không trọng. Cờ xí lay động, ấy là rối loạn. Quan lại tức giận, ấy là mối. Cho ngựa ăn thóc, giết bò ăn thịt, ấy là thiếu lương cỏ. Quân không treo nôi, không trở về nhà, ấy là giặc cùng. Rì rầm xúm xúm, thông thả nói với nhau, ấy là mất lòng quân. Thường luôn là quân; phạt luôn là khốn. Trước dữ tợn rồi sau sợ quân, thế là không tinh rất mực. Hạ mình đến xin tạ, ấy là muốn nghỉ ngơi⁽¹⁾.

★

Sách *Bảo giám*:

Sinh địa là nơi tả hữu tiền hậu không phải là đất tử tuyệt, dâu cũng có đường vận lương, tiến thoái đều lợi cả. Sinh địa tuy nói là lợi của nhà binh, có thể dùng được chỉ có sáu trường hợp thôi: Dem quân vào sâu được, đó là một trường hợp khá dùng; quân ngựa tinh sắc, trận thế quen biết, đó là hai trường hợp khá dùng; tướng trầm nghị, giới lệnh nghiêm, đó là ba trường hợp khá dùng; ta mạnh địch yếu, đó là bốn trường hợp khá

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên IX

dùng; đại tướng vốn có ân tín cho quan quân phục theo, đó là năm trường hợp khá dùng; tướng sĩ thích đánh, đó là sáu trường hợp khá dùng. Không dùng được có hai trường hợp: Quân lính nhớ nhà, đó là một trường hợp không thể dùng; tiến thì lợi lui thì hại, đó là hai trường hợp không thể dùng. Sự lợi hại của đất sinh và đất tử há không nên xét kỹ sao!

Tử địa: Dựa núi cách sông, đường nước đường lương đều dứt. Tử địa tuy nói là hại của nhà binh, nhưng có thể dùng để đánh được có bốn trường hợp: Ân uy của tướng rõ rệt, quan quân phục theo, đó là một trường hợp; quân ta cùng quân địch ngang nhau ta đánh thì lợi, để nó đánh thì hại, cần sai quan và quân tử chiến, đó là hai trường hợp; bị địch bức bách, lương cỏ đều hết, đó là ba trường hợp; quân trước đã bị phá, quân sau vẫn còn như cũ, đó là bốn trường hợp. Còn không thể dùng thì có ba trường hợp: Nó đông mà ta ít, đó là một; lợi hại chưa rõ mà ép quân cưỡng làm, đó là hai; dùng dằng chưa quyết, đó là ba.

Xem động tĩnh thì biết là dùng hay nhất:

Cát chân bước cao, mắt trông không liếc ngang, đó không phải là tướng trầm tĩnh. ở lúc kịch mà đơn giản, ở lúc nguy mà yên tĩnh. Xưa Tạ Huyền nhà Tấn, đương lúc quân Tấn áp cỡi, thế như núi Thái đê chống trướng, mà Huyền cứ đánh cờ như không. Khấu Chuẩn nhà Tống, đương khi quân Khiết Đan vào cướp, thư ngoài biên báo tin

gấp mà Chuẩn vẫn uống rượu và đánh bạc tự nhiên. Thế mới phải.

Thấy người ngồi như hổ, đi lại như chim cất bay; đem quân tới địch thì uy giận gấp bội lên; thấy thế lợi thì cứ tiến, không nhìn lại sau; người quân tử cầm quân thì tiến thoái quả quyết, xem người thì thênh thả vui tươi, chí thì ở trừ tàn bạo, đó là khí độ của người tướng quốc. Thấy ác không giận, thấy lành không mừng, nhan sắc không thay đổi, đó là lượng của người thiên tử.

Được sự thắng nhỏ, gặp sự thua nhỏ, mà mừng lo hình ra nét mặt, hễ thấy động thì động, thấy tĩnh thì tĩnh, nhát mà không tính toán gì, cất chân thì thần sắc không định, mà hay lấy lời nói để thắng người, đó là tướng ngu vầy.

Xem ngôn luận của người tướng mà biết được thua: xưa Hàn Tín nói với Cao Đế, Cảnh Cam nói với Quang Vũ, lời bàn trong lều cỏ của Gia Cát, bài sách Bình biên⁽¹⁾ của Vương Phác, đều là không phụ lời nói. Tướng Thục là Vương Chiêu Viên đem quân đánh nhà Tống, vung cánh tay nói: “Ta đi lần này lấy Trung nguyên như giở bàn tay: tự ví với Gia Cát Lượng, mà mới đánh một trận bị bắt ngay.

⁽¹⁾ Bình biên sách: Đời Thế tôn Bắc Chu, Vương Phác dâng kế sách dẹp yên biên cương, nói là đất Giang Hoài nên lấy trước, nghị luận rất hùng. Thế tôn rất tin dùng Phác

*

Địch có mưu thần, thì dùng gián điệp để phá; địch có chứa cất, thì sai người đốt đi; địch có trồng cấy, thì đánh lừa mà cắt đi; địch có nhân dân, thì cường bức mà bắt đi; ngầm đem của đút cho gián điệp của địch, khiến dâng gái đẹp để cho mê hoặc, biểu ngựa tốt để làm cho đãng lỏng; dùng mọi cách để lừa, cho đến khi ở ngoài thì bị khốn, ở trong thì mê hoặc, khiến việc nước hỏng bét, bấy giờ ta đem quân mà đánh thì có thể không mệt nhọc mà lập được công. Người giỏi dùng binh nên mưu làm khốn địch; địch khốn thì ta nhân; lấy nhân mà đánh khốn, không thua thì đợi gì?

*

Ta không dắc chí ở Hán Đông⁽¹⁾ thì ta bày ba quân của ta, bày giáp binh của ta, đem võ lực mà tới đó. Địch sợ phải tính mưu, nên khó dùng gián vậy. Các nước ở Hán Đông có Tuy là lớn hơn. Tuy tự kiêu, tất bỏ nước nhỏ. Nước nhỏ mà lìa thì lợi cho nước Sở⁽²⁾. Thiếu sư Tuấn xin làm ra vẻ yếu quân để khiến Tuy kiêu. Nước Giảo nhỏ⁽³⁾ mà khinh suất, khinh suất thì ít mưu, xin

⁽¹⁾ Hán Đông: Quận Hán Đông của nhà Hậu Ngụy, nhà Tùy bỏ, trị sở ở phía tây bắc huyện Chung Tường tỉnh Hồ Bắc ngày nay.

⁽²⁾ Đây là nước Sở thời Ngũ đại, đô ở Trường Sa tỉnh Hà Nam ngày nay

⁽³⁾ Giảo: Tên một nước thời Xuân Thu. Sở đánh Giảo, Mạc Ngao Khuất Hà nói: Giảo nhỏ mà khinh suất, khinh suất thì ít mưu, xin đừng ngăn trở người kiếm củi để nhử giặc.

dùng ngăn trở người kiếm củi để nhử họ.

Quân Sở nhẹ nhõm, dễ lay động. Nếu đánh nhiều trống thì quân Sở là quân đánh đêm ắt phải trốn. Thần nghe sách *Binh pháp* nói: “Đánh ở nơi không đủ mà giữ ở nơi có thừa”. Lại nói: “Người thiện chiến khiến người đến mà không bị người khiến đến”. Nay Đơn Khương muốn làm giặc, nên chỉnh sức binh ngựa, luyện tập quân sĩ, chờ cho nó đến, lấy nhàn đợi nhọc. Đó là đạo đánh thắng vậy.

Quân giặc nhiều quân ta ít, đi thong thả thì dễ bị theo kịp, đi nhanh thì nó không thể nào lường được. Giặc thấy số bếp của ta ngày thêm thì cho rằng có quân các quận đến đón. Quân ta nhiều mà đi nhanh, hẳn nó sợ đuổi ta. Tôn Tản thì tỏ ra càng ngày càng yếu⁽¹⁾ ta nay tỏ là mạnh, vì thế có chỗ không giống nhau.

Trung Quốc yên ổn, quên việc đánh trận đã lâu. Kỵ binh họp ở ngoài đồng, đánh giáo đánh cung, quyết thắng trong lúc bấy giờ, Nhung Dịch thì sở trường ở chỗ ấy mà Trung Quốc thì dở. Nỗ lực cuối trên thành, bền dinh cố giữ để đợi giặc suy, Trung Quốc thì sở

⁽¹⁾ Tôn Tản: Người nước Tề, thời Chiến Quốc, cháu ba đời của Tôn Vũ, làm quân sư cho Tề Uy vương, đánh bại Bàng Quyên, tướng nước Ngụy. Tôn Tản đem quân vào đất Ngụy, đặt 10 vạn bếp, đến ngày mai chỉ để 5 vạn bếp, lại ngày mai chỉ để 3 vạn. Bàng Quyên tưởng là quân Tề càng ngày càng suy, bỏ bộ binh mà đuổi, bị Tản đánh bại ở Mã Lăng.

trường ở chỗ ấy mà Nhung Dịch thì dỡ. Nên phải dùng trước cái sở trường mà xem sự biến; đặt mưu mở thưởng, mà bảo cho nó ăn năn; đừng tham công nhỏ mà loạn mưu lớn.

*

Trăm trận trăm thắng, không bằng không đánh mà khuất phục được quân người, đó là trước làm thế địch không thể thắng để chờ thế của địch mình có thể thắng⁽¹⁾ Trần Thương⁽²⁾ dù nhỏ, thành giữ chắc bền, chưa dễ hạ được, Vương quốc dù mạnh, đánh Trần Thương không võ, Quân Trần Thương hăn mệt, mệt mà đánh vào, đó là đạo toàn thắng.

Tào Tháo đã phá được Lưu Bị, thì đất Hứa Hạ không phải là bỏ không. Vả Tháo khéo dụng binh, quân dù ít, chưa thể khinh suất mà đánh vậy. Nay không bằng hãy đợi lâu, ngoài thì kết nạp với các anh hùng mà sửa sang nông chính, rồi sau kén những người tinh nhuệ, thừa lúc sơ hở mà lần lượt ra. Cứu phía hữu thì đánh phía tả, cứu phía tả thì đánh phía hữu, khiến ta chưa có thể bị làm nhọc mà địch đã khốn trước. Không tới ba năm, ta có thể ngồi mà thắng được. Quân Bắc dẫu nhiều, mà gan mạnh không bằng phương Nam. Quân Nam dù tinh, nhưng lương chứa không bằng phương Bắc. Phương Nam thì may ở sự đánh mau;

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên IV

⁽²⁾ Trần Thương: Thành Trần Thương nay ở Thiểm Tây. Thời Tam quốc, Hán vương ra đánh Trần Thương, đánh bại quân của tướng Ngụy Ung vương Chương Cam

phương Bắc thì lợi ở sự hoãn quân. Nên thông thả giữ lâu để chờ đợi ngày tháng.

*

Đạt⁽¹⁾ quân ít mà lương thực chỉ dùng được một năm; quân ta gấp bốn lần quân Đạt, mà lương ăn không đủ một tháng. Lấy một tháng mà chọi một năm, sao lại không nên đánh chóng? Lấy bốn kỳ mà đánh một chính, cho mất đi một nửa mà thắng cũng cứ làm. Thế là không kể tử thương và lương thực vậy. Nay giặc đông ta ít, giặc đói ta no, nhưng mưa nước như thế, công sự không làm được, dù có thúc giục cũng chẳng làm gì. Từ phát quân ở Kinh sư, không lo đánh giặc, chỉ sợ giặc chạy. Nay lương ăn của giặc đã gần hết mà vòng vây chưa khép. Cướp lấy trâu ngựa, thu lấy rơm củi, đó là cách đuổi cho nó chạy đi vậy. Phàm việc binh là lừa dối, khéo nhân sự biến. Giặc nhờ có nhiều quân và cày trời mưa, cho nên dù khốn đói cũng chưa chịu bó tay. Nên bảo cho nó là không thể làm gì để cho nó ngồi yên, lấy lợi nhỏ để làm cho nó sợ.

*

Mậu⁽²⁾ là con rể của chúa, nhút nhát không có mưu chước, nay cho Diên⁽³⁾ 5000 tinh binh thẳng từ Bao

⁽¹⁾ Đạt: Tức là Mạnh Đạt, vốn là tướng của Lưu Chương ở Ích Châu (Thục), khi Lưu Bị vào đất Thục thì Đạt hàng, được làm thái thú Tân Thành. Sau lại hàng Ngụy. Đến khi muốn trở về Thục thì bị giết.

⁽²⁾ Hạ Hầu Mậu là rể Tào Tháo.

⁽³⁾ Tức là Ngụy Diên, đây là lời Ngụy Diên nói với Khổng Minh (Xem **Tam quốc chí**)

Trung đi quanh núi Tấn Lĩnh mà sang phương Đông, qua đường tí ngọ mà lên Bắc, không quá mười ngày có thể đến Trường An. Mậu nghe Diên ập đến thì hẩn bỏ thành chạy, thóc của đế quốc và của tán dân⁽¹⁾ cũng có thể đủ ăn. Phương Bắc và phương Đông tụ họp với nhau phải hơn hai mươi ngày, mà ông do Tà Cốc lại cũng đủ để đến. Như thế thì một lần cất quân mà từ Hàm Dương trở về Tây có thể yên định được.

Người xưa tính toán rồi sau mới đánh. Quân Ngụy⁽²⁾ không thể đánh có bốn điều: Dem quân vào đất khách, lợi ở đánh ngoài đồng, đó là một điều; vào sâu gần kinh kỳ, đóng quân ở đất chết, đó là hai điều; quân trước của ta đã thua, trận sau mới vững, đó là ba điều; quân họ nhiều, quân ta ít, không thể địch lại, đó là bốn điều. Quân ta tự đánh trên đất mình, đông mà không thắng thì lòng quân khó bền; thành lũy chưa sửa, địch đến mà không phòng bị, chẳng bằng đắp lũy vững, giữ bền quân để cho giặc già (mệt mỏi chán nản) đi.

*

Đại nghiệp của ta mới dựng. Diêu Hưng⁽³⁾ cũng là người giỏi trong một thời, chưa có thể mưu được. Nay chuyên giữ vững một thành, nó hẩn gồm sức để đánh ta, sự mất có thể đứng mà đợi được. Chỉ bằng ta đem

⁽¹⁾ Đế quốc là nước phong của vương hầu. Thóc của tán dân là thóc của dân rải rác các nơi.

⁽²⁾ Tức là Tào

⁽³⁾ Diêu Hưng: Tức là Hậu Tần vương, một trong 16 nước ở đời Tần, về chủng tộc Khương.

quân kiêu kỳ rong ruổi, xuất kỳ bất ý mà đánh, nó cứu ở trước thì ta đánh ở sau, cứu ở sau thì ta đánh ở trước, khiến nó chạy vạy mà mỏi mệt. Ta thì ăn chơi tự nhiên. Không đến mười năm, đất Hà Đông sẽ về ta hết, đợi khi Hưng đã chết, con nối ngôi nhỏ yếu, sẽ dần dần lấy Trường An, cái đó là trong kế hoạch của ta vậy.

*

Người Ngô sắc sảo, thì thuyên ghe là lối đánh liêu chết của họ, thế khó tranh chọi được. Nay nên nghiêm quân để chờ, đừng nên giao chiến. Xin mượn kỳ binh và nghìn người, ngầm sang sông đánh úp vào lũy họ, khiến họ lui thì không biết lui đâu, đuổi thì không đánh ai được. Đó là chức phá Triệu của Hàn Tín vậy. Việc binh quý ở nhanh chóng. Ta nhờ cái uy thắng trận luôn, vỗ về những quân mới quy phụ, khua trống mà kéo về Tây, thì người ở Trường An trông bóng mà sợ hãi. Trí không bằng mưu, sức mạnh không bằng quyết đoán, lấy Trường An dễ như rung lá khô thôi. Nếu ta êm đềm tự chết ở dưới thành bền, nó có mưu sẵn, sửa sang dự bị để chờ ta, ta ngồi phí cả ngày tháng, quân ngày lia bỏ, việc lớn hỏng mất.

*

Thế Sung⁽¹⁾ kho tàng đầy rẫy, các tướng đều là

⁽¹⁾ Kiến Đức, Thế Sung: Thời Thùỵ sắp mất, Đậu Kiến Đức chiếm giữ Hà Bắc xưng là Trường Lạc vương lại xưng là Hạ vương, sau hợp với Vương Thế Sung. Tần vương Thế dân đánh Sung, Kiến Đức đem quân đến cứu, Thế Dân bắt được chém ở Trường An.

người tinh nhuệ ở Hoài Tây cả, nhưng thiếu lương ăn là bởi bị ta cầm giữ, Kiến Đức là tướng tự phương xa đến, cũng nên bẻ gãy khí sắc bèn đi, chứ nếu thả cho hắn đến đây thì hai giặc hợp nhau, chuyển thóc ở Hà Bắc để biểu Lạc Dương, chiến tranh bắt đầu, thì thống nhất biết đến bao giờ được. Nay nên chia quân để giữ Lạc Dương, hào sâu lũy cao, đừng nên giao chiến. Đại vương thân đem quân kiên nhuệ, trước giữ chỗ cao trong thành, lấy quân nghỉ ngơi đợi quân mệt nhọc, quyết có thể được. Kiến Đức đã phá rồi, Thế Sung ắt phải thua. Không đầy hai tuần, hai chúa ấy đều sẽ bị bắt cả.

Giặc bày sức không đương nổi, thì dễ dùng kế để khuất, khó dùng lực để tranh. Nay chúng có hào sâu lũy cao để bẻ gãy mũi nhọn của ta, nhưng đám quân ô hợp không giữ lâu được, lương thực cạn hết, tự phải lìa tan, không cần đánh mà bắt được.

Quân cứu bại của nó, chắc không phải lập sẵn, thế không thể giữ lâu; chi bằng ta hãy đậu ở bờ phía Nam, hoãn lại một ngày, nó hẳn phải chia quân về giữ, quân chia thì thế yếu, nhân lúc trễ nải mà đánh thì nhất định thắng. Nếu gấp đánh ngay thì nó gồm sức đánh liều, quân Sở mạnh sắc, mình chưa dễ đương nổi.

Đất của Tiêu Tiển⁽¹⁾, phía Nam ra ngoài Lĩnh Biểu, phía Đông đến hồ Động Đình, ta đem quân vào

⁽¹⁾ Tiêu Tiển: Cháu bốn đời của Lương Tuyên đế. Tùy Dạng đế cho làm chức lệnh ở La Xuyên. Khi hiệu úy Nhạc Châu là Đồng Cảnh Trân làm phản, Tiển mộ binh vài nghìn người để

sâu, nếu đánh thành chưa vỡ được mà quân viện bốn mặt hợp lại, ta trong ngoài bị địch, tiến thoái không được, dầu có thuyền ghe cũng chẳng dùng được. Nay bỏ thuyền ghe để cho trôi xuống chạt sông, quân viện trông thấy, hẳn bảo là đất Giang-lăng đã vỡ, chưa dám khinh tiến, đi lại nhòm ngó, chậm lại hàng tuần, ta lấy là phải được.

Vua Tần ở trong thì chia cắt quân hùng, ở ngoài thì uy phục Nhung Dịch, độc lập làm đế, đó là cái tài sai khiến được đời. Nay đem hết quân mà đến cũng không địch nổi. Mưu chước của ta không gì bằng đóng quân không đánh, trái ngày giữ lâu, chia sai kỳ binh, cắt đường vận tải, lương thực đã hết, cầu đánh không được, muốn về không có đường, thế là có thể thắng được.

Tướng mạnh của địch bất quá là bọn Sử Tư Minh⁽¹⁾, An Thủ Trung, Điền Càn Chân, Trương Trung Chí, A Sử Na, mấy người mà thôi. Nay nếu sai Lý Quang Bật từ Thái Nguyên đến Tĩnh Kinh, Quách Tử Nghi từ Mã Dục đến Hà Đông, thì Tư Minh, Trung Chí không dám lìa Phạm Dương Thường Sơn; Thủ Trung, Càn Chân không dám lìa Trường An, thế là dùng hai quân mà trói buộc tướng. Theo Lộc Sơn chỉ còn Thừa Khánh thôi. Xin Quách Tử Nghi đừng lấy Bút Dương.

đánh. Sau tiếm xưng hoàng đế, dời đô đến Giang Lăng. Đường Lý Tĩnh đánh bắt được.

⁽¹⁾ Sử Tư Minh: Thời Đường Khai Nguyên, theo An Lộc Sơn làm loạn. Sau xưng là Yên đế, bị con giết chết

khiến cho các đạo quân ở hai kinh phải lùi. Quân Bệ hạ ở Phù Phong, cùng với Tử Nghi và Quang Bật mà đánh, nó cứu ở đầu thì đánh ở đuôi, cứu ở đuôi thì đánh ở đầu, khiến giặc đi lại mấy nghìn dặm, chạy vạy mỗi mệt. Ta thì thường lấy thế nhàn mà đợi thế nhọc. Giặc đến thì tránh mũi nhọn, giặc đi thì nhân nó mệt, không đánh thành, không chặn đường, sang xuân lại sai Kiến Ninh làm tiết độ đại sứ Phạm Dương, cùng là lấp đường ra phương Bắc, cùng với Quang Bật nam bắc tựu nhau để giữ Phạm Dương, lật đổ sào huyệt của giặc, giặc thua thì không có lối về, ở lại thì không được yên; rồi sau đại quân họp lại mà đánh thì hẳn bắt được.

Hai quân đánh nhau, quý tiến mà kiêu lui. Nay vô cớ bỏ 500 dặm đất thì thế giặc càng thêm mạnh. Chi bằng dời quân đến Hà Dương, bắc liên với Trạch Lộ, lợi thì tiến lấy, không lợi thì lui giữ, trong ngoài ứng nhau, khiến giặc không dám lấn sang miền Tây. Đó là thế tay vượn vạy.

Quân của Nho quét đất mà lại, lợi ở sự đánh chóng. Nên giữ đồn hiểm yếu, đắp bền hào lũy, dẹp không đồng nội, để cho già quân nó đi. Bấy giờ cho quân khinh kỵ ra cướp lấy lương thực, đoạt lấy những vật nó cướp được, khiến nó tiến thì không được đánh, lui thì không có lương. Có thể bắt sống được.

*

Cơ. Thế liên hệ là cơ; việc chuyển biến là cơ; vật yếu hại là cơ. Có khi ngay trước mắt là cơ, nháy mắt một cái không phải cơ nữa. Có khi nhận được là cơ, bỏ

mất tức không có cơ nữa. Mưu thì nên sâu, giấu thì nên kín; định là do sự biết, lợi là do sự quyết. Phàm đầy quân, phải chia trước sau của thế lớn, hoãn cấp để định việc, so sánh tình hình lợi hại của mình và của người để dùng phép mà giữ mình và chế người. Hoặc nghiêm ngoài để giữ trong; hoặc bền gốc để rộng nền; hoặc cắt cánh để cô thế; hoặc bắt chủ để tan quân; hoặc đánh mạnh cho yếu sợ; hoặc chống hoặc đánh; hoặc dẹp hoặc vỗ; hoặc vây hoặc giữ; hoặc xa hoặc gần; hoặc kiềm làm cả hai cánh; hoặc chuyên lực vào một phép; xem xét, tham chúc, quyết định; vả lại mềm mỏng mà làm, nhón như chờ biến; rồi chuyển sang đánh mà tiến, có thể đại thắng được.

Thực hư. Phàm giặc kết trại lâu ngày, chợt thấy một hôm bếp lửa bội thêm, đó hẳn là kế bỏ trại mà lui, cho nên trước làm ra kế ấy để khiến ta bên lòng. Ta kíp sai du binh mai phục trước ở đường trọng yếu, chờ nó đi qua mà đánh, chắc chắn là toàn thắng. Đó là yếu lược lấy thực làm hư vậy.

Kẻ sai khiến anh hùng. Kẻ sang thì lấy kiêu ngạo mà khích; kẻ giàu thì lấy xa xỉ mà khích; kẻ nghèo thì lấy giàu mà khích; kẻ bạo thì lấy giận mà khích; kẻ dũng thì lấy mạnh mà khích; kẻ trí thì lấy cơ mà khích; kẻ nhân thì lấy yêu mà khích; kẻ nghĩa thì lấy thẳng mà khích; kẻ lễ thì lấy nhũn mà khích; kẻ tín thì lấy hẹn mà khích; xa thì lấy gần, thân thì lấy sơ, tôn thì lấy ti, nhỏ thì lấy lớn, ít thì lấy đông, khoẻ thì lấy yếu, lợi thì lấy hại, thành thì lấy bại, tối thì lấy sáng, hư thì lấy thực, nhân thì lấy

nhọc, ưa thì lấy ghét. Đến như công tư, tà chính, phải trái, mừng giận, thăm vui, đi lại, theo chống, liêm tham, siêng lười, rộng ngặt, lành dữ, khéo vụng, thuận nghịch, đều thế cả. Cùng là thân yêu thù oán, trung quốc ngoại di⁽¹⁾, dưng mãnh mưu kế, quật cường lễ nghĩa, hà khắc khoan hồng, ngược ngạo nhún nhường cũng thế. Nhưng có kẻ tiến thì lấy lui mà khích; đánh thì lấy giữ mà khích; lâu thì lấy chống mà khích; đói thì lấy no mà khích; gặp chước dùng chước, rộng tung khóa sắt lên không; lấy mưu đánh mưu, phượng bẻ lỏng vàng bay bổng. Cá về biển lớn, phải đâu là cá cắn câu; chim liệng trời cao, há phải là chim bị nhốt. Cao thấp mặc họ cao thấp, đều vào rơi vọt tay ta; dọc ngang mặc họ dọc ngang, đều bị tay ta giá ngự. Đó là kế sai khiến anh hùng, đâu đâu cũng có công hiệu ra quỷ vào thần.

Kế lâm cơ ứng biến. Mây mưa rợp trời, mưa tuyết đầy đường, cuốn giáp ngâm tẩm, rào chạy đến bờ dốc, rừng rậm, hang sâu, chôn giáo đặt phục để đánh úp; khi chính chính đường đường thì hào sâu lũy cao; khi nhanh nhanh chóng chóng thì chặn gươm bẻ giáo; ly gián để nhân chỗ sơ hở; kiêu lười thì nhân chỗ trễ tràng; kẻ nhọc mệt thì nhân họ mỗi mệt; kẻ om sòm thì nhân họ rối ren; quân ngang dọc thì nhân họ không chỉnh đốn; quân sơ suất thì nhân họ không đề phòng. Cho nên dùng binh ví như dùng thuốc, tùy bệnh mà chữa. Sự thực chưa rõ mà đã thấy trước, ta phòng bị

⁽¹⁾ Chữ Trung Quốc, ngoại di ở đây có nghĩa là nếu là người Trung Quốc thì lấy người ngoại di mà khích

càng nghiêm; sự việc chưa động mà đã nghe trước, ta chuẩn bị càng khéo. Đó là lâm cơ ứng biến, há chẳng phải là ra quỷ vào thần sao!

*

Sách Võ bị chế thắng chí:

Ta đến trước chiến địa, bày trận ở nơi cao; quân sĩ đã ở trận, quân địch đến sau, không được địa lợi, người ngựa qua lại, ngỡ sợ không nhất định, trên dưới kêu gọi, có thể đánh gấp, không còn phải ngờ nữa.

Quân địch đặt dinh lâu ngày, nhiều lần đến đánh ta, thấy không có lợi, tướng sĩ chán lười, có thể ngầm đánh úp được. Nếu quân ta đóng dinh lâu, có sự cố riêng, hoặc thiên thời chưa định, hoặc còn chờ quân cứu đến, cũng nên nghiêm hàng ngũ, rõ hiệu lệnh, ngày đêm thường tỏ ý chống giặc, không nên để quân lười biếng, sợ bị đánh bất ngờ.

Nếu thấy dinh địch người ngựa bởi bởi rối loạn, ngang dọc ra vào không thứ tự, chum năm chum ba, ngồi đứng không nhất định, đó là tướng không nghiêm; hoặc là tướng lại thay đổi, lòng người không yên, quân lệnh chưa nghiêm, có thể là quân địch sẽ kéo lại đánh ta, ta nên chuẩn bị để chống.

Quân địch lập dinh đã lâu, thành lĩnh rộng đặt khói lửa, cần sinh cơ biến, đó là muốn bỏ dinh không mà đi đánh nơi khác, cho nên bày gian làm dối; hoặc ý muốn rút quân, sợ ta đuổi theo, cho nên hư trương để đánh lừa. Như thế thì nên gấp sai những kẻ nghĩa hiệp sắc sảo nấp ở chốn yếu hại để đón đánh.

Nếu địch ít quân mà đặt dinh lũy rộng rãi, hư trương quân thế, nhử người ngựa của ta, ta giả đến chống cự, thì nó hẳn chia người ngựa đến con đường khác, đánh vào chỗ không ngờ của ta. Ngày xưa rợ Tây Nhung xâm phạm bờ cõi, đặt hư dinh ở Phu Diên⁽¹⁾, rồi đem đại quân đến Kinh Nguyên, đánh vỡ quân ta.

Đại quân của địch bỗng đến, mà quân ta có ít khó bề đối phó, thì không nên đương đầu đón cản, quân ít không địch nổi. Nên đến nơi yếu hại, đợi nó qua nửa chừng, khi đại binh đã đi rồi, đón ở giữa đường, hoặc triệt lương cỏ, giặc muốn họp vây thì quân ta chống lui chiếm lấy nơi cao, thuận thế đi lại, đánh thì hẳn được.

Địch nếu rộng bày cờ xí ở núi cao lưng rộng, giương quân mà đi, thì hẳn có quân tinh kỵ phục ở đường tắt, ngầm tiến đánh dinh trại ta ở nơi chẳng ngờ. Ta nên đặt cao vọng lâu để nhòm, hoặc có nơi bụi bay chim liệng, thì kén ngay tinh binh hoặc kỵ binh đi trước thám xét, quả có quân giặc thì chia quân ra nơi yếu hại mà đón⁽²⁾.

Phạm đội ngũ bị quân địch bức đánh đông quá không chống được, thì các đội ngũ lân cận đều phải cùng ra sức cứu viện.

Phàm mười người địch một thì vây; năm người địch ba thì đánh; hai người địch một thì chia quân kỳ phục⁽³⁾.

⁽¹⁾ Thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc

⁽²⁾ Xem **Võ bị chế thắng chí**, quyển 5, chương "Liệu địch"

⁽³⁾ So với Tôn Tử ở thiên "Liệu địch".

Phạm bình đương đánh nhau, các đội khiêu dăng⁽¹⁾, kỳ binh, thì quân và ngựa nên lường mà rút người các đội để bỏ vào, tức tùy các đội mà rút bắt người ngựa⁽²⁾

Sách *Binh lược*:

Dem quân vào sâu trọng địa, phải có kế khéo để về. Dem quân vào sâu trọng địa, ở đời gần đây có ba cuộc là: Quân năm Giáp Ngọ⁽³⁾ (của họ Trịnh), quân năm Bính Ngọ⁽⁴⁾ (của Tây Sơn), quân năm Kỷ Dậu⁽⁵⁾ (của Bắc triều) mà có cách không về khác nhau. Vì quân năm Giáp Ngọ là quân tham, hành động không chính đáng, đã không phải là quân mưa phải thời, hướng lại để binh ở lâu đến chín năm. Giặc mạnh Tây Sơn⁽⁶⁾ thì để đẩy mà không hồi, tự lấy làm yên, đến nỗi quân chiếm đóng đều bị úp đổ. Đó là vì có không khéo về vậy. Quân năm Bính Ngọ cũng là quân xâm lược mà thôi nhưng khi mới vào thì ba quân của họ Trịnh tan nát chưa có thể họp được ngay, khoảng đó dù có trung

⁽¹⁾ Quân khiêu dăng là quân cưỡi ngựa để đi thám dò ở trước, cũng gọi là thám kỵ

⁽²⁾ Xem **Võ bị chế thắng chí**, quyển 5, chương “Ứng chiến”

⁽³⁾ Binh Giáp ngọ: Tức là quân của Hoàng Ngạc Phúc, do Trịnh Sâm phái vào đánh Thuận Hoá

⁽⁴⁾ Binh Bính ngọ: Tức là quân của Nguyễn Huệ ra đánh Thăng Long, Trịnh Khải thua chạy.

⁽⁵⁾ Binh Kỷ dậu: Tức là quân của Tôn Sĩ Nghị nhà Thanh xâm lược nước ta, bị Nguyễn Huệ đánh đuổi tan tành

⁽⁶⁾ Tác giả là tôi nhà Nguyễn nên xem Tây Sơn là cừu thù.

thần nghĩ sĩ mà trí không kịp mưu, dũng không kịp quyết, liệu thế về hãn không ngại, thì về chông là kế rất hay. Đến như năm Kỷ Dậu, quân Bắc sang Nam, tự cho là thành Lê đã khôi phục rồi thì việc cứu nhà cháy thương lán giềng, nghĩa không còn nữa, mà một cõi Ái Châu để cho giặc mạnh nuôi uy, cho nên quân địch áp vào cõi, thì quân muôn dặm⁽¹⁾ treo vào không có chỗ nào mà về nữa. Tuy thế quân tự đất Bắc lại đây không rõ thế địch, nên vụng ở chỗ liệu người, ở yên cầu thả, nhưng vua Lê phải chịu trách nhiệm vậy.

Đồng Quan⁽²⁾ là nơi hiểm yếu, lấy chắc bền mà chống giữ, chẳng bằng phía Bắc giữ lấy Bồ Bản, sang sông mà tiến vào phương Tây, tới nơi lòng ruột, đặt quân ở nơi tử địa, thì vòng vây ở Hoa Châu⁽³⁾ không đánh tự tan. Đồng Quan đã tan, thì địch trông vào trong mà chạy. Các chi tiết đã tan rồi, đất Trường An có thể ngồi mà lấy được.

Địch kia sợ gì thì dùng cái sợ đó mà đánh, không khi nào là không thắng. Ví như địch sợ cung tên thì ta lấy cung tên mà đánh, khiến mất tinh thần. Gần đây như Tây Sơn thấy quân Bắc sợ voi, thì dùng voi để đánh, đó là được ý ấy vậy. Cái gì địch xem khinh thì dễ để chống địch; cái gì làm địch sợ hãi thì khó mà liệu địch.

⁽¹⁾ Chỉ quân Tôn Sĩ Nghị

⁽²⁾ Cửa quan ở huyện Đồng Quan, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc

⁽³⁾ Hoa Châu, đất tỉnh Thiểm Tây ngày nay

Quân địch sắc lắm, hẳn là tính kế vạn toàn. Nếu có vấp ngã thì khi họ hăng lên mà việc ta hỏng vậy. Chi bằng ta đóng đại quân ở núi Phúc Chu để chống, nó đi không hàng 200 dặm mà chẳng được gì, khí sắc đã nhụt, chợt thấy đại quân hẳn là sợ hãi, ta tiếp quân giữ bên trận mà không giao chiến, nó muốn đánh mà không được đánh, tự nhiên tan chạy. Đó là thượng sách vậy.

Quân Ngô nhẹ mà ít, lợi ở sự đánh liên. Nên giữ Đại Nghiễn⁽¹⁾, khiến nó không vào được, kéo dài ngày giờ, để tan nhuệ khí, rồi sau dần dà kén quân tinh kỵ, vận lương, sắc cho Đoàn Huy đem dân Duyện Châu⁽²⁾ do phía đông mà xuống đánh cả bụng lưng. Đó là thượng sách.

*

Một là luận về miếu thắng⁽³⁾

Hai là luận về chịu mệnh⁽⁴⁾

Ba là luận về vượt cõi⁽⁵⁾

Bốn là luận về lũy cao hào sâu.

Năm là luận về đánh trận gia hình⁽⁶⁾

Năm điều ấy, trước phải liệu địch mà sau mới hành động, thế là khua trống mà cướp không vậy. Người

⁽¹⁾ Đại Nghiễn: ở phía nam tỉnh Sơn Đông, là nơi địa thế hiểm trở

⁽²⁾ Duyện Châu là miền đông nam tỉnh Hà Bắc và miền đông bắc tỉnh Sơn Đông.

⁽³⁾ Miếu thắng. Mưu kế để chiến thắng của Triều đình.

⁽⁴⁾ Tức là đại tướng chịu mệnh của vua.

⁽⁵⁾ Vượt cõi là vượt bờ cõi nước mình mà sang đánh nước khác

⁽⁶⁾ Đánh trận gia hình là đánh trận mà trừng trị kẻ có tội.

khéo dùng binh có thể cướp người bằng cách không cướp, cho người mà là cướp vậy. Ấy là tâm cơ vậy.

*

Phép đánh đêm, lợi ở bí mật hoặc lừa quân ngấm tằm, xuất kỳ bất ý; hoặc dùng nhiều lửa và trống, làm cho rối cả tai mắt, ruổi nhanh mà đánh thì hẳn thắng.

*

Thái công nói: Như trong đồn sở của ta, chợt có người đến báo có giặc ở chỗ nọ chỗ kia, tức phải đem quân đi ứng phó, đi thì do đường quanh, rất không nên đi đường thẳng, vì giặc tất sai người phục trước rồi, sợ là giặc cho đó là đường trọng yếu mà đánh úp ta vậy.

*

Phòng địch thì trước phao tiếng mà sau làm thực, đó là yếu sách của nhà binh. Tất phải biết người biết mình, xét kỹ hư thực. Ví như địch chợt phạm cõi biên để cho biên thần cáo cấp rồi lại giải tán. Ta cho biên thần báo báo, nghe ngoa truyền ngoài đường, hoang mang thất thố. Muôn một nó lấy tiếng hư làm cho ta sợ để ta chạy vậy mỗi một, lâu rồi trở nải, chợt nó kéo đến, đó là nó phao tiếng trước mà làm thực sau, nhiều phương lừa ta làm cho ta phạm cái lỗi không biết người biết mình, trăm trận trăm thua. Tướng ngoài biên lầm lỗi phần nhiều là do đó. Cho nên đừng lấy địch không đến làm mừng, mà nên lấy biên thần không biết địch tình làm lo hơn.

Hai quân một quân ngoài một quân trong thì thuật là thế nào? Trung Quốc cùng với Man Di, địa thế và kỹ thuật khác nhau. Sở trường của Trung Quốc thì ở quân xe,

quân ngựa, nỏ cứng giáo dài, tay giáo móc tay nỏ tên, võ biên rong ruổi, chọi gươm chọi kích ở đất bằng. Sở trường của Man Di là ở núi đèo khe suối, cúi nghiêng ruổi bắn, chịu đựng gió mưa đói khát. Lấy người Trung Quốc đánh người Man Di, sao bằng lấy người Man Di đánh người Man Di là kế hay hơn. Lại cho họ áo giáp bên, gươm giáo sắc, thêm có quân kỵ tốt của biên quận. Đến như đất bằng đường phẳng, thì lấy xe nhẹ cho võ biên chế ngự. Đại để gặp địa hình Man Di thì dùng kỹ thuật giỏi của Man Di mà chống, gặp địa hình Trung Quốc thì dùng kỹ thuật giỏi của Trung Quốc mà chống, đó là thuật vạn toàn vậy.

*

Đánh kẻ lớn của họ mà lòng họ tự phục. Bọn đầu sỏ làm loạn nghịch, bọn tiểu loại phản bội phụ theo, đem quân mà phá không bằng dùng kế mà phá. Khi đi thì sẵn sàng chiến đấu, khi dừng thì đóng vững dinh trại. Khao quân lính, đặt xích hậu ra xa, không cùng địch đánh nhau mà chỉ vụ dùng uy tín để chiêu hàng những bọn nhỏ. Bọn lớn đã tan, tất bọn nhỏ cũng không phải phiền đến binh mà hạ được. Đó là kế của Triệu Sung Quốc đánh Tiên Linh vậy.

Vào sâu lũy địch mà đánh thắng thì có thể rút lui để tránh mũi nhọn. Ta đem cô quân tiến sâu vào, trước sau đều là lũy địch, quân lính biết chắc là chết, không ai muốn trong sự chết ấy cầu lấy sống, cho nên đều hết sức để đánh lấy thắng. Nhưng quân địch gặp ta mười lần, nay đánh một trận mà lui được thì thế nào nó cũng quay trở lại, ban đêm đánh úp thì ta nguy. Nên chiêu

hôm dời dinh đi. Quả đêm địch lại, chỉ thấy dinh không thì cả sợ. Ta nhân lúc bất ý, đánh thì thắng ngay.

Phàm động binh phải do dần có lợi cho nhà nước, giúp đỡ được nhân dân, thêm trọng được uy danh thế lực. Nếu được không bù mất thì không phải là lợi tốt. Đi xa có chắc khỏi lo không? Ra chỗ hiểm có chắc khỏi hại không? Xông trận có chắc khỏi thua không? Đánh thắng có chắc khỏi tổn không? Lui mà không mất đất thì lui: lánh mà giữ được toàn thì lánh. Chạy mà có chỗ dụ địch, hàng mà có chỗ đặt mưu, bỏ mà có chỗ giữ, mất mà có chỗ thu, thế thì sự chạy, sự hàng, sự bỏ, sự mất, người hành binh phải dùng trí để xem cho có lợi.

Dại phàm dùng kế, không phải chỉ một kế mà làm riêng được mà phải có mấy kế để giúp đỡ nhau. Lấy mấy kế giúp một kế, do trăm nghìn kế kén lấy vài kế. Cho nên người khéo dùng binh định làm kế gì, cốt phải thực hành. Vận dụng khéo tất phòng tổn thất; lập mưu phải lo s, thay đổi; sai tướng phải ngừa sự trái lệnh; chước này bị ngăn trở thì chước kia nảy ra; một mối đến mà mấy mối nổi lên; trước chưa làm mà sau lại đủ. Trăm kế lần lượt nảy ra, không sót chước nào. Tuy tướng trí giặc mạnh cũng có thể chế được ngay.

*

Sách Tôn tử:

Phàm giữ chiến địa trước để đợi địch thì nhàn; đến chiến địa sau mà mưu thắng thì nhọc. Cho nên người giỏi đánh khiến người đến mà không bị người khiến đến. Khiến được người tự đến là lấy lợi mà nhử.

Khiến người không được đến là lấy hại mà dọa. Cho nên địch nhân thì có thể làm cho nhọc; địch no thì có thể làm cho đói; địch yên thì có thể làm cho động. Ra cái chỗ họ không tới; tới cái chỗ họ không ngờ. Đi nghìn dặm mà không nhọc, ấy là đi trong chỗ không người. Đánh mà muốn giữ được, phải đánh chỗ họ không giữ. Giữ mà muốn vững được, phải giữ chỗ họ không đánh. Cho nên người giỏi đánh thì địch không biết lối nào mà giữ; người giỏi giữ thì địch không biết lối nào mà đánh. Nhỏ nhất thay nhỏ nhất! đến không có hình. Thần tình thay thần tình! đến không có tiếng. Cho nên nắm giữ được tính mệnh của địch... Ta không muốn đánh thì vạch đất mà giữ. Địch không đánh được với ta, là vì ta làm ngang trái sự đi của nó. Cho nên ở người thì có hình mà ở ta thì không hình. Ta thì chụm mà địch thì chia; ta chụm làm một mà địch thì chia làm mười, thế là lấy mười mà đánh một, thế thì quân ta nhiều mà quân địch ít. Có thể lấy nhiều mà đánh ít, thì ta đánh với nó ít thôi vậy. Cái chỗ ta sẽ đánh với nó thì không biết được; không thể biết được thì nó phải phòng bị nhiều nơi; nó phải phòng bị nhiều nơi thì ta đánh với nó ít thôi⁽¹⁾

*

Bốn điều khó:

Chệt quân địch đã hàng chiến thắng mà cướp chỗ đất tất phải tranh thì khó tiến; ở chỗ thành cô nguy mà

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên VI.

làm chước đóng giữ lâu dài thì khó giữ; quân ngựa không đủ, trưng điệu⁽¹⁾ không đáp ứng thì khó đánh; tiền lương thiếu thốn, chuyên chở chậm chạp thì khó thắng. Binh mã lương tiền không tiếp đến thì đừng đem ba quân mà thử chơi. Triều đình phải chịu trách nhiệm. Biết được sự khó thì thành dễ vậy.

*

Trong thế dùng binh, có khi nên hoãn, có khi nên cấp; nếu thế của ta và của địch ngang nhau, mà ở ngoài địch có viện mạnh, sợ có sự lo ở chỗ lòng bụng, thì nên đánh. Nếu địch mạch ta yếu mà không có viện ở ngoài, thì nên ràng buộc giữ lại để chờ nó chết. Binh có khi có tiếng trước mà sau có thực; có khi có tiếng trước mà sau không có thực, đó là chỗ thần diệu của binh. Tiếng là tiếng sắp đánh, khiến cho địch sợ hấn khích⁽²⁾. Đã cướp được tinh thần rồi, mà sau mới làm cái thực của binh⁽³⁾.

*

Võ hậu hỏi: Ta muốn xem bề ngoài của địch để biết được bề trong; xét sự tiến để biết sự dừng lại mà địch sự được thua, có thể nói cho nghe không? Khởi thưa: Quân địch đi đến, nhớn nhon không lo, cờ xí rối loạn, người ngựa ngơ ngác, thì một người có thể đánh được mười người, hấn khiến họ không thể kịp trở tay. Các nước chư hầu chưa họp, vua tôi không hòa, hào luy

(1) Trưng điệu: Tức là lấy lương và lấy binh ở dân.

(2) Hấn khích; tình hình chống chọi đánh nhau.

(3) Tức là mới đánh thực

chưa sửa, lệnh cấm chưa ra, ba quân xông vào, muốn tiến không tiến được, muốn đi lại không dám, lấy một nửa mà đánh gấp đôi, trăm trận cũng không nguy⁽¹⁾

*

Phàm dịch tất có nhằm chỗ cạy mà hành động. Trước hết ta phải xem nó nhằm vào đâu mà cướp mất chỗ cạy ấy đi. Dịch cạy có mưu sĩ thì ta phải khử đi; dịch cạy ở tướng giỏi thì ta phải triệt đi; cạy ở người thân tín thì ta phải làm cho xa đi; cạy ở danh nghĩa thì ta phải phá đi; hoặc làm ngờ mà lay cội gốc; hoặc nhằm trúng vào chỗ yếu hại; hoặc làm hỏng mưu bí mật; hoặc làm lìa bỏ thân tín; hoặc phá mất chỗ nương tựa; hoặc phá cả chỗ lợi quen. Người có nhân (chỗ cạy) thì sáng, chơi cò có nhân (mắt) thì nhanh, dứt mất cái nhanh, diệt mất cái sáng (tức chỗ cạy), há không phải lấy điều cốt yếu để chống dịch sao?

II - QUYẾT CHIẾN

Ban ngày lên thang mây để trông xa, đặt cờ ngũ sắc để làm hiệu: ban đêm đặt muôn ngọn đuốc hiệu, đánh trống lớn, giục trống trận, thổi kèn loa.

Sách *Võ kinh*⁽²⁾

Võ vương hỏi: Nửa đêm giặc đến đánh ta ở trước sau thì làm thế nào? - Thái công thưa: Như thế gọi là chấn khẩu⁽³⁾, lợi ở ra đánh, không nên bền giữ. Kén

⁽¹⁾ Ngô tử, thiên II

⁽²⁾ Phần Lục thao.

⁽³⁾ Giặc sét

quân giỏi của ta, chia làm tả hữu, đánh mau ở trước, đánh gấp ở sau, quân nó phải loạn, tướng nó phải sợ. - Võ vương hỏi: Ban đêm ta đương đi, địch ngăn đón trước sau, quân ta không thể tiếp nhau được thì làm thế nào? - Thái công thưa: Phải xét rõ hiệu lệnh của ta, cho quân nhuệ sĩ ra, mọi người cầm đuốc lửa, hai người cũng đánh trống, tất biết quân địch ở đâu, hoặc đánh ở trong ở ngoài, mà khiến nó cùng biết. Khiến tất lửa và im trống, trong ngoài đều ứng, hẹn nhau đều đúng, ba quân đánh mau, quân địch ắt thua. Thế nên bảo rằng đánh ban đêm phải có nhiều trống và đuốc vậy. - Võ vương hỏi: Quân địch nhiều quân ta ít, thế không tương đương thì làm thế nào? - Thái công thưa: Kén quân giỏi của ta, phục ở tả hữu, bày vững trận mà khiến quân địch qua đó, quân phục giương nỏ bắn ở hai bên, hoặc trước hoặc sau, quân địch hẳn phải chạy... Hàng ngũ đã định, quân lính đã bày, pháp lệnh đã ra, quân kỳ quân chính đã đặt, đều đặt quân xung trận ở ngoài núi, tiện cho quân ở đâu thì chia quân xe và quân kỵ làm trận ô vân⁽¹⁾, ba quân đánh mau, thì quân địch dẫu nhiều, tướng cũng bị bắt. - Võ vương hỏi: Ta muốn lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh thì làm thế nào? - Thái công thưa: Lấy ít đánh nhiều, thì phải nhè lúc mặt trời đã chiều, nấp ở nơi cỏ rậm, đón ở nơi đường hẹp. Lấy yếu đánh mạnh thì phải nhờ được nước lớn

⁽¹⁾ Trận ô vân: nghĩa là quạ bay tan, mây hợp lại, biến hóa vô cùng

ủng hộ và các nước láng giềng giúp đỡ... Thái công thưa: Dối đặt mưu nử để huyền hoặc người tướng, khiến họ dời qua đường khác mà đi qua nơi cỏ rậm, theo lối đường xa, làm cho đến lúc trời chiều, quân đi trước chưa sang được sông, quân đi sau chưa kịp tới, cho phục binh ta nổi dậy, đánh mau vào hai bên, cho quân xa kỵ làm rối loạn cả trước và sau, quân địch dẫu nhiều thì tướng cũng phải chạy. Thờ vua nước lớn, bạn với kẻ sĩ nước lớn, hậu của, nhún lờ, như thế thì được nước lớn ủng hộ và nước láng giềng giúp đỡ. - Võ vương hỏi: Thập thắng (mười phần thắng cả) là thế nào? - Thái công thưa: Quân địch mới đến, hàng trận chưa định, trước sau không liên lạc, hãm quân tiền kỵ, đánh cả bên tả bên hữu, địch ắt phải chạy. Hàng trận của địch tề chỉnh kiên cố, sĩ tốt muốn đánh. Quân kỵ của ta cứ ở bên mà quanh quẩn đó, hoặc ruổi mà qua, hoặc ruổi mà lại, nhanh như gió, dữ như sấm, ban ngày như đêm tối, hằng đổi hiệu cờ và thay y phục, như thế hấn thắng. Quân địch không có nơi hiểm trở giữ bền mà vào sâu đuổi dài, ta dứt đường vận lương thì địch hấn đói. Quân địch trở về buổi chiều hôm, quân đông, hàng trận hấn rối loạn. Hạ lệnh cho quân kỵ ta 10 người thành một đội, 100 người thành một đồn, 5 xe làm một tốp, 10 xe làm nhóm, dựng nhiều cờ hiệu, xen lẫn nổ súng, hoặc đánh ở hai bên, hoặc chặn ở trước sau, thế thì có thể bắt được tướng địch. Đó là phép thập thắng của kỵ binh vậy. - Võ vương hỏi: Quân bộ đánh với quân xa kỵ thì làm thế nào? - Thái công thưa: Quân bộ đánh

quân giỏi của ta, chia làm tả hữu, đánh mau ở trước, đánh gấp ở sau, quân nó phải loạn, tướng nó phải sợ. - Võ vương hỏi: Ban đêm ta đương đi, địch ngăn đón trước sau, quân ta không thể tiếp nhau được thì làm thế nào? - Thái công thưa: Phải xét rõ hiệu lệnh của ta, cho quân nhuệ sĩ ra, mọi người cầm đuốc lửa, hai người cũng đánh trống, tất biết quân địch ở đâu, hoặc đánh ở trong ở ngoài, mà khiến nó cùng biết. Khiến tất lửa và im trống, trong ngoài đều ứng, hẹn nhau đều đúng, ba quân đánh mau, quân địch ắt thua. Thế nên bảo rằng đánh ban đêm phải có nhiều trống và đuốc vậy. - Võ vương hỏi: Quân địch nhiều quân ta ít, thế không tương đương thì làm thế nào? - Thái công thưa: Kén quân giỏi của ta, phục ở tả hữu, bày vững trận mà khiến quân địch qua đó, quân phục giương nỏ bắn ở hai bên, hoặc trước hoặc sau, quân địch hẳn phải chạy... Hàng ngũ đã định, quân lính đã bày, pháp lệnh đã ra, quân kỳ quân chính đã đặt, đều đặt quân xung trận ở ngoài núi, tiện cho quân ở đâu thì chia quân xe và quân kỵ làm trận ô vân⁽¹⁾, ba quân đánh mau, thì quân địch dẫu nhiều, tướng cũng bị bắt - Võ vương hỏi: Ta muốn lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh thì làm thế nào? - Thái công thưa: Lấy ít đánh nhiều, thì phải nhẹ lúc mặt trời đã chiều, nấp ở nơi cỏ rậm, đón ở nơi đường hẹp. Lấy yếu đánh mạnh thì phải nhờ được nước lớn

⁽¹⁾ Trận ô vân: nghĩa là quạ bay tan, mây hợp lại, biến hóa vô cùng

với quân xa kỵ, phải dựa vào gò đồng hiểm trở, binh khí dài và nổ mạnh ở trước, binh khí ngắn và nổ cứng ở sau, khi phát khi nghỉ, xa kỵ của địch dẫu nhiều mà đến, ta cứ bên trận đánh nhanh, đặt quân giỏi nổ mạnh để phòng bị ở sau. - Võ vương hỏi: Thí dụ bây giờ ta không có gò đồng, không có chỗ hiểm trở, mà quân địch đến đánh, thì làm thế nào? - Thái công thưa: Sai quân sĩ ta làm mộc mã⁽¹⁾ và chông tạt lê⁽²⁾, đặt đội ngũ trâu ngựa, làm thành bốn trận võ xung; trông quân xa kỵ của địch sắp đến thì đều đặt chông, đào đất quanh ở sau, rộng sâu 5 thước, gọi tên là mệnh lung⁽³⁾. Người thì cầm mộc mã mà tiến bước, dàn ra làm lũy, mà trước sau thì dựng thành đồn; quân giỏi nổ mạnh phòng bị hai bên tả hữu, rồi sau ra lệnh cho ba quân đều đánh mau mà đừng trễ nải. Võ vương khen phải.

*

Phàm việc binh là cái cửa chết, không thể đem cái lòng tham sống mà xử trí được. Có bụng muốn tự giữ trọn thì hẳn phải mất; có kế muốn lui nghỉ thì hẳn bị phá; muốn giữ vẹn vợ con, vợ con tất bị bắt; muốn giữ vẹn nhà cửa, nhà cửa tất bị diệt. Người khéo dùng binh, chỉ có tiến mà không có lui, tuy lui là để giúp cho tiến; có tiến mà không có sau, tuy sau là để giúp cho trước;

⁽¹⁾ Cũng gọi là cự mã mộc, tức căn gỗ giống hình con ngựa để chống ngựa.

⁽²⁾ Chông tạt lê là thứ chông sắt hình như quả tạt lê có gai bốn phía.

⁽³⁾ Cái lồng trí mạng.

có chổng mà không có chậm, tuy chậm là để giúp cho chổng; có đánh mà không có giữ, tuy giữ là để giúp cho đánh; có toàn mà không có nửa, tuy nửa là để giúp cho toàn.

Đánh mà khó thắng thì chổng; đánh mà tinh dục⁽¹⁾ để chổng. Dựa thành để chổng, mà cái chỗ cậy không phải là thành; vưng vách để chổng, mà cái chỗ cậy không phải là vách; giữ núi để chổng, cách sông để chổng, mà cái chỗ cậy không phải là núi và sông. Phải nghĩ là có thể yên có thể nguy, có thể tạm có thể lâu. Tĩnh thì mưu, động thì có lợi. Cách chổng đánh có mấy trăm mối; khi nhiều khi ít, khi hợp khi nhân, khi tiến khi gặp; khi xông mà đập, khi nhân mà đánh, khi lần lượt khi bám sát, khi hoãn, khi chổng, khi lớn, khi nhỏ, khi lâu, khi tạm, khi đuổi, khi chổng, khi nổi, khi chẹt, đều phải hợp hòa với phép. Quân ngựa, quân bộ, đóng đội, đóng dinh, dàn trận, cắm lũy, sắp hàng, xông tới, theo sau, hợp lại, tản ra, nghiêm phép, rết lệnh, dạy thủ, so sánh, nước lửa, thuyền bè, xe cộ, đều phải cho đúng. Ngày đêm rét nắng, gió mưa mây móc, sớm tối trăng sao, sấm sét băng tuyết, đều phải theo thời. Hang núi, sông chằm, rộng hẹp, xa gần, bờ biển, rừng sâu, đất bùn, hang hố, ngõ hẻm, đường rộng, bãi cát, hang đá, cửa ải, đều phải theo địa thế.

⁽¹⁾ Chữ Hán, nghĩa là lặng sạch ham muốn. Liên hệ với chữ “tĩnh thì mưu” ở dưới, có lẽ nghĩa là yên lặng trừ mưu mà chổng.

Đến như thi hành kế sách thì phải mưu mẹo, khích lên, ứng lại, nhử mồi, dụ dỗ, hư trương thanh thế để đánh úp, đặt phục, khêu chọc, cướp bóc, bày đặt sự cười gả, đón đường triệt đánh, tiếp gót đi theo, khi nắm cơ thì tự phải biến hóa, lánh ẩn, trang trí trò thần vật, bày đặt trò ma quỷ, bụi bặm đầy đồng, khói thuốc mù chói, đào dưới đất, bay trên không, thậm chí không lúc nào là không xông pha xô đẩy, giáp quanh vây ập, áp bức dữ dội, luôn luôn làm cho khiếp sợ, say sưa cạm bẫy để tổ mạnh bạo; thậm nữa thì làm cho đói mệt đau khổ, ép bức lẻ loi cho phải võ mà đầu hàng, lừa bắt cho giận tức, khích thêm máu hăng cho liều đánh, chột sợ chạy về sau, rồi tiếp cứu cho qua nguy; võ khí tinh, kỹ thuật giỏi, có thể đánh tràn cả Hoa Di, đó mới là danh tướng.

*

Sách *Kinh thế*:

Xin nói phép đánh: Dịch mạnh thì nên dùng lối đánh tĩa. Dịch ngang sức nên dùng lối đánh đường hoàng. Dịch yếu nên dùng lối xông vào giày xéo, ngựa bọc giáp, quân bộ mạnh dạn, xông vào đi lại đánh giết, khiến cho địch tan tành. Thế gọi là phép nhân dịch yếu, lấy mạnh của ta chống kẻ yếu. Nhưng lấy yếu của ta mà chống kẻ mạnh, thì mình phải đánh trước, tả hữu chia nhau mà cướp, đó gọi là phép đánh vào chỗ mềm mà tranh thắng. Dự lập thế trận lạ, mở, chia, cắt, chặt; dịch đột thì cho vào; dịch sông thì ta xé; làm tan thế địch mà giữ vẹn sức ta; nỗ cùng mác hết thì bấy giờ quân phục mới dậy. Thế gọi là phép uốn mạnh chuyển

đánh vậy. Nếu chưa đánh thì phải phòng bị giặc chợt đến. Đánh lui thì lo giặc ập đến. Thua chạy thì đừng ngã cờ, khiến địch không dám tới sát. Thắng thì đuổi rất nghiêm, khiến quân phục của địch không thể vùng dậy đánh. Nếu được như thế thì tiến có thể không thua, lui có thể không chết; cùng với ba quân quay đuổi nhau trong khoảng gió tung chớp giật, thì nhất định nắm được cơ thắng vậy.

*

Thay đổi (canh).

Việc võ không nên nhàn. Quân đóng liên trong cũi, đánh luôn không nghỉ, thế mà muốn cho quân không mỏi mệt được sao? Duy có một cách là thay đổi thôi. Ta đánh một lần mà người ứng mấy lần thì người nhàn mà thành nhọc; người đánh mấy lần mà ta mấy lần nghỉ thì ta đảo nhọc thành nhàn. Nhàn thì có thể làm được việc; nhọc thì có thể thua. Không đem hết sức của cả quân cung cho việc đánh, thì thua có thể không lo, mà đánh thì cũng không rồi.

*

Nếu ta đi cướp dinh giặc, lặng lặng kín kín, ngầm tằm lén đi, đến cách dinh giặc một nửa dặm đất thì ta mới đánh, đồng tiếng la to, nhưng không nên vội tiến, xem ở trong dinh, hoặc kêu rối rít, hoặc chạy tứ tung, thì ta thừa thế đánh tới, có thể thu toàn thắng. Nếu thấy nó im lặng không động, lâu không có hơi tiếng gì, đó hẳn là có phòng bị, quyết không thể tiến lên trước

được, tức phải kết trận mà lui chóng, không nên khinh thường.

Phàm khi chặn địch, tất trước phải để đất dư; binh có đất dư để khỏi vội vàng khi lâm sự. Khi hai quân đã cử binh, thì cố nhiên ứng theo đại thế mà đều lên. Nhưng đội ở mặt trước phải cho thưa đều, mặt sau thời lưu lại 5, 7 đội chình tề để chờ, một là có thể giúp uy cho đội trước, một là có thể thay phiên mà lần lượt ra đánh, một là ta có dự bị để tiếp ứng mà ra quân kỳ. Nếu nhất khái cử cả tới trước khi không khỏi có sự xô đẩy mà trở thành vướng tay, lại không có thể trong ngoài nương nhau mà ra quân kỳ được. Đó là bí pháp lâm cơ vậy, tướng sĩ các người đều nên nhớ kỹ

*

Sách Tôn tử:

Cho nên việc binh nghe vụng mà chóng, chứ chưa từng thấy khéo mà lâu. Việc binh kéo dài mà lợi nước, chưa từng có vậy. Cho nên không biết hết cái hại của sự dùng binh thì không thể biết hết cái lợi của sự dùng binh⁽¹⁾.

*

Phàm đánh trận, phải trở lưng ra gió và nơi cao; bên hữu cao thì bên tả phải hiểm; qua chỗ nước chảy, chỗ đất lún thì nên ở vào nơi cao. Phàm đuổi vào đất giặc, tất có đường tiến. Lui thì phải lo có đường trở về.

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên II

Phàm đánh, kính nể thì hiểm nghi; đốc suất thì phục; trên bán rộn thì khinh; trên nhàn rồi thì trọng; tướng cậy được là nhờ có dân; dân đánh được là nhờ có khí. Có khí thì đánh, không có khí thì chạy. Hình chưa gia, binh chưa tiếp mà đã cướp được địch, đó là quân của vương giả.

Phàm chưa gia hình mà đánh, dù quân nhiều cũng phải tan; thấy lợi mà đánh, dù quân ít cũng thắng, lợi là chỗ sở đoản của nó mà là chỗ sở trường của ta là thế. Thấy lợi thì dậy, không thấy lợi thì thôi. Thấy lợi thì nhân lấy thời; thời là cái đến không đầy chớp mắt, trước thì thái quá, sau thì bất cập. Sấm mạnh không kịp che tai, chớp nhanh không kịp nhắm mắt, tới thì như sợ, dụng thì như điên, người như thế thì lợi ở sự đánh người.

Quân ta bị địch vây, có thể quyết chiến có ba điều: Ngoài không có quân viện, đó là một điều nên đánh. Người mạnh ngựa khỏe, binh giáp sắc bền, mà lương chứa không đủ, đó là hai điều nên đánh. Thành trì không vững, người ngựa túng thiếu, đó là ba điều nên đánh. Đánh là do dũng khí, một lần trống thì khí bốc lên; hai lần thì khí suy; ba lần thì khí kiệt. Nó kiệt mà ta đầy cho nên ta thắng.

Nó đi bộ, ta đi xe, hễ gặp thì ta chệt; cứ xếp mười xe một, tất đánh thắng... Đánh nhau với giặc Hồ, mây hợp khói tan, biến thái không thường, trong khoảng và bước thế cũng khác nhau; tới kỳ chột ứng chỉ trong khoảng thở hút, thế mà hễ động là hỏi đại tướng, gặp

việc đối phó không kịp, đó là không biết sự biến chuyển của binh vậy. Cho nên ta khiến quân biết ý tướng, tướng biết tình quân, theo đó mà đi, như cánh tay sai khiến ngón tay, quân tướng cùng quen, người đều tự đánh, như thế chẳng hay ư? Bày trận rồi sau mới đánh, đó là lẽ thường của binh pháp; vận dụng tài tình là do ở lòng.

*

Sách *Tôn tử*:

Ba quân có thể đoạt được khí, tướng quân có thể đoạt được lòng. ấy cho nên buổi sáng thì khí hăng hái, ban trưa thì khí uể oải, buổi chiều thì khí suy kiệt. Người giỏi dùng binh tránh lúc khí hăng hái, đánh ở lúc khí uể oải và suy kiệt; đó là cách trị khí vậy. Lấy trị mà đợi loạn, lấy yên tĩnh mà đợi ồn ào, đó là cách trị tâm vậy. Lấy gần mà đợi xa, lấy nhàn mà đợi nhọc, lấy no mà đợi đói, đó là cách trị lực vậy. Đứng đón cờ chính chính⁽¹⁾, dùng đánh trận đường đường⁽²⁾, đó là cách trị biến vậy.

Cho nên phép dùng binh, gò cao chỗ hướng vào; quay lưng vào gò chỗ đón; giả chạy chỗ theo; quân sắc chỗ đánh; chỗ ẩn mỗi nhử; chỗ cản quân về; vòng vây tất bỏ hở; chỗ đuổi giặc cùng. Đó là phép dùng binh vậy⁽³⁾

⁽¹⁾ Hễ thấy quân địch cờ xí đường hoàng thì không nên đón đánh.

⁽²⁾ Hễ thấy quân địch bày trận nghiêm chỉnh thì dùng nên đánh

⁽³⁾ *Tôn tử* thiên VII

Người giỏi dùng binh, lấy dụ dỗ đối người về theo, lấy yên tĩnh đối người nóng nảy, lấy trọng **đối** khinh, lấy nghiêm đối trẻ, lấy vị đối loạn, lấy thủ đối công.

Đại yếu việc quân có ba điều: có thể đánh thì đánh, không thể đánh thì giữ, không thể giữ thì chạy, trừ ba việc ấy ra, chỉ còn việc chết thôi.

Thế mà nên có năm điều: 1) Thừa thế; 2) khí thế; 3) giả thế; 4) tùy thế; 5) địa thế.

Phàm khi mới đánh võ được quân địch lớn, tướng sĩ hăng đánh, uy danh lừng lẫy, nghe đều khiếp sợ, quay cái thế đó mà đánh người, đó gọi là thừa thế. Tướng có uy đức, bộ ngũ chỉnh tề, quân có dư sức, tiếng tăm đều biết, mạnh như sấm sét, đó gọi là khí thế. Quân lính ít ỏi, trống cò rộn rịp, trương làm nghi binh, khiến quân địch sợ hãi, đó gọi là giả thế. Nhân địch mệt mỏi mà đánh úp, đó gọi là tùy thế. Tiện cho can qua, lợi cho bộ kỵ, tả hữu trước sau, không có chỗ hãm ản, đó gọi là địa thế. Người dùng binh mà nhận được năm thế ấy, chưa có ai là không có thể theo kẻ trốn đuổi kẻ thua mà dựng nên công to.

Thế mà thua có ba điều: 1) toả thế; 2) chi thế; 3) khinh thế.

Thua nhiều trận, quan và quân sợ đánh giặc, đó gọi là toả thế. Tướng không có uy đức, mưu kế, thưởng phạt không đáng, lòng quan và quân phân nhiều tan rã, đó gọi là chi thế. Quan và quân ồn ào, không theo lệnh cấm, bộ ngũ không nghiêm, đó gọi là khinh thế.

Phạm dùng binh có ba điều ấy, chưa thấy có ai không tan quân chết tướng bao giờ. Phạm được quân địch tỏa thế thì có thể tự ngoài đánh được; địch bị chi thế thì có thể tự trong mà đánh; địch bị khinh thế thì có thể xông đánh. Đó là tùy ba thế bại mà đánh vậy.

Quân sắp ra đánh, nên biết gió mùa thổi hướng nào, nếu gió thuận thì gọi mà theo ngay, gió ngược thì bền trận mà chờ đó; trước xét ở trí ta, bảo là thiên quan⁽¹⁾ mà là nhân sự thôi.

*

Ngày xưa ở thượng lưu mà mưu nổi loạn, đều vì tri hoãn mà đến thua. Hưu Phạm⁽²⁾ rút bài học cũ, đem quân xuống gấp để nhân sự không phòng bị của quân ta. Nay nên đóng quân ở Tân Đình và Bạch Hạ⁽³⁾ bền giữ cung thành, giữ thành Thạch Đầu để chờ giặc đến. Quân lẻ loi đi xa nghìn dặm, không chứa lương thực, cầu chiến không được, tự nhiên sẽ tan như ngói vỡ. Tôi xin đóng ở Tân Đình để chống mũi nhọn, chắc phá được giặc.

Ruộng ở Giang Bắc gặt hơi muộn, ruộng nước ở Giang Nam chín sớm, tính mùa thu hoạch của nó, ta trưng chút ít binh ngựa, nói phao đánh úp, nó hẳn đóng quân để chống giữ, bỏ công việc mùa màng. Nó đã giữ

⁽¹⁾ Thiên quan: Chúc quan xem thiên văn và thời tiết.

⁽²⁾ Xem chú ở điều "Tân Đình" ở trên.

⁽³⁾ Tân Đình và Bạch Hạ đều ở huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô. Vua Vũ Đức nhà Đường đóng ở Kim Lăng, đổi Kim Lăng làm Bạch Hạ, dời trị sở đến thành Bạch Hạ cũ.

binh thì ta bèn cỡi giáp, hai ba lần như thế, nó cho đó là việc thường, sau ta họp quân, nó hẳn không tin, trong lúc do dự, ta bèn cho quân sang sông, đổ bộ mà đánh, khí quân thêm bội. Giang Nam đất xấu, nhà phần nhiều làm bằng tranh tre, kho chứa phần nhiều không phải là hầm dưới đất; nên bí mật sai người nhân gió phóng lửa. Chờ nó sửa dựng, rồi lại đốt lại. Không đầy vài năm, tài lực kiệt hết.

Binh pháp quý ở đánh nhanh; chủ thì quý ở trì trọng. Ngày nay nhà nước đủ ăn đủ quân, nên bền giữ lấy Đài Thành, theo ven sông Hoài mà lập rào phân. Bắc quân dẫu lại, ta đừng giao chiến, nên chia quân cắt đứt đường sông, không cho nó thông được tin tức, và xin cấp cho thần một vạn tinh binh, ba trăm thuyền Kim Si, xuống sông đi qua chụp lấy Lục Hợp⁽¹⁾. Đại quân nó hẳn cho là ra sang sông thì tướng sĩ nó đã bị bắt tù, tự nhiên toả khí. Nhân sĩ đất Hoài Nam vốn cùng thần quen biết, nay nghe thần đến hẳn là theo ngay. Thần lại nói phao là lại đến Từ Châu, chặn đứt đường về của nó, thì các quân nó không đánh cũng tự rút đi. Đợi nước mùa xuân ngập sông thì quân Chu La Hâu⁽²⁾ hẳn theo dòng mà đến cứu viện. Đó là chước hay vậy.

⁽¹⁾ Huyện Lục Hợp thuộc đạo Kim Lăng tỉnh Giang Tô.

⁽²⁾ Chu La Hâu người ở Tầm Dương, làm quan nước Trần (Nam Bắc Trần). Sau Tấn vương Quảng (tức Tuỳ Dạng đế sau này) đánh Trần, bắt được Trần chúa, La Hâu hàng.

Đồ chống tên đạn của quân bộ. Phàm cung nỏ không thể bắn gần được, nên chẻ tre làm cái bung xung tròn, ước chừng mười ôm, có thể che được thân người, trong chứa rơm rạ và bẹ chuối để phòng súng đạn; đầu đuôi hai người đun một cái bung xung, những quân nhanh khoẻ đều cầm dao sắc, lá chắn, phục ở sau bung xung; phải tiến đến sát quân giặc, người lẩn bung xung cắt đứt dây, quân phục chồm dậy, lá chắn và gươm múa loạn lên, cung tên của giặc không kịp trở tay.

Phép chống voi. Xưa kia đời vua Thành Tổ nhà Minh đánh Man Diến Điện⁽¹⁾, đem 30 vạn quân và hơn 100 con voi đến cướp Định Viễn, vua Minh sai Mộc Thạnh và Anh Mã Thành đi đánh, bắt được voi đem về. Anh nói: “Giặc không cần phá”. Bèn xuống lệnh đặt nhiều súng lửa và tên thần, chia tướng sĩ ra làm ba hàng. Voi họ đến gần thì súng tên ở hàng trước đều bắn; nếu voi chưa lui, thì hàng hai kế bắn; rồi tiếp đến hàng ba, voi tất quay chạy. Rồi lấy đại quân thừa thế mà đánh. Ước thúc đã định. Ngày mai quả nhiên giặc⁽²⁾ lùa hơn trăm voi đi hàng đầu. Mộc Thạnh cứ y theo phép đó, giao phong bắn súng, núi hang vang động, voi đều quay trở về, quân giặc cả vỡ.

⁽¹⁾ Diến Điện cũng bị người Trung Quốc xưa xem là Man Di.

⁽²⁾ Tác giả theo quan niệm phong kiến, gọi nước bị xâm lược là giặc.

Minh Thành Tổ sai Mộc Thạnh đem quân vào nước ta đánh Hồ Quý Ly. Giặc⁽¹⁾ lại ở trong thành⁽²⁾ bày voi tiếp chiến. Du kích tướng quân Tống Quảng dùng lối sử tử vẽ khoác vào ngựa; thần cơ tướng quân La Văn dùng súng thần cơ đi sát bên mà tiến. Voi bị thương đều lùi chạy cả. Quân Minh đuổi dài mà tiến, Quý Ly trốn chạy.

Năm Kỷ Dậu người Thanh sai tổng đốc Lương Quảng sang nước ta đánh giặc để khôi phục thành nhà Lê. Ngụy Tây⁽³⁾ bày voi xông trước; người Thanh làm một mã để cản, lại đào hố để sập voi, chước đó rất mầu, song lại thất thủ, vì trong cái mầu có cái chưa mầu. Nên khéo ngầm đào hầm hố, cách xa ngoài lũy ước một dặm, lấy cỏ phủ ở trên hầm, rồi đem đất cát phủ lên trên. Đại chiến hồi lâu, giả cách thua chạy, voi thừa thắng đuổi theo hẫng sa xuống hố Mộc mã thì có dây buộc xâu liền với nhau để cản không cho voi xông đến. Như thế thì hẫng không thua.

Phép chống ngựa. Người xưa dùng một mã để chống ngựa là phép ấy vậy. Nhưng phải lấy dây sắt buộc xuyên liền nhau; có thể dùng để chống cả voi nữa. Lấy vải vẽ lối hổ mà trùm cho ngựa, để cho ngựa của giặc phải sợ, vì ngựa thấy hổ thì sợ rệp xuống.

⁽¹⁾ Theo quan niệm phản động của vua quan nhà Nguyễn thì Hồ Quý Ly là người thoán đoạt, nên họ gọi là giặc.

⁽²⁾ Đây là thành Đa Bang.

⁽³⁾ Vua quan nhà Nguyễn gọi Tây Sơn là ngụy.

*

Sách *Yên thủy thần kinh*:

Phép đánh ban ngày. Phàm đánh trận ban ngày cần phải có nhiều cờ xí để làm loạn tai mắt của địch, hoặc tản ra làm nghi binh để chia thế địch.

Phép đánh ban đêm. Phàm đánh trận ban đêm, phải dùng nhiều trống và lửa để làm rối lòng địch, hoặc làm nghi binh ở nơi khác mà chia quân, hoặc ngồi ở ruộng cạn mà cướp trại.

Phàm quân địch đặt nhiều đồn mà ta muốn đánh, thì tất phải phô trương thanh thế, giả cách vào đánh đồn này, các đồn kia lại cứu, ta nhân cơ hội mà đánh vào những đồn bỏ không, thấy địch rối loạn rồi thì đánh luôn cả.

Nếu quân giặc giữ nơi yếu hại của ta, chặn hết bốn cầu của ta, triệt đường lương cỏ của ta, hợp quân vây ta, ta nên đem quân tránh đi để tìm nơi khác.

Quân địch đánh ta mà ta không muốn đánh thì ta dùng quyền biến để cho họ ngờ. Giặc ngờ mà không dám đánh gấp, thì ta xem hễ nhuệ khí nó suy dần, thế không mạnh lắm, thì có thể kíp sai quân đánh.

*

Sách *Võ bị chế thắng chí* :

Phép bố trận⁽¹⁾. Như quân địch đã chiếm trước nơi núi cao lưng lớn, được chỗ địa lợi rồi, ta muốn đánh,

⁽¹⁾ Từ đây trở xuống, xem **Võ bị chế thắng chí**, quyển 5, chương "Bố chiến"

nhưng xét địa lợi thì không được, nếu đánh thì hẳn thua. Như thế thì nên đặt riêng cách lừa dối, khiến quân địch ngờ mà không dám đánh, đợi đến khi trời chiều, quân ngựa đói khát, quân muốn lui mà tướng chưa lui, quân muốn đánh mà tướng không thấy lợi không dám đánh, ta bèn sai tướng lãnh mấy đội ngựa khiêu đẳng⁽¹⁾ đi trước, đến gần nơi núi cao lưng lớn mà trương thế quân, hoặc nói phao là đánh dinh trại địch, đón dứt lương cỏ, hoặc nói là phát binh dời đường, đánh vào hậu đội, làm cho lòng địch do dự, thế quân đã động, khó mà chỉnh đốn lại được. Ta bèn dùng quân tráng sĩ, cung mạnh nổ cứng, đánh tả đánh hữu, đột trước xông sau, khiến quân địch đầu đuôi không tiếp ứng nhau được, ngựa và bộ đánh lẫn lộn, thế thì địch có thể vỡ vụn.

Phép xuất chiến. Ta biết trước địa lợi tốt xấu thế nào, liệu thế địch có thể đánh được, như ngày nay phải đánh, đại quân đã ra thì kíp rảo đến chiến địa, khiến quân địch thảng thốt bầy trận; nếu người ngựa của nó chưa định, cờ xí chưa chỉnh, trận thế chưa xong, ta có thể thừa thế đánh luôn, tất có cơ thắng. Sách *Tam lược* nói “Đánh như sông vỡ, đánh như sấm vang”, là thế đó.

Phép bố trận tác chiến. Lãnh ba quân, kể có 33500 người, có thể bày một thế trận. Nếu gặp địch đánh thì hai bên đối no, nhọc nhàn, cố nhiên không như nhau. Nếu quân địch chia ra phần tiến phần dừng,

⁽¹⁾ Quân cuội ngựa đi trước để thăm dò.

thay đổi nhau mà đánh, thì quân ta đến chiều đã mệt sức rồi. Nên sai hai quân làm trận trước trận sau và một quân làm nghi binh để ứng khi gấp và bố chỗ trống. *Binh pháp* nói: Mỗi nghìn người, phải kén ba trăm người làm binh kỳ, muôn người phải kén nghìn người làm binh kỳ, thường theo ở hai bên tả hữu đại tướng để ứng dụng trong khi cần kíp.

Phàm chiến đấu, đều phải dùng một người đầu hàng phò đội cầm đao áp ở phía sau, xem quân sĩ nào không vào trận thì chém, và người lãnh kiêm⁽¹⁾ cũng rún cầm đao ở phía sau nữa để đốc chiến, xem người nào không vào trận thì chém. Quân lính hết thấy phải biết về bên trái vai bên phải của mình, đi đứng phải đúng theo thứ tự.

Trận vuông cũng có thể thắng; trận tròn cũng có thể thắng; rồi lộn cũng có thể thắng; tới chỗ hiểm cũng có thể thắng. Dịch ở núi thì leo mà đi theo, dịch ở vực thì lặn mà đi theo, tìm định như tìm con mắt, đi theo mà không ngờ, cho nên có thể đánh bại địch mà nắm lấy tính mệnh của nó. Phàm sớm quyết thì định trước, nếu kế không định trước, nghĩ không sớm quyết, thì tiến lui không định, lòng sinh ngờ thì hẳn thua. Cho nên binh chính thì quý dùng trước, binh kỳ thì quý dùng sau, hoặc trước hoặc sau, đều để chế địch cả. Thế tướng⁽²⁾ không biết phép, chuyên mệnh lệnh mà làm,

⁽¹⁾ Lãnh là người cầm một số quân, kiêm là người đi theo.

⁽²⁾ Tướng tầm thường ở đời.

dùng trước khi đánh, nên không trận nào là không thua. Cất quân có ngờ mà lại không ngờ, chỗ đi có tin mà lại không tin, đến thì chậm nhanh khác nhau, ấy là ba điều luy của việc đánh trận vậy.

Phàm đánh trận thì đánh chỗ tinh yếu, lánh chỗ tinh mạnh; đánh chỗ nhọc mệt, lánh chỗ nhàn rỗi; đánh chỗ sợ lớn, lánh chỗ sợ nhỏ; đó là đạo lý từ xưa vậy.

Tôi xin hỏi thầy rằng: Phàm hay lấy ít mà thắng nhiều, lấy yếu mà địch mạnh, lấy nhỏ mà chế lớn, thế mới gọi là thiện chiến. Nếu như ở khoảng đường dài đồng rộng, chiến kỳ đã ngật, giặc đem hàng trăm vạn quân, đầy núi chật đồng kéo đến, mà quân ta ít và yếu, vội vã chưa phòng bị trước, chưa đặt phục xuất kỳ thì làm thế nào? Thầy trả lời rằng: Phàm quân họ xung mao gió bụi mà lại, thế hẳn nhọc mệt, nếu ta kíp dùng phép xe súng mà đánh, thì dễ như trở bàn tay, sao đủ sợ nữa?

Người đánh giỏi giữ giấu quân sâu chín tầng đất, người giỏi đánh hoạt động trên chín tầng trời, cho nên cơ hiểm tự giữ mà toàn thắng vậy. Thấy rằng bất quá là cái biết của mọi người, không phải là người giỏi ở trong người giỏi. Đánh thắng mà thiên hạ đều khen là giỏi, không phải là người giỏi ở trong người giỏi. Cho nên cất một mây lông không phải là có nhiều sức, thấy mặt trời mặt trăng không phải là có mắt sáng, nghe tiếng sấm sét không phải là có tai thính. Đời xưa gọi là người giỏi đánh là hơn người dễ thắng vậy. Cho nên cái thắng của người giỏi đánh không có tiếng là trí, không phải công

của dũng. Cho nên đánh thắng thì không sai, không sai là xếp đặt được sự thắng, thắng là thắng kẻ đã thua trước vậy. Cho nên người giỏi đánh thường đứng ở trên đất không thua, mà không bỏ lỡ cái thua của địch vậy. ấy cho nên binh thắng thì trước đã nắm được phần thắng rồi sau mới cầu đánh, mà binh bại thì trước đánh rồi sau mới thắng. Người giỏi dùng binh sửa đạo giữ phép, cho nên mới hay làm được chính lược thắng bại.

Binh pháp nói⁽¹⁾: Một là do, hai là lường, ba là tính, bốn là cân, năm là thắng. Đất sinh ra do, do sinh ra lường, lường sinh ra tính, tính sinh ra cân, cân sinh ra thắng. Cho nên binh thắng như lấy dật⁽²⁾ mà cân thù⁽³⁾, mà binh bại thì như lấy thù mà cân dật. Sự đánh của kẻ thắng cũng như tháo vỡ nước chứa ở trên cao nghìn nhẵn, hình nó như vậy.

Điều đại yếu lúc lâm trận là sự thay phiên mà nghỉ và đánh, chia một toán quân ra làm mấy lớp, sắp đánh thì cho lớp thứ nhất ăn no, sai vào trận; kế cho lớp thứ hai ăn. Lớp thứ nhất mệt, tức điều động lớp thứ hai vào thay. Lớp thứ ba cũng như thế. Nên đổi phiên nhau như thế, thì quân thường được no, mà không đến nỗi khốn vậy.

Mỗi khi đánh thì cho giáo trường ở trước, ngồi mà không được đứng lên. Thứ đến cung rất mạnh, rồi đến nỏ rất mạnh, quì gối để chờ. Thứ nữa đến

⁽¹⁾ **Tôn tử**, thiên IV.

⁽²⁾ 24 lạng làm một dật.

⁽³⁾ Một lạng là 24 thù.

cung thần tý. Ví như ước trận đến trong 200 bước thì cung thần tý phải bắn trước, 70 bước thì cung nỏ mạnh đều bắn. Trận sau cũng thế. Thấy trận thì lấy mức cách nhau làm hạn, như móc sắt liền nhau. Đội có người bị thương thì thay đổi người khác; gặp khi thay đổi thì dùng trống làm tiết. Quân kỵ thì ở hai cánh mà che phía trước. Trận đã thành thì quân kỵ lui ra. Thế gọi là lũy trận. Đánh trận bằng xe thì không nói ở đây.

Cho nên biết nơi đánh, biết ngày đánh, thì có thể xa nghìn dặm mà họp đánh được; không biết nơi đánh, không biết ngày đánh, thì tả không cứu được hữu, hữu không cứu được tả, trước không cứu được sau, sau không cứu được trước, huống là ở xa mấy nghìn dặm hay ở gần mấy dặm! Nếu sự suy tính của ta mà không hơn người thì dù quân có nhiều, cũng không ích gì cho sự thắng vậy. Cho nên sự thắng có thể làm được. Quân địch dù nhiều có thể khiến nó không chiến đấu. Cho nên tính thì biết được kế nên hay chẳng, làm thì biết được là động hay tĩnh, xem hình thì biết được đất tử hay sinh, đua chọi thì biết được có thừa hay không đủ. Cho nên hình tốt mực là ở vô hình; vô hình thì sâu, gián điệp không thể dòm, người trí không thể mưu được. Nhân hình mà đặt sự thắng vào quân, quân không thể biết. Người ta đều biết cái hình do đó ta thắng mà không biết được cái hình do đó ta chế thắng. Cho nên sự chiến thắng không thể lặp lại, mà ứng với hình thì vô cùng.

Kể ra hình của binh thì như nước. Hình của nước thì lánh chỗ cao mà rảo xuống thấp; hình của binh thì lánh chỗ thực mà đánh chỗ hư. Nước thì nhân đất mà nắm sự chảy của nó; binh thì nhân địch mà nắm sự chiến thắng.

Dám hỏi: Quân địch chính bị sắp đến đánh ta thì ta đối phó thế nào? Trả lời: Tình⁽¹⁾ của binh là cần phải chóng. Thừa chỗ người không kịp, mà đi vào đường không ngờ, đánh vào chỗ không phòng bị vậy. Phàm làm quân khách, vào sâu đất người thì phải chuyên không đánh được người chủ ngay thì phải cướp lấy đồng tốt, cho ba quân đủ ăn, nuôi dưỡng cẩn thận, đừng bắt nhọc mệt. Gồm khí chứa lực, dùng phép binh đặt mưu kế, làm cái không thể lường được, xông vào chỗ không có chỗ đi, chết cũng không chạy, mà chết sao được, vì quân lính đều hết sức. Quân lính chịu hãm thì không sợ; không có chỗ đi thì phải bền; vào sâu thì giữ; bất đắc dĩ thì đấu. Thế cho nên binh khôn sửa soạn mà có răn phòng; không cầu mà được; không ước mà thân; không hiệu lệnh mà tin. Phải rõ ràng điều cấm và bỏ sự ngờ vực, đến chết cũng không bỏ đi đâu. Quân ta có thừa của, không phải là ghét của đâu! Không có sống thừa, không phải là ghét thọ đâu! Ngày ra lệnh, quân sĩ ngồi mà nước mắt thấm áo, nằm mà nước mắt chảy quanh cằm. Xông vào chỗ không có chỗ đi thì cũng như dùng

⁽¹⁾ Tình và hình là nội dung và hình thức

của Chuyên Chư và Tào Quệ⁽¹⁾ vậy. Cho nên người giỏi dùng binh ví như con suất nhiên, suất nhiên ra rần Thường Sơn, đánh đầu thì đuôi nó đều đến, đánh giữa thì đầu và đuôi nó đều đến. - Dám hỏi: Có thể làm như con suất nhiên được không? - Trả lời: Được. Phàm người Ngô cùng người Việt rất ghét nhau, nhưng đương lúc đi cùng thuyền mà gặp bão thì cứu nhau như tay phải tay trái. Ấy cho nên buông ngựa chôn xe cũng không đủ cạy được mà phải cùng nhau mạnh như một người, đó là đạo dùng binh. Cho nên người giỏi dùng binh, nắm cả quân như sai một người, ai cũng phải làm, không ai không được

III- ĐẶT KỶ

Đồng cỏ rậm rạp để làm nơi trốn tránh; khe hang hiểm trở để làm nơi đỗ quân; ải tái núi rừng để lấy ít đánh nhiều. Nhanh như nước chảy, nhạy như máy nổ, là để phá thuật tinh; đặt phục đặt kỳ, xa trương lừa dụ, là để phá quân bất tướng; xé bốn chia năm là để đánh trận tròn trận vuông; nhân họ sợ hãi, là để lấy một đánh mười; nhân họ mỗi một không

⁽¹⁾ Chuyên Chư là thích khách của nước Ngô thời Xuân Thu. Công tử Quang muốn giết vua Ngô, mời vua Ngô ăn tiệc, sai Chuyên Chư giấu dao trong bụng cá mà giết. Tào Quệ người nước Lỗ thời Xuân Thu. Tề bắt Lỗ phải nộp ấp trại. Khi về Lỗ họp nhau ăn tiệc, Tào Quệ cầm dao nhọn bắt hiếp Tề Hoàn công và nói lời kháng khái, Hoàn công phải trả lại đất cho Lỗ.

phòng, là để lấy mười đánh trăm; khua trống om sòm, là để làm mưu chước lạ; gió to mưa lớn, là để trời trước bắt sau; ngụy xưng là sứ của địch, là để cắt đứt đường lương; lộn sông hiệu lệnh, ăn mặc như địch, là để phòng khi thua chạy. Hoặc nửa đêm sai người đến lữ địch, ở ngoài chín trăm bước, đều ra lệnh lớn tiếng la vang, hô cho rối lên, quân địch ất loạn, thì nhân đó đánh luôn hăn thắng.

*

Sách *Vô kinh*:

Thái công nói: Phàm điều cốt yếu của việc dùng binh, khi đương đầu với địch mà đánh thì phải đặt xung trận cho tiện chỗ quân ở, rồi sau dùng quân xa kỵ chia làm trận ô vân. Đó là phép kỳ trong sự dùng binh. Gọi là trận ô vân, nghĩa là quạ bay tan, mây hợp lại, biến hóa vô cùng vậy. Võ vương khen phải⁽¹⁾

*

Sách *Kinh thế*:

Trên con đường chính, ta thì đi, địch thì lại, ta thì tranh, địch thì chống, không thể thành công được. Người dùng binh không ra ở chỗ đáng ra, mà ra ở chỗ khôn đáng ra. Chỗ thung lũng không đóng đồn, chỗ đường tắt không canh gác; chỗ đất không có thành, có thể đến đấy thì lợi, có thể đến đấy thì thắng. Chỗ tắt đánh thì thường vững; chỗ thành tắt đánh thì thường bền; thời giờ tắt đánh thì người ta thường cảnh giác, không thể thành công được. Người giỏi dùng binh

⁽¹⁾ Xem **Vô kinh trực giải**; phần “Lục thao”, chương 48

không đánh ở chỗ nên đánh, mà đánh ở chỗ không nên đánh. Muốn lấy bên đông thì đánh bên tây; nó hẳn không bỏ phía tây mà phòng phía đông. Muốn lấy phía sau thì đánh phía trước; nó hẳn không bỏ phía trước mà phòng phía sau. Đó là điều tình người không ngờ. Có thể lừa được thì thắng. Vạn người làm một quân, chẳng qua là vạn người. Năm vạn người làm một quân, chẳng qua là năm vạn người. Mười vạn người làm một quân, chẳng qua là mười vạn người. Ta có số quân ấy, địch cũng có số quân ấy, không thể thành công được. Người giỏi dùng binh thì không chuyên chú ở một quân. Ngoài binh chính còn có binh khác; ở chỗ không có binh mà đều là binh. Có du binh để quấy rối, có tuyết binh⁽¹⁾ để mà kéo dài; có hình binh để làm ngờ mắt họ; có cử binh để làm ngờ tai họ; là để làm rối thế của địch. Có thể làm rối được là thắng. Có mấy điều kỳ ấy là quân tất thắng. Ít có thể thắng nhiều, yếu có thể thắng mạnh. Xưa kia Đường Tử Thúc ở nước Thục, cùng với bọn xá nhân⁽²⁾ được biếu một hũ rượu, năm người giữ lấy, bốn người yếu tranh không thể được. Bèn chọn một tên nô lệ nhanh nhẩu, bảo nó rằng: “Ta reo mà vào, chúng nó phải bỏ hũ rượu đấy mà chống nhau với ta, thì mày kíp vào mà lấy rượu: lúc đó ta đánh lừa chúng nó là ta đánh phía tả nhà ấy, chúng nó hẳn đem hết quân mà chống ta ở phía tả, khi chúng nó thắng mà trở lại thì đã mất hũ rượu rồi”. Người giỏi dùng binh nên như Đường Tử Thúc lấy hũ rượu, có thể bảo là người trí vậy. Con

⁽¹⁾ Tuyết binh: Binh để bỏ tuyết, để bổ sung

⁽²⁾ Chức quan nhỏ ở thân cận tả hữu một chức quan lớn

chuột bò ra, nhìn bên tả ba lần, nhìn bên hữu hai lần, tiến ra một tấc thì lùi lại ba lần tiến ra một thước thì lùi lại hai lần. Ta cười cái trí của người vụng dùng binh cũng đáng như con chuột thập thò ra ngoài cửa lỗ vậy. Tình người ta bắt đầu thì sợ, lâu thì ổn định. Người sợ thì có thể quấy, người định thì không phạm được. Người giỏi dùng binh, nhân sợ mà làm trước. Dịch đương sợ thì nghìn dặm không xa, bao lần cửa cũng không ngăn trở, trăm vạn quân cũng không nhiều. Người mang bánh khô, ngựa mang đậu hấp, gấp đường mà tiến, thâu đêm mà đi, như gió lướt, như sấm giạt, chính đương lúc ấy thì vua tôi dịch hoang mang, nhân dân tan tác, tướng sĩ không bền chí, đánh một nơi mà chín nơi tự vỡ, đánh bên đông thì bên tây tự vỡ, đánh phía nam thì phía bắc tự vỡ. Binh khí chưa dùng mà sự tan nát đã có thể thu được vậy.

Phàm đạo dùng binh, không gì thần bằng được cơ. Ly Chu⁽¹⁾ chưa soi đuốc, Mạnh Bôn⁽²⁾ đương ngủ say, đó là thời để dùng cơ vậy. Rình bắn con chim đã sợ, rình bắn con thỏ chạy đi, trước sau không đầy chớp mắt, xa gần cách nhau không tới một phân, đó là cái hình dung cơ vậy. Cơ một ngày không trở lại, một tháng không trở lại, một năm không trở lại, mười năm không trở lại, trăm năm không trở lại, thế nên người trí giả tiếc lắm.

(1) Ly Chu: Tức là Ly Lân, người thời Hoàng đế, mắt rất sáng, trông xa ngoài trăm bước

(2) Mạnh Bôn: Lục sĩ thời Chiến Quốc, người nước Vệ, cũng có sách chép là Mạnh Thuyết

Hai quân gặp nhau mà bày trận, hoặc quân ta ở xa mà lại, cái đêm mới đến, hoặc là cái đêm đối với địch chưa phân được thua, hoặc là cái đêm mưa gió tối tăm, hoặc là cái đêm quân ta chợt phải lo lắng, hoặc là cái đêm trong quân có việc cầu thần, yến tiệc, quân địch thường mưu nhân lúc ta mỗi một không phòng bị mà cướp dinh chiếm trại, cốt để làm cho ta xúc cảnh mà kinh lòng. Ban ngày ta nên tỏ ra vẻ rất mệt, rất bức, rất thê lương; đến buổi chiều thì vượt dinh, đặt quân phục, hồ dưng cờ xí, đèn lửa trong dinh chỗ sáng chỗ tắt xen nhau, không bỏ trống canh mà chờ đợi. Bốn bề đặt súng cho đầy mà lặng nghe. Đợi khi quân địch vào phục, hẹn lấy 3 khẩu súng hay 5 khẩu súng, cứ đúng số mà đều bắn. Quân phục nghe số súng phù nhau thì bốn mặt vùng dậy. Nếu không ước định số tiếng súng thì sợ khi quân địch còn chưa vào cối, tự bắn mấy tiếng để thăm dò ý quân ta, quân phục ta dậy trước chỉ là vô ích. Khi quân phục đã dậy đón đánh, thì quân đại dinh theo sau mà giáp đánh. Sợ đêm tối không phân biệt được người này người khác thì khiến quân ta đều thổi một cái ống sậy làm hiệu để khỏi nhầm lẫn.

Nếu tính đường đất, địch có thể đến giờ ngọ thì tới, thì ta liền đêm dời dinh đến nơi đất hiểm có thể đặt quân phục ở cách hai ba chục dặm, chiếu theo phép vượt dinh đặt phục trước mà làm, khiến địch thấy dinh của ta bỏ không cho là ta nhát, ắt đuổi theo ta. Kịp khi đến dinh của ta thì mặt trời đã chiều, ta cứ theo như

phép trước mà làm thì được. Vì lấy quân ít mà thắng quân nhiều, không khó nhọc thì không được; không phải đã chiều thì không được. Nếu gặp chỗ cỏ cây rậm rạp, nhân gió phóng lửa, lại rất dễ làm.

*

Sách Võ kinh:

Thái tôn hỏi: Phép trận tứ thú lại lấy bốn âm thương vũ chủy dắc làm tượng là nghĩa gì? - Tĩnh thưa: Đó là cách đánh lừa vậy. Thái tôn hỏi: Có thể bỏ được không? - Tĩnh thưa: Giữ đó tức là bỏ đó. Nếu bỏ mà không dùng, thì lại càng là lừa dối lắm. Thái tôn hỏi: Thế là thế nào? - Tĩnh thưa: Mượn tên bốn giống thú và hiệu trời đất gió mây, lại thêm phối với thương là hành kim, vũ là hành mộc, chủy là hành hoả, dắc là hành thủy, đó đều là cách lừa dối từ xưa của nhà binh. Giữ thế là thừa để lừa dối rồi, không cần thêm nữa. Nếu bỏ đi thì cái thuật khiến kẻ tham kẻ ngu do đâu mà làm được? Thái tôn nói: Khanh nên bí mật, đừng tiết lộ ra ngoài.

*

Sách Binh lược:

Như xưa Tây Sơn Nguyễn Huệ chống nhau với Thạc võ công⁽¹⁾ ở bến Thủ Ái, ra quân kỳ theo đường tắt mà vào thành nhà Lê, Chúa Trịnh vừa đi về miền Tây thì trong phủ đã dựng cờ Tây Sơn rồi.

Năm Kỷ Dậu, tháng giêng ngày mồng 5, Nguyễn

⁽¹⁾ Tức là Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ, tướng của Trịnh

Huệ chia quân ra làm ba đạo cùng với quân Bắc⁽¹⁾ tiếp chiến, mà thủy binh tiến đậu ở sông Nhị Hà, đó là mưu chệt đường về của quân Bắc vậy.

Làm tướng cầm quân mà không có thể nương dựa nhau thì thế nào cũng thua Như Lý Hiển Trung⁽²⁾ ở cuối đời Tống chống nhau với nhà Kim, mà Hoàn Uyên thu quân về không cứu viện để Hiển Trung quân cô không có viện, thua ở Phù Ly, đó là tội của Uyên vậy. Bắc triều đem quân, cùng quân Tây Sơn tiếp chiến, một trận mà thất thủ, vì có không có quân cứu viện vậy.

*

Binh pháp nói “Chệt cổ hòng giữ chỗ hư”. Như ba tướng Từ, Tôn, Lưu⁽³⁾ vâng mệnh đi đánh giặc, giặc lui vào Thái Nguyên, toan do Bảo Định qua Cư Dung mà tiến đánh Bắc Bình. Tôn tướng quân đốc quân sáu vệ đủ để chống giữ Bắc Bình. Lưu nhân giặc không phòng bị, thẳng đến Thái Nguyên, đánh đổ sào huyệt của giặc. Giặc tiến thì không thắng

⁽¹⁾ Tức quân Thanh

⁽²⁾ Lý Hiển Trung: Thời Tống Cao tôn, Hiển Trung chống nhau với quân Kim ở Tức Châu, Thiệu Hoàn Uyên đóng quân không đến cứu viện

⁽³⁾ Từ là Từ Đạt, Tôn là Tôn Hưng Tổ, làm tướng đời Minh Thái tổ, vâng mệnh đi đánh chiếm kinh đô nhà Nguyên là Bắc Bình và đuổi đánh vua Nguyên là Khoáng Quách Thiết Mộc Nhĩ ở Thái Nguyên. Theo **Minh sử** thì đánh Thái Nguyên với đại tướng quân Từ Đạt là Thường Ngô Xuân chứ không thấy có tướng nào họ Lưu cả.

được, lui thì không có chỗ dựa, nếu trở về Thái Nguyên thì đã bị Từ, Lưu khống chế rồi, tiến thoái đều không lợi, hẳn là bị bắt,

Bỏ chỗ thực mà đánh vào chỗ hư, đó là cái diệu của việc binh. Thực là nơi nhóm họp binh lương; đánh vào chỗ thực thì việc càng khó. Người giỏi dùng binh bỏ chỗ thực mà giả chỗ hư. Chỗ hư ấy là chỗ thực của ta, trên dưới chấn động, dầu có bậc trí giả cũng không mưu tính gì được.

Có khi bỏ chỗ thực giả chỗ hư mà có được có thua. Như Hán Cao tổ làm khốn quân Sở. Hạng Vũ đem quân đánh Tề, quốc đô của Vũ bỏ không, Hán Cao tổ bèn đem quân chực hầu kéo thẳng vào Bành Thành. Đó là cái diệu biết giả chỗ hư vậy. Nhưng vì nảy sinh ra lòng ham muốn, thu được người đẹp và của báu, đặt rượu mở hội, không biết chệt đường về của Hạng Vũ, cho nên khi Vũ nghe được tin, tự đem ba vạn tinh binh mà cả phá được quân Hán.

Lại ví như bày nghi binh ở một nơi khiến quân địch bỏ không nước để chống cự, ta bèn đem binh kỳ đánh thẳng vào chỗ hư, bao nhiêu kho tàng của địch bị ta chiếm cả, ta đắp lũy để giữ, đặt binh để phòng, khiến địch không có chỗ mà về, như chim vỡ tổ, như cỏ mất gốc, không trốn vào đâu được. Đó là chước của Hàn Tín, dùng mọc anh⁽¹⁾ để đánh nước Ngụy,

⁽¹⁾ Mọc anh: Cái bình bằng gỗ. Thời Hán Cao Tổ, Hàn Tín đánh Ngụy vương Báo, Tín giàn rất nhiều quân và thuyền ở đất Lâm Tấn, giả làm định cho quân sang dò ở đấy, nhưng ngầm sai

dựng cờ đỏ⁽²⁾ để úp nước Triệu vậy.

Dịch sợ ta không dám tới gần, thì ta lui đồn mà phục kích là hẳn được. Ta cầm quân bức dịch, chặt gỗ làm rào phen, sợ dịch không dám giao phong, thì ta nói phao là lui về để chờ cơ hội, triệt bếp núc để cho nó tin. Thế rồi đặt quân phục ở các nơi, hẹn nghe có tiếng trống thì đánh. Rồi quân phục ở các nơi, hẹn nghe có tiếng trống thì đánh. Rồi quân dịch mừng là ta đi, tức thì phát quân tiến đến. Ta truyền cờ nhỏ bảo trống khua lên, quân phục bốn mặt vùng dậy đánh. Phao tiếng hự, khiến dịch ngỡ là thực.

*

Phàm quân ta mới thắng...⁽³⁾

Mưu. Mưu lạ có thể làm một lần mà không thể làm hai được. Ta có trí mà dịch không phải là không khôn, chỉ là trí của ta tính được trước, mà dịch thì chưa tính kịp, nên dịch sa vào trí của ta. Nếu lại cứ đem

quân lính phục ở đất Hà Dương, cho quân lính dùng những bình bằng gỗ kết lại thành bè, sang qua sông đánh úp An Ấp, bắt Ngụy vương Bảo.

⁽²⁾ Xích xí: Cờ hiệu của nhà Hán, màu đỏ. Thời Hán Cao tổ, Hàn Tín đánh Triệu vương Ýết, bày trận quay lưng ra sông. Quân Triệu mở cửa thành ra đánh. Tín giả cách thua bỏ cờ trống. Quân Triệu bỏ thành ra đuổi Tín và cướp lấy cờ trống. Tín thừa lúc ấy, đem 2000 kỵ binh vào trong thành của Triệu, vất bỏ cờ của nước Triệu, cắm 2000 lá cờ hiệu của Hán. Quân Triệu không đuổi được Tín, muốn vào thành thì thành đã cắm cờ của Hán rồi. Quân Triệu rối loạn, quân Tín đánh sát, phá được quân Triệu, bắt được Triệu Ýết.

⁽³⁾ Trích **Hổ trưởng khu cơ**, chương “Dạy quân đánh giặc” đoạn 11, đây xin bỏ, xem ở sau.

mưu trước mà làm thì ít khi không bị địch đem kế để phá kế vậy.

Đón chặn đường về. Đại khái dùng binh thì phải trong ngoài nương tựa nhau mới thắng. Cúc Thành Ngỗi⁽¹⁾ đóng thành tự giữ, sai gọi con là Hàn ở Đồ Hà về. Hàn nói “Quân địch nhiều quân ta ít, khó lấy sức mà thắng được, xin làm binh kỳ ở ngoài, cùng với quân gián điệp mà đánh. Nếu dồn quân làm một thì địch được chuyên ý đánh thành, không phải dắc sách”. Ngỗi theo lời. Vũ Văn đại nhân là Tất Độc⁽²⁾ nghe tin nói rằng: “Hàn không vào thành, sợ có thể làm lo cho ta, nên đánh trước đi”. Bèn chia sai mấy nghìn quân kỵ đánh úp Hàn. Hàn đặt quân phục để chờ, hăng đánh, đều bắt được cả. Thừa thắng rồi khinh tiến, sai gián sứ về nói với Ngỗi đem quân cả đánh. Mới bắt đầu giao phong, Hàn đem nghìn quân kỵ do một bên thẳng vào dinh địch, bùng lửa đốt. Quân địch cả thua.

*

Sách Yên thủy thần kinh:

Liệu địch mà xuất kỳ kế. Kỳ lại ra kỳ, kỳ không có hạn; diệu mà rất diệu, diệu thật không cùng. Nam

⁽¹⁾ Cúc Thành Ngỗi: tức là Mộ Dung Ngỗi, thiên vu nước Tiên Ty. Thời Tấn Mẫn Đế, bị Đông Di hiệu úy là Thôi Bí âm kết với nước Cao Cú Ly và bọn Vũ Văn và Đoàn Quốc đến đánh. Cúc Thành tức là chỗ Ngỗi đóng đô.

⁽²⁾ Vũ Văn: Quan trưởng Tiên Ty, họ là Vũ Văn, đời đời tập phong là đại nhân. Tất Độc tức là Vũ Văn Tất độc. Đại nhân tức là quân trưởng của Tiên Ty.

mà đánh bắc, bắc lại phòng nam. Đông mà ngờ tây, tây phòng đông trước. Tuy nói quyền mưu không thể đặt trước, nhưng phải phòng trước thời; biến cố không thể đề trước, nhưng phải phòng lo toan. Biến thì biến không cùng, cơ thì cơ không lường được. Cho nên cá lớn lội ở chỗ nước nông, bắt sống được chẳng cần chài lưới; thú mạnh đã vào đồng nội, bắt tay được chẳng cần bẫy hãm. Đuổi hổ trừ lang không phiên sức khỏe; trị binh chống địch chẳng mượn uy ta. Ấy nên rồng gầm trời nhả mưa, hùm thét nước sinh gió. Xã tắc nghiêng bằng tùy miệng biển, non sông thay đổi cây nghiêng bằng tùy miệng biển, non sông thay đổi cây môi giao. Dân là gốc nước, gốc bị sâu thì nguyên khí suy; gỗ làm cột ruộng, cột bị mục thì nhà ta đổ. Vận may đi thì lòng người dễ tan; giặc hoà đến thì một cuộc⁽¹⁾ khó chống. Cho nên không học thì ra chiến trận như lòng say mà không biết, cầm cờ búa như bó tay mà chờ suy.

Phàm thắng địch là nhờ ở kỳ. Hợp thì làm quân chính, chia thì làm quân kỳ. Hợp và chia chỉ ở sau một tiếng trống hay hai tiếng trống. Quân gấp mười thì vây, quân gấp năm thì đánh, đó là quân chính vậy. Lấy ít mà đánh đồ nhiều, đó là quân kỳ vậy. Quân chính thì bộ khúc rõ ràng, đúng theo pháp độ. Quân kỳ thì không cần pháp độ bó buộc, nghìn biến muôn hóa, ngồi thì làm, đánh thì dậm, một lúc đều đứng dậy. Đến khi muốn thôi thì trở về đội ngũ.

⁽¹⁾ Một cuộc tức là chỉ có một chước cũng nhắc

Giả như đại quân ở trước gặp địch thì chỉ huy cho chính binh ở tiền chi ứng phó; nếu như tả gặp thì tả ứng phó, đó là quân kỳ.

Thủy bộ hai quân tiếp nhau, làm chính làm kỳ, theo hình mà đổi dùng, như lấy thủy binh làm chính thì lấy bộ binh làm kỳ, như lấy bộ binh làm chính thì lấy thủy binh làm kỳ.

+

Sách Võ kinh

Dem quân vào sâu trong đất chư hầu, cùng với quân địch tương đương, nhiều ít mạnh yếu ngang nhau, chưa dám đánh trước... Như thế thì phải dem quân ta cách địch mười dặm mà phục ở hai bên; dem quân xa kỳ đi trăm dặm mà vượt cả trước và sau, dựng thêm nhiều cờ xí, thúc thêm chiêng trống. Khi đánh nhau thì vừa đánh trống vừa la reo mà đều dậy. Tướng địch hẳn phải sợ là quân mình kinh hãi, nhiều ít không cứu được nhau, sang hèn không xứng được nhau, địch tất phải thua⁽¹⁾.

Ví như quân phục ở giữa đường ta đi, thì đặt quân phục, dùng lối giả cách chạy để đánh giáp lá cà. Quân phục ở giữa đường địch đi, thì đặt quân phục dùng lối chạy ra đón đánh. Tùy cơ ứng biến, để mật thư vào cắm nang, trao cho tướng tâm phúc giỏi, kín đáo mai phục, cầm nhiều chiêng trống, cờ xí, súng ống, để dùng làm rối lòng và mắt của địch, mà phép cho

⁽¹⁾ Xem **Võ kinh trực giải**, phần “Lục thao”; chương 37.

quân phục dậy cũng phải ước định trước. Chỉ xem trên núi nọ nổ mấy phát súng, ban ngày vậy mấy lượt cò, ban đêm treo mấy cái đèn, một lúc mà đều phù hợp thì mới có thể cho quân phục dậy. Vì sợ quân địch đa trá, hoặc thấy hình thế có chỗ ngờ mà vô cớ nổ súng, hay cho người cầm cò lên núi dò xét, chợt có ám hợp mà quân ta vội dậy thì hẳn là hỏng việc. Nếu như bọn giặc giả trá, hoặc tụ hoặc tán, đóng giữ nơi rất hiểm, reo hò khua trống bắn súng nhử ta ra đánh, rồi nó lùi ngay, chờ ta vừa quay về thì nó lại giả cách đuổi, đuổi thì trống và reo rầm rộ, lùi thì dọc đường ngầm cắm chông độc, phục quân ở chỗ hẹp, đợi ta đi vào chỗ hiểm thì lấy là dắc kế. Như ta thế lớn, đánh gấp ngay thì nó hẳn lẫn vào lên đá trốn đi các ngã, tóm lại là không thể đuổi theo được giặc. Nếu có đuổi thì ta phải chia quân làm ba đường: một đường do giữa mà đuổi về trước, hai đường tả hữu thì lên núi, gác cầu mà đi, giặc dù giảo hoạt cũng không làm gì được. Đại phạm quân ta tiến lui, không gác cầu thì không thể đi được. Tướng sĩ các người phải tuân theo mà làm.

Hoặc sức quân mỏng yếu, hay là đại quân chưa nói đến, quân đi trước bị thế cô, địch ý thế lớn lại lấn áp ta, thì khi đó cái thế quân nhiều quân ít quá xa nhau, lui không thể được, chống thì khó địch, phải dùng phép “đăng dinh phục lộ”⁽¹⁾. Trước phải thăm dò cho xác thực, tính biết xa gần. Nếu địch có thể đến buổi chiều, thì ta

⁽¹⁾ Vượt dinh mà mai phục ở đường, xem ở phần trên.

đóng chặt rào trại, hư trương cờ trống, để tỏ ra thế liệu giữ khó phạm được, cho địch sinh ngờ; đồng thời ngầm phục binh ở bốn mặt hiểm, đợi khi địch chủ trì không vững, tự nhiên đóng dinh, trong khi đóng dinh chưa định, thì ta bốn mặt đều nổ súng, làm cho địch sợ hãi. Nếu địch rối loạn thì ta thừa thế nổi quân phục đánh ngay. Ta nhân nó nhọc, có thể thu được cái công lấy ít phá nhiều. Địch nếu thua lui, thì ta trước phải ở các nơi khe núi rậm kín trương nhiều cờ xí đèn đuốc, chiêng trống súng ống vang lên, thì chẳng những có thể giúp được thế cho ta, có thể rối được nó, mà lại khiến địch không biết số quân ta nhiều hay ít mà không dám trở lại nữa.

Hoạt. Hoạt có mấy mối: Có thể lâu, có thể tạm, đó là hoạt ở thời; có thể tiến, có thể lùi, đó là hoạt ở địa; có thể đi, có thể lại, đó là hoạt ở đường; có thể đứng đó, có thể chuyển dời, đó là hoạt ở cơ. Binh phải hoạt mới động được; kế phải hoạt mới làm được. Tuy thế, trong hoạt cần phải có nghiêm. Nếu nơi nơi đều dùng hoạt cả mà không lưu lại để tiếp sau thì làm cô quân, không dính với hàng sau, thì gọi là cùng sách.

Việc biến ảo ở chẳng định, cũng biến ảo ở có định. Có khi lấy lấy việc thường mà biến đi, lại có khi lấy việc biến mà biến đi. Biến là không cùng; có thể làm thì làm lại, làm lại tức là biến, ước chừng là biến mà không biến. Không thể làm được thì biến; biến tức là làm lại, vì rằng biết là biến mà lại biến vậy. Cũng như muôn áng mây chỉ là một khí, nghìn làn sóng chỉ là một sóng;

là cái ấy mà cũng không phải là cái ấy.

Sách Tôn tử:

Phàm trị quân nhiều cũng như trị quân ít, bởi vì đã có phân số. Đấu nhiều quân cũng như đấu ít quân, bởi vì chỉ là hình danh vậy. Ba quân đông đúc, có thể thụ địch mà không thua, bởi vì có kỳ và chính. Binh đánh vào như lấy đá ném vào quả trứng, bởi vì hiểu rõ hư thực. Phàm chiến đấu, lấy đạo chính để hợp, lấy đạo kỳ để thắng. Cho nên người giỏi dùng kỳ thì vô cùng như là trời đất, không hết như là sông biển; đến cuối lại về đầu là nhật nguyệt; chết mà lại sống là bốn mùa. Tiếng chẳng qua năm cung, năm cung biến ra thì không thể nghe xiết được. Sắc chẳng qua năm màu, năm màu biến ra thì không thể xem xiết được. Mùi chẳng qua năm vị, năm vị biến ra thì không thể nếm xiết được. Thế chiến chẳng qua chính với kỳ, chính kỳ biến hóa không thể cùng vậy. Chính kỳ sinh ra nhau như vòng xoay tròn không có đầu mối, ai biết thế nào là cùng⁽¹⁾.

★

Nước xiết chảy nhanh đến trôi đá là thế vậy; chim dữ bay nhanh đến què gãy là tiết vậy. Cho nên người giỏi đánh thì thế hiểm mà tiết có qui củ. Thế như là nổ dương, tiết như là nảy máy. Rồi bởi mà không thể loạn; tròn trạnh mà không thể hỏng. Loạn sinh ra ở trị, khiếp sinh ra ở dũng, yếu sinh ra ở mạnh. Trị với loạn là số vậy, dũng với nhát là thế vậy, mạnh với yếu là hình vậy.

⁽¹⁾ **Tôn tử**, thiên V

Cho nên người giỏi động địch, lấy hình mà động thì địch phải theo; đem cho mà động thì địch phải lấy. Dùng lợi nhà động, lấy góc mà dãi. Cho nên người đánh giỏi thường tìm ở thế, không trách ở người, cho nên mới chọn người mà dùng thế, dùng thế là đánh người vậy. Cũng như chuyển gỗ đá vậy. Tính gỗ đá để yên thì tĩnh, gặp nguy thì động; hình vuông thì đứng, hình tròn thì lăn. Cho nên cái thế giỏi đánh người cũng như lăn đá tròn ở núi cao nghìn nhẵn vậy. Đó là thế vậy.

IV - DÃ CHIẾN

Sách *Kinh thế*:

Khi hai quân gặp nhau ở trên cánh đồng bằng, giặc chia mấy đường mà lại, quân ta cũng chia mấy đường mà ứng, chỉ cần lên một nơi gò cao, thế giặc thế nào, có thể thấy cả được. Đất bằng chia quân cũng dễ ra sức. Túc như nếu trước sau có giặc, quân ta cũng theo đó mà chia ra, quân trước thì chống ở trước, quân sau thì chống ở sau, chỉ huy thư thả, không nên vội vàng thất thổ mà chuyển quân trước chống ở đằng sau.

*

Phép gài tên dưới đất⁽¹⁾

*

Sách *Yên thủy thân kinh*:

⁽¹⁾ Trích một chương của sách *Hồ tướng khu cơ*, đây xin bỏ xem ở sau.

Phép đánh nhiều quân. Phàm đánh nhiều quân thì lợi ở đồng bằng. Kíp thì có thể vây, đánh cả quân viện, cắt đứt đường lương, phục binh mà đánh, hễ quân có lợi thì thôi.

Phép đánh ít quân. Phàm đánh ít quân thì gọi là quả, lợi ở chỗ hiểm ách, hoặc nhân lúc rối ren, hàng ngũ chưa chỉnh, dinh trại chưa yên, lương ăn chưa xong, ít quân càng phải quấy rối.

Phép đánh bằng voi. Phàm đánh bằng voi thì lợi ở đồng bằng. Nếu voi địch đến đánh, thì lợi ở dùng tre gai và chông; dùng hỏa công, hỏa tiễn mà đánh, hay nhử vào nơi bùn lầy mà đánh.

Phép đánh bằng ngựa. Phàm đánh bằng ngựa thì lợi ở đất thập thắng, kiêng ở đất cửu bại⁽²⁾. Quân ngựa của địch đánh ta ở đồng bằng, thì dùng chông, hầm hố, dây thừng; nếu như gặp ta ở nơi bùn lầy, thì họ phải bỏ ngựa mà đánh.

Phép đánh ở bãi cát. Nếu đánh ở bãi cát dài thì khi quân địch đến đánh, ta dồn cát thành đống mà mai phục, đợi địch đến được nửa trên nửa dưới thì đánh hản thắng.

Khi địch nhiều quân, thì ta nên lánh nơi bằng phẳng, đón ở nơi chật hẹp, khuá trống mà dấy, địch đầu quân đông, không thể không rối ren. Vì lấy ít đánh nhiều không gì hay bằng ở nơi hiểm trở, cho

⁽²⁾ Đất thập thắng : Mười thế đất đánh thắng. (Đừng lộn với “thập thắng” ở trên).

nên nói dùng quân ít cần phải ở đất hẹp; hoặc chia làm quân kỳ quân phục, hoặc tan làm nghị binh, quấy rối cho nhiều, thế thì địch không biết giữ thế nào.

Binh pháp nói: Dùng quân ít càng phải quấy rối.

*

Sách *Võ Kinh*:

Hỏi: Có quân rất nhiều, đã giải lại mạnh, dựa chỗ hiểm của núi sông, hào sâu lũy cao để giữ, mà lương hết quân mệt, khó điều giữ lâu thì làm cách nào? Trả lời: Thế thì dùng mưu của chủ tướng, không phải là sức của quân xa kỵ. Nếu gặp thì nên chia làm năm quân, để ở năm con đường. Địch ắt phải ngờ, không biết đánh quân nào. Đánh thắng thì tiến, không thắng thì chạy mau, dẫn nó đến chỗ mai phục, một quân đóng ở trước, một quân đóng ở sau, hai quân ngậm tằm, hoặc ở bên tả hoặc ở bên hữu mà đánh úp vào đấy. Năm quân giao tới, ắt là có lợi. Đó là phép đánh quân mạnh vậy.

Hỏi: Địch lại bắt ta, ta muốn chạy không có đường, quân sĩ đều sợ, thì làm cách nào? Trả lời: Phải làm thế này: Nếu quân ta nhiều mà quân địch ít, thì ta chia quân ra làm kỳ và chính, cần dẫn phải mềm mỏng quân địch nhiều quân ta ít thì nên dùng cách phương

tuyên⁽¹⁾ mà không phải nghĩ ngợi gì nữa, vì cách phương tuyên, hoặc nói rõ ra để cho yên lòng, hoặc nói dối để cho vững chí, tuy quân rất sợ mà có thể đánh được. Đó là phép địch bắt ta, ta ứng lại vậy.

Như quân ta đi ở bãi cát dài, không có đồn sở, nếu gặp thì sai người tiếp ở xa, khi thấy thuyền giặc đã gần tới, thì đem quân ta mai phục, sức cho những người bắn giỏi phục ở đường trọng yếu, lại khiến binh chính đánh mà giả thua. Trong lúc địch đương ở nửa trên nửa dưới, thì ra hiệu cho quân phục bắn, hẳn là được.

Như ở giữa đồng, hai quân đóng đồn bên giữ, một đêm mưa gió chợt thấy có giặc đến đánh, ta nên đóng vững quân không động, thám xét cho nghiêm, và dặn quân thấy giặc thì dừng động. Như thấy tả hữu của địch đánh vào thì không được vội vã, thăm sai động binh tiếp đánh.

Đánh ngoài đồng. Chính là phép của nhà binh, trái với phép thì có cơ cũng không gieo vào được. Phép binh không gì tinh bằng cách đánh ngoài đồng. Hoặc tiến hoặc lùi, hoặc thua hoặc dấy, bày trận thì như mây nổi cuốn ngoài nội, quân đi thì như tơ bông bị gió bạt; khi đến sát thì như cát bờ đá dựng, cao thấp dùng thế; khi bắt giặc thì như muôn ngựa đuổi gió, hết sức nhảy bay. Địch lấy phép mà đo, phép cũng không kịp phòng bị, lấy kỳ mà lường, kỳ cũng không kịp ứng đối. Lấy

⁽¹⁾ Phương tuyên: Nghĩa đen phương là vuông, tuyên là xoay tròn, không rõ cụ thể là phép thế nào

loạn mà xét thì loạn mà không mất, ruổi mà không chạy, cờ xí rối động mà không lung tung, mỗi người tự đánh, quân tự lập thế, thấy lợi thì làm, thắng không định được dấu vết ở đâu. Thế mới gọi là tướng biết dùng binh vậy.

Phép đánh bộ. Nghe trống một hồi, quân bộ, quân kỵ đều phải trang bị; nghe một hồi nữa thì đều cưỡi ngựa đứng yên; nghe hồi thứ ba thì theo thứ tự dấy đi, dựng cờ hiệu. Sau nghe tiếng trống thì sắp trận. Quân xích hậu thì coi địa hình rộng hẹp, dựng nêu ở bốn góc. Trong phép chế trận, các bộ khúc đều tiếp bộ mà bày quân. Quân khi vào chiến trận, là từ chỗ sống mà vào chỗ chết; từ chỗ thực mà vào chỗ hư; từ chỗ lợi mà vào chỗ hại; từ chỗ nhàn mà vào chỗ nhọc; từ chỗ không bị cùng mà vào chỗ khốn cùng.

V - SƠN CHIẾN

Sách Kinh thế:

Trong núi với đồng bằng, địa thế không giống nhau, thế trận và sự hành quân cũng phải khác. Trong núi hiểm trở muôn hình, hoặc là lên treo suối chần, chỉ một đường đi, ngoắt ngoéo cong dãi, hoặc đôi bên sâu rậm, hoặc đá chất ngồn ngang, hoặc khe chẹt cầu gãy, hoặc cỏ tốt um tùm, hoặc ngồi sâu bùn hắm, không chỗ nào có thể đặt phục binh, không đường nào có thể đón chặn, nếu dò xét không rõ ràng, thì bị nhầm lọt vào đó.

Nay có một phép hay: Quân ta đánh nhau với quân giặc, không ở chỗ có thể phá được giặc, mà trước

là ở chỗ không thể bị thua. Nay hãy nói trong dinh có một nghìn quân thì cứ mỗi trăm làm một tiêu, bắt một tên bộ binh nhanh nhẹn hợp với một tên mã binh, sai cho đi trước, hoặc 2,3 dặm hay 4,5 dặm, hễ gặp bên đường có núi, người mã binh không thể lên được thì người bộ binh cầm một lá cờ nhỏ lên chung quanh núi người bộ binh cầm một lá cờ nhỏ lên chung quanh núi dò trông. Nếu không có quân mai phục và quân giặc ở trước, thì cầm cờ đứng ở trên núi làm hiệu, mã binh chạy về báo là đường thứ nhất không có sự gì kinh nghi. Tiêu thứ nhất lập dinh; rồi tiêu thứ hai cũng đi, hoặc 1,2 dặm, hay 3, 5 dặm, thăm dò đích xác, lại báo như trước. Lần lượt đến tiêu thứ 7, 8, 9, 10, đều như thế mà lập dinh. Như 10 tiêu đã hết, lại từ tiêu thứ nhất cuốn dây tiến lên. Nếu một mặt là núi thì một người có thể trông suốt được; như hai mặt đều là núi, thì không khỏi nhìn một mặt có sự sai lầm, cũng chưa định được. Nên lại bắt bộ binh chia tả hữu lên trông, thấy tả hữu đều không có gì đáng sợ, thì không phải cất cờ hiệu nữa. Hoặc một bên có động, thì người ở trên núi một bên giơ cờ lên, rồi người mã binh chạy về báo biết, để tiện ứng địch. Cứ theo cách đó mà hành binh. Phàm tình hình của giặc ta đều dự biết được cả. Nó dù đón **chặn** hay giả cách như ta, thì ta đã trước có thể không thua vậy. Nếu quân thám của ta không phòng bị, chợt xảy gặp giặc, thì người mã binh chạy về báo biết để tức thì ta theo hình núi mà bày trận dự bị đón giặc. Còn một tên bộ binh, nếu chạy hỏa tốc kịp về thì hay, như

chạy không kịp thì lén vào chỗ núi sâu lên đá, hay chỗ cây cỏ um tùm mà tạm ẩn lánh, thân của một người, địch vội vàng chẳng rồi mà tìm, có thể khỏi nạn. Như quả thám báo được sự thực, quân ta có công, thì phải đem những người thám báo ấy làm công đầu mà thưởng. Để cho quân ta không phải lo lắng vì vội vàng sủng sốt, việc ấy có quan hệ lớn cho nên thưởng cao hơn mọi người.

Núi sâu đường hiểm, quân đi thám sợ một khi tìm tòi không được, nhằm vào trong đám quân phục, hoặc đón ở trước ta, hoặc xông vào giữa ta, hoặc đánh dứt sau ta, giặc lấy thế có mưu mà đợi ta không phòng bị, đường núi cách trở đầu đuôi khó tiếp viện nhau, chỉ trăm bước đường hiểm mà trước sau không cứu được nhau, nếu không báo trước rõ ràng thì hẳn là sủng sốt bối rối. Phàm tướng sĩ các người, trước hãy đem binh dinh sở bộ định trước quan binh hai tiêu. Nếu gặp chỗ hiểm yếu thì khiến lập dinh ở hai quả núi. Nếu tiêu trước gặp sự kinh động, thì phải đem bản tiêu lùi vào hai bên mà lập dinh. Phải nhắm chính chỗ cửa đường, bọc núi liền đồng, mà lập dinh giữa chống. Khi giặc lui thì rồn theo sau. Dinh sau lại ào ào kéo ra, tiếp nhau mà lập dinh, đổi phiên mà lần lượt đánh. Đó là phép phản khách làm chủ, ta nhàn giặc nhọc. Nếu giặc tự trung gian xông ra, thì quân ta ở hai đầu đóng giữ núi hiểm, ngồi đóng ở trên cao để chờ, xem cơ mà ứng biến, sĩ khí gấp trăm lần, giặc dầu có mưu cũng khó thì thối, là vì quân ta trước

đã có dinh lũy để chờ đón nó đến, ví như đến nơi đã có nhà rồi, tự nhiên lòng quân thống nhất, không đến tan vỡ, kẻ kia nọ giúp nhau thì đảm khí của người tự mạnh. Nếu giặc chặn sau ta, thì ta nên lấy lùi làm tiến, đem các hậu tiêu đổi làm tiền tiêu, lượng để bình mà giữ giặc, rồi cuốn ngược mà về, nó khó mà đón được. Như gặp núi khe đường hiểm thì phải để quân đóng giữ, rồi sau lại tiến. Hành dinh trong hang núi, không gì hơn phép ấy, đó là cái thế cuốn mạnh làm trận, bước bước làm dinh vậy.

Hai quân gặp nhau ở nơi núi hiểm, bình ta cả quân tiến lên, nếu giặc giữ đầu núi chia đội mà đến, ta mới đầu vội vàng khó thấy, khi giặc đến gần mới nhận rõ, ta phải một lúc chia quân, không những không dễ dàng, mà lại bốn bề toàn núi, thực khó giàn bày. Giặc đã giữ nơi cao đồ xuống, dễ đến áp bức, ta không khỏi không có sự lo trở tay không kịp. Từ nay về sau, nếu đánh nhau ở núi, trừ khi đón đại quân của giặc thì cứ theo đại thế mà đón trước, bằng như bốn bề có núi, có thể đánh đường đến của giặc, thì trước hết theo thế núi chia đường mà tiến. Nếu quân giặc phân đội mà lại, thì tự có thể hai bên đối đầu nhau; nếu giặc chưa thành đội mà đến, thì ta nhân nó không phòng bị, bốn mặt đánh lại thì có thể khiến sở đoản của giặc đều hoá làm sở trường của ta. Lại trừ việc chia đường ra, đại tướng phải lên trên núi rất cao, đem binh tự vệ chia ra làm mấy đội, mỗi đội giao cho một tướng giỏi, bày quân nghiêm chỉnh, xa trông tình hình quân ta gặp giặc ở

trên đường nào. Nếu như hàng ngũ thành thoi, chí khí hăng hái, thì biết đường ấy ắt thắng. Hoặc thấy đường kia đi chạy vội vàng, đội ngũ lộn xộn, thì biết đường ấy hẳn kém, tức thì sai tướng giỏi dưới trướng đem quân giúp đỡ. Hoặc thấy đường ấy quân giặc bội hơn quân ta, thì cũng sai đem quân đến giúp. Nhưng trong lúc chia đường đón giặc cũng phải có phép mới được. Tỉ như quân ta vừa đến đầu núi mà giặc đã đến dưới núi, thì ta giữ núi không xuống, đợi giặc lên đến nửa núi thì quân ta tức đem gỗ đá lên núi lao xuống mà đánh, chẳng những quân trên núi đỡ sức, mà gỗ đá lăn xuống làm bị thương nhiều. Nếu như giặc ở trên đầu núi mà quân ta đến dưới núi thì ta giả làm cách nhát chạy, nhử giặc xuống nửa núi, quân ta giải ra mà gấp lên núi để đánh. Quân ta nhát chạy, một là tránh được chỗ khe núi, khỏi bị đá gỗ lao xuống, hai là nhử cho giặc mất chỗ hiểm và không có gỗ đá để đánh. Nếu quân bắn súng của giặc chưa sẵn bùi nhùi thì lại không thể bắn được một tiếng súng nào.

Phép đánh trận ở núi hang. Phải khéo đặt quân phục, đánh mạnh thì có lợi. Những người nhanh chân thì lẩn lên chỗ cao, những quân cầm tử thì đỡ ở đằng sau. Bày nỏ để xông đánh. Dùng chước cầm cự thì nó không tới được mà ta cũng không đi được.

*

Sách *Bảo giám* :

Phàm đánh nhau mà bên tả có núi chằm, bên hữu có gò đồng, thì lên cao mà đánh xuống thấp, ở nơi sống

mà đánh nơi chết, đó là ở gò bằng mà đánh người. Nếu tả hữu là gò núi hang khe chật hẹp mà gặp nhau với địch thì ta nổi trống rầm núi, cờ xí tựa rừng, lên cao nhòm xa, người ngựa ra vào, đó là ở núi hang mà đánh người.

Đánh trận ở núi gò, thì không ở dưới chỗ cao, không nhìn xuống chỗ sâu, không xông vào chỗ hẹp, không đi ra xa quá. Đánh trận ở trong rừng, không liên nhau thì không ruổi chạy. Đánh trận ở gò đồng thì không xuống chỗ hãm. Đánh trận ở gò bằng thì không lìa ra xa.

*

Sách Yên thuý thần kinh:

Phàm đánh trận ở núi thì ta phải ở nơi cao, cắt đứt đường vận lương của địch, đặt quân phục và khiêu chiến, đó là lý tất thắng.

Phàm đánh trận ở chằm, thì nương theo cỏ nước, dựa lưng vào cây cối, lợi ở phép đặt phục và khiêu chiến, làm như thế tất thắng.

Phàm đánh trận ở núi hang, thì ta phải ở nơi cao, tiện về cỏ nước, lợi ở đặt phục, hay hư trương ở nơi khác làm nghi binh, thì địch thua ngay.

Hỏi: Gặp địch ở nơi khe hang, ở bên chỗ hiểm trở, địch nhiều ta ít thì làm thế nào? - Trả lời: Phàm gặp địch ở nơi đó, phải hành động gấp để đi ngay, không được thông thả. Nếu thành linh mà gấp, dẫu quân nhiều cũng không dùng được. Trước hết phải kén quân khinh nhuệ cho ở trước hò reo đánh trống mà thừa cơ

Địch hản rối loạn thì ta đánh, đừng ngần ngại. Bằng nó vững lữ để giữ thì để nó ở chỗ hẹp, rồi tùy nghi mà đối phó, hoặc hư trương làm nghi binh, hoặc ngầm đặt quân phục, tùy theo thế mà đánh thì phải thắng.

Hỏi: Hai núi giáp nhau mà đất thì rất hẹp, bỗng gặp giặc thì làm thế nào? - Trả lời: Đó gọi là đánh trận ở núi hang. Tuy nhiều chống ít, quân giỏi nhẹ chân của ta cầm binh khí sắc đi hàng đầu, chia bày bộ kỵ nấp ở bốn phía, chẳng thấy được quân, rồi dờn dinh ra ngoài núi mà tỏ bảo cho giặc biết, sai tiền đội thay phiên tiếp nhau ra khiêu chiến, làm cho giặc không được nghỉ ngơi, lấy nhàn đối nhọc, thì đánh phải thắng.

Như giặc chiếm nơi cao, đó là nó giữ được nơi hiểm; ta không nên đánh, nên lui mà tìm nơi vợ con và kho chứa của giặc để đánh và quân phục ở đường trọng yếu. Giặc hản phải bỏ nơi hiểm mà đi cứu. Ta nhân lúc giặc mất chỗ hiểm, nổi quân phục mà đánh, quân chính trở lại hợp đánh, đánh là phải thắng.

Như gặp giặc chạy vào trong chốn núi chằm, đó là nó giữ được đất hiểm, đánh thì nó lui lánh. Tìm ngay chỗ hiểm mà giữ, rồi chia quân làm ba chi, một làm kỳ, hai làm chính, khiến quân kỳ mai phục, quân chính thì đánh, giả cách chạy. Địch hản bỏ chỗ hiểm mà đuổi đánh. Quân kỳ dậy đánh, quân chính trở lại hợp đánh, chắc là phải thắng.

VI - THỦY CHIẾN

Thuyền lớn thì thắng thuyền nhỏ; thuyền chắc chắn thì thắng thuyền mỏng mảnh; thuyền thuận gió thì thắng thuyền nghịch gió; thuyền thuận dòng thì thắng thuyền nghịch dòng. Thuyền phải phòng cạn, phòng lửa, phòng gió, phòng bị đục, phòng khóa sắt cọc sắt. Lấy thuyền Phúc Kiến mà gặp thuyền Nhật Bản thì như lấy xe mà nghiêng con ngựa. Thuyền Phúc Kiến như thành, thuyền Nhật Bản như một khoang, ở trong biển lớn gặp nhau, thì đấu sức thuyền mà không đấu sức người, thế thì biết lớn thắng nhỏ vậy. Lấy thuyền Phúc Kiến mà gặp thuyền Quảng Đông thì như lấy đá mà ném vào núi. Thuyền Quảng Đông đều là gỗ lim, mà thuyền Phúc Kiến thì chỉ là gỗ thông, sóng gió đập nhau, gỗ thông rụng một cái là nát, thế thì biết chắc chắn thắng mỏng mảnh vậy⁽¹⁾

Các họ Tôn (Quyên) Tào (Tháo) Lưu (Dụ) Lư (Tuân) đánh nhau, thuận gió thì được trời giúp, nghịch gió thì hỏng sự cơ, thế mới biết nhân được sức gió thì có lợi vậy.

Đời Xuân Thu nước Ngô nước Sở tranh nhau, theo thủy chiến thì nước Sở thường thắng, theo lục chiến thì nước Ngô thường thắng, thế mới biết thủy chiến ở

⁽¹⁾ Xem võ bị chế thắng chí, quyển 13

thượng lưu thì lợi hơn. Tuy thế, trận đánh ở Bà Dương⁽¹⁾, thuyền địch cao lớn, ta khó đánh được. Quân Minh phóng lửa để đốt cháy hết. Thế là nhỏ thắng lớn, mỏng thắng chắc vậy. Trong cuộc Ngô Ngụy đánh nhau, địch được thế gió, Phó Quán đem thuyền giả cách lánh, đợi địch đi qua mà quay thuyền lại, tung gió mà đánh thắng. Thế là đổi dưới gió làm trên gió vậy. Trong cuộc Lương Trần đánh nhau, địch thuận dòng mà xuống đông, thắng tới Kiến Khang⁽²⁾, Hâu Trán⁽³⁾ thông thả ra Vu Hồ⁽⁴⁾ mà rồn theo sau. Thuyền địch trái gió mà tự đốt. Thế là đổi ngược dòng làm xuôi dòng vậy. Còn nạn mắc cạn cũng đáng lo. Thuyền ngự mắc cát ở Bà Hồ⁽⁵⁾ gần nguy, nhưng Nhạc Phi bình Dương Yêu⁽⁶⁾, dự bị đặt trước bè cỏ để lấp cửa lạch, bách địch phải chạy vào chỗ hiểm mà bắt lấy. Họ Ngô⁽⁷⁾ ở Giao Châu nhân nước triều ra khiêu chiến mà giả cách trốn, đợi thuyền địch vì nước triều rút mà vướng cọc, nhân đấy mà đánh. Thế mới biết có thể dùng nạn mắc cạn để đánh quân địch được. Về

⁽¹⁾ Tức là hồ Bành Lãi ở phía bắc tỉnh Giang Tây

⁽²⁾ Tức là Kiến Nghiệp cũ, kinh đô của Ngô Quyền thời Tam Quốc, ở phía nam huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô ngày nay.

⁽³⁾ Thứ sử Trương Châu ở thời Trần

⁽⁴⁾ Vu Hồ: Hồ lớn ở tỉnh An Huy, thuộc huyện Vu Hồ.

⁽⁵⁾ Tức là hồ Bà Dương hay Bành Lãi.

⁽⁶⁾ Dương Yêu: Đời Tống Cao tôn nổi loạn ở hồ Động Đình làm thủy khấu, cuối cùng bị Nhạc Phi đánh bại

⁽⁷⁾ Chỉ Ngô Quyền nước ta đánh quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng

nạn gió thì Thế Kiệt⁽¹⁾ bị bão, úp thuyền ở Nhai Môn, quân Kim bị sóng cuốn ở Đường Đảo⁽²⁾. Nhưng phép thuyền đi biển, hai đầu đều đặt bánh lái, gió thổi đông mà chạy tây, gió thổi nam mà chạy bắc. Chiêm nghiệm mà đoán định, không gì là không đúng. Thế là có thể dùng người mà phòng gió được. Về nạn lửa, mạnh như Mạnh Đức⁽³⁾ mà thua; khôn như Thế Trung mà thua; quyết như Từ Đạo Phúc mà thua. Hoặc là nhân gió mạnh mà đốt, hoặc là chia cho bộ binh chạy giáp bờ mà đốt. Nhưng trận đánh ở Nhai Sơn⁽⁴⁾, thuyền biển trát bùn mà tên lửa bắn không cháy được; trận đánh ở Hà Dương⁽⁵⁾, gậy sắt chống thuyền dầu mà phút chốc tắt hết. Thế mới biết có thể dùng kế để chống lửa vậy. Ở giữa dòng mà lỡ mất thuyền, một bình nước đáng giá nghìn vàng; cứ liều đánh ở trên thuyền, không bằng ngầm dìm ở dưới thuyền; cứ phá quân của địch, không bằng phá thuyền của địch. Thế thì cái lo bị giặc dùi

⁽¹⁾ Thế Kiệt: Tức là Trương Thế Kiệt. Cuối thời Tống, di theo Đế Bình ở Nhai Sơn, đóng quân ở đấy, sau bị đắm thuyền, vua tôi nhà Tống đều chết, nhà Tống bị diệt ở đấy.

⁽²⁾ Đường Đảo: ở phía nam Giao Huyện tỉnh Sơn Đông, một đạo quân Kim do đường biển muốn đánh úp Hải Châu, đậu thuyền ở đấy, bị tướng Tống là Lý Bảo đánh bại

⁽³⁾ Tức là Tào Tháo, bị Chu Du nước Ngô đánh hỏa công ở Xích Bích.

⁽⁴⁾ Nhai Sơn: Đảo ở phía nam huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, vua tôi nhà Tống bị quân Nguyên đuổi, đánh đắm thuyền ở đấy

⁽⁵⁾ Hà Dương: Thuộc Mạnh Huyện, tỉnh Hà Nam, Lý Quang Bật nhà Đường giữ thành ấy để chống Sử Tư Minh

thuyền rất lớn. Song hoặc khung thuyền dùng ván ghép, đáy thuyền đặt đinh sắt, hoặc mộ người giỏi lặn lội để giữ thuyền, đó cũng là cách phòng địch đánh chìm thuyền ta vậy. Nếu khi địch tiến mà muốn chống, khi địch chạy mà muốn bắt, thì hoặc căng xích sắt, hoặc chằng bánh xe của thuyền, buộc cây hay thả đá, đặt rạng ngầm, chống ở bến, đó chẳng phải là những kế chặn đường nước hay sao! Vậy muốn phá xích sắt và rạng ngầm, thì nên làm một cái bè lớn ngồi mà tiến lên, đem dùi để theo bè, đuốc lớn chứa sẵn, gỗ dài tẩm dầu, nấu sắt mà phá đứt dây xích. Nếu muốn phá thuyền mông xung kết liền của địch, thì nên mộ những người tráng sĩ mặc áo giáp mà tiến đánh, dùng búa chặt dây xích, đốt củi đổ dầu, thuyền đứt theo dòng nước trôi đi, thuyền cháy ngất trời. Nếu bè vướng đá ngầm mà mắc cạn, thì nên sai người giỏi lặn lặn xuống cầm đồ sắc nhọn phá những lồng đá cho nước thuận dòng cuốn đi, không còn vướng nữa. Đó cũng là cách chặn đường nước để phòng địch vậy.

Kỳ, nghĩa là càn cây vậy. Kỳ là vượt nước sâu, qua sông lớn, dùng nỗ cứng mà đặt binh; là vượt qua sông nước mà đánh. Phép đánh dưới nước, lợi ở thuyền ghe, kén quân rèn tập cho ngồi, trương nhiều cờ xí làm cho địch ngờ, bắn nỗ mạnh cho trúng, cầm gươm ngắn để đỡ, mang nhiều lá chắn để xông vào, thuận theo dòng mà đánh tới.

Gặp địch thì đừng bức bách nó xuống nước, vì nó biết đó là không khỏi chết thì phải liều chết mà không

chịu thua, như con thú cùng còn đấu, con ong con rết còn châm, huống là con người. Nên đợi nó sang sông nửa chừng mà đánh. Kẻ biết trước thì khỏi chết. Kẻ theo sau thì không có đấu tâm. Nếu ngược nước mà đến thì ta đón ở ngoài nước. Đó là dùng nước mà đánh người vậy.

Trong khi đánh trận bằng thuyền, nghe hồi trống thứ nhất, quan và quân đều nghiêm. Hồi trống thứ hai, binh lính ở thuyền chỉnh đốn chèo lái, cầm binh khí và giàn thuyền, ai ở chỗ nấy; cờ xí, còi, trống, tùy đó mà chở. Trống đánh hồi thứ ba, các thuyền lớn nhỏ lần lượt tiến ra, tả hữu trước sau, đều theo thứ tự ở bản đồ, ai trái lệnh thì chém. Chiến đấu dưới nước, không đi trái gió, không đi ngược dòng.

Đánh ở nước, ta kém mà địch giỏi, lấy kém mà đánh giỏi thì khó. Nếu như lấy tướng của địch, dùng quân của địch, cướp lấy tay chân của nó, lia lòng dạ của nó làm cho cò lập, rồi đem quân nhà vua nhân đó mà đánh, trong khoảng tám ngày, có thể bắt cóc tù trưởng.

*

Sách *Hồ trưởng khu cơ* ;

Phép lấy nước uống trong biển⁽¹⁾ ..

*

Bày trận sát nước, nên chờ địch sang nửa chừng mà đánh, lại bày nghi binh để ứng, mà xuất binh kỳ để đánh úp. Sát nước mà không cho nó sang được, đó là

⁽¹⁾ Trích cả một thiên “Thủy chiến” của sách **Hồ trưởng khu cơ**, gồm 9 chương, ở đây bỏ cả, xem ở sau.

cách giữ lâu, chứ không phải là muốn đánh chóng vậy. Sao ta lại không dẫn quân lùi ra, để cho nó sang nửa chừng, ta dùng quân thiết kỵ ủa đến mà giết thì nhất định phải thắng. Nếu để cho nó sang hết cả, nó có chí đập bếp đấm thuyền, làm quân liễu chết, thì một người đánh nổi trăm người.

Bày trận quay lưng ra nước có khi thua có khi được không giống nhau. Bên hữu và sau lưng là núi gò, trước mặt và bên tả là chằm sông, đó là phép thường của nhà binh; quay lưng ra nước mà bày trận, đó là phép kỳ vậy. Như Hàn Tín ở trận Trì Thủy⁽¹⁾, đó là liễu chết mà thắng; Cao tổ ở trận Duy Thủy⁽²⁾, đó là vì trể nải mà thua.

Nhạc Vũ Mục nhà Tống vâng mệnh đánh Dương Yêu⁽³⁾ ở hồ Động Đình. Yêu cậy thế hiểm. Quan quân từ trên cạn đánh thì nó chạy vào hồ, mà đánh ở nước thì nó nhảy lên bờ. Quân sở bộ của Phi đều là người Tây Bắc, không quen thủy chiến. Bèn trước sai sứ đến dụ thì đảng nó có Hoàng Tá ra hàng. Phi dâng biểu xin trao cho quan chức, lấy lễ thuận nghịch mà dỗ bảo. Tá cảm rồi khóc, thể lấy chết mà báo ơn, được sai trở về trong hồ, xem kẻ nào có thể nhân cơ bắt được thì bắt, kẻ nào có thể khuyên được thì vờ. Tướng của Yêu nhiều người hàng. Phi đêm đánh úp dinh giặc, trong đó có

⁽¹⁾ Ở tỉnh Trục Lệ

⁽²⁾ Ở tỉnh Sơn Đông

⁽³⁾ Dương Yêu: Xem chú ở trên, Nhạc Vũ Mục là Nhạc Phi, thời Tống

quân mấy vạn. Tướng của Yêu đương cưỡi thuyền ở trong hồ, bánh xe đạp nước, thuyền đi như bay, bên mạn thì đặt gậy đánh. Thuyền quan đón thì tan ra. Phi bèn chém gỗ ở núi Quân Sơn mà làm bè to lấp ngang các cửa lạch, rồi lấy gỗ mục cỏ rôi cho thả từ thượng lưu trôi xuống, chọn nơi nước cạn, sai những người giỏi chửi khiêu khích, vừa đi vừa chửi. Giặc tức đến đuối, thì cỏ cây dồn lại thành đống, bánh xe thuyền vướng không quay được. Phi đánh gấp ngay. Giặc chạy vào trong lạch thì bị bè ngăn lại. Quân Phi cưỡi bè căng da trâu để che tên đạn, vác cây to đánh vào thuyền giặc nát hết. Yêu cùng đường nhảy xuống nước chết. Quân còn lại đều đầu hàng.

Thủy chiến thì sông lớn là đường trọng yếu. Đường sông thế không giống nhau. Có khi thuyền rời bờ còn được nửa lợi. Có khi vừa thủy vừa lục đều tiến mà có thể được toàn lợi. Đó là có thể lấy chu sư⁽¹⁾ mà tiến vậy. Chệt lấy chỗ yếu hại của giặc khiến nó không tiến được, đó là có thể dùng chu sư mà giữ vậy, đánh bằng thuyền thì thuyền lớn phải được thuyền nhỏ. Thuyền rộng lớn như thành không phải sức người có thể lừa được, toàn nhờ thế gió. Thuyền địch hèn nhỏ mà lại thì bị thuyền lớn thừa gió ép xuống, đó là đấu sức thuyền mà không phải đấu sức người, đến đâu thắng đấy. Lại nói quân ta thuyền nhỏ, trông thấy thuyền khác cao lớn như núi, lớn nhỏ không thể địch nổi, như thế không

⁽¹⁾ Chu sư là quân đi thuyền, tức thủy quân

dùng hỏa công không được. Sức thuyền bền mỏng không giống nhau, hai thuyền ở biển, nếu xung kích nhau thì thuyền mỏng phải vỡ. Người làm tướng nên biết sức thuyền mình và lượng tính thuyền giặc thì mới có thể đánh được.

Thuận gió đánh ngược gió. Phàm thủy chiến thì lợi ở hỏa công, mà trợ hỏa thì có gió. Được gió thuận thì thắng, bị gió ngược thì bại. Như Ngô Việt vương lưu sai con là Phó Quán đánh nước Ngô. Nước Ngô sai Bành Ngạn Chương chống cự ở núi Lạng Sơn. Thuyền Ngô nhân gió mà tiến. Phó Quán lánh đi cho qua, rồi sau đuổi theo. Quân Ngô quay thuyền lại đánh. Phó Quán sai theo chiều gió tung tro bay mù làm cho quân Ngô không mở mắt được, đến khi thuyền ghe sát nhau thì Quán sai rắc cát ở thuyền mình mà vãi đậu sang thuyền Ngô. Đậu bị máu chảy thấm ướt, người Ngô dẫm lên đều ngã dài. Quán nhân phóng lửa đốt, thuyền Ngô cả thua.

Thuận dòng thắng ngược dòng. Như Thần Phúc nước Ngô từ Ngạc Châu xuôi phía đông, Diên Quân⁽¹⁾ sai tướng là Vương Đan và Uông Kiến đem thủy quân đón đánh. Thần Phúc bảo các tướng rằng: “Quân nó nhiều quân ta ít, nên dùng kỳ mà đánh”. Thần Phúc giả cách thua chạy, đem thuyền ngược dòng mà lên.

⁽¹⁾ Diên Quân đời Đường, làm quan đến thái bảo, sau mộ quân đánh Thăng Châu (tức là Kiến Lăng phủ ngày sau) thất bại.

Đàn và Kiến đuổi theo. Phúc lại thuận dòng mà đánh xuống, nhân gió buông lửa, Đàn, Kiến cả thua.

Phòng mắc cạn. Ngô Quyền nước Việt ta cất quân đánh công tiến ở Giao Châu. Chúa Nam Hán sai con là Hoàng Thao đem quân cứu Công Tiễn. Quyền đem quân đón đánh. Trước đã đóng ở cửa biển nhiều cọc lớn vót nhọn đầu bịt sắt, sai thuyền nhẹ nhân nước triều lên ra khiêu chiến mà giả cách thua chạy. Phút chốc nước triều xuống, thuyền quân Hán đều mắc cọc sắt mà không trở lại được, quân sĩ đắm chết già nửa.

Phòng lửa. Trát bùn buộc gỗ để chống lửa.

CHIẾN THUYỀN.

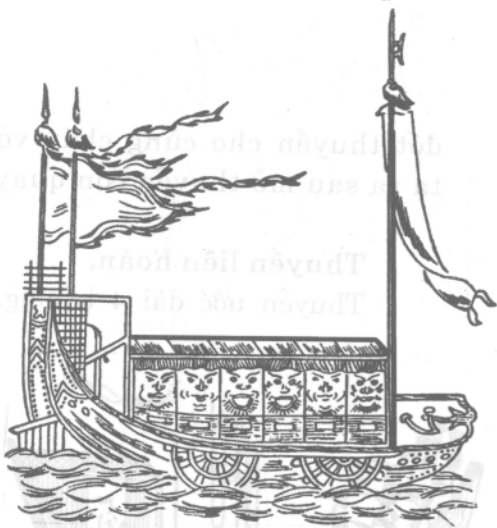
Thuyền máy thân phi⁽¹⁾. Hình dáng như thuyền biển, chu vi dùng da trâu sống để che, hoặc chẻ tre đan phen để đỡ tên đạn, ở trên thì để cửa bắn súng và lỗ bắn tên, chia làm ba tầng thượng, hạ, trung, ở đuôi thuyền để một khoang kín để thông trên dưới, tầng giữa thì chứa dao và đinh, hai bên thì đặt mái chèo hay bánh xe, cối sóng rẽ gió, đi lại như bay. Thuỷ thủ thì dùng người lợi giỏi. Gặp giặc giả cách thua, bỏ thuyền cho nó. Tinh binh thì phục ở dưới khoang kín, người lợi giỏi thì nhảy xuống nước mà chạy, đợi giặc mới mở máy thuyền, thì nhào vào trong tầng giữa, dỡ dao đinh ra mà đánh, giặc tất bị giết hết. Nếu xông vào thuyền giặc

⁽¹⁾ Gần như thuyền bánh xe của **Võ bị chế thắng chí**, quyển 13

thì hai bên thuyền
ngâm phục súng nổ,
thế không ai địch nổi.

Thuyền mẹ con.

Dài 3 trượng 5
thước, phần trước 2
trượng dáng như cái
thuyền thúng, phần
sau 1 trượng 5
thước, chỉ che ván
hai bên, trong lòng
rỗng không, đằng sau giấu một cái thuyền nhỏ
thông liền ba chỗ, cũng có dẫy ván che người, hai
bên bốn mái chèo. Thuyền mẹ phía trước không



Hình 5. Thuyền bánh xe



Hình 6. Thuyền mẹ con

để mái chèo, trong
khoảng chỉ chỗ cò
củi và đặt thuốc
súng, hai bên vách
đầu thuyền đều
dùng những đinh
răng sói, lưng
thuyền thì dựng
những thanh gang
sắc nhọn. Một khi
dựng thuyền giặc
thì lấy móc và dây
cột liền vào thuyền
giặc, rồi phát hoả

đốt thuyền cho cùng cháy với thuyền giặc. Quân ta ra sau mở thuyền con quay về.

Thuyền liên hoàn.

Thuyền ước dài 4 trượng, ngoài trong như một thuyền, nhưng chính chia làm hai thuyền, trong có vòng móc liên nhau. Phần trước thì chở các thứ hoả pháo, thần yên, thần sa. Mũi thuyền thì đóng mấy cái đinh to đầu quặp, đặt súng xoay về trước. Phần sau thì hai bên đặt mấy mái chèo. Hoặc nhân gió



Hình 7. Thuyền liên hoàn

thuận, hoặc từ thượng lưu rảo tới dinh giặc, lấy đinh ở mũi thuyền đâm vào thuyền giặc, phần trước tự mở vòng ra để cho phần sau trở về. Nhân lúc quân giặc sợ hãi, dùng khí giới mà đánh.

Đó là một mưu kế kỳ trong thủy chiến.

Vòng là hai cái khuyên sắt đóng vào phần trước và phần sau, dùng móc móc lại với nhau. Khi thuyền đụng vào thuyền giặc thì móc buông, để cho phần sau trở về bản trại.

Bè gỗ. Đốt thuyền địch chẳng gì bằng lửa, phá thuyền địch chẳng gì bằng súng, nhưng súng lớn dùng

ở trên thuyền sợ chưa hại được người mà đã hại mình trước, súng miệng to bằng miệng bát trở lên thì không dám bắn. Nay nên chế bè gỗ, không kể bao nhiêu cỡ. Dùng gỗ đều đặn, dọc ngang bằng nhau, gió không thể lật, nước không thể chìm, trên đặt giá gỗ rất bền chắc, lượng tính cao hơn thuyền địch, để ở chỗ hiểm mà bằng phẳng như ở mặt thành, dưới đóng cọc gỗ để ghi dấu, dùng súng nhắm đường giặc đến mà bắn, tính chỗ bắn đến là bao nhiêu bước cũng đóng cọc để ghi dấu. Thuyền chiến phải ở sau bè ngoài 50 bước để phòng. Trên bè phải dùng chắn bông che ở đằng trước. Đun cả 20,30 cỡ bè bày hàng chữ nhất, thuyền giặc trông xa không khác gì bức tường thành, không lường được hư thực. Rình xem thuyền giặc hễ sắp vào trong chỗ ván nổi đánh dấu cọc của ta thì bấy giờ bỏ chắn bông rút xuống, người bên thuyền chạy sang giữ bè cho ngay lại, rồi dùng các thứ súng nhắm chỗ giặc mà lần lượt bắn, cứ 2,3 cái bè bắn một loạt. Thuyền giặc không thể không bị thương. Có thể chống được, có thể giữ được, đó là phép thủy chiến phải cần.

Sắc cờ. Mỗi thuyền có một lá cờ to, đều dùng vải đen, một là để tiện thấy ở xa, hai là để hợp với tính nước. Lại dùng vải trắng lấy một chữ của tên trại viết to lên mà đính vào lòng cờ; đều chiếu theo sắc các phương mà chế dải cờ. Mỗi thuyền cờ lớn một lá. Tiền ty dùng dải hồng; tả ty dùng dải lam; hữu ty dùng dải trắng; hậu ty dùng dải đen; trung ty dùng dải vàng; trung trung ty dùng hai dải vàng.

Thợ lái. Tính mạng của cả một thuyền quan hệ ở tay người lái. Tất phải lựa chọn những người lớn tuổi, thông thạo, giỏi xem chiều gió, am hiểu thể nước mà sung vào. Lại đặt người phò để phòng sự sơ hở. Lương thì cho khá, có công thì thưởng thêm.

Lính thủy. Bọn trộm cướp miền biển đều kén dùng được cả. Thứ nữa đến những người thủy thủ có tài, như người đánh cá có thể sáng xuống nước chiều mới lên, ban ngày dùi thuyền địch cho chìm đắm, ban đêm rút dây làm cho quân địch mất hàng ngũ. Thứ nữa đến những người bán muối lậu ở Nam Trục⁽¹⁾, người và thuyền đều nhanh nhẹn, tập quen sóng gió, ban đêm ngấm đi, chèo lái như bay, dùng để ra quân kỳ, vào dinh giặc mà trinh thám, đó cũng là một chức hay vậy. Hoặc lặn đi dưới nước lấy sào đục lưới (như Tư Mã Phúc)⁽²⁾, lặn xuống đáy nước dùi đắm thuyền lương của người Kim (như Lưu Ý)⁽³⁾. Tống Trương Vĩnh nhờ nước mà tới thành Sinh⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi

⁽²⁾ Lấy sào đục lưới: Tư Mã Phúc là thủy binh nước Việt thời Xuân thu. Trần Chương (tướng Ngô) vây Tô Châu, làm rào phen dưới nước, quanh bọc lấy thành, chăng lưới dưới nước trên đầu lưới đeo cái chuông con để chặn những kẻ lặn dưới nước. Phúc tài lợi nước, trước hãy lấy cần tre đục vào lưới lên, quân lính thấy tiếng chuông kêu, cắt lưới lên Phúc nhân lúc cắt lưới lên, lặn vào thành, trong ngoài đánh ập vào.

⁽³⁾ Đục thuyền lương của người Kim: Đời Tống Cao Tôn, Kim chúa là Lượng đem 60 vạn quân sang đánh Tống, người

Phép đánh thủy chiến, liều chết đánh giặc ở trên thuyền, không bằng chế ngấm giặc ở dưới thuyền. Vì chọi sức còn có được thua, chứ dùng kỳ thì giữ được vạn toàn; phá quân của giặc, không bằng phá được thuyền của giặc, mà thu công toàn ở người lặn nước. Người làm tướng nên kén chọn trước, nuôi võ cho hậu, luyện tập cho riết, để phòng bất thần dùng đến. Một hồ nước ở giữa dòng đáng giả nghìn vàng là thế đó.

Mui buồm. Việc chế tạo trong thủy chiến, không gì trọng yếu bằng mui và buồm. Một khi mui buồm thấm phải thuốc súng thì tính mệnh ba quân cũng chẳng còn. Phải dùng “tán thạch phong” (?) sấy khô hoà thành nước, rồi đem các thức tre lá, dây thừng, gai vải mà tẩm vào, phơi khô rồi lại tẩm, kỳ cho thật thấu, rồi dùng để đan dệt làm mui và buồm, viết to bốn chữ *phi long thiên binh* làm hiệu, thế thì các loại tên lửa, cầu lửa đều không thể phạm vào. Quân ta giữ được không lo, có thể tiến đánh được giặc

*

Áo lộn nước. Phép làm giáp trụ đối với thủy chiến rất cần. Nên dùng lụa nhỏ lót trong; vỏ bầu làm giáp ở ngoài kết như vảy cá, trước dùng nước phen mà tẩm phơi khô để dùng; hoặc dùng lông ngan lông ngỗng, kết dày vào làm áo giáp, để nổi trên mặt nước mà đi, cuối sóng rẽ gió, nước không thể nào chìm đắm được.

Kim lấy chân bọc thuyền chở lương đến. Lưu Ý sai người lặn xuống nước đục thủng thuyền cho thuyền chìm.

⁽¹⁾ Thành cũ của Sính huyện thuộc Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc ngày nay

Sách Võ kinh có những cách dùng túi da dê và chum nổi .

Phép giữ dái, giữ gót chân. Dùng gáo dừa và quả bầu sơn đen để giữ bùi dái, dùng dây lụa buộc vào lưng; dùng lụa sơn đen bọc gót chân. Vì là bùi dái và huyết dừng thuyền ở đáy gót chân hể vào nước thì đỏ như lửa, loài cá ác và thủy thú trông thấy sáng thì đến làm hại tính mệnh; che bịt lại thì không sáng rõ ra, sẽ khỏi hại, đó cũng là việc thủy chiến phải nên phòng bị.

Ngựa nước. Dùng mây đan một con ngựa nước, lưng dằng như cái đấu, dưới có bốn chân, đặt ngang trên mặt nước, đầu cao một thước để ngăn sóng đằng trước, đuôi cao một thước để ngăn sóng đằng sau, ở giữa thì rỗng, ngoài dùng vải bọc và sơn cho bền. Xỏ một cái dây cương để người cưỡi ở trên tiện sai khiến; ở ngoài đầu ngựa thì để một đoạn rỗng để chứa lương khô, có thể thì người đều được mạnh gan. Ngựa nước không nặng, trong thuyền dễ chở. Lại dùng bông để bọc, trên lấy mảnh vỏ bầu làm giáp. Bầu dùng để nổi; bông dùng để xuống nước có thể chống được tên đạn. Ở bên thì gác một cái chèo bằng gỗ cứng, đầu dùng sắt làm đao, có thể làm chiến cụ, trong cán chèo gỗ ấy để một con dao nhỏ phòng khi cần dùng, tuy thuyền có bị chìm mà rơi xuống nước cũng còn có thể đánh được. Ngựa nước này cũng dùng như cái phao ngày nay, không sợ chết đuối. Nước Nam ta dùng quân thủy chiến, thường lấy mây đan cái phao, khúc giữa nhỏ mà đầu đuôi lớn, sơn đen, trong rỗng, để sẵn trong thuyền phòng khi chìm đắm,

tục gọi là quả nổi, nhưng không hay bằng ngựa nước này.

Dầu đá. Tỉnh Tứ Xuyên có dầu đá⁽¹⁾, nếu lấy dầu đá hoà thuốc tạo thành những cục thuốc thì có thể cháy trong nước mà không tắt.

Quạ già nước. Xưa giặc cỏ là bọn Lưu Thất đậu thuyền ở núi Lạng Sơn, người ở châu Tô dăng kế dùng hoả công gọi là quạ già nước, để thuốc và lửa vào súng mà xuống nước bắn. Lại chế một thứ bình mỏ quạ, cầm mà lặn xuống nước, dùng mỏ dùi thuyền mà có máy cho nó tự vận chuyển để dùi cho thuyền chìm. Đã dùng thủ phá được một thuyền, giặc sợ bảo là thần binh ở Giang Nam có thể lặn nước mà phá thuyền, phải bỏ thuyền lên bờ, bèn bị quân đồn thú đuổi bắt.

Hoả công. Đại phàm thuỷ chiến thường chuyên dùng hoả công. Xưa Tào Tháo đánh Ngô Chu Du và Lưu Bị, gặp nhau ở Xích Bích. Tướng Chu Du là Hoàng Cái lấy thuyền mỏng xung mười chiếc chỏ lau và củi khô, rưới dầu vào, che bằng màn trướng, dựng cờ xí, dự bị đầy đủ thuyền nhỏ buộc ở sau. Bấy giờ gió đông nam thổi mạnh. Cái cho mười chiếc thuyền ấy chạy ra giữa sông, giương buồm lên, chạy thẳng đến Xích Bích, các thuyền nhất tề đốt lửa, thuận gió tràn vào thuỷ trại của Tháo. Cùng với thuỷ trại, dinh trại trên bờ đều cháy, khói lửa rực trời. Bọn Du đem quân khinh kỵ tiếp sau. Tháo thua chạy trốn.

⁽¹⁾ Tức là dầu hoả

Lại Trần Hữu Lượng vây Nam Xương, bọn Du Thông Hải tự phía tây đến viện. Hữu Lượng ra hồ Bà Dương để đón đánh. Thông Hải nhân gió, cho chèo bảy chiếc thuyền chở cỏ và thuốc súng xông vào trại nước của địch, đốt chiến hạm mấy chục chiếc bắt được Hữu Nhân và Hữu Quý. Bấy giờ thuyền vào sâu trong trại địch mà hăng đánh, ngờ là đã mất ở trong lúc đánh nhau, phút chốc phơi phơi quanh ra ở bên thuyền địch, quân ta trông thấy cả mừng, nhảy la sấn tới. Quân địch cả thua.

Âu Dương Ngột giữ Lĩnh Nam làm phản, tướng Trần là Chương Chiêu Đạt đánh. Ngột nghe tin, ra đóng ở Nhai Khẩu, chứa nhiều cát đá vào lồng tre, đặt ở ngoài rào phen để chặn thuyền ghe. Chiêu Đạt sai quân ngâm dao lặn xuống nước để chặt lồng, những khung lồng đều tung ra hết, nhân đó thuyền lớn nổi đến, theo dòng nước mà đánh. Cuối cùng giặc thua.

Hàn Thế Trung nhà Tống chống nhau với quân Ngột Truật nước Kim. Hoàng Thiên Dăng và Thế Trung dùng thuyền biển đi theo thuyền địch đậu ở dưới núi Kim Sơn. Ngột Truật thấy thuyền biển nhân gió đi lại như bay, nói rằng quân Nam điều khiển thuyền như điều khiển ngựa thì làm sao được. Một người hiến kế: Đất Mân có người họ Vương dạy cách chở đất vào thuyền, dùng ván mà ngăn, bên thuyền buộc chèo, đợi gió im thì ra biển; thuyền biển không gió thì không động được, sẽ lấy tên lửa bắn vào mũi thì không đánh địch cũng vỡ. Ngột Truật khen phải. Trời tạnh gió im.

Ngột Truật ngồi thuyền nhỏ ra sông. Thế Trung chặn đường mà đánh. Thuyền biển không có gió thì không động được. Ngột Truật sai người bắn giỏi ngồi thuyền nhẹ dùng tên lửa bắn. Khói bốc mù trời. Quân Tống cả thua.

Thuỷ chiến kiêm dùng lục quân. Thuỷ chiến lấy thuận gió làm thế, lấy trên dòng làm thế, lại mưu cắt nước, mưu vượt nước. Xưa nước Tấn đánh nước Ngô, chiếu cho Vương Tuấn làm thuyền ghe. Người Ngô làm xích sắt ngăn sông và làm dùi sắt đặt ngầm ở lòng sông. Tuấn biết tình trạng ấy, bèn làm mấy chục cái bè lớn, vuông hơn một trăm bước, buộc cỏ làm người, sai người giỏi lội đem bè đi trước, dùi sắt bèn vướng bè mà bị kéo đi. Lại làm bó đuốc lớn, dài hơn mười trượng, vòng vài chục ôm, tưới dầu vùng để ở trước thuyền, gặp dây xích thì lấy đuốc đốt cho cháy đứt, thuận gió khua chèo, ra tới núi Tam Sơn.

Lương Giá Hoàn đánh thành Đức Thắng nam⁽¹⁾ của nhà Tấn, trăm đạo quân đều tiến, dùng chạc tre buộc liền hơn chục chiếc thuyền mỏng xung với nhau, căng tre bằng da trâu, rồi đặt khung giá, dăng như cái thành chắn ngang dòng sông để ngăn cứu binh của Tấn, không cho sang sông. Vua Tấn tự dẫn quân đến cứu, bày trận ở bờ bắc mà không tiến được, bèn chứa vàng lụa ở trong quân để mộ người phá thuyền mỏng xung. Có tướng là Lý Kiến xin liều chết để phá, chọn

⁽¹⁾ Ở tỉnh Trục Lê

lấy quân cầm tử 300 người, mặc giáp cầm búa, ngồi thuyền mà tiến. Khi sắp đến thuyền mộng xung thì bị tên bắn như mưa. Kiến bèn sai những người cầm búa xông vào thuyền mộng xung, lấy búa chém chạc tre, lại dùng chum đan chỗ củi tẩm dầu đốt lửa cho tự thượng lưu kế tới, theo sau thì lấy thuyền lớn chứa đầy chiến sỹ, khua trống reo hò mà đánh. Thuyền mộng xung đã đứt rồi, cháy mà theo dòng trôi xuống. Quân lương bị chết cháy và chết đuối tới gần nửa. Hoàn giải vây chạy.

Hoàn Hộ Chi nhà Tống làm thái thú Chung Ly⁽¹⁾, theo Vương Huyền Mô đánh Hoạt thành⁽²⁾ Hộ Chi đem trăm chiếc thuyền làm tiên phong, tiến giữ Thạch Tế⁽³⁾. Quân cứu của Ngụy sắp đến, chạy thư khuyên Huyền Mô kịp đánh. Huyền Mô không theo. Huyền Mô thua mà lui, không rồi báo cho Hộ Chi biết. Quân Ngụy lấy ba lớp xích sắt chặn ngang, sông cắt đường về của Hộ Chi. Nước sông dương rút xuống mau. Hộ Chi theo giữa dòng mà xuống, mỗi khi đến chỗ xích sắt thì dùng búa dài cán mà chém đứt, người Ngụy không dám đến gần, nên chỉ mất một chiếc thuyền thôi, thuyền khác đều còn cả.

Tướng Trần là Ngô Minh Triệt đóng quân ở Lữ

⁽¹⁾ Quận Chung Ly do nhà Tấn đặt, quận trị xưa ở huyện Thượng Dương tỉnh An Huy ngày nay

⁽²⁾ Tức là kinh đô của nước Nam Yên; ở Hoạt huyện tỉnh Hà Nam, cũng gọi là Hoạt Đài thành.

⁽³⁾ Thuộc tỉnh Hà Nam



Hình 8. Thuyền mông xung

Lương⁽¹⁾. Tổng quản Từ Châu nhà Chu là Lương Sĩ Ngạn đánh mãi không thắng. Minh Triệt đắp đập nước ở sông Thanh Thuỷ cho nước về thành, rồi bày chiến thuyền ở dưới thành. Vương Quĩ làm hành quân tổng quản đem quân tới cứu, dẫn quân đi tắt giữ cửa

Hoài Khẩu, sai Đạt Hê và Trường Nho lấy nhiều khoá sắt lớn nhỏ xỏ suốt qua bánh xe buộc vào đá lớn mà bỏ chìm xuống sông Thanh Thuỷ, cắt ngang đường về của thuyền Trần. Minh Triệt phá đập mà vội vàng lui, định nhân nước lớn mà vào Hoài Bắc, nhưng đến Thanh Thuỷ thì dòng sông đã rộng, thế nước cũng kém, thuyền vướng bánh xe không qua được. Quĩ nhân đem binh kỳ ra, thuỷ lục cùng tiến mau, vây mà đánh ngay. Tướng sĩ hai vạn người và khí giới xe lương của Trần đều bị bắt cả.

Phàn Nhước Thuỷ tính bề sông rộng hay hẹp, đến thành Biện⁽²⁾ dâng thư xin đóng cầu phao để chở quân, cầu xong, quân Tống sang sông như đi trên đất

⁽¹⁾ Thuộc tỉnh Giang Tô.

⁽²⁾ Tức là Biện Kinh, đất huyện Khai Phong tỉnh Hà Nam, kinh đô của nhà Tống.

bằng. Đời sau làm cầu phao để sang quân là bắt chước từ đó.

*

Sách Yên thủy thần kinh:

Phép đi gặp khe. Phàm khi gặp khe bị nước không thể sang được, thì tìm nơi tiện, lấy dây buộc tre làm dò mà sang, đó là phép gặp khe vậy.

Phép thuận gió. Phàm gặp thuận gió thì binh chính cứ thẳng tiến, binh kỳ ở bên. ở hạ lưu hẳn là địch dùng dây chạc để chắn ngang. Nếu dùng hoả công mà phóng xuống thì rất hiệu.

Phép ngược gió. Phàm gặp ngược gió thì chia làm ba quân: Một quân làm binh chính, một quân làm binh kỳ để tiếp binh chính, một quân thì lên bờ kênh mà bắn để chống binh kỳ của địch, thế là để tránh đầu gió.

Phép gặp sóng gió. Phàm đi gặp sóng, thì tùy theo chiều gió mà tiến lên; thậm quá thì bỏ mui trên đi, như thế thì đánh là phải thắng.

Phép bị nước cạn. Phàm bị nước cạn ở trong kênh thì đắp bờ chia kênh ra làm hai chi, làm cho một chi nước và một chi cạn, rồi theo cửa mà vượt sang.

Sách Võ kinh:

Hỏi: Gặp địch ở nơi nước lớn, trong chốc lát xe cộ ngựa thuyền chưa biện được, tiến thoái không được thì làm thế nào?⁽¹⁾ - Trả lời: Đây là thủy chiến, không dùng

⁽¹⁾ Xem **Võ kinh** trực giải.

xe và ngựa, nên để lại bên, lên cao trông cả bốn phương, biết được tình hình nước rộng hẹp sâu nông mới có thể dùng kỳ sách mà đánh. Nếu địch vượt nước mà tới thì để nó sang nửa chừng mà đánh. Đó là phép thủy chiến vậy.

Hỏi: Đằng trước có nước to, quân ta muốn sang mà không có sẵn thuyền ghe, quân địch lấp mất đường về của ta, quân xích hậu của nó canh luôn, những nơi hiểm trở bị giữ hết, quân dũng sĩ thì đánh ở trước sau, ta làm thế nào? – Trả lời: Thế thì phải chia quân làm ba xứ, sai tiền quân làm hào sâu lũy cao, để tỏ là cố giữ, sai hậu quân dự chứa lương thực nhiều khiến nó không biết được ý ta, rồi cho nhuệ sĩ của ta đánh úp ở giữa, đánh lúc không ngờ, đánh chỗ không phòng, không cách nào diệu bằng thế. Nếu địch hiểu tình ta, biết được việc ta, mai phục ở nơi cỏ rậm để đánh vào chỗ tiện của ta, thì khiến tiền quân khiêu chiến cho nó nhọc lòng, khi ở tả, khi ở hữu, nó không biết lối nào mà giữ, phải sợ, rồi ba quân đánh gấp thì địch hẳn thua. Đó là phép đột vi⁽¹⁾ vậy.

Hỏi: Vào sâu đất địch, cùng địch chống nhau mà bị trời mưa dầm hàng tuần không thôi, hào rãnh tất sụt lở, canh phòng tất trễ nải, ba quân không phòng bị, quân địch đêm đến, trên dưới đều loạn, ta liệu cách làm thế nào? – Trả lời: Phàm ba quân phải lấy rắn giữ làm bên, lấy lười biếng làm thua. Nếu trời mưa dầm,

⁽¹⁾ Đột vi: Xông phá vòng vây.

nên sai quân ta đặt xích hậu ở xa, trong ngoài trông nhau, dặn dò ước hẹn, nếu địch đến thì hoặc cho quân nhuệ sĩ ra đánh. Nếu địch biết ta giữ mà phục quân rồi giả cách chạy để đánh tiền quân ta, thì ta chia làm ba quân theo mà đánh, đừng theo chỗ phục của nó, có thể đánh cả trước sau, hoặc hãm cả hai bên; phát rõ hiệu lệnh mà đánh gấp. Quân địch hẳn thua.

*

Sách *Võ bị chế thắng chí*⁽¹⁾:

Phàm đánh thủy chiến tất phải tranh chiếm lấy đầu nước đầu gió để dùng hỏa công. Như ở dưới nước và dưới gió mà ta lo bền giữ, thì hoặc dùng cầu phao xích sắt để chặn đường, hoặc lui vào đường ngã ba sông để tránh, hoặc tìm con đường khác để vượt lên thượng lưu, hoặc không có ngã ba sông thì phải đánh ở trên bờ là hơn.

Hổ kiềm kinh nói: *Binh pháp* Bão dùng nước giúp việc đánh thì mạnh. Khéo dùng nước có bốn cách: 1) nhân; 2) nghịch; 3) tặc; 4) tuyệt.

Nhân nước thì có hai cách dùng: hoặc địch



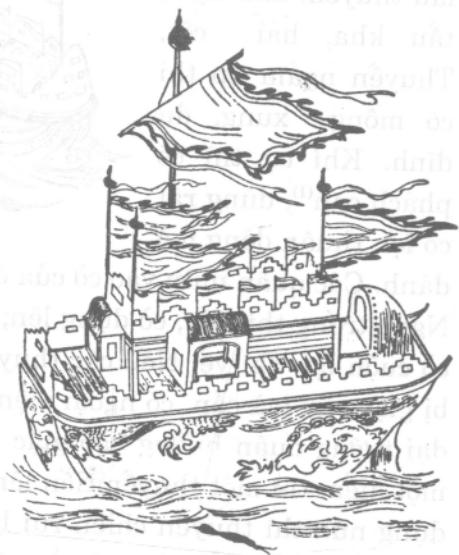
Hình 9. Lâu thuyền

⁽¹⁾ Xem *Võ bị chế thắng chí*, quyển 13

chặn giữa dòng mà làm rào phen thì ta ở trên dòng nhân gió thuận, đua chèo mà phóng lửa, thuận gió xông xuống. Rào phen vỡ rồi mà gặp gió chuyển thì dừng lại. Nếu địch ở dưới mà quân và ngựa nhờ nước ấy, thì ta ở thượng lưu có thể đánh thuốc độc được. Đó là hai cách nhân vậy.

Dùng *ngịch* thủy là: Phải làm đê cao để chắn ở dưới, cho nước chứa đầy ở trong, rồi dẫn mà gội xuống. Thế gọi là dùng *ngịch* thủy.

Dùng *tặc* thủy là: Nếu địch nhờ nước thì nên ngâm dùng nước để đánh, biết được địa lý, gâm làm mương mà dẫn nước chảy đi nơi khác, giặc hết nước để nhờ. Thế gọi là *tặc* thủy.

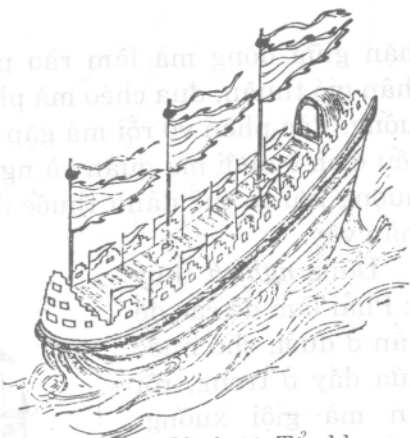


Hình 10: Đấu thuyền

Dùng *tuyệt* thủy là: Hoặc lấy củi lấp ở trên, đem đá chứa đầy thuyền đánh chìm ở trên, rồi làm mương dài cho nước chảy đi, hoặc làm túi cát chất ở thượng lưu để chặn nước. Khi muốn có nước thì phá túi cát đi. Thế gọi là *tuyệt* thủy. Phép dùng nước, có đất không thể dùng được mà dùng thì trái lại bị hại, thuận thì lợi.

Phàm thủy chiến lấy thuyền tàu lớn nhỏ làm bậc. Chở được người nhiều ít đều lấy gạo làm chuẩn. Một người chẳng qua nặng bằng 2 thạch gạo. Buồm chèo tiện

nhẹ thì hơn. Lấy
chiêng trống cờ xí
làm nhịp tiến lui.
Thuyền hiến thì có
lâu thuyền, đầu hạm,
tàu kha, hải cốt.
Thuyền ngầm úp thì
có mông xung, du
đĩnh. Khí cụ thì có
phách can⁽¹⁾, dùng rất
có lợi, thuận dòng mà



Hình 11. Tàu kha

đánh. Các quân nhìn vào cờ của đại tướng ở đằng trước. Nghe trống thì tiến, cờ dựng lên; nghe chiêng thì dừng, cờ cuộn lại thì về. Nếu các thuyền tiên phong du dịch bị giặc vây mà cần có ngoại viện, thì hễ thấy cờ đỏ của đại tướng quân hướng vào giặc mà điểm thì tiến. Mỗi một điểm thì một thuyền tiến lên. Cờ đằng trước không dựng nữa thì thuyền chiến rút lui; cờ hướng vào trong mà điểm, mỗi điểm thì một thuyền lui. Nếu trương nghi binh, thì ở cửa sông vàm sông phải rộng đặt cờ xí buồm lèo để đánh lừa. Đó là nói đại lược vậy⁽²⁾.

Thuyền mông xung, dùng da trâu phủ lên lưng thuyền, tả hữu mở lỗ để luồn chèo, tên đạn không thể nào làm thủng. Trước sau tả hữu đều có lỗ bắn nỏ và lỗ đâm giáo, địch tới gần thì bắn.

⁽¹⁾ Cây sào để đập.

⁽²⁾ Xem thêm **Võ bị tổng yếu**, Tiên tập quyển II

Không dùng thuyền to,
chỉ cần nhanh chóng
để thừa lúc người ta
không đề phòng.



Hình 12. Hải cốt

Thuyền tẩu kha là
thuyền ở trên sạp có làm
nữ tường, có nhiều phu
chèo, quân chiến đều
kén người dũng lực tinh nhuệ sung vào, đi lại như bay,
thừa lúc người ta không theo kịp. Chiêng trống cờ xí
đặt ở trên.

Thuyền khai lãng của Thích Kế Quang, vì đầu
nhọn mà đặt tên. Thuyền ấy ăn nước chừng 3,4 thước;
bốn cái chèo, một cái
chèo lái; hình như
chim bay; trong có thể
dùng 30 hay 50 người;
không kỳ nước thuận
hay nghịch.

Thuyền chài ở
trong các loại thuyền
là loại rất nhỏ, gỗ
làm rất giản, công
làm rất nhẹ, mà dùng
thì rất hay. Sao vậy?
Vì nó ra biển, mỗi cái
chở 3 người,



Hình 13. Thuyền Du đình

một người cầm
buồm vải, một
người cầm chèo,
một người cầm
súng mỏ chim,
buồm vải nhẹ
nhàng, không
lo chìm đắm,
dễ tiến dễ
thoái, theo làn
sóng mà lên
xuống, thuyền
dịch vời trông
không kịp, cho
nên đi biển có
lợi lắm, bắt
được giặc phần
nhiều nhờ sức
nó. Thuyền này,
ở miền duyên
hải một dải
Định Hải, Lâm
Quan, Tượng
Sơn đều có cả.
Hình như cái
thoi, cột buồm
tre, cánh buồm
vải, có thể dùng



Hình 14. Thuyền khai lãng



Hình 15. Thuyền đánh cá

• được 2 người. Xông gió cuối sóng, chuyên ra đại dương. Có khi vào núi⁽¹⁾ lấy thóc, hái củi, dỡ khoai và đánh cá, thuyền đến chân núi, 2, 3 người khiêng thuyền để trên ghềnh bãi để lánh sóng gió. Nếu muốn trở về tây, thì khiêng thuyền xuống nước. Không thể chống được địch, nhưng có thể dùng để tuần dò. Đó là loại thuyền chài nhỏ nhất.

*

ĐỒ DÙNG TRÊN THUYỀN⁽²⁾

Thùng gỗ.

Một chiếc thùng gỗ đựng thuốc thô hoãn⁽³⁾ 5 cân, bát sành thô dày một chiếc, than gỗ thực dụng 2 lạng, phòng đốt lâu tiêu hao 2 lạng, thuốc súng cũ, đổ cả xuống thuyền giặc, đó vốn là chúc hay. Nhưng lại phải dùng đồ hoả khí thác hay than lửa mà ném vào để cho cháy thuốc. Vì trong chốc lát thuyền phải dời đi,



Hình 16.

Thùng lửa

người ta thường ném lửa vào trong nước, hoặc bị giặc đuổi mà lửa chưa kịp ném hoặc lỡ dội nước vào ướt

(1) Các đảo ngoài biển.

(2) Văn trích **Võ bị chế thắng chí**

(3) Túc thuốc súng nổ chậm

thuốc lửa không cháy được, như thế đều là chưa trúng khớp cả. Duy có đồ hỏa khí và thuốc súng cùng ném một lúc, không trước không sau, là có thể làm cho nổ được, muôn dùng muôn trúng.

Cái câu liêm. Trong thuyền hoặc để cắt dây lèo, hoặc để móc thuyền, hoặc để cắt dây thừng ở sàn, không thiếu được. Nên dùng cán tre dài mà nhẹ, lưỡi cong mà sắc (cán dài 1 trượng 5 thước, lưỡi rộng 1 tấc).



Hình 17. Câu liêm

Cái móc treo. Thuyền ta muốn đánh đắm thuyền giặc thì dùng cái này; hoặc móc thuyền lại không cho đi, hoặc móc dây lèo buộc vào sàn, trong thuyền không thể thiếu được. Nên làm móc cho to, chân cho bền, vài mươi người kéo hay móc hàng muôn cân mà không oằn thì mới tốt. Cán móc phải dài, tay cầm khó móc cho đứng được, nên dùng 3 móc một cán, móc thì mắc ngay (dài 1 trượng 5 thước, ba móc một cán).



Hình 18. Móc, treo ba móc một cán.

Lưỡi cá. Vật này phàm lâu thuyền và thuyền có nữ tường thì không dùng; thuyền ván không có nữ tường thì dùng; đặt theo ở ngoài thuyền hai bên tả hữu

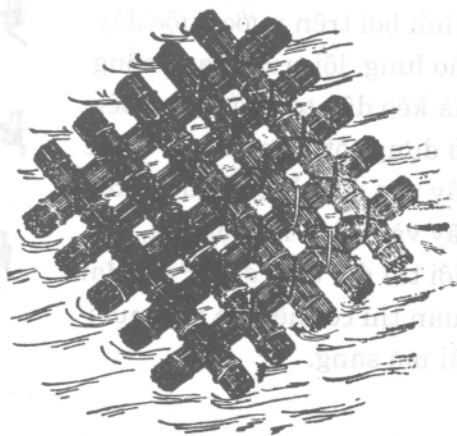
để phòng quân giặc nhảy vào. Nếu có mấy tầng cho dày thì cũng có thể phòng tên và mũi thương, duy súng thì không thể ngăn được. Dọc thuyền không thể dùng ván gỗ cho nên phải dùng vật này. Như chỉ có 2,3 tầng thì thể mỏng thưa, khó bề che chở, chẳng thà không có. Các chiến thuyền phần nhiều nhờ nó. Thuyền có nữ tường cũng treo vài bức, nhưng chỉ làm hư văn, không đủ trông cậy.

*

Qua nước ⁽¹⁾

Phàm đến đất lạ phương xa, thế nước hiểm ác và có các loài thường luồng thủy quái, quân lính sang qua thì nên trước được người hướng đạo mà hỏi dò, để phòng liệu trước.

Phàm sắp sang sông, trước phải bày hàng ở bốn mặt trên bờ, rồi sai người leo cao trông xa, cho quân kỵ đi dò xét, để phòng giặc đánh úp, sau mới chia ra từng đội mà sang.



Hình 19. Bè sậy

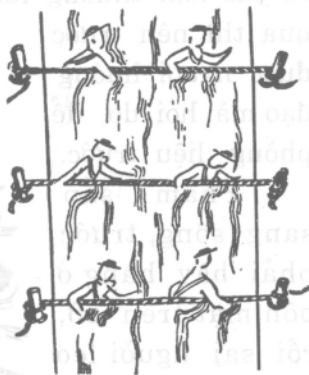
⁽¹⁾ Vẫn xem **Võ bị chế thắng chí**

Phàm sang sông, chiến đội phải lên bờ trước, kèm ngựa làm trận vuông, cũng sai người lên cao trông xa như trước.

Phàm gặp khe ngòi nhỏ, có thể chặt cây cành bên nước, lấy dây mây buộc lại thành bó, đẩy đặt vào trong nước, khiến trước sau chất chứa và kéo nhau, có thể sang được.

Bè sậy. Bè sậy, lấy cây sậy bó to vòng 9 thước, tráo trở đầu đuôi làm mười bó, buộc lại như bó giáo, tính chiều dài ngắn mà làm; không có sậy thì dùng lau cũng có thể nối mà sang được.

Dây bay. Dây bay, mộ những người giỏi lội nước, mình bơi trên nước buộc dây vào lưng, lội trước sang sông mà kéo dây to qua, hai bên bờ dựng cột lớn buộc chắc dây vào đó; khiến người kẹp dây vào nách mà lội qua, khi giới thì đội trên đầu. Như đại quân thì có thể làm vài mươi cái mà sang.



Hình 20. Dây bay



Hình 21. Túi phao

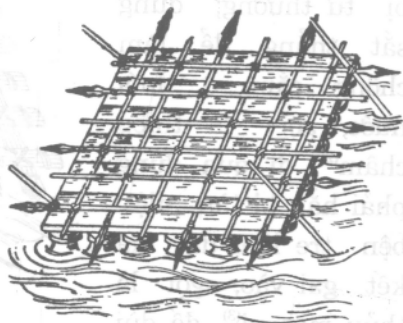
các chum cách nhau 5 tấc, dưới buộc móc với nhau, kết thương ở trên, hình dài mà vuông, đằng trước đặt ván, đằng sau đặt giáo dài, hai bên tả hữu đặt chèo.

Bè giáo. Bè giáo, dùng giáo, mười cây

làm một bó, sức vừa mang một người, lấy 5.000 cây làm suốt, làm một cái bè; giáo làm thì rút lưới ra, tráo trở xếp ngang xếp dọc mà buộc lại, có thể chở độ 500 người; hoặc tả hữu đều buộc 20 cái túi nổi. Trước sai người giỏi lội nước bơi sang bờ kia dựng cột to, buộc hai sợi dây lớn ở hai bên bờ, để giáp trên bè, trên

Túi phao. Túi nổi là lột cả da một con dê, thổi hơi cho nó phồng lên, rồi thắt kỹ lại, buộc vào bên nách để lội qua sông.

Bè chum. Buộc chum lại làm thành cái bè, mỗi chum đựng 2 thạch thì sức đỡ được một người,



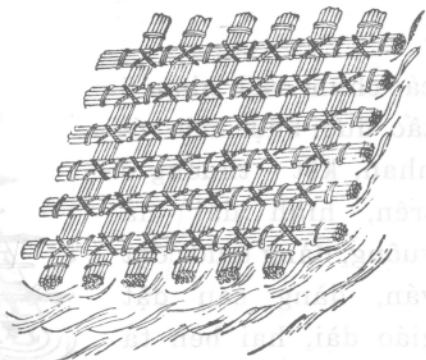
Hình 22. Bè chum

dây lớn lấy vòng gỗ hay vòng dây luồn vào, lấy dây buộc vào bè; đầu bè thì buộc dây khiến người ở trên bè kéo, lấy dây lớn giữ lại để khỏi bị trôi giạt.

*

Sách *Thủy vi bắc chinh lục*:

Phép cắm lợi ở sông hồ, không phải một cách mà đủ đầu. Sợ nông mà quân bộ kỵ có thể lợi được, thì ta dùng sắt cong làm móc, buộc vào dây để kéo, gọi là tu câu⁽¹⁾, đục phải là bị tử thương; dùng sắt thẳng để làm chông cắm ở dưới nước, gọi là thiệp châm⁽²⁾, đi qua đục phải hẳn bị tàn diệt. bện tre làm dây mà kết gai vào, gọi là thủy mao vị⁽³⁾, để dùi vào da thịt của người lợi qua; chấn nước bằng cái trục cắm đinh sắt vào, gọi là thủy phát lê⁽⁴⁾, để đâm vào đùi về người lính thủy; đan tre



Hình 23. Bè giáo

(1) Móc râu, tức chùm móc

(2) Chông lợi

(3) Con nhím nước

(4) Cây do nước đẩy

làm nơm cắm ở nơi bùn lầy, gọi là dịch thuyền⁽¹⁾, để làm đau bàn chân những người lội nước; chôn gỗ làm cựa đặt ở chỗ cát nông, gọi là kê cự⁽²⁾, để đâm vào gót chân người ta. Phàm sáu cách ấy, dù có thác ghềnh, giặc cũng không có thể lội vào bờ cõi ta được! Sợ nước sâu mà thuyền lái có thể sang, thì ta cắm móc sắt ở trên phao nổi, gọi là phù câu⁽³⁾, gặp thuyền giặc thì đâm vào đáy có thể làm cho chìm; quảng chạc và lưới ở giữa dòng sông gọi là cự lỗ⁽⁴⁾, gặp thuyền giặc thì có thể quán lấy mái chèo, hay là lấy bông xơ, lấy rơm rạ để cho quán vào bánh lái thuyền, như thế thì chèo lái cũng khó; cắt dây leo, cắt dây mây mà bỏ cho thuyền giặc vướng không chèo được; bằng như thế nước chảy mạnh, thì dựng những cây sắc nhọn, khiến cho thuyền giặc không đục cũng vỡ; thế nước êm nhẹ thì dựng dùi gỏi cong⁽⁵⁾, mà khiến ván thuyền không dùi cũng thủng; đặt dây kéo ở đáy nước, khiến thuyền giặc gặp phải thì thước tắc không thể dời đi, nhà binh gọi là thần kéo; thả dây ở nơi nước xoáy, khiến thuyền giặc qua đó bị vướng mà xoay chuyển nghìn vòng, nhà binh gọi là quỷ xoay. Phàm mười điều ấy, dù có thuyền ghe, giặc khó có thể đổ bộ lên bờ bến ta được. Sợ quân giặc có chum nổi phao nổi để đánh úp bờ bến ta, thì ta chế tre chế gỗ ở nơi ghềnh thác khiến

⁽¹⁾ Cái nơm nhảy

⁽²⁾ Cựa gà.

⁽³⁾ Móc nổi.

⁽⁴⁾ Chông mái chèo

⁽⁵⁾ Dùi gỏi cong, tức là cái dùi làm hình cong như đầu gỏi bở cong

giặc không thể dùng được. Sợ giặc làm cầu bay cầu phao để vượt đường sông của ta, thì ta tạo bãi lửa, bè húc ở giữa dòng nước xiết khiến giặc không thể thi hành được. Sợ giặc buộc lau bó lách để sang sông, thì ta chặt gỗ làm “tra thủ mộc”⁽¹⁾, dùi gỗ làm “tạo dác mộc”⁽²⁾ đặt ở chỗ sang nửa chừng, mà khiến cho vật giặc dùng không thể đi được. Sợ nó lần dây kết sào để sang thì ta ngang gỗ để ngăn sông, kết gỗ để triệt sông, đặt vào lúc chưa sang, để khiến khí cụ của nó không thể đến được. Sợ bờ ta dễ lên thì ta dựng “phục ngư giao mã”⁽³⁾ khiến thuyền giặc gần bờ mà không thể bước xuống được. Sợ ngòi hào của ta dễ thông, thì ta đóng cọc ngầm, khiến thuyền giặc không thể lướt qua mà thuận dòng được. Sợ thuyền giặc thừa gió mà tiến, thì ta ngang gió chắn nước làm cho buồm giặc chịu chết. Sợ thuyền giặc kéo dây mà đến, thì ta có những sào ngang cây chống để ngăn dây không thể qua. Thượng lưu cao mà hạ lưu thấp, thì ta chiếm lấy thượng lưu, đắp kè đập để đổ nước xuống quân địch. Thế địch rộng mà thế ta hẹp thì ta nhân thế hẹp mà đắp túi cát cho mất lối đi. Địch đến sát bờ thì ta làm bốn dây phiến xa⁽⁴⁾ để đánh vỡ thuyền. Quân địch lên bờ thì ta một mặt đánh ngầm để chộp quân nó.

Những cái lợi như thế cũng chẳng hay ư? Nhưng thắng là ở chỗ địch chưa kịp biết, mà bại là ở chỗ ta không giữ được bí mật. Sự cơ không cùng, nếu không giữ

(1) Không rõ là cái gì

(2) Túc gỗ gai bờ kết

(3) Không rõ khí cụ gì làm theo bình tượng trâu và ngựa.

(4) Không rõ thế chế thế nào

được bí mật, thì cái ta dùng để hại địch, địch lại lợi dụng được để hại ta. Công Tôn Thuật chống Sầm Bành, Thuật làm cầu phao và dây móc để chống dây thuyền của Bành, xem mẹo thì đáng như được đấy. Nhưng Bành biết trước, phóng lửa đốt cầu và dây móc nên quân Thuật phải thua. Thường Chiêu Đạt đánh Linh Nam, giặc đan lồng tre dựng cát đá để chống thuyền ghe của Chiêu Đạt, trí không phải là không khéo đâu. Không ngờ Chiêu Đạt biết trước, sai quân sĩ cầm dao chém lồng nên quân địch phải vỡ. Người Ngô chống Tấn, có thể bảo là dắc sách, nhưng thuật dùng xích sắt ngăn thuyền bị lộ, mà không khỏi Vương Tuấn dùng bè lớn chất lửa đốt cháy. Đó đều là thua vì tiết lộ cả, cho nên cần phải bí mật.

VII- LÂM CHIẾN

Sách Võ kinh:

Võ vương hỏi: Như gặp phải rừng lớn, ta cùng địch chia rừng mà chống nhau thì làm thế nào?

Thái công nói: Khiến quân ta chia làm xung trận, tiện chỗ quân đóng, cung nỏ ở ngoài, mộc giáo ở trong, chặt phá cây cối cho rộng đường, để tiện nơi đánh; dựng cờ xí ở cao; hiệu lệnh cho ba quân không được cho người biết tình hình của ta. Thế gọi là lâm chiến. Rừng nhiều hiểm trở, phải đặt xung trận để phòng trước sau. Ba quân đánh mau, quân địch dẫu nhiều mà có thể đánh cho chạy. Vừa đánh vừa nghỉ, cứ theo từng bộ mà thay

đổi nhau, đó là kỷ luật đánh rừng⁽¹⁾

Sách *Bảo giám*:

Phép đánh rừng, ban ngày thì bày cờ xí, ban đêm thì đốt lửa đánh trống, lợi dụng đoản binh, khéo đặt quân phục, hoặc đánh ở trước, hoặc đánh ở sau. Phép đánh ở bụi rậm thì lợi dụng gươm và mộc. Nếu muốn đánh thì trước phải mở rộng đường sá, mười dặm làm một trường, năm dặm làm một xích hậu, ngả dẹp cờ xí, nghiêm giữ trống chiêng.

Cỏ cây rậm rạp thì lợi cho sự di động; rừng núi chông chênh thì lợi cho sự đánh không ngờ. Trời sáng rõ ràng thì lợi cho sự dùng sức mạnh; đường hẹp cổ sâu thì lợi cho sự ngấm phục; lấy ít đánh nhiều thì lợi ở lúc buổi chiều; lấy nhiều đánh ít thì lợi ở sự thắng mau; qua vực cách sông, gió to mù tối, thì lợi ở sự đánh trước bất sau.

Người đánh giỏi dời xưa, như chuyển gỗ đá, theo tính của gỗ đá, tròn thì đi, vuông thì đứng; đi không phải là hay đi mà đi, thế không thể không đi thôi; đứng không phải là hay đứng mà đứng, thế không thể không đứng thôi. Người đánh giỏi, đấu ở nơi sinh địa thì tản ra, gieo vào nơi tử địa thì đánh. Tản ra không phải là hay tản mà tản, thế không thể không tản thôi; đánh không phải là hay đánh mà đánh, thế không thể không đánh thôi! Đi liay đứng chẳng phải ở gỗ đá, mà do người không chế. Tản hay đánh không phải ở người, mà

⁽¹⁾ Xem *Võ kinh thực giải*, phần “Lục thao”, chương 43

là ở thế.

Sách *Yên thủy thần kinh*:

Phép đánh rừng. Phàm đánh rừng, thì nên mở rộng đường ta. Lợi cho việc đặt quân phục. Ra lệnh cho ba quân cẩn mật. Bày cờ xí ở chỗ cao để làm nghi binh.

BINH THƯ YẾU LƯỢC

QUYỂN IV

1- ĐÁNH THÀNH

Đuổi giặc vào thành lũy, bức tới gần mà vây, qua mấy tuần mà không thay đổi, đó không phải là thuật thắng giặc. Như ở trong vây mà giặc có quân ngựa mạnh giỏi, binh khí bền sắc, lương cỏ đầy đủ, ngoài có quân viện có thể chờ, thì nên đắp cồn đất, xẻ ngòi, cách vây trăm dặm(?) mở đường gián đạo, số người đắp đào ấy không nên nhiều, tùy đất rộng hẹp mà dùng, chứa quân du bình, chia từng bộ phận mà đi lại, cất nhắc, gặp cần kíp thì cứu ứng. Trong vây mà quân giặc cùng thiếu lo liệu chết để giữ nên lại sinh kế khác thì ta phục tinh binh ở đường của giặc để chờ, ba mặt vòng vây thì quân sĩ nghiêm cẩn chuẩn bị chống đánh, mở vây một mặt để chứa cho giặc một đường sống. Giặc không chạy thì không đánh; giặc chạy thì cho quân phục nổi đánh thì không đánh; giặc chạy thì cho quân phục nổi đánh khiến lòng nó hoang mang. Như thế có thể thắng được. Thế cho nên cái phép vây giặc, không nên lấy sự giữ chắc làm hay.

Binh pháp nói: Vây thành nên bỏ hỏ (một chỗ)⁽¹⁾, là để cho giặc đem nhau trốn ra mà đánh. Trong thuật dùng binh, đánh thành là kém nhất, bắt đắ dĩ mới phải làm⁽²⁾. Nay đem binh và công cụ đều tiến, địch phải sợ mà bền giữ. Đánh quân việc đến bất thần, khiến địch lương hết quân mỏi, ngoài không cướp bóc vào đâu, tiến thoái không đường, cũng không bằng lấy quân khinh kị thẳng đến dưới thành, nó thấy binh bản bộ chưa đến, ý hẫng thư lòng, ta bày quân gây yếu để dụ nó ra mà đánh, gặp quân phục thì là bị bắt.

*

Thành ở kê sông lớn, lâu dài bền chắc, chỗ có khinh thường. Vả địch dựa vào mặt thành mà đấu, ta ngựa lên mà đánh thì có khác gì đem quân sĩ mà gieo vào đồng lửa? Không bằng hãy bao vây mà giữ. Ta cứ nghỉ quân chẵn ngựa, ngồi ăn và vận chuyển, đợi cho trong thành hết lương, rồi sau dựng thang mây mà bức, ném hịch vào để kêu gọi. Tướng sĩ nó sẽ thoát thân mà trốn chết, cha con còn chẳng giữ được nhau, huống chi là quân ô hợp.

*

Khí giới đánh thành, phá hại là quan trọng nhất, mà thế đáng sợ nhất thì không gì bằng súng. Nhưng cũng toàn tự người dùng cả. Nếu người đánh thành dùng được mà người giữ thành không thể chống được

(1) **Tôn tử**, thiên VII.

(2) **Tôn tử**, thiên III

thì người đánh thành có thể thành công. Nếu người giữ thành dùng được thì người giỏi đánh thành cũng khó thành công.

*

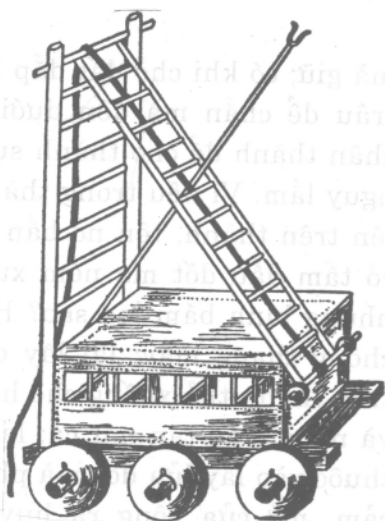
Nếu giặc vây ngoài bên giữ, mà trong dinh cấp bách, xin hàng không cho, muốn ra không được nên phải liều đánh, muôn người một lòng còn chẳng đương nổi huống là mười vạn người. Không bằng triệt vây rút quân, trong thành thấy đã giải vây, thế tất tự ra, ra thì hoang mang, ắt là dễ phá.

Thành bền quân nhiều, đánh thì sức ta không nổi, nếu có giặc ở ngoài nữa thì trong ngoài bị địch, đó là đường nguy vậy. Nay bọn phản bội cùng họp ở trong cô thành, trời hoặc khiến chúng ở đấy để cùng chịu giết, ta nên dùng toàn sách để ràng buộc chúng. Chỉ bên giữ ba mặt, nếu giặc Ngô do lục địa mà đến, quân lương hẳn ít, ta đem quân khinh kỵ chẹt đường vận tải, thì không đánh mà vỡ. Giặc Ngô vỡ thì bọn Khâm ắt phải bị bắt.

*

Phép làm thang mây nối nhau. Phàm điều trọng yếu trong phép dùng binh, trèo núi lội nước, vượt chỗ hiểm tới chỗ nguy, không điều gì là không đầy đủ rõ ràng. Nếu gặp giặc ở trong thành cao vài mươi trượng, thì nên dùng phép gì để trèo lên? Nên dùng hai tầng thang mây. Thang thứ nhất dài 30 trượng 4 thước, thang thứ hai cũng dài 30 trượng 3 thước rưỡi.

Trước đặt tầng thứ hai ở trong tầng thứ nhất, đầu thang lại dùng gỗ bên làm chốt ngang, đục lỗ xuyên qua hai thang để kết liền với nhau làm một. Ở đầu dưới thang thứ hai lại đóng móc sắt. Như muốn lên thành, trước phải đặt hai tầng thang kết làm một dựa vào bên thành; trước lên



Hình 24. Thang mây

thang tầng thứ nhất, đến đầu thang thì lật dựng tầng thứ hai đem móc sắt ở đầu thang móc vào đầu thành, rồi như kiếm bám mà leo lên, không đâu là không tới. Đó là cách làm thang mây nối nhau vậy.

*

Sách *Binh lược*:

Thành bỏ không, không nên vào, vì thành không chẳng biết hư thực thế nào mà lường.

Thành liền không nên đánh, đánh thành là điều nhà binh rất kiêng. Vì ở thành là nơi chứa lương cỏ khí giới, quân tướng đóng giữ ở đó.

Người xưa đánh thành, có khi làm thang mây để leo lên; có khi làm cầu bay để vượt qua hào lũy; có khi tranh nhau mà leo lên; có khi chia quân vạch đất

mà giữ; có khi chõ đất đắp lũy để vây; có khi làm da trâu để chắn mà đến dưới thành rồi đào hầm vào chân thành để cho thành sụp. Ta trộm nghĩ như thế nguy lắm. Vì nếu trong thành hết cả binh tướng đều lên trên thành, tên nỏ bắn xuống như mưa, hoặc bó cỏ tẩm dầu đốt má ném xuống, thì chẳng nguy cho những binh bám leo sao? Họ lại làm sào gạc nai để chống thang mây; lại lấy dây sắt treo hỏa pháo từ trên thành thả xuống chỗ hầm đào mà nổ thì da trâu và người đều tan nát cả; lại làm thương phi hỏa cho thuốc vào lấy lửa đốt mà phóng; hoặc lấy người dưng cảm, mở cửa xông ra huyết chiến, trong ngoài tử thương cũng bằng nhau. Người ta lại có thể ở ngoài thành đắp núi giả để đặt pháo đắp lũy cao giữ cho bền chắc khiến giặc phải khốn đốn mà đợi cho nó tự chết, như thế thì chỉ tranh nhau cái thành không mà thôi. Cho nên nhà binh gặp thế bất đắc dĩ mới phải đánh thành.

*

Đánh thành. Ngụ Hử đời Hậu Hán làm thái thú Vũ Đô⁽¹⁾ quân không đầy 3.000 người, mà quân Khương có hàng vạn đánh vây Xích Đình⁽²⁾ mấy chục ngày. Hử bèn ra lệnh cho quân sĩ không bắn nỏ cứng mà ngầm bắn nỏ con. Người Khương cho rằng tên đạn yếu không thể bắn đến, dồn quân đánh gấp. Hử bấy giờ đem 2.000

⁽¹⁾ Nay là đất tỉnh Cam Túc

⁽²⁾ Ở phía tây nam Thành huyện tỉnh Cam Túc

nổ cũng cùng bắn, không phát nào là không trúng, người Khương sợ hãi mà rút lui.

Dụ vào thành. Cuối đời Hán, Tào Tháo và Lữ Bố cầm cự nhau ở Bộc Dương⁽¹⁾. Trần Cung bảo Lữ Bố rằng: có thể sai nhà giàu họ Điền giả hiến mật thư xin làm nội ứng, dụ Tháo vào thành. Tháo tin lời. Lưu Việp bảo Tháo rằng: Trần Cung nhiều mưu, hoặc nhiều cách phản gián, không thể không đề phòng. Nên chia quân làm ba đội: một đội vào thành, hai đội phục ngoài thành để tiếp ứng. Họ Điền lại sai người dâng thư hẹn lúc canh một thì trên thành thối ốc làm hiệu. Đến kỳ, Tháo đem quân đến vào thành. Súng nổ bốn bên, lửa bốc, quân phục đều ra. Tháo cả thua.

Ích Châu⁽²⁾ mục nhà Tấn là La Thượng sai Ngỗi Bá đánh thành Thục, cùng Lý Hùng giao chiến, có thua có được. Hùng bèn mộ người Vũ Đô là Phác Tần, đánh cho thấy máu, sai đi lừa La Thượng là muốn làm nội ứng, lấy lửa làm hiệu. Thượng tin lời, ra hết tinh binh sai Ngỗi Bá đem theo Tần mà đánh Hùng. Hùng ra đánh. Tướng là Lý Nhương đặt quân phục ở đường. Tần lấy thang dài dựa vào thành đốt lửa. Quân Bá thấy lửa dấy lên, tranh nhau trèo thang. Tần lấy dây trói hết 500 người đem chém cả. Hùng nhân buông quân, trong ngoài giáp đánh, cả phá được quân La Thượng.

(1) Ở phía nam huyện Bộc Dương tỉnh Hà Bắc

(2) Nay là đất tỉnh Tứ Xuyên.

Nhàn làm cho nhọc. Doãn Tử Kỳ đánh Thu Dương⁽¹⁾ Trương Tuần ở trong thành ban đêm khua trống nghiêm quân, làm như sắp ra trận. Giặc nghe, suốt đến sáng phòng bị. Khi đã sáng, Tuần nghỉ quân im trống. Giặc dùng phi lâu dòm vào trong thành, không thấy có gì, bèn cởi giáp nghỉ quân. Tuần cùng với Nam Tề Vân, Lợi Vạn Xuân hơn 10 người tướng, mỗi tướng đem 50 quân kỵ, mở cửa ra thẳng xông vào dinh giặc, đến thẳng dưới cờ Tử Kỳ, chém giết rất nhiều.

Bọn chín tiết độ sứ Quách Tử Nghi⁽²⁾ vây Nghiệp Thành⁽³⁾, đào ba lần hào, đưa nước sông Chương rót vào, nguy ở sớm chiều. Tư Minh chạy đến cứu Nghiệp Thành, khiến các quân đặt dinh cách thành 50 dặm, mỗi dinh đánh 300 cái trống để uy hiếp ở xa; mỗi dinh kén 500 tinh binh, ngày ngày cướp bóc ở dưới thành, hễ quan quân ra thì lại tan về các quân. Người ngựa trâu xe trong thành ngày có bị mất, kiếm củi rất khó, ngày thì phòng đêm đến, đêm thì phòng ngày đến. Tư Minh bèn dẫn đại quân thẳng đến dưới thành, định ngày quyết chiến, quan quân cả thua.

Phàm giặc vây thành, đóng寨 không đi, muốn đánh cho được, không gì bằng đêm quấy rối. Đặc biệt

⁽¹⁾ Ở phía nam huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam

⁽²⁾ Quách Tử Nghi là công thần của nhà Đường, trong cuộc dẹp loạn An Sử, Quách Tử Nghi cùng tám tiết độ sứ khác là bọn Lý Quang Bát vây Nghiệp Thành, nhưng bị Sử Tư-minh đánh bại.

⁽³⁾ Tại tỉnh Hà Nam, huyện Lâm Chương

kén binh sĩ 500 người, theo đúng trang phục của giặc, hiệu lệnh của giặc, có ám hiệu riêng, mỗi khi gặp đêm tối mưa tuyết, chợt thấy giặc có hơi trễ nải, thì mở cửa hoặc do cửa kín chạy ra, dùng súng, dùng gậy, dùng quả đấm, phá rối dinh giặc, tụ tan chớp nhoáng, ai nấy tự đánh. Gặp gió thuận thì dùng hỏa khí hỏa pháo để đốt kho tàng; giặc sợ thì giả cách cùng sợ, giặc ngủ thì giả cách cùng ngủ; nhưng lấy im lặng làm mồi đánh ngầm làm diệu. Đại khái cứ trống canh hai thì ra thành, trống canh năm thì vào thành, đánh dinh tây thì vào cửa đông, đánh dinh nam thì vào cửa bắc, nhưng phải lấy ám hiệu nhận làm quân ta mới cho đi. Đó gọi là quân ma, phải kín như cò rò, nhanh như cắt vọt, không phải người cảm tử và người tập rèn thì không thể làm được; hay chỉ dùng súng lớn mà đều bắn vào dinh giặc.

No làm cho đối . Bọn chín tiết độ sứ Quách Tử Nghi vây Nghiệp thành sắp được. Bấy giờ thiên hạ đối kém, việc chuyển lương phía Nam từ miền Giang Hoài, phía Tây từ miền Quan Phần, thuyền xe nối nhau. Sử Tư Minh⁽¹⁾ sai nhiều tráng sĩ, dùng trộm trang hiệu của quan quân để lộn sòng vào mà đốc thúc việc vận chuyển, không cho chậm trễ, giết cần nhiều người. Người vận lương sợ hãi, hễ thuyền xe chở lương đến là ngầm phóng lửa đốt ngay. Đi lại tụ tán, quân địch cùng nhau quấy rối, quan quân không thể xét được, do đó các

⁽¹⁾ Sử Tư Minh là lãnh tụ nghịch quân chống nhà Đường

quân thiếu ăn, cả võ.

Lại Trương Tuấn nhà Đường giữ Thư Dương, gặp lương thiếu, Lệnh Hồ Triều chở gạo muối cho giặc vừa đến. Tuấn đem đóng quân ở phía nam thành. Triều đem hết quân lại chống. Tuấn sai dùng sĩ ngậm tăm đến bên sông, lấy được nghìn斛 gạo muối, còn dư thì đốt hết rồi về.

Chúa Kim có 7 vạn quân đóng ở dưới thành Sở Châu⁽¹⁾, có 3.000 quân giữ lương ở Hoài Âm, lại có 3.000 chiếc thuyền chở lương đậu ở sông Thái Thành. Tống Tất gặp được gián điệp mà biết, nói rằng: Quân địch gấp mười quân ta, khó dùng sức mà thắng, có thể dùng kế phá được. Bèn sai thống lĩnh là Hứa Phục lên đường đi tới Hoài Âm, trống canh hai ngậm tăm đến dinh địch, đều đem theo lửa ngậm phục ở dưới xe lương hơn 50 chỗ, nghe hiệu thì đốt. Địch rối sợ chạy trốn, lương cỏ đều hết. Sở Châu được giải vây.

Binh pháp nói: Lấy tĩnh để thắng. Lại nói: Lánh kẻ mạnh mà tĩnh. Lại nói: Thấy địch tĩnh thì làm ồn. Tĩnh là khí giới lớn để giữ thành. Tổ Đĩnh⁽²⁾ nước Tề làm thứ sử Bắc Từ Châu, gặp khi có quân Trần đến cướp, trăm họ nhiều người làm phản. Đĩnh không mở cửa thành, các ty tướng đều sai xuống thành ngồi yên; đường phố cấm không cho người đi lại; gà chó không được gáy sủa; giặc không nghe thấy gì, không hiểu tại sao, hoặc ngờ người chạy bỏ thành không, không đặt

⁽¹⁾ Tức là quận Hoài Âm, trị sở cũ ở huyện Hoài Âm tỉnh Giang Tô

⁽²⁾ Đã chú ở quyển III, về điều Từ Thành

cảnh bị gì hết. Đinh vục khiến kêu la vang trời. Giặc cả sợ, tức thì tan chạy.

Lại chiến dịch Thuận Xương⁽¹⁾, Lưu Ý nhà Tống không dấy 3 vạn quân. Mỗi buổi hôm tiếng trống của giặc đánh vang cả núi hang, dinh giặc huyền nao, thâu đêm có tiếng, Ý ở trong thành cứ yên lặng, chẳng nghe tiếng chó tiếng gà, chỉ lấy tĩnh mà đối phó với huyền nao. Và đại thắng.

Vương Hưu Phạm⁽²⁾ người Quế Dương nhà Tống làm phản, triều đình sợ hãi. Tiêu Đạo Thành đến Tân Đình, sửa đắp thành lũy chưa xong, tiền quân của Hưu Phạm đã đến Tân Lâm. Đạo Thành cởi áo nằm chơi cho yên lòng dân chúng.

Ngột Truật nước Kim đánh Thuận Xương. Bấy giờ trời nóng. Dịch từ xa lại, ngày đêm chẳng cởi áo giáp. Lưu Ý thì sĩ khí nhàn rồi. Quân Kim đều là người ở Bắc phương. Không khí buổi sáng mát lạnh, Ý giữ quân không động. Kịp đến giờ mùi, sức địch đã mệt và có ý rối ren, Ý bỗng sai mấy trăm người ra cửa Tây tiếp chiến; chốc lại đem mấy nghìn người ra cửa Nam, ra lệnh răn không được hò hét, chỉ dùng đao búa mà vào trận chém loạn. Từ giờ mùi đến giờ thân. Giặc thua lui. Tức thì dùng mộc mã mà chắn, nghỉ ngơi một chút, nhưng tiếng trống trên thành không dứt. Bèn đem cơm canh cho các chiến sĩ ngồi ăn, như lúc bình thời. Dịch

⁽¹⁾ Đã chú ở quyển III

⁽²⁾ Đã chú ở quyển III

tan chạy, không ai dám đến gần. Khi ăn xong rồi, triệt bỏ mộc mã, lại phá giặc, liền phá được. Trong chiến dịch này, Y ra đánh quân chỉ có gần 5.000 người, mà quân Kim kể có vài mươi vạn, duy dùng cách “dĩ dật đãi lao” mà thắng vậy.

Lại Lưu Y giữ Thuận Xương, bấy giờ trời rất nóng, quân Kim mặc áo giáp tiến đến. Y sai một người lính đứng ở trong nắng, hỏi biết là áo giáp nóng, không thể đựng tay, bèn đem hết cả 5.000 người trong thành, chia làm 5 đội, hạ lệnh cho trong quân y theo thứ tự ăn cơm, sĩ tốt đổi phiên nhau mà nghỉ. Và cả bại quân Kim⁽¹⁾

Sửa trị. Trong khi giữ thành và tới trận, nên sửa trị những công cụ dùng để giữ hay để đánh, như làm lầu canh, treo màn chiến, đặt giá súng, đặt giường nỏ, chõ gạch đá, làm đuốc bếp, sấm lửa dầu v.v...

*

PHÉP HOẢ CÔNG.

Phép hoả công đánh làm sao?⁽²⁾

Thưa rằng: Đợi ngày nắng ráo mới nên, hoặc sai 5,3 người đột nhập mà đốt. Thấy nó có loạn động,

⁽¹⁾ Nguyên văn chép vắn tắt, Tỷ dụ này ý nói quân Kim mặc áo giáp mà phơi nắng, rất là nhọc mệt, mà quân của Lưu Y thì chia làm 5 đội thay phiên nhau mà vừa đánh vừa nghỉ, dùng cách “dĩ dật đãi lao” nên đánh bại quân Kim.

⁽²⁾ Mục này đặc biệt viết bằng chữ Nôm

quân ứng ở ngoài xông vào thì được. Nhược bằng có kiên tranh thì chớ đánh. Nếu nó đóng ở nơi thảo mộc, có thể đốt ngoài mà đánh, chẳng có nó lại đốt ở trong. Phép hỏa công là thế.

Quả dẫn lửa⁽¹⁾.

Dùng giấy làm quả cầu, trong chứa gạch đá vụn, có thể nặng 3 cân hay 5 cân, nấu sáp ong, nhựa thông và bột than làm bùn bôi khắp vào vật ấy, rồi lấy dây gai xỏ qua. Phàm khi sắp ném hỏa cầu thì phóng quả cầu này trước để lấy mức xa gần⁽²⁾

Quả mù thuốc độc. Quả này nặng 5 cân, dùng lưu hoàng 15 lạng, ô dầu thảo 5 lạng, diêm tiêu 1 cân 14 lạng, ba đậu 5 lạng,



Hình 25. Quả dẫn lửa



Hình 26. Quả mù thuốc độc

⁽¹⁾ Những đồ hỏa công sau này là chép theo sách **Võ kinh tổng yếu**, quyển II và sách **Võ bị chế thắng chí**.

⁽²⁾ Quả này làm nặng bằng quả cầu thực, ném nó để lấy mức xa gần rồi theo mức ấy mà tiến lên hay lùi xuống để ném hỏa cầu cho trúng đích.

lang độc 5 lạng, đồng du (dầu trẩu) 2 lạng ruối, bột than gổ 5 lạng, nhựa thông 2 lạng ruối, thạch tín 2 lạng, sáp ong 1 lạng, trúc nhự 1 lạng 1 phân, ma nhự 1 lạng 1 phân. Các thứ ấy giã với nhau rồi nặn làm quả tròn, xỏ qua một sợi dây gai dài 1 trượng 2 thước và nặng nửa cân, rồi lấy thuốc bao ngoài mà bao.

Trâu lửa pháo xông trận.

Dùng con trâu già bỏ đi, buộc dao sắc vào sừng, hai bên mình cặp tre sát vào chân cho không thể quay được, trên lưng đội một ống pháo sắt lớn chứa một đấu thuốc, thuốc để quanh co ở trong pháo; pháo chứa những thuốc liệt hoả, thân sa, thân hỏa. Phàm khi quân giặc rất nhiều quân ta rất ít, dùng trâu ấy xông vào, người ngựa gặp phải tức thì tan nát. Khi xông vào trận giặc thì lửa phát pháo nổ, thế như sấm động, âm một tiếng không kịp bịt tai. Dù khó nhọc mấy ở



Hình 27. Trâu lửa

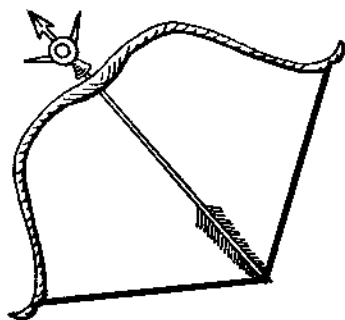


Hình 28. Thuyền lửa

trong mây trùng vây của giặc cũng phá tan được.

Thuyền lửa Dùng thuyền nát hay bè gỗ, chở đầy rơm củi, từ trên đầu gió thuận dòng mà đốt lửa để đốt chiến hạm lâu thuyền của địch.

Cung bắn tên quả lựu. Lấy thuốc súng dùng hai ba tờ bông và giấy gói lại, ở giữa cắm tên, dùng được bàng căn⁽¹⁾ bọc thành hình quả lựu, ngoài thêm vài gai buộc kỹ, lấy nhựa thông chảy sơn kín lại, dùng giấy tẩm dầu quấn lấy ngòi thuốc; thẳng trước mắt đặt mũi tên sát. Nền phong mũi nhọn lại đảo ngược móc câu, khi đốt ngòi thuốc để phát hỏa thì mới mở cung bắn đi. Hễ dụng vào người ngựa hay mũi buồm



Hình 29. Cung bắn tên quả lựu

của thuyền thì cháy không tắt được. Đó cũng là đồ tiện lợi.

Tên hai hổ đuổi dê. Cán dài 5 thước, một cán ba mũi; hai ống chứa thuốc súng tốt quay về về tên, một ống thuốc súng kém quay về mũi tên, cộng ba ống, đường kính 7 phân, dài 4 tấc 5 phân,

buộc vào một cái cần. Bắn xa 500 bước. Hai ống thuốc súng tốt ra lửa hết thì đến ống thuốc xấu ra lửa,

⁽¹⁾ Chữ Hán là không rõ có đúng chữ không, chúng tôi cứ phiên âm, không rõ là chất gì.

có thể đốt cháy cả sàn trại, cháy cả thuyền địch và phá hủy nhà ở của địch. Một người dùng thì trăm người sợ hãi, rất là huyền diệu. Cũng phải bôi thuốc “kiến hỏa phong hầu” và thuốc “phản phúc hỏa thương đao” để phòng.



Hình 30. Tên hai hồ đuôi dê

*

Sách *Tôn tử*:

Phàm hỏa công có 5 phép: một là đốt người; hai là đốt lương chứa; ba là đốt xe cộ; bốn là đốt kho tàng; năm là đốt đội ngũ.

Dùng lửa phải có cái để nhân; đốt lửa phải có sẵn chỗ; phát lửa có thời; nổi lửa có ngày. Thời là ở trời khô ráo; ngày là lúc mặt trăng ở phần sao Cơ sao Bích sao Dục sao Chấn. Phàm gặp bốn sao ấy là ngày nổi gió. Phàm hoá công thì phải nhân năm cách đốt ấy mà biến đổi để ứng tiếp. Lửa phát ở trong thì sớm ứng ở ngoài; khi lửa cháy mà thấy quân cứ yên tĩnh thì đợi mà không đánh. Hết sức của lửa, có nên theo thì theo, không nên theo thì thôi. Lửa có khi phát ở ngoài, không chờ ở trong, theo thời mà đốt. Lửa đốt ở trên gió, không đốt ở dưới gió. Ban ngày thì gió lâu, ban đêm thì gió đứng. Phàm quân phải biết cái biến của năm cách đốt,

lấy số⁽¹⁾ mà giữ. Cho nên lấy lửa giúp việc đánh thì rõ ràng thắng, lấy nước giúp việc đánh thì mạnh.

Nước có thể tuyệt, nhưng không thể đoạt được. Phàm chiến thắng công thủ mà không xét định công lao là sự chẳng lành, gọi là “công cốc”. Cho nên minh chúa phải nghĩ, lương tướng phải làm. Không lợi thì không động, không được thì không dùng, không nguy thì không chiến. Chúa không nên vì giận mà dấy quân, tướng không nên vì tức mà đánh trận. Hợp với lợi thì động, không hợp với lợi thì thôi. Giận có thể lại mừng; tức có thể lại vui; nước mất thì không thể lại còn; người chết thì không thể lại sống. Cho nên nói minh chúa phải cẩn thận, lương tướng phải răn dè. Đó là đạo yên nước vẹn quân vậy⁽²⁾.

*

Sách *Bảo giám*:

Không vào hang cọp thì không bắt được cọp con. Nhưng bây giờ chỉ có cách là nhân đêm tối mà dùng lửa để đánh giặc; khiến giặc không biết quân ta nhiều ít thế nào, ắt phải cả sợ, quân có thể bị giết hết vậy. Diệt được giặc ấy thì nước Thiện Thiện vô mật, uy nhà Hán có thể tự dựng⁽³⁾.

Bình sĩ ở ngoài cửa ải, vốn không phải là con hiền cháu thảo, đều vì có tội lỗi mà điều bổ ra chốn biên đồn, mà người Nam Di thì mang lòng chim muông, khó nuôi

⁽¹⁾ Số đây là độ số của bốn sao, quan hệ với gió.

⁽²⁾ **Tôn tử**, thiên XII

⁽³⁾ Lời của Ban Siêu, xem **Hậu Hán thư** Ban Siêu truyện

dễ bại. Nay người chỉ nên nghiêm cấm, nhưng nước trong thì không có cá lớn, chính nghiêm thì không có bình hòa, nên rộng rãi mà tha lỗi nhỏ, nắm lấy đại cương mà thôi.

★

Sách Võ kinh:

Võ vương hỏi:⁽¹⁾ Đem quân vào đất chư hầu, gặp chỗ cỏ sâu rậm rạp khắp quanh trước sau tả hữu quân ta, ba quân đi đã mấy trăm dặm, người ngựa đều mỏi, đã dừng nghỉ rồi, quân địch nhân trời ráo gió mạnh, đốt trên đầu gió của ta, và cho xạ kỵ cùng binh tinh nhuệ phục vững ở sau ta, ba quân sợ hãi chạy tán loạn, như thế thì làm sao được? - Thái công thưa: Như thế thì lấy thang bay và thang mây mà trông xa tả hữu, xét rõ trước sau. Nếu thấy lửa cháy thì ta cũng đốt theo ở phía trước ta, rồi lại đốt ở phía sau ta. Ví như giặc đã đến thì đem quân lui đến chỗ đất đen (đã bị đốt rồi) mà đóng bền ở đó. Giặc đến, còn ở sau ta, thấy lửa đã cháy thì liền chạy xa. Ta giữ chỗ đất đen mà đóng, cho nỗ mạnh quân giỏi hộ vệ hai bên, rồi lại đốt trước và sau ta. Làm như thế thì giặc không thể hại ta được.

Võ vương lại hỏi: Giặc đốt tả hữu ta, lại đốt trước sau ta, khói che phủ quân ta, mà đại quân thì nhắm chỗ đất đen mà vượt ra, như thế thì làm thế nào? - Trả lời: Như thế thì ta phải chia quân làm bốn, dùng thế

⁽¹⁾ Mục này **Bình thư yếu lược**, trích **Võ kinh** nhưng chép sai và lộn xộn, chúng tôi sửa lại theo **Võ kinh trực giải** (phần “Lục thao” chương 14) mà dịch.

trận võ xung, cho nổ mạnh hộ vệ hai bên quân ta. Phép ấy không thắng mà cũng không bại.

*

Phép điều lửa đốt giặc⁽¹⁾

*

Sách *Hành quân tu trí*.⁽²⁾

Bình thư nói: đánh thành tiếng mau thế dữ, như sấm như sét, khiến tráng sĩ không kịp bịt tai. Lý Tĩnh nói: Việc binh quý nhanh chóng, để lâu sinh biến. Sách *Tam lược* nói: Nhỏ đừng để lâu.

Phàm thành *hư* có nên lấy không? Hư tức là không có người ngựa lương cỏ, không đủ đánh, lấy được thì không trọn vẹn. Lại nếu không có quân cứu ở ngoài thì chỉ nên dùng hào sâu lũy cao mà chờ, kế giặc không thì hành vào đâu được, tự nhiên phải tìm ra, để bắt. Hoặc ở trong thành hết lương, lâu phải đòi ra. Ta dùng mưu giả làm khuất quân, điểm hợp người ngựa, chừa ra một góc trống không, đêm thì giả cách đốt lửa cho giặc trông thấy. Nó tất do chỗ không mà đâm ra. ở nơi yếu hại ta nên đặt nhiều quân kỳ quân phục, cung cứng nổ mạnh đón chặn ở đầu đuôi, không cho cứu nhau, rồi sai những tướng nhỏ lãnh quân bộ vào thành yên võ cư dân, giữ gìn kho tàng.

⁽¹⁾ Chép cả thiên “Hỏa công” của **Hồ trưởng khu cơ** gồm 9 chương, đây bỏ cả, xem ở sau.

⁽²⁾ Xem **Võ bị chế thắng chí**, quyển 7, chương “Thố trí điều kiện”.

Thành *thực*⁽¹⁾ là trong thành đủ ăn đủ binh, cầu đánh không ra, chắc có quân cứu viện ở ngoài. Như thế thì không nên giữ lâu, hẳn sẽ sinh biến, có thể có quân ở ngoài đến cứu. Nên dùng nhiều mưu lạ mà đánh cho nhanh.

★

Phép phá thành, đồ đánh thành, đều có luật lệnh, cộng có 12 điều, nên nhận rõ mà theo:

1. Phép “nga xa động tử”, cho chở đất mà lấp hào, làm núi đất ở phía trong động hào⁽²⁾. Khiến người chia làm hai hàng tả hữu, một hàng chuyển đất vào hào để lấp, một hàng chuyển đồ đựng không ở động (hào) ra. Chỉ sai riêng những trạng sĩ đem đất vào thôi, không nên sai người đi lại khiêng gánh không tiện. Đắp được gò đất có thể đứng trông được; lại đóng cọc gỗ, rồi dùng túi vải đựng đất chồng chất để lên thành; chứa nhiều củi đóm thành đống cao rộng ở bên thành là hay. Còn khoảng đất ở động (hào) thì đặt nhiều thùng nước bùn và chổi gai để phòng dầu rái, hỏa tiễn và hỏa pháo của địch ném xuống.

2. Dùng xe dầu hổ và lừa gỗ nhọn đầu đặt ở dưới chân thành, dùng cuốc mở quạ đào hố cho thành tự sụp đổ.

3. Dùng thang mây ba chân để lên thành, thì mộc lôi⁽³⁾ trên thành ném xuống không thể làm hại được.

(1) Thực là trái với hư.

(2) Tức là chỗ rãnh hào trống rỗng

(3) Đùi gỗ

4. Dùng pháo lửa đánh vào lầu của thành và dùng xe húc để xông cửa, phá rào.

5. Dùng pháo lửa, tên lửa, chim lửa đốt kho tàng trong thành.

6. Đào lỗ ở thành, đem sai chiến sĩ vào thành, phá mở cửa để lọt vào, đốt kho tàng lương thực.

7. Dem quân lính của mình chia làm phen thứ, khiến ngày đêm nối chiêng nối trống và la hét mà đánh luôn làm cho địch không thể ngồi yên, như thế ba ngày đêm không được ngủ, người thì mỗi một suy yếu, ta cũng làm ra cách mệt thật mà phải tạm nghỉ ngơi, giữa lúc nửa đêm trăng tối, chợt sai những binh mạnh dạn nhanh nhẹn lên thành cướp cửa, phá cổng, dẫn quân vào thành.

8. Thường ở nơi yếu hại đặt quân kỳ quân phục để chặn quân ngoài đến cứu; như không có thì thôi, nếu quả có thì chia quân ra mà chống chọi.

9. Có thể trong đêm dùng cung cứng nỏ mạnh bắn tên vào thành, buộc giầy vào tên lấy ý khuyên làm giáp điệp quay lại làm hại, hứa cho trọng thưởng. Nếu sĩ tốt thu được thì đem dụ dỗ lẫn nhau, khiến cho trong ngoài cùng ứng.

10. Biết rõ được tướng địch, dùng những kẻ mưu chủ tâm phúc, những kẻ phụ tá tả hữu nào, có người tài năng thì có thể viết chữ trên cái tên tỏ ý ước hội với nhau, bắn vào trong thành, cũng có thể làm phản gián được, khiến cho trên dưới tự đánh giết lẫn nhau.

Sách Võ kinh tổng yếu⁽¹⁾

Phép dùng binh, giữ toàn nước là hơn cả, phá nước là bậc thứ; giữ toàn quân là hơn cả, phá quân là bậc thứ. Đều là nói dùng mưu để dụ hàng địch. Phải là bất đắc dĩ mới phải sửa xe cộ, sắm khí giới, ba tháng thì mới xong, đào đất và đắp núi đất lại ba tháng rồi mới xong, sợ hại người lắm. Cho nên nói đánh thành là hạ sách. Nhưng đánh cũng có phép. Phải biết sức mạnh yếu của địch, lường số nhiều ít của ta, hoặc đánh mà không vây, hoặc vây mà không đánh, biết được phép ấy thì có thể thắng được.

Đại khái đánh là đánh vào nơi nó phải giữ và nơi nó phải cứu. Cho nên thành có khi nên gấp mà lấy, có khi nên hoãn mà thắng. Nếu địch với ta thế ngang nhau mà ngoài có quân viện mạnh, lo trước bụng sau lưng đều bị địch thì nên đánh gấp để gấp thu lợi. Nếu ta mạnh nó yếu, ngoài không có quân viện, sức đủ để chế được, thì nên ràng buộc mà giữ để đợi nó sinh tệ. Thế bảo là không đánh bằng quân mà làm khốn bằng kế, khiến nó tự nhỏ thành, tự huỷ thành. Nếu thành liên quân nhiều, địch muốn cầm quân ta mà quân viện lại đến thì trong ngoài ta sẽ bị địch, nếu nhỏ đi thì chưa đủ làm nổi mà không nhỏ thì đủ để bẻ gãy uy địch, nếu như thế mà người tướng không dần được bậc tức lại cho

⁽¹⁾ Xem **Võ bị tổng yếu**, Tiên tập, quyển 10, chương “Công thành pháp”

quân sĩ leo lên thành, quân sĩ bị thương mà thành không nhỏ được, thì đó là tai vạ của sự đánh vậy. Thế gọi là không biết sức mạnh yếu của địch vậy.

Binh pháp nói: “Quân gấp mười thì vây, gấp năm thì đánh”⁽¹⁾, quân ít thì không vây lâu, chia ra mà đánh, lừa mà họp lại. Thế gọi là lường số nhiều ít của ta.

Lại thành có khi không nên đánh, có khi tất phải đánh. Cho nên đem quân đến thành, trước phải sai gián điệp thăm dò, tìm biết số lương trong thành, tính người chi phí, lương nhiều mà người ít thì đánh mà dừng vây, lương ít mà người nhiều thì vây mà dừng đánh. Thế gọi là hoặc đánh hoặc vây.

Phàm muốn đánh thành thì phải chuẩn bị đồ đánh, rồi sau mới làm, được chỗ đất sống rồi sau mới đến. Chạy tới chỗ nó phải cứu, tức là đánh vào nơi chủ yếu của quân. Dứt chỗ nó cậy nhờ, tức là cắt đường chở lương mà giữ lối về, khiến ngoại giao của nó không đến cứu được vậy.

Quân vây phải ở cách thành ngoài 300 bước, thì cung tên không tới, gian nguy không thông. Địch ra chọc thủng vây vì thế đã chùn, muốn đánh một mặt thì bốn mặt làm rối lên, khiến địch không biết đâu mà phòng bị. Đó là binh mưu vậy.

Không đào mồ mả, không giết già trẻ, đàn bà con gái, không đốt nhà cửa, không làm như giếng bấp, không hủy thần từ phật tự, là sợ làm cho địch giận vậy.

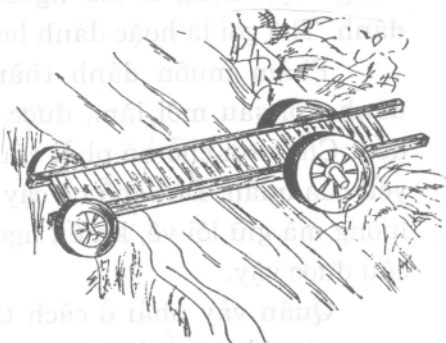
⁽¹⁾ Tôn tử, thiên III

Phá thành, tiếng trống chưa dứt thì không cho tù tản đi, khi cho tù tản đi, nên hẹn cho thời giờ, đến hẹn thì đánh ba hồi trống, quân lính đều phải về dinh. Nếu bắt được phụ nữ thì ngoài ba ngày không được lưu ở trong dinh. Đó là binh lễ vậy.

Lấy được thành bảo của địch, không phải là nơi yếu hại có thể cậy được thì không chia quân trấn giữ. Được cối gần với địch thì cố giữ để làm nơi cất chứa lương củi rơm cỏ. Đó là để khỏi sự vận chuyển khó nhọc vậy.

ĐỒ ĐÁNH THÀNH.

Cầu hào. Dài ngắn lấy hào làm chuẩn, dưới đặt hai bánh xe lớn, đầu xâu hai bánh xe nhỏ, đẩy vào hào, bánh xe lọt xuống thì cầu bằng, có thể sang được. Nếu hào rộng thì dùng cầu gấp; phép làm cầu gấp thì dùng hai cái cầu hào tiếp nhau, ở giữa đặt một cái trục chuyển, phép dùng cũng như thế.



Hình 31. Cầu hào

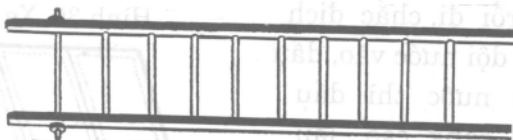
Thang mây xe. Dùng gỗ lớn làm giường, dưới đặt sáu bánh xe, trên dựng hai cái thang, đều dài hơn 2 trượng, giữa đặt trục chuyển. Bốn mặt xe dùng da trâu sổng để che, ở trong dùng người đẩy lên. Tới thành thì lật thang bay lên trên thang mây để dòm trong

thành.

Thang Bay. Dài 2,3 trượng, đầu xỏ hai bánh xe. Muốn dựng vào thành thì để hai bánh xe bám vào thành mà đẩy lên.



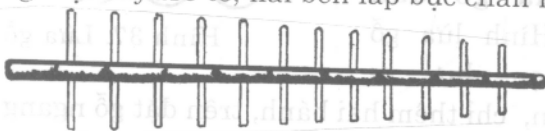
Hình 32. Cầu hào gấp



Hình 33. Thang bay

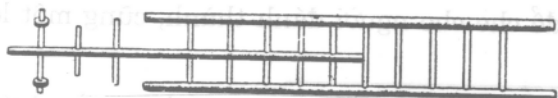
Thang bay tre.

Làm bằng một cây tre to, hai bên lắp buc chân mà treo.



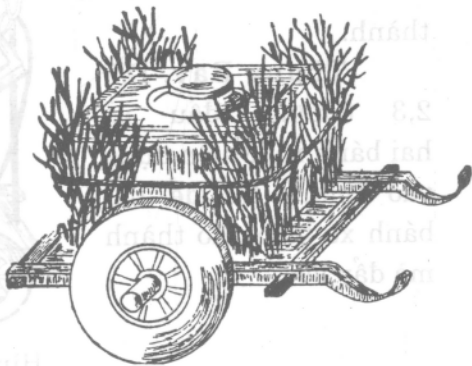
Hình 34. Thang bay tre

Thang bay bóp đầu. Phép làm thang bay bóp đầu, làm hai tầng, tầng dưới như thang bay, tầng trên dùng một cây tre, giữa thang có cái trục chuyển để lật đầu thang lên, đầu cây tre xỏ hai bánh xe, dùng để bám vào thành cho dễ đẩy lên.

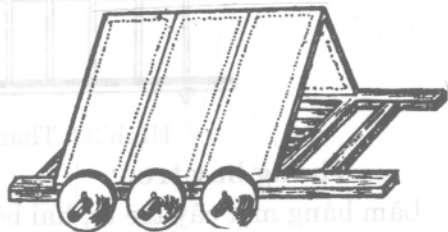


Hình 35. Thang bay bóp đầu

Xe lửa. Lấy cái xe hai bánh, ở giữa làm cái lò, trên đặt vạc đựng đầy dầu, dùng than và củ đun sôi lên; bốn mặt lại chứa củ. Đến dưới lầu của thành thì phóng lửa cho cháy lên rồi đi, chắc địch phải dội nước vào, dầu được nước thì dầu cháy càng cao, lầu cũng có thể đốt được.



Hình 36. Xe lửa



Hình 37. Lừa gỗ

Lừa gỗ dầu nhon. Hình lừa gỗ dầu nhon như xe

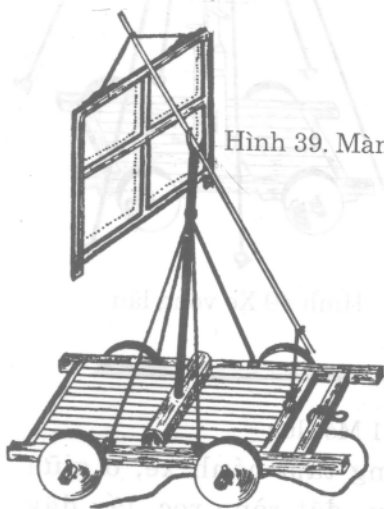
phần ôn, chỉ thêm hai bánh, trên đặt gỗ ngang lớn làm xương sống, dài 1 trượng 5 thước, trên nhon dưới vuông, cao 8 thước, lấy da trâu bọc, trong xe 10 người sống, dài 1 trượng 5 thước, trên nhon dưới vuông, cao 8 thước, lấy m địa đạo.⁽¹⁾

Xe trâu gỗ. Dùng gỗ bên ván chắc làm nhà nửa mái, bọc da trâu sống, dưới đặt bốn bánh xe, tự trong đun đi, để che cho người đánh thành, cũng một loại với

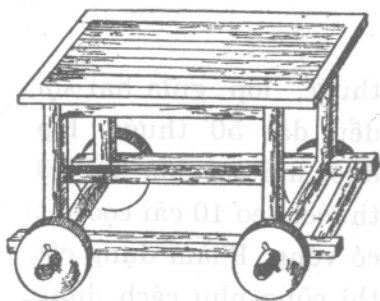
⁽¹⁾ Có tác dụng như địa đạo, tức đường ngầm dưới đất.

lừa gỗ.

Màn gỗ. Dùng ván mà làm như cái bình phong, dùng da trâu mà che, trên đặt cái cần trục chở bằng bốn bánh xe, muốn cao thấp thì lấy



Hình 39. Màn gỗ



Hình 38. Xe trâu gỗ

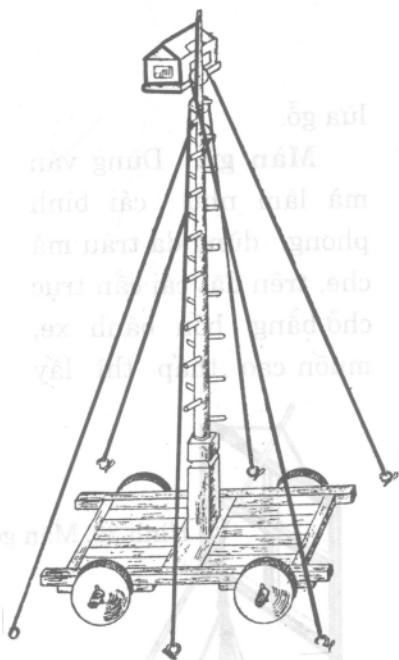
dây mà kéo. Phàm đánh thành muốn leo lên thì lấy màn gỗ che trước mặt cho khỏi tên đạn.

Xe vọng lâu.

Phàm xe vọng lâu cũng như vọng lâu ở trong thành, để dòm xuống xem công việc trong thành, khi đánh thành muốn dời chuyển cho tiện nên làm xe để chở. Phép làm, dựng gỗ làm toà xe và cang xe, dài 1 trượng 5 thước, dưới đặt bốn bánh, bánh cao 3 thước 5 tấc, trên dựng cột trông dài 45 thước, đường kính trên 8 tấc, đường kính dưới 1 thước 2 tấc, trên đặt vọng lâu, dưới đặt trục chuyển, hai bên đặt gỗ chạng, buộc ba lớp dây gai, lớp trên hai sợi đều dài 70

thước, lớp giữa hai sợi đều dài 50 thước, lớp dưới hai sợi đều dài 40 thước, đeo 10 cái cọc sắt có vòng. Phàm dựng cột thì cũng như cách dựng cột buồm ở trên thuyền, đóng cọc và chằng sáu mặt cho kỹ. Còn thì đại khái đều như phép vọng lâu trong thành.

Hoả câu: (móc lửa). Lấy cái đao hai móc làm lưỡi.



Hình 40 Xe vọng lâu

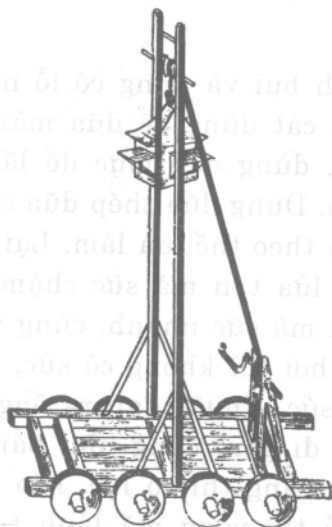


Hình 41 Móc lửa

Sào xa (xe tổ). Dùng tám bánh xe, ở giữa dựng một cái cột cao, đầu đặt ròng rọc, lấy dây kéo cái chuồng lên đầu cột; cái chuồng thì vuông bốn thước, cao 5 thước, bọc da trâu sống để đỡ tên đạn, cao thấp lấy thành làm mức, khiến người nấp trong chuồng ấy dòm công việc trong thành. Xa trông như tổ chim, nên gọi là sào xa.

Pháo (súng) bắn xa. Cách chế pháo bắn xa,

nên dùng sắt Phúc Kiến, rồi đến sắt rèn. Lửa than gỗ tốt nhất, thứ đến lửa than mọ. Khi sắt ở trong lò thì dùng rơm băm nhỏ, pha lẫn với đất vàng, bỏ dần vào lửa, khiến cho cút sắt chảy ra, rèn đến 5,6 lửa. Dùng đất vàng hòa làm nước, cho rơm vào ngâm một



Hình 42. Sào xa

hai đêm, rồi đem sắt thả vào trong nước ấy chừng nửa ngày thì lấy ra, lại rèn nữa, đến ngoài mười lửa. Sắt sống 5, 7 cân, rèn còn 1 cân thì mới chín. Khi vào lò thì dùng đất vàng bọc kín lại, một là để phòng tro bụi, hai là để lấy nghĩa thổ sinh kim, không đến nỗi khô tinh khí của sắt đi. Như làm pháo bắn xa, thì đem sắt chia làm tám khối giống như hòn ngói, dài 1 thước 4 tấc, rộng 1 thước 1 tấc, giữa dày mép mỏng, đem 4 hòn mà đánh thành một cây giống hình cây tre, tám hòn đánh thành hai cây, xong rồi, dùng mấy cái đinh sắt nối hai cây sắt ấy lại làm một. Lại dùng sắt như trước 30 cân chia làm hai khối, cũng đánh hình như ngói, ráp thêm vào chỗ để làm cơ trong lòng cho đầy thêm. Hơi có tro bụi thì ngày sau có thể tổn hại. Phải cho

sạch bụi và dùng có lỗ nhỏ có thể lọt được những hạt cát dùng để dũa mài. Pháo làm xong, cho lên giá, dùng dây mực để lấy chuẩn, không sai phân nào. Dùng dũa thép dũa cho sáng. Các súng đại ước đều theo thế mà làm. Lại bảo rằng miệng súng loe thì lửa tan mà sức chậm, miệng súng bóp thì lửa thu mà sức nhanh, cũng ví như người ta mở miệng hà hơi thì không có sức, chúm miệng phun hơi thì có sức. Thuốc đạn ra ống khó thì đi xa, ra ống dễ thì đi gần, cũng như bắn tên, tay sau buông tên, kéo căng thì có lực, kéo nới thì ít lực. Tiếng súng nhỏ thì vang mà lạnh tai, tiếng rộng thì tan mà không lạnh tai, cũng như nghe nhạc, tiếng quản vào tai thì sâu, tiếng trống vào tai thì nông.

*

CÁC THỨ HOẢ DƯỢC⁽¹⁾

Hoả dược thần. Khi cướp dinh phá trại, xung phong đánh địch thì dùng:

Thạch hoàng	Ngân hạnh diệp
Thư hoàng	Ba sương
Lô hoa	Lưu hoàng
Tùng hương	Nhược khô (tro nứa)
Hùng hoàng	Liễu khô (tro liễu)
Hắc phê (thạch tín)	Can phân (cứt khô)

⁽¹⁾ Xem **Võ bị chế thắng chí**, quyển 16. Mỗi bài thuốc có kèm theo một bài ca, chúng tôi không dịch bài ca.

Ngải noạt Tiêu hỏa.

Đậu mạt

Hoả được độc. Khi phá trận mà dùng , giặc ngủi
thấy hơi, tối tăm choáng váng, cháy cả da thịt.

Xuyên ô Cách ô

Nam tinh Lạng độc

Bán hạ Lạn cốt thảo

Xà mai Nha tạo

Kim đính phê Thiết cước phê

Ba sương Can tất (sơn khô)

Ngân tú Tùng hương

Can phần (cứt khô) Hùng hoàng

Ngải noạt Lưu hoả

Kim trấp Liễu khô

Sam khô Đoạn trường thảo

Ban miêu Yêu cao

Khương trấp Hoa khô

Hà mô du Ngân hạnh

Hoả được bay. Xung trận phá trại, đốt lương,
thieu hủy quân mã bộ của giặc, đều dùng được cả.

Lô hoa (trộn dầu trẩu rồi phơi khô)

Tùng hương Huyền hoàng

Ngân hạnh diệp Can phần

Tạo dác mạt Tiêu hoả

Nhược khô Hoa khô

Lưu hoả Liễu khô

Ban miêu Thạch hoàng.

Hoả được pháp. Rất là lợi hại, khiến giặc một

vật không nhìn thấy được, một bước không thể đi được, bắt sống quân giặc thì dùng thuốc này.

Lương khương Can khương

Quân khương Hồ khương

Xuyên tân Hồ tân

Hắc liễu Xích liễu

Du tạo Đại tạo

Thạch tín Khoáng khô

Nhân tinh Tùng hương

Thạch hoàng Hùng hoàng

Tiêu hỏa Lục hỏa

Nhược khô Hoa khô

Liều khô

Hoả được khô. Thuốc này dùng phải giặc, da thịt cháy ngay, thấy máu trào lên nghẹn họng.

Thiết tử Từ phong

Nao sa Ngân tú

Nhân trung trấp Đồng du

Hổ được Tiêu hỏa

Lưu hoả Nhược khô

Liều khô Ban miêu

Hoả được ngược gió. Gió ngược càng mạnh, khói lửa che trời

Lang phần Ngải noát

Giang đồn cốt Giang đồn du

Tiêu hoả Lưu hoả

Nhược khô Hoa khô

Sam khô Ban miêu.

Sách Võ bị chế thắng chí:

Thời gió. Phép hỏa công, lấy gió làm thế. Gió mạnh thì lửa hừng, lửa mạnh thì gió sinh, gió lửa cùng xoay nhau thì mới thắng được. Cho nên người làm tướng phải biết thời của gió, dùng độ số của mặt trăng đi để làm chuẩn. Mặt trăng đi ở phần sao Cơ (13 độ trời), sao Chấn (15 độ), sao Trương (17 độ), sao Dục (19 độ), thì không quá 3 ngày hẳn sẽ có gió lớn mấy ngày liền. Ngửa xem các vì sao thấy sáng nhấp nháy không định thì không quá 3 ngày hẳn sẽ có gió lớn trọn ngày. Mây đen đêm che ở miệng sao Đẩu thì gió mưa cùng nổi. Mây từ phương bắc nổi lên thì gió to. Mây đen qua Ngân hà thì gió to mấy ngày. Trăng quang sắc xanh mấy vòng thì có gió không mưa. Mặt trời lặn mây đen trải ra thì có gió ở xa tới. Gió từ mười dặm đến bay bụi động lá; gió từ trăm dặm đến thổi cát bay ngói; gió từ nghìn dặm đến sức có thể lẩn đá; gió từ muôn dặm đến sức có thể nhổ cây. Biết được thời của gió mà khéo dùng thì muôn lần đánh muôn lần thắng.

Địa lợi. Phép hỏa công, trên thì thuận thiên thời, dưới thì ứng địa lợi. Đồng bằng sông rộng, đánh xa thì thắng (dùng viễn khí⁽¹⁾ mà đánh). Rừng rậm đường hẹp, đánh sát thì thắng (dùng pháp khí⁽²⁾ thuận gió mà

⁽¹⁾ Khí giới đánh xa

⁽²⁾ Khí giới dùng kỹ thuật riêng

đánh). Dựa cao đánh thấp thì thế thuận, dùng đồ nặng với lửa mạnh mà úp xuống. Dưới đánh trên thì thế nghịch, dùng đồ sắc với lửa hừng mà phun lên. Hai bên đều là hỏa khí cả, thỉnh linh mà gặp, không kịp thành trận, thì thế dễ loạn, dùng viên khí mà đánh trước thì thắng. Hai bên đều đóng dinh trại, muốn cướp xe lương, trước phải xem đường phục binh, thấy thế dễ làm, dùng hiệu khiến nổi đánh bốn mặt thì thắng. ở trong thành đánh ra ngoài thì nên đánh chỗ bên chắc; ở ngoài thành đánh vào trong thì nên đánh chỗ mềm yếu. Đánh thủy thì phải ở trước đầu gió; đồ dùng thì như loại khói mù. Mui và buồm thì phải tẩm thuốc thế nào cho lửa không bén. Đó là chúc ứng chiến vậy. Nếu không phân biệt địa lợi mà dùng cho thuận, thì hẳn là bỏ khí cụ mà chạy, chỉ giúp thêm cho giặc mà thôi.

Điều răn của binh. Phàm gặp những lăng tẩm vua chúa đời trước, đền miếu thánh hiền, đô ấp đông dân, làng ngõ xúm xít, nếu dùng hoả công thì đều là thiếu ý sùng đạo và không có lòng thương dân. Đó là điều răn thứ nhất.

Trước vương rừng rậm, tiến không chỗ giữ, lưng dựa đầm nước, lui không lối chạy, lại sát dinh trại, trận quân chưa bày, phàm gặp nơi đó mà dùng lửa để đánh thì sợ cháy lan cả đến mình. Đó là điều răn thứ hai. Thời gió chưa định, địa lợi chưa có, gió mạnh tắt lửa, và không gì to bằng thế.

Phép đánh hoả công, trước hết phải giữ nơi đất hiểm, sau chờ tin gió. Đó là điều răn thứ ba.

Quân địch muốn qui hàng mà chưa nhân được lúc hở, nếu ta nhân gió phóng lửa thì ngọc đá đều cháy. Đó là điều răn thứ tư.

Trong quân địch có những tay tướng giỏi, ta muốn dùng lấy tất phải đặt kế mà bắt sống. Đó là điều răn thứ năm.

Quân địch đã hàng lại còn ngờ là phản mà vội chôn đi để cho thất chí, như Bạch Khởi chôn quân nước Triệu, bất nhân quá đổi. Đó là điều răn thứ sáu.

Quân địch bị thua, cướp bóc dân ta để trưng thanh thế, nên nghĩ chước lạ mà cứu vớt mệnh dân; không cứu vớt dân mà lại dùng hỏa công thì gọi là bất trí. Đó là điều răn thứ bảy.

Măng mống vừa lớn, cá sâu mới dậy, đốt sạch sành sanh, giết hại sinh vật rất nhiều, làm tổn nhân đức. Đó là điều răn thứ tám.

Tuân theo tám điều răn đó, làm sao cho mây bay qua hợp, quỷ thần khó lường được cơ, chớp giật sấm vang, tạo hóa không thấy được diệu.

*

CÁC LOẠI HOẢ KHÍ.

Pháo thần vạn hoả phi sa. Dùng rượu đốt sao chế các vị thuốc, chứa trong công sành, ngâm để thuốc nổ vào, rồi quăng ở dưới thành, lửa bốc cháy công nổ, khói bay mù mịt làm mờ cả mắt giặc, kể đem

súng đạn nổ tên đánh theo. Nên dùng các vị thuốc sau đây, pháo giấy thì lấy nhựa thông rưới vào, chế tạo rất dễ.

Thiên tửu (rượu mạnh)

Phê hoàng

Nao sa

Lương khương

Đại tạo

Phụ mặt

Bán hạ

Ô đầu

Khoáng sa (tức mặt than

đá lấy ở nước)

Tạo dác

Can khương

Liễu tiết (phơi khô giã nhỏ)

Tiêu phẩn

Ba đậu xác

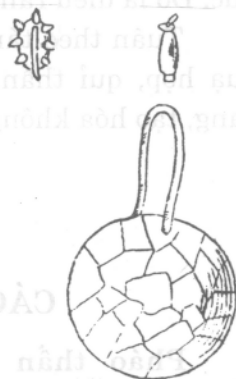
Trịnh trực (quả ngón vàng)

Pháo bầy ong. Đan cật

tre thành một cái giỏ tròn, dùng giấy dày phất hồ 40, 50 lần, phơi khô, trên lại phết giấy dầu 15 lần, mở một lỗ ngòi pháo, lấy 3 cân thuốc súng, già nửa cân tạt lê sắt, nửa cân phi yến độc hoả, phơi pháo giấy vài chục ống nạp vào trong. Súc



Hình 43. Pháo thần phi sa

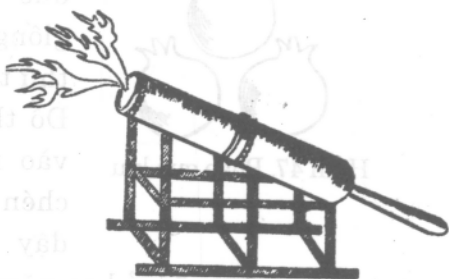


Hình 44 .Pháo bầy ong

nổ rất lớn, chẳng những có thể đánh người, mà lửa phi yến bay khắp bốn phía dính vào mình người hay gặp mui buồm càng có thể bén cháy, tuổi nước không tắt. Ném vào giặc thì cái gì cũng tan nát.

Pháo sấm vang.

Pháo thì dùng sắt sống mà đúc, trong để thuốc thần yên, dùng pháo cái bắn vào trận giặc, lửa phát pháo nổ, một tiếng như sấm, lửa truyền vào pháo, pháo vỡ tung bay ra như viên đạn chì, người



Hình 45. Pháo sấm vang

ngựa đều bị thương, nhân cơ đó mà đánh thì tất phá được giặc. Hoặc muốn bắt sống, hoặc muốn đánh chết, tùy cơ mà dùng. Một thứ dùng hỏa thần sa, một thứ dùng liệt hỏa từ phong, một thứ dùng phi hoả thần yên, một thứ dùng thần hoả thần phong, một thứ dùng pháp hoả thần yên, một thứ dùng pháp hoả thần sa⁽¹⁾.

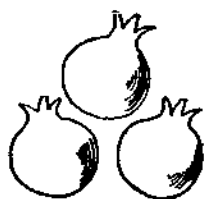
Pháo gỗ. Dùng gỗ bền mà chế, không kỳ lớn nhỏ, xoi rỗng ruột, ngoài niền bốn dây đai sắt, dưới mở một lỗ để đặt ngòi; nhồi thuốc súng cho đầy, miệng cho vào một ít đất vàng, sau cho vào



Hình 46. Pháo gỗ

⁽¹⁾ Đều là tên các thứ thuốc nổ khác nhau

những viên sắt đá và ngòi thuốc, xỏ liền với máy súng, lửa nổ pháo vỡ bay tung lên. Tiện cho việc giữ thành. Việc khẩn cấp chế tạo cũng dễ.



Hình 47. Pháo quả lựu

Pháo quả lựu.

Đúc bằng sắt sống, tạo hình giống quả lựu, có lỗ để đổ các thứ thuốc súng, thuốc khói vào. Đổ thuốc chỉ độ 6 phần 10, bỏ vào một cái chén rượu, trong chén bỏ mỗi nổ, dùng nắp sắt đây miệng. Pháo bôi phấn trắng, trên vẽ cỏ hoa năm sắc, nhẹ nhẹ thả trên đất bên đường, giặc thấy cho là đồ chơi, giơ tay nhặt lấy, đụng phải thì máy mở ra, pháo nổ tan nát, khói bụi mù trời, thân sa dùi vào các lỗ trên mình giặc, xuyên vào hầu, khiến cắn răng lại, mù hai mắt, máu chảy tủy trôi, lửa độc đốt râu sém thịt, đó là lợi khí giết giặc rất nhạy.

Súng tre đánh giặc ban đêm. Dùng tre dày bên thì tốt, ngoài dùng dây da trâu sống buộc chặt rất chặt, phơi khô..., dùng 24 viên đạn lửa, cho thuốc súng đầy vào ống tre, dùng gỗ bịt miệng lại. Nếu giặc đã vào cối thì nhân đêm sai nhiều quân giỏi bí mật đến dinh giặc, hoặc canh một canh hai, mà chia đốt, ngọn lửa cháy rực, quân giặc ngỡ sợ rối loạn, liệu thế lừa quân hỗn chiến.

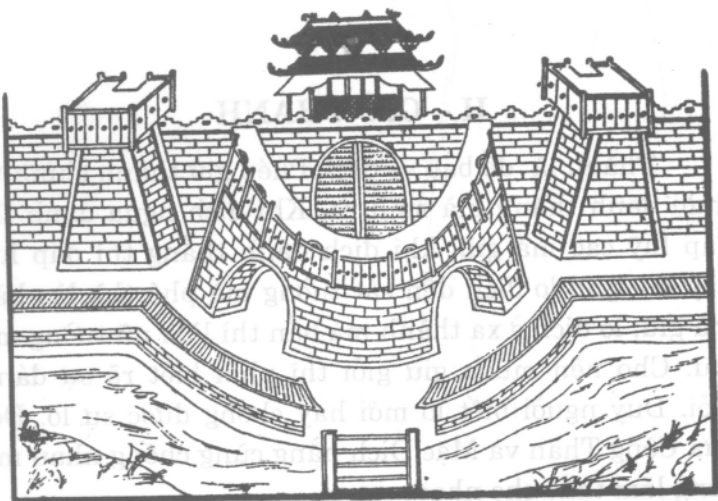
II - GIỮ THÀNH

Thành là để bảo vệ dân. Phép giữ thành chính từ mưu đánh thành mà sinh ra. Khi địch ngựa đánh thì đắp lũy cao mà giữ; khi địch đánh thẳng thì đắp lũy dày mà giữ; lo địch đến sát tường mà phá thì đào hào mà giữ; lo địch ở xa thành mà bắn thì làm nữ tường mà giữ. Cho nên muốn giữ giỏi thì phải biết rõ sự đánh giỏi. Duy người biết lo mới hay chống được sự lo. Đời xưa Công Thân và Mặc Dịch hằng cùng chống nhau mà cùng làm thầy cho nhau.

Cách giữ thành giỏi.

Một là hiểm yếu. Bắc phương nhận hàng, Lương Châu⁽¹⁾ hòa với rợ Nhung mà mở đất nghìn dặm, chẳng mượn chiến công. Chung đông Khoan Châu, chứa lại thành bỏ, Giới dời đến Hợp Thành, lại dời sang Điều Sơn, thế gọi là giữ hiểm. Ngụy được Hải Châu, thành gối núi cô, Đình Chi giữ đất Dương, dòm núi Bình Sơn, đều là nhờ trọng thành bao bọc ở trong, hoặc đào ngòi rãnh để ngăn ngựa, hoặc chứa ao hồ để hãm địch, hoặc cách ba biển mà bảo vệ thành Sính, hoặc trồng cây du để chặn quân kỵ, thế gọi là đặt hiểm. Hoặc được đất chắc, đều có thể làm gốc bền vững được: bùn nổi cát xộp thì phải đào vét cho hết, y như cách đào giếng, một tầng cát một tầng bùn, cuối cùng hẳn có đất vàng. Đến như nền móng rộng dày, thì tính ở trên mà chỗ đất bồi

⁽¹⁾ Tức là đất Hán Trung thuộc đất tỉnh Thiểm Tây ngày nay



Hình 48. Kiểu thành

vào cho bền chắc mà không lở.

Hai là bền dày. Kim Thế tôn lấy đất ở Hồ Lao để đắp Biện Thành⁽¹⁾, đến khi Mông Cổ đánh Biện Thành, súng bắn vào chỉ lôm mà thôi, thế mới gọi là bền. Chu Tự trấn đất Tương Dương⁽²⁾, mẹ Tự là Hàn thị bảo rằng góc tây bắc hẳn bị địch đánh trước, bèn ở góc ấy đắp xiên hơn 20 trượng, khi giặc đánh góc tây bắc vỡ, bèn bền giữ thành mới, thế mới gọi là dày.

Ba là hình chế. Tống Nghệ tổ đắp Kinh thành, bày tôi vẽ đồ để tiến, dùng bút ngự bôi ra hình như khúc giun, sai theo đúng thức ấy mà xây đắp; đến sau Thái Kinh đổi dinh, mở làm thành vuông, người Kim đến đánh, đặt súng bốn góc, một súng nổ ra thì theo

⁽¹⁾ Biện thành: tức là Biện Kinh của nhà Tống, đất huyện Khai Phong tỉnh Hà Nam

⁽²⁾ Quận, đất của tỉnh Hồ Bắc ngày nay.

tiếng mà võ đồ cả, bấy giờ mới biết Nghệ tổ có kiến thức xa vậy. Thời Đường Túc tôn, Võ Uy cửu tính Thương Hồ⁽¹⁾ làm phản. Bấy giờ trong thành lớn Võ Uy có bảy thành nhỏ thì Hồ giữ mất năm. Phán quan là Thôi Xưng đem quân ở hai thành để kháng cự, trong tuần nhật thì yên. Đó lại là cái lợi của trùng thành vậy.

Hào là để giữ thành. Hào tốt hay xấu, thành giữ được hay không là quan hệ ở đó. Cho nên đắp thành tất phải đào hào. Hào có ba điều cần:

Một là cần sâu. Sâu thì không dễ lấp, ước lấy 3 trượng làm mức. Như có nông thì cả dân cư trong ngoài, phàm có đắp nhà đốt gạch, cho lấy đất ở hào mà làm; nhà nước có làm cũng như thế. Dân có tội nhẹ thì phạt chuyển và xe đất để bồi vào chân thành phía trong hào. Phương ngôn nói: Hào sâu một trượng thành cao 10 trượng; hào sâu đến suốt, thành cao đụng trời. Đó là càng sâu thì càng giúp cho cao vậy.

Hai là cần rộng: Rộng thì không thể dễ vượt, ước lấy 10 trượng làm mức, đáy rộng một nửa. Lấy súng đạn trên thành bắn được tới phía ngoài là vừa; xa quá thì súng bắn không thể tới địch được. Quanh bờ nên trồng nhiều cây rễ xoắn và cỏ rậm để giữ, đó là cách khéo giữ lở vậy.

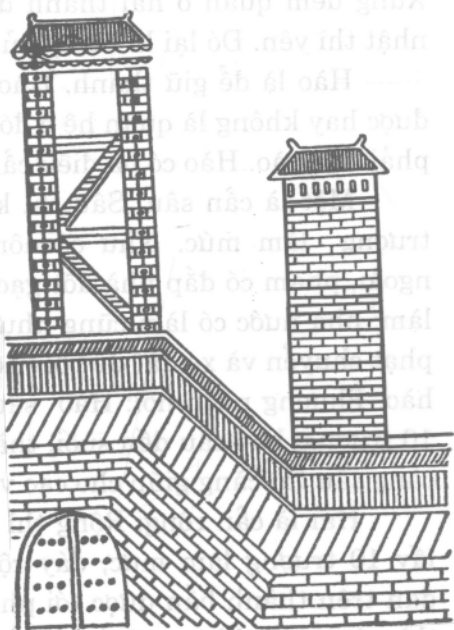
Ba là nên có hố ngầm. Có hố ngầm thì không dễ sang trộm. Phép làm là ở dưới đáy hào cứ chừng 10 bước

⁽¹⁾ Võ Uy là tên huyện ở đất tỉnh Cam Túc ngày nay, đời Đường bị người Hồi Ngột chiếm, Cửu tính là chín bộ lạc Hồi Ngột ở Võ Uy

là đào giếng, sâu rộng mỗi bề đều 1 trượng và lấy đến
suối làm mức, lại ngoài thì đem nước sông vào, trong thì
tiết nước lụt ra, để cho sâu thêm. Lại ngầm đánh dấu nơi
cạn để tiện sai quân sang đánh. Thế gọi là trùng uyên⁽¹⁾

Có ba cái ấy là
đủ việc hào.

Nếu là thành ở
núi thì địa thế không
thể đào hào được.
Cách thành 2 trượng,
đào lỗ cao thấp, hoặc
xen kẽ với khối đá, để
chống thang bắc trèo
lên. Lại hoặc thàng
đồng thì dùng túi cát
bày như hàng liễu,
đem nước tưới vào,
một đêm thì rét đóng
lại thành băng, trơn
không lên được, công
ít mà dễ giữ. Thế gọi
là trùng hiểm⁽²⁾.



Hình 49. Dài địch

Nếu có khe sông quanh thành, thuyền bè có thể đi
thông được, thì trồng cọc ở giữa nước không bằng cắm
ngầm chông sắt ở bên bờ, lợi khí không nên để cho

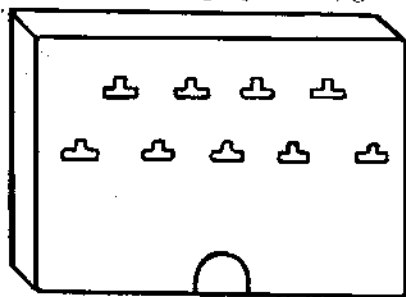
⁽¹⁾ Hai lớp vực sâu

⁽²⁾ Hai lớp hiểm

người biết, vì là vật hữu hình thì giặc dễ phòng, vật vô hình thì giặc dễ mắc.

Ở trên và ngoài thành thì đài địch nên có, đoá (ụ canh) nên có, tường dê ngựa nên có, cửa ngầm nên có. Đài địch là nơi chủ để giết địch, không thể giết địch thì thà không có đài. Qui chế làm đài quí ở dài lên, mà không quí ở rộng ngang, dùng đá lớn xây dày mặt trước để che chống địch; bỏ trống hai bên tả hữu mà để rộng bên trong, dùng thang để lên xuống các tầng, đều có lỗ để bắn hỏa khí, để tiện trông dòm; lỗ thì trong hẹp ngoài rộng, để tiện nhắm sang tả sang hữu. Các đài cách nhau không nên quá gần, gần sợ khi đối phóng thần khí thì lại tự đánh vào thành; nhưng cũng không nên quá xa, xa thì tên đạn vô hiệu lực, không thể tới địch (nếu địch leo thành ở giữa hai đài thì hai đài quá xa nhau bắn chéo lại không đến nơi). Phàm địch đánh thành, chỉ lo đánh lên trên, không lo đánh ra bên; những loại xe phần ôn lửa gỗ thì đều phòng ở trên mà không lo phòng ở dưới, thế thì lấy gì mà ứng phó? Làm đài rộng thì khi tả hữu giáp đánh, giữa khoảng hai đài có thể bắn súng bắn nỏ đến được.

Đóa (ụ canh) là để che mình; nếu không che được mình thì không có đóa. Đóa không nên quá cao,



Hình 50. Tường dê ngựa

cao thì không ném được đá; miệng đoá không nên quá hẹp, hẹp thì trở ngại cho việc ném bắn giặc. Ngày nay làm đoá cao ngang tới lông mày, miệng vừa lọt cánh tay, đều không thể dùng được. Nếu muốn dùng được, thì ở trong đoá nên xây một cái nền cao và rộng độ chừng 3 thước, vừa có thể giữ vững đoá, vừa có thể đánh địch, vừa có thể cho quân nghỉ, lại đều nên chừa lỗ treo, giặc ở xa thì do miệng đoá mà trông, dùng súng hay nỏ mà bắn, giặc ở gần thì do lỗ treo mà trông, tùy cơ mà chống, ta có thể chống giặc, giặc không thể hại được ta, như thế thì dễ chống. Phàm gạch xây lỗ treo thì trước phải làm khuôn cong mà nung, xong rồi thì xếp vào mà xây.

Còn như tường dê ngựa thì làm ở ngoài thành và ở bên bờ hào, không kỳ rộng hẹp, hẹp thì chừng một trượng, rộng thì không vượt ra bờ hào. Làm tường ấy thì gạch hay đất tùy tiện, mỗi trĩ⁽¹⁾ làm một lỗ bắn súng lớn, quá năm bước thì làm một lỗ bắn súng vừa cách đất 3 thước, trên mỗi lỗ châu mai ấy đều làm một cái kê (cao 3 tắc rộng 3 tắc) để tiện trông dòm. Lại trên 3 thước thì làm một lỗ châu mai nhỏ (rộng 1 tắc). Sóng tường thì dùng đá nhọn gạch sắc để chống giữ. Giặc ở bên kia hào thì dùng súng lớn mà đánh, giặc lên tường thì lấy búa lớn cùn lửa mà ném xuống. Hoặc nhất thời thu vén không kịp, hay đêm tối khó làm, không dám

⁽¹⁾ Thành dài 3 trượng, cao 1 trượng là một trĩ

mở cửa, thì những người lánh nạn và các loại trâu bò, đều cho tạm lánh vào trong tường. Thành với tường nương tựa nhau, tường lấy thành làm bản mệnh, hoãn cấp giúp nhau, tiến lui có thuật. Đối với cái thành không hào thì càng thấy công dụng của tường ấy. Lưu Ý sở dĩ thắng được ở Thuận Xương là vì thế. Chống giữ đã chắc mới có thể xuất kỳ dụng trá⁽¹⁾.

Lấy đánh thay giữ, lấy chống giải vây thì không gì cân bằng của ngầm. Lén trông nơi nào ra vào thuận tiện đục làm cửa, ngoài cửa hơn 1 thước, đến lúc cần mới mở, trong thì bày cột phay gỗ lim để chống. Hoặc giặc mới đến, dinh trận chưa chỉnh, hoặc đêm tối nhân giặc không biết, hoặc giặc đánh thành mới nghỉ, hoặc giặc vây lâu đã trễ nải, ta ngầm cho quân tinh kỵ ngầm tằm đánh úp, thắng chẳng đũa xa, giặc mệt thì tự nghỉ. Nhưng ở trên thành chứa nhiều gạch đá, phòng khi giặc phạm tới thì kịp đánh không bỏ mất cơ. Đó là cửa ngầm, cũng gọi là cửa đột. Kín ở dưới chín tầng đất là ngầm, động ở trên chín tầng trời là đột. Cửa là phòng bọn gian tế lên ra; cửa đột là phòng kẻ địch đánh úp vào, phải cẩn thận vậy.

Trong thành thì đường thành phải có, hào trong phải có, hạng chiến⁽²⁾ phải có, bảo giáp phải có, chứa trữ phải có. Phàm trong thành, nên để nhiều đường bậc đá, nửa dặm làm một chỗ, để phòng khi hoãn cấp, mỗi một chỗ có một cái rào, nghiêm giữ đóng mở, một là để

⁽¹⁾ Ra quân kỳ, dùng thuật đối

⁽²⁾ Hạng chiến là đánh nhau trong đường ngõ

phòng giặc lên, hai là để phòng quân lười. Phàm ở trong thành, đều nên đào hào trong sâu rộng, mấu mực cũng tương đương với hào ngoài, bờ ngoài của hào cũng xây tường. Khi giặc đã vào thành rồi cũng còn có cái ngăn giữ ở trong, nếu thay đổi nhau mà giáp đánh thì giặc hẳn bại. Xưa thành Thư Dương bị vây, giặc ở ngoài thành đắp trùng hào mộc sách⁽¹⁾ để giữ. Trương Tuần ở trong cũng làm hào để chống là như thế đó. Trong thành có hào thì mới có thể nói đến hạng chiến (đánh ngõ) được.

Phép đánh ngõ, Hứa Quì⁽²⁾ đã làm ở Lạc Lãng, khiến dân đắp tường cao hơn nóc nhà, làm cửa tò vò ở dưới, một người ở trong cửa tò vò, còn dư mọi người đều phục ở trong ngõ. Mở toang cửa thành, giặc quả ồa đến, súng không bắn vào đâu, mác không đâm vào đâu. Cờ phất lên thì quân phục dậy, bắt chém vô số. Vì là chống được ngoài thành là kế hay nhất, nhưng một số giặc đã vào thành mà đóng cửa lại, thì như ở trong vạc sôi, cũng không thể không phòng vậy. Túng sử không thể phòng bị hết từng ngõ thì những đường trọng yếu gần thành tất không thể không nghiêm giữ để hãm địch.

Còn như phép giữ đất có thể thông hành, trong ngày thường cùng lúc lâm sự thì chỉ có phép bảo giáp và phép chứa trữ. Về phép bảo giáp thì lấy phép mà biên

⁽¹⁾ Hai lần hào với rào gỗ.

⁽²⁾ Hứa Quì: Người thời Minh Thành Hóa. Có mưu lược, làm tri huyện Lạc Lãng, bình giặc cỏ có công (Lạc Lãng tại tỉnh Sơn Đông ngày nay)

dân làm hộ ngũ, phạm việc xét định, tra chẩn⁽¹⁾, hỏi trộm, đều nhờ đó mà làm, mà trong việc giữ thành thì càng khẩn cấp, để cho nghiêm hiệu lệnh, cho đều công việc, để xét gian tế, để cẩn thận việc củi lửa và việc trộm cướp. Phép bảo giáp mà làm được thì chứa trữ cũng dễ. Chứa lương không gì tiện bằng sai dân tự chứa, vì là nộp vào kho thì dù ít dân cũng có vẻ khó chịu, mà chứa ở nhà thì đầy sót ai cũng vui theo. Nếu khiến mỗi nhà đều có chứa trữ thì lo gì giặc đến mà không có lương ăn. Nhưng chứa trữ không phải thóc mà thôi. Đài thành bị vây, công khanh lấy ăn làm lo, trai gái sang hèn đều ra đội gạo, nếu mà không phòng rơm củi, thì đến sau phải dỡ sảnh Thượng thư để làm củi, dỡ nhà tranh để cho ngựa ăn. Lại nếu không trữ cá mắm thì lâu ngày người ta sinh ra mình phù khó thở, chết đến 8, 9 phần 10. Thế thì củi cũng phải phòng, rơm cỏ cũng phải phòng, muối mắm cũng phải phòng. Hung Nô vây Sở Lặc, làm tuyệt mất đường lấy nước ở ngoài thành, Bắc Ngụy vây Hồ Lao, đào hầm dưới đất để rút mất mạch giếng trong thành, thế thì nước cũng phải phòng bị. Ngoài ra, lại có thầy thuốc, thợ kỹ nghệ, mọi người cần dùng đều phải phòng bị và những vật binh khí, hỏa khí, đá gỗ, than dầu, những vật cần dùng cũng phải phòng bị.

Điều cốt yếu về hiệu lệnh, trước hết là thống nhất quyền binh. Quan giữ đất là chủ, ở giữa mà điều độ, dư chia bốn mặt bốn góc, đều đặt chánh phó, lấy những tá

⁽¹⁾ Tra chẩn: Tra xét nhân số và chẩn cứu người nghèo

nhị và thân sĩ sung làm, việc nhỏ cho được xử đoán. Như cờ xí hiệu lệnh mà có gì không tiện thì phải bấm chủ thủ, không được tự tiện thay đổi. Chính trị ra tự nhiên mới thì bại; pháp lệnh không thi hành được thì bại. Thứ đến việc giữ yên hương dân, thay đổi thổ mộ. Vu Khiêm⁽¹⁾ tâu: Ngoài quách không được tổ là hèn yếu, dân ở ngoài quách đều dời vào trong, không để cho thất sở. Phàm dân lánh loạn vào thành, có thân thuộc thì ở với thân thuộc, không có thân thuộc thì quan phải xếp đặt, trai gái không ở lẫn nhau, đều theo hàng ngũ. Dân làng nhiều người, nên phòng bọn gian tế. Phép để phòng gian tế là dựng rào ở ngoài hào để hỏi xét, chia cửa ra vào để phân biệt, lấy người bà con quen biết bảo lãnh để xét, rồi sau chia vào các khu vực đóng quân; họp lại thì khó chu đáo, chia ra thì dễ giữ, mà đoạn lạc không thể không rõ.

Có mấy điều cấm ước cần phải bày tỏ: Cấm nói ngoa, cấm phương sĩ⁽²⁾, sợ vì phiến hoặc quân chúng mà tiết lộ sự tình. Cấm hàng trà, cấm quán trọ, cấm đi đêm, sợ là chỗ chứa kẻ gian mà rủ trộm cướp. Cấm thổi kèn thổi còi, dựng cần dựng nêu, sợ là hưởng ứng theo giặc mà làm loạn tai mắt. Cấm động càn, cấm kêu la, sợ là giặc làm cho ta sợ, mà thừa dịp. Cấm lìa bỏ khu vực

⁽¹⁾ Vu Khiêm: Binh bộ thượng thư đời Cảnh đế nhà Minh, Lã Viễn người Mông Cổ xâm lược Trung Quốc, bức đến kinh đô. Vu Khiêm chống cự đuổi được.

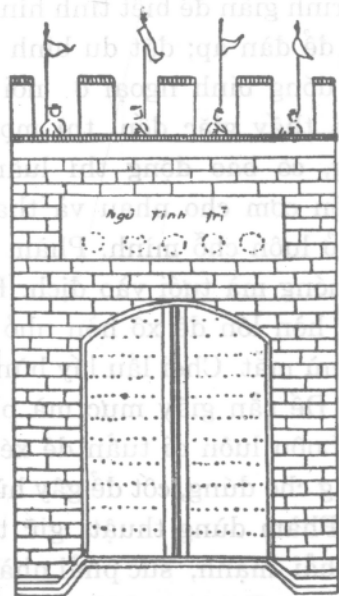
⁽²⁾ Phương sĩ: Những người làm các nghề thuật số, thầy bói, thầy tướng v.v...

đóng quân, phàm cửa, rào, đài, nữ tường kho, ngực, trung dinh, du dinh, cơ dinh, chiến dinh, những chỗ phải dừng, đi quá một bước thì chém, để cho thống nhất dân chúng. Cấm tự tiện vào khu vực đóng quân, sợ gián điệp của giặc thác nghề buôn bán để dò xem tình hình. Cấm mở riêng cửa ngõ. Cấm trả lời riêng cho giặc. Cấm gửi thư riêng cho giặc. Ai phạm cấm thì chém, quân pháp càng nên nghiêm ngặt. Giữ đã bền chắc rồi, mới có thể chống giặc. Phương lược chống giặc là: khao thưởng để cổ vũ quân sĩ; chung cam khổ để củng cố quân chúng; cẩn thận xét canh để phòng có động; hậu đãi trình gián để biết tình hình địch; kén tử sĩ làm thân binh để đàn áp; đặt du binh thay phiên nhau để sách ứng; đóng binh ngoại ở nơi quan yếu để dựa nhau. Phàm thấy giặc đến, thì mọi người đều phải giữ nữ tường, có báo động thì luân phiên nhau mà tuần; chuyên cơm cho nhau và thay đổi nhau để ngủ, đều phải ở luôn chỗ mình. Phàm ỉa đái thì chứa lấy, đem đun nóng mà tưới vào địch. Đá thì theo từng loại mà chứa, hòn lớn để xô hòn nhỏ để ném. Tro thì vãi cho giặc mù mắt. Chòi lâu lấy bùn mà trát để phòng sự đốt cháy. Để sẵn giấy mực mà phòng khi hoãn cấp dùng đến. Luôn luôn đi tuần để xét sự sơ hở. Phạt cho tin, thưởng cho đúng, cốt để gây hùng khí cho quân.

Phàm dùng thuật giữ thành, tâm phải một, khí phải mạnh, sức phải nhân, chân phải định, tiếng phải tĩnh. Trí cùng biết mà cùng chết, thì tâm là một. Biết đánh khó mà giữ dễ, thì khí mạnh. Giữ một

dậm không bằng giữ một trượng, giữ một trượng không bằng giữ một thước; càng xa thì chỉ tổ nhọc, càng gần thì đặc lực; ở ngoài mười bước không uổng tên đạn, thế thì sức nhàn. Giặc đánh đông nam thì ta phòng tây bắc, du binh ứng bốn mặt, thủ binh đừng thay đổi, đều chết ở chỗ mình, không là 5 thước. Thà ta khiến người đến, đừng để người khiến ta đến, thế thì chân định. Tiếng loạn thì không nghe được hiệu lệnh, tiếng ồn thì không nghiêm được tâm chí, tiếng rối thì quân giặc đặc kế. Tay chỉ miệng nói, không làm huyền não, đêm thì mỡ canh, ngày thì cờ xí, như thế thì tiếng mới tỉnh vậy.

Phàm giặc đóng ở thành, là lấy nhàn mà đợi sự nhọc của ta, lấy no mà đợi sự đói của ta, lấy bền chắc mà đợi mũi nhọn của ta, lấy nhớn như mà đợi sự phòng của ta; nói phao giải vây để yên ý ta nói; phao tăng binh để đoạt khí ta: khi động khi tĩnh để làm một chí ta: hoãn

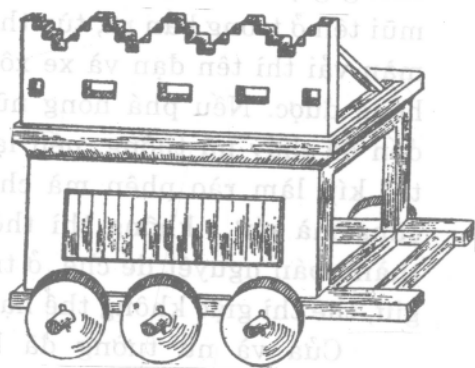


Hình 51. Cửa thành

tiến tán xung⁽¹⁾ để làm hao sức ta; đắp lũy thêm rào để làm nản trí⁽²⁾ ta. Ta chỉ nhất định tỏ là không sợ, rút vây ta không mừng, đánh gấp ta không run; tỏ nhất ta không tiến; rút quân ta không theo; ước hòa ta không tin; giả gây hấn ta không lấy làm lợi; chột lui quân ta cũng không trễ nải; giữ lâu ta cũng không ngã lòng; có đợi thì ta không ra. Hễ chạy thì chết; có viện thì sống.

Phòng địch không gì trọng bằng cửa. Đóng cọc ở ngoài để phòng địch đốt; đào hố ở trong để hãm quân giặc thừa cơ xông vào; treo ván ở trên để dụ địch vào cho ta bắt. Phàm cách làm cửa nên phòng hỏa công; làm lỗ để chĩa súng và giáo ra thì kẻ tới đánh không dám

xông vào trước; làm ao ở trên để chứa nước thì lửa không thể đốt được; bằng lửa đã cháy rồi thì đem chum nước mà ném xuống, hoặc dùng túi đựng trấu cát thấm ướt mà dè, hoặc làm thêm thành bán nguyệt, đào ao to để cách ra. Đó đều là cách phòng nguy cấp, chứ không



Hình 52. Nữ tường gỗ

⁽¹⁾ Hoãn sự tiến cho chậm lại; tán sự xung đột cho nhẹ đi.

⁽²⁾ Để khiến trí trở biếng đi mà mất cảnh giác.

phải là chỉ dùng đá xây đất đắp để tự lấp mình mà chống giặc đâu.

Phòng địch lại không gì hay bằng nữ tường. Phép dùng nữ tường, dùng chần chiên chần bông xấp nước mà treo lên, để chần tên và chống lửa, hoặc trên treo gỗ nhọn hay dùng rèm che ngoài, phòng khi giặc lên đánh úp và trèo thang. Phên treo và da trâu để chống giặc bắn ngoài vào, và tạc thủng giữa để thò mũi tên ở trong bắn ra, tùy theo hướng đánh mà căng màn vải thì tên đạn và xe xông cũng không thể phá hỏng được. Nếu phá hỏng nữ tường, thì lấy gỗ vắn đến để thay nữ tường; nếu lại phá hỏng đến thành, thì kíp làm rào phên mà chống đỡ, lấy giáo và nỏ cứng mà giữ, không thì thêm lửa đốt và kíp đắp thành bán nguyệt để che, ở trong thì đào hào sâu để giữ, thế thì giặc không thể hại ta được.

Cửa và nữ tường đã bền chắc rồi, thì phải chuyên phòng gian, phạm kẻ gian sinh ra có khi là người bị vây ở trong hay ở ngoài. Ta nên trước yên ở trong rồi sau mới đến ngoài. Khi giặc đã đắc chí thì bọn gian hản theo giặc vào, thừa cơ mà cướp bóc, làm lo sợ cho cùng dân. Vậy ta nên mở kho cấp lương cho dân, trao giáo cho dân, thì những dân cùng cũng giúp được việc vậy. Quân giữ Bắc Môn, vì thích làm quan mà bị nguy, cửa lũy Quy Châu, vì đam cưới mà mở, thành Nhữ Châu thì vì người ứng mộ đắp đất mà bị vỡ. Đó là kẻ gian nội ứng vậy. Chọn người thân tín để dùng; thêm then khóa ở ngoài để giữ cho vững, thế

thì nội ứng bị chẹt. Vậy giữ đã lâu thì lòng người không nghĩ được bền, một kẻ trèo dây xuống, mọi người sinh ngờ sợ, hoặc hiềm khích với ta, hoặc thông với địch để bày mưu kế. Đó là kẻ gian lia phản vậy. Đặt lệnh nghiêm về việc thất hỏa, chuẩn bị sẵn sàng những đồ cứu hỏa, giữ kho thuốc súng, giữ nhà chứa cỏ, đó là cách ngăn ngừa sự biến vậy.

Ngục là chỗ sinh biến cố; kho là nơi nhử cướp đến; cửa hông đường tắt là mối đưa giặc vào. Cần phải trừ bọn ác nghiệt đi. Quân gian tự ngoài đến không những do gián điệp đầu. Có kẻ nguy mạo có kẻ úp ngấm, có kẻ trá dụ. Như Loan ngồi xe đàn bà mà vào Khúc ốc; người Man mặc áo quân vua mà hãm thành Kiện Vi; Huy bắt chước cờ Thục mà đánh được Cảnh Sùng; giặc xưng là trung sứ mà vào U Châu. Thế gọi là nguy mạo. Nhân đêm tuyết mà vào nước Thái, nhân sương mù mà phá Giáp trại, đó là nhân tối tăm mà đánh úp. Đầu năm phá Tú Dung, chiều mồng một tết cướp Côn Lôn, đó là nhân ngày tết mà đánh úp. Thang dựa ngoài thành mà Hoa Châu bị nguy, mười sáu quân kỵ vào mà Long Đức bị phá, đó là nhân lúc không phòng mà đánh úp. Thế gọi là đánh úp ngấm. Giả cách lui mà tiến thực; đã đi mà trở lại; tiếng trước mà chụp sau; cầu hoà để chuẩn bị; giả hàng để đặt gián điệp. Thế gọi là trá dụ. Lệnh nghiêm thì ngăn được nguy mạo; phòng mật thì giữ được đánh úp; trì trọng thì chống được trá dụ.

Tuy nhiên, giặc đánh ngoài không những chỉ có âm mưu mà thôi. Lại còn hiểm thuật nữa. Đánh theo hiểm thuật có 12 điều:

- | | |
|---------------|----------------------------|
| 1. Thổ sơn, | 2. Đãng đạo, |
| 3. Điền hào, | 4. Vân thê, |
| 5. Mộc lư, | 6. Địa đạo, |
| 7. Chàng mộc, | 8. Câu can, ⁽¹⁾ |
| 9. Nghĩ phụ, | 10. Pháo thạch, |
| 11. Hoả công, | 12. Thuỷ công. |

Phép chống cự thì như sau đây: Núi ngoài địch đã đắp rồi, thì ở trong cũng đắp núi mà ứng lại, đắp lên càng cao, để chế ngự ngọn núi ở ngoài tức là chế rõ; hoặc là làm đường dưới đất cho đi ngầm tới, khiến núi đất kia sứt mà không đứng được, tức là chế ngầm ở dưới. Đó là phép chống thổ sơn.

Địch chồng túi đất và chứa củi để làm bực mà lên, thì ta lên đem cỏ khô pha lẫn nhựa thông, nhân gió đốt vào thì đông đất của họ hẫng đổ. Đó là phép chống đãng đạo.

Địch đánh lấp hào, thì ta dùng đất bọc cỏ ném xuống như mưa, hay đun cầu xe, trong chứa củi đất,

⁽¹⁾ Thổ sơn: Núi đất đắp ở ngoài thành để leo lên mà nhìn vào trong thành và nhân đó mà trèo lên thành; Đãng đạo: Bực đắp để trèo lên thành; Điền hào: lấp hào để đi qua cho dễ; Vân thê: Dùng thang mây mà trèo thành; Mộc lư: Dùng lửa gỗ mà lấp hào và đào thành; Chàng mộc: Gỗ để húc; Câu can: Cắn móc; Nghĩ phụ: Leo thành như kiến leo; Pháo thạch: Súng đạn; Hoả công: đánh bằng lửa; Thuỷ công: Đánh bằng nước.

vừa tiến vừa đỡ, vượt sang không ai cản được, nếu có sẵn thì lấy thuốc súng làm chủ, ném ra như sao, tung ra như bão, địch thua mà rút lui. Đó là phép chống điền hào.

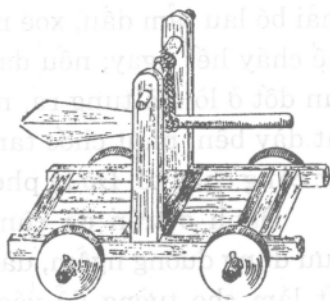
Thang mây tung trời, thì ta căng chắn ướt ở trên. Địch chử nhiều lính giỏi trong xe phần ôn, chử theo đất củi để lấp hào thì làm thế nào? Rằng liệu xem thế có thể đốt thì dùng tên lửa là hơn. Hoặc địch dùng lối đục tường thì ta dùng ba thứ khí cụ, một là câu (móc), hai là chùy (dùi), ba là liệu (đuốc). Nếu không chống được thì phải đào ao thông với đường ngầm và chứa cỏ khô, ngầm hãm mà dùng đốt, hễ nặng thì sẽ sụt xuống, đánh trống bắn theo, lửa cháy rực trời, xác giặc thành đống. Đó là phép chống vân thế.

Thang cao đã hồng, địch hản dùng mộc lư (lừa gỗ), che bằng da trâu sổng, 10 người lính một xe, đến thẳng chân thành, vừa cuốc vừa bừa, thành đổ xuống hào, tên đạn không làm gì được, thì làm thế nào? Rằng phải bó lau tẩm dầu, xoè như đuôi én, ném ra mà đốt có thể cháy hết ngay; nếu da ướt không cháy thì dùng sắt vụn đốt ở lò mà tung ra, như muôn hột châu dùi thủng vật dày bền, phút chốc tan nát, pha lẫn dầu mỡ thì lửa bốc càng cháy to. Đó là phép chống mộc lư.

Đánh ở trên đã cùng, địch lại đánh ở dưới, bèn mưu dùng đường ngầm, đào đất để làm hại, mỗ xoi trong đất làm cho tường đổ vách nghiêng, thì làm thế nào? Rằng dùng núi để chống núi, thì dùng hãm để chống hãm; quanh thành đào nhiều lỗ, đặt cong mà nghe, nếu

nghe tiếng oang oang thì đào hầm để đón, tung tro tung khói khiến nó như chuột bị hun, nó biết có phòng thì bỏ không làm nữa. Đó là phép chống địa đạo.

Đánh thành đã không xong, địch toan mưu đánh nữ tường, vừa húc vừa móc, vừa leo lên vừa bắn súng, bốn việc ấy đều thi hành cả, chủ nhân thắng thốt thì làm thế nào? Rằng nếu địch đem gỗ húc mà đến, thì nên dùng cần móc mà cắt cho dây đứt gỗ rơi thì kế ấy không thi hành được. Nếu địch dùng cần móc mà đến, thì lấy dao xô mà chống, lưỡi dao cong quay ra ngoài, chuôi dài thông xuống chìa lưỡi ra mà chống, lưỡi dao phải nên sắc. Còn như chống địch leo lên thì có nhiều cách: dùng dây móc kéo ở trên cho ván đình xán xuống, lăn đá ném cây như mưa xuống; gấp thì dùng búa nặng bỏ vào kẻ leo gần, xa thì dùng chông gai mà cản. Còn chống súng đạn, thì lấy mềm mà chống cứng, căng màn chằng lưới, gấu vải túi lương, che bằng da trâu, vá chỗ tường vỡ. Đó phép chống bốn lối đánh trên. Dám hỏi cách chống hỏa công thì làm thế nào? Rằng khi giặc đem lửa mà đến, hoặc dùng xe cao để vạc trên lò đốt cho dầu sôi, chứa củi thổi thêm, nếu dội nước thì càng cháy to, có thể sợ đốt lâu, thì ta nên ném cát ướt và nước bùn; hoặc địch dùng bó



Hình 53. Gỗ húc ở trên xe húc

cành thông tẩm dầu mà đốt lâu, thì ta dùng câu liêm sắt để cắt bỏ đuốc; nếu lửa đã cháy tới nơi thì dùng nước mà tưới, hoặc thùng hoặc túi, dội cho đến tắt, nếu chậm thì nguy, ăn năn không kịp. Đó là phép chống hỏa công.

Dám hỏi: Giặc đánh thủy công thì làm thế nào? Rằng đánh thủy công, vì thành ta thấp, ta phải lấy ván chần lấp, không chịu phải làm tôm cá; kíp mộ những người lội giỏi, đem thuổng, đi thuyền ban đêm, ngâm tẩm mà phá đập túi cát, trại giặc vỡ loạn, đánh luôn mà đừng la ồn. Đó là phép chống thủy công.

Người hỏi nhận là phải.

*

Người giữ giỏi thì giữ đồng quanh thành; người giữ không giỏi thì giữ thành quách. Quân kỳ quân chính bổ sung cho nhau, như vòng tròn không mối. Chỗ nào có thể đánh bất ngờ thì sai quân trông nom; chỗ nào có thể cho du binh tới, cắt chặn đường lương, chỗ nào có thể phục quân, có thể đánh giặc sang nửa chừng, ngoài quân bộ kỵ đóng đồn thì chia giữ những nơi yếu hại để cùng ứng với thành; địch bị hiệp cả trước và sau thì phải cướp lương cướp củi, khôn lâu phải thua.

Đất là để nuôi dân, thành là để giữ đất. Chăm làm ruộng thì dân không đói, chăm giữ thành thì đất không nguy, chăm đánh thì thành không bị vây. Trung quân và tả hữu tiền hậu các quân đều có phần đất, bốn bên làm tường, không cho đi thông qua lại. Tướng có

phần đất, suý có phần đất, bá có phần đất, đều phải đào hào đắp thành mà phải nêu rõ hiệu lệnh của trại, khiến không có đủ một trăm người mà vào, thì bá phải giết đi, bá không giết thì bị đồng tội. Trong quân đường ngang đường dọc cứ một trăm hai mươi bước thì lập một cái trụ, tính số người và đất mà đặt trụ trông nhau, cấm giao thông riêng, không có tiết phù của tướng lại thì không được đi thông. Những người kiểm củ lấy cỏ chăn trâu đều phải đi thành hàng ngũ, không thành hàng ngũ thì không được đi qua. Lại thuộc không có tiết, quân sĩ không có ngũ mà đi ngang cửa là giết, đi quá phần đất là giết. Cho nên trong không có người can phạm lệnh cấm và ngoài không bắt được kẻ gian.

Phép giữ đất, lấy tráng nam ở trong thành làm một quân, tráng nữ làm một quân, người già yếu làm một quân. Ba quân không cho được gặp nhau. Vì tráng nam mà gặp tráng nữ thì phí sức mà sinh ra lòng gian, chí phân tán mà sức không chuyên: cường tráng mà gặp già yếu thì người già làm cho người trẻ buồn, người yếu làm cho người mạnh thương, buồn thương ở lòng thì khiến người dũng sinh lo, người tráng không đánh. Cho nên người khéo giữ thì địch không biết đánh vào đâu. Người thủ bị không thể không cẩn thận. Người khéo giữ thì như cái vòng, khiến địch không có chỗ nào hở mà lén vào được. Phàm người ta giữ thân thể mà huyết mạch qua lại lưu thông cả tứ chi thì được yên khỏe. Nếu có một mạch không chạy, một khí không thông, thì chưa có ai là không bị bệnh. Thế nên người

dùng binh giỏi, tuy quân đóng bốn mặt, nhưng khi cấp nạn thì đầu đuôi vẫn ứng được với nhau không cùng. Thế mới là diệu.

Đất ở một phương, ở trong một cõi, ở khoảng một thành, chia quân mà giữ. Đất trọng yếu thì phải đóng nhiều quân; không thì phải lường tính số người nhiều ít, quân lính mạnh yếu; quân bộ quân kỵ, trừ nơi trung dinh của đại tướng ra, ngoài đều chia đất đóng riêng. Thế thì những nơi phòng ngừa không bỏ trống. Dịch đến đánh úp, bốn mặt đều biết cả, lúc gấp thì phải đem quân trung dinh tới đánh, chứ các dinh khác thì không thể giảm bớt, vì sợ địch đánh ở các dinh khác thì không thể giảm bớt, vì sợ địch đánh ở một nơi mà đem quân úp nơi có giảm bớt. Chỗ đất dùng đóng thì phải đi quanh xem xét bốn mặt; nên kén những người tâm phúc mạnh dạn cho đem quân bộ kỵ để chống bốn mặt xung yếu, số người tùy theo nhiều ít, khiến tuy không có giao ứng mà có công dụng của chỗ xung yếu vậy.

Thành càng lớn thì càng dễ⁽¹⁾. Chia ra từng đoạn, làm nhiều ngăn cách thì dễ giữ. Nếu đã giữ, thì trước phải tính đặt những nơi hiểm mà phục binh, khiến giặc muốn lên thành dù lên được thì hễ lên là chết, giặc muốn vào thành dù vào được thì hễ vào là chết. Quân giặc dùng pháo đánh thành, người chống giữ cũng phải dùng pháo. Ở trong cửa thành thì hẳn khó yên, pháo

⁽¹⁾ Có lẽ là càng khó thì phải. Sách **Võ bị chế thắng chí**, chương “Thành chế” nói : Thành không nên lớn, lớn thì khó giữ.

lớn cũng khó dùng được số nhiều; tuy có pháo đài, mà chỗ ở đài cũng không rộng lắm; lại pháo vừa muốn bắn thì quân địch ở ngoài thấy trước hẳn dùng nhiều pháo mà đánh; lại trên thành pháo phải ở chỗ cao, tự nhiên vơi giặc, ở ngoài giặc cứ chiếu thẳng vào đấy mà bắn. Lấy thế mà xem, thì người chống giữ không thể dùng pháo là rõ vậy. Ví như dựng pháo ở dưới chân trong thành, mà trước mỗi một cỗ pháo thì chôn gỗ để che cho giặc ở ngoài không trông thấy chỗ đặt pháo, dầu có tay bắn giỏi cũng không bắn vào được. Có người nói rằng pháo ở trong thành thì pháo thủ không thể thấy được ở ngoài thành, lấy gì làm chuẩn đích? Mỗi cỗ pháo nên dùng riêng một người đứng ở lỗ thành, chuyên xem pháo ở trong, nếu thấy pháo nhằm vừa đúng với vật ngoài thì bảo bắn, nếu hơi xiên thì bảo phải thử quay pháo đi; nếu xiên nhiều thì bảo kéo pháo chuyển đi, rồi nhắm lại mà bắn cho trúng, cho ít trật. Lại trong thành có thể đặt nhiều pháo. Chống giữ bằng pháo thì chỉ có như thế thôi.

Có kẻ hỏi: Lấy gì mà chống ở ngoài thành? Dưới chân thành tự có tường mặt ngựa⁽¹⁾, hai bên đều trông thấy chân ngoài của thành. Ở đầu tường ném xuống những thứ giết giặc. Quân giặc mới đến dưới thành, xem khí thế của giặc khó chống được, thì nên khiến ở dưới chân trong thành, đào một lần hào cho sâu, cách ngoài hào vài trượng đắp một lần thành nữa, đối với

⁽¹⁾ Có lẽ là tường dê ngựa

cửa thành cũ lại không làm cửa, mà lại ở dưới thành mới đắp đi theo hào trong chừng 2-3 dặm rồi mới mở cửa để cho người vào thành lớn thì không đi thẳng được, phải theo bờ hào trong đi quanh dưới chân thành mới 2, 3 dặm mới vào cửa được, như thế thì giặc dù giỏi lấp hào chẳng qua chỉ lấp được hào ngoài, hẳn không lấp được hào trong. Nếu giặc do cửa mà vào thành thì phải đi quanh bờ hào trong dưới chân thành mới, quân ta ở trên thành mới trông xuống giặc, và vật gì mà chẳng dùng được, chính đó là đất chết của giặc, hẳn giặc không dám vào. Đã do cửa chính vào thành mà lại còn không dám vào, thì còn vâng mệnh đánh thành sao được. Chỉ phòng bị như thế thì nếu quân giặc rất nhiều, đánh hàng trăm cách, ta ở trong thành cũng có thể cười nói mà đuổi nó đi.

Cách giữ thành chẳng những mở các cửa to, mà ở khoảng giữa hai cửa lại mở 2, 3 cửa nữa, cả quanh thành có vài mươi cửa, mỗi cửa đều cho chỗ thổ mộc tự trong thành ra ngoài, lấp hào làm đường cho quân ta ra vào không trở ngại. Ta ở trên thành, trông thấy quân giặc đi tuần, thừa chỗ tiện lợi cho quân ra đánh giết, hoặc đêm cho quân ra, khiến giặc ở ngoài phải phòng bị, ngày đêm không lúc nào được nghỉ, thế thì giặc không thể nào đánh lâu được. Vả lại ta ở trong thành mở cổng thành ra lấp hào không phải là coi thường giặc, mà vì tự ta phải đặt hiểm cho đủ để nếu giặc vào thành thì phải chết.

Đài địch không thể làm theo lối cũ. Nên ở trên

tường mặt ngựa⁽¹⁾ đắp tường cao dày, dưới để lỗ hình chữ *phẩm* () rộng một thước để trông dòm và đâm thương. Gắn dưới chân tường lấy gỗ nhỏ làm cái giá lợp ngói cho người chống giữ tránh nắng lạnh mưa gió. Nóc nhà ở trong tường phải thấp, thì ở ngoài dù bắn nhiều cũng không đụng.

Lại trên hào làm cầu, trong cầu lại có cầu treo, tạm thời ngăn địch cũng được. Lúc xuất quân thì không thể không trở ngại, nên làm cầu máy thì quân ta ra vào đều tiện. Cửa thành nên làm quanh co khúc chiết, phía sau vào thành phải cách hơn 100 bước, không những súng đạn giặc không bắn tới, mà nếu giặc do chỗ cửa thành cũ mà vào, hễ đi một bước vào trong thì giặc phải sa bẫy, vì là trong trăm bước, trên dưới hai vách thành đều có thể đặt những đồ mà người đánh giặc cần để giết giặc. Trước cửa cũ thì đắp ngang một cái tường hộ môn cao hơn 1 trượng, hai đầu che quá cửa 2, 3 thước, để khi mở cửa đóng cửa cho người ngựa ra vào thì người ngoài hào đều không trông thấy, thế thì ai còn dám rình ngó! Dưới chân thành ngoài, cách thành 2 trượng thì đến hào, trên bờ hào đắp tường dê ngựa cao dày, cao 1 trượng dày 6 thước, dưới chân trong tường cũng đắp cái tước dài cao 2, 3 trượng, rộng 4 thước, tước dài và tường dê ngựa cũng đều chứa lỗ hình chữ *phẩm* () để dòm ngó và đâm thương, cũng như đầu nữ tường ở trên thành lớn. Trên tước dài thì chôn

⁽¹⁾ Chỗ khác gọi là tường dê ngựa

gỗ, để phòng giặc lấp hào và phá thành dê ngựa. Nếu giặc đến dưới chân thành, thì giặc hai mặt bị đánh, trên tước đài và dưới thành lớn cùng bắn ra. Thế là giặc chỉ đánh một mặt mà quân ta ba mặt chống lại. Trong tường dê ngựa thì quân ta nhờ tường ấy ngăn đỡ súng đạn ngoài hào, thế là tường dê ngựa cùng với thành lớn, hai thành đều dùng, khiến giặc có phá được tường dê ngựa cũng không dám vào. Cho nên tường dê ngựa so với thành lớn, dù rất thấp mỏng, nhưng cái công chống giữ bền chắc thì cũng chẳng kém gì thành lớn. Lại lính đóng trong tường dê ngựa đó chính là mở thành đặt trại để lưu quân phục, chẳng biết quân giặc có thể dùng cách gì mà giải! Như thế đã có tường dê ngựa thì có thể không phải dùng chàng nạng gạc nai nữa. Lại nên đặt nhiều cửa ngầm ở mình thành lớn để cho quân mình ra vào ở tường dê ngựa. Tường dê ngựa chỉ cách chân thành lớn 2 trượng, không nên xa quá sợ ở trên thành lớn ném gạch đá xuống khó qua, rơi vào trong tường mà hại người mình, và cũng không nên gần quá, sợ chật hẹp khó quay thương. Lại ở trong chân thành lớn đào hào trong sâu rộng, trên mặt hào đo để đất độ 5, 7 thước làm đường đi lại, ở ngoài thì đắp thành bài, để sẵn nhiều gỗ mà dùng khi giặc cướp thành. Thiết bị như thế thì dầu giặc đánh giỏi cũng không đủ sợ.

*

Sách *Võ kinh tổng yếu*⁽¹⁾ nói về phép giữ thành:

⁽¹⁾ Xem thêm sách *Võ bị chế thắng chí*, chương “Ước thúc”

Nếu giặc cướp sắp đến cách ngoài thành 500 bước, đều phải dẫn hết cây phá hết cầu, dỡ nhà, lấp giếng, có suối thì đều bỏ thuốc độc xuống, đá gỗ gạch ngói, rơm cỏ lương thực, súc vật và đồ đạc của cư dân, đều dời hết vào trong thành, nếu dời không kịp thì đốt đi...

Phàm kho tàng chứa đồ, lầu sàn, cánh cửa, khung cửa, và những nơi lửa có thể cháy tới, hết thấy dùng chắn trùm lên và lấy bùn mà trát; dưới sàn lầu thì tùy nơi chứa những gỗ đá, mác búa và các đồ đoản binh khác, ngoài thì dựng xe nổ, giá súng, ở trên lầu sàn và nữ tường thì che rèm dày và phen tre. Trong thành thì dựng vọng lâu. Biên số dân tráng nam làm một quân để sung làm binh, tráng nữ làm một quân, để làm việc tạp, già yếu làm một quân để giúp vào việc ăn uống, chăn nuôi, kiếm củi; ba quân không được qua lại thăm hỏi nhau. Những người trí khôn sức mạnh, mưu cơ tài giỏi, nghề khéo nói hay, như loại làm giả gà kêu chó cắn, không người nào là không kính nể để phòng sau dùng. Mỗi tướng trên thành đều lập một người diễn chương để tìm gọi trăm thức vật dùng. Trước hết phải làm vài mươi cái cờ nhỏ, có tìm gọi vật gì thì viết to tên vật ấy dán lên cờ giơ lên bảo cho người dưới thành biết. Lại kiểm xét trước những vật cần dùng, đều chia làm từng bộ phận, sai lại viên phụ trách cẩn thận rình xem, thấy cất cờ lên thì phải ứng ngay mà đưa lên thành. Dưới thành cứ trăm bước là cấp ba hay năm mươi người tạp dịch giữ việc khiêng vác các vật tìm gọi ấy, đều giao cho một viên quan đốc lãnh. Đường sá đêm đi thì phải đốt

đền đuốc để ngựa kẻ gian ra vào và quân sĩ qua lại riêng với nhau. Lường tính ở trên thành 1 bước thì đặt một giáp sĩ, 10 bước thì thêm 5 người phòng lúc bất thần rút đổi; 5 bước có một ngũ trưởng, 10 bước có một thập trưởng, 100 bước có một người tướng. Sai riêng ngu hậu lãnh chiến, làm thẻ thư hùng cho cầm để đi tuần trong thành, đến đâu phải đưa cho người thủ đội khám hỏi rồi mới được đi qua. Nếu thế giặc ở ngoài mạnh, mà lòng quân ở trong chia hai, thì hoặc chuyển tả đội để làm hữu đội, đổi tiền quân đặt làm hậu quân, hoặc một ngày mấy lần đổi, hoặc mấy ngày không thay đổi; lại cất lễn cho người cầm thẻ nguy đi tuần để thử xem tướng sĩ có biết hay không...

Phàm ở trong thành, những vật cung cấp hàng ngày, cho đến nước nôi, đều phải có hạn lượng. Khiến dân mỗi nhà làm một cái giếng chứa nước mưa ở trên cao để phòng cháy và trước xuống lệnh rằng ai để thất hỏa thì chém, chính đó là cách phòng ngựa kẻ gian. Hoặc khi trong thành có cháy, thì chỉ sai quân lại phòng hỏa lãnh dân đình đến cứu; lại cấp báo cho chủ tướng, chủ tướng sai người thân tín tả hữu kịp đến.

Phàm ở trong thành có thất hỏa và có việc báo động phi thường thì chủ tướng sai đánh năm hồi trống quan và quân trên dưới nghe trống, không được lìa bỏ chức chưởng, dân không được chạy ra đường ngõ.

Phàm giặc đến ngoài thành thì cấm trong thành không ai được dựng vật gì cao như loại cây sào cây nêu và không được thổi đồ nhạc khí, sợ làm nội ứng cho

giặc.

Phàm ở trong thành có sứ giả đến thì đưa đến chủ tướng, các tướng nhỏ và quan dân không được tiếp kiến; như được thư bay ở trong thành thì không được đọc, phải cầm đưa cho người có trách nhiệm ở bản dinh, để nguyên phong đưa trình chủ tướng.

Phàm có người hiểu biết luật số tinh khí hết thấy thu về quan nha, không có nói trộm cùng người khác và cấm bàn nói những chuyện quái dị, làm mê hoặc quân chúng.

Phàm hiệu lệnh đã ra, chủ tướng và phó tướng trở xuống không ai được tự ý chỉ huy khác đi, hết thấy phải y theo điều kiện ước thúc.

Thanh dã.

Phàm trăm họ ở bốn cửa ngoài thành lánh nạn, hết thấy những cửa riêng ở ngoài cửa, trừ những số đã dỡ đem vào trong thành rồi, còn cây dài, ván lớn, chiếu mỏng, gỗ sắt, rơm củi ở bếp, đừng để lại một cái gì, một là chỉ để cho giặc đốt phá uống, hai là giặc có thể mượn lấy để làm đồ đánh thành, ta phải muôn phần cẩn thận. Ngoài thành có cây to thì đẵn đi, gần thành càng nên để phòng. Ngoài thành trong 3 trượng có nhà cửa, thấy giặc đến thì dỡ đi, không kịp thì đốt đi. Hễ vách bằng gỗ thì một lần đốt là cháy hết, tức thì có thể đốt được; hễ là tường gạch đá, giặc ở xa thì không phục vụ giặc, nhưng giặc ở gần thì dỡ phá không kịp; nếu như giặc lấy số độ trăm người cho phục ở ngoài nóc nhà mà bắn đánh người giữ thành, hay là giặc cho quân vào

trong mà phá thông tường vách, bắc thang bắc gỗ ở dưới thành, có thể leo lên thành được, hay là giặc vào trong nhà mà vận đất đắp, làm bậc mà lên thành, những cái đó ta đều không thể làm sao được. Nếu có nhà ở gần thành trong 1 trượng, thân thành lại thấp hơn nóc nhà, thế là thành không giữ được. Hàng hoá tre gỗ ở ngoài quách, nếu không dời đi, thì đều làm đồ đánh thành cho giặc cả; nên báo cho các lái buôn, hàng đã đem lên bờ rồi thì y số chở ngay vào thành để bán, còn hàng ở dưới nước thì đều phải dời đi ra ngoài 50, 60 dặm, tạm ẩn vào các kênh nhỏ, chờ khi giặc lui rồi sẽ buôn bán. Nếu trái lệnh thì sung vào nhà nước để dùng. Còn nhà giàu ở các hương trấn ngoài thành chứa gạo ở nhà, và những nhà đông chứa để chờ giá, thì hễ lý bảo sở tại nghe được tin báo động, phải nghiêm bắt vận tải vào thành, cho nhân dân đông chứa, chỉ cho đem vào thành bán, không được mang một hột ra ngoài. Những kho công vận chở đã hết, thì quan phụ trách bắt lương trưởng đem gạo vào kho. Như có kẻ nào không chịu chở, để gạo ở làng cho giặc lấy, thì gạo ấy tịch thu ngay để làm lương nuôi lính giữ thành. Lại tra xét các nhà giàu có ai đem trâu rượu tiền của mở cửa đón giặc, thì đó đều là thông đồng với giặc, chiếu theo pháp luật chém bêu đầu.

*

Sách Võ bị chế thắng chí:

Phái dân phu

Những người buôn rau, bán nước, làm thuê và côn

đồ nghèo, sớm lại chiều đi thì miễn biên.

Từ 60 tuổi trở lên, không có con, vợ chồng già, lại không nhà ở, không người sai khiến thì miễn biên.

Vợ goá từ 15 tuổi trở xuống, con dại, lại không có nhà ở và người sai khiến thì miễn biên.

Những người mất lòa, tàn tật, yếu đuối, lại không có nhà ở và người sai khiến thì miễn biên. Người nào ngẫu nhiên ốm thì không cho miễn.

Mỗi ụ phải dùng 2 người hay 3 người, luân phiên nhau mà ăn cơm và khuân chuyển các vật liệu; nếu chỉ có một người thì làm sao đứng một ngày một đêm mà không mỏi mệt, giấc nhân lúc mỏi mệt mà đánh thì lấy sức đâu mà chống?

Tổng kê các ụ ở thành có bao nhiêu quân, trong thành hoặc quân hoặc dân và nhân đinh bao nhiêu, mỗi ụ hoặc 2 tên hoặc 3 tên, viết tên họ vào tường ụ, một ngày một đêm luân ban thay đổi, tại mỗi 100 ụ hoặc 50 ụ, xét người giàu có hữu dụng chọn lấy một người làm giáp trưởng, một người làm phó, áo xanh thắt buộc gọn gàng, đeo một cái đao, tay cầm một lá cờ hiệu, còn các dân phu thì đều mặc sẵn một áo hiệu hoặc đỏ hoặc vàng, cầm một ngọn đao thương, lại một cái búa sắt hay một chùy sắt cũng được, như thiếu một cái cũng không trách. Như số binh đinh thặng nhiều thì phải thêm vào nơi xung yếu.

Định thời giờ.

Phàm những khi chưa có báo động, mỗi buổi sáng sớm thổi kèn và đánh trống một hồi, người giữ thành

xuống thành, mỗi buổi chiều thổi kèn đánh trống một hồi, người giữ thành lên thành. Khi có tin tức thì trên lầu đánh ba tiếng trống, các nhà nhất tề ra cửa, lại nổ ba tiếng pháo, các nhà nhất tề lên thành, lại nổ ba tiếng pháo, các nhà đều tới ụ và phân đất đứng cho đầy đủ. Lần thứ hai nổ pháo phải đợi cháy hết một cái hương; lần thứ ba nổ pháo xong, lại để cháy một cái hương, rồi đánh chuông 360 tiếng. Quan thống suất đều chiếu phần đất của mình mà tra xét có người nào không đến thì lấy quân pháp xử trí.

Chia đóa ngũ.

Năm ụ làm một ngũ, đặt một bài gỗ, ở trên viết cả họ tên các người. Mỗi đêm mỗi người giữ một trống canh, trông nhìn ra ngoài, thay nhau lần lượt. Thường có 4 người nằm nghỉ, tỉnh lực không mệt, hoãn cấp có sẵn. Mỗi canh đặt một lá cờ nhỏ, trên cờ dán những tên họ của người tuần đêm, ví như Triệu Giáp canh một, Tiền Ất canh hai. Người canh tuần cầm cờ ở tay, chỉ nhắm trông năm cửa ụ xem dưới thành có người gian tế hay không. Một khi có giặc đến thì gọi những người đồng ngũ thức dậy, cầm bình tro, cục đá, khí giới để đánh. Cứ năm ụ thì làm một rạp, chọn một người tuổi trẻ can đảm làm trưởng ụ.

Chia phần đất.

Xung quanh thành đại thể bốn cửa thì có bốn quan, bốn góc lại chia bốn quan để thống lãnh các đài; mỗi đài lại chia cho một người đầu mục, quản lãnh một số quân mạnh yếu bao nhiêu. Xếp đặt thế nào, đều chia

phân đất để cho mọi việc đều có chuyên trách: ...

Đài địch.

Cửa ụ trên đài địch, mỗi ụ dùng 3 người lính, kén chọn những người sức mạnh, nghiêng mình trông ra ngoài, lưng hướng vào trong, xa gần đây đó đều nghiêng nhìn hết. Các đài đều biên chữ hiệu vào để chia phần đất, phân biệt hiệu cờ và hiệu chiêng trống cùng đồ kêu, ban ngày xem tên cờ, ban đêm nghe tiếng hiệu, rồi đem chữ tên cờ và tên đồ kêu viết to lên tường ụ, khiến mọi người quen nhận. Đều lấy đài địch làm chuẩn...

Nếu ban ngày quân địch phạm vào dưới thành ụ thứ nhất hiệu chữ Thiên, thì người cai quản đài địch ấy phải phát cờ hồng. Ban đêm mà giặc phạm vào dưới thành ụ hiệu chữ Thiên, thì người cai quản đài địch ấy đánh trống. Các binh giữ thành nhất tề giới nghiêm chờ đánh. Các lầu thành tả hữu đều phải cho binh tới đó để ứng viện. Đài địch ở hai bên cùng hướng về đây để cùng đánh. Còn quan và quân các đài ụ khác, không phải phân đất thì không được loạn động. Các cửa tuy không có báo động, quân giữ cũng phải giới nghiêm, không cho tự tiện lia bỏ phần đất mà ứng viện, sợ giặc giương đông kích tây, nhân chỗ sơ hở mà lên. Như thế phòng giữ mới nghiêm, mà ứng phó không rối. Nếu có một người binh nào sai lầm thì lấy quân pháp trị nặng.

Đặt tuần tra.

Quân ở các ụ kẻ siêng người lười không như nhau, phải thường xem xét. Nhưng nếu khiến mọi người điếm

tên, năm canh ồn ào, thì người giữ ụ không có thể nằm ngủ được, tinh thần mỗi mệt, không phải là kế hay. Nên lấy cửa thành làm hạn, như từ cửa đông đến cửa nam chẳng hạn, mỗi cửa đặt 10 người lính tuần la, đặt một lá cờ đỏ nhỏ, giữa viết chữ *tuần la*, mỗi canh 2 người lính luân ban thay đổi nhau đi tuần mà coi, đều chỉ cần cầm cờ qua lại, giữ miệng không cho hò hét, không đánh mõ lắc chuông. Nếu có lính canh ụ nào ngủ say không trông nhìn, và đèn lửa ở ụ nào bị tắt, thì thu lấy cờ canh, sáng hôm sau đến chỗ quan tổng tuần bẩm xét, nhưng lúc đó vẫn đánh thức người lính canh dậy thắp đèn, không được thét đánh. Trái phép thì bẩm xét.

Đặt quan đi tuần.

Đặt việc tuần la còn sợ sơ hở. Mỗi cửa lại chọn 2 viên quan võ, cho mỗi người một con ngựa và làm bài canh tên canh. Như đi tuần từ cửa đông đến cửa nam là lúc canh hai, quan cửa đông phải đem một cái tên canh giao cho quan ở trên lầu thành cửa nam kiểm thu, quan cửa nam lại giao cái bài canh hai cho quan cửa đông làm chứng. Cứ luân phiên lần lượt như thế cho hết vòng. Sáng hôm sau đưa cả cho quan tổng tuần tra xét. Nếu các quan đem bài và tên trao riêng cho nhau mà không thân đi canh, xét được thì lấy quân pháp trị nặng. Quan tuần trước xét số 10 người lính tuần tra, nếu ở các ụ canh có ai ngủ say không trông nhìn để tắt đèn, bị mất cờ canh cờ tuần, thì sáng sớm hôm sau đưa đến chỗ quan tổng tuần xét trị. Cũng chỉ cho đi tuần xem xét, không được hò hét đánh mõ, làm rối cho

những người canh ụ.

Đặt du binh.

Các cửa lại đặt riêng du binh 50 người, chia làm 2 đội, đợi có báo động thì hiệp sức sách ứng, cùng nhau chống giặc. Nhưng trước phải có ước hẹn. Phàm gặp quân giặc ban đêm đến đánh cửa, thì cho phóng 3 mũi tên lửa và bắn gấp 3 phát súng, khẩn cấp mười phần thì đánh 3 hồi thanh la, các du binh được phái ở cửa ấy phải đều ra chống giặc. Tổng quản phái riêng quân chi binh ứng viện. Một cửa có động thì các cửa đóng chặt giữ vững, không được khinh động, để phòng giặc giương đông kích tây; càng cấm lính canh ụ, sợ rối bỏ chỗ của mình. Đến như lúc mưa to gió dữ, nửa đêm sáng sớm, người dễ trể nải, giặc hay nhân sơ hở, càng nên đốc thúc.

Phân biệt trai gái .

Khi dùng đàn bà, không nên cho cùng với trai trẻ lẫn lộn, sợ sinh ra sự gian tà.

Cấm yêu nguy.

Dám nói sự quái dị và truyền lời xằng bậy, đều hay làm hỏng việc, quân pháp phải nên trừng trị.

Xét gian tế

Trong thành rất đáng lo là có kẻ gian tế lên phục. Nên ở các đầu ngõ nghiêm đặt rào gỗ, luân phiên các bảo giáp để phòng thủ, khi tối khi sáng, tùy lúc mở đóng, không kỳ sĩ phu cử giám, sinh viên, lại dịch, cứ theo nhà lần lượt canh giữ, không cho bỏ qua. Mười nhà làm chung một tờ bảo kết,

cùng bảo đảm kiểm xét lẫn nhau. Nếu có kẻ gian tế mà không chịu phát giác, việc lộ ra thì bị tội chung. Mỗi rào gỗ phải đặt binh phu, hoặc 10 người, hoặc 20 người, đều tham gia việc canh giữ, lập một người làm trưởng ngõ để thống lãnh việc tuần tra mà phòng gian tế. Khi giặc sắp đến đánh thành thì trước hộc bọn bảo trưởng, cấp cho cái thẻ liên toạ, khiến các bảo tự đi hiểu dụ, các giáp tự đi củ sát, như có nhà nào dung chứa bọn gian tế thì cả giáp bị tội chung, theo quân pháp mà trị nặng.

Nghiêm trộm cắp.

Tráng đinh lên thành, trong nhà không còn người coi giữ, kẻ tiểu nhân hay thừa cơ trộm cắp. Nếu bắt được thực tang thì không phân biệt trộm hay cướp, ngay khi ấy đánh cho chết để cảnh cáo mọi người. Những kẻ ăn uống không đủ, thì phải bắt rõ để quan chẩn cấp theo đó mà giúp đỡ.

Phòng lửa cháy.

Đánh thành, dịch thường phục nhiều gian tế ở trong thành khiến phóng lửa để cho người giữ thành chạy cứu rồi thừa lúc sơ hở mà lên thành. Vậy phải đặt một chi binh, hoặc 50 tên, hoặc 100 tên, chọn đóng ở nơi chính giữa, để thường xem các nhà mà chuyên coi việc cứu lửa. Các phường trưởng, bảo trưởng, tiểu giáp đều chia phần đất, sắm đủ ống nước, gầu vẩy, câu liêm, chổi gai, thang tre, búa, cưa. Mỗi khi một phường bị cháy thì bảo giáp ở bản phường cùng lính chữa cháy phải

cứu, không được rộn kêu. Binh phu giữ thành đều phải giữ ụ, dù đến nhà mình bị cháy cũng không được bỏ chỗ. Nếu bảo giáp bản phường cứu chữa không xong để đến cháy lan, và người không phải là cư dân bản phường thừa cơ cướp nhà bị cháy, tra ra thì lấy quân pháp trị nặng. Những dân trong thành ở gần thành không nên chất đống rơm rạ củi cỏ, sợ ngoài thành bắn tên lửa vào, nên phải du cấm, ít thì thu cất, nhiều thì dời để nơi trống cho tiện.

Phái người canh.

Gặp đêm, người ở năm ụ canh đều đứng ở ụ trông ra ngoài, nghe trông Trung quân nổ súng hay hạ đèn. Trong năm ụ luân phiên cất một người canh giữ, chuyên đứng trông ra ngoài, còn dư đều yên ngủ. Hết canh một, thổi 3 tiếng kèn dài để chuyển canh, lại một người khác dậy canh, người đã canh rồi đi ngủ, không cho cởi áo. Sang canh khác cũng như thế. Nếu ban đêm chợt nghe tiếng súng ở Trung quan và thấy bật 2 đèn, thì đó là có quân giặc đến đánh thành, không kể có được chia canh hay không, hết thảy đều phải ra cửa ụ đứng nhìn ra ngoài. Một chỗ có giặc thì thúc trống khua thanh la, các phô toàn thành cũng đều thúc trống khua thanh la. Nếu một phô thanh la và trống im thì các phô khác cũng thôi. Như giặc đã lùi thì Trung quan hạ đèn bắn súng, các người canh đi ngủ. Ụ nào đến phiên canh thì chiếu theo cũ mà cầm canh. Bọn gian tế trong thành làm nội ứng hẳn chờ lúc đêm khuya mà

hành động, lấy trống canh định thời giờ. Nếu khi giặc đến thành thì trống canh ở lâu canh chỉ đánh canh một canh hai rồi thôi, chờ đến sáng rõ thì đánh trống canh năm để tan canh, làm như thế là để cho bọn gian tế lầm thời giờ, đó cũng là một phép hay vậy.

Rõ hiệu lệnh.

Phàm ở trong một rạp⁽¹⁾, một người không đến, hay đêm về nhà riêng, thì tội lây người trưởng ụ, đều đánh 20 gậy, người chính phạm thì cắt tai, đồng ụ đồng rạp cũng tội lây. Gặp khi giặc đánh vào thành mà không đến thì người chính phạm bị giết rao cho mọi người biết, trưởng ụ thì cắt tai, đồng ụ đồng rạp thì trói đánh. Như cờ, rạp, khí giới, tên đạn, súng lửa, thanh la và trống các loại mà có một vật không được chu đáo thì kẻ chính phạm bị trói đánh, đồng ụ đồng rạp phải tội lây. Từ 5 ụ trở lên, thì bản quản kỳ phải trói đánh. Ở vệ⁽¹⁾ thành từ một phô trở lên, ở sở⁽²⁾ thành từ 2 phô trở lên, thì quan chưởng ấn và quan phân quản bị trói đánh. Khi giặc đánh thành, để thiếu thốn và phóng hỏa khí không đúng phép thì người chính phạm bị giết rao cho mọi người biết, những người bị tội lây như trên kia đều cắt tai. Kẻ nào quay đầu lại thì cắt tai. Kẻ nào thiện tiện hành động thì cắt tai. Thấy giặc mà nói to làm ồn, hay bị

⁽¹⁾ Cứ năm ụ thì làm một rạp

^{(1), (2)} Vệ và sở là chỗ đóng quân để giữ các địa phương trọng yếu, vệ lớn hơn sở.

thương mà kêu to sợ chạy, thì chiếu theo luật lâm trận co rút mà giết rao cho mọi người biết. Đêm hoảng sợ thì xét bởi vì đâu, cả gặp cả ụ và bản quản kỳ bị tội lây. Trung quân ở nơi cao mà tiếp ứng ở ngoài và hiệu lệnh các ụ canh bị nhầm chậm thì quan chưởng ấn bị trị nặng, người trông điểm canh giữ hiệu lệnh thì giết rao cho mọi người biết. Trong các pháo, gặp khi giữ thành mà để đến tắt lửa cùng thanh la và trống đánh không rõ ràng, đều bắt tội quan cai quản. Phàm người phục ở đường đã đốt hiệu lửa mà Trung quân tiếp ứng chậm trễ, hay súng nổ không kêu đến nỗi người ở rạp nghe không rõ, cùng là lỏng đèn không sáng, đến nỗi giặc xông đến dưới thành, đánh thành lên trệ, thì người giữ hiệu trống và người đứng trông đều giết rao cho mọi người biết, quyết không tha sống. Quan chưởng ấn thì trối đánh 100 roi và cắt tai.

Việc nhu bị.

Mao tử nói: Nhu bị trước phải sắm sẵn những vật cần dùng, chỉnh đốn những đồ cần dùng...

Sách *Võ bị tổng yếu* nói: Phàm phép giữ thành có 5 điều bị thua:

Một là quân lớn mạnh thì ít, quân nhỏ yếu thì nhiều;

Hai là thành lớn mà người ít;

Ba là lương ít mà người nhiều;

Bốn là súc vật và cửa cải chứa ở ngoài;

Năm là bọn cường hào không tuân lệnh.

Thêm nữa là ở ngoài thì cao mà trong thành thì thấp; mạch đất cao mà hào rãnh nông; khí cụ giữ thành

chưa đủ, nước củi không có; dầu có thành cao cũng nên bỏ mà đừng giữ.

Cũng có 5 điều trọn vẹn:

Một là thành trì sửa sang tốt;

Hai là khí giới đủ;

Ba là người ít mà thóc nhiều;

Bốn là trên dưới thân yêu nhau;

Năm là việc thưởng phạt nghiêm trọng.

Thêm nữa lại được ở dưới núi lớn, ở kề sông rộng cao không gần như hạn mà nước dùng đủ, thấp không gần với nước mà ngòi rãnh ít, nhân được của trời, dùng được lợi đất, đất chắc nước chảy, hiểm trở khó cạy. Gồm được các hình thế ấy thì việc giữ có dư sức. Cho nên *Binh pháp*⁽¹⁾ nói “Thành có khi không đánh” và nói “người giữ giỏi giấu ở dưới chín lần đất” đều là thế đấy.

Sách *Hồ kiểm kinh* nói: Trong khi giữ thành thì thức ăn, ngũ cốc, lương khô, cá muối, vải lụa, thuốc men, thợ thuyền trăm nghề rèn đúc, rơm rạ, lau sậy, than tro, cứt dãi, cái sắt, củi lửa, nhựa thông, cỏ khô, dầu mỡ, vỏ gai, chần chiên, gai góc, phen rơm, chỗ vạc, cong chum, dùi đục, dao cưa, đùi dài, thang dài, thang ngắn, câu liêm, móc sắt, những vật người ta thường dùng; hết thấy phải đủ, phải sai sửa sang chỗ hư hỏng, để sẵn trên thành. Ở khoảng vào đội phải đặt ở chỗ lể xoay 2 súng nhỏ, ở chỗ lể đá một súng lớn, và thang mây, gỗ húc v.v... Ở khoảng ấy trước phải theo mình thành dùng gỗ nhô lên làm nữ tường chống, cao hơn nữ

⁽¹⁾ Tôn tử.

tường đất 5 tầng trở lên, lấy ván mà dùng, tùy việc hoãn cấp mà mở đóng. Nếu địch dùng tên đạn, thì mép đá dưới lầu tường cho nó nhô ra ngoài mà treo lủng lẳng tấm da trâu sống, hoặc chần chiên hay túi lông để che. Những nhà trong thành đều sai đặt nước phòng hỏa, hện trước rằng để cháy thì chém. Những nơi phát hỏa phần nhiều là sợ có quân gian đốt, phải khiến chủ tướng gần đó bắt bộ quan lĩnh già trẻ đàn bà con gái đến cứu. Lửa cháy thì sở bộ kịp trình với đại tướng thân lĩnh người thân tín tả hữu đến cứu. Trong thành bấy giờ có sự sợ hãi và có nhiều người lộn xộn, những người ở trên thành không được tự lìa chức việc mà chạy rối ở đường phố. Ai trái thì xử chém.

Nếu giặc đẩy xe lại đánh, thì trước đem súng tay bắn, súng tay đã trúng thì bị thương hẳn nhiều; kẻ đến bị thương thì sức không đều nữa.

*

Cửa treo. Treo ván gỗ làm cửa, dùng sắt mà đóng như ván sần.

Ván treo. Quanh thành ở trên đài địch đều treo ván cả; khi bị địch đánh, thì lật ván lên để bắn tên đạn.

Cửa đột. Đục ở thành, đối thẳng với dinh địch, ở trong đào ít nhiều đường ngầm tới cách mặt ngoài thành 5, 6 tầng thì dừng đào nữa, nửa đêm giặc mới đến, dinh trại chưa định, cho quân tinh kỵ do cửa đột ấy nhảy ra đánh lúc không ngờ.

Trát cánh cửa. Lấy bùn đất trát cánh cửa, dày độ ba thước, để chống chất lửa.

Đục cửa. Phòng dịch bức tới cửa, trước đục cánh cửa vài mươi lỗ để chĩa nỏ bắn ra và chĩa giáo dài mà đâm, dù dịch có bức tới cũng không gần được cửa.

Trát sàn cửa. Lấy bùn chát sàn gỗ trên cửa, ước dày 5 tấc để chống lửa.

Phên dây. Ở trên nữ tường, nhô đầu rui ra cách tường ba thước, lấy cành liễu cành gai mà đan phên dài độ hai trượng, rộng 5 thước, treo ra đầu rui để đỡ tên đạn.

Màn vải. Dùng vải dày làm màn, dùng sào treo ra ở ngoài nữ tường thì đỡ cho tên đạn không bắn vào tường được.

Đùi liền. Như kệp đập lúa, để quay mà đánh người leo lên thành ngoài nữ tường.

Cần trượng. Như cây thương, đầu làm hai chĩa, dùng để chống thang bay và người leo lên thành.

Cần móc. Như cây thương, lưỡi có móc câu, có thể móc người. Trên thành có sàn gỗ, có thể chứa được một đội quân, làm móc sắt cán dài đặt đáy để dùng. Nếu giặc trèo nữ tường nhảy lên, đợi thò mình lên thì các móc đều đưa ra ngoặc kéo vào trong thành, rồi lấy dao, dùi, búa xúm lại mà đánh.

Tật lê sắt. Nếu giặc dùng mộc lư (lừa gỗ) đánh thành, thì ta dùng tật lê sắt để ném. Phép làm tật lê sắt, lấy sắt chín đường kính rộng 1 thước 2 tấc, bốn thanh ngang dọc như hình chông gai, rồi đem nước sắt dội vào giữa, nặng 50 cân, trên đặt mũi sắt và dây xích sắt để thẳng xuống rồi dùng ròng rọc kéo lên. Trên mộc

lư có da trâu trát bùn, ném tạt lê sắt rồi phóng đuốc tưới dầu mà đốt.

Củ ấu sắt. Hình như tạt lê sắt nhỏ, có cái vòng luồn. Nếu giặc dùng xe húc đánh thành, thì ta dùng vòng sắt to và ốc thừa tử⁽¹⁾ mà làm, dùng dây mà vắn, khi gặp đầu húc, ta dùng cái vòng luồn vào đầu húc, giữa chỗ khuyết, sai tướng sĩ kéo thì cái xe húc bị lật đổ, cung nỏ cùng bắn, giặc tự nhiên phải thua chạy.

Đánh thuốc mù. Dùng vôi và cám, theo chiều gió ở trên thành mà tung xuống, làm cho mù mắt, rồi đem nước sôi dội xuống.

Lê xoay. Ở đầu cầu đặt lê xoay, đặt ván có lê xoay thì người ngựa không sang được, đều lăn nhào xuống nước.

Nữ tướng lê xoay. Phàm quân đánh thành, để chống đỡ tên đạn phải đội mũ hén thì trông xiên không tiện, mặc áo giáp dày nặng thì tiến lùi lại khó, tiến đã không lên được thành, lui thì bị vướng ở sau, quân giặc lấy làm xôn xao, ta làm nữ tướng lê xoay nhô ra ngoài thành, cho ròng rọc thả dây sắt xuống, đầu dây sắt buộc chân chi⁽¹⁾ ném xuống giữa chỗ quân giặc đương xôn xao.

Bắn nỏ tên lớn. Dùng gỗ dâu vàng làm cung dài 1 trượng 2 thước, đường kính 7 tấc, hai đầu cánh cung 3 tấc, chống vào xe vắn mà giương cung, tên lớn bắn một

⁽¹⁾ Ốc thừa tử không rõ là cái gì.

⁽¹⁾ Tức là phi câu, móc sắt để ném.

phát, tiếng như sấm vang.

Chứa gỗ. Chứa một đồng gỗ đường kính một thước, đầu nhỏ 6, 7 tấc, dài 5 thước, chờ giặc lên thành thì ném đồng gỗ ấy xuống.

Chứa đá. Chứa sẵn các thứ đá lớn nhỏ theo mình để ném quân giặc.

Cong nghe. Đất sau hơn thành, bốn góc đào giếng, giếng đào sâu 2 trượng, sai người úp cái cong mới ở trên giếng, ngồi ở bên ngoài, giặc đến thì nghe, trong có lỗ, các địa đạo ở trong thành đều nghe trong cong mà phân biệt gần xa.

Thiên tỉnh. Ở tám phương trong thành đào giếng sâu 2 trượng, lấy cong mới dùng da mỏng bụng miệng như trống, khiến người thính tai gối lên miệng cong mà nghe thì giặc cách thành 500 thước cũng đều biết hết.

Liệu tính lương thực. Việc giữ thành toàn nhờ vào cư dân, mà cư dân thì toàn nhờ vào binh mà ăn. Vậy nên trước phải liệu dân liệu quân mà liệu thức ăn. Dân ở trong thành và dân ở ngoài lánh nạn mỗi người mỗi ngày tính gạo ăn hết nửa cân, than hoặc củi 5 cân, tính từng miệng ăn, phải chứa sẵn 3 tháng. Nếu không tự trù bị thì ai đoán đến mình. Ninh Hạ bị vây mà chết đói hết nhiều, nên hỏi xem. Những người hàng ngày chỉ kiếm lấy từng thùng, từng lế, bị thành đóng cửa thì hết lương. Ta đã nhờ họ mà giữ thành thì ta phải thay họ mà liệu miếng ăn, không thế thì họ phải đói, sao giữ được giặc! Cho nên một phủ không có 1 vạn cân cỏ, 2 vạn cân lương, 20 vạn cân than, 150 cái giếng, châu

huyện lớn không có 5 nghìn cổ, 1 vạn rưỡi lương, 10 vạn than, 70 cái giếng, châu huyện nhỏ không có 2 nghìn cổ, 1 vạn lương, 5 vạn than, 50 cái giếng, thì đều là cầu thả, chờ mệnh ở trời, may mới khỏi địch. Phàm những người giữ thành có gạo thì tự cấp, không gạo thì quan cấp, mỗi lần cấp một thạch làm một suất, 10 người có một người đầu bếp, cùng ăn một chỗ. Nếu để các nhà đưa cơm thì rồi không thể nói được và truyền đạt khó tới, no đói bất thường, đó là lối thua vậy. Dân ngoài lánh nạn thì có họ mạc nhờ họ mạc, không có họ mạc thì nhân ước phải xếp đặt, như ở trong chùa miếu thì tăng đạo phải báo tên, kén chọn mà khiến giữ thành, cho phòng nằm một nơi. Còn dư các nơi chùa chiền công quán đều phải cho dân làng ở đậu, chật hẹp khó dung, nhưng đã có thức ăn và thóc, ngoài ra không hại. Đại khái con trai mạnh mẽ đã cho giữ thành, người già yếu cùng ở mấy nơi, đàn bà cùng ở mấy nơi, ở ngoài cửa dán tên để tiện sự ghi nhận. Ở trên thành thì 10 người làm một phô, phô thì trên che chắn chiếu để chống gió mưa, 10 người một bếp, 5 người một lần cất phiên nhau ăn, đàn ông già và đàn bà thì làm thức ăn, đàn bà khoẻ thì gánh nước, trẻ con thì sai khiến đi lại. Đốt lửa thì dùng củi, không dung rơm cỏ, để phòng cháy. Dùng dao đá lửa để phòng khi lửa tắt.

Phòng việc sửa đắp. Trên thành mỗi mặt phải phòng bị một vạn gạch, đất vàng 10 xe, vôi 10 cân, nước 100 lọ. Mỗi 10 ụ thì dùng 2 tấm sắt, 2 con dao nhọn, 6 cái cánh cửa, gậy dài 15 thước 4 chiếc, để phòng khi

giắc đánh phá vào tường thành mà kịp thời sửa chữa.

Đặt hiểm trong hào. Có sông ở gần hào thì nên đóng hơn trăm cái cọc gỗ, theo hình chữ nhân () ở trong sông, cao hơn mặt nước độ 1 thước, phòng có lâu thuyền đến phá thành.

Đặt sà n hờ. Nên gác ở ngoài ụ cạnh một cái sà n hờ, mỗi cái ước rộng 3, 4 thước, dài 6, 7, 8 thước, quanh thành đặt tiếp liền nhau. Phép gác thì hoặc dùng gỗ nhỏ hay dùng tre, mỗi cây dài bằng chiều rộng của sà n, chừng 3, 4 thước, một nửa chĩa ra ngoài ụ, một nửa phóng vào trong ụ; ngoài thì làm sà n hờ, trên sà n thì lấy đá gạch mà đè, trời lạnh thì để thêm vài bao vôi ở trên; Trong thì dùng dây mà treo đá lủng lẳng. Nếu giắc bắc thang lên sà n, thì sà n mỏng mảnh không dễ thang được, gạch đá liền rơi xuống thành, những đá treo ở ngoài thì rơi xuống thành, những đá treo ở trong thì rơi xuống trong tường, người giữ ụ cạnh do đó mà tự biết. Nếu giắc đặt thang ở dưới sà n mà trèo lên sà n, thì khi leo lên đụng đầu vào sà n làm cho đá rơi loạn xuống.

Đặt cây nại hà. Ở khoảng tường ụ, dựng cây nại hà. Phép dựng cây nại hà phải dùng ba cây gỗ làm giá, hai cây đứng, trên gác một cây gọi là cây nại hà, nặng nhẹ phải xứng với cây gỗ đứng, trên cây này thì đóng chốt xen tráo trở lẫn nhau, rồi gài ngược những gai hổ sớ⁽¹⁾, dùng ba thước dây cỏ to bằng ngón tay, một đầu

⁽¹⁾ Thú gai lớn và sắc.

buộc bó gai, một đầu buộc hòn đá nặng 2, 3 cân, lấy đá và dây cuốn vào gai và gỗ thông đầu xuống bên ngoài tường. Khi giặc lại đánh úp, đã không thể vịn bám mà leo lên, lại không thể bay qua mà vào. Hễ động chạm đến thì đá rơi xuống và cây gai cũng rớt, giặc tự bị thương, binh phu canh ụ do đó mà biết, tức thì ném gạch đá xuống làm cho giặc bị thương nhiều. Vì giặc không thể làm thế nào được, cho nên gọi là cây nại hà.

Nghiêm cửa thành. Các cửa nếu dùng đá xây kín hay dùng đất lấp đi thì có thể phòng sự bất trắc. Nhưng quân ta còn phải ra đánh, sợ cản trở lối ra vào, cho nên chỉ đục năm lỗ ở cánh cửa vừa ngang ngực, dùng năm cung nỏ mà giữ giặc không dám tới gần.

Đặt cửa xuyên. Trong thành, đầu cửa đường mã đạo ở hai bên phải xây tường bên chắc, thẳng tiếp với các nhà phố, dưới tường để cửa cho tiện nhân dân ra vào. Cánh cửa thành 1 trượng, đào một đường hố, rộng 5 thước, sâu 1 trượng, dài thông tới hai bên đường phố, dùng mũi thương sắt nhọn dài 1 thước đóng lên trên ván, để đầy đầy hố; bên hố thì đóng cọc nhỏ lấy dây gai ràng qua ràng lại, trên trái chiếu, trên chiếu đồ đất, cốt cho bằng mặt đất để không ai nhận biết được. Đợi khi đánh thành cửa mở, tự nhiên có kẻ tranh tiến vào, nếu rơi xuống hầm thì trên thành lấy đá ném loạn xuống, hẳn có người chết, như thế thì họ không dám tiến nữa. Nhân dân nếu cần đi lại thì ở hai đầu đường hầm đặt ba tấm ván liền nhau, làm lan can để vịn, sợ xảy

chân một cái thì rơi xuống, không thể sống được.

Chuẩn bị tạp vật. Những vật dùng về hoả khí như diêm tiêu, lưu hoàng, chì, sắt, quan hệ không nhỏ, không thể bỏ cho giặc dùng được. Những khách bán và phường đúc phần nhiều ở ngoài thành. Nên trước tra xét tên họ hàng và phường đúc, hễ có báo động thì cho giáp bảo địa phương ấy áp đòi diêm tiêu, lưu hoàng, tiền kẽm và các đồ sắt khuôn chuyển vào thành, và chuyên sai quan đến xét hỏi, kẻ nào trái lệnh thì xử theo tội giao thông với giặc, của cải thì sung vào nhà nước. Giáp bảo không báo thì cũng xét hỏi cả. Như có dùng vào việc công thì chiếu theo thời giá đem bạc mà mua. Những bình vôi, thuốc độc và các vật dụng để sửa xây, đều do các lò vôi và các lò gốm lãnh giá đúng hạn đưa đến. Vôi thì phong ghi lại để ở các tự viên dọc thành để phòng cấp dụng. Còn bình vôi thì sai chủ lò gốm lãnh giá, làm những cái bình vôi nhỏ nhẹ, nung đối, không nên quá kỹ, dự bị để dùng. Trên thành muốn đốt giặc phải nhờ rơm cỏ và củ khô. Trước kỳ cho giá khiến hộ củ hộ lương lãnh bán cho hàng nghìn vạn bó, đánh đồng chứa vào những kho xưởng bỏ rồi để chờ lúc cần dùng. Dầu đuốc là những vật cần cho việc giữ thành, không thể thiếu được; nên xét các hàng dầu, các phố bán dầu ở ngoài thành, giao cho các giáp bảo trong ngày có báo động áp dân y kỳ vận chuyển các hạng dầu rái, dầu lạc, dầu trẩu, dầu vừng, sắp trắng vào thành cho mở hàng bán, như có dùng vào việc công thì chiếu theo thời giá đem bạc mà mua. Lại đốc quan tra xét hễ không y kỳ chở vào thì cả

tổng giáp phải phạt mang gong, mà dầu thì thu vào nhà nước. Thợ rèn, thợ tên, thợ cung, thợ nổ, thợ tre gỗ, thợ thuốc súng, thợ đá đất, đều phải sẵn nhiều trong thành để phòng khi cần dùng. Dưới cửa thành để sẵn ang nước, một là để dùng lúc khát, hai là để dùng chữa cháy. Trên thành cứ năm ụ canh thì đặt một ang nước to, chứa nước đủ dùng. Mỗi một hiệu dầu để sẵn một cái bàn, bút nghiên một bộ, giấy nhỏ rộng một tấc độ 100 tờ, phòng lúc hoãn cấp cần để viết chữ truyền báo các nơi; chổi gai hai bó, câu liêm hai bộ để phòng chữa cháy. Để nhiều đèn lồng soi thành, phòng ban đêm có giặc đào thành, hay nhắm chỗ đen tối thả dây leo vào trong thành phóng lửa làm rối trong quân.

Chuẩn bị tuyên truyền. Mỗi một ụ canh để sẵn một cái mõ gỗ hay tre; mỗi phô để sẵn một trống lớn một trống nhỏ, 2 thanh la; mỗi phô dùng một con ngựa khoẻ để đi truyền tin khẩn cấp, mỗi đài dịch để sẵn lưu tinh⁽¹⁾ gặp khi cần cấp thì đốt để cho du binh của bản diện tiếp ứng, mỗi phô lại sẵn một chậu lửa rấm, giữ không cho tắt.

Chuẩn bị đèn lửa. Mỗi ụ canh để một cái đèn, 3 ụ canh treo một cái đèn. Đèn phát giấy bóng mới cho sáng, trên đèn dầy chụp bằng giấy bóng để phòng mưa, trên chụp dè một miếng ngói nhỏ để phòng gió; được chụp bằng cốt tre thì càng tốt. Mỗi đèn dùng một cái cần buộc dây giống xuống dưới thành cách đất 7 thước

⁽¹⁾ Tức là pháo thăng thiên làm hiệu.

để nếu giặc đến dưới thành thì ta chiếu thấy, mà ta cầm cần ở cửa ụ canh thì giặc không thấy ta. Khi kéo đèn thì có người canh, không để nhờ việc. Nhưng dây treo đèn nên làm nhỏ, chỉ vừa mang được một cái đèn, giặc không thể bám dây ấy mà leo lên thành được.. Mười ụ canh dùng một cái hỏa cầu thì tốn dầu đuốc không mấy.

*

Sách Võ kinh tổng yếu:

Phàm phép giữ thành, khi giặc đến sát thành thì cứ im lặng mà đợi, không ra đánh ngay. Liều giặc đến vừa tầm tên đạn, thì dùng thuật mà phá, nếu gặp được chủ tướng của giặc đến, thì tính lúc tiện lợi, dùng nỏ tốt xúm bắn và ném đá xuống cho chết, thế thì giặc sợ hãi thế tất phải lui. Nếu được người giặc xin hàng hay xin hòa thì cũng đừng nên trể nải, mà nên càng chóng giữ cẩn thận phòng nó lừa ta. Nếu giặc đánh đã lâu không nhỏ được thành mà bỏ đi, thì đó là quân đã mỏi mệt, nên theo mà đánh thì tất phá được. Đó là nhờ có tướng giỏi, thấy lợi thì làm, không câu nệ theo lối thường mà kiểm xét vậy.

Phàm giặc đánh mọi cách không lợi thì tất dẫn nước để dội vào thành. Ta phải lấp kín các cửa, xét thành có chỗ nào hổng thì đắp lại. Trong thành đã bị vây chặt thì phải xem nước ở ngoài cao thấp thế nào, rồi đắp riêng một cái tường rộng, lấy đất ở ngoài tường cho sâu tới một trượng. Binh lính thì vẫn giữ thành như cũ. Xem khắp địa thế có nơi nào có thể tiêu nước thì cách vài mươi bước đào một cái giếng, các giếng

thông nhau ở trong cho nước chảy tiêu đi. Nếu nước đã vào thành thì ở chỗ ngoài tường mới đắp, làm 20 dã vào thành thì ở chỗ ngoài trường mới đắp, làm 20 chiếc thuyền, mỗi thuyền kén 30 người dũng sĩ, giữ thành như cũ. Xem khắp địa thế có nơi nào có thể tiêu nước thì cách vài mươi bước đào một cái giếng, các giếng thông nhau ở trong cho nước chảy tiêu đi. Nếu nước đã ào thành thì ở chỗ ngoài tường mới đắp, làm 20 chiếc thuyền, mỗi thuyền kén 30 người dũng sĩ, giữ lấy cha mẹ vợ con làm con tin, rồi trao cho cung nỏ gươm ngắn và thuổng cuốc, khiến đêm tối từ cửa ngậm tằm mà ra đào đê kè cửa giặc, phá dinh trại của giặc. Những dũng sĩ kén đây phải dự lập thủy chiến. Liệu sức không đủ thì cho thêm thuyền để đi. Hoặc giặc đã biết thì trên thành khua trống reo hò để trợ thế.

Phàm giặc có quân dũng hăn, hăn khiến đến xung đột cửa thành của ta, ta nên giả làm không biết, mở cửa để chờ, trên đường đặt hố sập ngựa và cầu máy, ở chỗ tường lớp ngõ cong thì cho phục binh đánh úp. Nếu ước lượng giặc độ 1,2 trăm người thì hạ ván tháp của các lớp cửa, khiến giặc quân trước đã thua, quân sau bị dứt.

Phàm trong thành khí giới đã đủ, chống giữ đã được, nên ra quân kỳ, dùng thuật trá, lấy đánh thay giữ, để mà giải vây. Trước hết phải làm cửa ngậm, hoặc nhân giặc mới đến, trận chưa chỉnh, hoặc đêm hôm nhân giặc không biết, hoặc giặc đánh thành mới nghỉ, hoặc giặc vây lâu đã mỏi, lên cho quân tinh kỵ ngậm tằm ra đánh, đánh giặc thua rồi thì không nên đuổi

theo; hoặc quân ta chưa ra mà giặc đã đến, xông cửa mà vào, thì ta ở trên thành quay vào trong mà vẫn đá to cho rớt xuống dè để chặn không cho nó vào.

*

Sách *Hành quân tu tri*:

Dùng ống pháo lửa, thương dài, đuôi gỗ, pháo tay để đánh người dưới thành.

Dùng nỏ bàn, phóng tên lửa và pháo lửa mà đốt cỏ củi lấp hào.

Dùng pháo lửa để bắn thổ sơn và nga xa động tử⁽¹⁾.

Thành trại nếu ở vào nơi đồng bằng, hay ở gần có suối tự cao nguyên chảy xuống và có sông ngòi, thì nên phòng giặc dùng cách xẻ úng cho nước ngập thành ta. Tỉnh Hà Đông ngày nay, tức thành Thái Nguyên ngày xưa, quân nhà Tống đã xẻ sông Phần Thủy mà dội xuống quân Lưu Duy Nguyên là thế.

Quanh thành đặt nhiều cửa đột, ngầm cho quân mạnh và ngựa đánh vào chỗ không ngờ của giặc. Nếu giặc ở trên núi cao ngoài thành, dựng vọng lâu để xem hư thực ở trong thành ta, nếu quân ngựa ở trong thành có ít, thì cho cùng với trâu ngựa của cư dân, hết thấy đều mặc giáp mà phô bày ở nơi phố chợ, lại khiến cư dân lên thành, trai trẻ đứng trước, già yếu đứng sau, cần nối tiếp nhau.

Trọng nhân chính. Giữ thành cần phải định

⁽¹⁾ Thổ sơn và nga xa động tử: xem giải thích ở trên

khí. Phàm ở ngoài 50 bước, nghe thấy giặc hét nói đập phá hay dùng quân tiên phong đi tuần trước, nói phao là đến đánh, thì dùng động. Khi cách thành 10 bước thì dài địch mới bắn tên đạn và dùng thương. Giặc đội cỏ vào đánh thành thì lăn đá to xuống; giặc chở xe đến đào thành thì ném củi vào hai bên xe và dùng tên lửa để đốt. Giặc đến dưới thành, thế tất phải ngựa mặt lên, thì ta phun phân, phun lửa, vãi tro. Giặc ba người cầm cần móc mà đánh ta, thì ta dùng cái xẻng bán nguyệt mà cắt dây da, tất 1 người ngã lăn ra, hai người ngã nghiêng ra; một người cầm cần móc thì lấy xẻng bán nguyệt mà đẩy chéch đi, đẩy khỏe thì ngã, nhưng phải dùng búa lớn mà đánh nát đầu móc. Nếu giặc bắc thang mây 4,5 người xâu cá mà leo lên, thì ta dùng cái xẻng bán nguyệt, 4,5 người dựa cột hết sức mà đẩy, nếu là thành đất thì đẩy ra ngoài là thang phải đổ, nếu là thành gạch thì đẩy xiên là thang phải nghiêng; lại dùng thương ba mũi cực lực mà đâm vào mặt giặc, lòng giặc, bụng giặc, cốt đâm trúng một chỗ nào. Giặc bám tay vào cửa ụ thì dùng búa rìu mà chặt đứt mười ngón tay. Nếu dao của giặc liếc quanh cửa ụ thì dùng gậy lớn đánh vào dao, hoặc lấy vũ cụ thương mà bắt giặc, lôi lên mà giết. Đầu giặc khi vào cửa ụ, thấy cái mũ thì dùng búa mà đánh vỡ óc, thấy cổ thì dùng dao búa mà chém lấy đầu; đã nhảy vào trong ụ rồi thì chân tay không làm gì được nữa, dân phu cả giáp cứ loạn xạ đánh chém, cốt sao cho chết. Giết chết 3,5 tên giặc thì treo đầu lên thành, quăng xác xuống dưới, giặc tự vỡ

mật, không dám tới gần. Nếu không định khí trước, khi giặc mới ở ngoài trăm bước đã hoang mang, loạn phóng tên đạn, khí giới đã hết, khí lực đã thiếu, gan ruột đã loạn, đến khi giặc tới gần thành thì lấy gì mà chống! Đó là điều rất phải răn trong việc giữ thành.

Cẩn thận tên đạn. Khi quan quân đi tuần thành, đến bên thành bắn tên hay súng, trên thành không được ồn ào. Đợi giặc đến gần thành, mới sai những tay bắn giỏi hấn quen nhân tiện mà bắn, cốt sao cho trúng giết được 1, 2 tên giặc, thì bọn khác tất phải rút lui. Chúng không biết quân ta hay dở hư thực thế nào. Không nên bắn loạn mà hết tên thuốc. Nếu bốn mặt thang mây vây đánh, thì nên gom sức đều chống, không nên câu nệ.

Ném gạch đá. Trên thành xếp nhiều gạch đá. Rất kiêng khi giặc còn ở ngoài 10 thước phóng càn tên đạn và hỏa khí, đã không trúng giặc lại tổn thực dụng. Đại khái khí cụ giữ thành đều dùng ở trong 10 thước, phải thấy rõ ràng thì mới đích đáng. Người ta thường nói: giữ một dặm không bằng giữ một trượng, giữ một trượng không bằng giữ một thước. Càng xa càng uống công, càng gần càng đắc lực. Vì là cái mục đích giữ thành là chỉ sợ giặc lên thành, mà phép chống giặc là chỉ ngăn giặc lên thành, đánh xa lại không trúng, lại phí sức, lại tổn đồ dùng thì làm gì?

Nấu cút người: Nấu phân người đến sôi, đựng vào lọ nhỏ mỏng, dùng lá tre đút nút khiến sao đến khi ném thì lọ vỡ cút tung, chạm vào thì người thì bỏng đau đến chết.

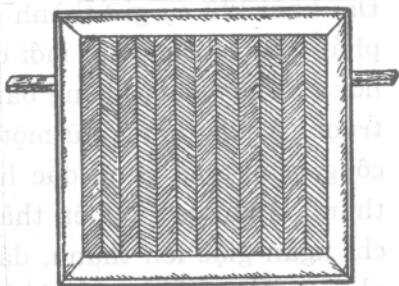
Quý ngủ ngày. Quân chiến đấu không ngủ thì sợ quân giặc nhân đêm khuya lúc mệt lén vào, nên ban ngày phải chia ban luân phiên mà ngủ.

Đôi trống đêm. Đêm thì thúc trống hai ba lần như là sắp xuất quân, làm cho địch đêm không được ngủ, mà quân ta thực thì yên nghỉ trên thành; phải báo trước cho mọi người trên thành biết cho khỏi rối loạn. Trọn ngày ỉa đại đều ném ra dưới chân thành ngoài. Trong thành người ít việc gấp, những phụ nữ còn trẻ nên mặc áo mũ đàn ông lên thành phòng ngự. Sớm chiều hò hét, đàn ông đàn bà con trẻ cũng nên đều tiếng, tỏ là ta có nhiều người, để trượng thanh thế. Nhưng trai gái một nhà phải họp với nhau một chỗ. Ai dám đùa cợt nhảm nhí thì chém đầu rao cho mọi người biết.

*

KHÍ CỤ GIỮ THÀNH⁽¹⁾

Hố sập ngựa⁽²⁾. Dài 5 thước, rộng 3 thước, sâu 4 thước, trong hố trồng hai thứ thương gạc nai và chông tre, đều vót nhọn, đốt lửa cho thêm bền. Hố thì bày theo hình chữ bốt () trên đáy bằng cỏ, hoặc



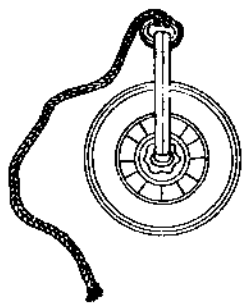
Hình 54. Phên dày

⁽¹⁾ Mục này trích ở sách **Võ bị chế thắng chí**, quyển 11.

⁽²⁾ Ở quyển I, chương “Bình cụ” đã có nói về “hố sập ngựa” rồi.

trên trống cổ, cốt sao cho địch không biết. Phàm trên đường địch đến và trong ngoài cửa thành đều đặt hố này.

Phên dây. Lờy cành cây kinh hay cây liễu mà đan, dài 5 thước, rộng 4 thước, bọc bằng da trâu sống, ở sau lưng thì đặt cái sào ngang dài 6, 7 thước.

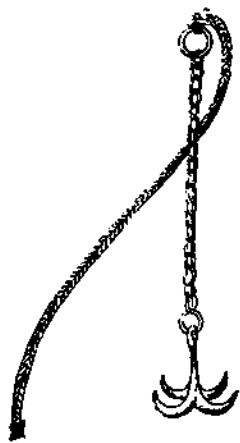


Hình 55. Đùi bánh xe

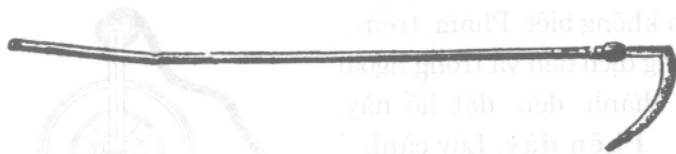
Dùng ở trên sân chiến thì lấy mộc mã mà dựa, ở ngoài nữ tường thì lấy que chân chó mà treo.

Xa cước lôi. (Đùi bánh xe). Dùng cây gỗ đường kính 5 tấc hai đầu đặt hai bánh xe, đường kính 2 thước, lấy dây xích sắt và xa trục mà phóng xuống rồi lại kéo lên, dùng để đánh quân địch leo thành.

Phi câu (Móc bay). Có tên là chân chi bằng sắt, móc câu dài và sắc chìa ra bốn phía, buộc dây xích sắt và tiếp bằng dây gai. Phàm quân địch mặc áo giáp nặng, đều có nón nhọn, sợ tên đạn không dám ngửa nhìn lên, chờ chúng đến hợp đông thì ném móc vào giữa đám đông rồi kéo gấp lên, mỗi móc có thể móc được 2 người.



Hình 56. Móc bay



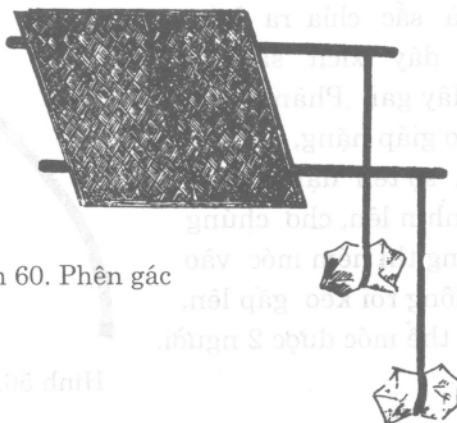
Hình 57. Móc sắt dài.



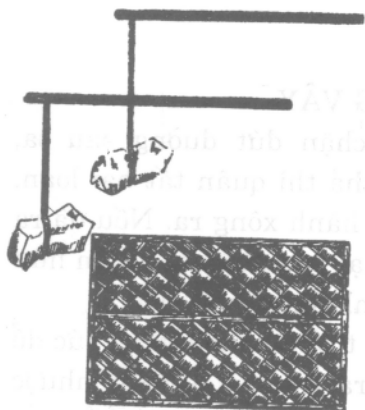
Hình 58. Đùi gỗ.



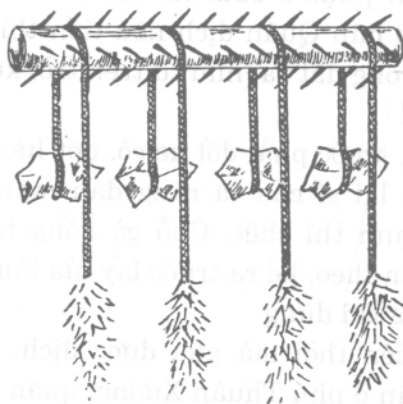
Hình 59. Chàng nặng



Hình 60. Phên gác



Hình 61. Phên treo



Hình 62. Cây lặt hà



Hình 63. Chum nghe

III - XÔNG VÂY

Quân địch vây thành chặn đứt đường sau ta, trong cuộc đánh dữ dội, thư thả thì quân tất bại loạn, đánh nhanh thì có thể hoành hành xông ra. Nếu đã ra ngoài vòng vây thì quân tả chạy mau bên tả, quân hữu chạy mau bên hữu, không giành đường với địch.

Lại biết được những nơi trống hở mà gắng sức để ra. Lại ngậm tăm đi đêm mà ra, dũng sĩ ở trước, nhược sĩ ở giữa, quân phục ở sau. Ra rồi đi thông thả, cẩn thận, không sợ hãi. Quân địch nếu tiến thì quân phục đánh như từ trong đất ra, như từ trên trời xuống, còn ai chống lại được!

Phàm ra, trước phải đốt xe cộ, đốt lương thực của ta, bảo rõ cho lại sĩ của ta rằng đấu mạnh thì sống, không đấu mạnh thì chết. Chỗ gò đồng hiểm trở thì địch không dám theo, kẻ ra trước lấy lửa làm dấu, kẻ ra sau đến chỗ lửa thì dừng.

Nhân thiên thời mà phá được địch. Lưu Ý nhà Tống đóng quân ở phủ Thuận Xương, quân Kim đã vây 4 ngày. Quân Kim càng ngày càng đông, bèn dời dinh sang Lý Thôn. Ý sai Diêm Sung mộ 500 người tráng sĩ đánh đêm vào dinh. Chiều hôm ấy trời muốn mưa, chớp sáng bốn mặt, hễ thấy ai tóc dóc⁽¹⁾ thì giết. Quân Kim đuổi 15 dặm. Ý lại mộ 100 người cho đi, có người xin ngậm tăm. Ý nói: “Không nên dùng tăm”. Sai bẻ tre làm còi, như còi trẻ con ở ngoài chợ làm trò chơi, mỗi

⁽¹⁾ Người Kim dóc tóc.

người cầm một cái để làm hiệu, thẳng tới dinh quân Kim. Hễ thấy chớp loè sáng thì đều đánh hăng, chớp thôi thì náu im không động. Quân giặc cả loạn. Trăm người hễ nghe tiếng còi thì họp lại, quân Kim lại càng không thể lường được. Đánh như thế suốt đêm, quân Kim chết rất nhiều.

Hoặc có kế giả làm thần mà giải vây, như Cảnh Cung nhà Hán giữ thành Kim Bồ⁽¹⁾, dùng thuốc độc bắn tên, gọi là tên thần của quân Hán. Hung Nô sợ mà giải vây.

Hoặc dùng hỏa công mà giải vây, như Hoàng Phủ Tung đánh giặc Hoàng Cân⁽²⁾.

Hoặc dùng cách kêu không mà giải vây. Như Lưu Côn nhà Tấn bị giặc vây, bèn nhân đêm trăng lên lầu kêu không, thổi khúc kèn Hồ, tiếng ai oán véo von. Giặc nghe lầy lăm buồn, bỏ vây chạy.

Hoặc có người trá hàng mà giải vây. Như Lý Quang Bật nhà Đường bị giặc vây, khiến người nói dối hẹn với giặc ra hàng, bèn ngầm đào đường hầm mà dinh địch bị hãm.

Hoặc có người giả chạy mà giải vây. Như Trương Tuấn nhà Đường bị Lệnh Hồ Triều vây, Tuấn nói dối Triều là muốn đem quân chạy, xin lui một xá. Triều cho. Bèn bỏ thành không ra bốn phía cách 30 dặm, dỡ nhà dẫn cây rồi trở về phòng bị. Lại dụ Triều trả cho 30

(1) Thuộc đất Tân Cương ngày nay

(2) Nông dân khởi nghĩa ở cuối đời Hậu Hán

con ngựa để cấp cho quân kiêu kỵ, xông ra bắt được 40 tên tướng giặc.

Hoặc liêu giữ mà giải vây. Như Lưu Ý nhà Tống dùng thắng quân đánh vỡ Ngột Truật nước Kim.

Hoặc dùng phản gián mà giải vây. Như Trần Bình nhà Hán khiến người vẽ tượng mỹ nhân gửi biếu Yêm Chi để giải vây thành Bạch Đăng⁽¹⁾.

Phàm quân ta vây đã đắc thế rồi, giặc chưa tính kịp, ta tức thì tìm con đường mà quân viện của giặc tất phải đi để giữ chặn; lại khiến quân phục đợi đó; lại trương cao cờ trống làm cho người ở trong vòng vây phải sợ. Thấy quân nó rối loạn thì phải thừa lúc sơ hở mà đánh.

Phép đánh giặc, trước phải đánh quân viện, khiến không có quân ngoài đến cứu. Liệu số thóc ở trong thành, tính số người tiêu phí, lương nhiều người ít thì đánh mà dừng vây, lương ít người nhiều thì vây mà dừng đánh; sức chưa khuất, thóc chưa hết, thành còn bền, mà quân viện đến thì phải đánh ngay.

IV - ỨNG CỨU

Đánh nên có thứ tự, cứu không nên có thứ tự. Có tội nên đánh thì dấy quân mà đánh. Có ước hôn nhân, có nghĩa lân bang, thì nên thương hoạn nạn mà dấy quân để cứu. Cùng một quân, nhưng đánh thì lấy có

⁽¹⁾ Thành ở núi Bạch Đăng, tại phía đông huyện Đại Đồng tỉnh Sơn Tây, Hán Cao tổ bị Hung Nô vây, ở đấy 7 tháng, Yêm Chi là tù trưởng Hung Nô.

thứ tự làm hơn. Thứ tự là có ý chinh đồn quân ngũ và cẩn thận việc đánh, không làm nóng nảy - mà cứu thì lấy gấp làm hơn. Thứ tự là có lòng hoãn quân sợ giặc, giả tiếng đi cứu thôi. Như năm Kỷ Dậu quân phương Bắc được cái nghĩa đến cứu⁽¹⁾, mà bị thất thủ là do thất cơ chứ không phải vì tội chậm.

Kết viện. *Bình pháp* nói “Có quân tất thắng thì hẳn có thành tất thủ; không có quân tất cứu thì không có thành tất thủ”. Thế không thể phòng bị được thì nên rộng kết thanh viện, ngồi chịu khổn ở cô thành thì thật là không nên.

Việc giữ trước hết phải kết viện để tiếp ứng. Phàm quân viện tới thành, đừng nên khinh tín, sợ có khi giặc giả hiệu áo của ta để đánh lừa ta. Nên chọn người tâm phúc tinh tế leo mà xuống, nhận xét cho đúng thực thì mới mời. Đừng khiếm họ giữ hiểm dựng trại ở ngoài thành. Hẹn ước nhau cử sự, tất phải dây dợ hợp kỳ, trong ngoài giáp đánh, mới có thể giải vây được. Nếu như hai bên bảo nhau chỉ lấy tiếng tăm mà ứng họa, thì việc phải hỏng. Nên răn, nên răn!

Cứu sự nguy cấp của người, phải hết lòng thành.

Phàm quân đi ứng cứu, không cứu ở nơi tất phải cứu, mà phải cứu ở nơi không tất phải cứu, thì vậy sẽ giải được.

⁽¹⁾ Chỉ việc quân Thanh mang cứu nhà Lê, nhân chiếm cứ nước ta, sau bị Nguyễn Huệ đánh đuổi.

V. LUI ĐÁNH

Dại tướng hành quân, mọi điều thận trọng, vốn đã chu đáo cẩn mật, nhưng đối lũy đánh địch, cầm quân chống tướng, việc có nhiều điều bất trắc. Người nào có quan hệ đến sự tiến chỉ của một quân thì nên nêu lên để làm đầu cho quân sĩ, người nào có quan hệ đến sự tồn vong của cả trận, thì nên xem là cần thiết cho ba quân. Đi mà không biết dậy ở chỗ nào, dừng mà không biết nấp ở nơi nào, cứ theo bóng người khác mà làm mà điều quân thì không biết, vào giữa chốn đao giương la liệt mà chỉ lo đặt mình vào nơi vững chắc, người như thế thì đại tướng phải lánh vậy. Được thua là sự thường của nhà binh, người giỏi dùng binh có thể nhân bại mà làm thành. Nay ta đối giềng lũy trước xuất kỳ bất ý, đó là chúc kỳ vậy. Quân ta mới thua, sĩ khí tan rã, tướng giặc thắng mà sinh kiêu, có lòng khinh ta, nên đóng lũy mà chờ. Quân giặc kiêu, ta có thể đánh một trận mà thắng được.

Điện là một việc khó của nhà binh. Điện nghĩa là đi sau. Phép binh lấy điện làm công, vì là quân thua mà chạy, giặc nhân chạy mà đuổi theo, có thể lui lại sau mà chống bọn đuổi theo, không phải người dũng thì không làm được, cho nên nhà binh lấy điện là khó có người vậy.

Nên lui thì lui, đừng lui vì nhút nhát. Dem quân tới trận, khi tiến khi lui, lường theo thế mà thôi. *Kinh Dịch* quả Sự hào lục tứ nói rằng “Quân đừng ở phía tả,

không lỗi”, tức là nói quân lui. Vì là biết khó mà lui, lưỡng thế không thể thắng được, bèn thu vén quân mà rút lui, hơn là tiến mà đổ mất vậy. Có thể tiến mà lại lui, đó mới là lỗi.

Người cầm quân giỏi có khi không tiến, lui mà tiến vậy.

Không nên tiến mà tiến, đó là con đường thua vậy.

Binh pháp nói: “Quân đổ thì tướng bị giết”. Lại nói: “Đổ thì tướng bị giết, đó là đạo thường trong việc hành quân”. Vì là tướng lui mà quân được sống, thì sao lại xông vào mũi nhọn của địch mà chết? Thế cho nên cứ tiến liều thì không tới đâu mà không đổ mất. Đừng đổ tội cho thua thì rồi mới đi tới thành công được, tôi xin thưa như thế.

VI- THẮNG VÀ ĐẶT PHỤC

Phàm theo chạy mà nghỉ, gặp quân địch đổ ở đường thì bắt ngay.

Giặc đánh đã mệt, có thể đuổi được có năm trường hợp, không thể đuổi được có sáu trường hợp. Thấy khí của giặc đã kém, có thể đuổi, đó là một. Quân bộ kỵ tán loạn, nhiều người chạy xiêu ngã không thành bộ ngũ, đó là hai. Chạy tới làng xóm, chạy vào thành quách, đó là ba. Xe chở lương và đồ binh giáp tan tác mà không thu được, đó là bốn. Chủ tướng đã chết, đó là năm. Khe ngòi cũ mà nước bỗng cạn hết, đó là một trường hợp không nên đuổi. Đã quá tầm nhìn thấu, đó là hai. Thua

trận trốn chạy mà hàng ngũ không rối loạn lắm, cò xí không lộn xộn lắm, đó là ba. Quan và quân chạy rảo không xiêu ngã lắm, quân bộ quân kỵ không lẫn lộn, đó là bốn. Giặc chạy mất đường, tả hữu là núi hang, ở trước cũng như thế, đó là năm. Đường cùng lương hết mà quan và quân chưa tan hãn, đó là sáu. Thế cho nên gặp trường hợp nên đuổi thì đuổi gấp, không nên đuổi thì đóng chặt cửa thành mà xem, hãn có biến đổi lợi hại. Chờ họ cất quân, hể lợi thì ta tiến mà hại thì ta lui. *Binh pháp* nói “Chim bay lên là có quân phục, cây cối động là có quân đến”, như thế cũng chưa chắc là có quân phục quân đến, sợ là họ làm nghi binh vậy. Có thể là quân giặc đã chạy trốn mà sai những người giả yếu rung động cây cối và làm sợ chim muông. Lại nói “Không ước mà xin hòa là có mưu, nửa tiến nửa lùi là dụ”, đó cũng có thể là đại binh đã lẫn trốn, sợ người sau theo đến mà làm cho ta ngờ vậy.

Một khi đã thắng phải giới nghiêm quân ta. Đã được toàn thắng, đuổi giặc chẳng qua là dư uy thôi. Nếu trong khi đuổi riết, giặc phút dừng lại không động, ví như không phải có quân tiếp ứng thì tức là đang trước có hiểm trở, không thể trốn gấp được. Quân ta nếu nhân lúc đó mà đánh, thì quân ta là quân mỗi một, mà quân giặc là quân có sinh lực, ta lấy lòng thắng trận mà kiêu, giặc lấy lòng cứu chết rửa hờn, nếu ta thắng nữa thì chẳng qua là cuộc đuổi giặc chạy thêm, bằng thua thì công lao trước bỏ hết cả. Như thế há chẳng phạm vào điều kỵ đuổi giặc cùng đường, trước

chết sau sống ư? Chỉ nên cứ đuổi theo sau, khiến cho giặc giã đập lẫn nhau, thu lấy xe lương và quân hàng. Như giặc dừng lại không động, thì ta thu quân ngay, hoặc là tức thì hạ dinh, ngày thì dựng nhiều cờ xí, đêm thì đánh trống đốt lửa, bắn súng cho nhiều, hiệu lệnh nghiêm minh, người ngựa rầm rộ, chiêm trống đêm canh, hai bên giăng dây quân phục, bốn mặt ngấm đặt các tay bắn giỏi. Giới nghiêm hiệu lệnh so với khi chưa thắng địch lại càng nghiêm khắt hơn, một là để phòng trộm cướp, hai là để răn lòng khinh nhờn. Lại viết hịch chiêu phủ bắn vào dinh giặc, hoặc sai những kẻ sĩ có tài biện luận lấy lợi hại mà hiểu dụ, tỏ lòng thành tín. Giặc lấy sự sống thừa rù đầu mất khí, thấy uy thế đường đường chính chính của ta thì sợ lòng hoa mắt, thịnh suy thấy rõ, một đêm nghĩ ngợi, chí đã nản rồi, kịp nghe hịch chiêu phủ, không dám không hàng. Thế gọi là được vạn toàn mà tất thành công vậy.

VII - PHÉP NHẬN HÀNG

Nhận hàng cũng như chịu địch, phải biết sắp đặt cho nghiêm. Từ khi dùng binh nửa năm nay, chưa có kẻ nào ra hàng, nay không hỏi thực hay dối, cứ nên hậu thưởng để khuyến khích tương lai. Những không nên đặt họ ở chỗ yếu địa.

Những người qui phụ thì nên nhân làng quê của họ mà cho cày ruộng, nhân đó mà lập người trưởng, nhỏ lớn đều biên làm quân, khiến được tự canh tự thủ. Kẻ có tài năng thì chia cho đất đai, cho làm chức việc, để

khiến họ dừng trốn chạy, để cho bớt thế đi.

*

Nhận hàng cần phải phòng bị cẩn thận. Sách *Bảo giám* nói: “Nhận hàng nghiêm hơn chịu địch, phải biết phòng bị cho nghiêm, vì rằng chịu địch cũng đã nghiêm rồi, mà nhận hàng càng phải nghiêm nữa. Chịu địch thì ai ai cũng có lòng muốn giết, đều phải nghiêm răn, còn nhận hàng mà không nghiêm, họ có lòng ngờ sợ mà ta lại kiêu nhờn, nếu có sự bất trắc biến cố xảy ra trong lúc thăng thốt, thì không sao chống được. Cần phải trước hết xét thế mạnh hay yếu, tình thật hay dối, thực có thể tin thì mới cho đầu hàng, định cho kỳ hạn, nghiêm chỉnh dinh ngũ, ngoài trương hai đại đội bày ở trước hai bên tả hữu đại dinh để chờ. Lại nên có thị vệ đứng kín, khiến không có thể thấy được ở sau lều tướng. Trăm quan thì ai giữ việc nấy, như không trông không thấy việc gì. Không cho họ xem và nói với nhau mà mất vị thứ. Đại khi người chưởng hiệu ở hai cánh đánh 3 hồi chiêng trống, đặt súng đại bác lên bệ, uy nghi chỉnh tề, mới truyền hiệu lệnh. Hàng binh đứng một chỗ, chỉ truyền cho bọn đầu mục cởi bỏ các vật, trước vào yết kiến. Võ vế xong, trình dâng sổ sách sổ mục quan và quân hàng, ngựa, khí giới, lương thảo. Cấp cho một cái bài miễn tử, sai đầu mục cầm đi tuyên báo cho các hàng binh, rồi thì bỏ hết các vật giao cho nhân viên chấp sự ta thu giữ, rồi mới sai điệu cả đến ngoài cửa viên, cho khúm núm nghe lời phủ dụ. Bọn đầu mục thì hoặc được thưởng cấp áo mũ, hoặc cấp bài

thẻ; các hàng binh thì đều thưởng gạo thịt để tỏ ân tín. Sai nhân viên có tài năng hỏi các hàng binh. Ai xin về thì đứng riêng ra một bên, cho chờ diễn cấp văn bài, giao cho quan địa phương phát về quê để an táp. Những văn bài đều nên dự bị, chỉ diễn tên họ quê quán cho chóng việc là hơn. Ai xin làm binh thì đứng riêng một bên, chia phái vào trong các đội quân ta, cho tướng hiệu của ta quản lãnh lẫn lộn. Càng nên cho dinh đội cách nhau, để không thể tụ họp một nơi, cần mật đề phòng, không cho thời thường tụ nhau chuyện trò. Bọn đầu mục thì chiếu theo phẩm cấp được cho, mỗi ngày theo ban tướng hiệu ta mà đãi trà, không có dị đồng. Hoặc chọn trong đó có người tài kỹ trung thành thì lấy 1, 2 người dùng trước để giữ lòng mọi người. Binh dinh gặp khuyết thì cũng bổ trước 1,2 người để tỏ là có dùng. Nghiêm dụ quân ta không nên khinh khi lăng nhục, không nên đối với hàng binh khoe khoang được thua; không nên gọi càn bằng tên hàng tốt, sợ người ta buồn rầu mà sinh thù oán. Đến như quân địch lớn chưa diệt xong mà trước có kẻ về hàng, nếu không phải là người biết thời vụ thì tức có người hiểm nghi. Vậy phải nên rộng cách đối đãi, khuyên cho đổi mới, hậu thưởng trọng dụng, không triệt quân của họ, không bỏ quyền của họ, để rộng sự chiêu tập. Tóm lại là phải tùy theo kinh quyền làm sao cho được thích nghi.

Ví như có một người địch làm hàng tốt, hoặc làm ra dáng người nông phu, đến trước cửa quân nói kín ý mình xin làm hướng đạo, nếu không liệu xem tình hư

thực thế nào, thì có khi bị dụ vào vòng vây, trúng phải kế địch. Nên giữ lại ở trong quân, lấy sự thực đối mà bảo cho biết rằng nếu thực thì có trọng thưởng, nếu dối thì xử trọng tội, rồi sau mới đem quân tiến đi, như thế thì tình ý của nó phải lộ ra vậy.

*

Tóm lấy 13 điều cầu hòa nhận hàng như sau:

1. Tiếp ứng quân địch đầu hàng, quân ta phải lên ở chỗ cao bày trận, luôn luôn ước thúc, không nên có chút trễ nải. Phải dự phòng sự lừa dối. Như quân họ bày trận, dùng dằng chưa định, nếu có người tù trưởng cầu hòa mà tham tá không theo, dẫu đó chưa được tình thực, nhưng cũng nhận cho rồi sẽ gấp làm mưu chước để tính liệu cũng được.

2. Có một người định cầu hòa, cũng họp đặt bàn sở màn trướng, và trước sai dũng tướng đi tìm xét qua, sợ sau có quân phục mưu đánh ta chẳng.

3. Khi nhận hàng mà nhận hội thể ước định với địch, chỗ gặp nhau không nên gần cõi của địch, và không nên ở chốn núi rừng nguy hiểm, sợ nó đặt mưu mà đánh úp ta.

4. Hội thể nên ở chốn đồng bằng nội rộng, hay gần dinh trại ta cũng không hại, nhưng không cho đem nhiều người ngựa đến gần dinh ta. Nếu họ không có khí dụng gì thì không hại.

5. Trong ngày hội thể, trước sai du binh đem quân sinh lực lưng khắp những nơi hiểm trở bốn phía, như nơi nào có phục binh thì kịp báo cho chủ tướng, tức thì chuẩn bị ứng địch.

6. Hai quân gặp nhau, chưa từng đánh trận mà địch khiến người cầu hòa, ấy có thể là địch có ý ngờ binh thế của ta, ngấm sai quân tinh nhuệ xông đánh ta trong lúc không ngờ, vậy nên kỹ càng xem xét thực đối. Nếu họ cần cầu hòa, ta phải phòng bị gấp, như có đại quân của địch xông đánh thì ta cũng không thất cơ.

7. Khi đã từng chiến chầu, đôi bên chưa chia thắng phụ mà địch khiến người đến cầu hòa, tất nhiên là có mưu riêng, kíp nên đề phòng. *Tôn tử* nói: “Không ước mà xin hòa là có mưu vậy”.

8. Khi họ hẹn xin quân ta dời đóng nơi xa, thì người nghị hòa ấy là muốn được quân ta lui để họ đem người ngựa đặt phục mà đánh, cần phải đề phòng. *Tôn tử* nói: “Nửa tiến nửa lui là dụ ta vậy”.

9. Khi thám thấy nước họ thực có việc nên xin nghị hòa để về nước, sợ ta đánh úp nên xin hòa để lui quân, thì lời có khác, nên bắt buộc ngả giáo bỏ giáp, đặt lời minh thệ mà chờ mệnh vua ta, rồi ngấm ngấm đến chỗ yếu hại trên đường về của giặc đặt nhiều quân kỳ quân phục, sợ họ nhân đêm trốn về.

10. Khi quân họ đánh thua, thế muốn cầu hòa, thì đợi lập định lời ước thệ, thế vĩnh viễn không xâm lấn nhau, rồi khiến họ nộp khí giới và các ngựa tốt, và coi chừng người tù trưởng để chờ mệnh vua.

11. Khi giặc cướp hoặc vì bất đắc dĩ bắt buộc, hoặc vì nhất thời ô hợp, nay biết ăn năn, nếu có thể khiến hàng thì nên mở lòng thành thực, hết sức vỗ về, ngõ hầu giữ toàn được là hơn.

12. Khi quân giặc lại hàng, quả là không có ý khác, nên khiến ước hẹn đổi lối làm lành, và nên xử trí thích nghi, đừng nên đem lòng ngờ vực, khiến bị chìm đắm.

13. Thu được quân giặc đầu hàng, sai người coi giữ, giải giao cho các nơi thu quân, riêng chờ lệnh vua, đừng cho họp ở một nơi mà sinh ra biến.

Những việc cầu hòa thụ hàng ở trên chỉ phòng sự đối trá không thực mà bị hãm hại; nếu là thực tình thì sự xử trí ở ta, họa phúc biết trước. Kẻ làm tướng phải nên xét kỹ.

HẾT

PHỤ
HỒ TRƯỞNG KHU CỜ

HỔ TRƯỞNG KHU CƠ TỰA

Có người hỏi tôi rằng: Phàm binh pháp như các sách *Võ kinh*, *Võ bị*, *Quả ấn đăng đàn*, *Kỷ hiệu*, *Hồng vũ*, còn chưa đủ sao? Sách *Hổ trướng khu cơ* còn chép làm gì? Tôi đáp rằng: Xã tắc còn hay mất, quốc quân vui hay lo, quan hệ ở một ông tướng. Cho nên làm tướng mà học binh pháp, quý tinh mà không quý nhiều, có dũng lại phải có trí, mới có thể nắm cơ ở ngoài cửa khỏn, giữ tính mệnh của ba quân. Nếu nghề võ không tinh, mà người tướng không giỏi, thì chỉ trong chốc trở bàn tay sơn hà đã thay đổi, há chẳng nên cẩn thận hay sao? Vả chẳng ý chỉ các sách binh pháp kể trên không phải là không tốt. Nhưng rườm rà nhiều mối, tinh khô khác nhau, cho nên người học như ngồi giếng xem trời, đi thuyền giữa biển, mờ mịt không biết gốc rễ, mệnh mang không hiểu manh mối, là bởi thế đấy.

Đến Quốc triều ta có Lộc Khê⁽¹⁾ là người đặc xuất, chí khí cao cả. Xem khi giúp Thánh tổ⁽²⁾ ta nổi tiếng

(1) Lộc Khê: Đào Duy Từ.

(2) Nguyễn Phúc Nguyên.

nghĩa dừng đến nghìn thu, dựng nền thái bình trong một trận, thì trong lòng thực có mấy vạn giáp binh; đến lúc cõi ẩn từ quan, diễn viên vui thú, thì trong lúc đi đứng thực đáng sánh với Y Doãn, Lã Vọng, Tử Phòng, Gia Cát; đến lúc tuổi già lại lo tâm thuật không truyền cho ai, thân cơ mai một đi mất, thì may có Triệu Diên được thân dạy bảo; lại có hai tiên sinh ta là Bảo Thúc và Cao Toàn suy diễn những điều Lộc Khê chưa suy diễn, phát minh những điều Triệu Diên chưa phát minh, để đem ra dạy bảo tưởng đây là báu của trời đất, sao có thể bỏ mất đi được! Tôi là học trò, may được gần gũi, chính như dây sắn bám vào cây thông, dây bìm leo nhờ cây cù, được hai tiên sinh rủ yêu mà truyền thụ cho. Tôi trộm nghĩ sinh sau mà được thấy người trước, có thể đến cửa mà vào nhà, thân được truyền thụ, thực là có duyên may với hai tiên sinh vậy. Lại còn duyên trời, dun dủi, gặp được bạn tốt như Phúc Định (tự Thủ Chân), đặc biệt thông minh, thiên tư anh vĩ, chí cả lấn mây, lòng mang kinh tế, cho nên tôi không tiếc châu ngọc mà nhả hết ra. Ngờ đâu bạn tôi lại là người có chí bí truyền, không tiếc công phu, rửa nghiên nhúng bút biên thành sách này, chia làm ba quyển, gọi là sách *Hổ trưởng khu cơ*, thực là mở huyền cơ của trời đất, tụ tú khí của kiến khôn, cho nên tôi khôn xiết mừng rỡ, cũng có chút bổ ích vậy.

CHIÊU DƯƠNG CAO KHUÊ căn chí

TỰA

Phàm người xa không phục thì ta sửa văn đức cho họ đến. Nhưng Xi Vương xưa hoành hành bạo ngược mà Hoàng đế lại dùng giáo mác để đánh là tại làm sao? Bởi vì thời thế bất đồng, nhân tâm mỗi khác. Người xưa nói rằng: Đánh giặc để dẹp thì đánh cũng phải, giết giặc để yên thì giết cũng phải. Nhưng phép chiến tranh cũng lắm, mà cách sát phạt cũng nhiều. Có trí thì dùng trí, không có trí thì dùng sức. Phàm mặc giáp cầm giáo, cưỡi ngựa cầm roi, khó nhọc vào sinh ra tử, liều mình thịt nát xương tan, đấy chỉ là một tráng sĩ thôi, sao có thể địch được muôn người! Thế gọi là không có trí thì dùng sức đấy. Nay ta thà rằng đấu trí chứ không đấu sức. Bởi thế, trên nhờ di chỉ của tiên hiền, lại nhờ thần cơ của bạn tốt, tìm khắp sách lạ của thiên hạ, xem hết điều lạ của xưa nay, rửa nghiên nhúng bút, bài đề tên sách là *Hổ trướng khu cơ*, huyền diệu không so sánh được. Phàm các phép hỏa công, thủy chiến, trận rấn, trận chim, mưu mô tướng lược, then máy binh gia, cái gì cũng đủ. Nếu người trí giả được sách này thì có thể lập được công danh ở trên nghìn vạn người, dựng nên thái bình trong một trận đánh. Sách này rất nên trân trọng, chớ đem dạy cho người bậy, vận dụng một lòng mà kính theo mười điều răn:

1. Chớ càn rỡ giết người và đem lòng riêng oán người.
2. Chớ làm thảm độc, tàn hại lương dân.
3. Chớ lòng phạm thượng và phản bội thầy.

4. Thưởng phạt rất công, không làm quanh co.
5. Chớ mê sắc đẹp, chớ tham của cải.
6. Nghiêm rắn sĩ tốt, cấm chỉ lẩn cướp.
7. Đầu cũng yên dân, cốt làm nhân nghĩa.
8. Thương yêu cô quả, thăm viếng tang tóc.
9. Minh trước sĩ tốt, cam khổ cùng nhau.
10. Phụng sự sách này, chớ nên trễ nải.

Mười điều răn trên này, nếu thiếu một điều sẽ bị các vị tổ sư khiển trách, còn mong thành công được sao?

Thơ rằng:

Anh hùng tự cổ trước kỳ kinh,

Vị nhược tư thư tối hữu tình.

Nhất trật bao tàng thiên địa bảo;

Thiên hàng bài liệt điều xà hình.

Hỏa công thiêu tận thiên phong nhẫn;

Thủy chiến ba đời vạn giáp bình.

Nhất bả thử chương vì tướng dụng,

Bất lao hãn mã diện thắng bình.

(Từ trước anh hùng làm sách lạ, chưa kịp sách này rất hữu tình. Một quyển bao gồm bầu trời đất; Nghìn hàng bày sắp trận rần chim. Hỏa công đốt trụi nghìn gươm giáo; Thủy chiến chìm vùi vạn giáp bình. Nếu đem sách này dùng việc tướng, chẳng phải nhọc ngựa dụng thắng bình).

HẬU HỌC: THỦ CHÂN LÊ PHÚC ĐỊNH cần đề

Tiên giác Vệ úy nội tán Lộc Khê tiên sinh di chỉ.
Hàn lâm văn chức viện Triệu Diên tiên sinh kế thuật.
Xử sĩ Bảo Thúc Nguyễn Huy Chủ tiên sinh tặng san.
Xử sĩ Từ Chân Cao Toàn tiên sinh đính ngoa
Thiện thuật Cao Khuê tự Chiêu Dương tân soạn.
Hậu học Lê Phúc Định tự Thủ Chân kết tập.
Hậu học Vọng Doanh Cát Đằng Kiêm Trai Ngô
Tử Thông tham soạn điểm duyệt.

HỒ TRƯỞNG KHU CỜ

QUYỂN 1

TẬP THIÊN

TỔNG LUẬN VỀ CƠ YẾU BINH PHÁP

Mắng nghe: Gươm báu ấn vàng, nguyên soái lên dàn ban hiệu lệnh, quạt lông khăn lụa, quân sư cười nói vận thần cơ. Tỷ như Phạm Lãi dâng Tây Thi⁽¹⁾ Tôn Tần bớt bếp nấu⁽²⁾, Đàn Đạo Tế dong cát giả làm lương⁽³⁾, Trương Tử Phòng thổi sáo cho địch nản,⁽⁴⁾ Hàn Tín cho quân nhổ cờ Triệu cắm cờ Hán⁽⁵⁾, cùng là giả thư đầu hàng dùng kế cho giặc kiêu, đều xuất tự trong lòng của trí tướng, tự kế hoạch của mưu thần mà thôi. Cho nên nói rằng thừa cơ làm việc đấy thôi. Nhưng đều

⁽¹⁾ Phạm Lãi khuyên Việt Câu Tiễn dâng Tây Thi cho Ngô Phù Sai

⁽²⁾ Xem chú Tôn Tần ở **Binh thư yếu lược**, quyển III

⁽³⁾ Xem điển ở **Binh thư yếu lược**, quyển III

⁽⁴⁾ Trương Lương thổi sáo ở Cai Hạ làm cho quân Sở nghe mà nản lòng

⁽⁵⁾ Xem chú Xích xí ở **Binh thư yếu lược**, quyển III

chưa có thể dùng làm phép thường. Phép thường là phương pháp. Phương pháp là gì? Như Hiên Viên đánh Xi Vưu làm xe chỉ nam mà bắt được giặc, cùng là đời sau trâu lửa của Điền Đan, hải nhạc⁽¹⁾ của Vũ Mục, Hàn Tín dùng chum gỗ⁽²⁾ cho quân sang sông, Khổng Minh làm trâu ngựa gỗ để vận lương, Lưu Bá Ôn⁽³⁾ chế súng đồng pháo lửa, những người ấy thực là có tài xoay trời chuyển đất, có chí yêu nước giúp đời, trong lúc thi thố so với việc bày binh bố trận hơn gấp mười lần. Đời sau dẫu có danh tướng cũng không thể hơn được.

Đến Quốc triều ta, Chính quân vệ uý nội tán Lộc Khê tiên sinh, đem tài lạ giúp vua, phát huy tinh túy của tướng môn, lập ra các phép hoả cầu, yên cầu và phép thương lửa dưới đất, tên lửa chứa thuốc độc, dẫu người đời xưa sống lại cũng chẳng hơn đâu. Người sau học được yếu chỉ thì chỉ có Triệu Diên, Bảo Thúc, Cao Toàn mấy người mà thôi. Sau khi các vị ấy đã quy thần thì có ai nối được truyền thống ấy nữa đâu! Than ôi! đất đã chôn bí pháp, nhưng may trời chưa chôn lương mưu, để cho bạn ta như Cao công là người tuổi trẻ lỗi lạc, học thuật thâm nhuần, để lòng giấu cất ngọc quý của tướng lược, khắc xương ghi chép phép diệu của binh gia, rửa bút rất tinh, mài nghiên rất sạch, biên thành sách *Hổ trướng khu cơ*, chia làm ba quyển, đầu đuôi cộng 37 điều. Thực là quốc sĩ vô song, quỷ thần mặc

(1) Núi dưới biển, không rõ phép thế nào

(2) Xem chú Mộc anh ở **Binh thư yếu lược** quyển III

(3) Quân sư của Minh Thái tổ.

trắc, không những chỉ là phép hoả công thuỷ chiến, lại đến cả phép giữ trại phòng gian, vận dụng cơ quan, không cái gì là không chép đủ. Được người khá mà dạy cho thì kinh dinh bốn phương, công ghi sử sách, trăm đời cũng không mất vậy. Công dụng của tiền nhân bổ ích có phải là ít đâu.

THIÊN HOẢ CÔNG

Cao Chiêu Dương nói: Phàm lửa vốn tự thái cực, được khí dương tinh, nhờ vào gỗ mà sinh, cho nên phàm các vật ở trong trời đất cái gì đụng vào là phải cháy tan, mà làm ngôi thứ nhất trong ngũ hành, lại là phép công hiệu nhất trong binh pháp. Nhưng gỗ (cây) động thì sinh gió, gió thổi thì lửa sinh, đó là lẽ tự nhiên của trời đất, cho nên người xưa nhân có gió mà dùng hoả công cũng là lẽ thường. Còn như không có gió mà dùng lửa, dùng lửa không cần phải có gió, thì đời xưa chưa từng có. Duy có súng phạt - lang - cơ của Tây Dương cũng tài như các phép hoả cầu, yên cầu, hoả lôi, hoả tiễn của Lộc Khê tiên sinh. Thực đủ phát minh những cái đời trước chưa phát mà lập nên thần cơ mới mẻ. Xem mấy điều ấy thì biết rằng cái tài của Lộc Khê tiên sinh có thể làm trái cơ trời đất, trái tính ngũ hành, thực là cơ quỷ thần không ai làm được. Học giả nên kính cẩn đấy.

Lê Thủ Chân nói: Đời xưa dùng hoả công là nhân mùa hạ nóng nực, gió nổi thổi mạnh, liệu theo địa thế đặt hiểm mà đốt. Như Chu Du bày quân ở sông Xích Bích rồi sai Hoàng Cái đem thư trá hàng mượn thuyền

lượng mà đốt quân Tào Tháo, Khổng Minh đi đánh Mạnh Hoạch ở miền Nam, Ngụy Diên phục binh ở hang tối mà đốt quân áo giáp mây. Cho nên *Binh pháp* nói “Đường hẹp dùng hoả công” là thế đó. Các kỳ kế như thế cũng cùng một lối mà thôi. Ngày nay dùng hoả công thì lại khác. Bắt đầu tự Lưu Bá Ôn đời Minh hồi giúp Thái tổ chế ra phép điều súng đồng hoả lôi, bắn một phát thì đạn lửa bay ra, đến đâu thì vạn vật đều tan nát hết, thực là toàn mỹ. Song người sinh sau lại càng đáng sợ. Các nước Tây Dương có nhiều kỳ tài, chế nhiều phép giỏi, như các loại súng phạt - lang-cơ, địa lôi, đạn sắt lại càng huyền diệu, bắn ra một phát, thảm độc rất nhiều. Rồi tiền nhân ta được phép ấy, chỗ thiếu thì bổ vào, chỗ sót thì thêm vào, mà chế ra các phép hoả cầu, yên cầu, hoả hồng, hoả tiễn, lại được thích dụng. Cứ ý kiến của tôi thì tài ấy có kém gì dây sắt đạn lửa đâu.

PHÉP ĐIỀU LỬA ĐỐT GIẶC.

Phàm có gió thì nên dùng hoả công, đó là phép thường. Nếu trại giặc rất xa mà canh giữ nghiêm ngặt, thì dẫu có gió lớn, lửa cũng không do đâu mà dùng được. Nên làm phép điều giấy để đốt thì giặc dù có cánh bay được trong phút chốc cũng hóa ra tro hết. Phép làm: Trước hết lấy nan tre làm cốt kết thành hình con diều, hai cánh ngang ra, đem cốt diều⁽¹⁾ ấy ngâm nước hơn một tháng, phơi khô, lấy giấy mỏng tẩm

⁽¹⁾ Không nói rõ bề lớn nhỏ của cốt diều.

dầu trám dán vào cốt tre làm lồng diều. Lại lấy 1 cân lưu hoàng, 1 lạng diêm tiêu nấu cho tan ra đem vãi mỏng mà tẩm rồi phơi khô, bôi vào ngoài cốt tre ấy làm da diều. Lại lấy một cân cỏ bắc đèn cũng tẩm nước ấy để làm đuôi diều. Xong rồi, lại lấy 1 sợi dây gai dài độ 100 bước, hoặc hai ba trăm bước, buộc vào lưng diều làm lèo và dây thả diều. Lại lấy một sợi dây giấy làm ngòi thuốc dài bằng dây gai buộc vào sau đuôi diều, còn thừa thì quấn vào dây diều. Nhân có gió thì thả diều lên, xem chừng hễ diều đến gần dinh trại giặc thì lấy lửa đốt vào đầu dây ngòi thuốc, lửa bén theo lên diều và cháy đứt dây, diều rơi xuống. Nếu dây diều chưa đứt thì lấy dao mà cắt khiến diều rơi xuống đốt cháy trại giặc.

PHÉP LÀM HỎA CẦU (QUẢ NỔ)⁽¹⁾

Phép hoá cầu là phép thần của Tây Dương. Trong lúc đem quân đi đánh giặc, hai bên bày thành thế trận, ta đem súng phi thiên mà bắn, quả nổ tung ra, rơi đến đâu thì quả nổ nổ ra, mảnh sắt tung toé bốn mặt, dầu gươm giáo choáng trời, cờ xí lấp đất cũng chỉ một lát là tan nát hết.

Phép làm: Trước hết sai thợ sắt đúc một bình gang tròn ước 1 thước gọi là quả mẹ, lại đúc ba quả con mỗi quả tròn 2 tấc. Đều đúc gang mỏng. Trên miệng có nắp có đường tròn ốc để khi đẩy nắp lại không bật ra được. Rồi sau nạp thuốc súng vào miệng bình. Hãy xin nói một quả.

⁽¹⁾ Tức là trái phá

Trong lòng đựng đầy thuốc súng, xong rồi lấy nắp đậy kín miệng lại. Trước đuôi một lỗ nhỏ để luồn dây ngòi vào. Dùng vỏ gai ngâm nước muối phơi khô kết thành dây và quấn ở ngoài quả nổ, hình như rắn quấn, như thế là để cho lửa không cháy vung ra. Lại lấy vỏ gai khô buộc xen vào, khiến cho lửa không tắt được. Lại lấy dây ngòi thuốc súng quấn vào toàn thân quả nổ, cuối cùng luồn đầu ngòi vào lỗ nhỏ, như thế là cốt cho nổ chậm. Lại lấy nước muối tắm vào vỏ gai, phơi khô, quấn vào chung quanh quả nổ rất kín. Làm như thế xong rồi lại lấy dây thau nhỏ buộc chằng ở ngoài, để cho lúc bắn đi không tuột da quả nổ. Lấy mấy quả con ấy nạp vào trong bụng quả mẹ. Quả mẹ cũng làm như cách nói trên. Còn đầu dây ngòi thì nên để hở ra ngoài. Cứ thế đem quả nổ nạp vào đại bác phi thiên mà bắn thì quả nào cũng nổ.

Lời bổ chú của Kiêm Trai. Phàm mùa đông mà bắn quả nổ, nên dùng mỡ rái cá bôi ngoài vỏ gang quả mẹ quả con thì càng tốt...

Bài thuốc nạp quả nổ:

Diêm tiêu 1 lượng,	Lưu hoàng 1 đồng 2 phân
Thạch tín 8 phân,	Than gỗ dâu 1 đồng 2 phân 2 ly
Hồ tiêu 8 phân	
Bạch chu sa 8 phân,	Nao sa 8 phân.

Bài làm ngòi.

Bạch diêm 2 lượng 2 phân, Lưu hoàng 8 đồng cân,
 Than gỗ dâu 1 lượng 6 đồng cân.
 Giấy trắng tẩm bạch diêm đủ dùng
 (Thuốc làm ngòi điều lửa ở trên cũng thế)

PHÉP CHẾ YÊU CẦU (QUẢ MÙ)

Phạm khi hai bên giao chiến, trận thế tương đương, ta đứng đầu gió mà thả khói phân lang thuốc độc thì địch hẳn tránh được, dù có bài thuốc thử độc cũng không làm hại được. Cho nên tiên công có bí pháp chế ra quả mù nạp vào súng phi thiên mà bắn đến gần dinh giặc, lửa nổ khói độc phát ra, giặc dù có phép dộn thổ tàng hình, chỉ trong khoảnh khắc đều chết cứng cả.

Phép làm: Dùng một cái bình sắt chứa thuốc độc vào, trên bình có một lỗ thông thiên 1 tắc 6 phân. Lại dùng một cái ống sắt không có đáy to 1 tắc 5 phân 3 ly, dài 3 tắc 5 phân, trong ống đựng thuốc súng, đầu ống lấy mẩu tre hay mẩu gỗ bịt lại, xong rồi đặt ống ấy vào chỗ lỗ thông thiên. Lại lấy dây ngòi thuốc xuyên ngay vào trong ống. Ngoài bình sắt bao bằng dây gai ngâm nước muối. Làm như thế xong rồi nạp bình sắt ấy vào đại bác phi thiên mà bắn. Ta đứng đầu gió mà bắn thì lửa theo ngòi thuốc mà vào trong ống, phá tung cái nút gỗ ở đầu ống ra, tự nhiên khói độc phát ra, theo gió mà đến, quân giặc chết cả.

Bài thuốc độc:

Diêm tiêu 10 lượng,	Lưu hoàng 2 lượng,
Than gỗ dâu 3 lượng,	Phân chó sói 2 lượng, rưỡi,
Cứt khô 3 lượng,	Lá thiên ngải 3 lượng,
Thuốc lào 3 lượng,	Phiên tiêu 3 lượng,
Ban miêu 3 lượng,	Tiên thiên tử 2 lượng,
Thạch tín 2 lượng,	Thiên hoa phấn 5 đồng cân rưỡi.

Bài thuốc sùng:

Diêm tiêu 5 đồng cân, Lưu hoàng 3 đồng cân.
Than gỗ xoan 3 đồng 5 phân.

PHÉP CHẾ HỎA ĐỒNG

Kiểm trai nói: Lúc dùng hoả đồng thì đem hoả đồng buộc vào miệng sùng mà bắn.

Phép làm: Lấy một cái ống tre một đầu để mắt, dài 6 tấc, dày 3 phân, trước tra thuốc vào dưới đáy, giọt 300 chày, lại tra thuốc phun, giọt 300 chày, xong rồi lấy lưới đồng nạp vào, lại lấy thuốc hoả phấn nạp vào chỗ khe các lưới đồng. Rồi lấy dây tẩu mã, tức là dây ngòi lửa, xuyên vào, Lại lấy giấy bồi ở ngoài ống, lại lấy dây mây chằng rất kỹ, rồi dùng dây gai mà quấn để dùng.

Bài thuốc nạp:

Diêm tiêu 10 lạng 1 đồng 5 phân,
Lưu hoàng 2 lạng, Than gỗ dâu 2 lạng.

Bài thuốc hoả phấn:

Diêm tiêu 1 lạng,	Lưu hoàng 1 cân 4 phân,
Than đen 1 cân 7 phân,	Nhựa thông 3 phân,
Thiệt hoa 5 phân,	Bách thảo sương (nhọ nồi) 3 phân).
Phê sương 3 phân,	Chương não 3 phân,
Ngân châu 3 phân,	Khói thông 1 lạng 3 phân

Bài thuốc phun:

Diêm tiêu 1 lạng,	Lưu hoàng 6 cân,
Than gỗ thông 5 cân,	Bách thảo sương 3 cân,
Thiệt phấn 3 cân 5 đồng,	Ngân phấn 3 cân 5 đồng

PHÉP LÀM HOẢ TIỄN (TÊN LỬA).

Kiểm Trai nói: Vì lửa dữ dội như hổ, nên gọi là hoả hổ.

Phàm trí tướng dụng binh, việc gì cũng dự bị. Nếu không dự bị thì lâm cơ trong khoảng chốc lát lấy gì mà ứng dụng. Ví dụ như lúc cướp trại giặc, vượt vòng vây, đánh giáp mặt ở đường hẹp, cùng trận ngựa liên hoàn, trận voi chắn đường, nên dùng tên lửa mà đánh thì cái gì cũng tan.

Phép làm: lấy cái ống dài 6 tấc 3 phân, nhồi thuốc súng làm 3 nấc, nấc thứ nhất dày một tấc, giọt 300 chày, nấc thứ hai dày 3 tấc, giọt 300 chày, nấc thứ ba nạp tên sắt, đuôi tên có đeo sao dài 1 tấc, lại nạp thuốc 1 tấc, giọt 300 chày. Xong rồi đằng sau ống sắt dùng ống tre già 5 tấc tiếp vào, lại cho ngòi thuốc xuyên vào đầu ống. Lúc dùng lấy lửa đốt đầu ngòi thì thuốc lửa cùng tên sắt tự nhiên bắn tung ra.

Bài thuốc nạp:

Diêm tiêu 10 lạng,

Than đen 2 lạng,

Lưu hoàng 1 lạng 2 đồng 5 phân.

PHÉP CHÔN HỎA THƯƠNG DƯỚI ĐẤT.

Phàm trí tướng dùng binh, hoặc dụ giặc vào chỗ sông hồ, bày mưu mà đánh, giả cách thua chạy, đặt súng ở dưới đất để đánh bại giặc.

Phép này, dùng tre núi hoặc 100 cái, hoặc 200 cái, mỗi cái dài hơn 5 thước, miệng to 2 tấc, ba đốt trên đục thủng lỗ to, đoạn dưới để mắt, nhồi thuốc phun đầy 2

thuốc ruối, còn nửa thuốc ở trên lại nhồi thuốc súng. Như thế xong, bèn dùng ống nhỏ, ống ấy vừa bằng ruột ống tre, dài 3 tấc, cắm vào đầu thương làm miệng. Trên miệng lấy giấy Vĩnh Thọ cắt ra thành mảnh nhỏ rồi lấy hồ dán miệng ấy rất kín. Bên đầu thương lại dùi một lỗ nhỏ để làm chỗ dẫn lửa. ống thương nên lấy dây mây mà quấn, lại lấy dây sắt mà bọc. Lại lấy gỗ nhỏ 2 cây, một cây dài 1 thước ruối, đục làm giá chữ thập (+), cốt để khi chôn xuống đất thì ống thương không bật đổ. Các việc xong cả, bèn khai rãnh chữ bát (^), đem những ống hỏa thương ấy đặt xuống rãnh, cách nhau hơn 3 thước, miệng thương để lòi ra 1 tấc, còn thì chôn sâu dưới đất. Bấy giờ đến chỗ giáp rãnh chữ bát đào một hốc sâu 4, 5 thước, đặt đá lửa và dao sắt, làm máy như cách đặt địa lôi. Bèn đặt ngòi dẫn lửa tự máy đá liền đến chỗ lỗ ngòi của các hỏa thương. Xong đầu vào đấy rồi, lại lấy cát phủ lên cho bằng, đừng để hở cho người biết. Rồi ta đến dinh giặc khiêu chiến, ta giả cách thua chạy, cứ nhắm chỗ ấy mà chạy. Giặc không ngờ, chạy xéo vào máy đá thì dao và đá cọ xát nhau mà nảy lửa, lửa cháy vào ngòi thông đến các ống hỏa thương hai bên thì các hỏa khí nổ bung lên. Giặc dẫu đông trăm vạn cũng đến chết cháy trong đám lửa hùng ấy

Bài thuốc phun:

Diêm tiêu 2 lạng,	Lưu hoàng 6 cân,
Than thông 5 cân,	Nhọ nồi 5 cân,
Thiết phấn 3 cân 5 đồng,	Yên phấn 3 cân 5 phân.

Long nảo 3 phân.

Bài thuốc súng:

Diêm tiêu 1 lạng,

Lưu hoàng 3 phân 5 ly,

Than xoan 3 phân 5 ly.

PHÉP HOẢ TIẾN CHỨA THUỐC ĐỘC.

Phạm ít không địch được nhiều, yếu không địch được mạnh, đó là lẽ thường. Nhưng *Binh pháp* có nói: “Người đánh giỏi trước làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng”⁽¹⁾. Cho nên cầm quân 3.000 người chống giặc năm đường, phỏng ở nơi đồng rộng đường dài, giặc đem cả nước sang đánh thì lấy gì mà chống được? Nên dùng phép hỏa tiễn chứa thuốc độc:

Trước hết sai quân đào hai rãnh ở hai bên đường, sâu 4 thước 5 tấc, dài 200 bước hoặc 100 bước hay 50 bước, giữa đường lại đào một rãnh ngang để thông hai rãnh tả hữu. Lại khiến thợ sắt đúc cái bầu sắt đường kính đáy 2 thước, đường kính miệng 2 tấc 3 phân, hoặc 100 cái, hoặc 1.000 cái, hình như quả bầu. Lại làm ống sắt dài 4 thước 3 tấc, mỗi bầu một ống. Lấy thuốc độc nạp vào trong bầu, xong rồi lại đem ống sắt cắm vào trong bầu từ miệng đến đáy. Lại lấy thuốc súng nạp vào đây ống sắt. Lại lấy viên bánh thuốc độc nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nạp lên trên bánh thuốc độc. Lại lấy mũi tên sắt 10 cái hoặc 100 cái hình

⁽¹⁾ Tôn tử, thiên IV

như ngọn mác, dùng dây gai buộc làm một bó nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên bó mũi tên. Lại lấy viên bánh thuốc độc nhét lên trên thuốc súng. Lại nạp mũi tên lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên mũi tên. Như thế 3, 4 lần, đến khi đầy ống thì thôi. Bấy giờ mới đem bầu sắt ấy để vào trong rãnh, miệng bầu hơi nghiêng trở lên, các ống đều cách nhau chừng một bước. Hai rãnh bên tả bên hữu đều đặt như thế. Rồi sau đặt máy lửa ở rãnh ngang, trên có ngòi thuốc chạy vào miệng các ống ấy để làm thế nổ liên tiếp. Lại lấy nan tre làm phen che lên trên các rãnh, phủ cát cỏ lên. Làm xong rồi, mới đi dụ giặc ra đánh nhau, giả cách thua mà chạy. Giặc thừa thế đuổi theo, đến chỗ rãnh ngang xéo phải máy lửa thì ngòi lửa cháy đến các ống mũi tên thuốc độc, thuốc súng cùng lửa đều nổ tung, dù trăm vạn quân cũng chỉ một chốc đều bị nát.

Bài thuốc bầu:

Diêm tiêu 10 lạng,
Than dầu 5 lạng,
Thạch tín 1 lạng,
Lưu hoàng 10 lạng,
Phân chó sói 2 lạng,
Hồ tiêu 2 lạng,
Dương trạch trạch, tục gọi là quả ngón vàng, 1 lạng,
Lá ngải 2 lạng,
Thiên tiên tử, tức là cà độc dược 1 lạng,

Thuốc lào 2 lạng,
Thiên hoa phấn 3 đồng cân,
Ban miêu, tức là bọ đổ đổ đầu 1 lạng,
Các vị trên tán nhỏ ra lấy nước mủ xương rồng ngâm
rồi phơi khô mà dùng.

Bài thuốc súng:

Diêm tiêu 6 lạng,
Lưu hoàng 5 đồng cân.

Bài bánh thuốc độc:

Diêm tiêu 7 lạng 2 đồng cân, lưu hoàng 5 đồng 8 phân,
Than dẫu 1 lạng. Nhựa thông 1 lạng, Băng phiến
5 đồng cân. Vôi 1 lạng, Nhọ nổi 5 đồng cân 3 ly.

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa thông nấu
tan ra, rồi cho các vị thuốc vào, đo miệng ống mà nặn
thành bánh, như bánh hương hoàn.

PHÉP LÀM SÚNG GỖ.

Phàm súng đồng súng gang, người đời dễ biết,
còn phép làm súng gỗ, chưa ai biết cả. Người làm tướng
không nên không xét mà dùng.

Sai thợ mộc lấy gỗ rất bền làm thành hình súng,
thành rất dày, lòng rất rộng. Phần sau ống súng ước độ
1 thước thì trong lòng để nguyên. Bèn xẻ dọc ra làm hai
mảnh. Lại lấy các thứ vôi, phân voi, mật, đất thó hòa
lẫn với nhau đem bôi vào lòng súng, cốt cho trơn, xong
rồi ghép hai mảnh lại thành một khẩu súng. Lại lấy
vôi, nhựa trám, nhựa thông, mật, hòa lẫn nhau gắn vào
chỗ hai mảnh ghép nhau, rồi lấy dây sắt cuộn đánh dai

thân súng lại cho chắc chắn. Lại xoi một lỗ cho ngòi thuốc vào. Nhồi đạn và thuốc súng vào để bắn, không khác gì súng đồng súng gang.

PHÉP ĐỐT ĐUỐC TRƯỚC GIÓ.

Phàm đánh trận ban đêm phải có đèn đuốc. Nếu gặp lúc gió lớn mưa to thì làm thế nào mà đốt đuốc được? Cho nên tiên công làm phép đốt đuốc rất thần diệu. Phàm đánh trận ban đêm dẫu gặp gió bão mưa trút cũng vẫn sáng trưng, không lo tắt nữa.

Bài làm thuốc thần:

Sơn khô 2 lạng, sao qua,
Lưu hoàng 2 lạng,
Lịch thanh, tức nhựa trám 2 lạng,
Sáp ong 2 lạng,
Diêm tiêu 2 lạng,
Bột đậu đen 2 lạng,

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa trám nấu chảy ra cho các vị thuốc vào, lấy vải nặn thành thoi dài để vào trong ống tre, đốt ở trước gió không tắt.

*

Kiểm Trai nói: Cách làm đèn phi thiên ngày nay cũng vẫn nên cùng dùng với đuốc này.

PHÉP LÀM ĐÈN PHI THIÊN.

Lấy giấy trắng làm lòng đèn hình như cái gàu múc nước, cao 2 thước, trên nhọn mà kín, dưới tròn mà

rỗng, bề ngang hơn 1 thước, dưới đáy có vòng tròn bằng tre; lấy dây sắt buộc như chữ thập, lấy một mớ bắc đèn tẩm dầu buộc vào chỗ dây sắt chữ thập mà đốt thì lửa đèn sinh ra gió đèn bay lên trời, theo chiều gió mà đi, sáng khắp cả bốn bề. Làm nhiều đèn ấy đốt thả lên càng tốt. Khôn khéo biết là đường nào!

*

Các bí pháp hỏa công trên này cộng 9 điều, thực là trí diệu của cổ nhân, người học nên để lòng học thuộc.

THIÊN THỦY CHIẾN

Cao Chiêu Dương bàn rằng: Nước là có từ thuở hồng mông⁽¹⁾, do khí của trời sinh ra, cho nên bảo rằng sức nó khỏe mà đi thuận chiều, người nhờ nó để sống mà nó cũng giết người, có thể chở vật mà cũng có thể lật chìm vật, từ trên cao mà chảy xuống, mạnh không cái gì bằng. Cho nên người xưa dùng nước vào việc binh, công dụng không thể kể hết. Như Hoàng đế làm thuyền, Hàn Tín theo đó mà làm chum gỗ, Chu Du theo đó mà lập thủy trận; bao cát túi cát của Gia Cát, long thuyền hải nhạc⁽²⁾ của Vũ Mục, tàu chiến bọc sắt của Văn Long, voi voi, cọc gỗ của Hồng Vũ. Nay Lộc Khê làm các phép thủy vông thủy lôi, Triệu Diễn làm thủy long thủy nổ, đều theo phép đời xưa mà biến hóa

⁽¹⁾ Thuở mới sinh ra trời đất.

⁽²⁾ Dây thùng rỗng và núi trong biển

thôi. Xem như thế thì thủy chiến rất nhiều phương pháp, cốt mình khéo dùng. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “Vận dụng khéo ở một lòng, ngồi trong màn trướng mà quyết thắng ở nghìn dặm” há chẳng đúng sao. Còn như thư sinh non mặt, tướng hèn tối dạ, khư khư câu nệ không biết biến thông, chỉ biết nước làm tắt được lửa, gió động sinh ra sóng, mà không biết cái lẽ lửa chế được nước, không gió cũng sóng, có khác gì ngồi đáy giếng xem trời, lấy hến đong nước biển, cũng như Triệu Quát⁽¹⁾ chỉ biết đọc sách của cha mà không biết thông biến, những người như thế thực là đáng thương. Cho nên tôi lược cử mấy điều biên chép thành tập này, để các bậc quân tử sau này ai học binh thư sẽ theo thời thông biến, chớ như người đánh dấu mạn thuyền tìm gươm, thế thì binh pháp của Lộc Khê may ra khỏi sai lầm.

Lê Thủ Chân nói: Tính nước mềm mà không yếu, khỏe mà không cứng, có lúc thì trắng soi trong vắt, có lúc thì nổi sóng âm âm, chặn lại thì lên núi, chảy xuôi thì về biển. *Mạnh tử* nói: “Như nước chảy xuống chỗ thấp, không ai ngăn được”. Đây là tính của nước. Ngụy Võ hầu nói: “Núi sông vững bền, tốt lắm, đây là của báu của nước Ngụy”. Ngô hầu nói: “Ta có sông Trường Giang rất hiểm”. Tuy nói như thế cũng

⁽¹⁾ Triệu Quát: Tướng nước Triệu thời Chiến Quốc, dùng binh chỉ theo sách học, không biết thông biến, đánh nhau với Bạch Khởi tướng Tần, bị Bạch Khởi chôn sống bốn mươi vạn quân..

là khá đầy, nhưng chưa bằng nhân chỗ hiểm mà đặt hiểm, đã tinh lại cầu cho tinh thêm, trong dầu nhân thế mà phóng lửa, trên gấm theo khổ mà thêm hoa, lại càng tốt hơn. Cho nên đóng cọc lòng sông, gài nỏ góc biển, lại vững chắc hơn, đặt thủy lôi đáy nước, đặt tên ngấm trong sông, lại càng hiểm lạ, há chẳng tốt sao? Lại xem như lúc Hán Quang Vũ thua trận chạy đến sông Ô Đà, may mà băng đóng nên qua sông được, nếu băng không đóng thì làm thế nào? Cho nên đặt làm cầu phao trăm cấp. Thục Tiên chúa khi phi ngựa qua suối Đàn Khê, nếu ngựa không nhảy sang thì làm thế nào? Cho nên làm ra phép chum đan để lội sông. Những bí pháp như các điều ấy, nếu không phải là người trí khôn cướp cơ tạo hóa thì làm thế nào được! Cho nên các phép của tiên công, so với cổ nhân tới sông đánh thủy, gặp nước bắc cầu cũng chẳng kém đâu. Học giả nên kính cần mà học.

PHÉP LẤY NƯỚC NGỌT TRONG BIỂN

Phàm trí tướng dùng binh, trong lúc thủy chiến thống suất hàng nghìn chiến hạm, muôn đội hùng binh, vượt biển mà đánh giặc, nhớ ra trong quân thiếu nước ngọt thì làm thế nào? Cho nên có phép lấy nước ngọt trong biển:

Trước hết sai thợ mộc đóng một cái thùng to, cao độ 5 thước, bề to sao cho xứng, chu vi kiên cố, nước không rỉ được. Đục 5, 6 lỗ nhỏ ở đáy thùng, lấy vải trắng lụa mới trải ở đáy thùng phía trên lỗ. Xong

rồi mới ra bãi cát ven biển đào một hốc to, thấy nước trong chảy ra, uống thấy ngọt thì lấy cát chỗ ấy chứa vào trong thùng, chừa trên miệng thùng nửa thước. Lại làm một cái chậu gỗ cao ước 1 thước to bằng miệng cái thùng kia, đem chậu ấy để dưới thùng, rồi đổ cả vào trong thuyền. Đến khi qua biển, sai quân múc nước biển dội vào trong thùng gỗ lên trên cát; nên cho nước biển chảy dần dần xuống, chớ cho chảy mạnh, làm như cách lọc nước; như thế thì nước biển thấm xuống đáy thùng mà gạn vào chậu, tự mất vị mặn mà thành vị ngọt, không khác gì nước giếng, dùng để giải khát cho ba quân, lo gì trong biển không có nước uống!

PHÉP PHÁ XÍCH SẮT.

Khi chiến thuyền ta vào giang phận của giặc, bỗng gặp giặc dùng dây sắt chần sông thì làm thế nào? Người làm tướng ngày thường nên sai thợ sắt đúc một cái thiết đề, miệng ngang rộng 2 thước, cán gỗ dài 3 thước, để ở trong chiến hạm. Khi gặp có xích sắt chần sông thì lấy ba vị là diêm tiêu, lưu hoàng, nao sa cùng với than gỗ phóng vào trong thiết đề, thổi lửa nấu cho đỏ rực lên, đem đến chỗ xích sắt mà đốt, chốc lát xích sắt đỏ ra thì lấy búa lớn mà chặt, xích sắt phải gãy, thuyền ta thẳng tới như đi trên đất bằng, không ai ngăn được. Đây là nghĩa hoả khắc kim, trí tướng nên biết trước điều ấy.

PHÉP ĐẶT TÊN NGẦM DƯỚI NƯỚC.

Dùng cần tre cứng 100 cái hay 50 cái, mỗi cần dùng một ống tre dài 1 thước 5 tấc, trên có lỗ thông, dưới để mắt, dưới mắt để gióng thừa, đục một lỗ chênh chênh cắm đầu cần vào. Xong rồi, do lỗ thông ở đầu mỗi ống đều nạp tên thuốc độc cho đầy ống. Bao nhiêu cần tre đều làm như thế. Khi gần đánh nhau xét trước cửa sông chỗ nào là đường thuyền giặc đi qua thì đem cần cắm xuống nước hai bên cửa sông. Mỗi đầu cần buộc một sợi dây gai, đuôi dây các cần buộc túm lại làm một nắm dây to, đầu nắm dây to ấy buộc ngang vào một cái gỗ dài 4,5 tấc như hình chân gà, rồi đem nắm dây to ấy kéo ghì vào sau bờ sông, như thế thì các cần tre đều cong lên như hình cung mà các tên thì hướng trở lên. Hai bên đều thế. Lại do chính giữa cần tre ở phía ngoài cắm một cái cột ngắn ngầm dưới nước, đầu cột ấy làm cho bằng, kéo đầu nắm dây to chân gà để lên trên đầu cột ấy, lấy hòn đá lớn mà chặn, liệu chừng cho các cần tre đều cong thì tốt. Hai bên tả hữu đều thế. Lại lấy một sợi gai buộc một hòn đá lớn ở bên tả, buộc liền với một hòn ở bên hữu mà chắn ngang lòng sông, chính giữa dây gai chắn ngang ấy lại buộc một cái neo đá với những ống phao nhỏ, liệu chừng cho lênh bênh theo sóng, nửa chìm nửa nổi thì tốt. Nếu thuyền giặc chợt đến, theo dòng nước tiến thẳng vào sông, thì mái chèo động vào dây chắn ngang sông, máy đá hai bên rơi xuống thì dây chân gà tuột ra, các cần

tre đều bật lên mà tên ở các ống đều bắn theo nhau về một hướng.

PHÉP ĐÓNG CỌC LÒNG SÔNG.

Kiểm Trai xét: Đời chúa Nguyễn dùng cách này của Lộc Khê bắt được quân của tướng Trịnh là Gia quận công.

Cơ giữ nước tất lấy sông lớn làm hiểm. Song có sông lớn mà không chuẩn bị thì giữ thế nào? Cho nên đóng cọc lòng sông để ngăn bắt thuyền giặc, công hiệu gấp mười xích sắt chắn sông.

Nên sai ba quân chuẩn bị cột gỗ độ 200 cái⁽¹⁾ cũng được, đem đến cửa sông cắm xuống nước, xa gần so le, dài ngắn không đều, hình như răng chó cài nhau, để ngấm dưới mặt nước không cho lộ thấy. Thuyền giặc tiến đến thì tất bị cọc gỗ ngăn trở, dù thuyền nhẹ buồm gió tốt, ra sức mà chèo, cũng không đi được một bước.

PHÉP DÙNG CHUM TRE CHO QUÂN SANG SÔNG⁽²⁾

Khi trí tướng đem quân đi ngấm đánh úp quân giặc, nếu gặp sông hồ ngăn trở, lại không có thuyền ghe thì làm thế nào? Vẫn phải làm những cái chum bưng

⁽¹⁾ Trần Quốc Tuấn đánh quân Nguyên chôn hàng vạn cọc ở lòng sông Bạch Đằng.

⁽²⁾ So với mộc anh (chum gỗ) của Hàn Tín ở Bình thư yếu lược

to miệng nhỏ, lấy nan tre vót mỏng đan thành hình chum và lại lấy vải gai tẩm dầu cùng giấy dầu và sơn bồi ngoài chum, đút nút miệng chum lại, rồi dùng ống tre khô buộc kèm vào hai bên chum, lâm thời thì thả xuống sông, hai nách cặp mà bơi, ba quân có thể qua sông được, còn sợ gì nữa.

CÁCH LẤY NƯỚC LÊN NÚI.

Phàm nước chảy xuống chỗ thấp là lẽ thường, nhưng đập cho nó bắn lên thì có thể qua đầu, lấp để tức nó thì có thể lên núi. Cho nên người trí có thể làm trái cơ của tạo hóa, làm ngược tính của ngũ hành, đều có phép diệu. Ví như quân đóng ở gò cao, nước ở ngòi sâu, hay là rút quân đóng đồn ở ruộng cao, mà nước thì ở dưới thấp, thế thì dùng ống tre mà hút nước, nước tự tung lên.

Cách làm: Lấy tre làm ống dài 30 thước, hoặc 50 thước, đục bỏ các mắt đi, lại làm ống ngắn bằng nửa ống dài. Chỗ đầu hai ống giáp nhau thì cưa chéo đi. Lại đục cho hai ống ngắn cắm vào đầu ống hợp vào như hình chữ bát (八). Lại lấy vải tẩm nhựa trám bồi vào mười lần cho kín. Sau làm một cái thùng to, vuông hay tròn cũng được, giữa đáy thùng đục một lỗ, đem ống dài cắm vào lỗ ấy cho vào trong thùng độ 2 thước, lại lấy vải tẩm nhựa trám bồi cho kín để đợi dùng. Khi dùng thì lấy nút bịt kín miệng ống ngắn lại, sai người khỏe đem cái thùng ấy úp xuống đáy nước, lấy đá chặn lên không cho nghiêng lệch, rồi mới tháo bỏ cái nút ở đầu

ống ra, nước tự nhiên vọt lên (Lại có một bản chép rằng dùng nan tre đan thành một cái bình hình như quả bầu to, bôi bằng giấy dầu, dưới đáy chứa một lỗ lớn, đem ống tre dài luồn vào đáy chừng 2 thước, lấy vải nhựa trám mà bôi cho kín để dọi dùng.

PHÉP LÀM CẦU PHAO TRĂM CẤP.

Quân sấm⁽¹⁾ nói: Gặp núi mở đường, gặp sông bắc cầu. Nếu qua sông không có cầu thì làm sao qua được? Cho nên dùng phép bắc cầu phao là diệu lắm.

Cách làm: Dùng ống tre đóng một cái khung hình vuông chữ nhật () dài 8 thước, ngang 5 thước, trong khung ấy cũng dùng ống tre xếp thẳng liền nhau, lại dùng then tre nhỏ xuyên ngang cho đầy khung, lấy dây mây buộc cho chắc chắn. Ở dưới khung, bên tả treo ba cái bong bóng to, bên hữu cũng treo ba cái bong bóng to. Hai bên đầu khung trừ ống tre chừng hơn 5 tấc, đục ngang một lỗ, tả hữu đối nhau, đây là cấp thứ nhất. Cấp thứ hai thứ ba đến thứ một trăm cũng làm như thế. Lại đặt ống dư của cấp thứ hai giáp với ống dư của cấp thứ nhất, ống dư kia ở ngoài ống dư này, ống dư này ở trong ống dư kia, lấy đinh sắt tròn to bằng ngón tay đóng suốt hai ống với nhau, chỗ đầu dư đục lỗ ngang làm chốt, lỗ tả xuyên sang hữu, lỗ hữu xuyên sang tả. Từ cấp thứ nhất đến cấp một trăm đều làm như thế. Lúc để ở

⁽¹⁾ Lời ca sấm về việc binh.

quân dinh thì cấp thứ nhất để xuôi, cấp thứ hai lật ngược, cấp thứ ba lật xuôi, cấp thứ tư lật ngược, một cấp xuôi một cấp ngược, cứ thế mà để. Đến lúc dùng thì theo thứ tự ấy mà bỏ xuống nước, trăm vạn quân cũng sang sông được cả.

PHÉP LÀM VOI VÔI NỔI SÓNG.

Phàm binh cơ có giấu có phục. Cho nên người trí tướng trong khi thủy chiến, làm phép voi vôi nổi sóng phá giặc dễ như trở bàn tay. Xét vôi dầu không chế được nước, mà nước lại khắc vôi, cổ nhân làm trận voi vôi là bởi cơ ấy. Trận voi như trận nhận, hình chữ nhất (—). Voi thì đan bằng trúc, vôi ngang trở lên. Lại lấy vải tằm nhựa trám cùng giấy dầu sơn khô bôi vào thân voi 7,8 lần, rất kỹ. Rồi lấy 1.000 cân vôi tán làm bột, nạp vào bụng voi, vôi và cỏ làm nút nút lại. Chân voi thì buộc đá to vào. Xong rồi buộc hai voi làm một, hoặc 30 voi, hoặc 50 voi để đợi khi dùng. Phàm thấy giặc đem thủy binh đến xâm lược ta, ta lập tức đem voi vôi đặt ở trên bè, trên thuyền, dựng cờ nhử giặc, trong cờ có viết lời phản gián. Xong rồi ta đánh nhau với giặc. Giặc thấy cờ có lời phản gián, tranh đến cướp lấy. Ta sai ngay quân đùn những voi vôi ấy xuống nước, tháo bỏ cái nút ở vôi voi ra, nước vào bụng voi, vôi và nước khắc nhau hóa làm sóng dữ, hơi độc xông lên, giặc hoảng hốt rồi hoạn, quân ta thừa thế đánh ngay, tất là phá tan được giặc.

PHÉP ĐẶT THỦY LÔI DƯỚI NƯỚC.

Phàm trí tướng dùng binh, phép phục địa lôi đã có, còn thuật phục thủy lôi dưới nước thì chưa thấy có. Cho nên đặt ra phép này, hoặc dụ giặc vào chỗ biển hồ sông ngòi hiểm trở mà đánh, há chẳng thành công hay sao?

Phép làm: Trước hết sai thợ mộc làm hai cái hòm gỗ, mỗi cái cao 5 thước, dài 6 thước, ngang 1 thước 5 tấc, chia làm năm tầng, rồi hợp lại làm một càng tốt. Tầng trên dùng dùi thau nhỏ và mảnh tre rỗng làm máy phát động, trên máy ấy treo dao sắt như hình lá vả, dưới máy để đá lửa cùng thuốc súng, ngòi và các thứ để đốt. Tầng thứ hai để 12 súng gang, mỗi khẩu dài 5 tấc, hình như ống tre, đều bằng gang mỏng. Lại làm nút sắt 5 phân vụn tròn óc. Khi lòng súng đã nhồi thuốc xong rồi, lấy nút sắt lấp kín cho kín miệng súng lại. Lại xuyên lỗ nhỏ để đặt ngòi. Làm thế xong rồi, bèn đặt ngang ở tầng thứ hai. Rồi lại nhồi thuốc súng vào khoảng các súng để tiện cho ngòi thuốc thẩu vào. Đến tầng thứ ba cũng thế. Còn tầng thứ tư lại dùng hai cái bầu gang, trong chứa thuốc súng như cách làm hỏa cầu, ngoài bầu lấy rơm cùng nhựa trám bao lại, rồi lấy dây sắt mà buộc cho chặt. Đến tầng thứ năm thì chứa các thứ giấy bồi và bông để phòng hơi nước. Lại dùng dây thau, lấy đầu nấu cho rất mềm rồi đem buộc vào chính giữa máy. Lại xuyên lỗ nhỏ ở các tầng để luồn dây thau xuống dưới đáy hòm. Khi dùng hòm thì từ máy đá trở xuống xuyên liền cả bốn tầng để

ngồi thuốc đi qua suốt cả. Làm như thế xong, dùng một cái ống nhỏ dài 2 tấc ngang 3 phân tiếp vào bên ngoài đáy hòm, khiến dây thau nhỏ qua ống ấy thò xuống, buộc một hòn sắt. Chỗ dưới ống ấy lấy vải sơn bọc lại cho kín. Lại lấy mỡ cá heo cùng mỡ rái cá bôi vào. Lại lấy đinh sắt to đóng móc cho các tầng giáp nhau. Lại dùng dây sắt vuông bốn sợi bao cả trên dưới hòm ấy; lại dùng dây mây mà quấn. Ngoài dây sắt và bì hòm đều sơn đen và bao bằng vải trắng cùng giấy Vĩnh Thọ phết nhựa trám, khiến nước không thấm vào được. Rồi sau lại dùng dây tạm làm đai hòm, buộc hòn sắt vào hòm cho khỏi động đây làm rơi máy đá. Đáy hòm lại buộc hai sợi dây gai to, đầu hai sợi lại hợp làm một để đội dùng. Lại đeo bong bóng to ở bốn góc đáy hòm, liệu khi đặt trong nước thì nửa chìm nửa nổi là tốt. Làm như thế xong rồi, bèn đến cửa biển, cắm hai cột gỗ rần làm chỗ cho hòm tựa, cách mặt nước một thước rưỡi, không cho hở ra. Bèn đem hòm ấy đặt xuống nước tựa vào hai cột. Lại cắm bốn cái cột gỗ ngắn để làm giá, rồi đem hòm để trên bốn cột ấy. Trước hòm cắm hai cây cồng, đầu có bánh xe như kiểu ròng rọc. Ngoài cây ấy lại cắm một cái cột to ước thấp hơn cột có bánh xe 2 thước, đầu cột làm bằng, đặt một hòn đá to nặng độ nghìn trăm cân. Bèn lấy hai đầu dây hợp làm một ở đáy hòm đặt trên bánh xe và buộc vào hòn đá lớn làm máy. Hai bên bờ sông đều làm như thế. Rồi sau lấy dây gai nhỏ buộc bên tả bên hữu để chằng ngang qua sông và buộc vào máy đá. Làm như thế xong rồi mới cắt cái dây tạm làm đai hòm, từ từ thả những

hòn sắt ra mà buông xuống đáy nước thì tự nhiên yên ổn, không sợ chạy chệch đi chỗ khác. Nếu thuyền giặc chột đến, mái chèo động vào dây nhỏ chằng ngang sông, dây động thì hòn đá lớn lăn xuống, đá rơi xuống đáy nước thì các hòm thủy lôi nổi lên mặt nước, mà hòn sắt và dây thau chìm xuống, máy đá lửa ở trong hòm phát động thì ngòi thuốc cháy xuống các tầng, thế lửa bùng lên, sắt đá tung ra mà giặc bị cháy hết. Chính là “Muôn khoảnh thần long ngậm đáy nước, mấy đoàn quân giặc chết trong sông”.

Lại dặn rằng: Hòm thủy lôi này các tầng dưới dùi lỗ nhỏ đặt dây thau, buộc hòn sắt, cũng là việc móc các tầng bằng đinh lớn và các việc khác làm xong rồi, mới làm máy đá ở tầng trên, nhất thiết không được lay động, sợ máy đá rơi sớm thì tổn thương quân lính. Người trí tướng nên để ý làm cho cẩn thận, và đừng để tiết lậu phép diệu ấy.

Bài thuốc nạp súng nhỏ trong thủy lôi:

Diêm tiêu 10 lạng, Lưu hoàng 1 lạng 5 phân.
Than dẫu 5 đồng cân.

Bài thuốc nạp vào hai bầu trong thủy lôi:

Diêm tiêu 10 lạng, Lưu hoàng 5 đồng cân, Than đen 5 đồng cân, Đồng thanh 2 đồng 3 phân, Thạch châu sa 8 phân, Thạch tín 6 phân, Nao sa 8 phân.

Bài thuốc ngòi:

Diêm tiêu 6 lạng, Lưu hoàng 5 phân,
Than dẫu 1 đồng cân

Các kỳ phương thủy chiến trên này cộng 9 điều, thực là quỷ thần không lường được. Người học binh pháp nên hết lòng mà học kỹ lấy.

Kiểm Trai xét: Năm Quang Hưng đời Lê Thế tôn, tiên công tôi là Nghĩa Lộc hầu, con Bảng quận công, theo đại vương Nguyễn Hoàng đi đánh giặc Mạc ở Hải Dương, đại vương sai ông đem ba chiến thuyền lớn đi tiên phong. Họ Mạc đem vài nghìn hải phủ đi vài trăm chiếc thuyền nhỏ xông lại khiêu chiến. Bọn ông là Đào Duy Từ⁽¹⁾ bảo ông đem ngay tre nửa rơm rạ đóng làm bè to, thả ngang giữa sông, rồi thuyền ta đem súng lớn bắn theo. Thuyền giặc tới bị bè挡住 trước ngăn trở, không xông lại được, bị súng của ta bắn chìm, thua chạy. Ông vì có công thắng trận ấy được phong hầu. Bèn tiến Duy Từ cho đại vương. Duy Từ giúp đại vương làm nên bá nghiệp ở cõi Nam⁽²⁾ làm khai quốc công thần, phong Lộc Khê hầu. Mới làm sách này để dạy Chiêu Vũ, Chiêu Vũ cũng thành công thần. Việc này dấu chỉ là việc chế biến một thời, nhưng không đánh mà người phải khuất phục, chính là việc của Lộc Khê⁽³⁾. Nhân phụ chép vào thiên thủy chiến này, cũng đủ thấy là Lộc Khê biết dùng binh.

⁽¹⁾ Sách chép là Đào Sĩ Từ người Hải Dương

⁽²⁾ Bỏ hai mục: “Phép đeo bùa gỗ vòng ra trận” và “Bùa hổ oai hộ mệnh” có tính chất mê tín

⁽³⁾ Điều này có khác tiểu sử của Đào Duy Từ chép trong *Liệt truyện tiền biên*.

THIÊN BỘ CHIẾN

Cao Chiêu Dương nói: Điều cốt yếu về bộ chiến có 10 điều:

Một là từ chỗ cao trông xuống có thể đánh được.

Hai là lập trại đóng dinh, phải chiếm địa lợi trước.

Ba là ở đồng bằng nội rộng thì chiếm lấy đầu gió.

Bốn là ở cửa thung lũng rừng sâu thì ra kỳ đặt phục.

Năm là ở bãi cát sông chằm, thì quay lưng về nước mà nhử giặc.

Sáu là ở gò cao bằng sáng thì cướp trước đường lấy nước.

Bảy là hai bên bày trận tương đương thì cần nghiêm chỉnh trước.

Tám là giặc ở núi cao thì ngăn chặn đường nước.

Chín là giữ trước giữa bụng để chia thế giặc.

Mười là giặc tự xa đến thì cắt đứt đường lương.

Mười điều cốt yếu ấy, người trí giả liệu tính. Nếu giặc ở núi cao thì ta lấp nguồn suối; nếu giặc ở đồng rộng thì ta nắm bên dò, đã chẹt cổ họng, lại đánh ở đầu, khiến thế giặc chia đôi, đầu đuôi không cứu nhau được. Bấy giờ lấy mưu mà bắt, dễ như chẻ tre. Cho nên *Binh pháp* nói “trước làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng”, lời ấy thực đúng. Dẫu vậy, phương pháp cũng nhiều, nếu không có phương pháp làm sao đánh được giặc! Cho nên người xưa đắp lũy xây thành, sửa quách đào hào, để giữ bên trong, chiến xa, nhung xa, hỏa xa để giữ bên ngoài,

phương pháp cũng kỹ càng chu đáo rồi. Nhưng chính lệnh thắt nút dây⁽¹⁾ không thể giải quyết được việc rời ren đời Tần; nghệ thuật múa giáo mộc⁽²⁾ không thể giải vây được trận Bình Thành⁽³⁾. Là vì thời thế thay đổi, xưa nay khác nhau. Cho nên chư công⁽⁴⁾ đem hết sức thần, tạo nên các phép xe kiếm, luỹ sắt, xe súng bắn liên, ống tên ngấm kín, thực là phát thần cơ của trời đất, tiết cốt tuỷ của hiền nhân, khiến cho người đời mắt thấy cơ mưu tinh diệu mà tự nhiên vui mừng múa tay múa chân lên.

Lê Thủ Chân nói: Đời xưa dùng binh cũng nhiều phương pháp, nhưng thế chẳng qua là hùng binh dùng tướng mà thôi, toàn là nhờ cờ xí che kín một trời, gươm giáo như sương lấm liệt: nếu đến đồng bằng nội rộng thì bày thành thế trận, gập chỗ núi sâu hang cùng thì đặt phục đặt kỳ, đây là lẽ thường, chưa nghe có thần cơ bí pháp gì. Đến khi nghe mấy phép lạ như phép bắn một phát mười tên nỏ của Ngọa Long⁽⁵⁾, phép súng đồng hỏa lôi của Lưu Bá Ôn, ta đã phải than rằng: Dẫu trận

⁽¹⁾ Thắt nút dây: Khi chưa có văn tự, thắt nút dây để ghi nhớ công việc

⁽²⁾ Múa giáo mộc; Vua Thuấn đánh họ Hữu Miêu, múa giáo mộc ở thêm mà Hữu Miêu phục

⁽³⁾ Bình Thành: Hung Nô vây Hán Cao tổ ở Bình Thành 7 ngày, Cao tổ dùng mưu kế mới giải vây được. Bình Thành tức là Bạch đằng thành (ở núi Bạch Đằng) thuộc địa phận huyện Đại đồng tỉnh Sơn Tây

⁽⁴⁾ Chư công: Chỉ các ông Lộc Khê, Triệu Diên...

⁽⁵⁾ Tức Gia Cát Lượng

rất dài cuốn đất cũng chẳng đổi dịch nổi dây sắt đạn lửa. Đến như muôn đội hùm beo phục ở khoảng hang núi thì chưa bằng một người có thể bắn được vài mươi tên thuốc độc. Trải đến triều ta, anh hùng lữ lượt, thi thố kỳ tài như các phép mọc pháo thần lôi làm gãy chân tối mắt của Lộc Khê tiên sinh, các phép phục địa, phục tiên, súng máy bắn liên của Bảo Thúc tiên sinh, các phép xe gươm súng máy của Cao Toàn tiên sinh, càng là huyền diệu, xem các phép ấy, kém gì cổ nhân! Cho nên tiên sinh ta nói: “Bắc thư nhược ngộ chinh tru nhật, bất quý hồ đa chỉ quý tinh” (sách báu này dùng khi đánh giặc, chẳng cần binh lắm cốt dùng tinh), lời nói ấy thực đáng tin vậy.

PHÉP THẦN CƠ ĐÁP LŨY TẠM.

Phàm người đánh giỏi động ở trên chín tầng trời, người giữ giỏi giấu ở dưới chín tầng đất. Nếu đến chỗ đông rộng đường xa, vội vàng chưa có thành lũy, thì giữ làm sao được? Chẳng gì bằng hãy làm lũy tạm mà thôi.

Cách làm: Bốn bề đều dùng gỗ to làm cột, cắm ở bên ngoài, mỗi cột cao hơn 10 thước, cách nhau 1 thước, lại đặt cây ngang ở khoảng giữa cho chắc, rồi dùng cây chuối đặt bên ngoài, lớp lớp nối nhau, san sát liền nhau, cao hơn 10 thước, dày hơn 1 thước rưỡi. Như hình cái lũy. Lại lấy dây mây buộc lại cho chắc. Đó là lũy trong. Lại lấy sọt tre dựng đất xếp liền nhau cao bằng cây chuối để làm lũy giữa. Lại lấy gỗ dài nhon 10 cây xâu liền các cây chuối sát nhau như ngón tay, mỗi một

cây chuối cao 11 thước 5 tấc, trừ 1 thước 5 tấc không kể, còn 10 thước thì mỗi thước xâu cây gỗ dài ấy làm như hình bức tường. Lại sai quân lính khai rãnh ở ngoài các sọt đất sâu 1 thước 5 tấc, rộng 1 thước, rồi đem những cây chuối ấy trồng xuống, như hình cái thành để làm lũy ngoài. Lại lấy đao gươm chông đánh cắm lên trên cây chuối. Lại dùng súng gỗ, hỏa cầu, đặt liền ở trên lũy trong bằng sọt đất. Rồi mới sai quân lính cất lượt tuần giữ để phòng hỏa chiến hỏa công. Lũy tạm làm như thế, dầu giặc dùng súng lớn dây sắt đến đánh cũng không phá được.

PHÉP XE SÚNG BẮN LIỀN.

Tôi hỏi thầy rằng: “Phàm có thể lấy ít thắng nhiều, lấy yếu địch mạnh, lấy nhỏ chế lớn, mới gọi là đánh giỏi. Nếu đương chỗ đường dài nội rộng, chiến kỳ đã gần, mà giặc đem quân trăm vạn chập núi đầy nội kéo đến, ta thì quân ít thế yếu, vội vàng chưa có phòng bị và đặt phục dùng kỹ thì làm thế nào?” Thầy nói: “Phàm quân giặc tự xa xông pha gió sương mà đến, thế hẳn nhọc mệt. Ta đem ngay phép xe súng mà chế thì dễ như trở bàn tay, có sợ gì đâu”. - Tôi nói: “Xin được nghe đại lược phép ấy”. Thầy nói: “Xe ấy có sáu bánh, từ trước đến sau cộng 7 thước, ngang 10 thước, ở giữa lát ván, trước xe dựng vững 20 cái cột ngắn, mỗi cột cao 1 thước 5 tấc, làm hình chữ thập. Lại chia ngang một xe làm hai ngăn, mỗi ngăn mười cột, sau mỗi cột đặt một cái ghế cao 1 thước 3 tấc. Xong rồi sai thợ đục 2 hòm

sắt, hình như cái quạt, mỗi hòm rồi sai thợ đúc 2 hòm sắt, hình như cái quạt, mỗi hòm dày 3 phân, dài 4 thước, rộng 1 thước, chia làm hai phần nắp và đáy; trên nắp chính giữa đục một lỗ tròn to hơn 1 tấc, liệu sao tăng nắp trên đáy vào tăng đáy dưới mà giáp nhau chính giữa thì tốt. Mặt trước hòm ở giữa chỗ nắp đáy giáp nhau đục 10 lỗ vuông, mỗi lỗ 1 tấc 3 phân, liệu nửa lỗ ở phần nắp cùng nửa lỗ ở phần đáy hợp lại thành một lỗ thì khéo. Lại đúc cho mỗi hòm 10 cái súng sắt vuông, mỗi súng dài 4 thước, to 1 tấc 2 phân, hình vuông lòng tròn. Trước mặt hòm, mỗi lỗ xỏ một súng thẳng đến mặt sau của hòm. Liệu đặt các súng ấy cho lỗ phát hỏa liền nhau một hàng mới được. Lại lấy sắt như đinh nhét vào chỗ giữa súng nọ súng kia giáp nhau, khiến những miếng sắt cùng các súng bằng nhau thì tốt. Rồi sau đem hai hòm sắt ấy đặt lên trên hai ghế, mỗi súng gác miệng vào trên cột chữ thập. Nạp thuốc đạn, mỗi súng một liều thuốc 2 viên đạn sắt, nạp xong lại nhét thuốc súng vào chỗ lỗ phát hỏa của các súng. Đem hòm đáy kín lại, đẩy xe tiến thẳng đến trước mặt quân giặc, lấy dây lửa đốt ở lỗ trên nắp cháy thông vào trong lỗ, lỗ hỏa của súng cháy suốt và ở trong lòng súng thì tự nhiên súng nổ tung đạn ra.

Xem cách làm xe này một xe 20 súng bắn, ở chỗ đồng rộng bất quá 10 xe thì dầu giặc có trăm vạn quân, bắn một phát cũng chết hết.

Kiểm Trai xét: Hai phép trên này thực có hiệu nghiệm. Trước tiên công tôi là Kết quận công ở đầu đời

Quang Thiệu Lê Chiêu tôn theo quân vua đi đánh nguy chúa là Trần Thăng ở Lạng Sơn. Tương truyền rằng lúc ấy giặc mộ quân thổ phỉ dùng cảm vài trăm kéo đến để liều chết đánh mà quân của đều là con em thành thị không đầy 500 người. Ông bèn sai tỳ tướng sờ trên ngực quân lính xem người nào đánh trống ngực thì cho quì xuống đất một vai vác súng sắt, một người thiện xạ đứng kèm ở bên một vai vác giáo dài, du binh thì cầm dao ngắn đứng giáp đấy, bày thành mặt trận tròn để đợi. Lúc quân giặc đến thì bị giáo dài ngăn trở, không xông vào được, quân thiện xạ đều bắn súng ra, quân giặc chết hết. Đây tuy là việc ngày xưa, mà cùng với hai phép trên này ngam ngám giống nhau, nên biên vào đây để ghi hiệu nghiệm và khen tài ứng biến.

PHÉP XE GƯƠM PHÁ GIẶC.

Phàm trí tướng hành binh, cốt vận dụng một lòng, không để tiết lậu, cho nên tiến thì như gió, dừng thì như núi, ai động đến là bị vỡ, phạm đến là bị cháy, đi đến đâu cũng vô địch. Như giặc ở trong thành cây cao hiểm, hay là ở chỗ đường dài cây sức mạnh tiến lên mà ta không phá được thì ta dùng xe gươm để đánh.

Cách làm: Xe có bốn bánh, trước sau to đều 8 thước, ngang 6 thước, khoảng giữa lát ván, hai bên dựng hai cột cao 6 thước 5 tấc, đầu cột làm hình chữ thập. Lại lấy gỗ tròn làm ống, đường kính 1 thước, gác ngang lên đầu hai cột, lấy đinh sắt đóng vào cho chặt. Lại lấy cây gỗ rắn dài 7 thước cắm vào trong ống và lấy

1 sợi dây da thắt chặt vào cái gỗ rần ở trong ống như hình cái dây khoan. Lại dùi hai lỗ ở bên cái ống luôn hai đầu dây ra cho thò xuống dưới, lấy hai cái gỗ buộc ngang như hình chữ đinh. Lại lấy hai bánh xe dày 4 tấc, mặt to 1 thước, lắp ngang vào hai đầu cái gỗ rần, dùng đinh sắt đóng lại cho chặt. Chung quanh bánh xe đều cắm dao gươm, mỗi gươm dài 1 thước 5 tấc, dùng dây sắt buộc lại thật chặt. Lại đo từ chỗ máy trong xuyên ngang ra ngoài độ 3 thước, lấy da trâu che lại. Ở ngoài da trâu lại dựng một ống cao 3 thước rưỡi, lại dùng một cái gỗ rần cắm thẳng vào trong ống, lại lấy dây da thắt lại như trên. Lại dùi một lỗ ở bên ống, đem đầu dây thừa luôn ra, lại cho xuyên qua da trâu vào đến ống ngang trong máy, đầu dây thông xuống cũng làm hình chữ thập. Ở trên cái gỗ rần của ống ngoài, lại đặt bằng 1 bánh xe mặt to 1 thước, lấy đinh sắt đóng vào, bốn bên cũng cắm dao gươm như ở trước. Liệu mũi gươm bánh xe ngang cách da trâu 8 tấc thì khéo. Sau xe lại có một cây gỗ thò ra để tiện đẩy xe lên. Trên xe che bằng da trâu như mái nhà để đỡ tên đạn. Khi dùng thì trước sai một người ngồi ở máy trong, ngoài cái ống máy ngang, trong cái da trâu, cầm cái đầu dây của ống máy thẳng mà kéo cho xoay. Lại sai một người ở đằng sau xe, trên ván lát lấy hai tay kéo hai đầu dây cho chuyển động, một tiến một lùi, một thuận một nghịch, như cách xay lúa. Như thế thì những dao gươm hai bên và mặt trước múa rối lên, giặc không dám đến gần. Ta tiến đến dưới thành, hoặc dùng hỏa công mà đốt, hoặc

dùng thang mây trèo lên, đều được như ý, lo gì thành giấc không phá nổi, hung đảng không trừ hết. Đây là phép điệu xe gươm.

PHÉP GÀI TÊN DƯỚI ĐẤT.

Phàm đánh nhau với giặc ở chỗ đồng bằng nội rộng, cổ nhân bày thành thế trận, đó là lẽ thường, chưa phải là diệu. Nay có một cách gọi là gài tên dưới đất, rất là thần kỳ. Phép lạ ấy làm sao? Lấy tre cứng làm cần, không cứ nhiều ít. Xin lấy một cần mà nói. Trên dùng một ống tre, trên thì thông miệng, dưới thì để mắt, dưới mắt khoét một lỗ chếch để cài đầu cần tre vào, xong rồi, trong ống nạp tên thuốc độc cho đầy, mỗi cần tre đều làm như thế, hoặc 50 cái hay 80 cái cũng được. Bấy giờ mới đào một cái ao như hình cái quạt, sâu nông rộng hẹp thì liệu cho vừa, đem các cần tre cắm hàng chữ nhất ở trong ao; ở đáy ao lại dùng một cây gỗ dài nhỏ làm máy, đề lên đầu các cần tre, uốn các cần tre đều cong như hình cung khiến các ống tên đều chiếu chếch lên trời. ở trên máy ấy trồng một cột gỗ, đầu cột có bánh xe. Xong rồi lấy dây gai buộc vào giữa cây ngang máy, dẫn dây vào bánh xe đầu cột như phép rồng rọc và kéo ra đằng sau. Cách hơn 30 bước, lại đào một cái lỗ tròn, đặt tám ván làm máy như phép thiên la áp trại⁽¹⁾, đem các đầu dây ấy buộc vào giữa cái máy ván, rồi lấp bằng

⁽¹⁾ Thiên la áp trại: Xem ở sau

trên mặt đất đi. Rồi đem quân khiêu chiến, giả cách thua chạy, quân giặc đuổi theo thì xéo vào chỗ ván máy, ván sập thì dây gai kéo, dây gai kéo thì máy trong ao đều rút mà các cần tre đều bật lên, tên thuốc độc ở trong các ống đều bắn tung lên, quân giặc đều chết. Cho nên *Bảo thư* nói rằng "Chinh phu hóa thành mo nang (bị gió thổi rơi)" là thế đấy.

PHÉP ỐNG TÊN GIẤU HÌNH.

Một hôm tôi hỏi bạn rằng: Trước *Ngoạ Long*⁽²⁾ có phép bắn một phá mười tên, đây là liên nổ. Nay lấy trí khôn của chúng ta mà bàn thì một phát nổ có thể bắn được mười tên không?

Bạn tôi trả lời rằng: Trí khôn của cổ nhân ta đâu dám bì. Nhưng thánh nhân có nói: Người ngu nghĩ nghìn điều hần cũng có một điều được. Nay tôi ngồi yên mà nghĩ được một phép diệu gọi là ống tên giấu hình. Phép ấy một nổ cũng có thể bắn một phát vài chục tên.

Tôi xin được biết đại lược phép ấy.

Bạn nói: Phép này nên dùng tre núi làm một cái ống dài 5 thước 5 tấc, trên đầu ống làm miệng, dưới ống để mắt, dưới mắt lại để thừa độ hơn 2 tấc. Lại đo tự chỗ mắt để trở xuống cách 1 tấc dùi ngang một lỗ. Lại đo tự lỗ ấy trở xuống 1 tấc, nửa trên để vậy, nửa dưới cắt hai bên đi, chỗ cắt thì đóng hai cái danh thau như hình chữ nhị (=) Xong rồi, bèn làm một cái nổ to thật khỏe, trước

⁽²⁾ Gia Cát Lượng

lấy dây nỏ buộc vào đầu cánh bên tả của nỏ, dây dư thì luôn qua lỗ ngang dưới ống tên, rồi đem dây buộc sang cánh bên hữu của nỏ. Xong rồi, làm một cái giá gỗ giống như hình chữ nhật (), giữa giá dựng một cái cột cao 1 thước 1 tấc, có bốn bánh xe để tiện xoay chuyển mà bắn. Lúc dùng thì đem nỏ ấy để lên đầu cột ở giữa cái giá, lấy dây mây buộc cho chắc, rồi sau cho người kéo dây nỏ giương lên, mà đem hai danh thau ở đằng sau ống tên cắm vào máy nỏ, xong rồi nạp tên thuốc độc vào ống ấy cho đầy ống, để mũi tên thò ra ngoài miệng ống 1 tấc làm cữ. Lại ở dưới máy nỏ buộc một sợi dây gai giữ lấy để dùng. Lúc dùng thì sai người kéo cái dây gai, dây gai động thì máy nỏ bật lên mà dây nỏ ống tên đều phát, các tên trong ống đều nhân sức bắn của ống tên mà bắn tung ra bốn mặt, quân giặc chống sao cho nổi!

PHÉP NẤU CƠM Ở ĐẦU NGỰA.

Phàm then mấy việc binh quý hồ nhanh chóng, cho nên cổ nhân nói: Canh ba năm cơm, canh năm quân trăm. Nếu gặp việc cần phải đi tự canh đầu, chưa kịp nấu cơm thì làm thế nào? Cho nên đặt ra phép nấu cơm ở đầu ngựa.

Cách làm: Trước sai lính kỵ mã hoặc 200 hoặc 300 người, làm sẵn 200, 300 đoạn ống tre tươi lớn. Hãy nói một đoạn; dài từ 3 đốt, đốt thứ nhất làm có miệng, để hoàn toàn, đốt dưới dẻo nhỏ cho tiện cầm; lấy gạo nước do đốt trên đổ vào ống tre, lấy gỗ nút miệng lại. Dùng một bó đuốc. Các ống khác cũng làm như thế. Bấy giờ mới truyền lệnh cho 300 người lên ngựa, binh khí treo ở yên ngựa, mỗi

người một tay cầm ống gạo một tay cầm bó đuốc đốt vào ống gạo. ống cháy thì cơm chín. 300 kỵ binh đều no, hăng hái thêm lên, gặp giặc thì đánh, ai chống cự được!

Kiểm Trai xét: Đây là phép nấu cơm của Liễu quân sư truyền lại. Nhưng trước tiên công tôi là Bảng quận công theo Lê Trang tôn ở sông Mã, đi ngầm đường núi, không có nước sôi, ông sai quân lính lấy ống tre non cho gạo vào lấy lửa đốt, tự nhiên nước trong ống tre sôi lên mà thành cơm⁽¹⁾. Khát thì bẻ cành trám mà uống.

PHÉP THUỐC TIÊN CHỊU ĐÓI⁽²⁾

Bài thuốc *Tổ sư ứng cơ đơn*:

Đào nhân 4 lạng,

Cam thảo 1 cân,

Đỗ trọng 4 lạng,

Bạc hà 4 lạng,

Hạnh nhân 1 cân (nấu chín bỏ vỏ và dầu nhon),

Tiểu hồi 4 lạng sao chín.

Phục linh 4 lạng,

Cát cánh 3 lạng.

Các vị trên này tán nhỏ trộn cho đều, mỗi lần dùng một nhúm ngậm ở trong miệng, gắp các lá cây cỏ như lá thông lá bách lấy nhá ngậm cho hóa ra nước mà nuốt với thuốc này thì nhan sắc như cũ, khí lực không kém, thực là thuốc tiên.

⁽¹⁾ Đây là phép nấu cơm lam của người miền núi.

⁽²⁾ Đoạn đầu mục này nói việc Đỗ Phục Uy gặp tiên được truyền hai bài thuốc tiên, chúng tôi bỏ không dịch.

Bài thuốc *Thần tiên sung phúc đơn*:

Hạt vùng đen 1 cân

Đậu đen 1 cân,

Long cốt 5 đồng cân,

Ô đầu 1 đồng cân.

Táo hồng 1 cân.

Xích thạch chi 5 đồng cân.

Phòng phong 5 đồng cân.

Các vị trên này tán nhỏ ra, luyện mật làm hoàn to bằng viên đạn, lấy chu sa làm áo, mỗi lần dùng một viên, uống nước lã tống xuống, được một ngày không đói, thực là bài thuốc lạ.

Lại một bài nữa:

Táo hồng 1 cân,

Vùng đen 1 cân,

Nhân sâm 1 cân,

Đều tán nhỏ, luyện mật, viên to bằng viên đạn.

Kiểm Trai nói: Hai bài thuốc trên này khí vị bình hòa, đều là ôn bổ, châm chúc đồn làm một bài thuốc càng tốt.

PHÉP THANG HAI TẦNG.

Phạm dùng binh lên núi qua sông, vượt nơi nguy hiểm, đều cần chuẩn bị đầy đủ. Như giặc ở trong trại thành cao vài trượng thì dùng cách gì để trèo vào thành?

Cách làm: Làm hai tầng thang, tầng thứ nhất dài 30 thước ngang 4 thước, tầng thứ hai cũng dài 30 thước, ngang 3 thước 5 tấc. Trước đặt thang tầng thứ hai vào

trong thang tầng thứ nhất, đầu thang dùng gỗ rắn làm then ngang nối hai thang làm một, ở dưới thang tầng thứ hai đóng móc sắt. Khi muốn lên thành đem hai thang giáp làm một bắc lên thành, trèo lên thang tầng thứ nhất, lên đến đầu thang thì đem thang tầng thứ hai vát lên trên thành, đem móc sắt ở đầu thang móc vào đầu thành, quân lính bám vào mà lên. Thế là lên được thành⁽¹⁾

PHÉP SÚNG BẮN ĐỒ NÚI.

Phàm người đánh giỏi có thể lấy ít mà địch nhiều, lấy yếu mà địch mạnh. Ví như ở chỗ đồng bằng nội rộng, quân giặc trăm vạn như sông cuộn biển sôi mà đến, thì nên dùng súng máy mà bắn, giặc tất tan gảy.

Cách làm: Trước hết làm ba khẩu súng to, mỗi khẩu trước lấy gỗ nhỏ bó làm một bó to 2 thước dài 6 thước để làm cái cốt súng. Lại lấy gỗ rắn to 2 thước dài 5 thước 5 tấc, trên bằng dưới nhọn, đặt vào sau cái cốt để làm đáy súng. Lại lấy rơm trấu, phân voi trộn vào đất gan trâu, luyện thành bùn để bọc ngoài cốt súng và đáy súng dày 3 tấc. Lại lấy da trâu bao kín ngoài đất, lấy dây gai buộc lại cho chặt. Lại lấy đất luyện nhỏ trước đắp vào bên ngoài da trâu, dày 2 tấc. Lại lấy thanh tre đặt thẳng ở ngoài lần đất, ghép liền cho kín, ngoài lấy dây sắt mà buộc. Xong rồi, mới lấy cái cốt ra.

⁽¹⁾ Như phép thang mây của Binh thư yếu lược quyển IV, chương “Đánh thành”.

Lại lấy dùi sắt dùi lỗ, cho ống sắt nhỏ vào để làm lỗ ngòi. Ba khẩu súng đều làm như thế. Xong rồi, sai thợ làm đạn dây sắt, mỗi viên đạn đường kính 1 thước 5 tấc 5 phân, chia làm hai mảnh, mỗi mảnh đục bỏ ruột sắt đi bằng cái chén, chính giữa dùi một lỗ, lấy dây sắt mà buộc, tả chằng sang hữu, hữu chằng sang tả, rồi đem dây sắt vặn lại thành một khối để vào trong lòng hai mảnh, sao cho hai mảnh hợp lại thành một hòn đạn thì tốt. Bấy giờ mới lấy thuốc súng nạp vào dưới đáy súng, lại lấy đạn dây sắt nạp vào trên thuốc súng. Ba khẩu súng đều làm như thế.

Lại như khẩu súng giữa, nên lấy ống gang tròn nạp vào ở trên đạn dây sắt. Phép làm ống gang có bốn hạng. Cái ống mẹ lớn dài 2 thước, to 1 thước 8 tấc, dày 1 phân; ống mẹ nhỏ dài 1 thước 8 phân, to 1 thước 7 tấc, dày 1 phân; ống con lớn dài 1 thước 5 tấc, to 1 thước 6 tấc, dày 1 phân; ống con nhỏ dài 1 thước 4 tấc, to 1 thước 5 tấc, dày 1 phân. Bốn ống đều có nắp tròn ốc, ở dưới có đáy bằng. Trước đem ống con nhỏ nhồi thuốc súng vào, xoay nắp tròn ốc, nạp vào trong ống con lớn; lại nhồi thuốc súng vào trong ống con lớn ngoài ống con nhỏ, cũng xoay nắp tròn ốc lại; lại nạp ống con lớn vào trong ống mẹ nhỏ, cũng nạp thuốc súng và xoay nắp như trước; lại đem ống mẹ nhỏ nạp vào trong ống mẹ lớn, cũng nạp thuốc súng và xoay nắp lại. Xong tất cả rồi lại lấy dùi sắt dùi một lỗ tự ngoài ống mẹ lớn thẳng suốt vào các ống con, để làm lỗ ngòi, lại lấy dây ngòi thuốc luôn vào, cái đầu thừa của ngòi thuốc quấn vào quanh mình

ống mẹ lớn. Lại lấy dây gai buộc 3, 4 lần. Lại lấy bẹ chuối tươi buộc vào ngoài da gai, rồi đem đuôi ngòi thuốc xuyên ra ngoài để chờ đồ dẫn hỏa chuyên vào, rồi nạp vào trong lòng súng ở trên đạn dây sắt. Lại lấy vải giấy bọc một bao đạn nhỏ để lên trên các ống sắt. Đây là cách làm khẩu súng giữa. Còn hai khẩu súng bên tả bên hữu thì nên dùng tên sắt dài 2 thước, lấy dây da nhỏ buộc thành một bó để vào trên đạn dây sắt. Xong rồi thì ngoài ba khẩu súng ấy dựng hai cột ở hai bên tả hữu, mỗi cột cao quá thân khẩu súng 1 thước, đầu mỗi cột dùi ngang một lỗ rộng 2 tấc, tả hữu đối nhau. Lại lấy hai mảnh gỗ giáp lại làm một to độ 1 tấc hơn, cài vào lỗ hai đầu cột ở trên ba khẩu súng, ở giữa hai mảnh gỗ giáp nhau lại ghép ba miếng gỗ nhỏ, ngay vào ba lỗ phát hỏa của ba khẩu súng thì tốt. Mỗi đầu mảnh gỗ lại buộc một sợi dây to, rồi sau lấy ba sợi dây gai buộc vào miếng gỗ nhỏ, đuôi dây hợp lại làm một. Khi muốn bắn thì rút dây ấy xuống, tự nhiên cả ba khẩu súng đều nổ. Giặc dầu có phép tàng hình độn thổ cũng trở thành người dưới suối vàng mà thôi.

*

11 điều⁽¹⁾ bộ chiến trên này thực là phép diệu xuất quỷ nhập thần, có cơ quỷ thần bất trắc. Vận dụng máy thiêng, phát minh những điều Bảo thư chưa phát, bí tàng trời đất, truyền lại những thuật lạ của Linh quĩ còn truyền. Người học nên hết lòng vào đấy.

⁽¹⁾ Đã bỏ đi 2 điều, chỉ còn 9 điều.

THIÊN GIỮ TRẠI

Cao Chiêu Dương nói: Phàm điều cốt yếu trong phép lập trại, trước hết phải tìm địa lợi. Cho nên người trí tướng dựa núi chia nước, bốn mặt thông nhau, trước có bình dương⁽¹⁾, sau có gò cao, để tiện trông nhìn, núi bên tả quanh ôm để tiện phục binh, nước bên hữu thông dòng để tiện vận lương. Nếu không được địa hình như thế, mà ở chỗ đồng rộng thì chiếu theo bát quái mà đặt tám cửa, theo ngũ hành mà lập năm trại, trong mỗi trại đều có phương pháp. Cho nên người xưa chế các thuật thang mây, gỗ gạc nai, bàn công, nữ tường, cầu treo, răng sói⁽²⁾, thực đã kỹ càng. Nhưng ngoài phép vẫn có kẻ gian trong, thuật vẫn có họa ngầm, cũng chưa được hoàn thiện. Cho nên các ông Lộc Khê, Triệu Diên triều ta lại đặt ra các phép thần nổ, bính đinh, song đăng, trại túc, những phép ấy thực là tài giỏi, người xưa chưa có. Đến nay bọn chúng tôi trộm lấy sóng thừa ở biển cả, cục đá ở núi Thái Sơn, lòng nghĩ rằng không gặp gốc rễ thì sao biết được búa rìu là sắc, cho nên trở hết tài tầm thường mà chế ra các phép máy đá giữ lũy, lưới trời yểm trại⁽³⁾ cùng là các phép nổ cứng phòng giam, dây tiên trói giặt, có khác gì cá nhỏ khoe tài với cá kình, chim oanh khoe tài với chim bàng. Tuy nhiên gặp việc nên làm không

⁽¹⁾ Nơi bằng phẳng sáng sủa

⁽²⁾ Về các vật này xin xem **Binh thư yếu lược**

⁽³⁾ Chữ Hán là “thiên la yểm trại”

phải nhường thầy, người ngu há chẳng có một điều nghĩ được, cho nên đem hết bình sinh mà chế ra các phép này, còn phần hay dở xin đợi các bậc quân tử xét.

Lê Thủ Chân nói : Kết trại đặt dinh tất phải xem địa lợi, hoặc dựa núi dựa hang, hoặc giữ hiểm nhân ghềnh, hoặc theo bát quái mà lập tám cửa, hoặc xem ngũ hành mà lập năm trại, đây là do người trí tướng liệu định . Cổ thì có câu:

Trường xà bàn khúc chuyển sơn bài;

Điệp điệp vân đồn thứ đệ khai.

Đãn khán quân dinh tàng tạo hóa;

Thủ vi thiên hạ đại kỳ tài.

(Rắn dài cuộn khúc chuyển non bày; San sát vân đồn thứ đệ khai. Chỉ xét quân dinh tàng tạo hóa. Ấy là thiên hạ đại kỳ tài).

Tuy nhiên như vậy, lúc ở yên phải nghĩ đến lúc nguy. Giặc biến trá nhiều cách, không thể lường được, hoặc gian nhân thích khách ngấm đến, hoặc nhân đêm mà cướp trại đánh dinh. Cho nên trí tướng đời xưa ngồi trong trướng xem hướng gió thổi mà tính trước đặt phục xuất kỳ, đây là phương lược của cổ nhân. Đến Lộc Khê tiên sinh thì không xem hướng gió, không đặt phục bình. Phàm nơi đóng trại đều rào chông chà, treo bàn chông, rắc gai góc, gài tật lê, ngấm dể tróc lồi⁽¹⁾, cẩn thận như thế, giặc dẫu có cánh cũng chẳng bay đến được. Song bọn chúng tôi tưởng nắm được di chí của cổ

⁽¹⁾ Tróc lồi: Dại lồi bằng tre.

nhân, theo được thần cơ của tiên giác, còn sợ chưa được tinh mật, cho nên đặt ra các phép nỏ thần giữ trại, và phép đặt chữ đỉnh ở thủy trại, chưa bằng tiền nhân, nhưng công dụng cũng có bổ ích một chút.

PHÉP MÁY ĐÁ GIỮ TRẠI.

Phàm phép giữ rất khó, cho nên cổ nhân dùng đủ các thứ răng sói, bàn chông, hỏa tiễn, hỏa công để phòng bị. Nhưng các phép ấy dầu hay mà công dụng cũng khó, cho nên Lộc Khê tiên sinh chế ra phép máy đá giấu lửa để giữ thành lũy, giặc có quân trăm vạn, bắc thang cao mà trèo lên cũng đều thịt nát xương tan, còn lo gì nó dục thành nữa.

Cách làm: Bốn mặt lũy, trên đầu lũy bên ngoài tận cùng dựng liền hai cột nhỏ dài 5 tấc, cách nhau hơn 30 thước, lại dùng gỗ rắn dài hơn 30 thước, rộng 4 thước, bốn gốc đều có vòng sắt. Trước đem vòng sắt của hai góc ván ấy treo lên cột ngắn trên lũy, còn hai góc mé ngoài thì bỏ xuống. Lại dựng một cái cột ở trong lũy, cao hơn lũy 3 thước, đầu cột đặt bánh xe làm thành ròng rọc. Lại lấy dây mây buộc vòng sắt hai góc bên ngoài của tấm ván, dây góc bên tả chằng sang góc bên hữu, dây góc bên hữu chằng sang góc bên tả. Xong rồi, lại dùng một dây buộc vào giữa dây hai góc dắt vào trong lũy để lên trên cái ròng rọc ở đầu cột cao, đầu dây buộc chặt vào dưới chân cột. Rồi đem đá to đặt chồng chất lên tấm ván. Bốn mặt lũy đều làm như thế. Nếu quân giặc bắc thang mây trèo thành mà lên, hay là nó

đào lũy phá thành, thì ta lập tức cắt đứt cái dây ở chân cột, tấm ván nghiêng ra mà đá đổ xuống cả.

Lại sai quân đào một hố vuông vức 4 thước ở bên trong chỗ gần lũy, xong rồi, lại lấy da lợn rừng sống phơi khô làm gối cho lính nằm ở trong hố ấy để nghe xem giặc có đào hang dưới đất hay không. Phép này thực là thần diệu.

PHÉP NỎ THÂN GIỮ TRẠI.

Đại tướng trước hết phải bảo trọng thân mình. Nếu không như thế, thắng hoặc kẻ gian lèn vào được mà làm hại thì Nhà nước cậy vào đâu, xã tắc dựa vào đâu? Cho nên làm tướng ngày thì nghiêm lệnh như Chu Á Phu⁽¹⁾ đêm thì phòng gian như Trịnh Tử⁽²⁾, mà còn lâm sự lo sợ ngay ngáy nơm nớp, há dám ngủ kỹ cậy mạnh mà coi thường tính mệnh đâu! Cho nên Lộc Khê tiên sinh chế ra phép đặt máy nổ giữ trại. Giả sử Kinh Kha⁽³⁾ sống lại, Nhiếp Chính⁽⁴⁾ phục sinh, cũng chỉ làm

⁽¹⁾ Chu Á Phu: Tướng đời Hán Văn Đế, rất nghiêm quân lệnh, vua đến cũng không cho vào và nói rằng trong quân chỉ biết lệnh của tướng

⁽²⁾ Trịnh Tử: Trịnh Tử Sản, trước khi đem quân đi đánh giặc đặt người canh cửa giữ các quan, giữ các phủ khóa cẩn thận rồi mới đem quân đi

⁽³⁾ Kinh Kha: Dũng sĩ nước Yên cầm dao găm vào điện vua Tần, xuyt nữa đâm được Tần Vương (Tần Thủy Hoàng)

⁽⁴⁾ Nhiếp Chính: Dũng sĩ người ấp Chỉ cầm gươm đâm chết tướng nước Hàn là Hiệp lũy, báo thù cho Nghiêm Trọng tử.

người dưới xuôi vàng mà thôi, còn cây gì về dao găm mũi nhọn nữa!

Cách làm: Dùng một cái nỏ lớn, xoi rãnh đặt ba tên, dưới nỏ ở chính giữa lại làm một lỗ tròn to hơn 1 tấc. Lại dựng một cột gỗ ở cửa trại, gần chỗ hổ môn⁽⁵⁾, đầu cột dùng một cốt sắt tròn đóng vào 5 phân, cao hơn đầu cột 2 tấc. Rồi đem lỗ tròn dưới nỏ lồng vào cột sắt ấy, để tiện xoay chuyển. Đầu nỏ làm một cái vòng thau. Lại lấy hai sợi dây tơ nhỏ, một sợi giăng buộc vòng thau vào cái bạo cửa bên tả, một sợi giăng buộc vào bạo cửa bên hữu, tạm thắt lại như cách thắt giải áo. Lại dùi đằng sau nỏ một lỗ chếch, lấy gỗ nhỏ cắm vào, nửa ở dưới nỏ nửa ở trên nỏ, để làm máy nỏ. Lại lấy một miếng gỗ đỡ ở đầu dưới máy nỏ ấy tạm cài vào bên cột máy. Rồi sau giương dây nỏ đặt vào trên máy, bên trên đặt ba tên để đợi dùng. Nếu kẻ gian vô ý xông vào, động phải dây tơ, nỏ tự xoay chuyển, rơi cái gỗ đỡ, dây nỏ bật lên, tên nỏ bắn ra.

PHÉP DÂY TIÊN TRÓI GIẶC.

Phàm đêm trong dinh phải có cách phòng gian; cách nào nên làm trước? Nên dùng dây tiên trói giặc.

Cách làm: Trước dựng hai cái cột lớn ở hai bên cửa tướng, hai bên cột treo hai cái đèn đỏ, bắc đèn tẩm các thứ diêm tiêu lưu hoàng. Lại lấy dây mây chăng ngang hai cột, cột bên tả buộc sang bên hữu, cột bên

⁽⁵⁾ Hổ môn: Chỗ cửa đêm đi lại vẽ hình con hổ để tỏ uy mãnh

hữu buộc sang bên tả. Lại lấy hai miếng gỗ rần cài vào trên dây mây, liệu cách cột mỗi bên 3 thước, hai bên đều thế. Lại sai hai người khỏe vắn hai miếng gỗ vài mươi lần rất chặt. Treo chuông đồng ở đầu hai miếng gỗ ấy. Lại lấy hai sợi dây gai buộc hai miếng gỗ ấy kéo ra ngoài cửa, làm phép máy động như phép bình đình. Xong rồi, lại lấy một thanh gỗ rần cắm ngang vào đầu hai miếng gỗ. Lại lấy một sợi dây da trâu buộc vào giữ thanh gỗ ngang ấy treo xuống làm một cái vòng to, liệu chừng cái máy phát động vừa đúng vào giữa vòng ấy thì khéo. Lại đào lỗ ở trong vòng ấy làm máy phát hỏa, trong máy có ngòi thuốc ngầm thông đến đèn đỏ hai bên, để đợi dùng. Nếu có kẻ gian vô ý bước vào vòng ấy, động vào máy thì hai miếng gỗ chuyển ngược, chuông đồng kêu vang lên, đèn đỏ bật sáng lên, kẻ gian sẽ bị trối ngay.

Kiểm Trai xét: Phép này làm như phép bình đình. Nhưng phép bình đình thất truyền, không thể hiểu được. Cứ ý tôi nghĩ: nên đem hai dây gai buộc hai miếng gỗ kéo ra ngoài cửa hợp làm một dây, đầu dây thò xuống buộc vào miếng gỗ ngang nhỏ dài 2 tấc như chữ đinh (), lại đào lỗ dưới đất, lấy ván dùi hổng đặt trên miệng lỗ, lấy gỗ nhỏ buộc đầu dây đặt xuống dưới lỗ hổng của ván. Lại lấy gạch đá chặn bên tấm ván ấy, lấy đất cát rải bằng trên mặt. Dây da trâu thì dùng vòng sắt tròn đường kính 5 phân buộc vào đầu dây, lại một đầu luồn vào vòng sắt rồi mới đem buộc vào gỗ ngang trên máy. Cái đầu dây buộc vòng sắt còn thừa rủ

xuống, nên dẫn chạy vòng quanh làm vòng tròn to, chạy bên ngoài quanh cái lỗ đặt máy.

PHÉP NỔ KHỎE PHÒNG GIAN

Phạm trí tướng lập dinh đóng trại tất phải chuẩn bị trước để phòng kẻ gian tế. Như trong cửa dinh nên làm một cái nổ khỏe, sai thợ xoi ba lòng bắn được ba tên. Rồi sau dựng giá gỗ cao 3 thước, đặt nổ lên trên, buộc lại cho chặt. Đằng sau lại dựng một cái cột cao 2 thước 5 tấc, đầu cột làm bánh xe như ròng rọc. Lại ở trước cái giá gỗ cách hơn 10 bước đào một lỗ sâu 1 thước hơn, trên nhỏ dưới to, mặt lỗ ấy làm máy đặt một tấm ván tròn ở trên, rải đất cát cho bằng, không để lộ ra. Làm như thế xong rồi, bèn giương dây nổ lên máy, đặt ba tên nổ thần, mũi tên tẩm thuốc độc. Lại lấy một sợi dây gai nhỏ buộc ở máy nổ, đem dây ấy gác lên bánh xem, rồi kéo ra trước nổ, buộc vào tấm ván tròn. Nếu trong đêm tối thích khách của giặc lên đến chân xéo lằm vào tấm ván tròn ở trên miệng lỗ, ván ấy rút vào trong lỗ thì sợi dây động, tên đều bắn ra, trúng là chết.

Bài thuốc độc tẩm tên.

Nhựa cây thẩu cốt (tục gọi là nhựa cây cộng), ban miêu, từ thạch (đá nam châm), điền cơ (tục gọi là khoai dại)

Các vị trên giã riêng ra trộn cả vào trong ống tre, rồi đem tên nổ bỏ vào ống tre ngâm 3 tháng 10 ngày.

PHÉP LƯỚI TRỜI YẾM TRẠI.

Trước tôi từng hỏi thầy rằng: *Binh pháp* có nói “Người đánh giỏi trước giả làm yếu, sau tỏ là mạnh, khiến người đến mà không để người khiến mình đến” là nghĩa thế nào?” Thầy nói: “Lấy nhàn mà đợi nhọc, gọi là ứng binh, thừa thắng mà đánh, gọi là kiêu binh. Ứng binh thì được, kiêu binh thì thua. Cho nên ta trước giả làm yếu là muốn làm cho giặc kiêu, sau tỏ sức mạnh là để hoàn toàn nắm sự thắng về ta”. Tôi nói: “Kế ấy làm thế nào?” Thầy nói: “Lấy lợi mà nhử họ, gọi là dụ giặc, lấy kế mà đánh úp, gọi là đặt kỳ. Lấy quân giặc tham lợi mà địch với mưu đặt kỳ, khác gì đàn dê đánh nhau với hổ dữ, không được là rõ ràng lắm, còn phải nói gì. Ví như quân giặc mới đến, khiêu chiến ta, ta nên yên quân không động, đợi khi nhuệ khí của giặc hơi suy, rồi ta ra giao chiến, giả cách thua mà chạy, bỏ cả trại sách. Quân giặc tất đuổi theo tranh cướp lấy trại, khi giặc hấn kiêu, ta lại ra quân khiêu chiến, làm cho nó tức, đợi đến lúc đánh đương say, ta lại từ từ mà lui, giặc tất cho ta là nhát, rồi chạy suốt vào trại thiên la. Ta đánh phá giặc dễ như lấy đồ trong túi.

Tôi lại hỏi: “Phép thiên la thế nào?”

Thầy nói: “Phép làm, trước lấy dây gai đan làm lưới to, bốn mặt đều có mảnh tre làm nẹp, bốn góc đều có vòng sắt, mỗi vòng đường kính 2 tấc. Lại do bốn bên lưới ấy, chia trên đất làm bốn góc, mỗi góc đóng hai cái cọc, mỗi cọc cao 2 thước, cách nhau 1 thước, đầu cọc đục

suốt một lỗ tròn to 2 tấc 5 phân, 2 lỗ ở hai cọc đối nhau; bốn góc đều thế. Lại dùng gỗ dài dẽo làm bốn cái cột neo, mỗi cái dài 8 thước, cái neo một đầu dùng cốt sắt to 1 tấc 9 phân đóng thẳng vào, một đầu dùi ngang một lỗ to 2 tấc. Lại có một thanh gỗ rắn dài 1 thước 6 tấc, to 1 tấc 9 phân. Bốn góc đều làm đủ như thế. Đến khi dùng, trước hết đem cái neo ấy để ở quãng giữa hai cái cọc, lấy thanh gỗ rắn cắm vào như hình chàng xay. Lại lấy cán gỗ đầu neo cắm vào vòng sắt bốn mặt lưới, giương lưới lên cao. Lại dùng bốn cái cây nống, nống bốn cái neo lên. Xong rồi lại lấy bốn sợi dây buộc vào chặn cái cây nống kéo ra. Xong rồi, lại lấy một mảnh ván vuông 2 thước, bốn góc ván ấy dùi hai lỗ, lại sai người đào ở chính giữa một cái hố vuông sâu 2 thước, trên nhỏ dưới to, đem mảnh ván vuông ấy đặt lên trên hố, rồi kéo dây ấy buộc vào lỗ ở bốn góc ván vuông ấy. Trên lưới treo các thứ đao, thương, tên, đá, ngoài lưới làm sẵn nhà sát đó như kiểu nhà trại. Nhử giặc đến đấy, quân giặc tham lợi, không ngờ tranh nhau cướp trại, xéo vào ván vuông sập xuống, dây giật cây nống bốn mặt đổ xuống, mà lưới sập chụp hết.

PHÉP CHỮ ĐÌNH GIỮ THỦY TRẠI.

Phàm khi thủy chiến, dùng chiến thuyền kết làm thủy trại, ban đêm ngủ phải có cách phòng gian, nếu không phòng gian thì không phải là trí tướng. Muốn phòng gian phải làm phép đặt chuông.

Cách làm: Ở giữa sông dựng hai cái cột cao 4

thước, cách nhau 10 thước, đầu cột gác một cái gỗ ngang làm chữ đinh (), hai cột đều thế. Hai bên cái gỗ ngang của mỗi cột treo hai cái thanh la đồng. Đó là phép cột chữ đinh ngang sông. Lại đi từ hai cột ấy ra ngoài 10 thước, bên tả bên hữu cũng dựng hai cột chữ đinh, cũng treo thanh la như trước (Cộng thanh la ngang sông và hai bên tả hữu là 8 cái). Trước mỗi thanh la dựng một cần tre cao vừa đến chính giữa thanh la, ở dưới mỗi cần tre trong đáy nước đều đóng cọc ngắn, đầu cọc làm bằng. Rồi buộc dây gai vào mỗi đầu cần tre, đầu dây lại buộc vào cái gỗ ngang. Lại đem cần tre kéo xuống uốn thành hình cung, đặt trên đầu cọc bằng, lấy đá đè lên; tám cọc đều thế. Mỗi hòn đá lại buộc bằng dây gai, đầu các dây gai ấy hợp làm một, lại dùng một sợi dây gai dài 100 bước hay 50 bước buộc vào hòn đá, kéo ra bên ngoài mà chẳng ngang sông. Nếu có thuyền giặc ban đêm lén vào thủy trại, mái chèo động vào dây chẳng ngang sông thì các hòn đá ở đầu cọc đều rơi xuống mà cần tre đều đập vào thanh la kêu vang lên thì ta biết ngay. Đó là phép đặt chữ đinh giữ thủy trại.

PHÉP LÀM CỜ XEM HƯỚNG GIÓ.

Gió là hiệu lệnh của trời, cho nên biết xem gió thì điều hay biết trước và điều không hay cũng biết trước. Như sắp hành binh mà không biết xem hướng gió thì biết đâu lành dữ mà làm theo hay tránh đi. Muốn xem hướng gió thì trước làm cờ xem gió.

Cách làm: Ngoài cửa trại, dựng một cái cột cao vài mươi thước, trên đầu cột đặt một cái bánh xe cùng một con điều bằng gỗ, có cái cờ nhỏ như hình đầu cột buồm. Lại lấy 10 cân lông đuôi gà kết làm một sợi dây dài bằng cái cột, buộc vào sau đuôi điều gỗ, đầu dây thò xuống; lại lấy lông ngan kết làm một búp như hình hoa cúc; lại lấy một sợi dây gai nhỏ bằng sợi dây lông ấy buộc vào đầu mỏ điều gỗ; đầu dây thò xuống buộc một hòn sắt, để xem hướng gió. Nếu có gió thì con điều gỗ chuyển động theo mà dây lông bay lên. Muốn biết hướng gió thì dùng một sợi dây tơ nhỏ buộc vào dưới búp lông hoa cúc của dây lông, buộc qua sang gặp cái dây có hòn sắt ở mỏ điều. Rồi dùng đĩa bàn có kim chỉ nam đặt ở dưới cái dây ngang ấy thì biết hướng gió bốn phương tám mặt

LỜI TỔNG BÌNH VỀ TẬP THIÊN

Kiểm Trai xét: Khoảng đời Lê Chiêu Thống, Nam triều có Loan Khê xử sĩ theo quân đến, đem sách này đến yết kiến tiên công tôi là tiến sĩ chiêu thảo tổng quản cấm binh binh mã tướng quân nói rằng: “Sách này có thể dùng để can vương đánh giặc”. Tôi thấy chỗ bàn Tập Thiên có huấn từ, tôi xin tiên công tôi hiệu đính. Nay xin thuật lời bàn rằng: Trời là ông cha của chúng sinh, là gốc rễ của vạn vật, tôn trọng tuyệt đối, to lớn không còn cái gì ở ngoài. Dẫu to như cá con nhảy 3 nghìn dặm, chim bằng bay 9 vạn dặm, cao như núi Thái Sơn, sâu như sông Hoàng Hà, cũng chỉ là một vật

phổ trong bầu trời. Tôi đọc sách binh pháp không phải nhiều, nhưng chạt án đầy hòm đều là hình trạng mây gió, dài dòng đầy sách đều là hình thể rắn chim. Duy có sách *Hổ trưởng khu cơ* rất là tinh diệu, rất là giản dị. Nếu người ta học được thì trong lúc thắng thốt vẫn bản nói như thường, dầu có thần binh năm lộ cũng chẳng bằng xem cá, vỗ dùi⁽¹⁾, vận dụng một lòng mà có thể bẻ mũi nhọn, đánh tan trận, không suy nghĩ mà làm được, không miễn cưỡng mà đúng phép, hình như tạo hóa tự nhiên. Cho nên tôi cách Lộc Khê hơn một trăm năm, mà xem diệu pháp lưu truyền, thần cơ tạo hóa, còn khiến phải thè lưỡi lạnh dạ, hướng là người được thân gần học tập! Nay bốn thiên trong tập này⁽²⁾ cộng 36 điều, thực là then máy của hổ trưởng, khoá chốt của tướng môn, thực xứng với tên *Hổ trưởng khu cơ* vậy. Cho nên tôi đối với thiên này thì bảo là nên tiêm tâm, tận tâm, dụng tâm, đối với các bài thơ thì bảo là nên xét kỹ, nghĩ kỹ, xem quí, dốc làm, cũng chẳng nên sao? Nay xin làm lời huân từ, để tỏ cái ý ba lần ra lệnh, năm lần nhắc lại.

Huấn từ rằng:

Tờ giấy mỏng điểm bao nét ngọc, sách bì vàng sáng tựa ngọc châu. Dem văn giáo để giữ thành thì

⁽¹⁾ Xem cá, vỗ dùi: Lỗ Ẩn công đi xem đánh cá ở Ấp Đường; Hán Văn đế nghe Phùng Đường nói truyện Liêm Pha Lý Mục thì vỗ dùi mà nói rằng: Ta được Liêm Pha Lý Mục mà dùng thì sợ gì.

⁽²⁾ Tập thiên

nghĩa sâu của *Lân kinh*⁽¹⁾, dùng võ công để dẹp loạn thì then máy của Hổ tướng⁽²⁾. Cầm cờ tướng đảm đương ngoài cõi, tiếng thơm lây lừng; ngồi trong màn quyết định mưu mô, chức thần không sót. Vén mây mù ở hang nguyệt, kính ngọc của tướng môn; quét khói bụi ở chân trời, rùa thiêng của binh tướng. Chứa cả kiến khôn vào sách báu, rất sâu rất tinh; phát tạo hóa trong lụa vàng, càng kỳ càng diệu. Xem tam tài mà đặt tên tập⁽³⁾, văn sáng như ngọc lành; lấy tứ tượng mà chia thiên⁽⁴⁾, chữ đẹp như châu quý. Định giang sơn của xã tắc, oanh liệt rồng bay; trong vũ trụ lập công danh, tít cao bằng liêng. Quét sạch khói lang ở cửa ải không phải mỗi tay; đặt yên nhà nhận trong cõi trần, không cần nhãn trán. Rửa nhật nguyệt trên mây biếc, thần phục quỷ hình, dựng núi sông làm nghiệp to, trời tươi sao sáng. Lừng nghĩa dưng đến nghìn thuở, nào ai địch cùng; định thái bình trong một thời, không gì sánh kịp. Sách thư xướng trước đỡ trời một tay; trúc bạch truyền đời lưu danh muôn thuở. Cứu nhân dân trong đồ thán, thua gì Tử Nha; trở kinh luân ở dưới trời, kém đâu Y Doãn. Thực là khóa chốt của cửa tướng, người học phải suy; thực là then máy của nhà binh, người bầy chó bảo. Tiên giác bao cao cả; huấn từ nên kính theo.

(1) Kinh Xuân thu

(2) Tức là Hổ tướng khu cơ.

(3) Thiên tập, Địa tập, Nhân tập.

(4) Tứ tượng: Theo lời số của Kinh Dịch thì tứ tượng là kim mộc thủy hỏa.

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

QUYỂN II

TẬP ĐỊA

YẾU CHỈ BÀN VỀ TRẬN

Cao Chiêu Dương nói: Phép bày trận bắt đầu từ Hoàng đế đánh Xi Vưu, trên xem trời, dưới xem đất, theo số âm dương chẵn lẻ cùng việc quỷ thần tạo hóa mà ra phép chính kỳ biến hóa⁽¹⁾, làm ra cơ khởi phục hành chỉ⁽²⁾ mà đặt ra các trận Thái cực, Thái tổ, Tiên thiên, Thái thủy, Hà đồ, khiến cho hàng trận của ba quân rõ ràng trật tự. Cho nên tiến thì nhanh như gió, đóng thì vững như núi. Chỗ nào dụng là đầu, biến binh chính làm binh kỳ. Ví như con rắn Thường Sơn, đánh đầu thì đuôi cứu, đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu, mà cái thế nắm cơ, yên như bàn thạch, quân hàng ức vạn, vững như Thái Sơn, công của

⁽¹⁾ Chính kỳ biến hoá: Biến hóa chính làm kỳ, kỳ làm chính

⁽²⁾ Khởi phục hành chỉ: Dậy nấp, đi dừng.

Hoàng đế sánh cùng trời đất vậy. Về sau có sách *Lục thao* của Thái Công, sách *Tam lược* của Hoàng Thạch công, sách *Binh pháp* của Tôn tử, sách *Yếu chỉ* của Tử Phòng, phát thiên căn ở dĩ vãng, dò nguyệt quật ở tương lai, mà làm thành 72 phép, khiến cho đời sau biết phép nhiệm mầu, thì công các ông ấy cũng ngang với Hoàng Đế vậy. Từ sau khi các ông ấy mất đi, người học binh thư đều mờ mịt không biết nguồn gốc. Đến đời Hậu Hán có bảy người hiền ở Long Trung⁽¹⁾, ngầm nghị dung hội, đem truyền bảo nhau chế ra các trận Bát môn kim tỏa, Chu thiên hồn nguyên, trận pháp ấy rõ như mặt trời mặt trăng, phát minh những điều tiền hiền chưa phát, người đời ấy xem như vén mây mù mà thấy trời xanh, cắt gai góc mà thấy đường cái, vậy công của bảy người hiền ấy cùng với công của các ông trước kia có thể ngang hàng mà không trái nhau, học giả nên kính cẩn mà đọc.

Kiểm Trai xét: Bảy người hiền ở Long Trung là Thủy kính Tư Mã Huy, Bàng Đức công, Gia Cát Khổng Minh, Thôi Châu Bình, Thạch Quảng Tuyền, Từ Thứ, Mạnh Công Uy.

Lê Thủ Chân nói: Trận là bày binh, chẳng qua là bộ khúc phân minh, quân cơ chỉnh túc mà thôi. Tuy nhiên, cái đạo làm tướng mà không biết trận pháp thì khác gì chân què mà chạy, ngoảnh mặt vào tường mà

⁽¹⁾ Long Trung: Tên núi ở tỉnh Hồ Bắc, nơi Gia Cát Lượng ở ẩn.

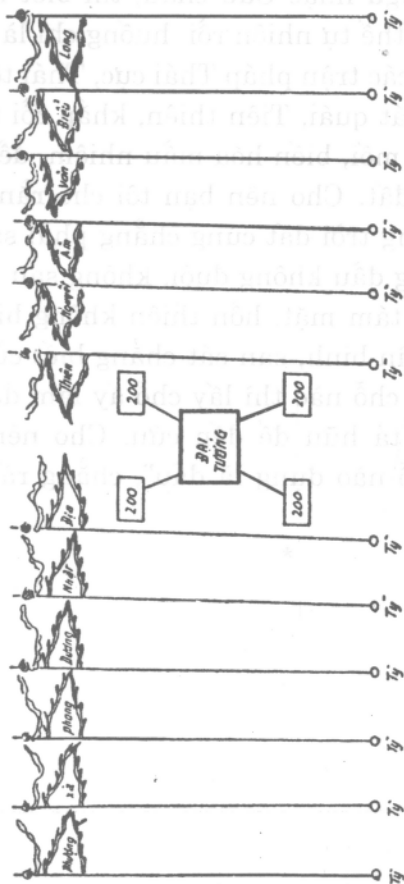
đứng, để đến nỗi tính mệnh ba quân xác tan ở sa trường, hồn vùi ở chiến địa, mà tiêu tụy ở khoảng lười gươm mũi giáo là tội bởi ai? Cho nên Hiên Viên xem trên xét dưới, thấy trời có các sao Vũ Khúc, Phá Quân, đất có các tượng Ngũ nhạc Cửu châu, thì biết khoảng trời đất đã có trận thế tự nhiên rồi, hướng chi là người! Bởi thế mới đặt ra các trận pháp Thái cực, Thái tổ, Thái Thủy và Hà đồ, Bát quái, Tiên thiên, khắp rồi trở lại; vòng quanh không mối, biến hóa mầu nhiệm, đều có lẽ tự nhiên của trời đất. Cho nên bạn tôi cho rằng công Hoàng đế sánh cùng trời đất cũng chẳng phải sao! Bởi vì phép trận, không đầu không đuôi, không sau không trước, bốn phương tám mặt, hồn thiên không biết đầu mối, vạn ngựa nghìn binh, san sát chẳng biết cửa ngõ. Đến khi giặc đánh chỗ nào thì lấy chỗ ấy làm đầu, mà tách ra trước sau tả hữu để đến cứu. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “chỗ nào đụng là đầu”, chẳng rất đúng sao!

*

Trận thứ nhất: Thái cực bao hàm.

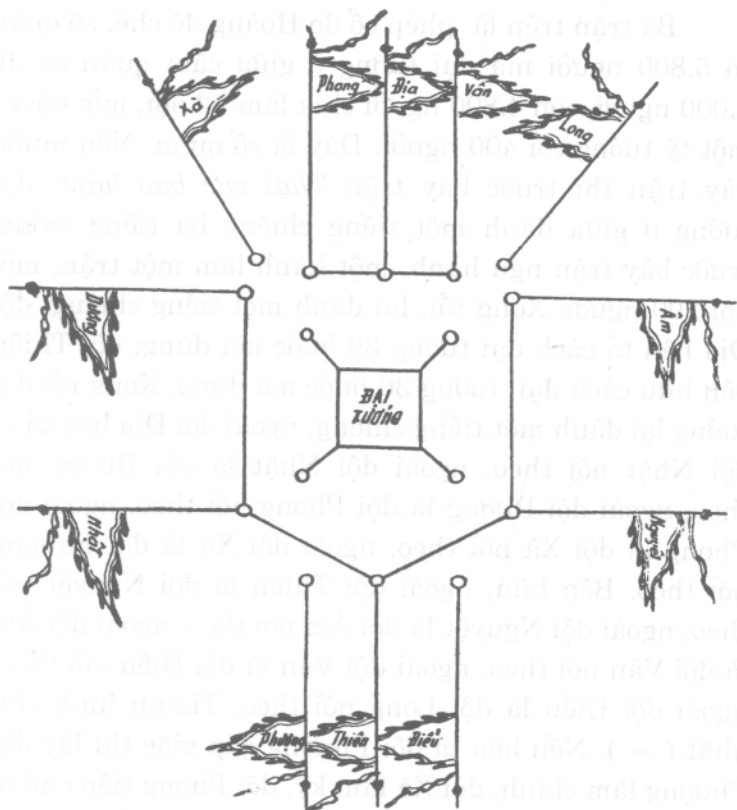
Trận thứ hai: Thái tổ tam tài.

Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hồn nguyên.



Hình 1-2. Trận thứ nhất và trận thứ hai: Thái cực bao hàm và Thái tổ tam tài.

BẢN VẼ BA TRẬN TRÊN



Hình 3. Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hồn nguyên.

BÀN VỀ BA TRẬN TRÊN

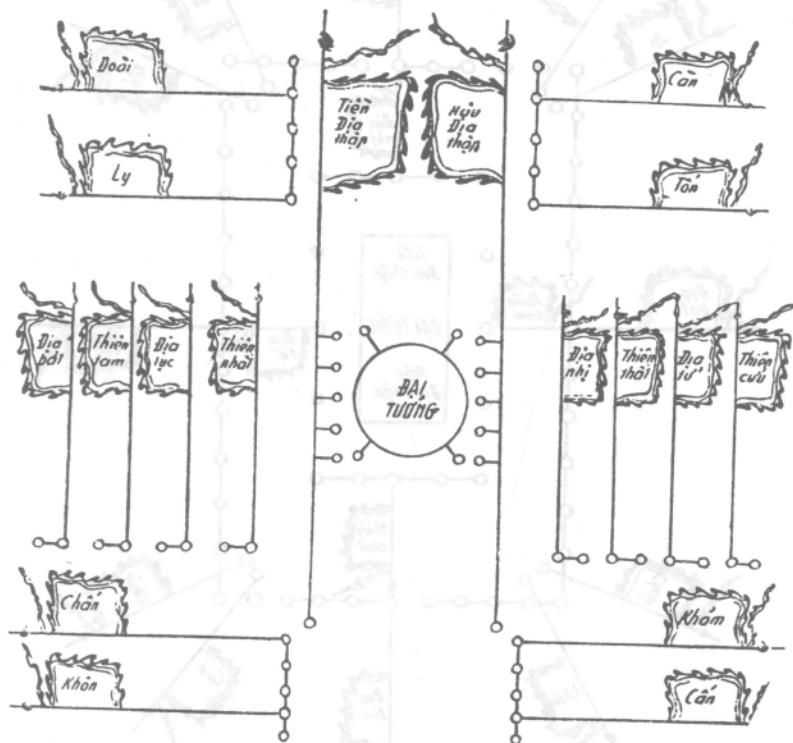
Ba trận trên là phép cổ do Hoàng đế chế, số quân có 5.800 người mà đại tướng ở giữa cầm quân cơ đã 1.000 người, còn 4.800 người chia làm 12 đội, mỗi đội có một ty tướng coi 400 người. Đây là số quân. Nếu muốn bày trận thì trước bày trận *Thái cực bao hàm*, đại tướng ở giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, trước bày trận ngũ hành, một hành làm một trận, mỗi đội 200 người. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng, đội Địa bên tả cách đại tướng 30 bước mà đứng; đội Thiên bên hữu cách đại tướng 30 bước mà đứng. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng, ngoài đội Địa bên tả là đội Nhật nối theo, ngoài đội Nhật là đội Dương nối theo, ngoài đội Dương là đội Phong nối theo, ngoài đội Phong là đội Xà nối theo, ngoài đội Xà là đội Phượng nối theo. Bên hữu, ngoài đội Thiên là đội Nguyệt nối theo, ngoài đội Nguyệt là đội Âm nối theo, ngoài đội Âm là đội Vân nối theo, ngoài đội Vân là đội Điều nối theo, ngoài đội Điều là đội Long nối theo. Thành hình chữ nhất (—). Nếu bên tả đội Phượng gặp giặc thì lấy đội Phượng làm chính, đội Xà làm kỳ, đội Phong tiếp chiến, đội Dương ứng cứu, đội Nhật làm chi bên tả, đội Địa làm cánh bên tả, để cùng giúp nhau. Bên hữu đội Long gặp giặc thì lấy đội Long làm chính, đội Điều làm kỳ, đội Vân tiếp chiến, đội Âm cứu ứng, đội Nguyệt làm chi bên hữu, đội Thiên làm cánh bên hữu. Như thế thành trận thứ nhất *Thái cực bao hàm*.

Nếu muốn biến làm trận *Thái tổ tam tài* thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi; đại tướng tiến lên bày trận ngũ hành mà đứng. Ở dưới thì hai đội Thiên Địa cách nhau 50 bước mà đứng. Bên tả, ngoài đội Địa thì đội Nhật đứng nối ngang theo để làm đáy trận. Bên hữu ngoài đội Thiên thì đội Nguyệt cũng đứng nối ngang để làm đáy trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì bên tả đội Dương đi chéo lên đứng vào bên ngoài đội Nhật, ngoài đội Dương, đội Phong cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Phong, đội Xà cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Xà, đội Phụng cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Xà, đội Âm đi chéo lên đứng bên ngoài đội Nguyệt, ngoài đội âm, đội Vân cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Vân, đội Điều cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Điều, đội Long cũng đi chéo lên đứng nối theo. Phép tiến lui đánh đâm cũng giống trận trước. Đây là trận thứ hai biến làm *Thái tổ tam tài*.

Nếu muốn biến làm trận *Thái thủy hồn nguyên* thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi; đại tướng cũng ở giữa mà bày trận ngũ hành. Xong rồi lại đánh một tiếng chiêng thì đội Địa ở bên tả đi nhanh thẳng lên mà đứng ở trước trận, đội Thiên ở bên hữu lui xuống đứng ở sau trận. Đội Nhật bên tả đi chéo lên đứng ở bên tả đội Thiên, đội Nguyệt bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Thiên, để làm mặt sau trận. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì

đội Dương bên tả đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nhật, đội Âm bên hữu cũng đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nguyệt, để làm ruột trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Phong bên tả đi chéo lên đứng ở bên tả đội Địa, đội Vân bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Địa, để làm mặt trước trận. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Xà bên tả đi ngang ra nối vào bên trên đội Phong, đội Phượng cũng đi ngang ra nối vào bên dưới đội Nhật, đội Diểu bên hữu cũng đi ngang ra nối vào bên dưới đội Nguyệt, đội Long cũng đi ngang ra nối vào bên trên đội Vân, để làm du binh ứng tiếp. Như thế thì thành trận thứ ba *Thái thủy hôn nguyên*.

Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến.
Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến.



Hình 4. Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến.

BÀN VỀ HAI TRẬN TRÊN

Tiên thiên Hà đồ là con long mã mang đồ thư hiện ra trên sông, Phục Hy theo đấy mà vạch ra bát quái, Hoàng đế theo đấy mà chế ra trận pháp. Số quân óc 7.600 người, đại tướng lĩnh 1.000 người, còn 6.600 người, trước lấy 5.000 người chia làm 9 đội⁽¹⁾ làm số thiên địa. Trong 9 đội ấy quân nhiều ít không đều nhau là theo phép chẵn lẻ trước sau của trời đất. Lại lấy 1.600 người chia làm 8 đội bát quái, mỗi đội 200 người để phòng khi dùng đến. Phép này đại tướng đứng ở giữa, đánh năm tiếng chiêng một tiếng trống, trước bày quân làm trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Địa thập phát một cái thì đội Địa thập đằng trước đứng vào bên tả đại tướng, đội Địa thập đằng sau đứng vào bên hữu đại tướng. Lại thổi một hồi còi, cầm cờ Bát quái phát một cái thì các đội Bát quái đi thẳng lên chia làm hai dãy, bên tả thì bốn đội Khôn Chấn Ly Đoài đứng ở bên ngoài đội Địa Thập tiên, bên hữu thì bốn đội Cấn Khảm Tốn Càn đứng ở bên ngoài đội Địa thập hậu. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Thiên nhất phát một cái thì đội Thiên nhất tiến lên đứng vào bên tả các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu thì đội Địa nhị

⁽¹⁾ 9 đội là : Thiên nhất, Địa nhị, Thiên tam, Địa tứ, Thiên thất, Địa lục, Thiên cửu, Địa bát và Địa thập. Còn Thiên ngũ là đại tướng, mà Địa thập lại chia hai làm Địa thập tiên, Địa thập hậu.

cũng tiến lên đứng vào bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Càn. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phát một cái thì đội Địa lục tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên nhất, bên hữu thì đội Thiên thất cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa nhị. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phát một cái thì đội Thiên tam tiến lên đứng ngang bên tả đội Địa lục, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Thiên thất. Lại đánh tám tiếng chiêng, chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phát một cái thì đội Địa bát tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên tam, bên hữu thì đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa tứ. Như thế thì thành trận *Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến*. Việc tiến lui đánh dâm chính kỳ ứng tiếp thì cũng giống như trận *Thái cực* trước, không cần nói nữa.

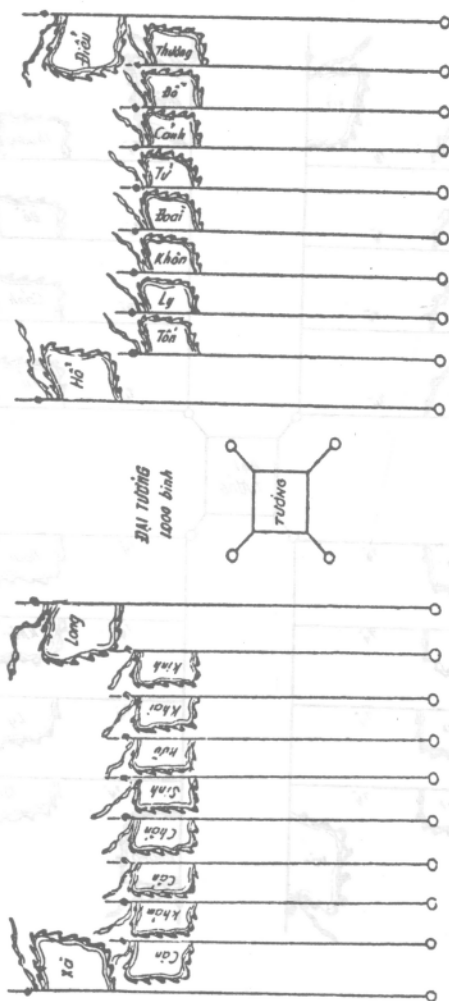
Nếu muốn biến làm trận *Tiên thiên Hà đồ bát quái hổ tàng đả bố*⁽¹⁾, thì đại tướng đứng giữa đánh năm tiếng chiêng một tiếng trống, cũng tiến lên trước bày trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh mười tiếng chiêng mười tiếng trống, cầm cờ Địa thập phát lên, thì bên tả đội Địa thập tiến lên đứng chặn ngang trước mặt đại tướng, bên hữu đội Địa thập hậu lùi xuống đứng chắn ngang sau lưng đại tướng. Xong rồi, lại thổi một hồi còi, cầm cờ Bát quái phát lên, thì bên tả các đội

⁽¹⁾ Hổ tàng đả bố: Che giấu lẫn nhau để đánh giặc và bắt giặc

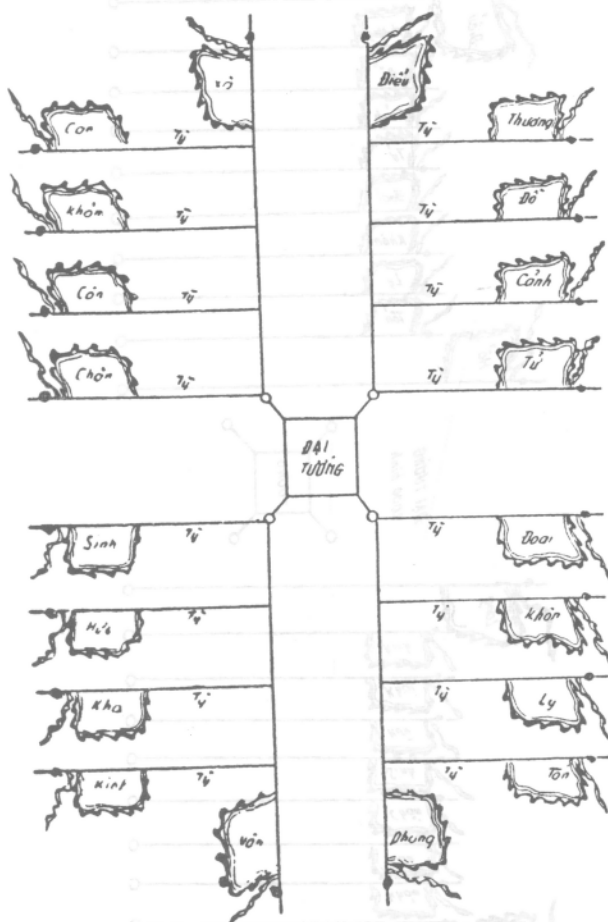
Khôn Chấn Ly Đoài tiến lên đứng vào bên tả đại tướng, bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Cấn tiến lên đứng vào bên hữu đại tướng. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng hai tiếng trống, cầm Cờ Thiên nhất phát lên, thì bên hữu đội Thiên nhất lui xuống đứng vào đằng sau đội Địa thập hậu, bên hữu đội Địa nhị cũng tiến lên đứng vào đằng trước đội Địa thập tiến. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phát lên, thì bên tả đội Địa lục lui xuống đứng vào bên dưới đội Thiên nhất, bên hữu đội Thiên nhị cũng tiến lên đứng vào bên trên đội Địa tam. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phát lên, thì bên tả đội Thiên tam tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Cấn Khảm Tốn Cấn. Xong rồi, lại đánh tám tiếng chiêng chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phát lên, thì bên tả đội Địa bát tiến lên đứng vào bên ngoài đội Thiên tam, bên hữu đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng vào bên ngoài đội Địa tứ. Như thế là phép âm dương xen nhau, che giấu lẫn nhau. Xong rồi, đại tướng lại thổi ba hồi còi, cầm cờ Bát quái phát lên, thì bên tả hai đội Khôn Chấn rẽ ngang xuống đứng vào góc đông-bắc, hai đội Ly Đoài cùng rẽ ngang lên đứng vào góc đông-nam, bên hữu hai đội Cấn Khảm rẽ ngang xuống đứng vào góc tây-bắc, hai đội Tốn Cấn cùng rẽ ngang lên đứng vào góc tây-nam. Như thế thì thành phép *Tiên thiên Hà đồ Bát quái hổ tàng đả bổ*.

Trận chính Bát môn kim toả
Trận Bát môn kim toả nhị biến
Trận Bát môn kim toả tam biến
Trận Bát môn kim toả tứ biến

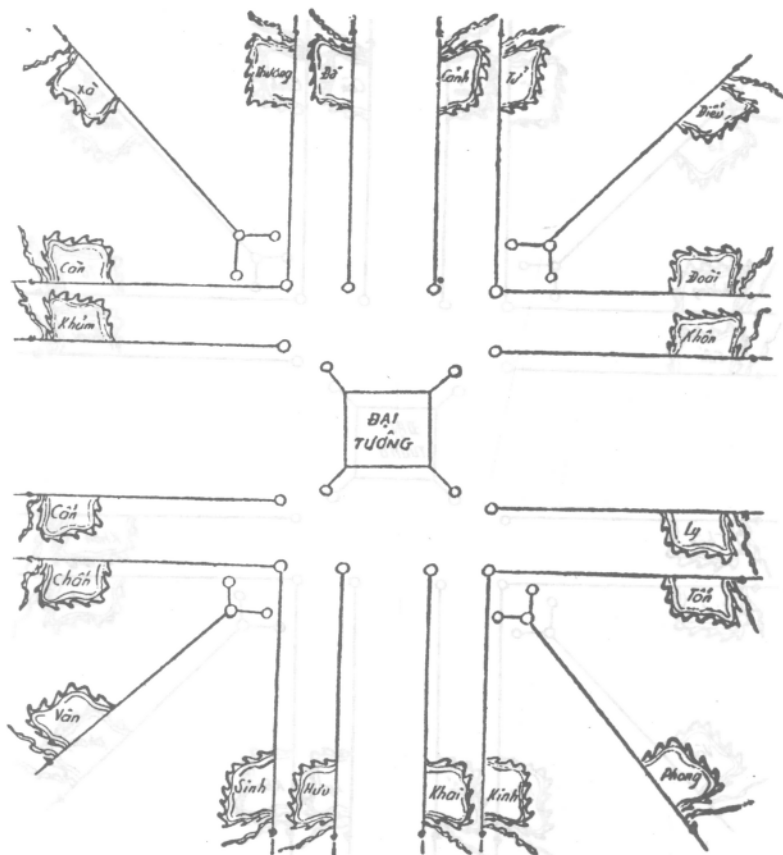
Hình 6. Trận chính Bát môn kim tỏa



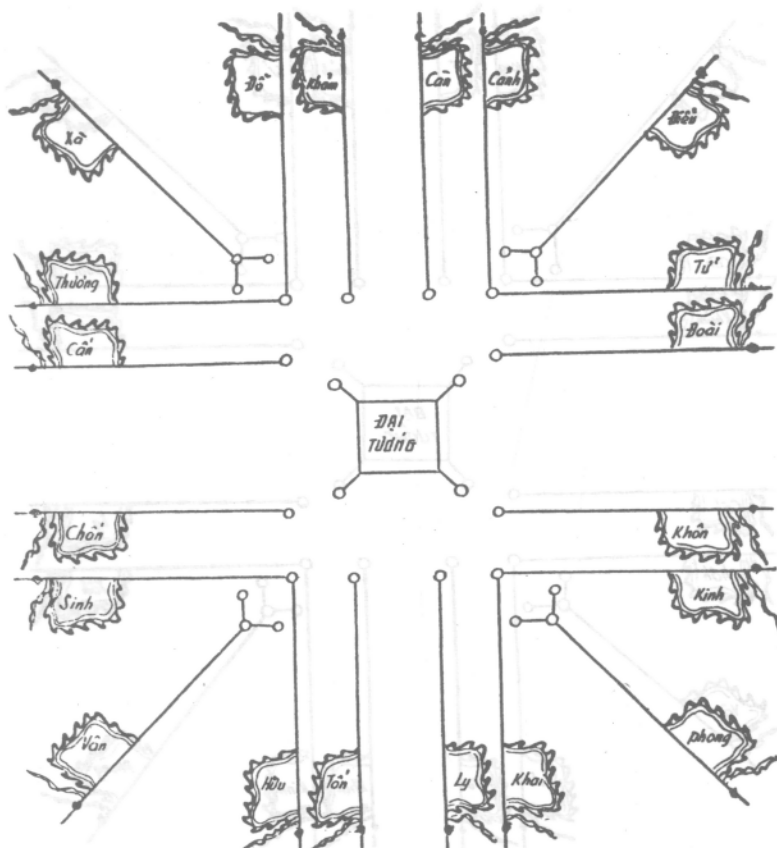
Hình 7. Trận Bát môn kim tỏa nhị biến.



Hình 8. Trận Bát môn kim tỏa tam biến.



Hình 9. Trận Bát môn kim tỏa tứ biến



BÀN VỀ BỐN TRẬN TRÊN

Trận *Bát môn Kim tỏa* của Nam Dương tiên sinh đời Hậu Hán bắt chước số bát môn bát quái mà đặt ra là phép mà Khổng Minh vẫn thường dùng, hình như cái khoá, phép rất khít khao, cho nên Khổng Minh gọi là Kim tỏa. Trận đầu số quân một nửa chỉ có 5.000 người mà đại tướng trước lĩnh 1.000 bày trận Ngũ hành để nắm then máy, chỉ còn 4.000 người, chia làm 20 đội, mỗi đội đặt một tỳ tướng, cai quản 200 người, có các hiệu Phong, Vân, Xà, Điểu, Hươu, Sinh, Thương, Đỗ, Cảnh, Tử, Kinh, Khai, Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Phép trận, đại tướng đứng giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì đội Vân tiến từ bên tả đứng ngang ở ngoài đại tướng, bên hữu thì đội Phong cũng tiến từ bên hữu đứng ngang ở ngoài đại tướng, thành Vân Phong đối nhau để làm nhãn trận (mắt trận). Đã có mắt thì bốn chi thể cùng trăm khúc xương đều theo đấy làm hiệu lệnh. Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả ngoài đội Vân là đội Kinh đứng nối theo, ngoài đội Kinh là đội Khai đứng nối theo, ngoài đội Khai là đội Hươu đứng nối theo, ngoài đội Hươu là đội Sinh đứng nối theo, ngoài đội Sinh là đội Chấn đứng nối theo, ngoài đội Chấn là đội Cấn đứng nối theo, ngoài đội Cấn là đội Khảm đứng nối theo, ngoài đội Khảm là đội Càn đứng nối theo, để làm vây cánh trận tả; bên hữu thì ngoài đội Phong là đội Tốn đứng nối theo, ngoài đội Tốn là đội Ly đứng nối theo, ngoài đội Ly là đội

Khôn đứng nổi theo, ngoài đội Khôn là đội Đoài đứng nổi theo, ngoài đội Đoài là đội Tử đứng nổi theo, ngoài đội Tử là đội Cấn đứng nổi theo, ngoài đội Cấn là đội Đoũ đứng nổi theo, ngoài đội Đoũ là đội Thương đứng nổi theo, để làm vây cánh trận hữu. Đã có mất cùng vây cánh thì sao không có tai? Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến lên đứng ở bên ngoài đội Càn để làm tai bên tả, bên hữu thì đội Điều tiến lên đứng ở bên ngoài đội Thương để làm tai bên hữu. Như thế là thành trận *Bát môn đệ nhất biến ngang dài*. Đó là trận đệ nhất biến. Nếu giặc đánh vào đội Xà bên tả thì lấy đội Xà làm chính, đội Vân làm kỳ, các đội Càn, Khảm, Cấn, Chấn làm tả chi, các đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh làm tả dực để cứu. Nếu giặc đánh vào đội Điều bên hữu thì lấy đội Điều làm chính, đội Phong làm kỳ, các đội Thương, Đoũ, Cấn, Tử làm hữu chi, các đội Tốn, Ly, Khôn, Đoài làm hữu dực để cứu. Còn như đại tướng thì ở giữa nên bị giặc đánh trước, thì đội Vân đội Phong làm chính, đội Xà đội Điều làm kỳ, các đội Kinh, Khai, Hưu, Tử, Càn, Khảm, Cấn, Chấn làm tả chi, các đội Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Tử, Cấn, Đoũ, Thương làm hữu dực, để cùng cứu ứng nhau. Thế là biến chính làm kỳ, biến kỳ làm chính, lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, làm phép biến trận mầu nhiệm. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “Trận như con rắn Thường Sơn, đánh đầu thì đuôi cứu, đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu”. Các phép biến sau đều theo đấy mà liệu tính.

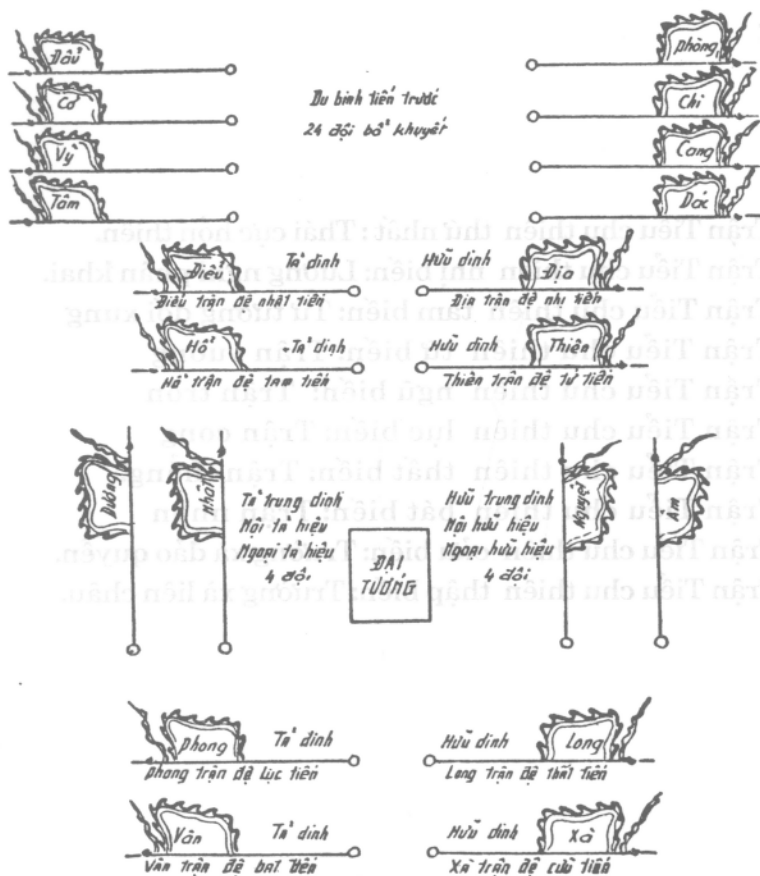
Đến như tái biến thì đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, tiến lên trên trận, bày trận ngũ hành để nắm then máy. Xong rồi, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến trước lên đứng vào góc bên hữu trận, còn các đội khác cũng theo thứ tự như trận trên mà tiến nổi lên, thì đội Vân lại ở vào góc bên tả dưới trận. Thế là Thái cực nhất động mà sinh dương. Đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bên hữu đội Điều tiến lên trước đứng vào góc bên hữu trên trận, mà các đội khác cũng theo thứ tự mà tiến theo nổi lên, thì đội Phong lại ở góc bên hữu dưới trận. Thế là Thái cực tái động mà sinh âm. Còn phép ứng tiếp đánh dâm cũng giống trận trước. Thế là trận *Bát môn kim tỏa nhất biến vi nhị*. Đây là trận đệ nhị biến.

Nếu muốn biến làm trận thứ ba thì đại tướng đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, tiến lên bày trận ngũ hành, mỗi hành số binh 200 trở xuống. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng thì bên tả bốn đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh lui xuống đứng chắn ngang sau trận, mà bốn đội Càn, Khảm, Cấn, Chấn lui đứng về bên tả trận, bên hữu bốn đội Tử, Cảnh, Đo, Thương tiến lên đứng ngang ở trước trận, bốn đội Đoài, Thiên, Ly, Tốn thì tiến đứng về bên hữu trận, còn bốn đội Phong, Vân, Xà, Điều thì vẫn đóng yên ở bốn góc trận như trước. Phép tiến lui đánh dâm cũng giống như trước. Thế là thành lưỡng nghi sinh tứ tượng. Đây là trận *đệ tam biến*.

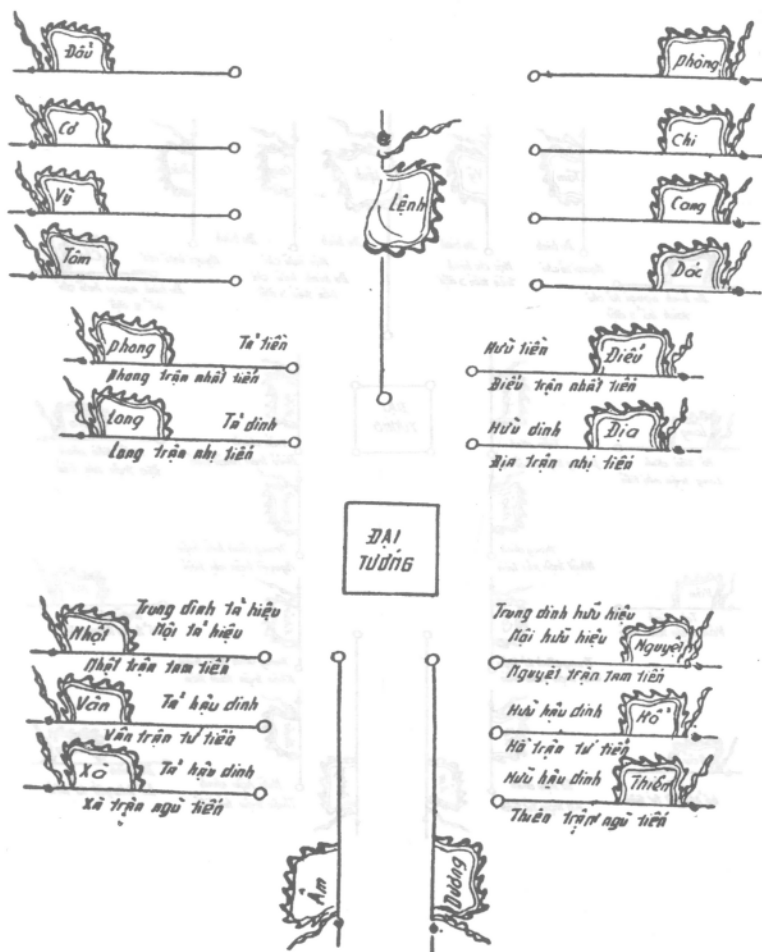
Nếu muốn biến nữa thì đại tướng đánh một tiếng trống, hai đội Hữu, Sinh ở sau trận bên tả đi chéo lên đứng ngang vào chính nam trước trận, hai đội Đỗ, Thương đi chéo lên đứng vào góc trên đông-nam, hai đội Cấn, Chấn đứng thẳng vào chính đông bên tả trận, hai đội Kinh, Khai ở sau trận bên hữu đi chéo lên đứng vào góc dưới tây-bắc, hai đội Ly, Tốn lui xuống ngang vào chính bắc sau trận, mà hai đội Cảnh, Tử ở trước trận thì đi chéo lên đứng vào góc tây-nam, hai đội Khôn, Đoài đứng vào chính tây bên hữu trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Vân ở góc dưới bên tả đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Sinh, Hữu, mà đội Xà thì đứng xen quãng giữa hai đội Cấn, Khảm, đội Phong ở góc dưới bên hữu đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Kinh, Khai, mà đội Điều thì đứng xen vào quãng giữa hai đội Cảnh, Tử ở góc trên. Thế là thành trận *Bát môn Kim tỏa đệ tứ biến*.

Trận Tiểu chu thiên thứ nhất : Thái cực hỗn thiên.
Trận Tiểu chu thiên nhị biến: Lương nghi phân khai.
Trận Tiểu chu thiên tam biến: Tứ tượng đối xung
Trận Tiểu chu thiên tứ biến: Trận vuông
Trận Tiểu chu thiên ngũ biến: Trận tròn
Trận Tiểu chu thiên lục biến: Trận cong
Trận Tiểu chu thiên thất biến: Trận thẳng.
Trận Tiểu chu thiên bát biến: Trận nhọn
Trận Tiểu chu thiên cửu biến: Trường xà đảo quyền.
Trận Tiểu chu thiên thập biến: Trường xà liên châu.

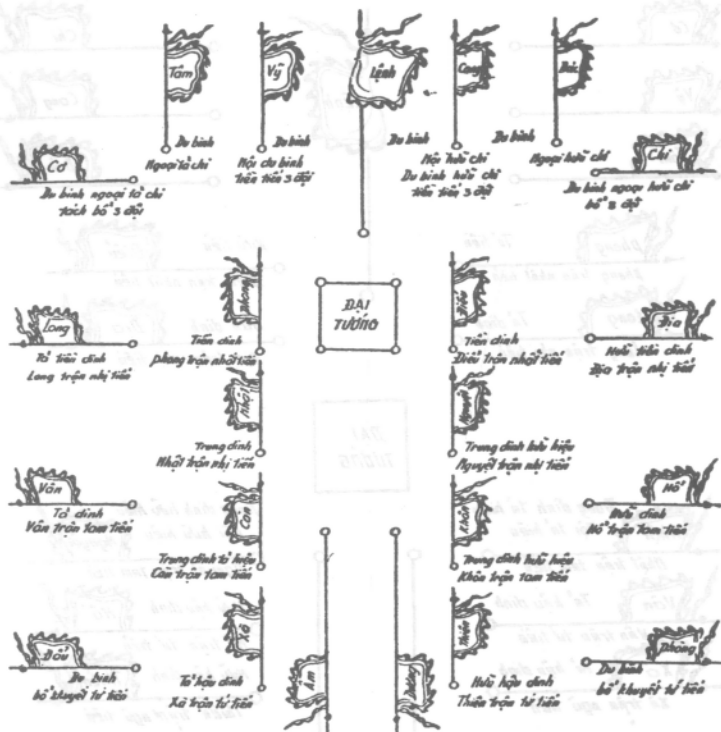
Hình 10. Trận Tiểu chu thiên thứ nhất: Thái cực hỗn thiên



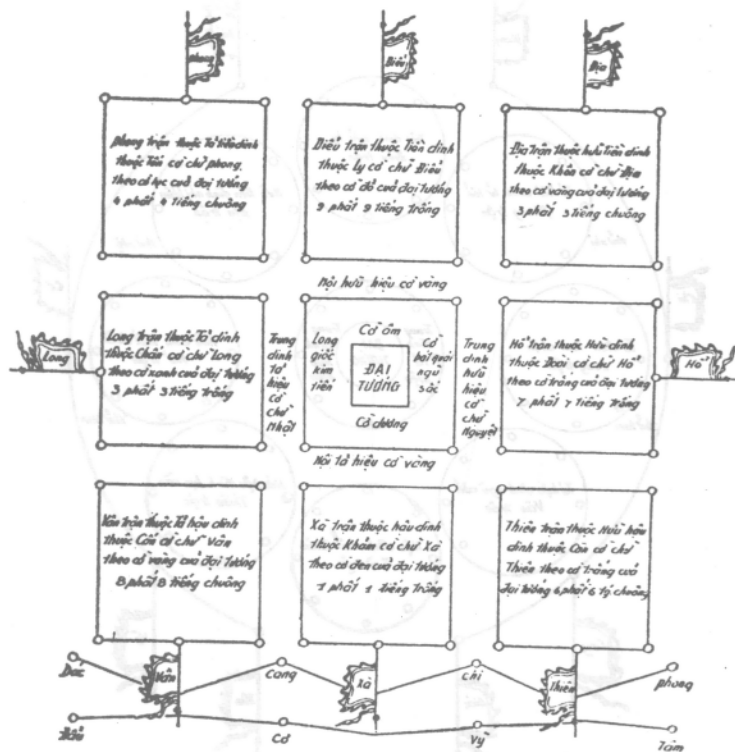
Hình 11. Trận nhị biến: Lưỡng nghi phân khai.



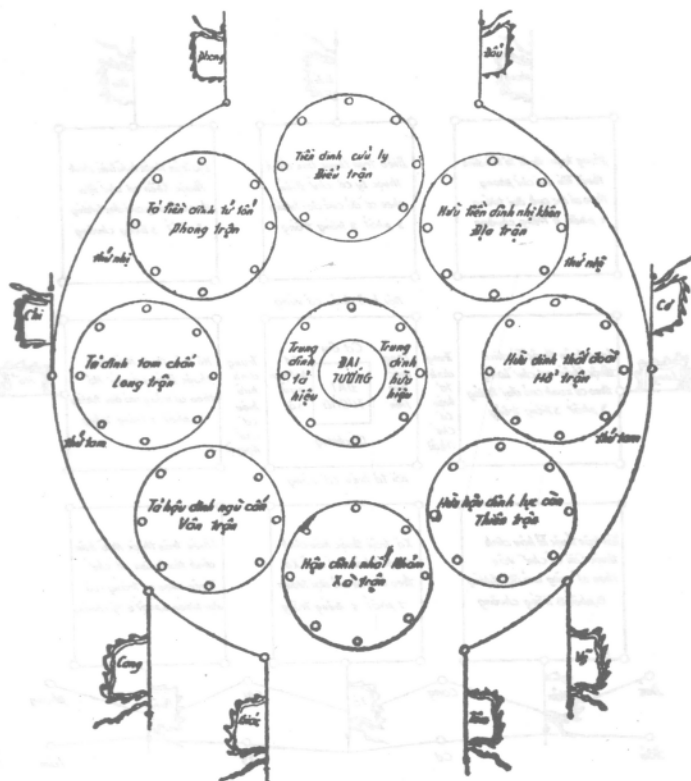
Hình 12. Trận tam biến: Tứ tượng đối xứng.



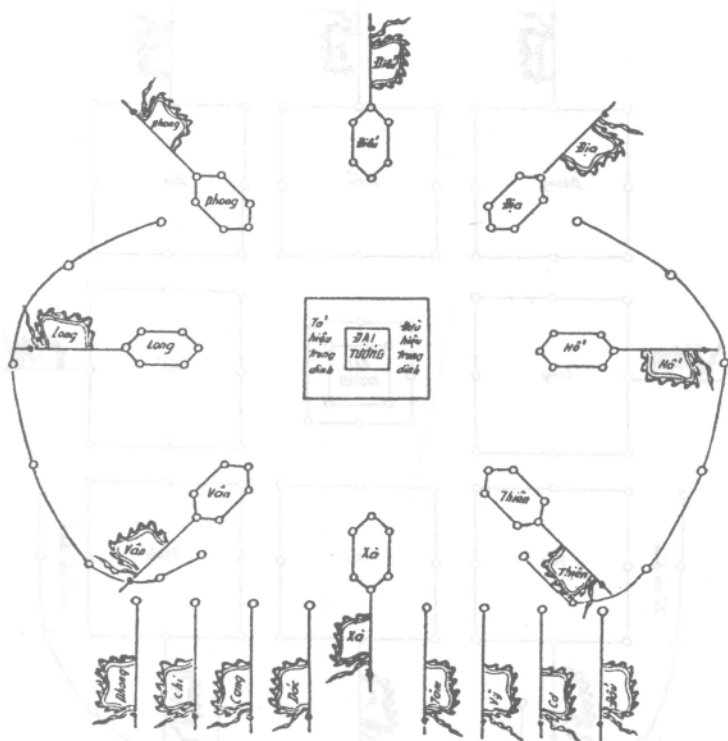
Hình 13. Tiểu chu thiên đệ tứ biến: trận vuông.



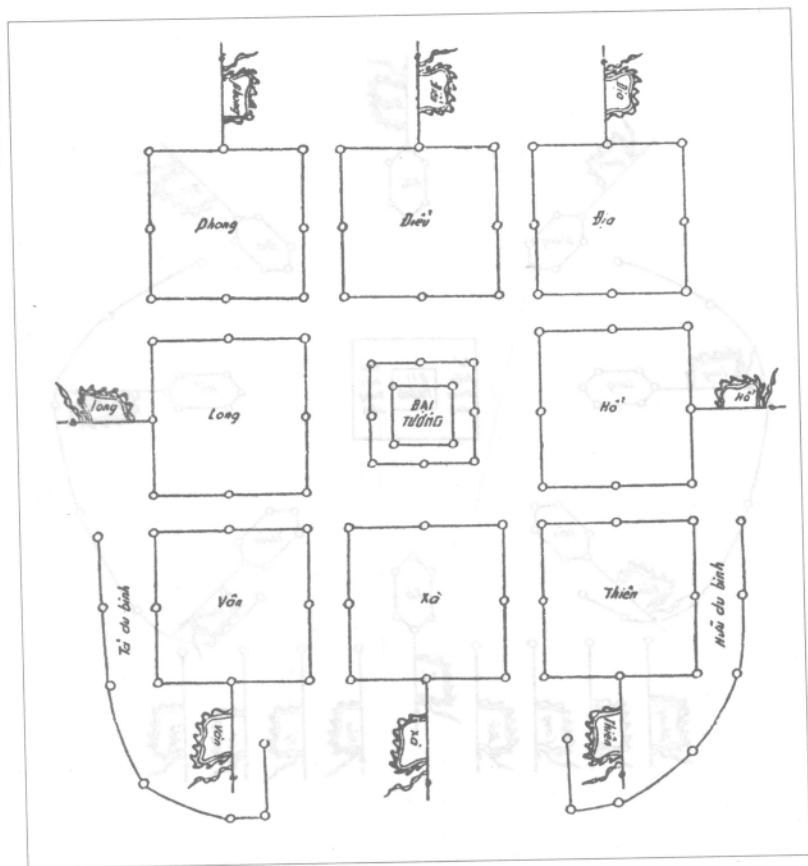
Hình 14. Tiểu chu thiên đệ ngũ biến: trận tròn.



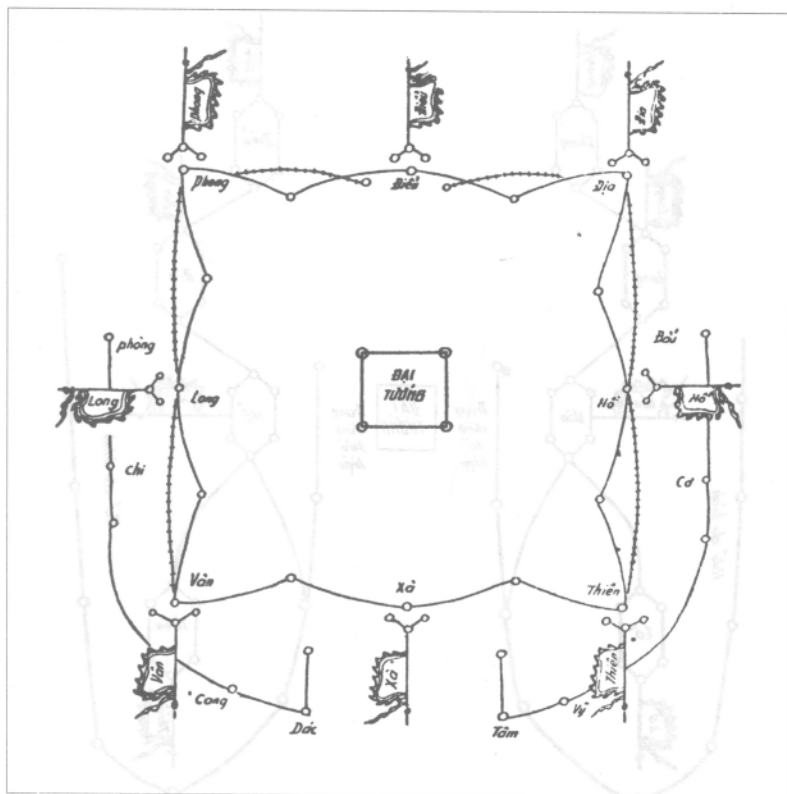
Hình 15. Tiểu chu thiên đệ lục biến: trận công.



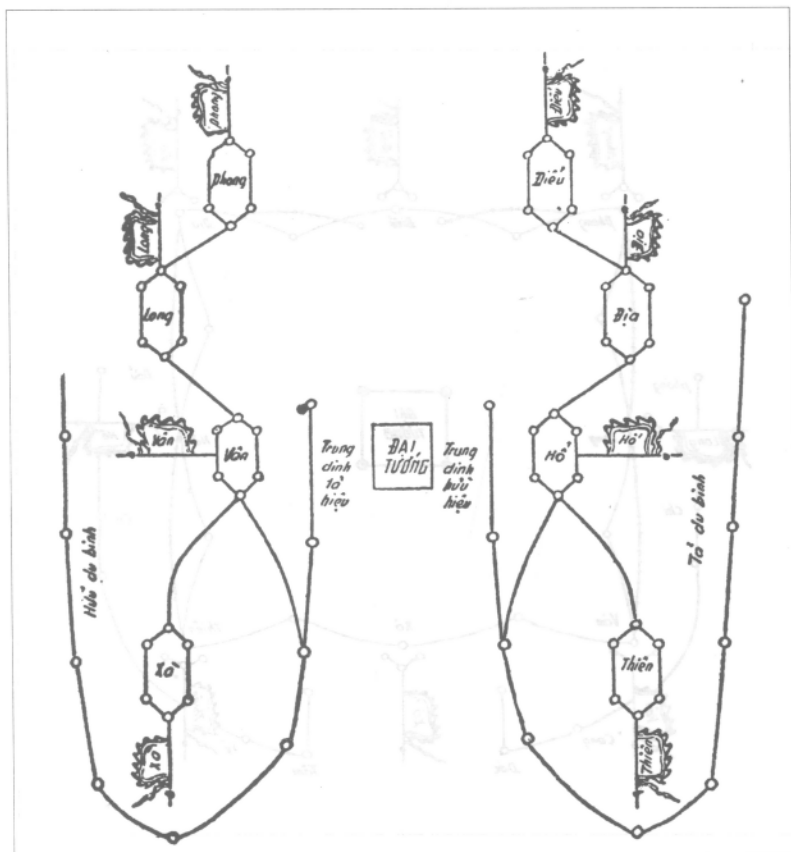
Hình 16. Tiểu chu thiên đệ thất biến: trận thăng.



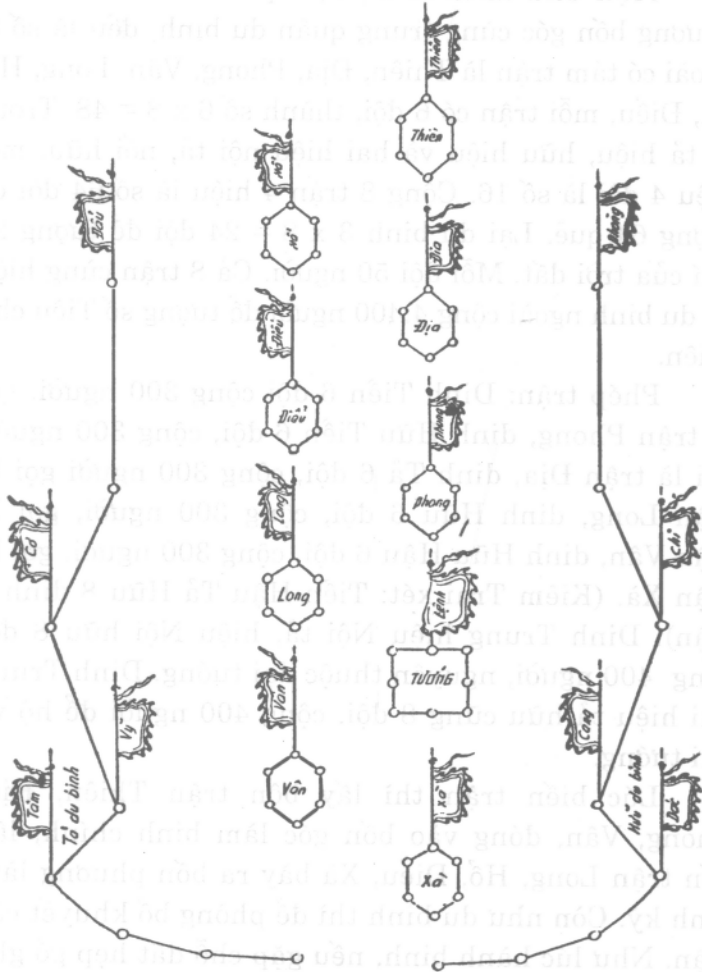
Hình 17. Tiểu chu thiên đệ bát biến: trận nhon.



Hình 18: Tiểu chu thiên đệ cửu biến: Trường xà đảo quyền.



Hình 19. Tiểu chu thiên đệ thập biến: Trường xà liên châu.



BÀN VỀ CÁC TRẬN TIỂU CHU THIÊN

Trận Chu thiên là trận pháp của Tôn Võ tử. Bốn phương bốn góc cùng trung quân du binh, đều là số 8, ngoài có tám trận là Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hồ, Xà, Điều, mỗi trận có 6 đội, thành số $6 \times 8 = 48$. Trong có tả hiệu, hữu hiệu và hai hiệu nội tả, nội hữu, mỗi hiệu 4 đội là số 16. Cộng 8 trận 4 hiệu là số 64 đội để tượng 64 quẻ. Lại du binh $3 \times 8 = 24$ đội để tượng 24 khí của trời đất. Mỗi đội 50 người. Cả 8 trận cùng hiệu và du binh ngoài cộng 4.400 người để tượng số Tiểu chu thiên.

Phép trận: Dinh Tiên 6 đội cộng 300 người, gọi là trận Phong, dinh Hữu Tiên 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Địa, dinh Tả 6 đội, cộng 300 người gọi là trận Long, dinh Hữu 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Vân, dinh Hữu Hậu 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Xà. (Kiêm Trai xét: Tiên Hậu Tả Hữu 8 dinh 8 trận). Dinh Trung hiệu Nội tả, hiệu Nội hữu 8 đội cộng 400 người, nguyên thuộc đại tướng. Dinh Trung hai hiệu tả hữu cũng 8 đội, cộng 400 người để hộ vệ đại tướng.

Lúc biến trận thì lấy bốn trận Thiên, Địa, Phong, Vân, đóng vào bốn góc làm binh chính, lấy bốn trận Long, Hồ, Điều, Xà bày ra bốn phương làm binh kỳ. Còn như du binh thì để phòng bổ khuyết các trận. Như lúc hành binh, nếu gặp chỗ đất hẹp gồ ghề thì cho du binh đi trước để dẫn đường. Khi đóng quân

thì du binh ở sau, hoặc để chặn đường vận lương của giặc, hoặc để phá viện binh của giặc, hoặc để đánh úp phá quân, hoặc để cắt đứt phá thế, tùy cơ ứng biến, hình như gió cuốn mây bay, không thể lường được. Nếu bàn chín trận cùng du binh thì lấy chín trận làm chính du binh làm kỳ. Nếu bàn tám trận cùng trung quân thì tám trận làm chính trung quân làm kỳ, mà binh chính nhiều binh kỳ ít. Giả như hành binh ở chỗ đường hẹp thì trước kết trận Chu thiên nhất biến. Lấy trận Điều làm đệ nhất, trận Địa làm đệ nhị, trận Địa là chính mà trận Điều là kỳ, còn đệ tam là trận Hổ, đệ tứ là trận Thiên thì trận Thiên là chính mà trận Hổ là kỳ. Đến như đệ ngũ thì bốn hiệu trung quân là chỗ cầm then máy để hiệu lệnh các quân. Còn đệ lục là trận Phong, đệ thất là trận Long, thì trận Phong là chính, trận Long là kỳ; đệ Bát là trận Vân, đệ cửu là trận Xà, thì trận Vân là chính, trận Xà là kỳ. Thế là một kỳ dương một chính trong Binh pháp. Nếu trận Điều gặp giặc thì trận Điều làm chính, trận Địa làm kỳ; nếu trận Địa gặp giặc thì trận Địa làm chính, trận Điều làm kỳ. Cho nên Binh pháp nói “Chính lại làm Kỳ, Kỳ lại làm Chính; đánh đuôi đầu cứu, đánh đầu đuôi cứu; vòng quanh không có đầu mối” là nghĩa thế đấy. Còn phép chính kỳ đánh đâm của các trận thì cũng theo đấy mà suy ra.

Chu Thiên đệ nhị biến thì chia quân làm hai dây mà tiến. Chi tả, đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là trận Long, đệ tam là hiệu tả dinh Trung cùng hiệu Nội tả,

đệ tứ là trận Vân, đệ ngũ là trận Xà, Chi hữu, đệ nhất là trận Điều, đệ nhị là trận Địa, đệ tam là hiệu Hữu dinh Trung cùng hiệu Nội hữu, đệ tứ là trận Hồ, đệ ngũ là trận Thiên. Nếu giặc đánh vào trận nào, thì các trận chính kỳ tả hữu cùng xúm lại mà cứu, cho nên *Binh pháp* nói rằng “Một chính một kỳ, cùng giúp đỡ nhau” là thế đấy. Ví như giặc đánh vào trận Phong ở chi tả thì trận Long cứu, hiệu Tả dinh Trung cũng theo sau giáp đánh, mà hai trận Vân Xà cũng cứu ứng nhau. Nếu giặc đánh trận Xà thì trận Vân cứu, hai trận Phong Long cũng theo sau giáp đánh mà hiệu Tả dinh Trung cũng cứu ứng nhau. Còn chi hữu thì nhất thiết không được động, một là bình tĩnh để đợi giặc, hai là để nhân chỗ hở mà đánh. Nếu giặc đánh vào chi hữu thì binh cơ ứng dịch cũng theo phép ấy.

Chu thiên đệ tam biến (tứ tượng) thì chia quân mỗi dây lại tách làm hai dây mà tiến. Cho nên chi tả nội thì đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là hai đội hiệu tả dinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại tả), 2 đội hiệu Nội tả (4 đội đã trích bỏ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu ngoại tả, đệ tứ là trận Xà. Chi hữu nội thì đệ nhất là trận Điều, đệ nhị là 2 đội hiệu Hữu dinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại hữu), 2 đội hiệu Nội hữu (4 đội đã trích bỏ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu Ngoại hữu, đệ tứ là trận Thiên. Chi tả ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Long, đệ tam là trận Vân, đệ tứ là du binh bổ

khuyết. (Du binh trên đó có 12 đội thì tách làm 3 đội nội tả du binh, 3 đội ngoại tả du binh, 3 đội bổ khuyết du binh, còn 3 đội thì lui xuống bổ khuyết cho sau trận). Chi hữu ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Địa, đệ tam là trận Hồ, đệ tứ là du binh bổ khuyết (du binh trên đó 12 đội thì tách làm 3 đội đội nội hữu du binh, 3 đội ngoại hữu du binh, 3 đội bổ khuyết du binh, còn 3 đội thì lui xuống bổ khuyết cho sau trận). Nếu gặp giặc thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, bắn một tiếng súng hiệu, hết cả biến làm trận vuông, bốn phương bốn góc, bốn chính bốn kỳ. Hiệu tả hiệu Hữu theo hiệu lệnh của cờ đại tướng mà biến. Ví như hai bên tiếp nhau, dùng trận vuông để đánh, thì đại tướng đánh chín tiếng trống, cầm cờ đỏ phát lên thì trận Điều ra đánh. Đại tướng lại cầm cờ lục cờ vàng phát lên, đánh hai tiếng chiêng thì trận Phong trận Địa ra đánh, lại đánh ba tiếng trống, cầm cờ xanh cờ trắng phát lên, thì trận Long trận Hồ tiếp đánh. Đại tướng cầm cờ vàng cờ trắng phát lên, đánh sáu tiếng chiêng thì trận Vân trận Thiên ra đánh. Lại cầm cờ đen phát lên, đánh một tiếng trống, thì trận Xà tiếp ứng. Nếu trận Điều bất lợi thì hiệu Nội dinh Trung tiếp ứng. Nếu trận Phong bất lợi thì hiệu Nội hữu và hiệu Hữu tiếp ứng. Trận Long bất lợi thì hiệu Tả tiếp ứng. Trận Vân bất lợi thì hiệu Nội tả và hiệu Tả tiếp ứng. Trận Xà bất lợi thì hiệu Hữu và hiệu Nội hữu tiếp ứng. Còn du binh thì bày như hình bán nguyệt, một thuận một nghịch để xung đột thế

giặc. Đây là thế trận vuông.

Nếu ở đồng bằng nội rộng thì kết trận tròn: Đệ ngũ biến trận tròn. Đại tướng phải dùng cờ vàng cùng cờ bát quái, cờ ngũ sắc, cùng các thứ chiêng trống và lệnh tiến để làm hiệu lệnh. Trận Diểu thì dùng cờ Diểu, trận Phong thì dùng cờ Phong, trận Long thì dùng cờ Long, các trận khác cũng như thế. Nếu là hiệu Tả thì dùng cờ Nhật, hiệu Hữu thì dùng cờ Nguyệt, hiệu Nội tả thì dùng cờ Dương, hiệu Nội hữu thì dùng cờ Âm, như hai đạo du binh thì dùng cờ Giác, Cang, Tâm, Vi, Chi, Phòng, Cơ, Đẩu. Không nên lẫn lộn với cờ tướng. Như bốn trận Long, Hồ, Diểu, Xà thì dựng cờ lệnh Chấn Đoài Khảm Ly của đại tướng, bốn trận Thiên, Địa, Phong, Vân thì dựng cờ lệnh Càn Khôn Tốn Cấn của đại tướng. Nếu là du binh thì theo lệnh tiến của đại tướng, không được trễ nải thất thố. Cho nên Binh pháp nói rằng hiệu lệnh “sáng như lửa đuốc, dữ như sấm sét” nghĩa là thế đây. Khi xuất chiến thì đại tướng cầm bốn cờ Khảm Ly Chấn Đoài phát lên, đánh một tiếng trống, thì trận Diểu trận Xà ra đánh mà trận Long trận Hồ giáp đánh. Nếu bốn cờ Càn Khảm, Tốn Cấn phát lên, đánh một tiếng trống, thì trận Thiên trận Địa ra đánh, mà trận Phong trận Vân giáp đánh. Nếu trận Diểu gặp giặc thì trận Địa trận Phong giáp đánh ở tả hữu, trận Long gặp giặc thì trận Phong trận Vân giáp đánh ở tả hữu, trận Hồ gặp giặc thì trận Thiên trận Địa giáp đánh ở tả hữu, trận Xà gặp giặc thì

trận Thiên trận Vân giáp đánh ở tả hữu. Ví như rắn Thường Sơn, đánh vào giữa thì đầu đuôi đều ứng. Thế là phép hai kỳ một chính.

Còn du binh thì bày trận hình sao Đẩu để đặt quân phục mà đánh úp. Song trong du binh cũng có hiệu cờ ngũ hành, ví như lúc thăm đường, nếu đằng trước gặp núi rừng thì dựng cờ Mộc để báo, đằng trước có sông chấn thì dựng cờ Thủy để báo, đằng trước có khói lửa thì dựng cờ Hỏa để báo, đằng trước có thành quách gò đá thì dựng cờ Thổ để báo, đằng trước có binh mã thì dựng cờ Kim để báo. Đây là ý trên dưới giao tiếp, trong ngoài giao thông của *Binh pháp*.

Nếu gặp chỗ đất gập ghềnh hiểm trở thì biến làm trận cong: *Tiểu Chu thiên đệ lục biến, trận cong*. Đại tướng đánh một tiếng chiêng, cầm cờ vàng phát lên thì trận Phong trận Vân ra đánh; đánh ba tiếng trống, cầm cờ vàng phát lên hai cái, thì trận Thiên trận Địa ra đánh; đánh, đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ vàng phát lên ba cái, thì trận Điều trận Long ra đánh; đánh bốn tiếng trống, cầm cờ vàng phát lên bốn cái, thì trận Hồ trận Xà ra đánh. Đây là phép chính kỳ xen nhau trong *Binh pháp*.

Nếu gặp chỗ đường cái rộng lớn thì nên bày trận thẳng: *Tiểu Chu thiên đệ thất biến, trận thẳng*. Đại tướng đánh bốn tiếng trống, cầm cờ xanh phát lên bốn cái, thì trận Điều ra đánh, mà các trận Phong Vân Long Hồ giáp đánh; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ xanh phát ba cái, thì trận Địa ra đánh, mà các trận Điều Phong Thiên Hồ giáp

đánh; đánh hai tiếng trống, cầm cờ xanh phát hai cái, thì trận Hổ ra đánh, mà các trận Điều Địa Xà Thiên giáp đánh; đánh một tiếng trống, cầm cờ xanh phát một cái, thì trận Thiên ra đánh, mà các trận Địa Hổ Vân Xà giáp đánh. Từ tả xoay sang hữu, sau đều như thế. Đây là phép bốn kỳ một chính trong *Binh pháp*.

Nếu như đường cong thì nên dùng trận nhọn: Đệ bát biến, trận nhọn. Đại tướng đánh một tiếng trống, cầm cờ đỏ phát năm cái, thì trận Long trận Điều ra đánh, mà các trận Phong Vân Địa giáp đánh: đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phát bốn cái thì trận Hổ trận Xà ra đánh, mà các trận Thiên Vân giáp đánh; đánh ba tiếng trống, cầm cờ đỏ phát ba cái, thì trận Phong trận Thiên ra đánh, mà các trận Điều Địa Hổ giáp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phát ba cái, thì trận Địa trận Vân ra đánh, mà các trận Hổ Thiên Xà giáp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phát một cái, thì trận Phong trận Địa ra đánh, mà các trận Hổ Điều Long giáp đánh. Đây là năm trận biến hóa.

Nếu như địa hình khuất khúc thì biến làm trận trường xà đảo quyền: *Tiểu Chu thiên đệ cửu biến, Trường xà đảo quyền*. Đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bốn trận Xà Vân Long Phong đảo lên bên tả, bày chéch như thế rần vung, bốn trận Thiên Hổ Địa Điều, đảo lên bên hữu, bày chéch như hình rần vung, để hộ vệ đại tướng, du binh hai bên tả hữu cũng tùy thế mà bày ở ngoài.

Nếu hai trận Diểu Phong gặp giặc, thì đại tướng đánh bốn tiếng chiêng, ba tiếng trống, trận Long trận Địa ra đánh, mà các trận Vân Hồ giáp đánh, các trận Xà Thiên tiếp ứng. Đây là phép hai kỳ hai chính trong *Binh pháp*.

Nếu là núi cao hiểm dốc, khắp khểnh gặp ghềnh, sợ giặc đánh bất ngờ mà đầu đuôi không ứng nhau được, thì biến làm trận rắn dài thẳng tiến, hình như liên châu trường xà: Tiểu Chu thiên đệ thập biến: Trường xà liên châu. Phép này thì trận Thiên tiến thẳng thăm đường ở đỉnh núi, nếu không có địch thì cho người về báo mà chiếm đóng đỉnh núi. Các trận thì theo thứ tự mà tiến. Nếu thấy có địch cũng cho người về báo, cứ từ từ mà tiến lên, không nên gián đoạn. Nếu trận Hồ bên tả không có giặc thì cũng cho người về báo mà chiếm đóng núi bên tả, trận Địa bên hữu không có giặc cũng cho người về báo mà chiếm đóng núi bên hữu. Các trận khác cũng cứ thế mà suy. Nếu giặc đánh vào trận Thiên thì hai trận Hồ Địa ở tả hữu giáp đánh. Nếu giặc đánh vào trận Hồ ở núi bên tả thì trận Địa ở núi bên hữu giáp đánh. Nếu giặc lùi thì trận Thiên tiếp mà đánh, còn các trận khác cũng từ từ tiến lên chiếm đóng. Nếu giặc đánh vào trận Xà đằng sau lưng thì các trận lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, lấy lùi làm tiến, lấy tiến làm lùi, hết rồi lại bắt đầu, thể như chuỗi hạt châu, không nên gián đoạn. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “Chỗ nào dụng là

đầu”, nghĩa là thế đó.

*

TỔNG LUẬN VỀ TOÀN CHỈ CHU THIÊN.

Xét mười trận Chu Thiên, mỗi trận 64 đội, mỗi đội 50 người mà biến hóa vô cùng. Như trận đệ nhất là trận chính Thái cực hỗn thiên, trận đệ nhị là trận biến Lưỡng nghi phân khai, trận đệ tam là trận biến Tứ tượng đối xung, trận đệ tứ là biến trận vuông, trận đệ ngũ là biến trận tròn, trận đệ lục là biến trận cong, trận đệ thất là biến trận thẳng, trận đệ bát là biến trận nhọn, trận đệ cửu là biến Trường xà đảo quyền, trận đệ thập là biến Trường xà liên châu, cộng là mười trận. Trong mười trận ấy đều có phép ngũ hành, như trận tròn thuộc kim, trận vuông thuộc thổ, trận cong thuộc thủy, trận thẳng thuộc mộc, trận nhọn thuộc hỏa, mỗi trận 64 đội, mỗi đội cũng biến thành năm trận là vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, cộng là 320 trận, cùng với 10 trận ở trên là 330 trận, cùng du binh 24 đội tức là biến thành 354 trận. Vì số Chu thiên là số 365 độ, cho nên gọi là trận Chu Thiên.

Xin đem một đội mà nói, để biết. Trong số 50 người, biến chia làm 9 trận, trận Điều 5 người, trận Phong 5 người, trận Vân 5 người, trận Long 5 người, trận Xà 5 người, trận Thiên 5 người, trận Hổ 5 người, trận Địa 5 người, cộng 40 người. Hiệu Tả 2 người, hiệu Nội tả 2 người, hiệu Hữu 2 người, hiệu Nội hữu 2 người. cũng là một đội mà biến. Còn các đội khác

cũng theo đấy mà suy.

Còn du binh 24 đội, thì biến thành 24 trận chữ nhất, cùng với trận Hai cánh uyên ương và 5 trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, trận Thất đầu, trận Ngũ hành, trận Khúc đầu, trận Đảo quyền, trận Liên châu, cộng 35 trận. Trong mỗi trận có đủ sáu thế, một là long phi, hai là hổ cú, ba là điều tường, bốn là xà bàn, năm là phong dương, sáu là vân thủy⁽¹⁾. Ví như trận Phong gặp giặc mà trận Địa trận Vân giáp đánh, thế như hai cánh chim, cho nên gọi là thế điều tường. Thế này là rất dễ đánh úp giặc. Nếu trận Long trận Hổ chia làm hai chi mà tiến thì gọi là thế phong dương, thế này dễ xuyên vào trận giặc. Nếu trận Xà ở sau trận mà đột xuất đánh một mình, các trận tùy thế mà chuyển, thì gọi là thế long phi, thế này dễ diệt giặc. Nếu trận Vân trận Thiên chia làm hai đạo mà chuyển tiến để quanh đánh bên tả bên hữu, thì gọi là thế xà bàn, thế này dễ vòng quanh giặc. Nếu trận Điều ra đánh, giả cách thua chạy khiến du binh phục để đánh úp thì gọi là thế hổ cú, thế này dễ cướp giặc. Nếu trận Điều ra đánh, trung quân phục để đợi dụ giặc vào giữa lòng rồi bốn mặt xúm quanh mà đánh, thế gọi là thế vân thủy, thế này dễ vây giặc. Phàm sáu thế ấy rất dễ dùng để đánh.

Còn như đặt phục ra kỳ thì dùng thế âm dương

⁽¹⁾ Rồng bay; Cọp ngồi; Chim liệng; Rắn cuộn; Gió nổi; Mây rủ.

đáp đối. Thế này lấy nhàn mà đợi nhọc. Như đại tướng cầm cờ vàng phát mĩ, chiêng trống đánh liên, thì bốn trận Long Hồ Xà Điều ra đánh, phút chốc lại thấy ngả cờ im trống, tất là quân lui. Lại một chốc cờ trống rầm trời, thì bốn trận Thiên Địa Phong Vân ra đánh, ít lâu cũng lui. Còn hiệu Tả thì tiếp ứng các trận Thiên Địa Phong Vân, hiệu Hữu thì tiếp ứng các trận Long Hồ Điều Xà, một tiến một lui, hết rồi lại bắt đầu, một động một tĩnh, luân chuyển vô cùng. Đây là thế âm dương đáp đối.

YẾT LUẬN VỀ GIÁO TRƯỜNG DIỄN TRẬN

Phép tập trận ở giáo trường, trước hết phải theo hiệu lệnh của tướng. Nếu tướng lệnh không nghiêm, ba quân không chỉnh, thì làm sao tập trận mà biến hóa được. Cho nên xong ba hồi chiêng trống của đại tướng rồi thì đại tướng cùng bốn hiệu và các tỳ tướng cùng tiến, chia làm tám vị mà tiến. Còn du binh thì chia làm hai đạo tiếp sau mà tiến. Chia binh như thế xong rồi, hễ hiệu cờ bát quái của đại tướng phát lên một cái và đánh một tiếng trống thì bốn trận Long Hồ Điều Xà cùng cất cờ hiệu, và bốn trận Thiên Địa Phong Vân cũng cất cờ hiệu bày làm trận vuông. Xong rồi, du binh biến làm hình bán nguyệt, mỗi người cách nhau một bước. Còn trong 8 trận thì mỗi trận cách nhau 100 bước, chia làm 8 cửa. Đây là *Binh pháp* nói “trong trận có khách trận, trong đội có khách đội”.

Thấy đại tướng cầm cờ vàng phát hai cái và nghe đánh hai hồi chiêng trống xong, thì các trận biến làm trận tròn. Nếu cờ vàng phát ba cái và chiêng trống đánh ba hồi thì các trận biến làm trận cong. Nếu cờ vàng phát bốn cái và chiêng trống đánh bốn hồi thì các trận biến làm trận thẳng. Nếu cờ vàng phát năm cái và chiêng trống đánh năm hồi, thì các trận biến làm trận nhọn. Biến hiệu của các trận khác cũng y theo trận vuông trước. Thế là hiệu lệnh của đại tướng là ở bốn kỳ, hiệu lệnh của bốn kỳ là ở bốn chính mà biến năm trận. Xong rồi, chợt thấy đại tướng cầm cờ ngũ sắc phát một cái và nghe đánh một tiếng trống, thì các trận đều dấy; nếu cờ ngũ sắc phát hai cái, trống đánh hai tiếng thì các trận đều tiến; nếu cờ ngũ sắc phát ba cái, trống đánh ba tiếng thì các trận đều tiến gấp; nếu cờ ngũ sắc phát bốn cái, trống đánh bốn tiếng thì các trận đều lên trước. Ví như lúc giao chiến đang say chợt cờ bát quái phát một cái và thổi một tiếng còi thì các trận tiến về phía đông, cờ phát hai cái và thổi hai tiếng thì các trận tiến về phía nam, cờ phát ba cái và thổi ba tiếng thì các trận tiến về phía tây, cờ phát bốn cái và thổi bốn tiếng thì các trận tiến về phía bắc, cờ phát năm cái và thổi năm tiếng thì các trận đều về. Nếu nghe đánh lẻ một tiếng chiêng thì các trận bãi chiến, đánh hai tiếng chiêng thì các trận đều đứng, đánh ba tiếng chiêng thì các trận đều quay lưng lại, đánh bốn tiếng chiêng thì các trận đều lui, đánh năm tiếng chiêng thì các trận đều về nguyên vị mà đứng. không

được làm rối loạn. Ví như trận vuông thấy đại tướng cầm cờ vàng phát một cái, nghe đánh một tiếng trống, thì trận Địa giờ cờ hiệu lên mà trận Điều ra đánh; cờ vàng phát hai cái, trống đánh hai tiếng thì trận Hồ giờ cờ hiệu lên trước mà trận Địa ra đánh; cờ phát ba cái, trống đánh ba tiếng thì trận Long giờ cờ hiệu lên trước mà trận Phong ra đánh. Các trận khác đều theo như thế.

Lại như trận tròn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 2 cái, nghe đánh chiêng 2 tiếng thì trận Điều trận Địa ra đánh, cờ phát 3 cái, trống đánh 3 tiếng thì trận Phong trận Long ra đánh. Hiệu lệnh các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận cong, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 3 cái, nghe đánh chiêng 3 tiếng thì trận Vân trận Địa đều giờ cờ hiệu, mà trận Điều trận Xà ra đánh; cờ phát 4 cái, chiêng đánh 4 tiếng thì trận Phong trận Thiên đều giờ cờ hiệu, mà trận Long trận Hồ ra đánh. Các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận thẳng, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 4 cái nghe đánh trống 4 tiếng thì trận Long trận Xà đều giờ cờ hiệu, mà trận Phong trận Vân ra đánh; cờ phát 5 cái, trống đánh 5 tiếng thì trận Điều trận Hồ đều giờ cờ hiệu, mà trận Thiên trận Địa ra đánh. Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Lại như trận nhọn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 5 cái, nghe đánh chiêng 5 tiếng thì trận Điều ra

đánh; cờ phát 6 cái, trống đánh 6 tiếng.. Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Còn như hiệu Tả thì trông cờ Dương mà ứng, hiệu Hữu thì trông cờ Âm mà ứng. Đến như du binh thì xem lệnh tiến của đại tướng. Nếu lệnh tiến phóng một cái thì 4 đạo Dác, Cang, Chi, Phong ra tiếp ứng; lệnh tiến phóng 2 cái thì 4 đạo Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu ra tiếp ứng; lệnh tiến phóng 3 cái thì các đạo du binh đều tiếp ứng.

Đánh ngày thì dùng hiệu cờ, đánh đêm thì dùng hiệu đèn. Quân các trận ra dinh, cờ sắc gì, quần áo gì phải cho ba quân tai nghe mắt thấy, ngày thường thuộc sẵn để đến khi ra trận thì như thân sai cánh tay, cánh tay sai ngón tay, mạch lạc quán thông, ai dám không theo. Cho nên Gia Cát nói rằng phép đồ trận phải hiệu lệnh nghiêm minh, bộ khúc chỉnh tề, cùng hàng ngũ bộ số, trước sau tả hữu, tiến lui đánh đâm, cái gì cũng thuộc kỹ. Người dũng không thể tiến một mình, người nhát không thể lui một mình, cùng lòng cùng sức, cùng phù trì nhau. Cho nên 5 người làm một ngũ, 50 người làm một đội, nếu một người xông lên đánh giặc mà bốn người không cứu, một ngũ gặp nguy mà chín ngũ đứng nhìn, thì theo quân pháp mà trừng trị. Dẫu người bách tính lạ nhau cùng quân ô hợp cũng thân nhau như anh em cha con, có ai dám trái lệnh phạm pháp đâu.

Còn như người chấp nhất, học phép Thái ất kỳ môn, đem ba quân bày các trận mà phương không biết,

chế độ không xét, chỉ câu nệ vương tướng cô hư⁽¹⁾, thiên quan thời nhật⁽²⁾, mà về đạo làm tướng thì mờ mịt không hiểu gì, thế thì có khác gì sa xuống vực sâu, ngã vào hang tối, tất là bại binh tổn tướng, có dùng làm gì. Còn ai nghe lời ta đây thì hẳn là trăm đánh trăm thắng.

Lại xét về chân trận, cũng có phương lược chắc chắn. Ví như trận vuông, thì trước sai trận Xà trận Diểu ra đánh, rồi sai trận Long trận Hồ giúp nhau, thì 4 trận Thiên, Địa Phong, Vân cũng kết làm 8 trận mà đứng. Nếu là trận tròn thì trước sai trận Thiên trận Địa ra đánh, rồi sai trận Phong trận Vân giáp đánh, thì 4 trận Long Hồ Xà Diểu cũng kết làm 8 trận mà đứng. Mỗi một trận 6 đội nên chia đôi ra lấy 3 đội làm một trận, thì các nửa trong 4 trận cũng thành 8 trận. Các trận khác cũng theo đây mà suy.

YẾU PHÁP PHÁ TRẬN.

Phàm phép phá trận, đời xưa vẫn có. Nhưng phải có phương lược, nếu không có phương lược thì phá sao nổi. Ví như bên địch bày trận vuông, trước sai trận Diểu ra đánh, rồi sai trận Phong trận Địa tiếp đánh, thì ta bày trận tròn, trước sai hai trận Xà Diểu đón đánh, rồi sai bốn trận Long Hồ Thiên Địa tiếp đánh. Như thế thì họ có một mà ta có hai, lo gì chẳng phá

⁽¹⁾ Vương tướng cô hư: Chữ của đạo gia nói hành nào thì vương về chi nào.

⁽²⁾ Thiên quan thời nhật: Giờ này do Thiên quan xem.

được trận. Các trận khác cũng theo đấy mà suy.

TỔNG BÌNH VỀ TẬP ĐỊA

Kiểm Trai xét: Loan Khê xử sĩ dẫn lời bàn của Tùng Cúc chủ nhân nói rằng: Sách *Quãng nghĩa* nói thế đất không dày chỉ chỗ muôn vật nặng không mang nổi, cho nên *Kinh Dịch* nói Khôn (đất) dày chỗ vật, đức lớn không có bờ nào, là nghĩa thế đấy. Xem như đất đặt núi sông để ngăn Di Dịch, dịch phong cương để dựng muôn nước, công đức biết là đường nào. Lại có núi cao chót vót, sóng dữ sục sôi, xem như cửa Kiếm Các⁽¹⁾, cửa Hào Hàm, dầu có đường ruột dẽ đường chân chim mà quân giáo đồng ngựa sắt, cũng khó bay nhảy vào được. Lại xem dòng sông Trường Giang, sóng biển Bột Hải, dầu có sức buồm nhẹ chèo mau mà cái nạn đắm thuyền đuổi người vẫn chưa khỏi sợ. Đấy đều là đất đặt núi sông để giữ vững vậy. Tôi đọc sách *Hổ trướng khu cơ* đến Tập Địa thì vỗ sách mà than rằng: Xem thánh hiền xưa đặt ra trận pháp, như các trận Tiên thiên Hà đồ, Bát môn kim tỏa, cùng các trận Chu thiên tựa hồ đương chỗ đồng bằng nội rộng mà đột ngột nổi lên ngũ hồ ngũ nhạc, chín châu bốn biển, dầu có nghìn môn vạn hộ, bốn mặt tám phương, nhưng trong ấy hiểm trở kín đáo thế không lọt được cái kim, ví dù quân giặc trăm vạn, đồng tướng nghìn viên cũng không làm gì nổi. Thế mới biết Gia Cát tiên sinh học trận pháp có thể bảo là đức

⁽¹⁾ Cửa ải ở tỉnh Tứ Xuyên ngày nay

ngang với trời, công ngang với đất vậy. Chỉ thấy chín sao rõ ràng, tám cửa âm hợp, chiếm cơ quan của trời đất, cướp tạo hóa của phong vân, trước sau bày thế Diệu Xà, tả hữu chia hình Long Hồ; bính đình đội trước, như muôn tia lửa nóng đốt non; nhâm quý theo sau, như nghìn đợt sóng cuộn ngập đất; thế tả xoay vần thanh khí; hình hữu soi suốt bạch quan; khôn thổ chỉ chiếm trung ương; hoàng đạo toàn theo mậu kỷ⁽¹⁾. Kể trong tám cửa, đủ phần hai mươi tám sao; các trận bốn phương, ẩn cả sáu mươi tư quẻ. Quanh quanh quần quần, rồi ren đội ngũ biến trường xà; chỉnh chỉnh tề tề, im lặng uy nghi như phục hổ; trận Mai hoa một xung một đột; trận Tam tài hoặc trước hoặc sau. Chẳng phải khoe bát trận thành công; chẳng phải nói lục thao thủ thắng. Học thì học diệu kế của Khổng Minh; dùng thì dùng thần cơ của Lã Vọng. Nếu không phải tiên núi Bạch Hạc truyền phép diệu, thì làm sao rồng bay lên trời giúp công to?

⁽¹⁾ Mậu kỷ là thổ, thuộc trung ương.

HỒ TRƯỞNG KHU CỎ

QUYỂN III

TẬP NHÂN

YẾU CHỈ VỀ TƯỚNG

Phàm đạo làm tướng, có tám điều cốt yếu: Một là dốc nhân, hai là minh nghĩa, ba là cẩn tín, bốn là trí tuệ, năm là minh triết, sáu là tài năng, bảy là cương dũng, tám là uy nghiêm. Trong tám điều ấy, lấy chí thành làm chủ. Cho nên *Kinh Dịch* nói rằng: “Chí thành là đạo trời, giữ thành là đạo người, chưa thấy có thành mà lại không cảm động được lòng người”. Cho nên làm tướng có tám điều cốt yếu ấy, nếu đem lòng chí thành để giữ gìn, thì trên có thể giúp đỡ xã tắc, chia phần lo việc với vua; dưới có thể giữ mệnh ba quân, cứu nhân dân trong cảnh khổ.

Nhân làm đầu mọi nét tốt, là đức của lòng người, đạo trời lấy làm đầu, đạo người lấy làm gốc. Cho nên, thể thì yên lặng như núi, dụng thì mạnh mẽ khó đương. Nếu làm tướng mà không dốc lòng nhân thì lấy gì để cố kết nhân tâm cho giặc phục? Cho nên người xưa nói “Không sợ thế giặc đương cường, chỉ sợ lòng dân đã hờ”,

là nghĩa thế đấy.

Nghĩa là lẽ phải của việc để kiềm chế lòng người. Không có nghĩa thì việc làm mất lẽ phải, người người tạm bợ. Cho nên làm tướng tất trước phải biết nghĩa. Nghĩa đã rõ thì có thể hết trung báo ơn nước, xử sự đúng lẽ mà duy trì được lòng người. Ngày xưa Nhạc Nghị làm tướng nước Yên mà người nước Tề phục là có nghĩa, cũng bởi thế đấy. Nếu làm tướng không biết nghĩa chính đại mà cầu lợi lật vật, thì người thất phu thất phụ vác cày bữa mà đuổi đi, còn đánh giặc làm sao được.

Tín là cửa báu của nhà nước, là gốc rễ của muôn việc, dẫn giống vật ngu si cũng biết cảm động. Cho nên cổ nhân cảm động lợn cá⁽¹⁾, bắn xuyên hổ đá⁽²⁾, há chẳng bởi lòng thành tín sao? Tấn Văn công không tham lợi đánh ấp Nguyên⁽³⁾, Tề Hoàn công không trái hẹn với Tào Mạt⁽⁴⁾, rồi làm nên bá nghiệp được. Trọng Do nửa lời xử

⁽¹⁾ Lợn cá: **Kinh Dịch**, quẻ Trung phu nói “Lợn cá cũng tin” là lòng thành tín cảm động đến cùng, vì lợn cá là giống vật ngu mà còn cảm động được.

⁽²⁾ Bắn hổ đá: **Hán thư** chép Lý Quảng đi săn thấy hòn đá ở trong cỏ, nghĩ là con hổ, giương cung lên bắn, bắn trúng, đến sau thấy chỉ là hòn đá mà tên vào đá ngấp vè, lại bắn lần nữa thì tên không cắm đá nữa.

⁽³⁾ Ấp Nguyên: Tấn Văn công đem quân đi đánh Nguyên, hẹn cho quân đem lương ăn 3 ngày, 3 ngày không hạ được, cho quân về. Ấp Nguyên phục là thành tín mà hàng.

⁽⁴⁾ Tào Mạt: Tề Hoàn công hội với Lỗ Hâu. Tào Mạt là tướng Lỗ, cầm gươm hiếp Hoàn công, Hoàn công hẹn trả lại đất cho nước Lỗ, sau Hoàn công toan không trả, Quản Trọng can rằng: Muốn thành nghiệp bá, phải giữ lời hứa. Hoàn công bèn trả đất cho nước Lỗ.

án⁽¹⁾, Nhạc Nghị một lũ phá tề⁽²⁾, đều bởi có tín đấy thôi. Cho nên thánh nhân nói rằng “Bỏ việc ăn, bỏ việc quân, duy tín không thể bỏ được”, thì biết tín là việc của báu không thể khinh. Lúc bình thời còn như thế nữa là lúc loạn! Cho nên làm tướng mà cần tín thì chính lệnh đưa ra, vững như vàng đá, tin như bốn mùa, không ai dám có lòng gì khác. Nếu làm tướng mà bất tín, thì trên dưới hai lòng, quân cơ mất nhịp, dầu đưa trẻ năm thước cũng chẳng vui lòng, nữa là nước giặc sao!

Trí là cái gì cũng biết. Nếu có trí tuệ thì việc thiên hạ, dầu việc rất nhỏ trông qua cũng biết nữa là việc binh. Cho nên làm tướng có trí tuệ thì vận dụng đúng mực, kinh quyền hợp nhịp, mà cơ biến trong phút chốc xử trí dễ như trở tay, dầu quỷ thần cũng không thể lường, huống chi là người! Nếu làm tướng mà không trí tuệ thì nhắc một góc, ba góc vẫn không nổi được, trong lúc xử sự chỉ như người đánh dấu mạn thuyền để tìm gương. Lúc lâm cơ thì khác nào sừng dê húc giậu, dầu có quân trăm vạn mạnh như Mạnh Bôn, Ô Hoạch⁽³⁾ cũng ngồi mà chờ chết, huống chi là trong lúc thăng thót! Cho nên *Kinh Dịch* nói “Đệ tử dư thi⁽³⁾, đột như,

⁽¹⁾ Xử án: Trọng Do, tức Tử Lộ là người dưng tin, cho nên nói nửa lời cũng đủ kết xong việc án.

⁽²⁾ Nhạc Nghị làm tướng nước Yên, đi đánh nước Tề, vì có tín nghĩa nên năm nước láng giềng giúp quân cho, mới đánh nổi nước Tề.

⁽³⁾ Mạnh Bôn, Ô Hoạch: Hai người dưng sĩ đời Tần Vũ Vương.

⁽³⁾ Đệ tử dư thi: Con em chết xác chở đầy xe. (*Kinh Dịch*, Quẻ Sư hào lục ngũ)

kỳ lai như, phần như⁽¹⁾, tử như, khí như⁽²⁾, khắp huyết liên như⁽³⁾”, những lời ấy có sai đâu.

Minh là tự lòng mình sáng thiêng không mờ tối, cho nên đối với việc thiên hạ dấu nhỏ như mằm mống hào lý đều hiểu rõ hết. Phàm những lời gièm pha thãm thía, những lời vu cáo quanh co mà không nhận thức như kẻ không trông thấy cả xe củi, thì đều không phải là thế bản nhiên. Cho nên làm tướng phải minh triết, để phòng việc nhỏ, thì trong khoảng cơ biến còn rõ ràng ở trước mắt, huống là tình hình bên địch. *Kinh Dịch* nói “Quân tử biết mềm biết rắn, biết nhỏ biết lớn, biết cơ là thân rồi; giao thiệp với người trên không nịnh, giao thiệp với người dưới không nhờn mà minh triết giữ mình”, là nghĩa thế đấy.

Tài năng là phẩm quý của người mà rất khó được. Phàm người có tài, mở trời xoay đất, giúp nước yên dân, thì thiên tử không bắt làm tội được, chư hầu không đem làm bạn được. Nếu người làm vua mà không thành kính tận lễ ba lần đến đón thì không được gặp. Còn những tài nhỏ tầm thường, sần sần hèn mọn, vẫn không đủ giúp

⁽¹⁾ Đột như, kỳ lai như, phần như: Nếu cương táo bất trung thì thế cương đột đến, bức bách người trên như lửa đốt (*Kinh dịch*, Quẻ Ly hào cứu tử)

⁽²⁾ Tử như, khí như: Đốt như thế tất có họa hại cho nên tất chết; nghịch đức như thế mọi người đều bỏ (*Kinh dịch*, Quẻ Ly hào cứu tử).

⁽³⁾ **Khắp huyết liên như** Nơi cực hiểm mà không quân ứng viện, đến cùng chỉ khóc đổ máu mắt ra mà thôi. (*Kinh Dịch*, Quẻ Truân hào thượng lục).

nước, võ không đủ yên dân, mà dùng làm việc quân thì là đem quân trăm vạn mà xô xuống ngôi rãnh thoi, không cậy gì được.

Cương thì không bị dụ vì lợi, mà dũng cũng nhờ vào đấy, thấy điều nghĩa là làm ngay, lâm sự thì thận trọng, như Thang Võ một lần nổi giận mà thiên hạ được yên, thế mới là đại dũng. Còn những người mặc áo giáp cầm giáo sắc, đánh tan trận giặc, bẻ gãy mũi nhọn và múa gươm quắc mắt, đó chỉ là dũng huyết khí, không phải là đại dũng quân tử. Cho nên làm tướng mà không cương dũng thì bị dụ vì lợi, thấy lợi là làm, mà ba quân không cử động chân tay được.

Nghiêm là việc cốt yếu của binh gia, bởi vì quyền hành cõi ngoài về tay đại tướng. Người xưa nói “Tướng ở ngoài, mệnh vua cũng có điều không theo”, là nghĩa thế đấy. Làm tướng mà không uy nghiêm thì quân sĩ dọc ngang, ba quân trể nải, dầu chỗ đất bé nhỏ như nốt ruồi viên đạn cũng không đánh lấy được, huống là đối với giặc mạnh! Cho nên làm tướng trước phải hiệu lệnh nghiêm minh, ba quân chỉnh túc, giữ thì bất chước Chu Á Phu đóng quân Tế Liểu, lệnh thì bất chước Tôn Võ tử luyện tập nữ binh. Như thế thì sĩ tốt khi đánh giặc dầu chết cũng không dám lui, ba quân ra trận nếu lâm nguy càng hăng hái, dầu giặc khỏe như gốc quách thối dai còn không đủ sợ, huống là đám giặc cỏ, như đàn ong lũ kiến. Cho nên nói rằng làm tướng phải lấy uy nghiêm làm việc cốt yếu.

PHÉP CHỌN TƯỚNG LUYỆN BINH.

Phàm tướng là đồ quan trọng của nhà nước. Đồ cứng thì gãy, quyền trọng thì nguy; binh là hung khí, bất đắc dĩ mới dùng đến. Cho nên binh quý tinh mà không quý nhiều, tướng cần mưu mà không cần dũng. Binh cơ không chuyên dùng một người nào, tướng quyền không chuyên giao một người nào. Bởi vì chuyên dùng một người thì thua, chuyên giao một người thì mất. Cốt ở hoà nhân tâm mà thôi. Phàm chọn người, có người ném bút nghiên mà đi lập công danh, thì tùy tài mà bổ dùng; có người mất nhà mà thể chết, thì trao chức mà chuyên dùng; có người đội tội mà lập công, thì tha tội lỗi mà dùng lấy; có người bày lời mà dâng lên, thì xem người mà dùng lời; có người bị nhục với kẻ vẻ vang mà tự sỉ, thì xét tài mà yên ủi lòng; có người gan dạ mà ra trận, thì cho đi trước để thoả lòng. Cho nên *Binh pháp* nói “Cội gốc có một, là ở sai khiến người, sai người mà được chỗ cốt yếu thì là trọng khí của miếu đường”, có phải lời nói không đâu. Phàm phép dùng thì tùy theo tài, hỏi để nói xem trả lời có rõ ràng không, hỏi gan cùng để xem có biến hóa không, bảo cho việc khó khăn để xem khí thế, cho uống rượu say để xem thái độ. Như thế thì hiền ngu hay dở không thể giấu được⁽¹⁾. Đến khi dùng, tài lớn thì dùng làm việc lớn, tài nhỏ thì dùng làm việc nhỏ, người hiền ngu hay dở đều không bỏ ai. Ví như dùng gỗ, gỗ tốt như kỷ tử, dầu cao vài thước,

⁽¹⁾ So với chương “chọn *Binh thư yếu lược*, quyển I

người thợ giỏi cũng không bỏ. Cho nên *Binh pháp* nói “Về việc quân, năm tài không bỏ sót thứ gì”, lời nói đáng tin thay. Như người điếc thì chuyên việc nhìn, có thể giữ vọng lâu; người mù thì chuyên việc nghe, có thể khiến cầm canh; người ngay không tham thì cho giữ kho; người tham không sợ chết thì cho đi tiên phong; người trung không mang hai lòng thì cho làm gián điệp. Năm tài đều dùng không bỏ sót, thì tướng sĩ hòa nhau, đánh một trận mà thành công. *Binh pháp* nói “Sĩ tốt theo mệnh, bởi vì kính lễ hiền nhân thì sĩ dễ đến”. Bởi vì tính mệnh ba quân ở trong tay một tướng, tướng dùng người, như nuôi vợ con, người dưng thì cho ăn lộc hậu, người trí thì đem thân ủy cho, người tài thì phong tước cho, người hiền thì lấy lễ mà khuyến. Ví như người rét thì cho áo mặc, người đói thì cho cơm ăn, người ốm thì cho thuốc uống, người chết thì thương xót mà tống táng. Như thế thì lòng sĩ tốt thà chết chứ không lui để sống.

Binh pháp lại nói “Tướng chịu trách nhiệm lúc nguy”. Bởi vì có lúc an thì có lúc nguy; ăn lộc vua thì siêng việc vua, nếu lúc an mà không lo thì như chim yến làm tổ trên màn, như con cá bơi lội trong chậu, an thế nào được. Lúc lâm nạn thì có tai mất chân tay. Người không tai mất lấy gì mà nghe trông, không chân tay lấy gì mà động tác. Cho nên người trí thì làm tai mắt lòng dạ, người dưng thì làm chân tay nanh vuốt. Chớ vì người mình yêu mà tác uy; chớ vì mình có quyền mà lấn át; chớ vì thế mà oan riêng;

chó đem thưởng cho người thân. Như thế thì trên dưới cùng lòng mà ba quân liễu chết. Cho nên Thần kinh nói rằng “Tướng như thuyền, quân như nước, nước chở được thuyền mà cũng đắm được thuyền”. Nếu thưởng không đáng công, phạt không đúng tội, thì ba quân đều oán. Cho nên, người có công dẫu thù cũng thưởng, người có tội dẫu thân cũng phạt; thưởng không để quá một tuần, phạt chẳng nề người thân, là nghĩa thế đấy. Cho nên Binh pháp nói “Điều cốt yếu để cho quân hòa là ở thưởng phạt công, thủ xả minh mà thôi”. Lại nói “Tướng cần có nhiều người phụ”. Bởi vì nhiều người phụ thì tướng mạnh, ít người phụ thì tướng yếu. Ví có tướng dữ như hổ lang, lại được quân như báo khuyển, tướng biết tình quân, quân biết ý tướng, dẫu quân nhiều đến trăm vạn, chỉ bảo cũng như chỉ bảo một người.

Như hành binh phải có lễ, sai người phải theo thời. Kể ra lễ là tiết văn của thiên lý, là nghi tắc của nhân sự, như người đi trước đợi người đi sau, người đi sau trông người đi trước, người bên tả đợi người bên hữu, người bên hữu đợi người bên tả; ngồi chia trên dưới, uống rượu chớ ồn ào, thấy cửa không tranh cướp, thấy sắc không cưỡng cưỡng, đều là lễ cả. Thời là âm dương nóng rét, xuân hạ thu đông, sớm tối no đói. Theo thời mà sai khiến, cũng như thân mình. Quý tiện dẫu khác, lòng người giống nhau. Tướng rõ điều ấy thì lòng người hẳn hoà. Được lòng hòa thì Tân Việt kết làm anh em, mất lòng hoà thì anh em cũng thành cừ thù. *Binh*

pháp nói rằng “yêu sĩ tốt như yêu gái đẹp, thần cơ không lường được; thấy sĩ tốt mà không thương thì quân trong lăm giặc; tướng có nghĩa thì binh có công”, là ý thế đấy.

Làm tướng chớ cùng ba món, mang bốn giống. Ba món là: Nói cùng lời thì lòng người oán, hiểu sắc đến cùng thì trong thành loạn, dùng của đến cùng thì thiên hạ tan. Bốn giống là giống tham thì quân không phục, giống độc thì quân không hoà, giống kiêu thì quân tất thua, giống hung thì quyền hẫng mất. Tướng không biết như thế, sao làm cho quân hoà được? *Binh pháp* nói “Ở dưới mỗi thớt hũn có cá to; ở dưới thưởng trọng hũn có người anh dũng”. Nếu thưởng phạt không minh, dùng người không quyết, tiểu nhân làm quan ở triều đình, quân tử ẩn náu ở nhà quê, thì tướng chẳng đáng tướng, tất đem nước cho giặc. Không biết dùng người hiền thì bị nước địch khinh. Cho nên mong người hiền như khát mong nước uống, thấy người hiền sợ tiếp đãi không kịp thì mới phải. *Binh pháp* nói rằng “Áo giáp không bền, khác gì không mặc áo; bắn không trúng, khác gì không có tên bắn; có người hiền mà không biết dùng, khác gì không có người hiền; trong nước không hoà, khác gì không có vua”, là nghĩa thế đấy. Lại nói “Người trên theo lời gièm thì kẻ dưới lừa lòng”. Trên dưới lừa nhau thì thất hòa; thất hòa thì kẻ có tội cũng không sợ, người được thưởng cũng không phục, bởi vì thưởng phạt đều khinh, tội tình rất nặng. Cầu người giỏi không bằng cầu gái đẹp là đem mình cho giặc: làm tội không đáng tội là

đem quân cho giặc; thưởng phạt bắt mình thì quân bất hòa. Cho nên dùng binh lấy hoà làm quý, lấy lễ làm đầu. Quân đóng thì theo lễ, quân đi thì dùng uy. Cơ mưu tự khi đóng trại, ứng biến ở lúc lâm thời, thưởng phạt không nhầm, cơ biến rất đúng, thì tự nhiên quân thắng trận.

Lại tướng nên bỏ tám điều tệ, chớ bỏ ba điều hòa. Tám tệ là :kiêu mà khinh người trí, lừa mà không tập, dưng mà vô mưu, tham mà ăn bản, rượu hồng tính tình, sắc hồng việc nước, độc mà bất nhân, chuyên mà tự đoán. Trong tám điều ấy mà mắc một điều là đem thân cho giặc. Ba điều hòa là: hòa với quân lính, hòa với liêu hữu, hòa với mấy nước láng giềng. Trong ba điều hòa ấy nếu bỏ mất một là đem nước cho giặc. *Binh pháp* nói: “Tướng không có nanh vuốt, như người đói ăn thuốc độc; quân không có nghiêm lệnh, như người mù đi đêm”. Cho nên tướng phải dùng người, quân phải giữ phép mới phải. *Binh pháp* lại nói: “Dùng người không có phép, thì quân sĩ xông xao”. Bởi vì không có phép thì nhọc mà vô công. Cho nên dùng người có 6 cách: Một là người kiêu thì cho đánh trước, đến đâu là tung hoành, đằng trước không thấy có giặc, đằng sau không thấy có vua, trên không nệ trời, dưới không nệ đất, tiến thì như đất rách núi lở, uy bay muôn dặm, nước địch tất phải sợ hãi. Hai là người tham thì sai tranh lương cướp cỏ, không kể sống chết, lòng chỉ tham lợi, lợi cho binh lương. Ba là người dưng thì nên dùng làm chân tay dúi vế, để phòng lúc nguy nan thì họ liều chết. Bốn là người

trung tín thì sai gián điệp, sự cơ rõ ràng, đặt phục xuất kỳ, nghe lệnh tất theo, nghe trống tất đi, việc không sai trái. Năm là người già yếu thì sai giữ kho, ngày đêm giữ cẩn thận, kẻ gian không dám xâm phạm. Sáu là người cường tráng thì nên sai theo quân mà vận lương, gánh gạo, gánh nước, hái củi. Sáu hạng người ấy đều nên chuẩn bị cả. Cho nên *Binh pháp* lại nói “Chuyên hiệu lệnh, thông tin báo, chia trước sau, rõ đặt phục, truyền ra vào, vâng tiến lui, hiểu thiên thời, xét địa lợi, biện nhân hòa”, là ý thế đấy. Làm tướng trước lập thân mình mà sau cho quân tập; định kế sách mà chọn nhân tài, luyện tập binh lính mà cố lệ sĩ tốt; trí năng hơn mọi người, dũng mãnh nhất tam quân, nắm tài đủ cả, ba đức nắm toàn. Năm tài là nhân, trí, dũng, trung, tín. Ba đức là khoan, từ, thiện. Phàm lượng rộng như sông biển, để lòng không mà nhận lời can, thì gọi là khoan. Nhân thương người dưới, ơn đến ba quân thì gọi là từ. Tài kiêm tam lược, trí đủ năm xe, thì gọi là thiện (giỏi). Phàm người đánh giỏi vận cơ mưu ở trong màn trướng, thành công không riêng, có nhiều người giúp; quyết được thua ở lúc hành trận, động chẳng một mình, tiến phải có quân. Còn như bày trận để nắm quân lính, cấm cớ để chia đội ngũ, nổi chiêng trống để nghiêm hiệu lệnh, giảng súng đạn để vững đồn dinh, tránh tên đạn, ngầm tằm theo lệnh, đánh kẻo giữ dinh, công thành hiến đầu giặc, can qua luôn sẵn sàng, mệnh trời cho, lòng người hòa, nước láng giềng giúp, nước thù địch hàng, thế mới có thể lập công ở đương thời, để tiếng cho

hậu thế.

YẾU LUẬN VỀ QUÂN CƠ

Quân cơ có sáu điều cốt yếu: Một là uy nghiêm, hai là hiệu lệnh, ba là chỉnh túc, bốn là tinh nhuệ, năm là tử tế, sáu là thanh liêm. Uy nghiêm là việc cuối cùng của tướng pháp, mà là việc bắt đầu của quân cơ. Vua không nhân không lấy gì mà sai tướng; tướng không uy không lấy gì mà sai quân. Tướng chỉ đông thì không dám hướng về tây, chỉ nam thì không dám hướng về bắc; giục tiến không dám lui, thúc lên trước giặc thì không dám ở lại sau; nếu không theo thì có quân pháp. Cho nên *Binh pháp* nói rằng “Hiệu lệnh nghiêm như sấm lớn”. Chọn nên nghiêm là việc trước nhất của quân cơ.

Hiệu lệnh là then chốt của quân cơ, quân không có lệnh như hổ không có đầu, đến lúc cơ biến, chân tay không động tác được. Cho nên nói rằng đánh trận ban ngày thì lấy cờ xí làm hiệu lệnh, đánh trận ban đêm lấy chiêng trống làm cơ quan. Ví như cờ phất một cái thì tiến, cờ phất hai cái thì lui, trống ba tiếng thì tiến, chiêng một tiếng thì lui, trong khoảng phương lược, cái gì cũng là mắt thấy tai nghe, cho nên đến lúc lâm trận, không nói mà tin, không giận mà sợ.

Chỉnh túc là việc gốc của quân cơ. Nếu bộ khúc rối loạn, hàng trận lộn xộn, thì giặc coi như trẻ con, đánh dễ như bẻ cành khô, còn chống giặc làm sao được.

Tinh nhuệ tất có dũng cảm, dũng cảm tất có lòng liều chết; có lòng liều chết thì vui đánh giặc mà lâm sự không sợ, xông vào giặc không lạnh lòng, dầu quân giặc trăm vạn cũng coi bé như nốt ruồi viên đạn mà thôi.

Tử tế là việc thường của binh gia, không có gì lạ. Nhưng dùng binh mà không tử tế (nhiệm nhật) thì cầu thả sơ hở, quân cơ rối loạn. Thái sơn ở trước mắt mà không trông thấy, sấm sét dậy bên tai mà không nghe thấy, làm sao có thể cử động cho đúng được.

Thanh liêm thì không ham lợi. Lợi là mối đầu của hại, là triệu bại vong, cho nên *Binh pháp* nói “Ngày đi trăm dặm để xô về lợi thì què thượng tướng, ngày đi năm chục dặm để xô về lợi thì quân đến có một nửa”, có phải sai đâu. Quân mà thanh liêm thì dầu giặc ngày ngày đem cho vàng ngọc bữa bãi cũng không thèm, đứng thẳng mà nhìn vào, nữa là manh tâm cướp bóc! Đây là việc binh cơ kiêm việc nhân nghĩa. Cho nên quân cơ lấy điều này làm điều cuối cùng.

PHÉP DẠY QUÂN ĐÁNH GIẶC

Phàm ngày thường ước thúc, tất có quân cơ; đánh giặc xâm lăng, cũng có kế sách. Nếu không có kế sách thì trong lúc vội vàng làm sao có thể ứng biến được. Cốt yếu có 15 phép: Một là qua chỗ hiểm phòng nguy; hai là xét nắp phục; ba là phòng nước đục; bốn là qua cầu phải cẩn thận; năm là dùng lửa chống lửa; sáu là lấy nhàn đợi nhọc; bảy là lấy nhọc chế nhàn; tám là nhọc nhàn đắp đổi;

chín là hư trương thanh thế; mười là tránh chỗ thực đánh chỗ hư; mười một là lấy hư làm thực; mười hai là lấy thực làm hư; mười ba là phòng gian xét biến; mười bốn là chọn đất lập dinh; mười lăm là cẩn thận thiên thời.

Điều thứ nhất. Ví như lấn vào cõi giặc, gặp chỗ đồng bằng rộng rãi thì nên kết trận. Nếu gặp núi sông hiểm trở, thì sai ngay quân kiêu kỵ du binh đi trước. Nếu thấy gò cao rậm rạp, núi hang gấp ghềnh, thì tiến quân từ từ tiến chậm để đợi hậu quân, không được cách tuyệt gián đoạn. Đây là yếu lược qua hiểm phòng nguy.

Điều thứ hai. Nếu như đường cái dễ tiến; cũng sai du binh lên chỗ núi gò cao, tả hữu tiền hậu xem xét kỹ càng, nếu thấy chỗ nào chim chóc bay lên, vượn chồn chạy loạn, hoặc cây cỏ không gió mà động và bụi đất mù trời, dưới chỗ ấy hẳn có phục binh, thì du binh quay về báo cho chủ tướng, dừng xe kết trận mà đóng lại, để đợi xem thế giặc làm sao. Đây là yếu lược xét nắp phục.

Điều thứ ba. Như mới vào chỗ đất lạ, nước suối cũng nên cẩn thận. Nếu mình chưa quen thủy thổ, không nên uống nước là một; sợ quân giặc ở trên dòng bỏ thuốc độc vào nước là hai; nước lạ mình chưa rõ tính không nên uống là ba; mùa hè nóng nực, khí độc nghi ngút, nước tự trên cao chảy xuống, hoặc sắc đen mà nhiều hoa, hoặc sắc đỏ mà nhiều chất phèn, hoặc đục mà mùi chua mặn, cũng không nên uống là bốn; hoặc mùa đông mưa lũ, dưới núi nhiều khe và mạch nước phun ra, lá cây cỏ ngấm nát thành độc, cũng không nên uống là năm; hoặc đất ấy sông núi có

nhiều rắn độc cỏ độc, cũng không nên uống là sáu. Nếu bắt đắc dĩ phải uống, thì sai quân chọn chỗ đất vàng, đào xuống 3 thước, lấy một hòn đất và hùng hoàng, chu sa, mỗi thứ 1 lạng, bạch phần 1 đồng cân, cam thảo 3 đồng cân, muối một ít, đều tán nhỏ ra bỏ vào nước khuấy đều, mỗi người uống lót dạ một chén, rồi thì sau tha hồ uống nước cũng không trúng độc. Đây là yếu lược phòng nước độc.

Điều thứ tư. Vào sâu cõi giặc, gần đến đường xung yếu, chợt thấy đất mới, trên đất cỏ khô như cháy, thì ở dưới chỗ ấy ngờ có trá nguy gì, phải dò xét kỹ lưỡng, rồi mới nên đi. Nếu đi qua cầu cống của giặc, thì trước lấy đồ nặng mà chất lên thử rồi mới nên đi, không cẩn thận như thế thì sợ xảy ra tai nạn sụp đổ. Đây là yếu lược qua cầu.

Điều thứ năm. Hỏa công không cần phải đợi mặt trăng phạm vào các sao Cơ Tắt Dục Chấn cũng được; nếu giặc ở dưới gió ta ở đầu gió cũng có thể dùng được. Nếu ta ở dưới gió, giặc ở đầu gió phóng lửa xuống, thì ta cũng phóng lửa ngay, lửa của giặc đến nơi, lửa của ta đã tắt, ta nên nhắm chỗ đất đen (chỗ đã đốt cháy) mà tránh, giặc dùng hỏa công cũng không làm gì được. Đây là điều cốt yếu lấy lửa chống lửa.

Điều thứ sáu. Xuất chiến phải xét địa hình, cho nên người đánh giỏi tất trước chiếm địa lợi, bày thành thế trận để đợi ra quân. *Binh pháp* nói “Người giỏi đánh khiến người đến mà không bị người khiến đến”, là nghĩa thế đấy. Nếu quân giặc mới đến, cò trống chưa

nghiêm, binh mã chưa chỉnh, thì chia quân mà đánh gấp. Cho nên *Binh pháp* nói “Đánh như nước sông vỡ, đánh như sấm động vang”, cũng là nghĩa ấy. Nếu như đằng trước có gò cao rừng núi, thì quân ta chiếm ngay lấy để làm địa lợi, nếu có giao chiến thì lấy đấy làm chỗ phục binh, nếu có cấp bách thì lấy đấy làm quân tiếp viện, để tiện yên ủi người ngựa của ta. Đây là yếu lược lấy nhàn đợi nhọc.

Điều thứ bảy. Nếu quân giặc trước chiếm được địa lợi, hoặc núi rừng gò đồng, hoặc đồng bằng nội rộng, mà quân ta mới đến, vội vàng chưa yên, chớ giao chiến ngay. Tức chia quân làm dương binh, nghi binh, là kế thay đổi nhau ra đánh, để chống quân giặc, đợi đến khi ngày gần tối, giặc mỗi một đói khát, quân muốn đánh mà tướng do dự, tướng muốn đánh mà quân dùng dằng, bấy giờ ta mới gấp sai du binh tiến thẳng lên chỗ kín bên núi mà phao tin là đánh trại giặc hoặc đi cướp lương giặc, thế thì tình giặc càng ngờ vực, lòng quân bối rối, thế trận rối ren. Bấy giờ ta đem súng và tên lửa, nổ khỏe, cung cứng mà đánh, đánh tả đánh hữu, đánh trước đánh sau, khiến cho quân giặc đầu đuôi không cứu được nhau. Đây là yếu lược lấy nhọc chế nhàn.

Điều thứ tám. Hai bên bày trận đánh nhau, quân giặc khỏe mạnh, một tiến một lui, làm kế thay đổi nhau ra vào để quấy quân ta, mà quân ta thì mỗi nhọc đói khát, không thể đánh được, thế thì ta chia quân ngay làm ba đội: Đội thứ nhất làm dương binh,

một thuận một nghịch, vừa đánh vừa giữ, để chống quân giặc. Đội thứ hai làm nghi binh, nghiêm chỉnh cờ xí, chiêm trống đánh luân, để hộ vệ quân trước. Đội thứ ba thì đặt nồi nấu cơm, bếp mỗi ngày một thêm và chứa lương cỏ để dùng gấp, ngày đêm cắt lượm. Thế là quân giặc cắt lượm nhau ta cũng cắt lượm nhau. Như thế thì dẫu giặc đánh đêm đánh ngày quân ta cũng không mệt. Đây là yếu lược nhọc nhàn đáp đối.

Điều thứ chín. Trại giặc liên lạc dài rộng, mà binh ngựa có ít, thế là giặc hư trương thanh thế. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp, hoặc đợi đến đêm mà cướp trại giặc; gấp sai quân giữ đường xung yếu để phòng nó đến chụp mình. Đây là yếu lược hư trương thanh thế.

Điều thứ mười. Hai trận tương đương, thế như nắm sừng nhau, thì ta dòm giặc mà đánh trước là được. Cho nên người giỏi đánh đánh vào lúc không ngờ, đánh vào chỗ không phòng, hoặc cắt lương của địch, hoặc chặn viện của nó, hoặc để nó đương sang sông mà đánh, hoặc đợi nó mệt mỏi tán loạn mà đánh, hoặc chặn nguồn lấy nước, hoặc chặn cả bốn ngã đường, đều do một lòng liệu định mà thôi. Cho nên *Tôn tử* nói “Người giỏi đánh động ở trên chín tầng trời, tránh chỗ thực đánh chỗ hư”, là nghĩa thế đấy.

Điều mười một. Quân ta mới thắng, thế giặc hơi suy, mà có tin gió thổi động cờ xí, thì đêm ấy nên phòng giặc cướp trại. Nên gấp sai du binh đi trước

phục chặn đường giặc về, rồi sai tinh binh mai phục ở chỗ kín hai bên đường. Còn ở trong trại thì giả làm thể yếu, hoặc cờ xí rối loạn, hàng ngũ bừa bãi, giặc ắt cho là ta kiêu mà không phòng bị, cứ xông vào không ngờ gì. Bấy giờ ta phát hiệu lệnh một tiếng, quân phục đều nổi dậy, quân giặc tất bị trói hết. Đây là yếu lược lấy hư làm thực.

Điều mười hai. Quân giặc đóng trại lâu ngày, chợt một hôm bếp nấu thêm nhiều, tất là giặc sắp bỏ trại mà trốn, cho nên giả thêm bếp nấu để đánh lừa ta. Ta lập tức sai du binh mai phục chỗ đường hiểm yếu, đợi giặc qua mà đánh, thế nào cũng được. Đây là yếu lược lấy thực làm hư.

Điều mười ba. Quân gian biến trá nhiều mối, cần phải xem xét, phạm tể tác gian dối, làm cho lòng quân sinh biến, tất là trong có cơ mưu. Hoặc dùng văn tự chế nhạo, hoặc lấy cây cỏ làm điềm tin, hoặc dùng ngôn ngữ mà thí dụ, hoặc dùng tiếng chim muông, các cơ mưu ấy là đáng sợ. Nên dùng một vài người tâm phúc, cho lẻn vào trong quân giặc giả làm bè đảng mà thám thính hư thực, thì biết cơ biến. Đây là yếu lược phòng gian xét biến.

Điều mười bốn. Chọn đất đóng dinh, cần phải cẩn thận, cho nên người trí tướng đóng đồn đóng dinh tất chọn địa lợi. Như trước có thủy đạo, vận tải lưu thông, bên tả có núi cao, bên hữu có đồng bằng, thì có thể đóng quân được. Nếu là chỗ sông hồ ngòi khe, bốn mặt quanh co, thì không nên đóng trại, sợ quân giặc

cắt đứt đường đi thì tiến lui không thông. Cho nên người trí tướng hành binh, không hướng vào gò cao, không đón dòng nước, đằng trước có nước không tiến, đằng sau có khe không lui, hoặc bãi sông bên tả liền sang gò bên hữu, hoặc một bên gò núi một bên sông hồ, đất ấy đều kiêng kỵ. Đây là yếu lược chọn đất đóng dinh.

Điều mười lăm. Nếu lập trại, về mùa xuân hạ không nên đóng gần chỗ cây cỏ rậm rạp, sợ giặc tiến đánh hỏa công. Về mùa thu đông không nên đóng gần chỗ núi cao khe suối, sợ giặc thừa thế nắm nước mà chụp quân ta. Việc hành binh cũng nên cẩn thận. Đây là yếu lược cẩn thận thiên thời.

PHÉP GIỮ THÀNH CHỐNG GIẶC⁽¹⁾

Phàm binh là hung khí. Thánh nhân nói “Lâm sự thì lo nghĩ, hay mưu mới thành công”. Phàm lúc ngày thường, hiệu lệnh nghiêm minh, quân cơ tập thuộc, thì đến lúc lâm sự, không đến hoang mang luống cuống, mà lúc giữ thành không đến nổi hổng việc. Cho nên người trí tướng lập dinh đóng trại, trước hết phải nghiêm hiệu lệnh. Như trại nào có giặc đánh vào thì trại ấy trước nổi hiệu trống để các trại khác cũng nổi hiệu trống, làm thanh thế mà ứng xa; trại nào không có giặc thì chỉnh bị binh mã

⁽¹⁾ Lược trích phần cuối cùng của chương “Thủ thành” sách **Võ kinh tổng yếu**, Tiền tập, quyển 12.

để ứng cứu. Điều ấy đã thành lệ rồi. Trong lúc vội vàng, cơ nhanh như trở bàn tay, nếu không chuẩn bị thì một chốc một lát, dinh trại đã không phải của mình rồi. Cho nên dinh nào có giặc đến trước thì dùng ngay hoả phong, hỏa pháo, hỏa tiễn mà chống. Nếu quân giặc đến sát dưới thành thì dùng móc sắt móc bay mà ném, cái gì cũng phải chuẩn bị trước. Nếu giặc đem rơm cỏ lấp hào thì ta đem tên lửa quả lửa mà bắn để đốt những rơm cỏ và khí giới bằng gỗ của giặc. Giặc bắc thang mây leo lên thành, thì ta đem gỗ đá ném xuống, bắn xuống, đốt lò nấu chảy sắt mà rót xuống, hoặc lấy vôi bột giã nhỏ mà vung xuống, hoặc ống cát, thuốc độc mà vãi xuống. Nếu quân giặc như kiến leo thành, thì dùng dùi sắt răng sói mà đánh. Nếu giặc tay bám vào tường mà leo, thì dùng cái dùi liềm mà đánh, hoặc lấy búa mà chặt tay giặc. Nếu giặc dùng xe húc mà phá thành thì ta dùng vòng sắt, vòng gỗ, dầu rái mà chống. Nếu giặc dùng thang bầu vào thành mà lên, thì ta dùng chàng nặng mà chống. Nếu giặc dùng lửa gỗ mà đục thành thì ta dùng xa trục, dùi sắt, đuốc đuôi én mà phá. Nếu giặc bắn súng đạn thì ta căng màn vải mà chế. Nếu giặc dùng địa đạo mà đến đánh, thì ta dùng phép nghe dưới đất, đào giếng mà đón, dùng hoả cầu, pháo tích lịch và binh khí tạp mà hại. Nếu giặc lên lầu cao mà xuống thành thì ta dùng hoả thương hoả tiễn mà đốt, hay là dùng ống thuốc độc mà tưới. Nếu giặc dùng hoả công mà đốt thành thì

ta dùng túi nước, ống đất mà ném xuống, và dùng chổi gai giấp bùn mà chế. Nếu giặc đốt cửa thành thì ta dùng cát ướt mà giấp. Nếu giặc phá nữ tường đất thì ta dùng nữ tường gỗ mà chống. Nếu giặc đánh phá cửa thành thì ta dùng xe súng xe gươm mà chống. Các phương trên này, cái gì cũng rõ ràng đầy đủ, đây là phép của cổ nhân, một bên đánh một bên giữ. Nhưng thừa thế khác nhau, xưa nay khác lối, cho nên người trí tướng lâm cơ ứng biến, mầu nhiệm là ở trong lòng, cũng không nên khư khư câu nệ. Tôn tử nói “người giỏi giữ giấu ở dưới chín lần đất”, lời ấy thực là diệu vậy.

YẾU LUẬN VỀ ĐỊA THẾ⁽¹⁾

Phàm người làm tướng, trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý. Thiên văn là biết vận độ của nhật nguyệt tinh thần⁽²⁾, biết then máy âm dương rét nóng để rõ manh mối họa phúc, điềm triệu lành dữ. Địa lý là biết sự biến di của chim muông cây cỏ, biết thế hiểm dễ của núi sông hang khe, để đặt phục ra kỳ, lập dinh đóng trại. Không như học giả đời sau học thiên văn chỉ câu chấp ngày giờ tốt xấu mà không biết biến thông, học địa lý chỉ câu nệ long hổ xà tước mà không biết hình thế.

⁽¹⁾ So sánh với các chương “Cửu địa” và “Lục hình” của sách **Võ kinh tổng yếu**, Tiền tập, quyển 9.

⁽²⁾ Nhật nguyệt tinh thần: Mặt trời mặt trăng và các vì sao.

Trước có người bạn hỏi tôi rằng: Địa lý là gì? Tôi đáp rằng: Địa thì có mười kiểu. Bốn kiểu xấu, sáu kiểu tốt. Bốn kiểu xấu là thế nào? Một là đất thiên kháo, hai là đất tử phách, ba là đất tử trụ, bốn là đất tử ngục. Trong bốn đất ấy dầu có trí tướng ở vào đấy cũng không làm thế nào được.

Bạn nói: Xin nghe hình thế những kiểu đất ấy.

Tôi đáp: Phàm bốn bề đồng bằng, kiểu giữa có thung lũng thì gọi là thiên kháo; nên kiêng cửa thung lũng mà đừng đóng dinh, sợ giặc đánh bốn mặt mà không có lối tiến lui. Còn chỗ bốn phương là nội rộng, trong có một núi một thung lũng thì gọi là song thiên kháo, đất ấy thì kiêng đầu núi, chỗ đóng dinh, sợ giặc tự đằng sau qua núi mà ta mất chỗ hiểm, tiến lui đều khó, sẽ bị giặc bắt. Chỗ nào tha ma mộ địa thì gọi là đất tử phách, sĩ tốt ban đêm hay hoảng hốt, rồi sinh bệnh tật, đó là âm cảm sinh ra. Chỗ nào bốn bên bằng phẳng, giữa có gò cao hình như cái chậu úp thì gọi là đất tử trụ, chỗ đóng dinh, một là sợ bốn phương sương gió, hai là sợ bốn mặt bị giặc. Chỗ nào bốn bề đều có gò núi, ở giữa bằng phẳng hình như cái chậu ngửa, thì gọi là đất tử ngục, chỗ đóng dinh, sợ giặc dựa cao mà đánh xuống.

Sáu kiểu đất tốt là gì? Một là thông địa, hai là quai địa, ba là chi địa, bốn là ải địa, năm là hiểm địa, sáu là viễn địa. Chỗ nào bốn phương đều có đường sá đi lại được thì gọi là thông địa. Đất này có thể dựa vào mà đóng trại, sau có đường lương, mà tiện đường viện binh.

Các ngã đường tắt thì cần phải quan phòng, đừng cho giặc ngầm đến. Chỗ nào quân dễ đi mà khó lại thì gọi là quai địa. Đất này thì sai người thám thính quân giặc, nhân lúc giặc không phòng bị mà ta đánh úp thì có thể phản khách làm chủ, giặc tiến lui đều khó mà sẽ bị bắt. Chỗ nào hai bên xuất chiến đều bị bất lợi thì gọi là chi địa. Nếu có giặc trước đến khiêu chiến là giặc nhử ta, ta không nên đánh, ta nên lấy nhàn mà đợi nhọc, đợi quân giặc đến gần trại ta, ta đem quân sinh lực ra đánh, thì tất là thắng. Đóng quân ở cửa thung lũng mà hai bên đều có núi cao thì gọi là ải địa. Gặp chỗ này lập tức chia quân kết trận mà giữ cửa thung lũng để đợi quân giặc xung đột. Nếu giặc trước chiếm đất ấy, thì ta nên kết trận ở ngoài cửa thung lũng, hai bên tả hữu đều đặt quân phục, đợi giặc ra cửa thì ta đón mà đánh, hẳn là phải thắng. Còn như ở chỗ cao mà đánh xuống thấp, giữ chỗ để đánh chỗ nguy, thì gọi là hiểm địa. Gặp đất này thì nên chiếm trước làm lợi. Nếu giặc chiếm được trước thì ta lui đi, đợi cơ giặc, không nên giao chiến. Nếu hai quân cách nhau rất xa, thì gọi là viễn địa. Nếu quân giặc khiêu chiến thì tất có quân phục, ta nên cẩn thận.

Hình thế mười kiểu đất ấy là đại lược của binh gia, còn như những điều nhỏ nhặt thì không thể nói hết. Ví như chỗ gần núi cao cũng không nên đóng, là sợ trong núi có quân phục; nếu là bên cây rừng rậm rạp cũng không nên đóng, là sợ bốn phương có quân phục. Còn như đường trước núi non khuất khúc thì không nên khinh tiến; đường sau núi non chắn ngang, thì

không nên tiến gấp, đặt phục mà giữ, phòng quân giặc chặn sau lưng ta. Và như trước mặt hai bên đều có núi ngăn trở, nếu quân ta đóng ở đất ấy thì gấp sai du binh dò thăm đường khe bốn phía, cùng các đường tắt, đặt phục mà giữ, để phòng giặc ngấm đến đánh ta, như thế mới là thượng sách. Cho nên đạo làm tướng tắt lấy địa lý làm đầu.

Bạn ta nói: Mầu nhiệm thay! Ta phải viết lấy. Vậy có thơ rằng:

Thăng vân trí tướng thiện hành binh.

Thập pháp chi trung vật tự khinh.

Khoáng dã bình nguyên nghi kết trận;

Y sơn bàng thủy khả an dinh

Dương sư tu tảo phòng hung địa;

Chấn lũ vuơ đương chiếm địa hình.

Viễn cận hiểm di tâm tận quát;

Phong trần nhất tảo trừ phương danh.

(Nay xem trí tướng khéo hành binh; Mười phép trên này chớ tự khinh. Nội rộng đồng bằng nên kết trận; Dựa non bên nước khá bày dinh. Đóng quân trước hết phòng hung địa; Cắm trại càng nên chiếm địa hình. Hiểm dễ xa gần lòng thấu suốt; Phong trần quét sạch để phương danh).

HẾT

MỤC LỤC

Trang

Giới thiệu	5
Tiểu sử Trần Quốc Tuấn	22
Tiểu sử Đào Duy Từ	28
Thuyết minh về bản dịch	31

BINH THƯ YẾU LƯỢC

QUYỂN I:	I. Thiên tượng	38
	II. Kén mộ	42
	III. Chọn tướng	43
	IV. Đạo làm tướng	51
	V. Kén luyện	82
	VI. Quân lễ (Phụ: Thượng phạt)	95
	VII. Tuyển người làm việc dưới trướng	98
	VIII. Đồ dùng của binh	101
	IX. Hiệu lệnh	114
QUYỂN II:	I. Hành quân	122
	II. Hướng đạo	145
	III. Đồn trú	147

	IV. Tuần canh	180
	V. Quân tư	184
	VI. Hình thế	188
	VII. Phòng bị	196
	VIII. Điểm về việc binh	202
	IX. Phép dùng gián điệp	203
	X. Dùng cách lừa dối	208
QUYỂN III:	I. Liệu thế giặc	212
	II. Quyết chiến	248
	III. Đặt kỳ	270
	IV. Dã chiến	285
	V. Sơn chiến	289
	VI. Thuỷ chiến	296
	VII. Lâm chiến	331
QUYỂN IV:	I. Đánh thành	334
	II. Giữ thành	371
	III. Xông vây	428
	IV. Ứng cứu	430
	V. Lui đánh	432
	VI. Thắng và đặt phục	433
	VII. Phép nhận hàng	435
	HỒ TRƯỞNG KHU CƠ	
Tựa.		445
QUYỂN I:	Tập thiên	448
	Tổng luận về cơ yếu binh pháp	448

	Thiên hoả công	450
	Thiên thuỷ chiến	462
	Thiên bộ chiến	475
	Thiên giữ trại	490
	Lời tổng bình về Tập Thiên	500
QUYỂN II:	Tập địa	503
	Yếu chỉ bàn về trận	503
	Các phép trận	506
	Yếu luận về giáo trường diễn trận	546
	Yếu pháp phá trận	550
	Tổng bình về Tập Địa	551
QUYỂN III:	Tập nhân	553
	Yếu chỉ về tướng	553
	Phép chọn tướng luyện binh	558
	Yếu luận về quân cơ	664
	Phép dạy quân đánh giặc	565
	Phép giữ thành chống giặc	571
	Yếu luận về địa thế	573

BINH THU YẾU LƯỢC

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN DIỄN

Chịu trách nhiệm nội dung

PHÙNG THIÊN TÂN

Biên tập: HOÀNG ANH

Trình bày: NGUYỄN THỊ DUNG

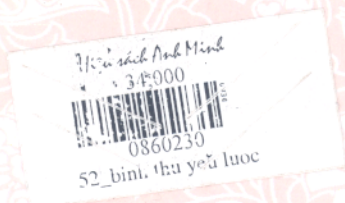
Vẽ bìa: VĂN SÁNG

Sửa bản in: DUY HOÀNG

In 800 cuốn khổ 13x19 cm tại Xí nghiệp in Sơn La. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 53/507-CXB.
In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2002.

TRẦN HƯNG ĐẠO
(Vương hủy TRẦN QUỐC TUẤN)

BÌNH THƯ YẾU LƯỢC



Ảnh bìa 1: Tượng đài Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Vương TRẦN QUỐC TUẤN
tại TP. Nam Định

GIÁ: 52.000Đ